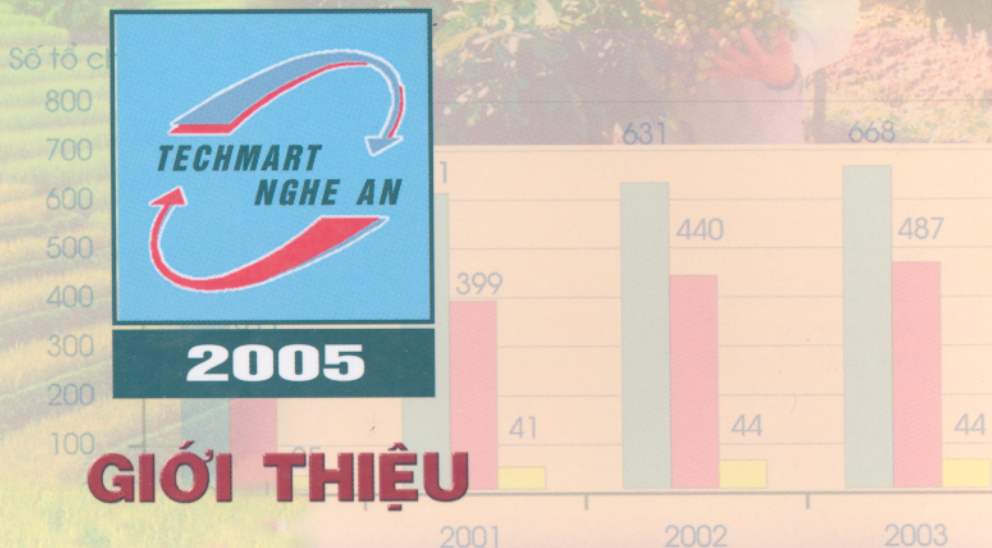


UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN
KH&CN QUỐC GIA

UBND TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ CÓ THỂ CHUYỂN GIAO

(Tài liệu phục vụ Chợ công nghệ và thiết bị Bắc Trung bộ
Nghệ An - Tp.Vinh, Techmart Nghe An - 2005)

13/05 - 15/05/2005





DOANH NGHIỆP KHOA HỌC SẢN XUẤT DỊCH VỤ ĐỨC TIẾN

Địa chỉ : Tiểu khu Bô Bun, thị trấn nông trường Mộc Châu, tỉnh Sơn La. **Tel:** 022.769288
Văn phòng giao dịch tại Hà Nội: 27 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội * **Tel:** 04.8243993 / **Fax:** 04.9361001

Tôn chỉ hoạt động: Tổ hợp gồm các thành viên say mê nghiên cứu khoa học không vì mục tiêu lợi nhuận mà dùng các hoá chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, gây ô nhiễm môi trường, môi sinh

Chúng tôi đã nghiêm túc đầu tư nghiên cứu và sản xuất thành công lúa gạo năng lượng có chất lượng cao (không sử dụng hoá chất) với mục tiêu phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ hội nhập và phát triển bền vững.

Lĩnh vực hoạt động:

a) Nghiên cứu khoa học:

- Tổ chức: Bộ phận nghiên cứu khoa học bao gồm: GS:3, PGS:6, TS:12, thạc sỹ:3, KS:3 là các chuyên gia hàng đầu, có kinh nghiệm lâu năm về các lĩnh vực nghiên cứu chăn nuôi, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, cây trồng và bảo vệ môi trường môi sinh. Chúng tôi đã có nhiều tổ hợp như: Tổ hợp nghiên cứu khoa học và dịch vụ sản xuất gạo năng lượng, Tổ hợp nghiên cứu khoa học và dịch vụ ngô và đậu tương năng lượng...

- Nghiên cứu ứng dụng:

+ Nghiên cứu và ứng dụng năng lượng sinh học trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Tư vấn kỹ thuật trồng lúa, rau và các loại nông sản sạch bằng năng lượng sinh học.

+ Chuyển giao công nghệ: đào tạo kỹ thuật sản xuất nông sản sạch an toàn; chuyển giao công nghệ sản xuất nông sản sạch.

b) Tổ chức sản xuất:

Trong nền kinh tế bền vững, chúng tôi cho rằng việc sản xuất được các sản phẩm nông sản sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là rất quan trọng. Hiện nay, chúng tôi đang sản xuất gạo sạch bằng năng lượng sinh học. Giá bán gạo này cao hơn giá bình thường, trong khi đó giá thành sản xuất gạo lại thấp hơn so với phương pháp thông thường nên được nông dân ở những nơi ứng dụng rất hoan nghênh.

c) Kinh doanh: mua bán, đại lý, sản xuất và chế biến nông, lâm, sản (thức ăn gia súc, gia cầm, lương thực, thực phẩm, vật tư nông nghiệp); Chăn nuôi gia cầm, sản xuất và kinh doanh bao bì.

Kết quả hoạt động:

Đã chuyển giao áp dụng công nghệ này cho 8 cơ sở sản xuất

- Được huy chương vàng Hội chợ Best food 2004.

- Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm do Cục vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế cấp.

- Đã được vào báo cáo kết quả với Đại tướng Võ Nguyên Giáp



GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ CÓ THỂ CHUYỂN GIAO

(Tài liệu phục vụ Chợ công nghệ và thiết bị Bắc Trung Bộ - Nghệ An
Techmart Nghe An 2005)
Tp. Vinh, từ 13/5 đến 15/5/2005

Cơ quan chủ trì, bảo trợ:

- Bộ Khoa học và Công nghệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An
- Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh

Đơn vị thực hiện:

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An
- Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia
- Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh

Hà Nội, 5/2005

Các tổ chức và cá nhân có yêu cầu liên quan đến các công nghệ, thiết bị hoặc dịch vụ tư vấn công nghệ có thể chuyển giao đã được giới thiệu trong tài liệu này và các yêu cầu khác về thông tin thị trường công nghệ, xin liên hệ:

. Tại Hà Nội:

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Tel: 84-4-9342945; Fax: 84-4-9349127

Email: techmart@vista.gov.vn

Website: <http://www.techmartvietnam.com.vn>

. Tại Nghệ An:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NGHỆ AN

Số 75 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 84-38-833613; 84-38-598312; Fax 84-38-598478

Email: pqlcn_nghean@yahoo.com

Website: <http://www.techmartnghean.gov.vn>

. Tại TP. Hồ Chí Minh:

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP.HCM

Số 79 Trương Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84-8-82558857 ext 503/308 Fax: 84-8-8291957

Email: techmart@cesti.gov.vn

Website: <http://www.techmart.cesti.gov.vn>

Cơ quan thực hiện:

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

. Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Tạ Bá Hưng

. Biên tập: Ths. Cao Minh Kiểm, Ks. Nguyễn Văn Điển, Ths. Lê Khánh Vân,
Ks. Lê Văn Thân

. Chế bản: Tào Hương Lan, Trần Mai Lan

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích tổ chức Chợ Công nghệ và Thiết bị (Techmart) Quốc gia, khu vực và địa phương nhằm tạo lập và phát triển thị trường công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức "Chợ Công nghệ và Thiết bị Bắc Trung Bộ-Nghệ An 2005" (Techmart Nghệ An 2005) từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 5 năm 2005 tại Trung tâm Văn hóa Thông tin Nghệ An, Tp. Vinh, Nghệ An.

Đây là lần đầu tiên, Chợ Công nghệ và Thiết bị qui mô khu vực, mang tính đa ngành, đa lĩnh vực được tổ chức tại khu vực Bắc Trung Bộ.

Tại Techmart, Ban Tổ chức tạo mọi điều kiện để các tổ chức, cá nhân gặp gỡ, trao đổi, thương thảo trực tiếp với các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp - những nơi sản sinh ra các ý tưởng công nghệ, các công nghệ và thiết bị phục vụ cho yêu cầu đầu tư phát triển.

Với mục đích đó, Ban Tổ chức biên soạn và giới thiệu tập tài liệu này nhằm giúp các đối tác tra cứu và tìm kiếm dễ dàng các đơn vị tham gia Techmart Nghe An 2005 và các công nghệ, thiết bị và sản phẩm được giới thiệu tại Techmart Nghe An 2005. Ngoài ra, người đọc có thể tìm kiếm và tra cứu những thông tin hữu quan khác trên mạng Internet theo địa chỉ: <http://www.techmartvietnam.com.vn>

Chúng tôi hy vọng tập tài liệu này sẽ giúp ích cho người đọc trong giao dịch, tìm kiếm những thiết bị, công nghệ và các đối tác cần thiết để đẩy mạnh quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường công nghệ ở nước ta nói chung và thị trường công nghệ ở khu vực Bắc Trung Bộ nói riêng.

T/M BAN TỔ CHỨC

TS. Tạ Bá Hưng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN KH&CN QUỐC GIA

MỤC LỤC

	Trang
1. Lời giới thiệu	1
2. Mục lục	2
Phần I . Các đơn vị cung cấp công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ	3
Phần II. Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ	74
I- Công nghệ, thiết bị và giải pháp phần mềm	
1. Cơ khí Chế tạo - Tự động hoá - Điện tử	75
2. Công nghệ thông tin - Viễn thông	225
3. Dệt may - Da giày	244
4. Giao thông vận tải đô thị	247
5. Khai thác - Chế biến khoáng sản	248
6. Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thuỷ sản	249
7. Chế biến thực phẩm và đồ uống	273
8. Vật liệu xây dựng - Gốm sứ - Thuỷ tinh - Hoá chất	316
9. Xử lý môi trường	338
II- Dịch vụ Khoa học và Công nghệ	
1. Cơ khí Chế tạo - Tự động hoá điện tử	352
2. Công nghệ thông tin - Viễn thông	357
3. Dệt may - Da giày	359
4. Dịch vụ, tư vấn KH&CN	360
5. Giao thông vận tải đô thị	367
6. Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thuỷ sản	368
7. Chế biến thực phẩm và đồ uống	372
8. Vật liệu xây dựng - Gốm sứ - Thuỷ tinh - Hoá chất	373
9. Xử lý môi trường	377
Phần III: Bảng tra cứu	379
Bảng 1: Tra cứu theo tên đơn vị cung cấp công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ.	380
Bảng 2: Tra cứu theo tên công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm	384
Bảng 3: Tra cứu theo tên dịch vụ	404

PHẦN I

CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, GIẢI PHÁP PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ

**001: BỘ MÔN MÁY XÂY DỰNG XẾP DỖ VÀ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC
NGHIỆM MÁY XÂY DỰNG - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Tel: 04.8332260 **Fax:** 04.8342413

Địa chỉ: Nhà T2, Trường Đại học Giao thông vận tải, Đống Đa, Hà Nội

Giám đốc: PGS.TS Nguyễn Bình

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sửa chữa- Thử nghiệm và chuyển giao công nghệ các máy và thiết bị thông dụng trong lĩnh vực máy xây dựng; Tư vấn đầu tư thiết bị, khai thác các máy xây dựng xếp dỡ đạt hiệu quả cao.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và KHKT tiên tiến vào lĩnh vực, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, khai thác máy xây dựng; Đào tạo nâng cao nghiệp vụ về máy và khai thác máy xây dựng.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao::

- | | |
|---|-----------|
| 1. Trạm trộn bê tông nhựa nóng năng suất 104- 120 tấn/giờ | Vn292/1 |
| 2. Trạm trộn bê tông nhựa nóng năng suất 80 tấn/giờ | VN292/1 |
| 3. Trạm trộn bê tông nhựa nóng TCB- 600CK | VN29542/1 |

002: BUƯ ĐIỆN TỈNH NGHỆ AN

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- 1- Thiết bị và các dịch vụ viễn thông

003: CÔNG TY CAO SU VIỆT – TRUNG

Địa chỉ: Thị trấn nông trường Việt Trung – huyện Bồ Trạch – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất cao su mù cốm chất lượng cao
2. Công nghệ xử lý và sản xuất đồ gỗ cao cấp từ gỗ rừng trồng

004: CÔNG TY COSEVCO 6

Tel: 052.825031

Địa chỉ: Phường Đồng Mỹ – TP. Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất gạch áp lực bloc

005: CÔNG TY CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ VINAPPRO

Tel: 061.931330

Fax: 061.836418

E-mail: vinapro@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hoà- TP.Biên Hoà- tỉnh Đồng Nai

Giám đốc: Mai Đức Bàn

Chức năng nhiệm vụ chính: Sản xuất các loại động cơ diesel từ 6-30 mã lực, động cơ xăng, máy phát điện, máy xay xát, bơm nước, rulo cao su, phụ tùng máy các loại... Thiết kế và gia công các loại máy công tác theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp phụ tùng cho các ngành cơ khí, nông lâm ngư nghiệp;

Lĩnh vực hoạt động: Áp dụng thiết kế và công nghệ của Nhật Bản tăng thêm chủng loại động cơ và nâng công suất từ 6-15 mã lực lên 6-30 mã lực; Thay đổi công nghệ sản xuất rulo cao su bằng cách trang bị thêm thiết bị trộn; Đầu tư dây chuyền sản xuất động cơ xăng và nghiên cứu tận dụng các thiết bị vào việc sản xuất động cơ diesel; Đang thực hiện dự án nâng cao sản lượng động cơ lên 20.000 cái/năm và nâng cấp phân xưởng đúc đạt sản lượng 15.000 tấn/năm; Đầu tư máy tiện NC và CNC trong sản xuất

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao::

- | | |
|---|-----------|
| 1. CỎI LÚT HW -60A | VN 293/1 |
| 2. MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP | VN293/1 |
| 3. Động cơ DIESEL 5- 30 HP dùng cho Máy cày, bơm nước, máy phát điện, máy công tác, ghe thuyền, máy công nghiệp | 29111/921 |
| 4. Cối xát gạo RP- 700, RP- 1000 (Rice Polisher) | 293/920 |
| 5. Giàn tạo oxy (Dùng cho nuôi tôm) | 292/922 |
| 6. Máy bơm nước các loại: CE2, CE3, CE4, T30, BN140, BN165, BN180 | 2912/923 |

006: CÔNG TY CƠ KHÍ TÂN HIỆP LỰC

Tel: 08.8558061;

Fax: 08.9553216

E-mail: tanhiepluc@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: 186 Dương Tử Giang, P.4, Q.11, TP.HCM

Giám đốc: Đặng Phong

Chức năng nhiệm vụ chính: Chuyển giao công nghệ, thiết kế và chế tạo thiết bị trong ngành giày dép, túi xách, mũ, nón, cao su và nhựa. Sản phẩm, dịch vụ KH-KT-CN đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất giày dép; thiết bị cho ngành cao su và nhựa; khuôn mẫu cho ép phun.

Lĩnh vực hoạt động: Chuyển giao công nghệ, thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và gia công chính xác.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao::

- | | |
|-----------------------------------|-----------|
| Tủ sấy nóng | VN29543/1 |
| Tủ sấy lạnh | VN29543/1 |
| Thùng sấy điện điều khiển tự động | VN29543/1 |
| Nồi hấp | VN29543/1 |
| Máy tháo Form thủy lực | VN29543/1 |

Máy tán ô dê	VN29543/1
Máy sấy nóng chân không	VN29543/1
Máy đóng nhãn nóng	VN29543/1
Máy định hình đế trong	VN29543/1
Máy định hình mũ giày tự động	VN29543/1
Máy định vị	VN29543/1
Máy nhúng sơn	VN29543/1
Máy đánh bóng giấy	VN29543/1
Máy dập cắt thuỷ lực	VN294033/1
Máy mài đứng	VN294031/1
Máy mài cạnh để tốc độ cao	VN29543/1
Máy lăn sơn trục Pu	VN29543/1
máy hút bụi kiểu túi	VN292314/1
Máy hút bụi kiểu Cyclone	VN292314/1
Máy gò mũi	Vn294042/1
Máy gò hậu	VN294042/1
Máy bôi keo mũ giày	VN29543/1
Máy bôi keo Latex	VN29543/1
Máy cắt huỷ để giấy thuỷ lực	VN294042/1
Máy bôi keo tổng hợp	VN29543/1
Băng tải xoay kiểu đứng	VN2874/1
Băng tải thanh tròn	VN2874/1
Máy cà để trục ngang	VN294042/1
Hệ thống ép phun Eva	VN294042/1
Băng tải thanh dẹp	VN2874/1
Máy cán lăn định hình lá cửa	VN294033/1
Băng tải lưới	VN2874/1
Hệ thống máy ép định hình lạnh Eva	VN294042/1
Máy dập cắt thuỷ lực đầu di động	VN294033/1
Máy dập cắt thuỷ lực đầu tự cân bằng	VN294033/1
Băng tải cao su	VN25134/1
Máy ép chữ thập	VN294034/1
Máy dập đầu tay quay	Vn294033/1
Máy ép đế giày nữ	VN294034/1
Máy dán vải	VN29543/1

Máy ép thuỷ lực	Vn294034/1
Máy ép thuỷ lực công suất 200 tấn	VN294034/1
Máy đập thuỷ lực	VN2940/1
Máy ép toàn phần 6 chiều	VN2940/1
Máy ép để phẳng một vị trí.	VN03/331
Máy ép để trong khí nén.	VN03/334
Máy trộn keo	VN29/355
Máy băm eva	VN29/356
Máy cắt huỷ để giày thuỷ lực	VN29/359
Máy sấy nóng chân không.	VN29/360
Máy luyện kín cao su.	VN29/361
Máy đánh bóng giày.	VN29/366
Máy viên nắp lon.	VN29/367
Máy in lụa khô A4.	VN29/370
Hệ thống băng chuyền sấy lạnh di động.	VN29/376
Hệ thống ép phun eva.	VN29/377
Hệ thống băng chuyền sấy lạnh cố định.	VN29/381
Máy ép thuỷ lực 200 tấn.	VN29/347
Máy ép nhiệt thuỷ lực	VN29/349
Máy ép lưu hoá cao su	VN29/353

007: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ

Tel: 039.858115.

Địa chỉ: Số 143 đường Hà Huy Tập, thị xã Hà Tĩnh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Các sản phẩm thuốc chữa bệnh

008: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sản phẩm Dược là kết quả các đề tài khoa học

**009: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN QUỐC GIA**

Tel: 038.594176.

Địa chỉ: Số 7 khối 10- Phường Trường Thi- Vinh.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Xây dựng trang Website và các phần mềm quản lý khác
2. Phần mềm Website
3. Phần mềm kế toán
4. Phần mềm vật tư
5. Phần mềm bán hàng
6. Phần mềm quản lý khách sạn
7. Phần mềm quản lý nhân sự
8. Phần mềm quản lý Nông vụ

010: CÔNG TY CỔ PHẦN MISA

Tel: 04-7627891 **Fax:** 04-7629746 **E-mail:** office@hcm.misa.com.vn

Địa chỉ: 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. VPĐD tại TP. HCM: 7 Nam Quốc Cang, Q1, HCM (ĐT:08-9254221)

Giám đốc: Lữ Hồng Chương

Chức năng nhiệm vụ chính: Triển khai phần mềm quản lý kế toán doanh nghiệp và hành chính sự nghiệp; Thiết kế Website cho doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp; Tư vấn và hỗ trợ khách hàng; Tiếp thị và phát triển thị trường.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Chương trình phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME 7.1 VN722/1

011: CTY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Tel: 04-5120374 **Fax:** 047762142 **E-mail:** sales@greenseraphin.com

Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà nội

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Công nghệ xử lý triệt để rác thải không chôn lấp, tái chế hoàn toàn sử dụng cho xây dựng, giao thông điện lực, thủy sản VN0390/223

012: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN LÂM

Địa chỉ: Tân Xuân, Cam Thanh, Cam Lộ - Quảng Trị

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ Xử lý nước thải chế biến cà phê bằng công nghệ UASB
2. Sản phẩm Cà phê, tiêu

013: CÔNG TY CỔ PHẦN HUETRONIC

Tel: 054.846146. **Fax:** 054.826021

Địa chỉ: Số 05-07 Hoàng Hoa Thám - Huế

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy vi tính thương hiệu VIETCOM
2. Phần mềm quản lý mạng

014: CÔNG TY CỔ PHẦN THÊ KỸ MỚI

Tel: 054.863658/863389. **Fax:** 054.863381

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Bài, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

015: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ GIÁO DỤC HỒNG ĐỨC

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Thiết bị, dụng cụ, bàn ghế cho giảng dạy, phòng thí nghiệm

016: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRÌ VIGLACERA

Tel: . 0210.844813 **Fax:** 0210.848743

Giám đốc: Trần Quốc Khánh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

017: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC

Tel: .038.590741

Địa chỉ: 65 Lê Hồng Phong, Vinh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sách, thiết bị giáo dục dùng cho các ngành học mầm non, trung học, trung học phổ thông
2. Thiết bị trang bị nội thất học đường

018: CÔNG TY DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH

Tel: .052.822475

Địa chỉ: Phường Bắc Lý – TP.Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ chiết xuất tinh dầu trầm
2. Ứng dụng công nghệ mới sản xuất thuốc chữa bệnh từ nguyên liệu trong nước

019: CÔNG TY ĐIỆN TỬ - TIN HỌC - VIỄN THÔNG

Tel: .038 822673

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh Khai , Vinh, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Quản lý kế toán doanh nghiệp
2. Thiết bị truyền hình cable
3. Máy tính và thiết bị mạng
4. Chương trình tự sản xuất

020: CÔNG TY ĐÔNG TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Km 8 Quốc lộ 9, Đông Hà, Quảng Trị

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ Hệ thống lọc bụi nước lắp đặt sau các hệ thống hiện có của xi măng lò đứng
2. Sản phẩm phân NPK, thủy sản

021: CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ BÌNH MINH

Tel: 04-6252056

Fax: 04-6252054

E-mail: sunriseco@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 64 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Giám đốc: Nguyễn Hồng Hải

Chức năng nhiệm vụ chính: Buôn bán, lắp ráp các thiết bị tin học phần cứng, phần mềm); Đào tạo, chuyển giao công nghệ; Tư vấn xây dựng

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Phần mềm kế toán thiết kế chuyên dụng cho các đơn vị xây lắp

VN300113/1

022: CÔNG TY GIỒNG VÀ CÂY TRỒNG QUẢNG BÌNH

Tel: 052.822245.

Địa chỉ: Phường Bắc Lý – TP. Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ tuyển chọn và xử lý giống lúa chất lượng cao

023: CÔNG TY GÓM SỮ COSEVCO 11

Tel: 052.513900.

Địa chỉ: Xã Quảng Trường – huyện Quảng Trạch – Quảng Bình.

Giám đốc:

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất bột sữa cao lanh

024: CÔNG TY KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tel: 8513731

Fax: 5118391 **E-mail:** stepro@vol.vnn.vn

Địa chỉ: 2/8 Tây Sơn, Hà Nội

Giám đốc: Nguyễn Thị Bích Khuê

Chức năng nhiệm vụ chính: Thiết kế, chế tạo lắp đặt hệ thống xử lý môi trường nước thải CN, BV, lò đốt chất thải CN... ; Đánh giá tác động môi trường, thực hiện các dự án KHCN&BVMT; Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000; ISO 14000, ISO 17025; Cung cấp phần mềm tin học trong quản lý hành chính; Cung cấp hoá chất, vật tư TBKHK, ĐLKN, MT, TH, Y tế, khí tượng thủy văn.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Lò đốt chất thải nguy hại ST80 | VN90/1 |
| 2. Công nghệ khoan phụt cao áp (Bê tông đất- xi măng đất) | VN2666/1 |
| 3. Lò đốt chất thải | VN90002/1 |
| 4. Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện | VN9000/1 |
| 5. Bể xử lý chất thải sinh hoạt | VN9001/1 |
| 6. Nhà vệ sinh công cộng xử lý vi sinh đạt tiêu chuẩn môi trường | VN9001/1 |
| 7. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp | VN9000/1 |
| 8. Tư vấn mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm | VN7414/275 |
| 9. Tư vấn hệ thống quản lý môi trường ISO 14.000 | VN7414/273 |
| 10. Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 | VN7414/274 |
| 11. Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025 | VN7414/272 |
| 12. Các phần mềm quản lý hành chính nhà nước dùng cho công tác văn thư lưu trữ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. | VN722/268 |

13. Dịch vụ Khoa học và Bảo vệ môi trường: Đánh giá tác động môi trường, thực hiện các dự án KHCN và BVMT, Cung cấp các hoá chất, vật tư, thiết bị khoa học kỹ thuật, đo lường kiểm nghiệm, môi trường, tin học y tế, khí tượng thủy văn VN731013/195

025: CÔNG TY HOÁ CHẤT CAO SU COSEVCO

Tel: 052.836992.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tây Đồng Hới - TP. Đồng Hới - Quảng Bình.

Giám đốc:

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ zeolit-dùng nguyên liệu thạch nham xử lý hồ nuôi tôm
2. Công nghệ tuyển quặng dolomit năng suất cao
3. Công nghệ sản xuất men xử lý chất thải BIO-WC

026: CÔNG TY LÂM NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG SƠN

Tel: .039.876240

Địa chỉ: Khối 4 thị trấn Phố Châu, Hà Tĩnh

Giám đốc:

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sản phẩm mây tre đan

027: CÔNG TY LIÊN DOANH XE MÁY VINASIAM

Tel: 052.837828.

Địa chỉ: Phường Bắc Lý – TP.Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ và thiết bị sử dụng năng lượng gió phục vụ nuôi tôm công nghiệp

028: CÔNG TY MÁY NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM - VIKYNO

Tel: (061) 837138 **Fax:** (061) 837224

E-mail: vikyno@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: KP1, P. Bình Đa, Biên Hòa – Đồng Nai

Giám đốc: Nguyễn Văn Vũ

Chức năng nhiệm vụ chính: Sản xuất các loại động cơ diesel từ 5 – 26 mã lực, động cơ xăng từ 5,5 – 13 mã lực, máy phát điện, máy bơm nước, máy gặt lúa xếp dây, máy xay sát... và các thiết bị phục vụ ngành nông lâm ngư nghiệp; Thiết kế và gia công các loại máy móc theo đơn đặt hàng của khách

hàng; Cung cấp phụ tùng cho thị trường.

Lĩnh vực hoạt động: - Thực hiện mạnh mẽ nhiệm vụ cơ giới hóa nông nghiệp nông thôn, phối hợp cùng các Sở ban ngành các địa phương thực hiện chương trình đầu tư máy nông nghiệp cho người dân để phát triển sản xuất; - Phối hợp các viện nghiên cứu (Viện Công nghệ Tổng Cty VEAM,...), các trường kỹ thuật (Đại học Nông Lâm, Bách khoa,...) nghiên cứu chế tạo các loại máy móc phù hợp đồng ruộng và tập quán canh tác ở Việt Nam như: máy chặt mía,... và đẩy mạnh hợp tác OEM với các doanh nghiệp cùng ngành đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào phục vụ sản xuất; - Áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ sản xuất hiện đại, toàn bộ hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:1996, đảm bảo sản phẩm có chất lượng ổn định nhất và góp phần xây dựng thương hiệu sản xuất sạch và xanh của Việt Nam; - Thực hiện dự án nâng cao sản lượng động cơ 40.000 cái vào năm 2006. Sản phẩm, Dịch vụ đã thực hiện cung cấp, chuyển giao: Các sản phẩm phục vụ nông lâm ngư nghiệp theo công nghệ Kubota (Nhật Bản) như: Động cơ diesel từ 5 - 25 mã lực, Động cơ xăng từ 5,5 - 13 mã lực, Máy xới tay, máy cày 4 bánh, Máy gặt lúa xếp dây, Máy phun thuốc, Máy phát điện từ 2 - 12 kW, Máy xay xát lúa gạo, Bơm nước từ 16 - 250 m3/giờ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Bơm nước VIKYNO: bơm ly tâm đẩy cao, bơm ly tâm tự mồi, bơm ly tâm | VN291221/1 |
| 2. Cối lức | VN295313/1 |
| 3. Cối chà bóng | VN295313/1 |
| 4. Máy gặt lúa xếp dây kiểu MCL-120 | VN293234/1 |
| 5. Máy phun thuốc kiểu MPT-260 | VN293234/1 |
| 6. Máy cày tay | VN293111/1 |
| 7. Động cơ Diesel Model RV | VN291111/1 |
| 8. Hệ động cơ Diesel EV | VN291113/1 |
| 9. Máy phát điện MF Series | VN31101/1 |
| 10. Động cơ Diesel Model KND5B | VN293/1 |
| 11. Động cơ Diesel Model D9 | VN291111/1 |

029: CÔNG TY MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM XANH

Tel: 08.8428383/8494970

Fax: 08.8494176

E-mail: vnxbn@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: D3 Nguyễn Hồng Đào, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM

Giám đốc: Nguyễn Thị Phong Nguyên.

Chức năng nhiệm vụ chính: Hoạt động trong lĩnh vực công nghệ môi trường. Chuyển giao công nghệ môi trường; Tư vấn, thiết kế, thi công các công trình bảo vệ môi trường cho các tổ chức, đơn vị sản xuất.

Lĩnh vực hoạt động: Tư vấn, thiết kế, thi công công trình cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải lỏng, rắn, khí, tiếng ồn, Xử lý chất thải nguy hại; Duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước; Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thi công cơ giới; Dịch vụ tư vấn về môi trường, kiểm soát ô nhiễm, đánh giá, khảo sát môi trường; Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ; Cung cấp máy móc, hóa chất, thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|--------|
| 1. Hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất giấy | VN90/1 |
|---|--------|

- | | |
|--|------------|
| 2. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò đúc đồng, bụi... | VN90/1 |
| 3. Hệ thống xử lý khí thải | 2924/993 |
| 4. Hệ thống xử lý mùi | 292314/994 |
| 5. Hệ thống xử lý nước thải nhuộm | 2924/998 |
| 6. Hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất giấy | 2924/997 |
| 7. Hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến thủy sản | 2924/996 |
| 8. Hệ thống xử lý nước cấp nhiễm phen sắt | 2924/995 |
| 10. Dịch vụ công nghệ môi trường: Tư vấn thiết kế, lập hồ sơ xét duyệt và đánh giá tác động môi trường, kiểm nghiệm mẫu, xử lý chất thải nguy hại. Công nghệ sản xuất sạch hơn, giám sát ô nhiễm công nghiệp. Tư vấn nguồn vốn đầu tư môi trường, Thi công xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn, thông gió,... | 90/182 |

030: CÔNG TY PHẦN MỀM KẾ TOÁN BRAVO

Tel: 04-7762472 **Fax:** 04-7762470 **E-mail:** bravo@fpt.vn

Địa chỉ: 48 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Giám đốc: Phạm Trung

Chức năng nhiệm vụ chính: Công ty Cổ phần Kế toán BRAVO là một doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các phần mềm tin học và đặc biệt là phần mềm kế toán

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|--------------|
| 1. Phần mềm Kế toán BRAVO | VN72202/1 |
| 2. Dịch vụ: Cài đặt, hiệu chỉnh chương trình theo yêu cầu, đào tạo sử dụng và bảo hành phần mềm BRAVO | VN722022/198 |

031: CTY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG Á ĐÔNG (ASIA TECH)

Tel: 08-8445436 – 08-8454697; **Fax:** 08 8454697; **E-mail:** asiotech@asiotech.com.vn

Địa chỉ: 336B/2 Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Trần Mạnh Trung

Chức năng nhiệm vụ chính: Công ty phát triển công nghệ và môi trường Á Đông hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, lắp đặt, vận hành, bảo trì, nâng cấp, thủ tục nghiệm thu cấp phép hệ thống xử lý nước thải, khí thải công nghiệp; Xử lý nước sinh hoạt, nước giếng, nước tinh khiết, nước cấp ngành dược, nước rửa thủy sản. Thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại. Lập báo cáo đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục vay vốn giảm thiểu ô nhiễm. Cung cấp thiết bị bơm: bơm định lượng, bơm chìm, đĩa phân phối, máy phát ozone công nghiệp...

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Thiết bị máy phát Ozone công nghiệp và dân dụng	VN2924/1
2. Thiết bị bơm định lượng	VN2912/1
3. Sơn nền công nghiệp Epoxy	VN2430/1
4. Đĩa phân phối khí Thái Lan	VN2924/1
6. Xử lý nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện, chợ, cộng đồng dân cư	VN90/244
7. Xử lý khí thải	VN90/242
8. Xử lý nước cấp, nước giếng (nhiễm phen, nhiễm mặn,...), nước sinh hoạt, nước tinh khiết đóng chai, nước cấp cho ngành dược (GMP)	VN41/243
9. Dịch vụ đo đạc, lập báo cáo giám sát môi trường lao động	VN731/241
10. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường)	VN731/240

032: CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGHỆ AN

Tel: 038 594568

Địa chỉ: 39 Lê Hồng Phong- Thành Phố Vinh- Nghệ An

Giám đốc:

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Giải pháp xây dựng cổng thông tin điện tử (TS Portal)
2. Phần mềm xây dựng và quản trị Website
3. Phần mềm quản trị bán hàng

033: CÔNG TY QUE HÀN HỮU NGHỊ VÀ XÂY LẬP CƠ KHÍ

Tel: 0210.844813

Fax: 0210.848743

Địa chỉ: Phường Nông Trang, Tp.Việt Trì, Phú Thọ

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Hoàn nguyên Inmênite trong sản xuất vỏ bọc que hàn

034: CÔNG TY SẢN XUẤT & DỊCH VỤ KHOA CÔNG NGHỆ THỦY SẢN

Tel: 08.8234475

Fax: 08.8238472

Địa chỉ: 116 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ chế biến các sản phẩm đồ hộp thủy sản
2. Công nghệ chế biến các sản phẩm hun khói thủy sản
3. Công nghệ chế biến patê gan cá, xúc xích thủy sản
4. Công nghệ sản xuất mắm ruốc ăn liền

5. Công nghệ sản xuất sản phẩm khô cá ướp gia vị từ một số loài cá có giá trị kinh tế thấp
6. Công nghệ sản xuất sản phẩm mực xào hỗn hợp
7. Công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá từ các nguồn cá tạp
8. Công nghệ và thiết bị sản xuất chao tôm
9. Công nghệ và thiết bị sản xuất thức ăn cho baba
10. Công nghệ và thiết bị sản xuất thức ăn nuôi tôm
11. Dây chuyền công nghệ thiết bị sản xuất thức ăn nổi cho cá

035: CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG

Tel: 04.9719249

Fax: 04.9719541

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Công Trứ, Hà Nội

Giám đốc: Phạm Văn Thắng

Chức năng nhiệm vụ chính: Chức năng nhiệm vụ chính của công ty là sản xuất, gia công kim loại và sản xuất, gia công bao bì phục vụ nông nghiệp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất gia công các cấu kiện thép, hợp kim, kim loại; sản xuất cung ứng các loại bao bì phục vụ nông nghiệp. Sản phẩm chính: Thiết bị chuồng lồng cho chăn nuôi; bao bì bao polyme, bao dứa

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ và thiết bị sản xuất bao bì

VN2522/1

036: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THÂN NÔNG

Tel: 5143491

Địa chỉ: 42B ngõ 278 Phố Thái Hà.

Giám đốc: Trịnh Thị Thanh

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về cây trồng. Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp. Sản xuất giống cây trồng

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|----------|
| 1. Mô hình 3 vụ cây lương thực đạt năng suất năm từ 20-25 tấn/ha (phía Bắc Việt Nam), từ 30-35 tấn/ha/năm, ở vùng có tưới trong mùa khô (phía Nam Việt Nam) và có đê bao mùa mưa | VN0111/1 |
| 2. Phương pháp trồng ngô mật độ cao | VN0111/1 |
| 3. Giống lúa thơm ngắn ngày năng suất siêu cao (110-115 ngày, năng suất 8-10 tấn/ha) | VN0111/1 |
| 4. Phương pháp trồng xen ngô vào đất trồng lạc chuyên canh, ngô đạt năng suất trên 3 tấn/ha, lạc bằng năng suất từ 2-2,5 tấn/ha trở lên (giải quyết vấn đề lương thực cho vùng trồng lạc) | VN0111/1 |

5. Chuyển giao công nghệ bằng độc quyền sáng chế "phương pháp trồng ngô mật độ cao đạt năng suất bình quân từ 8-10 tấn/ha với mật độ 8-10 cây/m² cho sản xuất đại trà VN0141/208

037: CÔNG TY TNHH ANH DŨNG

Tel: 8582637

Fax: 8582637 **E-mail:** ahdu@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: 376/56B Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Trần Ban

Chức năng nhiệm vụ chính: Cung cấp công nghệ trong các ngành chế biến nhựa và chế biến thực phẩm; Mua bán vật tư, nguyên liệu máy móc thiết bị có liên quan; Chế tạo máy móc ngành thực phẩm và ngành nhựa. Nghiên cứu các quy trình công nghệ chế biến thực phẩm, nhựa; Nghiên cứu phát triển các máy móc thiết bị phục vụ chế biến thực phẩm và nhựa.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Thiết bị làm bánh kẹo | VN2953/1 |
| 2. Dây chuyền thiết bị phục vụ công nghiệp nước giải khát | VN2953/1 |
| 3. Dây chuyền chế biến thịt | VN1512/1 |
| 4. Dây chuyền rửa, xử lý trái cây xuất khẩu | VN1533/1 |
| 5. Dây chuyền chế biến cá | VN15201/1 |
| 6. Máy đóng gói bột hạt tự động | 292421/988 |
| 7. Máy đóng gói chất lỏng tự động | 2924/989 |
| 8. Máy đóng nắp chai bán tự động và tự động | 2924/990 |
| 9. Máy xay thực phẩm ướt | 292/992 |
| 10. Máy đóng gói liên tục FFS | VN2924/425 |
| 11. Máy dán nhãn đa năng tốc độ cao AD2 | VN2924/427 |
| 12. Công nghệ và dây chuyền thiết bị chế biến kẹo sôcôla | 295/985 |
| 13. Dây chuyền thiết bị chế biến cacao- sữa uống liền | 295/986 |
| 14. Máy chiết rót chai nhiều đầu dạng thẳng (6,8 hoặc nhiều hơn) | 292/987 |
| 15. Máy vô chai bán tự động, và tự động dạng thẳng | 292/991 |

038: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHÂU TUYẾT

Tel: 052.829489

Địa chỉ: Phường Hải Đình – TP.Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ ấp trứng baba nhân tạo

039: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH THÁI LÚA VIỆT NAM

Tel: 8526034

Địa chỉ: E5, P 115 Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.

Giám đốc: PGS.TS Thái Duy Ninh

Chức năng nhiệm vụ chính: buôn bán phân bón vi lượng, đa nguyên tố, hữu cơ, sinh học. Chuyển giao công nghệ chế biến phân bón vi lượng, đa nguyên tố, phân bón hữu cơ sinh học; Chuyển giao công nghệ xử lý ao, đầm, chuồng trại, nhằm làm sạch môi trường. Nghiên cứu sử dụng xác hữu cơ làm phân bón hiệu quả thông qua lên men. Tư vấn cho các đơn vị cơ sở nông- lâm nghiệp, phát triển kinh tế trang trại

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | | |
|----|--|----------|
| 1. | Quy trình sử dụng các nguyên tố vi lượng trong trồng trọt VN | VN2415/1 |
| 2. | Quy trình sử dụng công nghệ vi sinh trong trồng cây, làm tăng hiệu quả thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy hải sản. | VN011/1 |

040: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG

Tel: 7722871

Fax: 7722870

E-mail: info@commandag.com.vn

Địa chỉ: Tầng 7 Toà nhà 14 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Giám đốc: Đỗ Chính

Chức năng nhiệm vụ chính: Buôn bán, lắp đặt thiết bị điện hạ thế, điện tử, điện điều khiển và thiết bị đo lường; Dịch vụ kỹ thuật ngành tự động hoá: sửa chữa ảo hành, bảo trì nâng cấp, buôn bán thiết bị cơ khí, thiết bị điện trung hạ thế; dịch vụ ngành cơ khí và điện trung thế; Thiết kế tư vấn và chuyển giao công nghệ ngành cơ khí và tự động hoá

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | STT | Tên công nghệ và thiết bị | Mã số |
|-----|---|-----------|
| 1 | Hệ thống điều khiển tự động hoá, hệ thống quản lý tự động hoá, thiết bị điện, thiết bị đo lường, hệ thống camera giám sát | VN/1 |
| 2 | Dịch vụ: Kỹ thuật cao cho ngành Điện, tự động hoá. | VN743/217 |

041: CTY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG NÔNG

Tel: 9605651

Fax: 9605651 **E-mail:** trungnongseed@walla.com

Địa chỉ: 8/8 Minh Phụng, P.5, Q.6, TP.HCM

Giám đốc: Tô Thành Trung

Chức năng nhiệm vụ chính: Sản xuất và kinh doanh giống cây trồng; Sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu, lai tạo, sản xuất các giống cây trồng cho năng suất cao, chất lượng ngon, chống chịu tốt với sâu bệnh và điều kiện môi trường. Sản phẩm dịch vụ đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Hạt giống rau F1: 2 giống ớt cay F1, 8 giống dưa hấu F1, 2 giống bí đao F1, 2 giống

khô qua F1.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Dịch vụ cung cấp quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và giống các loại rau, hoa màu VN0112/261

042: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG LĨNH

Địa chỉ: 52 Nguyễn Gia Thiều- Hưng Dũng- TP Vinh- Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Thiết bị lọc nước tinh khiết
2. Hệ thống xử lý nước tinh khiết
3. Hệ thống xử lý nước giếng khoan

043: CTY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SAO CƠ

Tel: 4037354 **Fax:** 8729383 **E-mail:** info@saoco.net

Địa chỉ: B1-B2-18/3 Kha Vạn Cân, KP5, P.Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức

Giám đốc: Lương Ngọc Dũng

Chức năng nhiệm vụ chính: Tư vấn- sản xuất- chế tạo- chuyển giao công nghệ ngành: tự động hoá, điện- điện tử, hoá học, môi trường, cơ khí. Sản phẩm dịch vụ có thể cung cấp chuyển giao: Lò hơi, lò tôi, lò ủ, lò nhiệt (các loại lò điều khiển nhiệt độ), công nghệ nhiệt luyện, dây chuyền mạ nhựa, dây chuyền mạ kim loại, mạ kẽm nhúng nóng, dây chuyền rót chất lỏng tự động, máy đóng gói tự động (cả chất bột và chất lỏng), máy mài cốt cam tự động, sơn tĩnh điện, hệ thống điện điều khiển, máy đóng nắp chai tự động, máy dán nhãn tự động, dây chuyền sản xuất cà phê.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Máy đóng nắp chai bán tự động và tự động | 29242/1 |
| 2. Máy đóng gói tự động | VN29242/1 |
| 3. Máy dán nhãn đa năng, tốc độ cao | VN295316/1 |
| 4. Lò điều khiển nhiệt độ | 2921/1 |
| 5. Dây chuyền sản xuất cà phê | 295316/1 |
| 6. Hệ thống điều khiển ngôi nhà thông minh | 33207/1 |
| 7. Dây chuyền chiết rót chất lỏng | 292/1007 |
| 8. Dây chuyền mạ | 285/1006 |

044: CÔNG TY TNHH MEGA

Tel: 061 993215

Fax: 061 993216

E-mail: scada_ha@yahoo.com

Địa chỉ: 6 Xã lộ Hà Nội, P.Long Ninh, Biên Hòa

Giám đốc: Ninh Sơn Hà

Chức năng nhiệm vụ chính: Tư vấn - thiết kế - chế tạo - lắp đặt; Hệ thống xử lý môi trường: nước cấp, nước thải, khí thải ...; Công nghệ và thiết bị chuyên ngành chế biến lương thực thực phẩm, thủy hải sản; Hệ thống điều khiển tự động các qui trình sản xuất công nghiệp. Lĩnh vực hoạt động: Môi trường: xử lý nước cấp, nước thải, khí thải,...; Công nghệ và thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm; Tự động hóa.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|---------------|
| 1. Thiết bị chiên chân không | VN295316/1165 |
| 2. Máy rang tự động | VN295315/1164 |
| 3. Máy phát ozone- ứng dụng | VN29241/1163 |
| 4. Máy lọc nước RO | VN292412/1162 |
| 5. Máy ghép mí lon bán tự động | VN295316/1161 |
| 6. Hệ thống lọc nước cấp | VN292412/1160 |
| 7. Dây chuyền sản xuất nước uống điện giải 100- 1.000 lít/h | VN1598/1159 |
| 8. Công nghệ và thiết bị tăng đậm nước mắm | VN15871/1157 |
| 9. Dây chuyền chiết rót và đóng nắp | VN295316/1158 |
| 10. Tư vấn- thiết kế- thi công- bảo trì các hệ thống xử lý nước thải | VN90/281 |

045: CÔNG TY TNHH QUY ĐỨC

Tel: 052.864144

Địa chỉ: Xã Đại Trạch – huyện Bố Trạch – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất nước mắm lên men Quy Đức

046: CÔNG TY TNHH SỨC KHOẺ VÀNG

Tel: 08.8342361 **Fax:** 08.8342361 **E-mail:** tuonglv@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: 181/3 Cách Mạng tháng 8, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Nguyễn Văn Lê

Chức năng nhiệm vụ chính: Sản xuất thực phẩm sức khỏe (thực phẩm chức năng), sản xuất lương thực- thực phẩm, mua bán xuất khẩu lương thực, thực phẩm chuyển giao công nghệ chế biến lương thực, sản xuất mua bán nước uống tinh khiết.

Lĩnh vực hoạt động: Chuyển giao công nghệ sản xuất chế biến lương thực- thực phẩm chức năng

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Công nghệ sản xuất các chế phẩm thực dưỡng từ cây nha đam (lô hội) Aloe vera | VN1533/297 |
|---|------------|

047: CÔNG TY TNHH SX-DV-TM THIẾT BẢO

Tel: 8355327

Fax: 8355327

E-mail: thietbao@saigonnet.vn

Địa chỉ: 115/865 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Chức năng nhiệm vụ chính: chuyên sản xuất, kinh doanh các loại máy móc thiết bị ứng dụng trong các ngành sản xuất quạt điện, động cơ điện, máy biến áp...

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|-----------|
| 1. Máy tự động quấn biến áp trụ và động cơ | VN29403/1 |
| 2. Máy tự động quấn dây biến áp hình xuyên MQOA-03 | VN295/1 |
| 3. Máy kiểm thử vạn năng Quạt bàn- quạt trần MKT-03 | VN295/1 |
| 4. Máy tự động quấn dây quạt trần MQQT-04 | VN292/1 |
| 5. Máy định hình bồi dây Stator động cơ MĐH-03 | VN295/1 |
| 6. Máy tự động quấn dây đa năng | VN292/1 |
| 7. Máy tự động quấn dây quạt bàn MQQB-03 | VN292/1 |

048: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHẦN MỀM VÀ TÍCH HỢP HỆ THỐNG THÔNG MINH

Tel: 04.5117785

Fax: 04.5117787

E-mail: sales@sisvn.com

Địa chỉ: 281 Tôn Đức Thắng, Đồng Đa, Hà Nội

Giám đốc: Lương Xuân Vinh

Chức năng nhiệm vụ chính: Công ty TNHH Sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống thông minh là một công ty chuyên sản xuất cung cấp và chuyển giao phần mềm và tích hợp hệ thống

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--------------------------------------|------------|
| 1. Phần mềm Kế toán quản trị SAS 5.0 | VN722022/1 |
|--------------------------------------|------------|

049: CTY TNHH TÂN VIỆT MỸ

Tel: 8161193

Fax: 8161193

E-mail: tanvietmy_01@yahoo.com

Địa chỉ: 333/20/44 Lê Trọng Tấn, P.16, Q. Tân Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Nguyễn Văn Quang

Chức năng nhiệm vụ chính: Sản xuất thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực tư vấn và chuyển giao công nghệ trong nhiều lĩnh vực như: Hệ thống cân - định lượng; sản xuất bột, tủ, ghế; sản xuất kem giặt theo công nghệ mới; xuất thức ăn công nghiệp cho gia súc....

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|----------|
| 1. Tủ hấp cơm tự động cho các bếp ăn tập thể | VN2971/1 |
|--|----------|

2.	Thiết bị lên men sữa chua và lên men rượu	VN1595/1
3.	Sản xuất xiro từ trái cây và xiro nhân tạo	VN15622/1
4.	Sản xuất mỡ bò bôi trơn và chống gỉ cho máy móc	VN24661/1
5.	Sản xuất các loại sữa chua, sữa cà phê, sữa ca cao, sữa cốm, sữa gấc...đóng bịch vô trùng	VN1551/1
6.	Sản xuất các loại nước trái cây, rau, củ (trong và đục) đóng chai hoặc bịch vô trùng	VN1532/1
7.	Sản xuất cà phê và ca cao sữa đóng chai vô trùng	VN15841/1
8.	Máy trộn vật liệu rời cho công nghệ sản xuất thực phẩm, dược phẩm, hoá chất và thức ăn gia súc	VN295316/1
9.	Máy đóng gói tự động	VN292421/1
10.	Máy đồng hoá	VN295316/1
11.	Máy đánh bột dẻo cho công nghệ sản xuất thực phẩm, dược phẩm, thức ăn gia súc...	VN295316/1
12.	Công nghệ sản xuất các loại nước canh (nước sốt, nước lèo) đóng bao vô trùng	VN15139/1
13.	Công nghệ sản xuất bơ nhân tạo	VN1543/1
14.	Máy ép các loại trái cây, rau, quả tươi thành bịch lỏng	VN295316/1
15.	Thiết bị và công nghệ khử trùng sữa, nước trái cây, rượu, bia, nước giải khát, nước hầm xương, thịt, cá... vô chai bằng nhiệt (Không sử dụng hoá chất, không dùng nồi hơi có áp lực)	332/1005
16.	Công nghệ sản xuất sơn tổng hợp	VN2430/322
17.	Sản xuất kem giặt theo công nghệ mới	VN2450/323
18.	Công nghệ sản xuất nước giặt	VN2450/325
19.	Sản xuất keo cổ áo cho ngành may mặc	VN2462/332
20.	Sản xuất sơn nước polyuretan (PU) một thành phần	VN2430/333
21.	Hệ thống cân, định lượng các chất lỏng rắn	VN3320/331
22.	Sản xuất chất phụ gia hỗn hợp cho kem giặt	VN2450/334
23.	Sản xuất thức ăn công nghiệp cho heo, bò	VN1570/340
24.	Sản xuất thức ăn công nghiệp cho tôm, cá, gà, vịt	VN1570/341
25.	Sản xuất sơn tĩnh điện dạng keo lỏng	VN2430/342
26.	Sản xuất ván ép từ gỗ vụn, dăm bào	VN2020/360
27.	Sản xuất nguyên liệu cho sơn sấy cao cấp từ nhựa Epoxy	VN3024/361
28.	Công nghệ sản xuất keo Epoxy đóng rắn nhiệt cho ngành nhựa	VN2414/366
29.	Sản xuất keo Epoxy cho ván ép từ gỗ vụn, dăm bào	VN2414/367
30.	Sản xuất phân phức hợp NPK và phân vi lượng	VN2415/368
31.	Sản xuất sữa đậu nành và sữa tươi vô trùng	VN1590/380

32	Sản xuất xà phòng bánh từ chất tẩy rửa tổng hợp (Las) cho Quân đội	VN2450/388
33	Sản xuất nguyên liệu cho nước giặt	VN2450/338
34	Sản xuất thịt và cá hộp cho người lao động thu nhập thấp	VN1513/339

050: CÔNG TY TNHH THÀNH TÂM

Tel: 038.533456

Địa chỉ: 15 Phan Bội Châu, Vinh- Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Phần mềm quản lý kế toán TVAT
2. Phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương, chấm công
3. Phần mềm quản lý Bán hàng quầy bar, Siêu thị
4. Phần mềm quản lý Khách sạn, Nhà hàng, Tổng đài điện thoại

051: CÔNG TY TNHH THẮNG LỢI

Tel: 9761588

Fax: 9761600

E-mail: victory@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 6 Hoà Mã, Hà Nội

Giám đốc: Nguyễn Trọng Khôi

Chức năng nhiệm vụ chính: Kinh doanh thiết bị khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của các hãng nổi tiếng trên thế giới. Công ty cung cấp các thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị trắc địa, đo lường xây dựng, thiết bị trường học, thiết bị y tế.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | | |
|----|--|------------|
| 1. | Thiết bị xây dựng trong các ngành: Xây dựng, thủy lợi, giao thông, địa chính... | VN295/760 |
| 2. | Thiết bị đo lường trong ngành điện-điện tử-viễn thông, giáo dục | VN3320/759 |
| 3. | Giới thiệu sản phẩm trắc đạc, GPS của hãng Topcon-Nhật Bản - Giới thiệu sản phẩm, máy móc thiết bị trong phòng thí nghiệm của hãng Humboldt-Mỹ | VN332/155 |
| 4. | Giới thiệu sản phẩm đo lường-Điều khiển, thiết bị đo điện-Điện tử-Y tế, giáo dục, viễn thông, cơ khí chế tạo | VN332/154 |

052: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ GIÁO DỤC HẢI NAM

Tel: 038 831831

Địa chỉ: 53 Nguyễn Thị Minh Khai, Vinh, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy tính thương hiệu Việt Nam CMS
2. Thiết bị dạy học đa phương tiện

053: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ XĂNG DẦU ĐỨC LINH

Tel: 038 842373

Địa chỉ: 34-36 Hồng Bàng, Lê Mao, Vinh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Cột bơm nhiên liệu, bồn bể chứa nhiên liệu các loại

054: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – SẢN XUẤT CHÂU PHÚ

Tel: 8498788 – 4088277

Fax: 8104699 **E-mail:** chauphuco@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: 36/48 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP.HCM

Giám đốc: Nguyễn Ngọc Châu

Chức năng nhiệm vụ chính: Thiết kế, chế tạo và lắp đặt các loại quạt công nghiệp và thiết bị xử lý khí thải công nghiệp; Các hệ thống thông gió, hút bụi, hút bụi, hút khói bếp, chống nóng; Các sản phẩm cơ khí công nghiệp.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|----------|
| 1. Buồng hút bụi sơn | VN2923/1 |
| 2. Thiết bị lọc bụi kiểu túi vải (Fabric Dust Collector) | VN29/271 |
| 3. Buồng phun sơn (Water Spray Booth) | VN29/282 |
| 4. Thiết bị lọc bụi kiểu túi vải rung giữ bằng khí nén (Fabric Pulse-Jet Dust Collector) | VN29/275 |
| 5. Thiết bị hút bụi di động (Dust Collector) | VN29/279 |

055: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT TÂN KỸ NGUYÊN

Tel: 8593686

Fax: 9505565

Địa chỉ: 17 Phan Phú Tiên, P.10, Q.5, TP.HCM

Giám đốc: Huỳnh Hồng Thông

Chức năng nhiệm vụ chính: máy ép phun nhựa, máy đùn thổi chai, máy đùn ống, máy kéo màng, các thiết bị phụ trợ trong ngành nhựa, các loại máy kéo sợi,...

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--------------------------------|-------------|
| 1. Máy đùn thổi chai PP/PE/PVC | CH2956/1106 |
| 2. Máy ép phun nhựa | CH2956/1105 |

056: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT MẠNH BẮC SƠN

Tel: 04.6332176

Fax: 8626429 **E-mail:** manhbs@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Ô 33, lô 2 Đền Lừ, Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Giám đốc: Lê Văn Mạnh

Chức năng nhiệm vụ chính: buôn bán máy móc thiết bị công nghiệp: Các loại máy bơm dùng trong công nghiệp hoá chất, thực phẩm, dầu khí, cấp thoát nước và xử lý nước thải: bơm ly tâm trục ngang, bơm hoá chất.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--------------------------------------|----------|
| 1. Bơm ly tâm dẫn đồng từ của FTI | VN2912/1 |
| 2. Bơm hoá chất từ thùng phi của FTI | VN2912/1 |
| 3. Bơm ly tâm trục ngang của FTI | VN2912/1 |

057: CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MAI XUÂN

Tel: 5894930 – 5894931

Fax: 9967677

Địa chỉ: 18B/18 Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP.HCM

Giám đốc: Mai Xuân Trúc

Chức năng nhiệm vụ chính: sản xuất phân bón lá, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, túi bao trái cây; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật nông nghiệp

Lĩnh vực hoạt động: Nông nghiệp. Sản phẩm, Dịch vụ đã thực hiện, cung cấp, chuyển giao: Ra hoa C.A.T; Đậu trái C.A.T; Dưỡng lá; Dưỡng trái; Food MX1,2,3,4,5; Túi bao trái cây; F. Bo Bột ra hoa, bột tốt rễ; Phân hữu cơ sinh học Nutrimix.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Quy trình công nghệ xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả cam- quýt- chanh- bưởi | VN011/1 |
| 2. Quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Vải thiều | VN011/1 |
| 3. Quy trình kỹ thuật Xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Na (mãng cầu dai) | VN011/1 |
| 4. Quy trình kỹ thuật Xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Xoài | VN011/1 |
| 5. Quy trình xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Nhãn lồng | VN011/1 |
| 6. Các loại chế phẩm xử lý ra hoa, đậu trái, nuôi trái cây ăn trái | 24203/1024 |
| 7. Quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa- đậu trái- nuôi trái cây ăn trái | 011/1025 |

058: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC VIỄN ĐÔNG

Tel: 9732253

Fax: 9732335 **E-mail:** inf@vnwebshop.com

Địa chỉ: 176/53B Hòa Bình, Q. Tân Phú, TP.HCM

Giám đốc: Trịnh Tuấn Hùng

Chức năng nhiệm vụ chính: ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Thiết kế và phát triển ứng dụng web; Lưu trữ website; Giải pháp thư điện tử và mạng; bảo trì, tư vấn; Cho thuê kỹ thuật viên; Quảng cáo, tiếp thị.

Lĩnh vực hoạt động: Mua, bán, gia công, sản xuất phần mềm; Mua bán, lắp ráp phần cứng; Tư vấn

cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Phần mềm bán hàng qua mạng

VN722/1

Phần mềm "Chợ doanh nghiệp"

VN722/1

News- Quản lý thông tin

VN72202/1

059: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC THẮNG

Tel: 0913579277

Địa chỉ: Cửa Phú – xã Bảo Ninh – TP. Đồng Hới – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Hệ thống thiết bị và công nghệ khai thác nước mặn lợ, tiết kiệm nước ngọt phục vụ nuôi tôm trên cát ven biển

060: CÔNG TY TRUYỀN THÔNG TÂM HUYẾT

Tel: 9137716

Fax: 8100803 **E-mail:** tamhuyetvn@yahoo.com

Địa chỉ: 155 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM

Giám đốc: Phạm Hoàng Hữu Bắc

Chức năng nhiệm vụ chính: Khảo sát, tư vấn, thiết kế, môi giới phần mềm. Sản xuất kinh doanh phần mềm đóng gói. Tích hợp hệ thống giữa máy tính và máy điện thoại (Phone- Soft). Sản phẩm: Giải pháp quản lý doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ; Giải pháp quản lý doanh nghiệp dệt may, da giày; Giải pháp tích hợp dữ liệu giữa điện thoại và máy tính

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Giải pháp quản lý khách sạn: E-Hotel 2004

VN722022/1

061: CÔNG TY TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ ĐỊA CHẤT TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ LASER VÀ MÔI TRƯỜNG MỎ-ĐỊA CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Tel: 04.7550428 **Fax:** 04.8389833 **E-mail:** btlan@yahoo.co.uk

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Giám đốc: GS.TSKH Bùi Học

Chức năng nhiệm vụ chính: Thử nghiệm, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của trường và những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực mỏ, địa chất, trắc địa, dầu khí. Tư vấn, thẩm định, kiểm định, khảo sát thiết kế các công trình khai thác mỏ, các công trình xây dựng, công trình cấp thoát nước và các công việc thuộc lĩnh vực mỏ, địa chất, trắc địa, dầu khí; Thi công các công trình xây dựng, công trình hạ tầng và kinh doanh sản phẩm, thiết bị vật tư kỹ thuật ngành mỏ- địa chất. Nghiên cứu tư vấn thiết kế giám sát và thẩm định các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp và các loại công trình khác. Thi công các công trình thủy lợi, giao thông,... Lập quy

hoạch đất nông nghiệp và nông thôn

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|---------|
| 1. Thiết bị Laser định hướng UMG 03-2004 | Vn295/1 |
| 2. Thiết bị Laser định hướng UMG 01-2004 | VN295/1 |
| 3. Thiết bị Laser định hướng UMG 04-2000 | VN295/1 |

062: CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT TÂN VIỆT

Tel: 04.9715528

Fax: 04.9715546

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Công Trứ, Hà Nội

Giám đốc: Vũ Việt Sơn

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Thiết bị phát thanh truyền hình

063: CÔNG TY VẠN LỘC

Địa chỉ: Xã Vạn Trạch – huyện Bố Trạch – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất đồ uống lên men Vạn Lộc

064: CÔNG TY VI SINH SÔNG GIANH

Tel: 052.512416

Địa chỉ: Thị trấn Ba Đồn – huyện Quảng Trạch – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất phân bón qua lá

065: CÔNG TY VÕ XÁ

Địa chỉ: Xã Võ Ninh – huyện Quảng Ninh – Quảng Bình.

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất đồ uống lên men Võ Xá

066: CƠ SỞ SẢN XUẤT GIỐNG CÂY ĂN TRÁI, HOA KIÈNG BA TRẬN HỘI LÀM VƯỜN TP. HỒ CHÍ MINH

Điện thoại: 08.8872969 (091871868)

Địa chỉ: 11/24 Ích Thạnh, phường Trường Thạnh, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Nguyễn Văn Trăn

Chức năng nhiệm vụ chính: Cung cấp giống cây ăn quả các loại như xoài cát Hoà Lộc, mít Tố Nữ, sầu riêng RI6...cho đối tượng là các nhà làm vườn và các nơi có nhu cầu trồng cây ăn quả.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Cung cấp giống cây ăn quả các loại

VN0113/277

067: DOANH NGHIỆP ĐỨC TIỀN

Tel: 022.769288 - 0912534587 **Fax:** 04.9361001

Địa chỉ: Tiểu khu Bó Bun, Thị trấn nông trường Mộc Châu, Tỉnh Sơn La

Giám đốc: Nguyễn Đức Tiền

Chức năng nhiệm vụ chính: Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất và chế biến nông lâm sản (thức ăn gia súc gia cầm, lương thực thực phẩm, vật tư nông nghiệp; chăn nuôi gia cầm.

Lĩnh vực hoạt động: chuyên môn nghiên cứu năng lượng sinh học ứng dụng trong lĩnh vực nông lâm, ngư nghiệp

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sản xuất gạo bằng phương pháp không sử dụng hoá chất độc hại. VN0141 /1
Không bón phân hoá học không thuốc trừ sâu, diệt cỏ.
2. Dịch vụ: Ứng dụng năng lượng sinh học trồng lương thực nông sản, thực phẩm sạch VN0141/216

068: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

Tel: 031.735973 **Fax:** 031.798173 **E-mail:** quanghieu0611@yahoo.com

Địa chỉ: 16/293 Lạch Tray, khu dân cư số 1, phường Dư Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng

Giám đốc: Nguyễn Quang Hiếu

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng khoa học và Công nghệ; Hợp đồng dịch vụ khoa học: chuyển giao công nghệ, đổi mới thiết bị thiết kế sản phẩm mới, cung cấp thông tin, tư vấn kỹ thuật, lập dự án.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Thiết bị tưới phun VN2932 /1
2. Thiết bị trồng cây trong cát sỏi VN2932 /1
3. Công nghệ chế biến muối iốt bằng phương pháp nhuộm Simens VN1587 /1
4. Công nghệ chế biến muối thô thành: Muối tinh công nghiệp bằng hoặc dưới 96% NaCl; Muối tinh xuất khẩu bằng hoặc dưới 98% NaCl; Muối tinh khiết được phẩm bằng hoặc dưới 99% NaCl VN1587 /1

**069: ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI,
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM TTNCTKNC**

Điện thoại: 04-8683518; **Fax:** 048681721; **E-mail:** autolab-hut@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Nhà Công nghệ cao, Số 1 Đại Cồ Việt, HN

Giám đốc: TS. Bùi Quốc Khánh

Chức năng nhiệm vụ chính: Phòng thí nghiệm trọng điểm Tự động hoá, Trung tâm nghiên cứu triển khai công nghệ cao, ĐHBKHN

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|----------|
| 1. Hệ thống điều khiển giám sát cho hệ thống chiếu sáng đô thị | VN3120/1 |
| 2. Hệ nghiên cứu thử nghiệm điều khiển chuyển động dùng DSP | VN3320/1 |
| 3. Máy bán hàng tự động | VN2924/1 |

070: ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP. HỒ CHÍ MINH

Tel: 8654355 **Fax:** 8654355 **E-mail:** htphong@vnuhcm.edu.vn

Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|-------------|
| 1. Thiết bị đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời SOLAR_BK | VN2970 /307 |
|--|-------------|

**071. LIÊN HIỆP KHOA HỌC SẢN XUẤT VẬT LIỆU
KỸ THUẬT CAO IFTECH, VIỆN CƠ HỌC**

Tel: 04.7628696; **Fax:** 04.8327708; **E-mail:** iftech@vnn.vn

Địa chỉ: 264 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu triển khai ứng dụng KHCN kỹ thuật cao vào sản xuất kinh doanh trực thuộc Viện Cơ học. Nghiên cứu triển khai ứng dụng sản xuất và kinh doanh điện năng từ công nghệ năng lượng sạch (thủy điện, năng lượng gió, điện địa nhiệt, mặt trời) bao gồm Phát triển công nghệ, khảo sát thiết kế xây dựng trạm phát điện năng lượng và truyền tải điện; Nghiên cứu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điều khiển kỹ thuật số, công nghệ siêu cao tần, tin học công nghiệp và quản lý, Rôbot công nghiệp và cơ điện lạnh; Áp dụng công nghệ mới trong lĩnh vực chẩn đoán, xử lý nền móng công trình và kỹ thuật công trình; Nghiên cứu KHCN, sản xuất thử nghiệm vật liệu kỹ thuật cao áp dụng trong xây dựng và chế tạo máy; Nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực vật liệu môi trường khắc nghiệt; Dịch vụ KHCN: thông tin tư vấn đầu tư công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, thẩm định, thẩm định tư vấn trong các lĩnh vực khoa học công nghệ nói trên. Tiến hành hợp tác quốc tế và tranh thủ tài trợ quốc tế về công nghệ, sản xuất, vốn để thực hiện các nhiệm vụ triển khai công nghệ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| Hệ thống đo tốc độ đầu nòng | VN295/1 |
| Thiết bị máy điều trị xung điện nhiều chức năng | VN3310/212 |

Controller motor đồng bộ lớn	VN3110/213
Một số loại hình role số hóa bảo vệ các thiết bị điện trung áp	VN3120/214
Đồng hồ trường học	VN3350/211
Dịch vụ sử dụng công nghệ siêu cao tần	VN32/207
Tư vấn, thiết kế, cung cấp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị và hệ thống đo lường- tự động hoá các quá trình sản xuất. Tư vấn thiết kế và lắp đặt các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	VN742/208
Sử dụng công nghệ tự động hoá và điều khiển số	VN312/205
Xây dựng và chuyển giao các phần mềm về cơ sở dữ liệu	VN72/201
Công nghệ năng lượng và tin học công nghiệp	VN311/206
Đánh giá tác động môi trường, công nghệ xử lý	VN90/200
Kiểm tra, khảo sát, thẩm định thiết kế, thi công công trình xây dựng	VN742/203
Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điều hoà, máy phát điện..	VN50/202
Ứng dụng, tư vấn ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, y tế, văn hoá, giáo dục, xã hội...	VN74/204

072: NHÓM PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM SINH VIÊN HỌC SINH TP.HCM

Tel: 8626787 – 9705944 **Fax:** 9100158 **E-mail:** student-soft@vietsoftonline.com

Địa chỉ: SVHS575/47/41 CMT8, P.15, Q.10, TP.HCM

Trưởng nhóm: Trần Quý Thịnh

Chức năng nhiệm vụ chính: Chức năng nhiệm vụ chính: Xây dựng các phần mềm bổ ích phục vụ việc học tập và giải trí cho các bạn học sinh, sinh viên;

Lĩnh vực hoạt động: Thiết kế và xây dựng phần mềm; Lắp đặt phần cứng; Xây dựng hệ thống mạng; Thiết kế đồ họa, quảng cáo; Thiết kế website; Đào tạo tin học. Sản phẩm, Dịch vụ đã thực hiện, cung cấp, chuyển giao. Cẩm nang sinh viên học sinh (Student Soft 3.0); Tổng số nhân viên của đơn vị: 30 người

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|----------|
| 1. CD "Tuyển tập giáo trình đồ họa" | VN722/1 |
| 2. CD "GIÁO TRÌNH AUTOCAD TOÀN TẬP" | VN722/1 |
| 3. CD "Giáo trình PowerPoint 2003 toàn tập" | VN722/1 |
| 4. CD "Giới trẻ và tri thức" | VN 722/1 |
| 5. CD "Hãy vui cùng SSDG" | VN722/1 |
| 6. CD "VUI HỌC TIẾNG ANH" | VN722/1 |
| 7. CD "TIN HỌC CHÌA KHÓA KỶ DIỆU" | VN722/1 |
| 8. CD "RÈN LUYỆN VÀ CHẮC NGHIỆM TRÍ THÔNG MINH" | Vn722/1 |
| 9. CD "KIẾN THỨC TRONG TÀM TAY" | VN722/1 |

10. CD "KHO TÀNG CẦU ĐỒ VIỆT NAM"	VN722/1
11. CD "Giáo trình Microsoft Word toàn tập"	VN722/1
12. CD "Giáo trình Microsoft Excel toàn tập"	VN722/1
13. CD " DẤU ẤN MÙA HÈ XANH"	VN722/1
14. CD "CHINH PHỤC HỆ ĐIỀU HÀNH"	vn722/1
15. Công nghệ phần mềm cảm nang sinh viên học sinh 3.0	722/858
16. Công nghệ phần mềm bước chân sinh viên	722/859
17. Công nghệ phần mềm Tin học trong tầm tay 1.0	722/862
18. Công nghệ phần mềm Cẩm nang đồ vui để học	722/860
19. Công nghệ phần mềm Cẩm nang đoàn đội 1.0	722/861

073: PHÂN VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM, TP. HỒ CHÍ MINH

Tel: 8295678 **Fax:** 08.8226689

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP.HCM

Phân viện trưởng: Nguyễn Kim Sơn

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học công nghệ và triển khai ứng dụng các thành tựu kỹ thuật và công nghệ mới vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp thực phẩm của Trung ương và địa phương trên địa bàn; Thông tin, tư vấn kỹ thuật, trợ giúp triển khai, đào tạo kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất thuộc các ngành công nghiệp thực phẩm; Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm tra hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở thực hiện; sản xuất thử nghiệm, sản xuất pilot các sản phẩm mới và giới thiệu ra thị trường

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Hệ thống chế biến cô đặc năng cao độ đậm nước mắm	Vn158712/1
2. Dây chuyền sản xuất kẹo Chocolate thanh	VN15842/1
3. Công nghệ và thiết bị chế biến mỡ cá Basa thành dầu thực phẩm và thức ăn giàu dinh dưỡng cho trẻ em	VN1543/1
4. Công nghệ sản xuất rượu vang điều	VN1594/1
5. Công nghệ sản xuất trà hoà tan	VN1586/1
6. Công nghệ sản xuất thạch dừa	Vn153322/1
7. Công nghệ sản xuất sữa chua	VN155152/1
8. Công nghệ sản xuất sữa bắp	VN15515/1
9. Công nghệ sản xuất rượu vang trái cây (Nho và sori) quy mô nhỏ	VN1593/1
10. Công nghệ sản xuất rượu vang quả các loại (300.000 lít/năm)	VN1594/1
11. Công nghệ sản xuất rượu vang nếp than (nếp cẩm) bằng phương pháp sinh học với quy mô nhỏ	VN1593/1
12. Công nghệ sản xuất rượu Champagne	VN1593/1
13. Công nghệ sản xuất Pho-mat cứng từ sữa bò tươi	VN15514/1

14. Công nghệ sản xuất nước giải khát Hibiscus (Bông bụt giấm)	VN1595/1
15. Công nghệ sản xuất nước cốt dừa dạng kem	VN1551/1
16. Công nghệ sản xuất các sản phẩm chiên dầu chân không	VN153323/1
17. Công nghệ sản xuất nha, Glucose tinh thể bằng phương pháp Enzyme	VN15622/1
18. Công nghệ chế biến hạt bông vải thành dầu thực phẩm và khô bã dùng làm thức ăn gia súc (trâu, bò, gà, vịt,...)	154112/1014
19. Công nghệ chiết xuất Chitin chitosan từ vỏ tôm cua sử dụng trong công nghiệp thực phẩm	292/1015
20. Dây chuyền sản xuất bơ đậu phộng	VN153/1088

074: PHÂN VIỆN HÓA HỌC CÁC HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN

Tel: 8992531

Fax: 8292531 **E-mail:** ntlan@yahoo.com

Địa chỉ: Số 1 Mạc Đĩnh Chi, Q.1, TP.Hồ Chí Minh

Phân viện trưởng: GS.TSKH. Nguyễn Công Hào

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng và triển khai khoa học công nghệ hóa học các hợp chất thiên nhiên, sinh thái và môi trường.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu tách chiết, tổng hợp các hợp chất có hoạt tính sinh học cao ứng dụng trong nông nghiệp, ngư nghiệp và y tế; Nghiên cứu tách chiết các loại thuốc trừ sâu từ thảo mộc; Nghiên cứu cơ sở khoa học của các bài thuốc dân gian nhằm phát huy và hiện đại hóa y học cổ truyền; Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ sâu bệnh không gây ô nhiễm môi sinh (Bacteriophage, vi nấm).

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Công nghệ trồng các giống Sorghum mới có năng suất cao, chịu hạn.	VN 01119/1
Công nghệ sản xuất nấm Vân Chi (<i>Trametes versicolor</i>) và các chế phẩm thực dưỡng thuốc phòng chữa bệnh ung thư, viêm gan từ nấm Vân Chi	VN0111/313
Công nghệ chế tạo các chế phẩm từ cây thuốc cá	VN2420/314
Công nghệ chế tạo môi nhử và bẫy pheromon diệt trừ sâu hại trên rau màu và cây ăn trái	VN2420/315

075: PHÒNG ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG – PHÂN VIỆN VẬT LÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Điện thoại: 08.8224890

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Q.1, TP.HCM

Trưởng phòng: Dương Minh Trí

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu chế tạo các thiết bị đo và tự động hóa trong công nghiệp về các lĩnh vực: nước, nhiệt độ, độ ẩm... Nghiên cứu chế tạo máy phát khí Ozon (O₃) dùng để tiệt trùng nước, xử lý nước thải, Lĩnh vực hoạt động: Các loại máy đo nhiệt độ chính xác như DTM-092K, DTM-A01, TC150, TC500..., Các loại máy đo và khống chế pH như: pH-1299, pH-62K, PHC-602, Máy đo oxy hòa tan DO-802, Máy đo độ dẫn điện, độ mặn của nước SCM 2000A, SM-90, Các loại

máy đo độ ẩm không khí, gỗ bê tông HTM-902, Sản phẩm, Dịch vụ đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Các thiết bị tiên tiến được ứng dụng rộng rãi trong công nghiệp, môi trường để đo đạc chính xác nhiệt độ từ -650C đến +12600C, độ pH, oxy hòa tan trong nước, độ ẩm không khí, gỗ, độ mặn của nước, Tổng số CBNV của đơn vị: 08 người

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy đo và điều khiển pH	VN332053/1
2. Thiết bị đo và khống chế nhiệt độ hiện số	VN320/691
3. Đầu đo nhiệt độ với cặp nhiệt điện type K	VN3320/705
4. Máy đo nồng độ bụi DCM - 203	VN3325/791
5. Thiết bị đo nhiệt độ nhiều kênh	VN3320/533
6. Máy đo hàm lượng oxy trong dung dịch DO-802	VN3320/706
7. Thiết bị đo nhiệt độ hiện số DTM - 092K	VN3320/691
8. Máy đo nhiệt độ hiện số dùng cặp nhiệt điện	VN3325/788
9. Thiết bị chống vôi hoá và gỉ trong đường ống CVG-703	292/1013
10. Thiết bị đo nhiệt độ hiện số dùng trong công nghiệp	VN3320/692
11. Hệ máy tính đo, ghi và điều khiển pH I/O Module: PHC - 602	VN3325/789
12. Máy đo độ dẫn điện dung dịch SCM - 2000A	VN3320/543
13. Thiết bị đếm giọt chất lỏng	VN3320/544
14. Thiết bị xử lý nước bằng phương pháp trao đổi ion	VN2024/541
15. Máy đo độ ẩm không khí HTM - 902	VN3325/790
16. Thiết bị đo pH 1299	VN3320/692
17. Thiết bị phát ozon (O3) thanh trùng nước	VN2924/545
18. Thiết bị đo, ghi nhiệt độ 8 kênh kết nối máy tính 8C-TMR-601	VN3320/703
19. Máy đo độ mặn SM-902	VN332/787
20. Máy chỉ thị độ ẩm gỗ và bê tông ABG01	VN3320/702

**076: PHÒNG HOÁ QUANG PHỐ
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG - VIỆN ĐỊA CHẤT**

Tel: 04.7754724 **Fax:** 04.7754797 **E-mail:** kimthuonghh@yahoo.com

Địa chỉ: Ngõ 84, Phố Chùa Láng Thượng, Q.Đống Đa, Hà Nội

Trưởng phòng: Nguyễn Thị Nhung

Chức năng nhiệm vụ chính: Phân tích đánh giá hiện trạng môi trường đất, nước; Nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực môi trường; Nghiên cứu môi trường nuôi trồng thủy sản, chế tạo các bộ kit kiểm tra chất lượng môi trường nuôi; Nghiên cứu các vật liệu trong lĩnh vực xử lý môi trường

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Test KIT kiểm tra chất lượng môi trường nước: KIT pH, KIT kiểm tra độ kiềm, KIT kiểm tra độ cứng, KIT kiểm tra độ mặn, KIT kiểm tra hàm lượng DO, KIT kiểm tra hàm lượng NH₄(+), KIT kiểm tra hàm lượng NO₂ (-), KIT kiểm tra hàm lượng Fe(+3), KIT kiểm tra hàm lượng PO₄ (-3), , KIT kiểm tra hàm lượng H₂S (-)

VN332/486

077: PHÒNG THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH MÁY THUỶ LỰC VÀ CÁC THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG - ĐẠI HỌC BẠCH KHOA HÀ NỘI.

Tel: 04.8694648 **Fax:** 04.8694648 **E-mail:** truonghs@fpt.vn

Địa chỉ: B101, Ngõ 46, Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, HN

Giám Đốc: Hoàng Sinh Trường.

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu chế tạo các hệ thống, thiết bị thủy lực tự động hoá; Chế tạo máy móc, thiết bị liên quan đến các ngành vật liệu xây dựng, nông nghiệp, công nghiệp... Lĩnh vực hoạt động: Chế tạo thiết bị công nghệ, tự động hoá, thiết bị điều khiển thủy lực. Sản phẩm, dịch vụ có thể cung cấp chuyên giao: Máy ép gạch Block, máy nắn phôi thép, hệ thống đập dòng cho các dàn khoan dầu khí, hệ thống súc xạc đường ống công nghệ, thiết bị hệ thống điều khiển thủy lực.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy ép gạch block tự chèn VN2940/1
2. Dịch vụ xúc, sục, tẩy, rửa hệ thống đường ống các dây chuyền sản xuất VN90003/276

078: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Tel: 8251493 **Fax:** 8242161

Địa chỉ: Số 2 ngõ Phan Chu Trinh, Đường Phan Chu Trinh, Hà Nội.

Giám đốc: Lê Trần Lâm

Chức năng nhiệm vụ chính: là cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, giúp UBND Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học (khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật) và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế- xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố theo quy định của PL. Sở KH&CN chịu sự quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Nhiệm vụ: Nghiên cứu, cụ thể hoá các cơ chế chính sách và pháp luật của Nhà nước về KH&CN phù hợp với yêu cầu và đặc thù của TP; Xây dựng và trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định nhiệm vụ chương trình, quy hoạch và kế hoạch hàng năm và 5 năm về nghiên cứu KH, phát triển công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hoá, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; Quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng về KHCN trên địa bàn Thành phố; ... Nhiệm vụ cụ thể: Quản lý khoa học; Quản lý công nghệ; Quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Quản lý sở hữu trí tuệ; Quản lý về an toàn bức xạ hạt nhân; Quản lý thông tin KHCN; Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo; Quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan Sở; Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với các quận, huyện thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về KHCN trên địa bàn.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1.	Nghiên cứu nâng cao chất lượng và hoàn thiện công nghệ vật liệu mới làm van gốm ZnO (MOV-ZnO) chống sét 35KV.	VN262 /258
2.	Chế tạo máy đánh bóng ống giảm thanh xe máy.	VN 295 /257
3.	Nghiên cứu thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ dệt khăn bông từ sợi "không se".	VN 173 /256
4.	Nghiên cứu chế thử sợi pha chun.	VN171 /255
5.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất sợi OE để dệt vải bạt.	VN171 /254
6.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất hàng lưu niệm bằng thủy tinh pha lê.	VN261 /253
7.	Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị sấy nông sản, thực phẩm (vải, ớt, tỏi) quy mô hộ gia đình.	VN 292 /252
8.	Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm nhựa dùng cho công nghiệp ô tô với công nghệ tạo vân trên bề mặt cong phức tạp.	VN252 /251
9.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất axit trearic có độ tinh khiết cao, phục vụ cho các ngành công nghiệp sản xuất bột nhẹ SM-TN, chế biến cao su, chất dẻo, mỡ bôi trơn thay thế hàng nhập ngoại.	VN241 /250
10.	Nghiên cứu chế tạo các loại mũ sứ bằng gang dẻo cho điện cao thế.	VN1624 /249
11.	Nghiên cứu thiết kế, xác lập quy trình công nghệ sản xuất thử nghiệm vỏ động cơ xe gắn máy hai bánh bằng các thiết bị chuyên dụng.	VN343 /248
12.	Nghiên cứu cải tiến máy khui bít tắt tự động để sản xuất sản phẩm có yêu cầu chất lượng đường khui bít cao, mềm mại, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sản phẩm mới sang thị trường Nhật Bản.	VN295 /247

079: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ

Tel: 053.853205

Fax: 053.852811

Địa chỉ: Số 34B Hùng Vương, Đông Hà, Quảng Trị

Giám đốc: Nguyễn Hữu Thông

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ WEB-GIS (CSDL) và những thành tựu về ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KT_XH tỉnh Quảng trị

080: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NGHỆ AN

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sản phẩm gỗ và đồ gỗ cao cấp
2. Sản phẩm nông nghiệp ứng dụng tiến bộ KHCN

081: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Xe ô tô tải và xe khách

082: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH

Tel: 039.856316

Địa chỉ: 02 đường Vũ Quang - Thị xã Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Sản phẩm ZIRICON siêu mịn

**083: TRUNG TÂM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MỚI,
TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI VIỆT NGÀ**

Tel: 04.8363906 **Fax:** 04. 7562390 **E-mail:** tranvanha@hcm.vn

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Huyền, Q.Cầu Giấy, HN; Số 11, Ngõ 41 Phố Linh Lang Cổng Vĩ, Ba Đình, HN; Số 3, đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Giám đốc:

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Đo lường - Hoá chất - phân bón và môi trường. Nghiên cứu thiết kế, lập dự án, chuyển giao công nghệ. Đánh giá tác động môi trường và xử lý môi trường. Dịch vụ KHKT, Ký kết hợp đồng KT, KHKT trong lĩnh vực hoạt động KHCN; - Điều tra thăm dò; quảng cáo giới thiệu thiệu sản phẩm VTKT ; Đào tạo cán bộ KH có trình độ cao; Thực hiện dịch vụ KHKT&CN

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Máy Phân tích đa năng thể hệ mới: ANALYZEZ MF-707 | VN332053/1 |
| 2. Tủ cấy vi sinh (CLEAN BENCH BS-0009) | VN2923/480 |
| 3. Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh hiếu khí bám trên bề mặt giá thể | VN4100/481 |
| 4. Bộ xử lý khí thải (XXO1/LK) | VN2923/482 |
| 5. Máy vận nắp chai có cò bơm | VN2924/484 |
| 6. Máy sản xuất tấm 3D-Panel | VN2952/485 |
| 7. Máy chiết rót | VN2924/483 |
| 8. Tủ cấy vi sinh (Clean Bench BS-00091) | VN292/771 |
| 9. Công nghệ xử lý nước nhiễm phen sắt thành nước sạch | VN4100/479 |
| 10. Tủ cấy vi sinh (Clean Bench BS-00092) | VN2923/770 |

084: TRUNG TÂM CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ MỚI

Tel: 08.8332564 - 069652089 **Fax:** 08.8344588 **E-mail:** tranvanha@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: Số 3, Đường 3/2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Giám đốc: Trần Văn Hà

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng triển khai công nghệ mới trong lĩnh vực độ bền nhiệt đới, y sinh học nhiệt đới, sinh thái nhiệt đới. Xử lý môi trường phục vụ quốc phòng và dân sinh; Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ, chế tạo sản phẩm mới, vật liệu mới, phương tiện kỹ thuật mới.

Lĩnh vực hoạt động: Chế tạo lắp đặt các sản phẩm xử lý khí và nước cho các ngành sản xuất dược phẩm, y tế, các ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản. Các thiết bị đồng bộ cho các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học; Trang thiết bị đồng bộ cho các phòng thí nghiệm.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Tủ cấy vi sinh (TCV.02.01, TCV.02.02)	VN 2924/1
2. Mỡ cấp VN.39Y	VN23203/1
3. Dầu bảo quản VN.K17	VN23203/1
4. Lò đốt rác thải y tế TSH-500	VN2924/1
5. Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh bám	VN90002/1
6. Air Shower vật liệu VL.2001.003	VN2923/445
7. Tủ hút hoá chất XXO/QH1	VN2923/424
8. Tủ hút hoá chất (HT.2002)	VN2923/426
9. Tủ hút hoá chất XXO/HC1	VN2923/428
10. Tủ đựng hoá chất và dụng cụ (XX02.TĐ.02)	VN3614/429
11. Tủ hút hoá chất (XX01/PHM003)	VN2923/430
12. Bàn thí nghiệm.	VN3614/433
13. Phòng sạch (PS.002 - 2001)	VN2923/434
14. Tủ đóng chất chuẩn.	VN2924/437
15. Air Shower KHC-2001	VN2923/439
16. Air Lock Room XX02.AL03.	VN2923/441

085: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ CƠ HỌC ĐIỆN TỬ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ, VIỆN CƠ HỌC

Tel: 7623114/8340119 **Fax:** 7623114

E-mail: cmt@mechatronics.org.vn

Địa chỉ: 264 Đội Cấn, Hà Nội

Giám đốc: TS. Phạm Anh Tuấn

Chức năng nhiệm vụ chính: Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ điện tử. Thiết kế lắp đặt và sản xuất các thiết bị cơ điện tử: rôbot song song... Sản xuất cài đặt các chương trình phần mềm công nghiệp, hệ điều khiển. Đầu tư xây dựng kinh doanh: trạm phát điện năng lượng gió.

Lĩnh vực hoạt động: Cơ điện tử. Sản phẩm, dịch vụ KH&CN: Robot song song, robot chuỗi, trạm phát điện năng lượng gió. Thiết bị và dịch vụ cân bằng roto.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Thiết bị cân bằng roto | VN33208/1 |
| 2. Phần mềm mô phỏng và điều khiển giám sát (SACR) | VN722022/1 |
| 3. Robot cơ cấu song song | VN333/1 |

086: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ LASER, VIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Tel: 04.8547798 **Fax:** 04.8549262 **E-mail:** ledinhnguyen@fpt.vn

Địa chỉ: C6 - Thanh Xuân bắc - Hà Nội

Giám đốc: Trần Ngọc Liêm

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu chế tạo các Laser ứng dụng cho Y tế, công nghiệp, đo lường...- Hoàn chỉnh công nghệ ứng dụng các thiết bị trên- Nghiên cứu thiết kế chế tạo các thiết bị điện tử Y tế, điện tử chuyên dụng công nghệ cao.- Hoàn chỉnh công nghệ ứng dụng các thiết bị trên.- Nghiên cứu thiết kế chế tạo các thiết bị điện tử y tế, điện tử chuyên dụng công nghệ cao.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Thiết bị Laser Ruby chuyên khoa da liễu, Model: 2000 | VN33101/1 |
| 2. Thiết bị Laser YAG ngoại khoa, Model: YY 7501 YAG | VN33101/1 |
| 3. Máy Laser CO2 phẫu thuật 30W Model: SNJ- 1000 | VN33101/1 |
| 4. Máy Laser CO2 phẫu thuật 15W Model: KC 01-06/TL 150 | VN33101/1 |
| 5. Máy Plasma phẫu thuật Model: PSA-2MTC/Super | VN33101/1 |
| 6. Dao mổ điện cao tần Model: LTDD 350-2K1/01 | VN33101/1 |
| 7. Thiết bị y học laser CO2 12W phẫu thuật siêu sung Model: KC01-06/2MTC Super | VN33101/1 |
| 8. Thiết bị y học laser Diode châm cứu Model: LA- 2MTC | VN331016/1 |
| 9. Thiết bị y học laser He- Ne trị liệu nội mạch 15m W | VN331016/1 |
| 10. Thiết bị làm đẹp cơ thể- giảm béo- giảm đau- vật lý trị liệu | Vn331016/1 |
| 11. Thiết bị điều chỉnh thẩm mỹ sử dụng tần số cao (hai đầu điều trị) Model:LASERMET | VN331016/1 |
| 12. Thiết bị TENS trị liệu, Model: TENS 2000- 2MTC | VN331016/1 |
| 13. Sa bàn dàn trải thiết bị laser C02 45W phẫu thuật, Model: KC 01-06/2MTC | VN33101/1 |
| 14. Sa bàn dàn trải thiết bị dao mổ điện Model: ESS 400W Super | VN33101/1 |
| 15. Thiết bị điện châm cứu Model: 1201- 2MTC | VN331016/1 |
| 16. Thiết bị Laser căn tâm trục tàu thủy | VN332/98 |
| 17. Thiết bị khắc vật liệu phi kim loại bằng Laser | VN294/99 |

18. Dao mổ điện cao tần 350 W điều khiển từ xa bằng bàn đạp kép 3 ELECTROSURGERY LTDD350 2K1/03	VN331/145
19. Thiết bị tán sỏi ngoài cơ thể LIMED ESWL/LTTD98	VN331/143
20. Thiết bị kiểm tra nhanh nhiệt độ hành khách	VN331/100
21. Thiết bị laser Y học châm cứu, tai mũi họng, răng hàm mặt.	VN331/82
22. Thiết bị điều trị u xơ tuyến tiền liệt. Model: DL98-01-2MTC, DL98-02-2MTC	VN331/149
23. Thiết bị Y học phẫu thuật đa năng LPASMA	VN331/33
24. Thiết bị đo bằng Laser đường kính ống	VN332/85
25. Thiết bị laser Y học Nd: YAG 60 W Liên tục - Xung đơn - Xung chuỗi	VN331/80
26. Thiết bị LASER CO2 40 W phẫu thuật siêu xung. Model: KC01-06/2MTC Super 2003	VN331/152
27. Thiết bị Laser He-Ne trị liệu. Model: KC01-06/L095	VN331/140
28. Thiết bị hút khói khử mùi. Model: TK2000-Super	VN331/151
30. Dịch vụ đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế	VN33101/259
31. Khắc vật liệu bằng Laser	VN294/119
32. Cắt vật liệu bằng Laser	VN294/120

087: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỪA THIÊN HUẾ

Tel: 054.823650/822725

Fax: 054.823649/849498

Địa chỉ: 06 Lê Lợi, thành phố Huế

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Phần mềm tính cước tổng đài điện thoại nội bộ(HS-PBX)
2. Phần mềm lọc số điện thoại gọi đi (HS-PHONFIL)
3. Giải pháp chung cho các ứng dụng tương tác tự động qua điện thoại(HS_IVR)
4. Phần mềm quản lý thời gian làm việc bằng mã vạch(HS – Timekeeper)
5. Bảng quảng cáo điện tử
6. Phần mềm quản lý nhân sự
7. Phần mềm quản lý hồ sơ địa chính (HS-LDM)
8. Cổng giao tiếp điện tử điều hành tác nghiệp(HS-portal)
9. Phần mềm tìm đường và các điểm du lịch trong Thành phố Huế (HS-HueMap)

088: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH NGHỆ AN

Địa chỉ: 75 Nguyễn Thị Minh Khai, Vinh, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- Phần mềm quản lý nhân, hộ khẩu
- Phần mềm quản lý Đảng viên

089: TRUNG TÂM ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN SẮC KÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Tel: 08.8239643 **Fax:** 08.8239872

Địa chỉ: Trương Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Diệp Ngọc Sương

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu phát triển phương pháp, tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ thuật sắc ký, các kỹ thuật phân tích hiện đại; Thực hiện các dịch vụ phân tích nguyên liệu, sản phẩm nông sản thực phẩm, môi trường; Thực hiện các dịch vụ môi trường, thiết kế xây dựng các hệ thống xử lý ô nhiễm, quan trắc chất lượng môi trường; Thực hiện các dịch vụ phòng thí nghiệm, hiệu chuẩn, sửa chữa, lắp đặt các loại trang thiết bị, xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm.

Lĩnh vực hoạt động: Đào tạo, nghiên cứu và phát triển phương pháp; Thực hiện các dịch vụ phân tích; Thực hiện các dịch vụ về môi trường; Thực hiện các dịch vụ phòng thí nghiệm. Sản phẩm và dịch vụ KHCN đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Tư vấn trang bị, lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm cho các đơn vị như Trung tâm Y tế Bà Rịa-Vũng Tàu; Đào tạo nghiên cứu phát triển các phương pháp phục vụ cho việc phân tích như xác định hàm lượng các loại kháng sinh trong thủy hải sản; Quan trắc chất lượng môi trường tại các doanh nghiệp, dự án; Thường xuyên mở các lớp đào tạo ngắn hạn về kỹ thuật sắc ký lỏng cao áp, kỹ thuật sắc ký lỏng ghép khối phổ, các phương pháp phân tích bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử, kiểm nghiệm, phân tích vi sinh, thực phẩm, môi trường

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|-----------|
| 1. Quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường | VN743/266 |
| 2. Sửa chữa, kiểm tra hiệu chuẩn phòng thí nghiệm | VN743/265 |
| 3. Đào tạo- nghiên cứu phát triển phương pháp | VN743/264 |
| 4. Phân tích kiểm tra chất lượng | VN743/263 |

090: TRUNG TÂM ĐIỆN TOÁN TRUYỀN SỐ LIỆU

Tel: 038.846144

Địa chỉ: 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Dịch vụ VNN/Internet
2. Công nghệ VoIP - gọi 1717
3. Phần mềm
4. Giải pháp xây dựng hệ thống mạng
5. Công nghệ chế bản, tách màu, thiết bị mạng

091: TRUNG TÂM GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN SẮC KÝ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Tel: 04-8691352 **Fax:** 04-8691256 **E-mail:** EDCVN@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Số 1 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Chức năng nhiệm vụ chính: Đào tạo, chuyển giao về sắc ký. Xử lý và kiểm soát môi trường.

Chuyên giao công nghệ. Sản xuất hoá chất công nghiệp.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Dung dịch tẩy cặn chuyên dụng	VN2451/1
2. Công nghệ sản xuất vật liệu chứa Zeolite	VN268/1
3. Dây chuyền thiết bị sản xuất nhũ tương	VN2416/1
4. Dung dịch tẩy rửa đa dụng	VN2451/1
5. Dây chuyền công nghệ sản xuất sơn nước	VN243/1
6. Dung dịch chống đóng cặn BK	VN24663/1
7. Thuốc tăng lực SARATON & TASATON	VN24415/1
8. Thiết bị thí nghiệm lên men cồn	VN2924/135
9. Công nghệ sản xuất rượu vang từ mận quả	VN0315/155
10. Xử lý nước thải sản xuất phân bón hóa lý	VN0390/137
11. Xác định nhanh thuốc bảo vệ thực vật cơ phot pho và carbamat trong rau quả (thuốc trừ sâu)	VN0333/134
12. Hệ thống thiết bị lọc khung bản	VN0329/127
13. Chất đông rắn ĐR-TB	VN2462/825
14. Xử lý nước thải sản xuất giấy và bột giấy bằng phương pháp hóa lý	VN9000/826
15. Thiết bị lọc sinh học cao tải áp dụng cho công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp lọc sinh học - hóa học	VN2924/136
16. Hệ thống thiết bị sản xuất cồn tinh chế từ nguyên liệu ri đường	VN0315/143
17. Phân tích 3-Monoclo 1,2-propandiol 3-MCPD trong nước chấm (dầu hào, nước mắm, mari)	VN0333/133
18. Xử lý nước thải sản xuất dược phẩm bằng phương pháp sinh - hóa - lý	VN0390/132

092: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHCN HÀ TĨNH

Tel: 039.856107

Địa chỉ: đường Trần Phú, thị xã Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Giới thiệu tổng quan về các thành tựu của ngành KHCN tỉnh Hà Tĩnh (thông tin tư liệu và các sản phẩm thu được từ các đề tài, dự án; các sản phẩm hàng hoá chất lượng cao: nước mắm Thành đạt, nước khoáng Sơn Kim, sản phẩm TiO_2)
2. Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật sản xuất cây giò trầm,
3. CN xử lý phòng ngừa môi,
4. CN sản xuất chế phẩm BOVERIN trừ sâu Róm thông
5. CN hom sản xuất cây lâm nghiệp
6. CN xử lý môi trường bằng pháp phương pháp sinh học,
7. CN xử lý nước sinh hoạt

093: TRUNG TÂM KỸ THUẬT LỢN GIỐNG TRUNG ƯƠNG

Tel: 04.9717490 **Fax:** 04.8210615 **E-mail:** nacepig@yahoo.com

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Công Trứ, Hà Nội

Giám đốc: Trần Khắc Hán

Chức năng nhiệm vụ chính: Chăn nuôi giống gia súc- Kiểm tra chất lượng di truyền giống gia súc, nghiên cứu ứng dụng KHKT công nghệ mới trong ngành chăn nuôi, tư vấn và chuyển giao công nghệ, cung ứng con giống và thiết bị chăn nuôi chuyên ngành.

Lĩnh vực hoạt động: Chăn nuôi- kiểm tra năng suất giống gia súc, nghiên cứu và ứng dụng các quy trình công nghệ chăn nuôi tiên tiến, sản xuất và cung ứng các thiết bị chăn nuôi chuyên ngành, thiết bị chuồng trại và thiết bị thí nghiệm chuyên ngành.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ chăn nuôi giống gia súc hiện đại (lợn, gia cầm, bò) và thiết bị phục vụ cho ngành chăn nuôi công nghệ cao (thiết bị chuồng trại, thiết bị kiểm tra chất lượng con giống, thiết bị thí nghiệm chuyên ngành...) VN0142/1

094: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH (CORTTEN)

Tel: 04.7550730 **Fax:** 04.7551104 **E-mail:** cortten@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Toà nhà 7 tầng, đường Phạm Văn Đồng xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

Giám đốc: Lê Xuân Rao

Chức năng nhiệm vụ chính: Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Và Phân tích.

Lĩnh vực hoạt động: chuyển giao công nghệ và phân tích tự động hoá

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Hệ thống điều khiển tia Gama VN333/1
2. Hệ thống tự động cấp nước vệ viên VN333/1
3. Bảng điện tử VN321052/1
4. Lọc bụi túi VN292314/1
5. Bộ biến đổi xoay chiều một chiều điều khiển số VN311032/1
6. Hệ thống cầu trục phi tiếp điểm VN31203/1
7. Lọc bụi tĩnh điện VN292314/1
8. Cân băng định lượng độ chính xác cao VN292422/1
9. Hệ thống khởi động động cơ không đồng bộ công suất đến 500 KW VN29111/1
10. Cân mé định lượng nhiều thành phần VN292422/1
11. Cân Tàu hoá điện tử VN292422/1
12. Cân ô tô điện tử VN292422/1
13. Cân đóng bao điện tử VN292422/1

14. Hệ thống điện năng lượng mặt trời
15. Hệ thống tự động hoá quá trình sản xuất ximăng
16. Hệ thống tự động hoá gió hồng

VN31410/1

VN333/1

VN2923/1

**095: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÂY NGUYÊN LIỆU GIẤY
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH PHÚ THỌ**

Tel: 0210829241 **Fax:** 0210833895 **E-mail:** ttncnlg@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

Giám đốc: TS Huỳnh Đức Nhân

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học thực nghiệm và áp dụng công nghệ mới, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Nông- lâm nghiệp theo đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 775 do Bộ Khoa học và công nghệ cấp ngày 19/6/2002.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu thực nghiệm, áp dụng công nghệ mới trong lĩnh vực nông lâm nghiệp; Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy và các vấn đề lâm sinh- xã hội- môi trường có liên quan đến nghề rừng trong phạm vi cả nước; Sản xuất thực nghiệm dịch vụ khoa học và công nghệ, đào tạo trong lĩnh vực nêu trên. Tổ chức sản xuất kinh doanh khác theo quy định của PL; Hợp tác KHKT với các tổ chức trong và ngoài nước. Sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp chuyển giao: Cây giống trồng rừng chất lượng cao; nhận chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô tế bào và đảm hom chồi non cho các đối tượng Bạch Đàn, Thông, tếch,... Mở các khoá đào tạo ngắn hạn về nhân giống vô tính.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Công nghệ nuôi cấy mô tế bào và đảm hom chồi non cho bạch đàn, keo lai và một số loài cây khác (cây hồng, cây tếch...) VN0201/1

Công nghệ nuôi cấy mô tế bào và đảm hom chồi non cho bạch đàn, keo lai và một số loài cây khác (cây hồng, cây tếch...) VN0201/271

**096: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM
THỰC PHẨM VI SINH HÀ NỘI**

Tel: 04.9741782 **Fax:** 04.9741783 **E-mail:** hafrec@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 13b Ngõ Bà Triệu - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Giám đốc: Bùi Thế Cường

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành chế biến, bảo quản thực phẩm- Thiết kế chế tạo dây chuyền công nghệ chế biến thực phẩm- Tư vấn đầu tư, đào tạo chuyên ngành chế biến và bảo quản thực phẩm- Sản xuất một số mặt hàng thực phẩm

Lĩnh vực hoạt động:- Nghiên cứu công nghệ chế biến và bảo quản thực phẩm- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng, chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm- Chế tạo thiết bị trong công nghiệp thực phẩm

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất Magi từ men bia VN1587/91
2. Dây chuyền sản xuất tương ớt năng suất 1 tấn sản phẩm/ca VN1587/94

- | | |
|---|-----------|
| 3. Dây chuyền công nghệ sản xuất mứt khô theo công nghệ chân không | VN1584/90 |
| 4. Dây chuyền công nghệ sản xuất mứt quả dạng past (jam, jelleu) từ các loại quả tươi (dứa, mận, mơ, táo, dâu...) | VN1533/83 |
| 5. Dây chuyền công nghệ và thiết bị bảo quản, chế biến măng đóng lọ, túi PE, hộp | VN1533/81 |
| 6. Dây chuyền sản xuất bột canh (hương gà, hương tôm..., có hoặc không có iốt) | VN1587/84 |
| 7. Dây chuyền thiết bị cho sản xuất bột dinh dưỡng cho trẻ em | VN1561/95 |
| 8. Dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất các loại bột chiên | VN1585/97 |
| 9. Dây chuyền thiết bị cho sản xuất các loại bánh lương khô | VN1581/96 |
| 10. Dây chuyền sản xuất bán sản phẩm quả tươi dùng cho công nghệ chế biến các loại nước quả trong, đục | VN1532/93 |
| 11. Công nghệ sản xuất nước quả tươi đóng trong các loại bao bì theo công nghệ tiệt trùng (UHT) | VN1532/82 |
| 12. Dây chuyền công nghệ, thiết bị sản xuất sữa đậu nành | VN15/92 |
| 13. Các dây chuyền công nghệ chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm (bao gồm cả thiết bị và công nghệ) | VN15/2 |

097: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀ MÔI TRƯỜNG

Tel: 04.7847199 **Fax:** 04.7830074 **E-mail:** envic@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 37 Nguyễn Khang - Cầu Giấy - Hà Nội

Giám đốc: Trần Văn Tuấn

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Đo lường - Hoá chất - phân bón và môi trường. Nghiên cứu thiết kế, lập dự án, chuyển giao công nghệ. Đánh giá tác động môi trường và xử lý môi trường. Dịch vụ KHKT, Ký kết hợp đồng KT, KHKT trong lĩnh vực hoạt động

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Nhà máy xử lý rác sinh hoạt

VN 292/446

098: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VẬT LIỆU POLYME, ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Tel: 04.8692731 **Fax:** 04.8692731 **E-mail:** Polimer_mrc@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Nhà C10, tầng 2, Đại học Bách Khoa Hà Nội, 1 Đại Cồ Việt, HN

Giám đốc: GS.TSKH. Trần Vĩnh Diệu

Chức năng nhiệm vụ chính: - Đào tạo kỹ sư, thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành vật liệu polyme và composit; Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ trong lĩnh vực vật liệu

polyme và composit; Nghiên cứu sản xuất thử và chuyển giao công nghệ.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu triển khai công nghệ chế tạo vật liệu polyme composit, sơn chống ăn mòn và keo dán kết cấu; Chế thử sản phẩm và chuyển giao công nghệ sản xuất. Sản phẩm và dịch vụ đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Các loại cửa phai, cửa ngăn triều bằng vật liệu composit; Các loại thiết bị chứa chất lỏng, chịu ăn mòn; Sơn chịu nước mặn, hoá chất, thời tiết.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Công nghệ chế tạo thiết bị chứa hóa chất ăn mòn mạnh | VN0329/123 |
| 2. Công nghệ chế tạo gối cầu cao su cốt bản thép với tải trọng tối đa 1200 KN | VN2513/121 |
| 3. Công nghệ chế tạo các hệ thống bay không người lái | VN3530/125 |
| 4. Công nghệ chế tạo khe co giãn cao su cốt bản thép có chiều rộng đến 890mm | VN2513/113 |

099: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHKT (S.T.C)

Tel: 08.9307463; 9307902 **Fax:** 08.9307650 **E-mail:** dykhkt273@hcm.fpt.vn

Địa chỉ: 273, Điện Biên Phủ, P.7, Q.3, T.p Hồ Chí Minh

Giám đốc: TS. Nguyễn Đăng Hưng

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng và triển khai các thành tựu khoa học, các tiến bộ kỹ thuật mang tính chất tổng hợp liên ngành; Tổ chức các hoạt động dịch vụ KHKT phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam; Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, tổ chức ứng dụng nhanh các tiến bộ KH-KT có liên quan đến nhiều ngành KT-XH :Nghiên cứu chuyển giao các qui trình công nghệ mới, các thành tựu KH-CN hiện đại, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực mũi nhọn (Cơ khí – Tự động hóa, Điện tử - Tin học, Môi trường, Hóa sinh, ...) đổi mới công nghệ, tạo sản phẩm mới, giải quyết nguyên liệu cho sản xuất từ nguồn tài nguyên trong nước, Triển khai các kết quả nghiên cứu KH-KT vào sản xuất quy mô vừa và nhỏ nhằm hoàn thiện qui trình công nghệ, kết luận hiệu quả kinh tế trước khi chuyển giao vào sản xuất đại trà, Thực hiện các hoạt động dịch vụ KH-KT bao gồm : Nghiên cứu khảo sát, xây dựng phương án lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế chế thử, thi công lắp đặt v.v ... các công trình Công – Nông – Lâm – Ngư nghiệp, xây dựng kiến trúc, giao thông vận tải, năng lượng, thông tin liên lạc v.v ... theo đúng chính sách chế độ của Nhà nước và Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, Tư vấn kỹ thuật các dự án, thẩm tra giám định các thiết bị Khoa học – Công nghệ, chỉ đạo và giám sát thi công, Xuất nhập khẩu và cung ứng vật tư, thiết bị KH-KT bao gồm các loại hóa chất, vật liệu, dụng cụ, máy móc thiết bị v.v... phục vụ công tác nghiên cứu, đổi mới kỹ thuật trong sản xuất, Hợp tác liên doanh, liên kết về kinh tế và KH-KT với các cá nhân, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, Quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động của Trung Tâm theo qui định của Nhà nước.

Lĩnh vực hoạt động: Chuyển giao công nghệ mới, lắp đặt các dây chuyền sản xuất phục vụ công – nông – lâm – ngư nghiệp, Thiết kế chế tạo các thiết bị máy móc đơn chiếc thay thế hàng ngoại nhập (thiết bị áp lực, thiết bị được, thiết bị bao bì, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị viễn thông ...), Thực hiện các dịch vụ sửa chữa, bảo trì sau lắp đặt, Thiết kế và thi công, hợp đồng trọn gói các đề án mới, nâng cấp hệ thống, bảo trì các hệ thống tự động do đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm thực hiện, Cung cấp các đề án thiết kế về truyền động thủy khí, huấn luyện cơ bản và nâng cao về công nghệ khí nén, thủy lực, điều khiển lập trình PLC, mạng PLC (Device Net), Dịch vụ KH-KT, tư vấn thẩm định thiết bị/công nghệ, chuyển giao công nghệ, Thiết kế chế tạo và cung ứng lắp đặt các hệ thống báo cháy tự động trong công nghiệp và dân dụng, Nghiên cứu, triển khai các đề tài thuộc lĩnh vực môi trường, - Nghiên cứu sinh học và chế phẩm sinh học phục vụ cho công – nông nghiệp và đời sống

(Các loại men cấy mô, chất tăng trưởng vi sinh dùng trong xử lý chất thải v.v...), Thiết kế, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng (Nhà máy, trường học, nhà hàng, khách sạn, sân golf, ...), Tư vấn thẩm định chuyển giao công nghệ ...

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Hệ thống lái điện – Thuyền lực – Thiết bị thông tin liên lạc hàng hải, máy dò cá, rada, thiết bị cứu hộ - cứu nạn	Vn322/1
2. Máy tiện CNC ST5	VN294021/1
3. Máy phay CNC V450	VN294022/1
4. Máy phay CNC 350	VN294022/1
5. Máy sơ chế đậu	VN295316/1
6. Hệ thống cô đặc nước quả	VN295316/1
7. Dây chuyền thiết bị ép bã dứa	VN1533/1
8. Công nghệ và thiết bị xử lý rác thải sinh hoạt	VN90/1
9. Công nghệ và thiết bị sản xuất trà, cà phê hoà tan	VN1586/1
10. Máy sấy lúa	VN293/1
11. Dây chuyền thiết bị sản xuất thức ăn nổi cho cá	VN1571/1
12. Máy sấy đầu vỏ tôm	VN293/1
13. Hệ thống điều khiển	VN295/500
14. Hệ thống đếm xe tự động tại các trạm thu phí	VN332/499

100: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG. VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH, ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Tel: 04.8682627 Fax: 04.8682627 E-mail: ttncudnl@hn.vnn.vn

Địa chỉ: P104-C7, Đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chức năng nhiệm vụ chính: Viện Khoa học và công nghệ Nhiệt - Lạnh, Đại học Bách khoa Hà Nội có chức năng nghiên cứu khoa học công nghệ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Dây chuyền sản xuất sữa	VN155/1
2. Dây chuyền sản xuất rượu, cồn	VN159/1
3. Dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất bia	VN2953/743
4. Công nghệ - thiết bị hút ẩm và sấy khô nông sản thực phẩm và môi trường sản xuất nhiệt độ, độ ẩm thấp	VN2953/781
5. Dây chuyền chế biến sữa chua	VN2953/736
6. Thiết bị xác định hệ số dẫn nhiệt	VN3320/780

101: TRUNG TÂM NHIỆT ĐỚI VIỆT NGÀ – CHI NHÁNH PHÍA NAM

Tel: 08.8334 564/0903706228

Fax: 08.8356270

E-mail: ntlan@yahoo.com

Địa chỉ: số 3 Đường 3/2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Giám đốc: Vũ Văn Tiểu

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học và thử nghiệm các sản phẩm, công nghệ trong các lĩnh vực độ bền nhiệt đới, sinh thái nhiệt đới và y sinh nhiệt đới; Phối hợp các hoạt động KHCN giữa các Viện nghiên cứu của hai nước Việt Nam và Liên bang Nga; Chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam; Đào tạo cán bộ khoa học trình độ cao;

Lĩnh vực hoạt động: Công nghệ và thiết bị xử lý nước và không khí phục vụ các ngành công nghệ sinh học, y tế, dược, thủy sản xuất khẩu; Công nghệ thuần hóa, huấn luyện cá heo biển Đông phục vụ kinh tế và bảo vệ nguồn lợi; Công nghệ cathode bảo vệ các công trình vùng biển đảo; Bảo quản trang bị kỹ thuật bằng công nghệ tiên tiến (ức chế bay hơi, chân không, khí khô...); Trang bị cá nhân bảo vệ cơ quan hô hấp phục vụ công nghiệp và kinh tế quốc dân; Đánh giá tác động môi trường độc hại đến sức khỏe của người lao động; Phương pháp điều trị bệnh bằng oxy cao áp;

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Máy phân tích đa năng ANALYZER MF 707 | VN332053/1 |
| 2. Hệ thống lọc sinh học và khử trùng nước biển | VN292412/1 |
| 3. Tủ hút hóa chất AIRSORB-7991 và các thiết bị xử lý hơi hóa chất | VN2923/551 |
| 4. Buồng an toàn hữu cơ (BAO) | VN2923/557 |
| 5. Thiết bị hút bơm-kim tiêm CT-7-2567 | VN2921/554 |
| 6. Công nghệ "KATOX" xử lý nước nhiễm sắt cao thành nước sạch sinh hoạt | VN4100/555 |
| 7. Khóa không khí, nút gió, buồng tắm khô (Airlock, Harchways, Air Shower) | VN2924/553 |
| 8. Tủ cấy vi sinh (8-10 loại khác nhau) | VN2924/552 |
| 9. Thiết bị xử lý hơi độc tổ hóa chất trong công nghiệp | VN2923/559 |
| 10. Tủ hút hóa chất hữu cơ AIRSORB-7991 | VN2923/560 |
| 11. Tủ truyền (PASS BOX) | VN2923/561 |
| 12. Thiết bị xử lý mùi, bụi, độc tổ hóa chất dưới dạng cánh tay di động | VN2923/558 |
| 13. Tủ hút vô trùng (các loại) | VN2923/556 |
| 14. Thiết bị lọc vô trùng không khí (A-8M) | VN2923/550 |

102: TRUNG TRÂM SINH HỌC THỰC NGHIỆM

Tel: 04-8549438

Fax: 04-8545952

E-mail: sinhhoc@hn.vnn.vn

Địa chỉ: C6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Giám đốc: Đặng Xuyên Như

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng và triển khai vào thực tiễn các thành tựu của công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng;

Lĩnh vực hoạt động: Sinh học phục vụ nông nghiệp và bảo vệ môi trường; Sản phẩm, dịch vụ KH-KT-CN đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Phân tích, đánh giá các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường; Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật; Công nghệ sản xuất rau sạch bằng kỹ thuật thủy canh; Nhân giống và nuôi trồng vi tảo

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Quy trình nhân giống và nuôi trồng vi tảo phục vụ dinh dưỡng và nuôi trồng thủy sản | VN0141/174 |
| 2. Quy trình xử lý chất thải chăn nuôi lợn | VN9000/177 |
| 3. Quy trình sản xuất một số loại hoa | VN112/176 |
| 4. Quy trình bảo quản quả bằng màng | VN1533/178 |
| 5. Quy trình sản xuất rau sạch bằng phương pháp thủy canh | VN0112/707 |
| 6. Cung cấp giống hoa lan | VN0112/159 |
| 7. Công nghệ sản xuất rau sạch bằng phương pháp thủy canh | VN0112/156 |
| 8. Phân lập, nhân giống và nuôi trồng vi tảo phục vụ nuôi trồng thủy sản | VN0141/157 |
| 9. Phân tích, đánh giá các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường, phân tích chất lượng nước sinh hoạt | VN3320/158 |

103. TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THÔNG TIN KHCN TỈNH QUẢNG BÌNH

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Giới thiệu tổng quan về các thành tựu của ngành KHCN tỉnh

104. TRUNG TÂM THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ MÓI- NEPTech

Tel: 08.9326299

Fax: 08.9326710

E-mail: info.neptech@neptech.com.vn

Địa chỉ: 244 Điện Biên Phủ, Q.3, TP. HCM

Giám đốc: Phan Minh Tân

Chức năng nhiệm vụ chính: Cung cấp cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị cho các nhà khoa học, nhà sáng tạo hoàn thiện thiết kế và chế tạo thử, Thiết kế cơ khí và công nghệ các thiết bị công nghệ theo mẫu nước ngoài hoặc theo yêu cầu công nghệ, Chế tạo thiết bị mới, Tư vấn chuyển giao công nghệ, thiết kế, quy trình chế tạo cho các doanh nghiệp, Thẩm định đánh giá công nghệ, chất lượng và giá thiết bị mới,

Lĩnh vực hoạt động: Cơ khí chế tạo máy, Tự động và điều khiển, Tư vấn chuyển giao và thẩm định công nghệ, Sản phẩm, Dịch vụ KH-CN đã thực hiện cung cấp chuyển giao: Dây chuyền thiết bị chế biến chả giò công nghiệp, Máy đùn nhân chả giò, Máy đùn nhân bánh bao, Máy bẻ tôn thủy lực - CNC, Máy ve chôm cầu, Dịch vụ thiết kế máy dựa trên mẫu máy nhập ngoại, Tư vấn, thẩm định thiết bị và công nghệ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy đùn nhân chả giò

VN295316/1155

**105: TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM VÀ CHUYÊN GIAO KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP RỪNG, VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM**

Tel: 04.8389030 **Fax:** 04.8387179 **E-mail:** vkhl@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội

Giám đốc: Nguyễn Văn Hoạt

Chức năng nhiệm vụ chính: Thực nghiệm chế biến thử các sản phẩm mới phục vụ cho việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất- Chế tạo thiết bị và chuyển giao công nghệ chế biến gỗ và lâm sản- Thực hiện các dịch vụ KHCN trong lĩnh vực phòng chống mối mọt, bảo quản lâm sản

Lĩnh vực hoạt động:- Thực nghiệm, chế thử các sản phẩm mới, đưa tiến bộ KT vào sản xuất- Chuyển giao và dịch vụ kỹ thuật công nghiệp rừng- Thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phòng chống mối mọt cho các công trình xây dựng, bảo quản lâm sản và chuyển giao công nghệ về vấn đề nhân tạo

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Máy ép thủy lực các loại dùng để sản xuất ván dăm, ván dán, cốt ép | VN29404/1 |
| 2. Công nghệ và thiết bị cho vườn ươm cây tươi phun tự động quy mô 200.000- 1.000.000 (cây/năm) | VN0142/1 |
| 3. Máy băm dăm gỗ và tre (tạo dăm cho sản xuất bột giấy, ván dăm và dăm xuất khẩu) | VN29404/1 |
| 4. Công nghệ và thiết bị ép các sản phẩm định hình từ mùn cưa, vỏ bào, cốt đan, gỗ bóc,... | VN29404/1 |
| 5. Thiết bị và công nghệ sấy gỗ xẻ để sản xuất đồ mộc và đồ mộc xuất khẩu | VN29214/1 |
| 6. Hệ thống sấy gỗ liên tục, ứng dụng lò đốt phế thải nông lâm nghiệp theo công nghệ tầng sôi | VN2932/262 |
| 7. Dây chuyền thiết bị sản xuất ván dăm quy mô nhỏ tận dụng phế liệu gỗ từ dây chuyền sản xuất đồ mộc | VN2940/261 |
| 8. Máy băm dăm gỗ lưu động | VN2955/258 |

**106: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Tel: 04.8544066 **Fax:** 04.8549680 **E-mail:** lipro@hn.vn.vn

Địa chỉ: C6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

Giám đốc: Tạ Văn Tuấn

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu triển khai các công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện từng địa phương; Chế thử các sản phẩm công nghệ cao; Thực hiện dịch vụ khoa học kỹ thuật: thông tin tư vấn, bồi dưỡng cán bộ và chuyển giao công nghệ vào sản xuất

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--------------------------------|------------|
| Súng tập bắn điện tử | VN296013/1 |
| Thiết bị sấy bức xạ hồng ngoại | VN295315/1 |
| Nguồn bức xạ hồng ngoại | VN316213/1 |

107: TRUNG TÂM VẬT LIỆU MÔI TRƯỜNG KHẮC NGHIỆT (HIMTEC) - VIỆN CƠ HỌC

Tel: 04.9178036 **Fax:** 04.8327708 **E-mail:** iftech@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 264 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Giám đốc: PGS.TS Nguyễn Việt Cường

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng các vật liệu vô cơ có độ bền cao, chống thấm tốt, bền hoá chất, kiềm, axit, muối chịu được các môi trường khắc nghiệt trong tự nhiên, trong nhà máy và các khu xử lý nước thải; Nghiên cứu các môi trường khắc nghiệt như: gió Lào, mưa axit, không khí bị nhiễm độc hại, nước ô nhiễm độc hại có ảnh hưởng tới dân sinh, kinh tế đề xuất các biện pháp thực hiện; Đào tạo các cán bộ có trình độ cao trong lĩnh vực về vật liệu, công trình, môi trường và nhận tham gia các hợp đồng chuyển giao cung cấp công nghệ chế tạo vật liệu môi trường khắc nghiệt, tính toán môi trường và xử lý môi trường.

Lĩnh vực hoạt động: Vật liệu chống thấm cho các công trình mới thi công, thi công đã lâu, và đặc biệt không cần bóc các lớp bề mặt; vật liệu chống gỉ cho thép trong các môi trường khắc nghiệt; Xử lý các sự cố công trình; Cung cấp dự báo khí tượng du lịch cho khách sạn; Đánh giá tác động môi trường đến dân sinh kinh tế; Đánh giá vật liệu trong môi trường khắc nghiệt; Xử lý các môi trường khắc nghiệt.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|--------------|
| 1. Dịch vụ tư vấn, dự báo khí tượng du lịch | VN74/215 |
| 2. Tư vấn công nghệ chống rỉ cho thép trong môi trường khắc nghiệt | VN243021/213 |
| 3. Tư vấn công nghệ chống rỉ cho thép trong nhà máy hoá chất | VN24/214 |
| 4. Dịch vụ Công nghệ chống thấm không bóc lớp gạch bề mặt | VN24/211 |
| 5. Dịch vụ chế tạo nồi nấu mạ kẽm nhúng nóng đường dây 220- 500Kv | VN74/210 |
| 6. Dịch vụ chế tạo nồi nấu Protector cho tàu thủy giàn khoan | VN74/209 |
| 7. Công nghệ chống thấm khi đổ bê tông | VN24/212 |

108: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHCN HÀ TĨNH

Tel: 039.856107

Địa chỉ: đường Trần Phú, thị xã Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Giới thiệu tổng quan về các thành tựu của ngành KHCN tỉnh Hà Tĩnh (thông tin tư liệu và các sản phẩm thu được từ các đề tài, dự án; các sản phẩm hàng hoá chất lượng cao: nước mắm Thành đạt, nước khoáng Sơn Kim, sản phẩm TiO_2)
2. Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật sản xuất cây giò trầm,
3. CN xử lý phòng ngừa môi,
4. CN sản xuất chế phẩm BOVERIN trừ sâu Róm thông
5. CN hom sản xuất cây lâm nghiệp
6. CN xử lý môi trường bằng pháp phương pháp sinh học,
7. CN xử lý nước sinh hoạt

109: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHCN NGHỆ AN

Tel: 038.561963

Địa chỉ: 75B Nguyễn Thị Minh Khai, Vinh, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Nuôi thả cánh kiến đỏ
2. Sản xuất nấm và Nấm dược liệu
3. Sản xuất giống nấm
4. Công nghệ vi ghép sản xuất cây có mùi sạch bệnh
5. Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế thải nông nghiệp

110: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HUẾ

Tel: 054.824030

Fax: 054.825902

Địa chỉ: Số 03 Lê Lợi, Thành Phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Quy trình chiết xuất Protease
2. Quy trình sinh sản nhân tạo tôm rằn
3. Quy trình sinh sản nhân tạo cá diếc
4. Quy trình chế biến, bảo quản, sử dụng củ và lá sắn làm thức ăn gia súc
5. Ủ chua đầu tôm làm thức ăn gia súc
6. Quy trình nuôi giun
7. Quy trình chế biến và bảo quản rom rạ, thân cây ngô làm thức ăn cho trâu bò
8. Giới thiệu tổ hợp lợn lai PiE (Y x MC)
9. Tách và chọn giống ngô Cồn hén (TTH)
10. Tập đoàn ngô nếp ở TTH
11. Giống lạc DT1, DT2, DT3. Giống lúa TC1

111: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I HÀ NỘI

Tel: 0912329798

Fax: 049742521

E-mail: anhuuho@yahoo.com

Địa chỉ: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài KC.07.20: PGS.TS. Hồ Hữu An

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu tạo ra các giống rau chất lượng cao, các công nghệ sản xuất rau chất lượng cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhân giống-Chuyển giao kỹ thuật, phát triển các giống ra sản xuất lớn. Dịch vụ khoa học, kỹ thuật

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|----------|
| 1. Công nghệ sản xuất rau an toàn không dùng đất | VN011/1 |
| 2. Công nghệ nhân giống và nuôi trồng hoa lan Hồ Điệp | VN011/74 |
| 3. Công nghệ sản xuất hạt lai F1 hệ "hai dòng" | VN011/73 |
| 4. Chế phẩm vi sinh xử lý phế thải rắn, lỏng chống ô nhiễm môi trường | VN90/80 |

5. Công nghệ sản xuất giống khoai tây sạch bệnh
6. Phân hữu cơ vi sinh bón cho hoa cây cảnh
7. Chế phẩm vi sinh vật xử lý tàn dư thực vật trên đồng ruộng

VN011/77
VN2415/82
VN014/84

112: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Tel: 04.8522201

Fax: 04.5633351

E-mail: wru@fpt.vn

Địa chỉ: 175 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chức năng nhiệm vụ chính: đào tạo đại học, cao đẳng và sau đại học (nâng cao, thạc sỹ, tiến sỹ); Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ sản xuất...-

Lĩnh vực hoạt động: Kỹ thuật tài nguyên nước: Bao gồm: thủy văn và môi trường, công trình thủy lợi, Quy hoạch và quản lý hệ thống công trình, cơ sở hạ tầng nông thôn, thủy điện; Máy và thiết bị thủy lợi; Công nghệ thông tin, Công trình bờ biển, Kinh tế thủy lợi; Sản phẩm và dịch vụ khoa học công nghệ: Công nghệ thủy lợi khai thác, sử dụng nước ngầm phục vụ cho vùng trồng hoa và sản xuất rau an toàn; Công nghệ thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản ở các vùng ven biển và vùng đất cát; Công nghệ thủy lợi kết hợp các biện pháp nông - lâm nghiệp cho các vùng trồng cây có giá trị kinh tế cao v.v

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Công nghệ sản xuất kết cấu xi măng lưới thép vỏ mỏng VN41/273
2. Công nghệ khai thác, sử dụng nước ngầm phục vụ vùng trồng hoa và rau VN41/274
3. Công nghệ SCADA điều khiển và giám sát tự động từ xa các hệ thống công trình thủy lợi VN32/276
4. Cài đặt và đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán thủy lực, kết cấu, thiết kế và quản lý công trình thủy lợi VN72/282
5. Công nghệ khai thác, sử dụng nước ngầm VN41/277
6. Công nghệ thủy lợi tiên tiến phục vụ nuôi trồng thủy sản thâm canh và quy mô công nghiệp VN41/281
7. Công nghệ tính toán và sản xuất van phá chân không tự nén cho các trạm bơm VN72/286
8. Một số phần mềm ứng dụng trong thiết kế, quản lý hồ chứa lợi dụng tổng hợp và quản lý hệ thống nước tưới VN72/287
9. Công nghệ phân tích kết cấu mảng mềm VN72/285
10. Hệ thống SCADA/MAC điều khiển và giám sát tự động từ xa các công trình thủy lợi VN3002/794
11. Công nghệ thủy lợi kết hợp với các biện pháp nông-lâm nghiệp cho vùng trồng cây có giá trị kinh tế cao VN41/279
12. Công nghệ thủy lợi tiên tiến phục vụ nuôi trồng thủy sản ở vùng đất cát VN41/280
13. Công nghệ tính toán và sản xuất kết cấu chân kè TOE-HWRU 2001 VN72/283
14. Chương trình tính toán thủy lực công trình EHPro VN7220/792

- | | |
|--|------------|
| 15. Phần mềm cải tiến và Việt hoá chương trình CropWat for Windows 4.3 của FAO | VN7220/793 |
| 16. Giải pháp đồng bộ cấp nước ngầm cho vùng trồng rau an toàn, hoa và cây đặc sản | VN2932/270 |
| 17. Công nghệ sản xuất lắp đặt cầu máng xi măng lưới thép dẫn nước | VN2932/269 |

113: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH (KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)

Tel: 038.855413

Địa chỉ: 182 đường Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- Phần mềm Quản lý tiền lương
- Phần mềm Quản lý tài sản cố định
- Phần mềm Quản lý học bổng
- Phần mềm Quản lý tuyển sinh sau Đại học
- Phần mềm Quản lý điểm của Sinh viên
- Xây dựng trang Website của Đại học Vinh
- Siêu thị bán hàng trên mạng

114: VIỆN CHĂN NUÔI

Tel: 04.8389267 **Fax:** 04.8389775 **E-mail:** thuy-niah@netnam.org.vn

Địa chỉ: Xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Viện trưởng: PGS.TS Nguyễn Đăng Vang

Chức năng nhiệm vụ chính: Chức năng nghiên cứu và triển khai áp dụng các vấn đề sau:- Di truyền và nhân giống; Chọn lọc và nhân các giống nội và ngoại, công thức lai tạo giống và kinh tế, khả năng thích nghi các giống ngoại, Bảo tồn quỹ gen các giống vật nuôi nội địa, thuần hoá và nhân rộng các giống hoang dã thành động vật kinh tế; Tín hiệu di truyền bằng di truyền phân tử, miễn dịch; Sinh lý và sinh hoá vật nuôi; Sinh lý và sinh hoá tiêu hoá, Nhu cầu dinh dưỡng của các loại vật nuôi, xây dựng khẩu phần thức ăn tối ưu; Khai thác các nguồn thức ăn, chế biến các loại thức ăn, phế phụ phẩm; Chọn lọc, nhân giống, lai tạo và kỹ thuật phát triển đồng cỏ; Sinh lý sinh sản; Kỹ thuật sinh sản và TTNT, chế biến bảo quản tinh; Kỹ thuật cấy truyền phôi, nhận phôi, bảo quản phôi; Các kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc; Mô hình chăn nuôi bền vững cho các vùng sinh thái; Kỹ thuật chế biến sản phẩm chăn nuôi; Đào tạo sau đại học. Mở các lớp tập huấn cho nông dân; Xuất bản các loại thông tin khoa học chăn nuôi trên giấy, băng từ và internet;

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|-----------|
| 1. Quy trình sản xuất và sử dụng hỗn hợp muối- khoáng ở bò sữa, bò thịt | VN01211/1 |
| 2. Công nghệ chẩn đoán nguyên nhân chậm sinh ở bò bằng kỹ thuật miễn dịch enzyme- EIA- P4 và siêu âm | VN0142/1 |
| 3. Quy trình sản xuất- chế biến sữa chua, caramen, bánh sữa từ sữa bò tươi | VN155/1 |

4. Kỹ thuật nuôi chim bồ câu Pháp	VN01241/1
5. Dung dịch phát hiện nhanh bệnh viêm vú ở bò sữa (CMT)	VN0121/1
6. Tàng khoáng liếm bổ sung khoáng đa vi lượng cho bò sữa và bò thịt	VN1571/1
7. Quy trình sản xuất khoáng hữu cơ dùng trong chăn nuôi	VN1571/1
8. Giống gà chăn thả năng suất chất lượng cao, giống ngan cao sản, giống đà điểu châu Phi, ba dòng chim bồ câu	VN0124/1
9. Giống vịt, ngan cao sản	VN0124/1
10. Đánh giá chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	VN151/1
11. Quy trình ấp trứng gia cầm đa kỳ, đa giống	VN0124/1
12. Công nghệ Gen xác định nhanh giới tính phôi bò 7 ngày tuổi	VN0121/764
13. Kỹ thuật trồng và sử dụng một số giống cỏ họ đậu, hoà thảo làm thức ăn chăn nuôi	VN0111/1
14. Môi trường pha loãng tinh dịch lợn VCN	VN0123/1
15. Các nhóm lợn Móng Cái chất lượng cao	VN0123/1
16. Lợn i giống	VN0123/1
17. Công nghệ đánh giá chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	VN1511/1
18. Các phần mềm quản lý trang trại chăn nuôi/đàn giống	VN7220/1
19. Giống vịt bầu Quý	VN0124/1
20. Chế phẩm Kích dục tố "Huyết thanh ngựa chữa tinh chế"	VN0122/1
21. Quy trình xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ Biogas	VN9000/742
22. Quy trình công nghệ sản xuất kích dục tố từ huyết thanh ngựa chữa	VN0122/748
23. Phần mềm quản lý giống bò sữa (VDM)	VN0121/772
24. Công nghệ bảo quản trứng thương phẩm bằng phương pháp phun dầu	VN0124/756
25. Quy trình công nghệ sản xuất môi trường pha loãng tinh dịch lợn	VN0123/763
26. Dòng chim bồ câu pháp MiMas	01241/829
27. Dòng chim bồ câu Pháp VN1	01241/830
28. Công nghệ sản xuất gà lông màu Kabir năng suất chất lượng cao	01241/831
29. Công nghệ chế biến thịt bò thành súp thịt viên chất lượng cao, thuận tiện cho tiêu dùng	VN1513/751
30. Công nghệ chế biến thịt gà xông khói	Vn1513/754
31. Dòng Chim bồ câu Pháp Ti Tan	01241/828
32. Công nghệ sản xuất và chế biến gan béo từ ngan Pháp dòng R71 và vịt lai ngan	VN1513/752
33. Tủ ấp trứng gia cầm thủ công cải tiến (NĐT5000-800) và phương pháp ấp trứng gia cầm đa kỳ - đa giống	VN2923/762
34. Quy trình công nghệ phân tích Axit amin bằng máy sắc ký lỏng cao	VN0142/770

35. Quy trình công nghệ cấy truyền phôi bò	VN0121/749
36. Quy trình công nghệ tạo 2 dòng vịt cao sản hướng thịt V1 V6 tại Việt Nam	VN0124/773
37. Công nghệ chế biến gà ác tần được thảo	VN1513/755
38. Quy trình công nghệ phân tích Aflatoxin (B1B2G1G2) bằng máy sắc ký lỏng cao áp	VN0142/768
39. Công nghệ chế biến thịt ngan hầm măng, bảo quản được lâu ngày và thuận tiện cho tiêu dùng	VN1513/750
40. Quy trình tạo phôi bò trong ống nghiệm	VN0121/765
41. Quy trình công nghệ phân tích nguyên tố vi lượng bằng máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	VN0142/766
42. Công nghệ Sản xuất Ngan pháp năng suất chất lượng cao	01241/827
43. Công nghệ sản xuất gà lông màu Lương phượng năng suất chất lượng cao	01241/832
44. Quy trình thụ tinh nhân tạo ngan vịt	VN0124/761
45. Quy trình công nghệ: Định lượng hormon sinh sản Progesteron ở bò sữa	VN0121/771
46. Đánh giá nhanh chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	VN15111/229
47. Phân tích chất lượng mẫu thức ăn gia súc	VN157/228
48. Đào tạo tập huấn kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và công nghệ chẩn đoán-điều trị các bệnh sinh sản ở bò	VN731012/227
49. Dịch vụ phân tích 16 loại axitamine, phân tích aflatoxin, khoáng vi lượng phục vụ cho ngành công nghiệp chăn nuôi	VN743/226
50. Xác định nhanh giới tính phôi bò bằng công nghệ ADN	VN731012/225
51. Đào tạo huấn luyện kỹ thuật chăn nuôi bò sữa, bò thịt và cây thức ăn cho gia súc nhai lại	VN0142/230

115: VIỆN CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

Tel: 04.8687250; 04.8689724 **Fax:** 04.8687242 **E-mail:** viae@fpt.vn

Địa chỉ: 54 Ngõ 102 - Đường Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

Viện trưởng: PGS.TS Phan Thanh Tịnh

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, vận hành, sửa chữa các hệ thống máy, thiết bị, quy trình công nghệ phục vụ cơ giới hoá trong: trồng trọt, chăn nuôi, tưới tiêu, bảo quản và chế biến nông sản, SX muối, ngành nghề nông thôn và môi trường SXNN; - Nghiên cứu các đặc điểm sinh lý, hoá sinh, vi sinh nông sản thực phẩm; - Nghiên cứu công nghệ sơ chế, bảo quản, CBNS; - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tự động hoá, năng lượng điện và các dạng năng lượng khác phục vụ SXNN; - Thực hiện công tác đo lường - hiệu chuẩn, khảo nghiệm và giám định chất lượng máy, thiết bị cơ khí nông nghiệp; phân tích chất lượng, xây dựng tiêu chuẩn hoá nông sản theo nhiệm

vụ được Bộ NN&PTNT giao; - CGCN; TVĐT; DVKT&SXKD trong lĩnh vực cơ điện NN&CNSTH; - Đào tạo sau đại học, bồi dưỡng cán bộ và nhân lực về cơ điện NN&CNSTH; - Ký kết & triển khai các hợp đồng liên kết hợp tác về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định nhà nước.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Nhà trồng cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	VN0142/1
Máy bóc bẹ tẽ hạt ngô- BBTH-2,5	VN293/1
Liên hợp máy thu bắp ngô TNB-2	VN293/1
Máy đào lạc ĐL- 0,3	VN29323/1
Máy liên hợp thu hoạch lúa tự hành GLH- 0,3A	VN293233/1
Máy đập đỗ tương giống	VN293/1
Công nghệ chế biến mứt mận nguyên quả	VN153312/1
Công nghệ bảo quản cam	VN153312/1
Công nghệ sấy hồng	VN153312/1
Công nghệ bảo quản quả điều tươi, dịch ép tươi, dịch cô đặc	VN1533/1
Nhà trồng dùng cho sản xuất cây ăn quả, hoa màu và các cây công nghiệp khác kiểu đơn giản	VN0142/1
Công nghệ bảo quản sản lát khô	VN156/1
Hệ thống điều khiển tự động tưới theo độ ẩm (hoặc theo thời gian) bằng chương trình phần mềm	VN293/1
Công nghệ bảo quản thóc, ngô theo hướng IPM quy mô hộ gia đình	VN1561/1
Công nghệ bảo quản khoai lang thương phẩm	VN153312/1
Công nghệ lạnh đông nhanh IQF một số rau quả	VN153311/1
Công nghệ bảo quản đậu cove	VN1533/1
Công nghệ đóng hộp đậu Hà Lan, cà rốt	VN15339/1
Công nghệ bảo quản khoai tây thương phẩm	VN152112/1
Liên hiệp tàu hút bùn HBPC 400 - 15	VN2912/1
Trạm bơm nổi công suất < 75 Kw	VN2912/1
Hệ thống tưới nhỏ giọt cho hộ gia đình	VN2912/1
Hệ thống tưới phun mưa cố định cỡ lớn	VN2912/1
Máy bơm xiên HTN công suất < 33 Kw	VN2912/1
Máy tạo khí Ozone và ion âm	VN29241/1
Hệ thống tự động điều khiển dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi tổng hợp (có sử dụng PC và PLC)	VN293263/1
Hệ thống tự động điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm nguyên liệu trong máy sấy nông sản	VN33207/1
Hệ thống tưới phun mưa bán di động cỡ nhỏ	VN2912/1

Thiết bị lọc thô và lọc tinh nước mặn cho trại giống thủy sản	VN41001/1
Thiết bị cấp thoát nước cho ao nuôi tôm thương phẩm	VN2912/1
Hệ thống tưới phun mưa cố định	VN2912/1
Hệ thống tưới nhỏ giọt có điều khiển tự động	VN2912/1
Hệ thống tưới phun sương có điều khiển tự động	VN2912/1
Công nghệ chế biến rượu Brandy mang hương vị điều	VN15911/1
Hệ thống tăng nhiệt bằng nước nóng sưởi ấm cho tôm giống (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.01)	VN2932/257
Công nghệ bảo quản cà chua (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	VN1533/248
Hệ thống thiết bị chăn nuôi lợn thịt (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	VN2932/251
Hệ thống thiết bị chế biến thức ăn viên thô cho bò (40-60% vi lượng, cao đạm, ngô, sắn... và 60-40% thức ăn thô) (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	VN2932/252
Hệ thống thiết bị giết mổ lợn (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	VN2953/253
Thiết kế chế tạo, lắp đặt và chuyển giao hệ thống thiết bị dây chuyền sản xuất phân vi sinh	VN2932/218
Thiết bị sấy hạt nông sản	VN2953/197
Máy gặt đập liên hợp thu hoạch lúa GDL-0.3A	VN2932/179
Sản phẩm đồ hộp: Quả nước đường-Rau dầm dầm-Rau tự nhiên-Nước quả tự nhiên	VN1533/178
Máy sấy rau quả SSRQ-12	VN2953/181
Công nghệ sản xuất thuốc trừ sâu sinh học <i>Bacillus thuringiensis</i> phục vụ nông lâm nghiệp và phòng bệnh cho người	VN242/199
Thiết bị đảo nước làm tăng oxy và đảo tầng nước trong ao nuôi tôm thương phẩm (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-01)	VN2932/256
Bơm hướng trục đứng vật liệu inox dùng trong trang trại nuôi tôm thương phẩm	VN2932/258
Công nghệ bảo quản đu đủ (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	VN1533/249
Hệ thống thiết bị chăn nuôi gà lông (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	VN2932/250
Máy sấy long nhãn trục đứng quay SN-300(Longan drier with rotary wheel, Model SN-300)	VN2953/171
Quy trình công nghệ chế biến trà gừng	VN1586/200
Công nghệ chế biến xôi ăn liền	VN1588/201

Thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi (máy nghiền các loại nguyên liệu có tỷ trọng nhỏ)	VN2953/206
Công nghệ bảo quản quả vải thiều tươi	VN1533/177
Công nghệ bảo quản quả điều khô	VN1533/192
Thiết bị sấy vải thiều	VN2953/183
Công nghệ sản xuất <i>Bacillus pumilus</i> đối kháng cho mục đích phòng chống nấm mốc và aflatoxin trên nông sản	VN2420/255
Dây chuyền thiết bị chế biến một số loại hạt giống cây trồng chất lượng cao quy mô vừa và nhỏ (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-05)	VN2932/259
Công nghệ sơ chế bảo quản sắn, khô dầu làm thức ăn gia súc (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc chương trình KC-07-08)	VN1571/243
Công nghệ sản xuất quả nhuyễn na, ổi, dứa (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	VN1533/244
Lò đốt tầng sôi các phế thải nông lâm nghiệp	VN2932/215
Công nghệ sấy khô quả điều khô	VN2953/205
Công nghệ bảo quản và chín nhanh quả hồng	VN1533/174
Dây chuyền thiết bị chế biến một số loại hạt giống cây trồng chất lượng cao quy mô vừa và nhỏ	VN2932/195
Công nghệ chưng luyện rượu điều	VN159/195
Công nghệ chế biến nước sen	VN159/202
Công nghệ sản xuất phân bón vi sinh phục vụ nông lâm nghiệp và phòng bệnh cho người	VN2415/204
Cày đĩa + xới sâu CD + XS - 3 - 30	VN2932/352
Lò đốt tầng sôi các phế thải nông lâm nghiệp (Trấu, mùn cưa, vỏ cà phê v.v)	VN29/396
Tư vấn, thiết kế, xây dựng và thực hiện các dự án, các mô hình sản xuất trong nông nghiệp	VN0141/221
Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các hệ thống thiết bị máy thủy khí phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn	VN2912/220
Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các hệ thống thiết bị phục vụ cơ giới hoá tưới tiêu	VN2912/223
Giám sát, đánh giá chất lượng, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy thủy khí, cơ giới hoá tưới tiêu	VN2912/222
Thực hiện quy hoạch nông nghiệp và thủy lợi	VN014/224
Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho chuyên ngành máy thủy khí và cơ giới hoá nông thôn	VN2912/219
Giới thiệu các công nghệ mới, sản phẩm mới và đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực máy thủy khí, cơ giới hoá tưới tiêu	VN2912/218
Dây chuyền chế biến hạt thóc giống	VN2953/58

Dây chuyền chế biến hạt ngô giống công suất 1,0, 1,5 và 2,0 tấn/giờ	VN2953/59
Công nghệ chế biến bột dinh dưỡng ăn liền	VN1561/66
Thiết kế, chế tạo và chuyển giao mẫu cây liên hợp cây lặt và xới sâu phục vụ làm đất cơ bản trồng mía và trồng dừa.	VN2932/60
Chế biến canh chua ăn liền	VN1589/67
Liên hợp máy thu bắp ngô 2 hàng năng suất: 0,2-0,3 ha/h	VN2932/69
Cơ giới hoá đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp	VN2932/62
Công nghệ bảo quản nấm sò tươi	VN15/63
Thiết kế, chế tạo và chuyển giao hệ thống thiết bị nuôi tôm thương phẩm kiểu công nghiệp	VN2932/61
Máy tẽ ngô giống TNG-3.0	VN2932/65
Máy đập lúc giống ĐL6-1,0	VN2932/68
Lò đốt tầng sôi phế thải sinh khối	VN2921/54
Dây chuyền chế biến bán thành phẩm quả dạng mút, nguyên chất	VN2953/57
Công nghệ bảo quản hành củ (hành ta)	VN1533/52
Máy đập đổ tương giống DDT-0,5	VN2932/64

116: VIỆN CÔNG NGHỆ HOÁ HỌC

Tel: 08.8293889 **Fax:** 08.8293889 **E-mail:** dte@hcm.vnn.vn

Địa chỉ: 1 Mạc Đĩnh Chi, Q.1, TP.Hồ Chí Minh

Giám đốc: PGS.TSKH Lưu Cẩm Lộc

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực hóa học, công nghệ hóa học và xử lý môi trường (xử lý nước cấp, nước thải, chất thải rắn, khí cấp, khí thải); Đào tạo sau đại học theo các chuyên ngành hóa học và công nghệ hóa học; Tư vấn, chuyển giao công nghệ, triển khai sản xuất và thiết kế – chế tạo – lắp đặt các công trình trong lĩnh vực sản xuất hóa chất, chế biến thực phẩm, dược phẩm, xử lý môi trường;

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu và triển khai trong lĩnh vực hoá học, công nghệ hoá học và công nghệ xử lý môi trường...; Tiến hành tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực hóa học, thực phẩm, dược phẩm, xử lý môi trường...

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Hệ thống xử lý nước thải y tế | VN90/1 |
| 2. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp | VN90/1 |
| 3. Thiết bị sấy phun | VN295316/1 |
| 4. Lò đốt rác y tế | VN292112/1 |
| 5. Thiết bị thí nghiệm phục vụ ngành công nghệ hoá học | VN332/1 |
| 6. Thiết bị thí nghiệm phục vụ ngành Môi trường | VN332/1 |

**117: VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Tel: 84-4-7560742, 7567854 **Fax:** 84-4-7567854 **E-mail:** ngtdong@fpt.vn

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Giám đốc: Nguyễn Thế Đồng

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu những vấn đề khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực môi trường; - Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ môi trường vào thực tiễn để ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm, ngăn chặn suy thoái và bảo vệ môi trường Việt Nam; - Tư vấn với các cơ quan Nhà nước về các chính sách bảo vệ môi trường, phát triển môi trường bền vững và phát triển các công nghệ thân môi trường. - Nghiên cứu những vấn đề khoa học cơ bản và các vấn đề liên quan nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho sự phát triển ngành khoa học môi trường; - Nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường và triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn bảo vệ môi trường: đất, nước, không khí, sinh vật... - Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất vật liệu, thiết bị đo đạc, xử lý ô nhiễm, làm sạch môi trường và công nghệ sạch ít phế thải; - Hỗ trợ kỹ thuật trong xử lý các thông tin quản lý môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý môi trường, tham gia xây dựng và thực hiện các chiến lược, các chương trình hành động bảo vệ môi trường vùng và quốc gia; - Tư vấn cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, các doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ sạch vào sản xuất; - Tham gia đào tạo cán bộ khoa học về công nghệ môi trường có trình độ cao. Viện Công nghệ Môi trường - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam là đơn vị có tiềm lực chuyên gia và cơ sở vật chất mạnh hàng đầu ở Việt Nam. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực môi trường đo các cơ quan trên đặt hàng về lĩnh vực công nghệ môi trường, công nghệ xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn... Viện có các phòng chuyên về phân tích môi trường (nước, khí, chất rắn) với các chuyên gia lâu năm, kinh nghiệm, được trang bị nhiều thiết bị phân tích hiện đại. Viện có các phòng chuyên về công nghệ môi trường, quy tụ nhiều chuyên gia giỏi về công nghệ; thiết kế máy, thiết bị và thi công công trình. Viện đã và đang thực hiện nhiều đơn đặt hàng của các Công ty Việt Nam cũng như công ty Liên doanh về phân tích nước-khí; đánh giá tác động môi trường; dự báo ô nhiễm... Viện có phòng chuyên nghiên cứu về các hoá chất dùng trong xử lý nước thải và khí. Đã sản xuất được nhiều loại hoá chất xử lý nước và khí cung cấp cho thị trường. Viện có quan hệ chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Hà Nội và các địa phương khác Viện là đơn vị thành viên thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường của chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được ban chỉ đạo quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường tín nhiệm giao nhiều nhiệm vụ. Viện là đơn vị thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (trực thuộc Chính phủ). Các xưởng cơ khí của Viện được trang bị nhiều máy móc cho phép chế tạo các loại thiết bị trong công nghệ môi trường. Viện có các công ty xây dựng hỗ trợ công tác triển khai của Viện. Viện đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hơn nữa tiềm lực khoa học-công nghệ.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế VHI- 18B | VN90002/1 |
| 2. Quy trình sử dụng dung dịch điện hoạt hoá trong y tế, chăn nuôi, thủy sản | VN316213/1 |
| 3. Thiết bị "ECAWA" sản xuất dung dịch điện hoạt hoá | VN242014/1 |
| 4. Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế VHI-18B | VN292/148 |

5. Xử lý nước thải bệnh viện, các nhà máy công nghiệp khác nhau như chế biến hải sản, tinh bột, dệt nhuộm... VN90/39

118: VIỆN CÔNG NGHIỆP GIẤY VÀ XENLULO

Tel: 04.8581072 **Fax:** 04.8581070 **E-mail:** viengiay@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 59 Vũ Trọng Phụng-Thanh Xuân-Hà Nội

Viện trưởng: TS. Đào Sĩ Sành

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu dự báo chiến lược, xây dựng qui hoạch và tham gia tư vấn đầu tư phát triển khoa học công nghệ ngành công nghiệp giấy Việt Nam. Nghiên cứu khoa học công nghệ, nghiên cứu thiết kế thiết bị ngành công nghiệp bột giấy và giấy. Tư vấn, thẩm định các dự án nghiên cứu khoa học, dự án nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư phát triển ngành giấy Việt Nam, tư vấn thiết kế công nghệ và thiết kế kỹ thuật các dự án đầu tư. Hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật, thông tin đào tạo, kiểm định chất lượng nguyên liệu và các sản phẩm bột giấy và giấy, triển khai kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cao cho các cơ sở sản xuất. Sản xuất thử nghiệm các lô hàng nhỏ từ các kết quả nghiên cứu, các sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, phục vụ nhu cầu tiêu dùng và cho những nhu cầu đặt biệt khác.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

Máy chặt dăm mảnh nguyên liệu gỗ cứng cho sản xuất bột giấy	VN29551/1156
Thiết bị đồng bộ máy vát bột giấy và máy xử lý nhiệt bột giấy từ OCC	VN2955/1
Công nghệ sản xuất các sản phẩm giấy: Giấy in, giấy viết, giấy photocopy, các loại giấy bao gói chất lượng cao, cactong duplex, giấy in hình bóng nước, giấy bảo mật...	VN2112/1
Công nghệ sản xuất các loại bột giấy	VN2111/1
Thiết kế công nghệ, thiết kế kỹ thuật các nhà máy, xí nghiệp sản xuất bột và giấy	VN211/1
Thiết kế chế tạo các thiết bị cho ngành giấy	VN2955/1
Công nghệ xử lý dịch đen cho các nhà máy không có thu hồi hoá chất.	VN90/415
Công nghệ sản xuất giấy in hoa văn trang trí dùng cho các sản phẩm nhựa melamin và đồ mỹ nghệ gỗ, tre, nứa	VN211/412
Công nghệ tách dịch đen sau nấu giảm thiểu lượng nước dùng trong rửa bột, sử dụng phương pháp hoá lý để xử lý dịch đen sau nấu	VN90/414
Máy rửa bột giấy kiểu lưới đôi	VN2955/415
Phần mềm tính toán cân bằng vật chất cho nhà máy bột và giấy.	VN72/418
Công nghệ xử lý giấy loại bằng phương pháp tuyển nổi trên cơ sở đa dạng hoá công nghiệp và thiết bị sẵn có trong nước.	VN211/419
Máy vát bột giấy kiểu vít xoắn	VN2955/416
Công nghệ sản xuất giấy in sách chỉ dẫn (Directory paper)	VN211/417
Công nghệ sản xuất lô đá ép từ đá granit tự nhiên ở Việt Nam	VN268/417

Quy trình sản xuất hệ vi hạt silic kết tủa trong công nghiệp sản xuất giấy và cátông	VN241/420
Công nghệ gia keo bề mặt giấy và cátông bằng tinh bột sắn	VN211112/280
Kiểm định chất lượng bột giấy, giấy và các hoá chất phụ gia cho sản xuất giấy	VN211112/279
Lập dự án nghiên cứu tiền khả thi và Nghiên cứu khả thi cho đầu tư sản xuất bột giấy và giấy	VN211112/278

**119: VIỆN HOÁ HỌC CÁC HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Tel: 04.8361604 **Fax:** 04.8361604 **E-mail:** tuanuce@ich.ncst.ac.vn

Địa chỉ: A16, A18 Viện khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu giấy, Hà Nội

Viện trưởng: Châu Văn Minh

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh- Đa vi lượng từ than bùn và các chất thải hữu cơ | VN2415/1 |
| 2. Công nghệ sản xuất phân bón lá- Đa vi lượng Hudavil, dạng phức hữu cơ đa phối từ- đa nguyên tố | VN2415/1 |
| 3. Dây chuyền công nghệ sản xuất đồng bộ các chế phẩm sinh học dùng để tạo màu nước, xử lý ô nhiễm và phòng bệnh cho tôm bằng phương pháp vi sinh | VN158913/1 |

**120: VIỆN KỸ THUẬT HOÁ SINH VÀ TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ
TỔNG CỤC KỸ THUẬT - BỘ CÔNG AN**

Tel: 06947673 **Fax:** 06947664 **E-mail:** levan282@gmail.com

Địa chỉ: 80 Trần Quốc Hoàn, Hà Nội

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu triển khai về lĩnh vực hoá, sinh học và tài liệu; Nghiên cứu sản xuất các chế phẩm hoá sinh phục vụ công tác nghiệp vụ và yêu cầu phát triển kinh tế dân sinh

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|----------|
| 1. Bộ kiểm tra lượng đường Sacaroza trong đồ uống | VN3320/1 |
| 2. Test kiểm tra nước đun sôi. Ký hiệu WT04 | VN3320/1 |
| 3. Test kiểm tra Asen. Ký hiệu AT04 | VN3320/1 |
| 4. Test kiểm tra chì. Ký hiệu LT04 | VN3320/1 |
| 5. Test kiểm tra Methanol trong rượu. Ký hiệu MeT04 | VN3320/1 |
| 6. Test kiểm tra thủy ngân. Ký hiệu MT04 | VN3320/1 |

Viện trưởng: TS.Trương Hữu Trí

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng Mechatronics trong các lĩnh vực công nghiệp, công nghệ đặc biệt; thiết kế, chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới trong công nghiệp; thực hiện đầu tư và tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khoa học công nghệ khác.- Đào tạo tiến sĩ kỹ thuật ,tổ chức các khóa đào tạo nâng cao dài hạn và ngắn hạn cho các cán bộ, kỹ sư trong các ngành công nghiệp và Cơ quan nghiên cứu; Sản xuất các sản phẩm Mechatronics, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện tử, máy thiết bị, dụng cụ và dây chuyền công nghệ trong công nghiệp; cung cấp và lắp đặt các loại máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ, các hệ thống điều khiển tự động, thiết bị điện tử và phần mềm ứng dụng trong sản xuất công nghiệp.

Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp, bao gồm: công nghệ gia công đặc biệt, công nghệ gia công có phoi, công nghệ gia công không phoi, ăn mòn và chống ăn mòn kim loại, máy công cụ, thiết bị kỹ thuật môi trường, đo lường và điều khiển tự động, truyền dẫn thủy khí, cơ điện tử và công nghệ thông tin trong ngành chế tạo máy; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, thiết kế máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới trong công nghiệp; Thực hiện các đề tài nghiên cứu triển khai về thiết kế chế tạo máy và dụng cụ công nghiệp, công nghệ tự động hoá thuộc cấp Nhà nước, cấp bộ và cấp cơ sở; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và vận hành các loại máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị toàn bộ, thiết bị môi trường cho các cơ sở sản xuất trong và ngoài nước; Thiết kế, chế tạo các loại dụng cụ, khuôn mẫu cho các ngành công nghiệp; Thiết kế, chế tạo các loại cân công nghiệp, thiết bị định lượng tự động và bán tự động; Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: lập và thẩm định các dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư thiết bị và công nghệ; Thực hiện hợp tác KHKT, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh với các tổ chức trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực máy và thiết bị công nghiệp, bảo vệ môi trường; Đào tạo sau đại học, đào tạo tiến sĩ về công nghệ cao trong ngành cơ điện tử; Triển khai ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ trong sản xuất.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Máy cắt kim loại tấm CNC | VN294011/1 |
| 2. Máy phay F1050-CNC | VN294022/1 |
| 3. Máy cắt laser CNC | VN2940/1 |
| 4. Máy cắt bằng tia nước áp suất cao | VN294011/1 |
| 5. Trung tâm gia công cầu không gian ngang CNC | VN294012/1 |
| 6. Máy tiện CNC | VN294021/1 |
| 7. Máy hàn lồng thép điều khiển CNC | VN29406 /1 |
| 8. Máy phay F4025-CNC | VN294022/1 |
| 9. Tổ hợp khoan, hàn, cắt điều khiển CNC | VN294/1 |
| 10. Hệ thống đóng bao UREA | VN292/1 |
| 11. Hệ thống đóng bao Supe Lân | VN292/1 |
| 12. Máy phân loại cà phê hạt theo màu sắc Opsotec 5.00B kiểu 3 module | VN2932/1 |
| 13. Thiết bị làm sạch dầu thép bằng phương pháp phun bi | VN2924 1/1 |
| 14. Công nghệ chế tạo dây chuyền xay xát, lau bóng, phân loại và đóng gói gạo | VN1561/374 |

- | | |
|--|------------|
| 15. Công nghệ sản xuất cân điện tử công nghiệp: - Cân ô tô điện tử: 10-100 tấn - Cân tàu hỏa tĩnh/động điện tử: 100-120 tấn - Cân đóng bao một hoặc nhiều vòi trọng lượng 10-100kg năng suất 200-1000 bao/giờ - Cân silô tới 200 t/giờ | VN3320/375 |
| 16. Công nghệ chế tạo máy phay đứng CNC | VN2940/377 |
| 17. Công nghệ chế tạo máy cắt kim loại tấm Plasma-gaz điều khiển CNC | CN2940/378 |
| 18. Công nghệ chế tạo hệ thống thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường công nghệ cao. | VN9000/382 |
| 19. Công nghệ chế tạo dây chuyền chế biến cà phê hạt xuất khẩu | VN1586/372 |

123: VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM

Tel: 04-9423829 - 9421912 **Fax:** 04-9424133 **E-mail:** infor.vaec@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 59 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Viện trưởng: PGS.TS. Vương Hữu Tấn

Chức năng nhiệm vụ chính: Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam là tổ chức sự nghiệp khoa học trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có chức năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hạt nhân và năng lượng nguyên tử, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| Công nghệ sản xuất Zircon silicat làm men frit từ tinh quặng zircon | VN132016/1 |
| Bột đồng điện phân (bột Cu kim loại) | VN2744/1 |
| Chế phẩm phân bón vi lượng từ đất hiếm làm tăng năng suất cây chè | VN24153/1 |
| Máy tuyển từ nam châm đất hiếm NdFeB loại cường độ từ trường trung bình và loại cường độ từ trường cao | Vn29524/1 |
| Thiết bị đo mức bằng tia gamma, tự động điều khiển tháo Clanhke | VN3320/196 |
| Phần mềm mô phỏng quá trình chiết phân chia riêng rẽ các nguyên tố đất hiếm bằng tác nhân chiết | VN7220/163 |
| Công nghệ sản xuất thuốc bọc và que hàn điện nói chung và loại thuốc bọc que hàn điện hệ E 6013-XH44A nói riêng | VN2466/159 |
| Thiết bị phân tích nhanh Ca, Fe | VN3320/197 |
| Công nghệ chế tạo một số sản phẩm gốm trên cơ sở Alumina và Zirconia | VN2624/167 |
| Máy tuyển từ con lăn nam châm (NdFeB) đất hiếm | VN2952/198 |
| Công nghệ sản xuất bột mài bóng gương, kính và đá quý | VN2611/169 |
| Sản xuất chất ổn định nhiệt (stearat đa kim loại) cho gia công nhựa PVC | VN2466/162 |
| Dịch vụ thiết kế lắp đặt các hệ thống xử lý nước thải, khí thải cho các nhà máy giấy, đường, xi măng | VN7470/168 |
| Sản xuất phân bón vi lượng các nguyên tố đất hiếm | VN2415/165 |

Thiết bị điều khiển hệ thống cân bằng định lượng chế tạo phối liệu/nghiền xi măng	VN3320/195
Khối phổ kế Plasma (ICP-MS)	VN295/166
Sản xuất tổng đất hiếm và các oxit riêng rẽ từ tinh quặng Bastnezite Việt Nam	VN1450/164
Sản xuất và cung cấp các sản phẩm gốm chịu nhiệt cao cấp: gạch lỗ xả và chén corundum	VN262/239
Đánh giá tiềm năng và ô nhiễm nước ngầm bằng kỹ thuật thủy văn đồng vị	VN41/238
Sản xuất các đồng vị và dược chất phóng xạ	VN241351/237
Kiểm tra đánh giá chất lượng, tuổi thọ các công trình xây dựng	VN74203/236
Tư vấn công nghệ tuyển khoáng, đặc biệt trong lĩnh vực sa khoáng biển, cung cấp các thiết bị cho các cơ sở tuyển sa khoáng	VN268/235
Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm chất lượng cao	VN271/232
Các sản phẩm corundum, zirconium	VN268/234
Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm- Ca	VN271/233
Sản xuất các sản phẩm cốc, phế liệu kim loại	VN273/231
Kỹ thuật hạt nhân phục vụ sự nghiệp Y tế	VN7310 /30
Kỹ thuật hạt nhân phục vụ phát triển các ngành công nghiệp	VN7310 /29
Công nghệ bức xạ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	VN7310 /28
Kỹ thuật hạt nhân phục vụ nghiên cứu môi trường địa chất và thủy văn	VN7310/27
Kỹ thuật hạt nhân phục vụ phát triển nông nghiệp	VN7310 /26
Sản phẩm hợp kim fero Fe-Re-Mg hàm lượng Mg cao (VN-Fe Re Mg 08)	VN271/25
Sản phẩm hợp kim fero Fe-Re-Mg hàm lượng trung bình (VN-Fe Re Mg 05)	Vn271/24
Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm- Tital Fe-Re-Ti	VN271/23
Sử dụng kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu môi trường nước	VN7430/141
Cung cấp chế phẩm phòng trị nấm bệnh thực vật Olicide 9DD	VN0141/136
Cung cấp chế phẩm dược chất phóng xạ I-131, P-32, Tc-99m	VN7420/132
Cung cấp liều kế cá nhân và đo liều bức xạ	VN7430/132
Kiểm định và kiểm chuẩn cho các máy X-quang chẩn đoán	VN7430/49
Đo nồng độ ¹³⁷ Cs, các nhân phóng xạ trong dãy ²³⁸ U, ²³² Th trong các mẫu lương thực và thực phẩm (xuất, nhập khẩu)	VN7430/144
Công nghệ kiểm tra không phá hủy - NDT kiểm tra vật liệu kim loại	VN7430/128
Cung cấp chế phẩm kích thích tăng trưởng thực vật T&D 4 DD	VN0141/135
Nguồn gen lúa đột biến quý	VN0141/137
Khảo sát bồi lắng lòng hồ, cửa sông vùng ven biển	VN7420/131

Công nghệ sử dụng các kỹ thuật NDT kết hợp cho kiểm định hiện trường chất lượng bê tông công trình	VN7430/147
Các giống nấm nguyên chủng	VN0141/148
Xác định các chất ô nhiễm bụi khí	VN7430/138
Đào tạo và cấp chứng chỉ an toàn bức xạ	VN3320/127
Khảo sát phân bố thời gian lưu của các quá trình công nghiệp	VN7420/130
Nạp nguồn phóng xạ, thay nguồn phóng xạ cho các thiết bị có sử dụng nguồn phóng xạ, đặc biệt là các thiết bị dùng cho kiểm tra không phá mẫu (NDT), Bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, Tư vấn mua bán các thiết bị NDT	VN7420/133
Xác định tổng hoạt độ phóng xạ alpha, beta trong nước	VN7430/139
Đánh giá tốc độ xói mòn đất bằng kỹ thuật 137Cs	VN7420/140
Đo liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ	VN7430/142
Công nghệ nuôi trồng nấm	VN0141/129
Xác định nồng độ Radon trong không khí	VN7430/146
Xác định dư lượng thuốc trừ sâu trong các mẫu môi trường như: mẫu sediment, mẫu nước, mẫu biota (cá, ốc, tôm...)	VN7430/143
Xác định hoạt độ các nhân phóng xạ 90Sr, 239+240Pu, 137Cs, 210Pb, 40K, các nhân phóng xạ trên dây 238U, 235U và 232Th trong các mẫu môi trường	VN7430/145
Chuẩn các thiết bị đo lường bức xạ ion hóa	VN7430/126
Cung cấp vật liệu hydrogel phục vụ chữa bỏng và vết thương	VN7484/134

124: VIỆN NGHIÊN CỨU CHÈ, TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM

Tel: 0210865073 **Fax:** 0210865931 **E-mail:** vienche@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Quy trình công nghệ nhân giống vô tính giống chè LDP1 và LDP2 bằng giâm hom VN0113/767
2. Thiết bị lên men chè đen OTD liên tục VN2953/770

125. VIỆN NGHIÊN CỨU ĐIỆN TỬ, TIN HỌC VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ

Tel: 04.7164841 **Fax:** 04.7164842 **E-mail:** vanphong@vielina.com

Địa chỉ: 156A Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

Viện trưởng: Nguyễn Duy Hưng

Chức năng nhiệm vụ chính: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá- Bộ Công nghiệp với chức năng là cơ quan nghiên cứu triển khai KHCN thuộc lĩnh vực điện tử, tin học và tự động

hoá. Nhiệm vụ: nghiên cứu chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển KHCN ngành điện tử, tin học, tự động hoá; Tổ chức triển khai thực hiện các công trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học và kinh tế ngành điện tử, tin học, tự động hoá; Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ KHCN của Viện và tổ chức đào tạo sau đại học, trên đại học cho các đối tượng có nhu cầu; Tổ chức các hoạt động thông tin KHCN và kinh tế ngành điện tử, tin học và tự động hoá; Tham gia xây dựng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn về định mức kinh tế- kỹ thuật ngành, giám định các công trình thuộc lĩnh vực điện tử, tin học tự động hoá; Phát triển các quan hệ hợp tác về nghiên cứu trong lĩnh vực Điện tử- tin học- tự động hoá với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; Tư vấn về quản lý, chuyển giao công nghệ, các hoạt động dịch vụ công nghiệp, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm thuộc đề tài nghiên cứu.

Lĩnh vực hoạt động: Công nghệ tự động hoá; công nghệ thông tin; kỹ thuật điện tử và cơ điện tử; Hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ và đào tạo; Hợp tác quốc tế và hoạt động khoa học khác

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Hệ thống giám sát các thông số môi trường trong hầm lò CMMSxx | VN33207/1 |
| 2. Hệ thống tự động giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản Vielina-MCSxx/Vielina-DPSxx | VN33206/1 |
| 3. Máy đo khí Mêtan tự động loại xách tay Vielina-ĐCT.01 | VN295/1 |
| 4. Máy đo nhiều thông số tự động loại xách tay Vielina-ĐCT.03 | VN295/1 |
| 5. Phần mềm "Hệ thống quan trắc cảnh báo tình trạng môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản" | VN72202/1 |
| 6. Hệ thống tự động quản lý điện năng tiêu thụ dùng công tơ nhiều giá EMMS | VN332065/1 |
| 7. Hệ thống giám sát bằng video số VSS | VN33207/1 |
| 8. Hệ thống định lượng liên tục bằng băng tải BFC | VN332065/1 |
| 9. Phần mềm "Phát triển Website tối ưu" | VN72202/1 |
| 10. Phần mềm "Quản lý bệnh viện" | VN722021/1 |
| 11. Phần mềm "Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh thủy sản" | VN72202/1 |
| 12. Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý trạm trộn bê tông tươi CPC | VN33207/1 |
| 13. Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý trạm trộn bê tông APC | VN33207/1 |
| 14. Phần mềm "Hỗ trợ tác nghiệp hàng ngày cho các cơ quan doanh nghiệp"- trang tác nghiệp điện tử nội bộ | VN722022/1 |
| 15. Hệ thống quản lý bằng thẻ thông minh | Vn33202/1 |
| 16. Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý nhà máy thức ăn chăn nuôi CFPC | VN33207/1 |

**126: VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN – TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO
CÔNG NGHỆ MIỀN BẮC**

Tel: 031836656 - 836770 **Fax:** 031836812 - 836812 **E-mail:** dvkhuong@rimf.org.vn

Địa chỉ: 170 Lê Lai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Viện trưởng: PGS.TS. Đỗ Văn Khương

Chức năng nhiệm vụ chính: Điều tra, nghiên cứu và tư vấn nguồn lợi hải sản, nghiên cứu đa dạng sinh học biển, NC môi trường biển phục vụ phát triển nghề khai thác và nuôi trồng hải sản. Nghiên cứu ứng dụng KHCN bảo quản, CN chế biến hải sản. Tham gia các hoạt động, khuyến ngư và CGCN các nghề khai thác bảo quản và chế biến hải sản

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Kỹ thuật sản xuất giống cá Bớp | VN050011/1 |
| 2. Quản lý, nuôi dưỡng và bảo tồn rùa biển | VN0500/1 |
| 3. Nuôi cua biển bằng ô lồng | VN0500/1 |
| 4. Trồng rau câu và rong sụn đạt năng suất cao ở các tỉnh ven biển miền Bắc | VN0500/1 |
| 5. Quy trình sản xuất giống nhân tạo tôm He Nhật Bản (P. Japonicus) | VN0500/1 |
| 6. Công nghệ nhân giống san hô trong phòng thí nghiệm | VN0500/1 |
| 7. Công nghệ khai thác cá ngừ bằng nghề lưới vây | VN0500/1 |
| 8. Phương pháp sử dụng máy dò cá ngang (sonar) trong nghề lưới vây | VN0500/1 |
| 9. Công nghệ khai thác mực đại dương (Sthenoteuthis oualaniensis) bằng lưới chụp mực | VN0500/1 |
| 10. Nuôi giữ và nhân giống san hô mềm trong phòng thí nghiệm | VN0500/1 |
| 11. Công nghệ lọc nước tuần hoàn bằng vi sinh sử dụng trong Aquarium | VN2924/1 |
| 12. Công nghệ sản xuất sản phẩm thịt cua đóng hộp | VN1520/153 |
| 13. Công nghệ sản xuất agar chất lượng cao | VN0500/158 |
| 14. Công nghệ vận chuyển cá Song sống theo phương pháp ngủ đông | VN0500/152 |
| 15. Công nghệ vận chuyển tôm Hùm sống theo phương pháp ngủ đông | VN0500/159 |
| 16. Thiết bị sấy kết hợp bơm nhiệt - gồm bức xạ hồng ngoại giải tỏa hẹp | VN2953/160 |
| 17. Công nghệ sản xuất sản phẩm nghêu xay đóng hộp | VN1520/156 |
| 18. Công nghệ sản xuất sản phẩm nghêu hun khói ngâm dầu đóng hộp | VN1520/155 |
| 19. Chế biến một số sản phẩm giá trị gia tăng từ nguyên liệu mực xà khô | VN1520/157 |
| 20. Công nghệ sản xuất sản phẩm tôm đóng hộp | VN1520/154 |
| 21. Tư vấn định hướng phát triển nghề cá bền vững cho các tỉnh ven biển trong cả nước | VN0500/31 |
| 22. Phương pháp sử dụng máy dò cá ngang (sonar) trong nghề lưới vây | VN0500/189 |
| 23. Công nghệ khai thác mực đại dương (Sthenoteuthis oualaniensis) bằng lưới chụp mực | VN0500/190 |

- | | |
|--|------------|
| 24. Quy hoạch và xây dựng các tiêu chí cho các khu bảo tồn biển Việt Nam | VN0500/191 |
| 25. Công nghệ khai thác cá ngừ bằng nghề lưới vây | VN0500/188 |

127: VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ CHẾ TẠO MÁY NÔNG NGHIỆP

Tel: 04-8547363 **Fax:** 04-857366 **E-mail:** mnnht@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Km 9,5 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Viện trưởng: Nguyễn Tường Vân

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp và chế biến, bảo quản nông, lâm, hải sản, thực phẩm. Sản xuất thực nghiệm các sản phẩm trên cơ sở các kết quả nghiên cứu. Thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật và thông tin khoa học công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực máy nông nghiệp và chế biến.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Máy ép viên thức ăn gia súc | VN293263/1 |
| 2. Hệ thống thiết bị chế biến tinh bột sản xuất khẩu 50 tấn sản phẩm/24 giờ | VN295313/1 |
| 3. Hệ thống thiết bị xử lý ngô giống năng suất 40 tấn/m ² | VN2953/1 |
| 4. Tổ hợp nghiền trộn thực phẩm cho chăn nuôi năng suất 0,5- 2 tấn/giờ | VN295313/1 |
| 5. Dây chuyền thiết bị sản xuất phân NPK 3-6 tấn/h (20.000-50.000 tấn/năm) (có điều khiển tự động và không tự động) | VN24158/1 |
| 6. Dây chuyền thiết bị sản xuất thịt hun khói năng suất 150kg/m ² | Vn1511/1 |
| 7. Dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn nổi cho thủy sản | VN1571/1 |
| 8. Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên năng suất từ 1- 10 tấn/h, phối trộn, định lượng thủ công | VN1571/1 |
| 9. Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên năng suất đến 10 tấn/h phối trộn, định lượng tự động | VN1571/1 |
| 10. Xưởng xử lý ngô giống 40 tấn/m ² | VN0111/147 |
| 11. Công nghệ và hệ thống thiết bị sấy nông sản dạng hạt (ngô hạt, thóc, đậu đỗ, cà phê hạt) theo nguyên lý sấy tháp có hồi lưu nguyên liệu sấy công suất 1-5 tấn/giờ | VN1561/163 |
| 12. Công nghệ và hệ thống thiết bị sấy khí động | VN2955/150 |
| 13. Dây chuyền thiết bị sản xuất thịt hun khói. Năng suất 150 kg/m ² | VN1513/145 |
| 14. Dây chuyền thiết bị sản xuất phân NPK 3-6 tấn/giờ (20.000-50.000 tấn/năm) (có điều khiển tự động và không tự động) | VN2415/149 |
| 15. Công nghệ và dây chuyền thiết bị chiên củ quả thái lát trong chân không | VN1533/127 |
| 16. Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên đến 5 tấn/giờ điều khiển tự động bằng máy tính | VN1571/165 |

- | | |
|---|------------|
| 17. Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên năng suất từ 1 đến 5 T/h | VN1571/144 |
| 18. Công nghệ và hệ thống thiết bị đồng bộ chế biến tinh bột sản xuất khẩu từ củ sắn công suất 50 tấn sản phẩm/ngày | VN1561/164 |
| 19. Dây chuyền thiết bị chế biến rau quả đóng hộp, lọ | VN1533/162 |

127: VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Tel: 04.8581111 **Fax:** 04.8581112 **E-mail:** vienvlxd@hn.vnn.vn

Địa chỉ: 235 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Viện trưởng: TS. Thái Duy Sâm

Chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Đo lường - Hoá chất - phân bón và môi trường. Nghiên cứu thiết kế, lập dự án, chuyển giao công nghệ. Đánh giá tác động môi trường và xử lý môi trường. Dịch vụ KHKT, Ký kết hợp đồng KT, KHKT trong lĩnh vực hoạt động: Xi măng và bê tông, Vật liệu chịu lửa, Vật liệu gốm sứ, Vật liệu thủy tinh, hữu cơ và hoá phẩm xây dựng. Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ môi sinh, môi trường trong SXVLXD, các công nghệ tái chế phế thải để sản xuất VLXD; Phân tích kiểm nghiệm & giám định chất lượng VLXD. Phòng thí nghiệm VILAS 120 phép thử; Quy hoạch phát triển VLXD; Tư vấn đầu tư và thiết kế công nghệ; Giải pháp kỹ thuật; thi công chống thấm công trình XD dân dụng và công nghiệp; Đào tạo, thông tin về khoa học CNVLXD.

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|---|------------|
| 1. Sản xuất bê tông chịu lửa ít xi măng | VN2661/588 |
| 2. Công nghệ sản xuất matit bề tường gốc xi măng | VN2666/573 |
| 3. Công nghệ sản xuất gạch chứa cao alumin | VN2626/567 |
| 4. Công nghệ sản xuất tấm lợp không amiăng PVA-C | VN2523/576 |
| 5. Phương pháp sản xuất xi măng bền sunphát cao chứa bari | VN2651/570 |
| 6. Công nghệ sản xuất bột màu bền nhiệt độ cao | VN2430/619 |
| 7. Công nghệ sản xuất sản phẩm chịu lửa cacbon silic (SiC) làm tấm kê, trụ đỡ cho các loại lò công nghiệp) | VN2626/568 |
| 8. Công nghệ sản xuất gạch cao nhôm liên kết photphát (CAP-65) để xây gồm nung lò đứng nung clanke xi măng phi 2,5x10 và phi 3,0x10m | VN2626/574 |
| 9. Công nghệ chế tạo frit và men cho gạch gốm ốp lát | VN2430/580 |
| 10. Công nghệ sản xuất gạch chịu lửa samôt nhẹ và cao nhôm nhẹ | VN2626/569 |
| 11. Công nghệ sản xuất xi măng giếng khoan chủng loại G theo quy chuẩn của API. Technology of manufacturing of oil-well cement class-G according to API spec.10 | VN2651/571 |
| 12. Cung cấp vật liệu, hướng dẫn sử dụng hoặc hợp đồng thi công các công trình chịu hóa chất (axit, kiềm) | VN2660/110 |
| 13. Cung cấp vật liệu chịu lửa các loại theo nhu cầu hướng dẫn sử dụng vật liệu chịu lửa, hợp đồng sửa chữa - bảo trì các lò công nghiệp | VN2626/113 |

129: UBND HUYỆN QUỲ HỢP VÀ ÔNG NGUYỄN TẮT HẢI

Địa chỉ: Bãi kê Đồng hợp - Quỳ hợp- Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy bơm nước đập chân, Đá mỹ Nghệ và Các sản phẩm từ công nghệ chế biến đá trắng,

130: UBND HUYỆN QUỲNH LƯU VÀ CÔNG TY CƠ KHÍ HOÀN CẦU

Địa chỉ: Quỳnh Lưu, Nghệ An

Công nghệ, thiết bị, giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

1. Máy ép đùn gạch xi măng
2. Máy tẽ gỗ
3. Máy thái chuối và Các sản phẩm cơ khí phục vụ thủy sản, nông nghiệp, tiêu dùng

131: XƯỞNG CƠ KHÍ CHÍNH XÁC - VIỆN CƠ HỌC ỨNG DỤNG

Tel: 08.5161650 **Fax:** 08.5162996 **E-mail:** kybac@hcm.fpt.vn

Địa chỉ: 291 Điện Biên Phủ, quận 3 TP.Hồ Chí Minh; 67/236A Bùi Đình Túy, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Xưởng trưởng: KS. Phan Kỳ Bắc

Chức năng nhiệm vụ chính: Xưởng cơ khí chính xác thuộc Viện Cơ học ứng dụng- Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam có chức năng nhiệm vụ chính: Nghiên cứu ứng dụng cơ học và những vấn đề khoa học cơ bản trong lĩnh vực chế tạo máy.

Lĩnh vực hoạt động: Chế tạo trang thiết bị, khuôn mẫu, cho ngành dược phẩm, Đông dược đạt tiêu chuẩn GMP- ASEAN và trong ngành thực phẩm mỹ phẩm

Công nghệ, thiết bị giải pháp phần mềm và dịch vụ có thể chuyển giao:

- | | |
|--|------------|
| 1. Máy trộn siêu tốc 120 Kg KBC-ST-120 | VN2953/1 |
| 2. Máy sấy tầng sôi 40Kg-KBC-TS-40 | VN295315/1 |
| 3. Máy trộn siêu tốc 20 Kg KBC-ST-20 | VN2953/1 |
| 4. Dây chuyền sản xuất tương ớt 4000 Kg/ca (8 giờ) | VN2953/1 |
| 5. Máy sấy phun KBC-SP-02 | VN295315/1 |
| 6. Máy sấy tầng sôi 100 KG KBC-TS-100-S | VN295315/1 |
| 7. Máy sấy tầng sôi tạo hạt KBC-TSTH-10 | VN295315/1 |
| 8. Máy rửa chai nhựa (PN-RCN) | VN295/1 |
| 9. Máy sàng rung PN-MSR | VN295/1 |
| 10. Máy sấy tĩnh (PN-MS) | VN295/1 |
| 11. Máy xát côm cao tốc (PN-XCCT) | VN295/1 |

12. Máy trộn lập phương	VN295/1
13. Máy trộn siêu tốc	VN2924/435
14. Thiết bị xử lý rác đô thị chế biến thành phân hữu cơ vi sinh và vật liệu xây dựng	VN9000/437
15. Thiết bị đốt rác y tế và chất thải rắn nguy hại thế hệ mới nhãn hiệu RET	VN2921/438
16. Máy vô kem	VN2924/439
17. Bơm chân không vòng nước	VN2912/440
18. Công nghệ xử lý nước thải	VN9000/436
19. Máy đóng gói	VN2924/434

PHẦN II

CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, GIẢI PHÁP PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ

I- CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ GIẢI PHÁP PHẦN MỀM

CƠ KHÍ CHẾ TẠO - TỰ ĐỘNG HOÁ - ĐIỆN TỬ

AIR LOCK ROOM XX02.AL03

Mã số: VN2923/441

Mô tả quy trình CN/TB: * Air Lock Room là thiết bị quan trọng cần có của phòng làm việc và xưởng sản xuất sạch. Có tác dụng: - Làm chốt khoá không khí giữ không khí lạnh, sạch và độ chênh áp trong các khu vực khác nhau của dây chuyền và các phòng sạch tiêu chuẩn. - Ngăn chặn sự nhiễm chéo giữa các khu vực. - Tốc độ gió đạt 8-15 m/s, khả năng ngăn chặn 99,97 % bụi cỡ hạt 0,35Mm. - Cấp độ sạch đạt Clas 10000.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết kế, lắp đặt theo phòng đã được xây dựng sẵn. - Kết cấu chặt chẽ, kiên cố, bền đẹp. - Giá thành thấp bằng 1/3 giá nhập ngoại. - Công suất tiêu hao trong quá trình sử dụng thấp. - Có chế độ hậu mãi, bảo hành, bảo trì nhanh gọn. - Đáp ứng được các yêu cầu chất lượng cao của dây chuyền sản xuất sạch, hiệu suất lọc và khả năng ngăn chặn bụi cao, tốc độ gió lớn, lưu lượng tuần hoàn cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

AIR SHOWER KHC-2001

Mã số: VN2923/439

Mô tả quy trình CN/TB: * Air Shower là thiết bị quan trọng cần có của phòng làm việc và xưởng sản xuất sạch. Có tác dụng: - Làm sạch nhân viên trước khi vào môi trường đã được làm sạch. - Làm sạch bụi trên thân thể và bề mặt các vật dụng mang theo, đồng thời có tác dụng chắn không khí, ngăn ngừa không khí chưa được làm sạch vào khu vực sạch. Bảo đảm mức độ vệ sinh cho môi trường đã được làm sạch. Tốc độ gió đạt 8-15 m/s, khả năng ngăn chặn 99,97% bụi cỡ hạt 0,35Mm. Cấp độ sạch đạt Clas 10000.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết kế, lắp đặt theo phòng đã được xây dựng sẵn. - Kết cấu chặt chẽ, kiên cố, bền đẹp. - Giá thành thấp bằng 1/3 giá nhập ngoại. - Công suất tiêu hao trong quá trình sử dụng thấp. - Có chế độ hậu mãi, bảo hành, bảo trì nhanh gọn. - Đáp ứng được các yêu cầu chất lượng cao của dây chuyền sản xuất sạch, hiệu suất lọc và khả năng ngăn chặn bụi cao, tốc độ gió lớn, thời gian làm sạch ngắn, lưu lượng tuần hoàn cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

AIR SHOWER VẬT LIỆU VL.2001.003

Mã số: VN2923/445

Mô tả quy trình CN/TB: Air Shower vật liệu là thiết bị quan trọng khoá không khí từ phòng nguyên liệu vào khu vực sản xuất sạch, có tác dụng: - Làm sạch thùng nguyên liệu trước khi đưa vào khu vực sản xuất sạch. - Làm bụi trên bề mặt các dụng cụ mang vào khu vực sạch, đồng thời có tác dụng chắn không khí, ngăn ngừa không khí chưa được làm sạch vào khu vực sạch. Bảo đảm mức độ vệ sinh cho môi trường đã được làm sạch. - Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài. - Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Tốc độ gió đạt 8-15 m/s, khả năng ngăn chặn 99,97% bụi cỡ hạt 0,35 Mm. Cấp độ sạch đạt Class 10000.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết kế, lắp đặt theo phòng đã được xây dựng sẵn. - Kết cấu chắc chắn, kiên cố, bền đẹp. - Giá thành thấp bằng 1/3 giá nhập ngoại. - Công suất tiêu hao trong quá trình sử dụng thấp. - Có chế độ hậu mãi, bảo hành, bảo trì nhanh gọn. - Đáp ứng được các yêu cầu chất lượng cao của dây chuyền sản xuất sạch, hiệu suất lọc và khả năng ngăn chặn bụi cao, tốc độ gió lớn, thời gian làm sạch ngắn, lưu lượng tuần hoàn cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

BĂNG TẢI LƯỚI

Mã số: VN2874/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TCNN Công suất: tùy thuộc vào chiều dài máy Kích thước: 1.400 x 800 mm Chiều dài máy được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng Vật liệu bằng lưới kẽm Hai cạnh hông làm bằng inox dày 0,8- 1mm, được thiết kế thành hai bàn làm việc hai bên băng tải Tốc độ băng tải được điều chỉnh bằng điện Công dụng: sử dụng trong chuyền lắp ráp, chuyền sấy, chuyền gò ráp, chuyền ép linh kiện của Nhật Năng suất: dùng trong dây chuyền 2000 đôi/8 giờ cần một máy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương với thiết bị ngoại nhập; giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

BĂNG TẢI THANH DẸP

Mã số: VN2874/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất: tùy thuộc vào chiều dài của máy Kích thước: 1.400 x 800 mm Chiều dài máy được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng; Vật liệu:

bằng các thanh dẹp Inox Hai cạnh hông làm bằng Inox dày 0,8- 1mm, được thiết kế thành 2 bản làm việc hai bên băng tải Tốc độ băng tải được điều chỉnh bằng điện Công dụng: sử dụng trong chuyển sản xuất giấy dếp Linh kiện điện của Nhật, mô tơ của Nhật, Đài Loan Năng suất: dùng trong dây chuyền 2000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

BĂNG TẢI THANH TRÒN

Mã số: VN2874/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất: tùy thuộc vào chiều dài của máy Kích thước: 1.400 x 800 mm Chiều dài máy được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng Vật liệu bằng các thanh tròn Inox Hai cạnh hông làm bằng inox dày 0,8- 1mm, được thiết kế thành 2 bản làm việc hai bên băng tải Tốc độ băng tải được điều chỉnh bằng điện Công dụng: Sử dụng trong dây chuyền lắp ráp giấy bít nữ, giấy thẻ thao để dán, giấy vải có form Linh kiện điện của Nhật Năng suất: dùng trong dây chuyền 2000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

BĂNG TẢI XOAY KIỂU ĐỨNG

Mã số: VN2874/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 1,5HP- 9kW Kích thước: 7.000 x 1.000 x 14.000mm Trọng lượng: 800 kg Chiều dài băng tải có thể thay đổi theo yêu cầu Kết cấu băng tải là các thanh tải có giá đỡ treo sản phẩm bằng inox Kích thước thùng sấy: 2.550 x 1150 x 600mm Nhiệt độ sấy tối đa: 80 độ C Hiệu suất nhiệt: 80% Sử dụng một quạt đối lưu: 1/2HP Điều khiển nhiệt tự động Vật liệu cách nhiệt bằng bông thủy tinh Tốc độ băng tải điều chỉnh được bằng điện Linh kiện điện, đồng hồ đo của Nhật

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

BỘ KIỂM TRA LƯỢNG ĐƯỜNG SACAROZA TRONG ĐỒ UỐNG

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước ngọt, nước giải khát hoặc rượu màu sử dụng Sacaroza ở nồng độ bình thường là 100g/lít. Trong trường hợp người sản xuất sử dụng loại đường hoá học để thay thế một phần đường, hoặc pha nồng độ đường không đạt mức qui định thì tỷ trọng của dung dịch sẽ bị giảm đi. Bộ kiểm tra cho phép phát hiện nồng độ đường khi bị giảm đi 1-2%. Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da sách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở. Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, xử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra).

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BỘ KIT KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC NGÀM: ĐỘ PH, HÀM LƯỢNG NH₄, ĐỘ KIỀM, TỔNG ĐỘ CỨNG, ĐỘ MẶN, HÀM LƯỢNG DO,...

Mã số: VN33206/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN;

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành rẻ, chủ động, thuận tiện, dễ sử dụng - Nhanh, đánh giá hiện trạng ngay tại hiện trường mà không cần vận chuyển mẫu - Xử lý môi trường nước bị ô nhiễm với giá thành rẻ, chất lượng tốt không gây tác động phụ đến môi trường nước và không

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 50.000-70.000đ/KIT

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng kể từ ngày khách hàng nhận bộ KIT

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Trung tâm môi trường- Viện Địa chất- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

BỘ KIT KIỂM TRA NHANH HÀN THE TRONG THỰC PHẨM. KÝ HIỆU BK04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Test kiểm tra nhanh hàn the BK04 cho phép phát hiện nhanh hàn the trong một số loại thực phẩm ngay tại cơ sở. - Khả năng phát hiện: 100 ppm; - Thời gian phát hiện: 10 phút kể cả thời gian xử lý mẫu. Lấy khoảng 10g thực phẩm thái nhỏ 3-5mm cho vào cốc thủy tinh ngâm trong cốc với nước cất, lắc đều, sau 4-10 phút gạn lấy dịch bên trong bên trên làm mẫu thử - Lấy một miếng giấy thử nhúng vào cốc, để yên 1 phút, sau đó bỏ giấy thử ra khỏi cốc. Quan sát sự đổi màu trên giấy thử để đọc kết quả. - Nếu giấy thử chuyển từ màu vàng tươi sang màu đỏ nâu, kết luận dương tính; - Nếu giấy thử vẫn giữ nguyên màu vàng tươi, kết luận âm tính. - Đóng gói: Hộp 50 test, kích thước hộp 10 x 11 x 5 cm, kèm hướng dẫn sử dụng.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BỘ KIT KIỂM TRA NHANH THUỐC TRỪ SÂU. KÝ HIỆU VPR10

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Bộ KIT kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trong rau quả là mối lo của toàn xã hội. Bộ kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trong rau ký hiệu VPR-10 được sản xuất để đáp ứng nhu cầu đó. Đây là sản phẩm của đề tài thuộc KHCN Hà Nội. Bộ KIT này có đặc tính kỹ thuật và tính năng tác dụng như sau: - Kiểm tra, phát hiện nhanh thuốc trừ sâu thuộc nhóm Phospho hữu cơ và Carbamate trong rau quả; - Độ nhạy 0,3 đến vài chục ppm tùy loại thuốc trừ sâu; - Thời gian phát hiện không quá 60 phút; - Cho phép tiến hành thí nghiệm ngay tại đồng ruộng, chợ, cửa hàng, không cần thêm bất cứ thiết bị hoặc dụng cụ khác; - Được chế tạo trên cơ sở các hoá chất và dụng cụ trong nước nên giá thành rẻ và đặc biệt phù hợp với điều kiện của Việt Nam; - Cách sử dụng đơn giản nhiều hơn so với các loại KIT hiện có. Bộ KIT 10 test được đóng gói trong hộp giấy kích thước 100x100x250mm

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Phát hiện thuốc trừ sâu nhanh, giá thành rẻ, sử dụng đơn giản.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BỘ TEST KIỂM TRA ĐỘ ÔI KHÉT TRONG DẦU MỠ. KÝ HIỆU OT 04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Dầu ăn để lâu hoặc sử dụng nhiều lần sẽ bị ô xi hoá tạo ra các chất có mùi

ôi khét có thể gây ung thư cho người sử dụng. Test OT 04 cho phép kiểm tra nhanh mức độ bị oxy hoá của dầu mỡ tại các cơ sở. - Phạm vi áp dụng: Các loại dầu ăn thực vật, mỡ động vật - Khả năng phát hiện: Định tính - Thời gian phát hiện: 5 phút Hướng dẫn sử dụng: Cắt miệng túi, lấy 2 ampul ra ngoài, lấy 0,5 ml dầu mỡ trong mẫu cần kiểm tra cho vào túi. Bẻ đầu ampul đựng thử 1 cho vào túi lắc nhẹ khoảng 20-25 lần. Tiếp tục bẻ ampul đựng thử 2 cho vào túi lắc nhẹ khoảng 10-15 lần. Sau đó để khoảng 1 phút. Đọc kết quả: Tùy thuộc vào mức độ ôi khét của dầu mỡ mà màu sắc của dung dịch trong túi sẽ có mức độ đậm nhạt khác nhau. Nếu dung dịch phía dưới túi không xuất hiện màu hồng hoặc xuất hiện màu hồng nhạt giống màu in trên nhãn: dầu mỡ đã bị oxy hoá nhưng vẫn còn tạm sử dụng được. Nếu dung dịch phía dưới túi xuất hiện màu đậm hơn màu in trên nhãn: dầu mỡ đã bị oxy hoá quá mức cho phép, không nên sử dụng. Đóng gói: Hộp 20 test, kích thước hộp 12 x 6 x 6cm.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BỘ TEST KIỂM TRA HYPOCHLORID. KÝ HIỆU: HT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Lấy 5g mẫu cắt nhỏ cho vào 10ml nước cất khuấy đều (mẫu lòng lấy khoảng 5ml). Để yên 3 phút sau đó lấy phần dịch chiết trong làm mẫu. Dùng kéo cắt ngang miệng để mở túi. Lấy Ampul đựng thuốc thử trong túi ra ngoài. Đổ 2ml dịch chiết cần thử vào túi. Bẻ đầu ampul cho hết thuốc thử bên trong vào túi. Nếu có Hypôchrid lập tức lớp thuốc thử xuất hiện màu xanh đậm (ở lớp tiếp xúc). - Khả năng phát hiện: 1ppm - Thời gian phát hiện: 5 phút Áp dụng trong thử các thực phẩm chứa hypochlorid: dưa muối, các loại rau quả, trái cây, gừng tươi, giá sống, các loại cà... Đóng gói: Hộp 20 test, kích thước hộp: 12 x 6 x 6 cm;

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BỘ TEST KIỂM TRA NHANH PHẨM MÀU TRONG THỰC PHẨM. KÝ HIỆU CT 04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Test CT 04 cho phép kiểm tra loại trừ nhanh thực phẩm có sử dụng nhóm thực phẩm màu tổng hợp có tính kiềm không được phép sử dụng trong một số loại thực phẩm. Mỗi test gồm 4 thành phần: Túi CT1, dung dịch CT2, túi CT3, túi CT4 Phạm vi áp dụng: Bánh kẹo, các loại mứt, nước uống, thịt cá chế biến - Khả năng phát hiện: Định tính - Thời gian phát hiện: 5-10 phút Hướng dẫn sử dụng: Xử lý mẫu: Mẫu thuộc loại rắn như mứt, ô mai, các loại hạt, thịt bò, cá khô... Lấy 5g cắt nhỏ thành miếng cỡ hạt ngô (kích thước 5 x 5 mm); đối với các loại hạt nhỏ như hạt dưa, hạt bí có thể để nguyên. Đối với mẫu nước uống khi thử lấy 1ml. Tiến hành thí nghiệm: Bước 1: Cắt miệng túi CT1, cho khoảng 5g mẫu đã cắt nhỏ (hoặc 1 ml dịch mẫu thử) vào túi. Gập miệng túi lắc 2 phút theo chiều dài của túi. Bước 2: Bẻ đầu ampul CT2 cho hết phần thuốc thử trong túi vào túi CT1, gập miệng túi để tránh bay hơi. Lắc nhẹ 1 phút, để lắng cho phân lớp. Bước 3: Nhẹ nhàng gạn hết

phần dung môi phía trên túi CT1 sang túi CT3 (có thể sử dụng panh kẹp chặt ở giữa lớp dung môi phía trên và phần dịch phía dưới cho dễ gạn) lắc nhẹ 1 phút (dung dịch này có thể có màu hoặc không). Bước 4: Cắt hở miệng túi chất thử 4, gạn hết phần dung môi phía trên của túi CT3 sang túi chất thử CT4. Lắc nhẹ 1 phút, để lắng. Dung dịch trong túi sẽ phân làm 2 lớp. Kết quả: Nếu lớp dung dịch phía dưới (túi CT4) có màu: phẩm màu thuộc loại bazo - không được phép sử dụng. Nếu lớp dung dịch phía dưới không màu: chất màu đã sử dụng trong mẫu thử trên có thể là loại được phép sử dụng. Đóng gói: Hộp 20 test, kích thước hộp: 12 x 6 x 6 cm.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

BƠM CHÂN KHÔNG VÒNG NƯỚC

Mã số: VN2912/440

Mô tả quy trình CN/TB: Nước trong bơm tạo thành vòng xoáy khi cánh quay. Sự lệch tâm của cánh và thân tạo thành khoang hút và đẩy gió (không khí). Lưu lượng phụ thuộc vào thể tích của các khoang và tốc độ cánh và độ lệch tâm. Bơm được chế tạo với nhiều loại khác nhau từ 2 HP đến 75 HP. Đạt chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật tương đương máy ngoại nhập (Nhật, ý, Mỹ).

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc sao chép mẫu các thiết bị của nước ngoài; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô, 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành bằng 1/4-1/6 giá thiết bị ngoại nhập có cùng công suất cùng chủng loại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng-Miễn phí

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

BƠM HOÁ CHẤT TỪ THÙNG PHI CỦA FTI

Mã số: VN2912/1

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mạnh Bắc Sơn

BƠM HƯỚNG TRỰC ĐỨNG VẬT LIỆU INOX DÙNG TRONG TRANG TRẠI NUÔI TÔM THƯƠNG PHẨM

Mã số: VN2932/258

Mô tả quy trình CN/TB: Bơm hướng trực đứng được thiết kế bằng vật liệu inox dùng để bơm cấp và tiêu nước nhiễm mặn trong khu vực nuôi tôm, thủy hải sản; Công suất (tính theo ca): Công suất động cơ điện: 7,5 kw; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Lưu lượng nước bơm: $Q = 350-500 \text{ m}^3/\text{h}$; Cột áp: $H_{\text{max}} = 4\text{m}$; Số vòng quay: 1450 vòng/phút

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Sử dụng thuận tiện, đơn giản; Cho lưu lượng lớn; Chịu được nước nhiễm mặn

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán máy móc thiết bị đồng bộ cả bơm và động cơ điện 7,5 kw là 15 triệu đồng/1 cụm

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

BƠM LY TÂM DẪN ĐỒNG TỪ CỦA FTI

Mã số: VN2912/1

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mạnh Bắc Sơn

BƠM LY TÂM TRỰC NGANG CỦA FTI

Mã số: VN2912/1

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mạnh Bắc Sơn

BƠM NƯỚC VIKYNO: BƠM LY TÂM ĐẦY CAO; BƠM LY TÂM TỰ MÔI; BƠM LY TÂM

Mã số: VN291221/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Bơm ly tâm đầy cao: đặc tính lý thuật: tổng cột áp: 25-57m, chiều sâu hút tối đa: 7-8m, lưu lượng tối đa: 17-30 mét khối/h, đường kính ống hút: 50-76mm, đường kính ống thoát: 40-76mm, số vòng quay: 2500-3000 vòng/phút, trọng lượng bơm: 23-45 kg; công suất tối

đạt: 7/2400- 12/2400 mã lực/vòng/phút, thể tích thùng nhiên liệu: 7.5-10.5 lít, hệ thống khởi động: tay quay; sử dụng cho các vùng đất đồi, Bơm ly tâm tự môi: Bơm tưới chống hạn, chống úng trong nông nghiệp, thủy lợi, bơm hồ móng, thông hút đường cống...trong xây dựng; Đặc tính kỹ thuật của bơm ly tâm tự môi: tổng cột áp: 10-16m, chiều sâu hút tối đa: 4-6m, lưu lượng tối đa: 42-150 mét khối/h, đường kính ống hút: 80-150mm, đường kính ống thoát: 80-150mm, thời gian tự môi: 30-90 giây/mét, trọng lượng bơm: 40-80 kg. Bơm ly tâm (Centrifugal Pump) kiểu BN và HL: tổng cột áp: 6-12m, chiều sâu hút tối đa: 4 - 4.5m, đường kính ống hút: 100-300mm, số vòng quay: 980-2500 vòng/phút. Cộng dụng: bơm tát, cung cấp nước trong nông nghiệp, thủy lợi, đặc biệt trong nuôi trồng thủy sản.

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản, 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CN/TB: Bơm ly tâm đẩy cao: đẩy cao và hút sâu, suất tiêu hao nhiên liệu thấp. Truyền động êm và bền bỉ, dễ sử dụng, tháo lắp và sửa chữa, lắp với động cơ bằng dây đai. Bơm ly tâm: truyền động êm và bền bỉ, năng suất cao, suất tiêu hao nhiên liệu thấp, thích hợp cho các vùng nước mặn, công suất mạnh nhẹ nhàng. Bơm ly tâm tự môi: chỉ mỗi nước đầy thân bơm là đủ, truyền động êm và bền bỉ, bơm lắp trực tiếp vào trục máy, năng suất cao, suất tiêu hao nhiên liệu thấp, khả năng chịu mài mòn cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận (tùy theo từng loại); Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

BUỒNG AN TOÀN HỮU CƠ (BAO)

Mã số: VN2923/557

Mô tả quy trình CN/TB: Buồng an toàn hữu cơ (BAO) áp dụng cho các công việc có sử dụng dung môi hữu cơ độc nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và tránh ô nhiễm môi trường sản xuất xung quanh. Buồng an toàn hóa học (BAO)-0002 được lắp ghép từ các mô đun thành một buồng kín có cửa ra vào, trong buồng có 1 bàn làm việc và 1 khoang hút giới hạn không gian làm việc. Có đèn chiếu sáng, để tạo sức hút lớn dùng một hệ quạt ly tâm công suất cao. Hơi dung môi được hút qua hệ xử lý với công suất > 1000 m³/giờ. Sau hệ xử lý về cơ bản không khí đã được lọc sạch nhờ 1 bể hấp phụ có dung lượng hấp phụ cao và tốc độ hấp thu nhanh các độc tố. Kích thước cơ bản (mm): (1400-1600) x (1500-1600) x (1800-2000) TB/CN đạt tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài và quốc tế

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Khả năng lọc: Xử lý hơi các loại dung môi hữu cơ có tính độc hại cao ở nồng độ vượt giới hạn cho phép nhiều lần xuống dưới tiêu chuẩn qui định; Trong nước chưa có sản phẩm nào tương tự; Giá thành rẻ hơn nhiều lần so với sản phẩm nhập ngoại

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

BUỒNG HÚT BỤI SƠN

Mã số: VN2923/1

Mô tả quy trình CN/TB: Theo seri đã thương mại hoá hoặc theo yêu cầu của khách hàng; Kích thước (m): (1,5x1,1x2); (2x1,1x2); (3x1,1x2) seri đã thương mại hoá. Trọng lượng: 325, 412, 614 Kg; Các quạt hướng trục hút không khí vào buồng sơn. Sơn, vec-ni, dung môi bị hút vào gắp màn nước bị

cuốn xuống dưới bề nước và bị giữ lại. Không khí sạch qua quạt thoát ra ngoài.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tương ứng 12.250 triệu VNĐ; 14. 850 triệu VNĐ; 23.230 triệu VNĐ; Chi phí khác: Thuế VAT 5%

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú

BUỒNG PHUN SƠN (WATER SPRAY BOOTH)

Mã số: VN29/282

Mô tả quy trình CN/TB: Các quạt hướng trục hút không khí vào buồng phun sơn. Sơn, vecni, dung môi bị nút vào buồng sơn gặp màn nước bị cuốn xuống dưới bề nước và bị giữ lại. Khí sạch qua quạt thoát ra ngoài. Buồng sơn chia ra 3 loại theo chiều dài 2m; 3m và 4m. Buồng 2m - 10.000 m³/h. Buồng 3m - 15.000 m³/h. Buồng 4m - 20.000 m³/h. Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6435: Công nghiệp da, 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Tương đương thiết bị ngoại nhập. Giá thành thấp hơn 30-60%.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Loại 1013, lưu lượng 1.300m³/h, vải Việt nam là: 4.200.000 đồng, vải ngoại là: 4.920.000 đồng; Loại 1022, lưu lượng 2.200m³/h, vải VN là 6.090.000 đồng, vải ngoại là 7.520.000 đồng; Loại 1043, lưu lượng 4.500m³/h, vải VN là 10.500.00

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành toàn bộ trên toàn quốc 12 tháng kể từ ngày bàn giao vào sử dụng.

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú

CÁC THIẾT BỊ TRAO ĐỔI NHIỆT

Mã số: VN2923/783

Mô tả quy trình CN/TB: Panô Các thiết bị trao đổi nhiệt kiểu ống có cánh hoặc ống trơn; Tiêu chuẩn đạt được TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5537: Chế tạo máy năng lượng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ, Tuổi thọ tương đương hoặc hơn; Hiệu suất tương đương; Phù hợp với điều kiện cụ thể ở trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh; Xưởng CTTB Áp lực

CÂN BĂNG ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ CHÍNH XÁC CAO

Mã số: VN292422/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Nguyên lý và cấu hình của hệ thống cân bằng của nhà máy xi măng lò quay hiện đại. Hệ thống cân bằng có thể phối liệu từ đến 8 thành phần, sử dụng các module đo lường, cảm biến và các biến tần của các hãng nổi tiếng thế giới. Tốc độ cân bằng được dựa vào kết quả đo lường của các cảm biến cho phù hợp với lưu lượng đặt trên cơ sở các thuật toán tối ưu. Hệ thống được ghép nối quản lý giám sát bằng máy tính và có thể hoạt động ở 3 chế độ. Thiết bị hoạt động tốt trong môi trường công nghiệp có độ chính xác cao và đã được lắp đặt ở hầu hết các nhà máy xi măng lò đứng ở VN từ 1997 đến nay

Lĩnh vực áp dụng: 5914: Thiết kế và chế tạo khí cụ, 6133: Sản xuất phân bón, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Độ chính xác cao (dưới 1,5% sai số), giá thành rẻ; Năng suất cao, phối liệu chính xác, có độ bền và tin cậy cao; Sử dụng tiện lợi, dễ dàng do phần mềm tiếng Việt, quản lý số lượng tối ưu

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành trọn gói sản phẩm, thời gian 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phân tích (CORTTEN)

CÂY ĐĨA + XÓI SÂU CD + XS - 3 - 30

Mã số: VN2932/352

Mô tả quy trình CN/TB: Bản thiết kế + ảnh (xem trong tài liệu gốc); Công suất (tính theo ca): 2,2 ha/ca; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Cây sâu 20-22cm, xới sâu 40cm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp, 6829: Canh tác

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao chất lượng làm đất, giảm lượt máy đi trên đồng, giảm chi phí lao động, chế tạo đơn giản, phù hợp với động lực hiện có

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: 2 năm

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔI CHÀ BÓNG

Mã số: VN295313/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Đặc tính kỹ thuật của côi chà bóng: năng suất: 600-1000 kg/h; tỷ lệ gạo/lức: 80-85%; tỷ lệ gạo gãy: 20%; Công suất kéo: của động cơ Diesel là 7.5-12 mã lực còn động cơ điện: 5.5-9 KW; số vòng quay của trục chính: 1000-1300 vòng/phút, trục quạt: 4000-5000 vòng/phút; đường kính pulley của trục chính 200xB2, truyền động quạt gió: 252xB1, trục quạt: 72-84xA2 mm; dây đai của trục chính: B, trục quạt: A48; trọng lượng từ: 85-136 kg.

Lĩnh vực áp dụng: 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: - Tỷ lệ gạo gãy thấp; cấu trúc đơn giản, kích thước gọn; bền bỉ, chắc chắn, nhẹ quay

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYN0)

CỎI LÚC

Mã số: VN295313/1

Mô tả quy trình CN/TB: 600-1200 kg/h; TCVN; Cối lúc với đặc tính kỹ thuật: Hiệu suất bóc vỏ: 70-90%; Công suất kéo của động cơ Diesel là 3-5 mã lực còn động cơ điện là 2.5-4 KW; Số vòng quay của trục chính là 1100vòng/phút còn trục quạt là 1640-1880 vòng/phút; đường kính pully của trục chính là 140-150 mm, trục quạt: 83mm, truyền động quạt gió: 130-160 mm; dây đai của trục chính: B, trục quạt: A85, trọng lượng: 140-167 kg; kích thước: 800x750x1350mm. Ru lô cao su: năng suất 15-25 tấn, trọng lượng: 5-7.5kg.

Lĩnh vực áp dụng: 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: Tỷ lệ bóc vỏ lúa cao, hạt lúc không mẻ đầu; bền êm nhờ các bánh đã được gia công chính xác bằng máy chuyên dùng và tôi cứng, các trục được lắp vòng bi ngoại; dễ sử dụng, bảo trì

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYN0)

CỎI LÚT HW -60A

Mã số: VN 293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Máy có trọng lượng 165kg, kích thước (1428x857x1504mm), năng suất cối đạt 1200-2000kg/giờ.

Lĩnh vực áp dụng: 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: Cấu trúc đơn giản cấu trúc nhỏ gọn. Dễ điều chỉnh di chuyển và bảo trì Độ bền cao vì các chi tiết được thiết kế và sản xuất với chất lượng cao Áp lực không đổi bằng cách thay đổi lực lò xo để điều chỉnh độ trắng, cho phép đạt hiệu suất cao nhất và tỷ lệ gạo bẻ thấp nhất. Có bộ phận vỏ che kín nhằm tránh bụi bẩn trong khi làm việc.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận với khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

CỎI XÁT GẠO RP- 700; RP- 1000 (RICE POLISHER)

Mã số: 293/920

Mô tả quy trình CN/TB: Gạo lúc- ồng chà gạo- lưới cám- thanh kéo điều chỉnh- trục xoắn- cám- trấu còng- quạt thổi- quạt hút- gạo trắng. RP-700: Năng suất 600-700 kg/giờ, động cơ Diesel 8HP, động cơ điện 5,5 Kw, vòng quay 1100- 1300 vòng/ phút, kích thước pully 80-200, kích thước chính cao 1000mm rộng 500mm dài 800mm RP-1000: năng suất 900-1000kg/giờ, công suất cần thiết động cơ diesel 13HP động cơ điện 7,5kw, vòng quay 1000-1100, 4375-4810 vòng/phút, kích thước: cao 1100mm rộng 540mm dài 1050mm

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: Cấu trúc đơn giản, kích thước gọn; dễ điều khiển, do chuyển bảo trì; độ bền cao vì các chi tiết được sản xuất và thiết kế với chất lượng cao; áp lực không đổi bằng cách thay đổi lực lò xo để điều khiển chính gạo trắng, cho phép đạt hiệu suất cao nhất và tỷ lệ gạo bẻ thấp nhất; bộ phận vỏ che kín nhằm tránh gây bụi bẩn trong khi làm việc

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Thỏa thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CHỨA HÓA CHẤT ĂN MÒN MẠNH

Mã số: VN0329/123

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết kế thiết bị; Chế tạo khuôn; Lựa chọn nguyên liệu - Chế tạo thiết bị - Tháo khuôn - Hoàn thiện - Sản phẩm. Công suất (tính theo ca): Phụ thuộc độ phức tạp của thiết kế. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Theo yêu cầu cụ thể về mức độ chống ăn mòn của thiết bị. Lĩnh vực áp dụng: Các thiết bị chứa trong công nghiệp sản xuất hóa chất, giấy, thực phẩm và các lĩnh vực có tiếp xúc với môi trường ăn mòn.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Cung cấp sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và độ đa dạng với giá rẻ hơn sản phẩm ngoại 30-40%

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 300 triệu VND; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc chủng loại; Phí đào tạo: 50 triệu VND; Phí chuyển giao bí quyết: 200 triệu VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 80 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng - theo thỏa thuận của khách hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Polyme, Đại học Bách khoa Hà Nội

CÔNG NGHỆ CHIẾT XUẤT CHITIN CHITOSAN TỪ VỎ TÔM CUA SỬ DỤNG TRONG CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Mã số: 292/1015

Mô tả quy trình CN/TB: Sản phẩm chitin có hàm lượng tro thấp hơn 1%; chitosan thu được có màu sắc cam quang trắng đẹp, hoà tan tốt trong dung dịch CH_3COOH 1%

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Tách được 90% protein khỏi liên kết chitin- protein. Tách được chitin- protein từ vỏ tôm, tách các chất vô cơ, tẩy màu chitin. Độ acetyl hoá đạt hơn 80%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 170 triệu

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ LỌC NƯỚC TUẦN HOÀN BẰNG VI SINH SỬ DỤNG TRONG AQUARIUM

Mã số: VN2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: Xây dựng + Thiết kế bể lọc - Cơ chất + Cây vi sinh - Bơm đẩy

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Giữ sạch nước đang nuôi động vật, thủy sản từ 4-6 tháng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

CÔNG NGHỆ SẤY KHÔ QUẢ ĐIỀU KHÔ

Mã số: VN2953/205

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ sấy khô quả điều: - Sấy bằng lò sấy thủ công - Năng suất sấy: 200 kg quả điều tươi/ngày - Hiệu suất thu hồi: 1 kg điều khô/7 kg điều tươi - Độ giảm ẩm: 6-7% ẩm/h - Chi phí đầu tư: 600.000-700.000 đồng/lò sấy - Chi phí sấy: 200 đ/kg điều tươi - Giá thành sản phẩm: 1.400 đ/kg điều khô

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ CB-02

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ thực hiện đối với hộ gia đình. - Kéo dài tối đa thời gian bảo quản của quả khô.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 600.000 đ/1 lò sấy

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ VÀ DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN KEO SÔCÔLA

Mã số: 295/985

Mô tả quy trình CN/TB: SIRO + phụ gia + nguyên liệu - nấu cô đặc - làm nguội - cán - định hình - đóng gói. Quy cách sản phẩm tạo ra: dạng viên hoặc thỏi có hình dạng tuỳ thích, có hương vị chất lượng đặc trưng tương đương với kẹo Mỹ, Châu Âu. Công suất: 50-200 Kg/mé/h

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình công nghệ đơn giản hơn các quy trình công nghệ truyền thống mà sản phẩm có chất lượng tương đương; Giá thành quy trình thiết bị tuyệt đối rẻ so với thiết bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ ÉP CÁC SẢN PHẨM ĐỊNH HÌNH TỪ MÙN CỬA, VỎ BÀO, CÓT ĐAN, GỖ BÓC,...

Mã số: VN29404/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Dùng để ép các sản phẩm trong khuôn theo hình dạng của khuôn (mặt ghế cong lượn, lọ hoa, các loại đĩa,...) cho sản phẩm mỹ nghệ xuất khẩu và đồ dùng xuất khẩu (ghế)

Lĩnh vực áp dụng: 6637: Sản xuất đồ gỗ, 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành thấp; thu hồi vốn nhanh; Tận dụng phế liệu để sản xuất hàng hoá

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

CONTROLLER MÔTƠ ĐỒNG BỘ LỚN

Mã số: VN3110/213

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị là một controller tự động điều khiển các mô tơ đồng bộ từ 500kw đến 3000kw, theo 3 giai đoạn: khởi động kiểu không đồng bộ, điều chỉnh momen làm việc bằng kích từ và phanh mô tơ kiểu phát tái sinh Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 50: Kỹ thuật tự động và điều khiển từ xa. Kỹ thuật tính toán

Ưu điểm của CN/TB: Dùng dễ dàng, lắp đặt rất dễ dàng, hiệu suất cao, việc chuyển các giai đoạn điều khiển hoàn toàn tự động. Bền chắc và kinh tế hơn máy ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 35 triệu 1 bộ

Thời gian và hình thức bảo hành: 2 năm

Đơn vị chào bán: Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH - Viện Cơ học

DÀN LÀM MÁT KHÔNG KHÍ

Mã số: VN2923/782

Mô tả quy trình CN/TB: Panô; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ, Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ; Tuổi thọ tương đương hoặc hơn; Hiệu suất tương đương; Phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể ở trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh; Xưởng CTTB Áp lực

DAO MỎ ĐIỆN CAO TẦN MODEL: LTTD 350-2K1/01

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết bị Dao mỏ điện cao tần LTTD 350 2K1/01 là sản phẩm của đề tài Nghiên cứu khoa học. Thiết bị được điều khiển bằng hệ thống vi xử lý giúp cho máy có ổn định và an toàn cao. Máy có thể làm việc liên tục 24 giờ, đây là một đặc tính ưu việt của LTTD so với các loại máy khác của nước ngoài. Được sử dụng tốt cho các phòng mổ não, phòng mổ cấp cứu có nhiều bệnh nhân, các ca mổ kéo dài và liên tục. Các tính năng của máy được cài đặt một cách khoa học nhằm bảo đảm tính tối ưu ở mỗi chế độ làm việc, dễ thao tác và an toàn cho bệnh nhân. Máy có dải công suất ra rất rộng thuận tiện cho lựa chọn của bác sỹ, máy có chế độ tự động lưu lại các thông số phẫu thuật của lần trước đó. Đặc điểm kỹ thuật: tần số làm việc: 450 KHz, dải công suất ra: chế độ thuần cắt đơn cực: 10-350W, chế độ cắt hỗn hợp đơn cực: 10-250W, chế độ cầm máu đơn cực: 10-150W, chế độ đốt đơn cực: 10-150W, chế độ cầm máu lưỡng cực: 5-70W, công suất tiêu thụ xung: 1KW, điện áp nguồn: 220V/50Hz, công suất tiêu thụ: 500W, kích thước: 38x38x16cm, trọng lượng: 7,5 kg

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

ĐẦU ĐO NHIỆT ĐỘ VỚI CÁP NHIỆT ĐIỆN TYPE K

Mã số: VN3320/705

Mô tả quy trình CN/TB: Cảm biến nhiệt độ dùng để đo các lò nung, tủ sấy, bảo quản thực phẩm, nông sản. Đặc trưng kỹ thuật: *Cảm biến nhiệt độ: cặp nhiệt điện type K. *Khoảng đo: từ -65 độ C đến 1000 độ C. *Vỏ bọc đầu đo bằng inox. *Hình dạng, kích thước: thiết kế theo yêu cầu khách hàng.

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường, 65: Công nghiệp thực phẩm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 850.000 đồng (loại dài 1,2m)

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

DÂY CHUYỀN CHIẾT RÓT CHẤT LỎNG

Mã số: 292/1007

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6543 Công nghiệp bia, 6545: Công nghiệp rượu, 6563: Công nghiệp sữa

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

DÂY CHUYỀN CHIẾT RÓT VÀ ĐÓNG NẮP

Mã số: VN295316/1158

Mô tả quy trình CN/TB: Dây chuyền chiết và đóng nắp tự động, đây là thiết bị liên hoàn dùng để

chiết rót định lượng dung dịch lỏng vào chai. Công nhân tự sắp chai vào băng tải, máy tự động định vị chai vào trong đầu chiết (loại đầu có đường hồi sản phẩm), sau khi chiết xong băng tải sẽ chuyển chai đến máy đóng nắp, máy tự định vị chai sau khi đã có nắp (loại nắp vặn và nút nhấn) Máy được chế tạo hoàn toàn bằng Inox (trừ một số cơ cấu truyền động hay tăng cứng kết cấu), đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm

Cơ cấu đầu chiết thay đổi rất linh hoạt cho mỗi loại sản phẩm chiết có độ sệt khác nhau và có hay không có gas, định lượng chính xác đến sai số 1-3% Điều khiển tự động sử dụng PLC, điều chỉnh các thông số làm việc một cách nhanh chóng và chính xác Có thể nối hệ thống liên hoàn với một số các thiết bị khác (máy rửa chai, máy màng co, dán nhãn...) Mẫu mã đẹp, dễ vận hành và sửa chữa; Đạt TCVN; Các thông số kỹ thuật khác: **Model M6VW M8VF**; Công suất 1.000 chai/h 1.000 chai/h; Qui cách chai Loại PET, Loại thủy tinh, 500-1.500ml 150-1.000ml; Số đầu chiết 6 8; Loại nắp Vặn Nhấn hoặc vặn; Điện tiêu thụ 3 HP 3 HP; **Model M6VW M8VF**; Kích thước máy (mm) 5.000x800x1.600 5.000x1.000x1.600 Vật liệu chế tạo Inox và Thép Inox và Thép Bề rộng băng tải/vật liệu 82mm/ inox 82mm/inox Điều khiển PLC PLC; Ứng dụng Nước giải khát Nước mắm, thuốc thú y

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 85 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

DÂY CHUYỀN MẠ

Mã số: 285/1006

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị cần mạ được đưa qua hệ thống gấp đưa vào lần lượt các bể. Đến cuối cùng ra ngoài là thành phẩm. Quy cách sản phẩm tạo ra: nhiều chủng loại khác nhau, tuỳ thuộc vào nhu cầu đặt hàng. Đạt TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 8133: Ăn mòn và chống ăn mòn, 5337: Sản xuất kim loại và hợp kim màu, quý hiếm

Ưu điểm của CN/TB: Gọn, bền, giá thành hợp lý

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Bán theo từng thời điểm; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT CÀ PHÊ

Mã số: 295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tương đương với 10-50 kg/8giờ/ngày; TCNN; Là dây chuyền có quy trình chung nhất đồng dạng với quy trình truyền thống nhưng thiết bị đơn giản hơn, riêng phần sấy phun, thu hồi và đồng nhất được thay thế bằng một quy trình đơn giản hơn nhưng có sản phẩm đầu ra (cà phê 3 trong 1) chất lượng tương đương với quy trình truyền thống. Sản phẩm cà phê 3 trong 1 có màu

đặc trưng của cà phê sữa cùng với mọi chỉ tiêu kỹ thuật khác.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT TƯƠNG ỚT 4000 KG/CA (8 GIỜ)

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Cấu tạo chính của hệ thống bao gồm: - Máng rửa liệu và gầu tải - Máy nghiền: Chế tạo mới theo model MK - 270D (Thụy Sĩ) - Nồi nấu: Dung tích 650 lít - Bồn ống chùm làm nguội vật liệu: Chế tạo mới bằng Inox SUS 304 - Máy đóng chai: Thể tích tối đa 1 lít (có kèm băng tải) - Máy đóng nắp - Máy dán nhãn: Công suất 10.000 - 15.000 chai/h - Thiết bị đồng bộ: Bơm, đường ống, lò hơi.

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: Giá bán nguyên hệ thống: 1.5 tỉ VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN CACAO- SỮA UỐNG LIỀN

Mã số: 295/986

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Pha trộn bột cacao + sữa + đường _ gia công qua nhiệt _ gia công đồng nhất hoá _ đóng gói. Quy cách sản phẩm tạo ra: bột cacao sữa uống liền tương đương với Ovaltin. Công suất: 200 Kg/ca/4h.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình chế biến đơn giản hơn quy trình truyền thống, giá cả cạnh tranh, sản phẩm có chất lượng tương đương nước ngoài mà giá thành chỉ bằng 1/2, 1/3

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN MỘT SỐ LOẠI HẠT GIỐNG CÂY TRỒNG CHẤT LƯỢNG CAO QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ

Mã số: VN2932/195

Mô tả quy trình CN/TB: Dây chuyền bao gồm các khâu công nghệ đồng bộ từ sấy-làm sạch-phân loại-xử lý-định lượng-đóng bao. Dây chuyền khép kín với tự động hoá một số khâu quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của hạt giống. Công suất (tính theo ca): 1-1,5 T/h; 10-15 T/ca. Tiêu chuẩn

đạt được: TCVN . Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Chi phí để chế biến 1 kg hạt giống (lúa, ngô hoặc đỗ tương): 200-300 đồng, tổng công suất: 50 kw

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước KC-07-05

Lĩnh vực áp dụng: 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: - Giá chỉ bằng 50% so với nhập của các nước trong khu vực và 25% so với nhập của các nước phát triển. - Chi phí để chế biến 1 kg hạt giống chỉ bằng 50% so với thiết bị nhập. - Hoàn toàn chế tạo trong nước, chủ động trong việc thay thế phụ tùng.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 900 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 100 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng bảo hành miễn phí các hư hỏng do chế tạo

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN MỘT SỐ LOẠI HẠT GIỐNG CÂY TRỒNG CHẤT LƯỢNG CAO QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07-05)

Mã số: VN2932/259

Mô tả quy trình CN/TB: Dây chuyền bao gồm các khâu công nghệ đồng bộ từ sấy - làm sạch - phân loại - xử lý - định lượng - đóng bao; Dây chuyền khép kín với tự động hóa một số khâu quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của hạt giống; Công suất (tính theo ca): 1-1,5 T/h; 10-15T/ca; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; TC nước ngoài; Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Chi phí để chế biến 1kg hạt giống (lúa, ngô hoặc đỗ tương): 200-300 đồng, tổng công suất: 50 kw

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước của Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ Sau Thu hoạch, mã số KC.07.05

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Giá chỉ bằng 50% so với nhập của các nước trong khu vực và 25% so với nhập của các nước phát triển; Chi phí để chế biến 1kg hạt giống chỉ bằng 50% so với thiết bị nhập; Hoàn toàn chế tạo trong nước, chủ động trong việc thay thế phụ tùng

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 900 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 100 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng bảo hành miễn phí các hư hỏng do chế tạo

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP NƯỚC GIẢI KHÁT

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: từ 1000-4.200 chai/giờ hoặc 4000 - 9000 chai/giờ; Đóng chai các loại nước không ga (nước tinh khiết, nước ngọt không ga, nước trái cây...) hoặc có ga (các loại bia, nước ngọt có ga...), hoặc nước mắm, nước tương. Có công suất 6.000 - 36.000 chai/4 giờ; Quy trình công nghệ thiết bị tiêu biểu là: SÚC RỬA - VỎ CHAI - ĐÓNG NẮP - DÁN NHÃN. Gồm các thiết bị: máy xúc rửa tự động, máy chiết chai tự động, máy đóng nắp tự động, máy dán nhãn tự động.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6543 Công nghiệp bia, 6545: Công nghiệp rượu

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Dây chuyền tốc độ vừa (2.000 - 4.200 chai/giờ): Máy súc rửa: 120 triệu VNĐ; Máy chiết chai: 95 triệu VNĐ; Máy đóng nắp: 70 triệu VNĐ; Máy dán nhãn:

150 triệu VNĐ (giá có thể thay đổi linh hoạt tùy theo yêu cầu của khách hàng)

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÁN DẼM QUY MÔ NHỎ TẬN DỤNG PHÉ LIỆU GỖ TỪ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ĐỒ MỘC

Mã số: VN2940/261

Mô tả quy trình CN/TB: Phế liệu gỗ - Máy nghiền - Máy sàng dăm - Sấy dăm - Trộn keo - Trải thảm - ép nhiệt - Xén cạnh - Đánh nhẵn - Sản phẩm (ván dăm) Công suất (tính theo ca): 500-1000m³ sản phẩm/năm Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: - Đơn giản, dễ vận hành - Giá thành rẻ, chất lượng tốt - Tận dụng phế liệu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 25 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 450 triệu đồng; Phí đào tạo: 15 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng; Chi phí khác: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ THÁI LAN

Mã số: VN2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là loại thiết bị dùng để cung cấp và phân phối khí theo yêu cầu công nghệ, dây chuyền hoặc các hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, đĩa phân phối khí còn được áp dụng trong nuôi trồng thủy sản đặc thù dùng để phân phối lượng khí trong nước cung cấp cho các loại thủy sản được nuôi.

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông

ĐỘNG CƠ DIESEL 5- 30 HP DÙNG CHO MÁY CÀY, BƠM NƯỚC, MÁY PHÁT ĐIỆN, MÁY CÔNG TÁC, GHE THUYỀN, MÁY CÔNG NGHIỆP

Mã số: 29111/921

Mô tả quy trình CN/TB: Loại 4 thì, 1 xi lanh nằm ngang làm mát bằng nước, phun trực tiếp, đường kính x hành trình 75- 125mm, dung tích buồng đốt 0,353- 1,472e, công suất tối đa: 6.0/2400- 30.0/2400HP

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Thiết bị do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Ưu điểm của CN/TB: Cấu trúc đơn giản, kích thước nhỏ gọn, dễ điều khiển di chuyển và bảo trì, độ bền cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Thỏa thuận (Tuỳ theo từng loại động cơ); Phí đào tạo: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

ĐỘNG CƠ DIESEL MODEL D9

Mã số: VN29111/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Động cơ Diesel kiểu D9 có công suất 9,5 mã lực dùng cho máy cày, bơm nước, máy phát điện, máy chế biến, ghe thuyền, máy hàn, máy công nghiệp. Đặc tính kỹ thuật: Loại: 4 kỳ, 1 xylanh, nằm ngang Đường kính hành trình Pitông: 90 x 105 mm; Thể tích xylanh 667 cm khối; Công suất tối đa: 9.5/2200 mã lực/vòng/phút; công suất định mức: 7.5/1800; suất tiêu thụ nhiên liệu: 200 g/ML/h; momen cực đại: 4.04; tỷ số nén: 16.5; hệ thống làm mát có 2 kiểu là kết nước và thùng nước; Hệ thống đốt nhiên liệu: phun gián tiếp; nhiên liệu: dầu diesel; dầu bôi trơn: nhớt 40, 30; thể tích nước làm mát từ 3 đến 12 lít; thể tích thùng nhiên liệu: 11 lít; hệ thống đèn chiếu: 6V - 25W; Hệ thống khởi động: tay quay; trọng lượng từ 135- 139 kg

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5537: Chế tạo máy năng lượng, 5545: Chế tạo tàu thuyền, 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

ĐỘNG CƠ DIESEL MODEL KND5B

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Động cơ Diesel kiểu KND5B có công suất 6,5 mã lực; Dùng cho bơm nước, máy phát điện, máy chế biến, ghe thuyền, máy hàn, máy công nghiệp; Đặc tính kỹ thuật: Loại: 4 kỳ, 1 xylanh, nằm ngang; đường kính hành trình pitông: 80 x 75 mm; thể tích xylanh: 376 cm khối; công suất tối đa: 6.5/2200 mã lực/vòng/phút, công suất định mức: 5/1800 HP/rpm; suất tiêu thụ nhiên liệu: 200 g/ML/h; mô men cực đại: 2.14 kgm/vòng/phút; tỷ số nén: 21; hệ thống làm mát có 2 dạng kết nước và thùng nước; hệ thống đốt nhiên liệu: phun gián tiếp; nhiên liệu: dầu diesel; dầu bôi trơn: nhớt: 40,30; thể tích nước làm mát: 3-10 lít; thể tích thùng nhiên liệu: 5.1 lít; hệ thống đèn chiếu: 6V-25W; thể tích dầu bôi trơn: 1.8 lít; hệ thống khởi động tay quay; trọng lượng: 75-84 kg.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5545: Chế tạo tàu thuyền, 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

ĐỘNG CƠ DIESEL MODEL RV

Mã số: VN29111/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Động cơ Diesel VIKYNO RV thể hệ mới với các đặc điểm: công suất cực mạnh, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, gọn nhẹ, dễ sử dụng, chạy êm, bền bỉ; Dùng cho: máy

hàn, bơm nước, máy phát điện, máy nén khí, ghe thuyền, máy cày, xới, máy chế biến, máy xay xát, máy công nghiệp; Đặc tính kỹ thuật: Loại 4 kỳ, 1xylanh, nằm ngang; đường kính x hành trình pitông: 110x100, 110x105, 116x105 mm; Thể tích xylanh: 950-1109 cm khối; công suất tối đa: 16.5/2200-22/2400 mã lực/vòng/phút; Công suất định mức: 14.5/2200- 17/2200 mã lực/vòng/phút; suất tiêu thụ nhiên liệu: 185; tỷ số nén: 17-20; hệ thống làm mát có két nước và thùng nước; hệ thống đốt nhiên liệu: phun trực tiếp; nhiên liệu: dầu diesel; dầu bôi trơn: nhớt 30,40; ; thể tích nước làm mát: 4.7-24 lít; thể tích thùng nhiên liệu: 17 lít; thể tích dầu bôi trơn: 4.8 lít; hệ thống khởi động tay quay; trọng lượng: 177-190kg

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5537: Chế tạo máy năng lượng, 5545: Chế tạo tàu thuyền, 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Động cơ thể hệ mới với công suất cực mạnh, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, gọn nhẹ dễ sử dụng, chạy êm bền bỉ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận (tùy theo từng loại); Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYN0)

ĐỒNG HỒ TRƯỜNG HỌC

Mã số: VN3350/211

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị dùng microcontroller 8952 và các ngoại vi đồng hồ điện tử, display LCD, phím lập trình, khối truyền tin RS.585, nhiệt kế điện tử v.v... để theo dõi giờ phút ngày tháng. Mỗi phút nó update truyền ra giờ phút lên các bộ hiển thị ở xa và đến các giờ lập trình đánh chuông nó sẽ đánh chuông phân bố trong trường

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập, 5914: Thiết kế và chế tạo khí cụ

Ưu điểm của CN/TB: Dễ lập trình, dễ dùng, kinh tế hơn các thiết bị của nước ngoài

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Đồng hồ mẹ: 3 triệu; Chi thị ở xa từ 600.000 đ(5cm) đến 3.000.000đ (30cm)

Thời gian và hình thức bảo hành: 1-2 năm

Đơn vị chào bán: Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH - Viện Cơ học

GIÀN TẠO OXY (DÙNG CHO NUÔI TÔM)

Mã số: 292/922

Mô tả quy trình CN/TB: Máy nổ DS60C; hộp giảm tốc 1/12VN; khung đế; trục cánh quạt (3m); cardan; dây trần

Ưu điểm của CN/TB: Nhiều tính năng được cải tiến như: hệ thống chỉ sử dụng một máy nổ DS60C, lượng oxy tạo ra trong cùng một khoảng thời gian so với giàn khung cánh quạt nhựa tăng lên gấp 2 lần, tạo ra hai dòng chảy đối xứng nhau

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

HỆ ĐỘNG CƠ DIESEL EV

Mã số: VN291113/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Hệ động cơ Diesel EV là loại động cơ 4 kỳ, 1 xylanh, nằm ngang; Đường kính X hành trình pitông 110x105mm; thể tích xylanh 997-1181; Công suất tối đa: 19/2200 - 22/2200 (mã lực/vòng/phút); Công suất định mức: 16/2200-20/2200 (mã lực/vòng/phút); suất tiêu thụ nhiên liệu: 165 (g/mã lực/h); mômen cực đại 7.42/1200- 8.3/1200 (kgm/vòng/phút); tỷ số nén: 16-17; Hệ thống làm mát: két nước, thùng nước; hệ thống đốt nhiên liệu: phun trực tiếp; nhiên liệu: dầu diesel; dầu bôi trơn: nhớt 30,40; Thể tích nước làm mát: 4.7-24lít; thể tích thùng nhiên liệu: 16lít; thể tích dầu bôi trơn: 5; hệ thống khởi động: tay quay; trọng lượng: 177-190 kg. Dùng cho: máy hàn, bơm nước, máy phát điện, máy nén khí, ghe thuyền, máy cày sỏi, máy chế biến, máy xay xát, máy công nghiệp

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5513: Công nghệ chế tạo máy, 5545: Chế tạo tàu thuyền, 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Công suất cực mạnh; mức tiêu hao nhiên liệu thấp; dễ sử dụng; chạy êm, bền bỉ

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận (tùy theo từng loại); Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

HỆ MÁY TÍNH ĐO, GHI VÀ ĐIỀU KHIỂN PH I/O MODULE: PHC - 602

Mã số: VN3325/789

Mô tả quy trình CN/TB: Dải đo ghi: 0-14 pH Độ chính xác: (cộng, trừ) 0,2 pH Độ phân giải: (cộng, trừ) 0,1 pH Điện cực: Sản xuất tại Anh hay Đức Linh kiện điều khiển thiết bị ngoại vi: role 5A Độ phân giải của số liệu truyền: 12 bit Đạt tiêu chuẩn VN và tiêu chuẩn nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: cổng kết nối với máy tính: cổng COM hay LPT hiển thị hãy vẽ biểu đồ giá trị pH và nhiệt độ được lưu trữ liên tục trong máy tính. Máy lưu tự động các kết quả đo giá trị pH, nhiệt độ theo thời gian vào máy tính. Nhịp độ ghi số liệu có thể điều chỉnh được Điều khiển pH: không chế ngưỡng trên, ngưỡng dưới, điều khiển bằng độ rộng xung hoặc tần số xung + Hình thức bán TB/CN: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Bán theo đơn đặt hàng - Bán qua điểm tiếp thị SP/DV KH-CN tại 79 Trương Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị. Đề tài cấp Trung tâm

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 76: Y học và y tế, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: Độ chính xác cao tương đương hay hơn nhiều loại máy ngoại nhập, Giá rất rẻ so với các hệ thống nhập ngoại. Phần cứng và phần mềm có thể thiết kế, sửa đổi dễ dàng theo ý của khách hàng.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 8.900.000 đồng (chưa có máy tính)

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

HỆ NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN ĐỘNG DÙNG DSP

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ được bố trí thành các modul tích hợp các chức năng nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu thiết kế chế tạo và thử nghiệm điều khiển chuyển động dùng vi xử lý tín hiệu số DSP. Các modul khối nguồn lực, modul khối nguồn điều khiển, modul gắn các bảng mạch, cùng với máy tính có chứa bộ vi xử lý tín hiệu số được bố trí thân thiện và an toàn cho người sử dụng trên một bàn thí nghiệm.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 50: Kỹ thuật tự động và điều khiển từ xa. Kỹ thuật tính toán

Ưu điểm của CN/TB: Với mức giá không cao, khi sử dụng hệ thống này người dùng sẽ thấy thân thiện, an toàn và dễ sử dụng thao tác để phát triển các nghiên cứu thiết kế chế tạo, thử nghiệm và các ứng dụng của mình đồng thời rút ngắn thời gian và kinh phí thực hiện.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Patent

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa HN, Phòng TN trọng điểm, TTNCTKCNC

HỆ THỐNG BĂNG CHUYỂN SẤY LẠNH CÓ ĐỊNH.

Mã số: VN29/381

Mô tả quy trình CN/TB: - Chân đế tháo băng chuyển và nhà xưởng. - Băng chuyển xích, khay làm bằng Inox - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: 2000 đôi/8h. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

HỆ THỐNG BĂNG CHUYỂN SẤY LẠNH DI ĐỘNG.

Mã số: VN29/376

Mô tả quy trình CN/TB: * Công suất tiêu thụ điện: 5HP . 7HP. * Kích thước: 2600L x 800W x 1500H. * Nhiệt độ: 0 - 15 độ C. * Năng suất thấp nhất: 300 đôi/h, 400 đôi/h. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

HỆ THỐNG CÂN, ĐỊNH LƯỢNG CÁC CHẤT LỎNG RẮN

Mã số: VN3320/331

Mô tả quy trình CN/TB: -Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Hệ thống vận chuyển → Hệ thống cân (→ hệ thống điện, khuấy (nếu có)) - Công suất: tùy quy mô sản xuất - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN - Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: tham khảo trực tiếp tại xưởng.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: - Được thiết kế, chế tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của khách hàng. - Mức độ tự động hoá cao.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy theo quy mô sản xuất

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

HỆ THỐNG CHUYỀN MAY TỰ ĐỘNG

Mã số: VN2922/309

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống chuyền may tự động bao gồm các trạm làm việc chuyền chính để vận chuyển bán thành phẩm tới các trạm và hệ thống máy tính, phần mềm điều khiển và phần mềm điều hành sản xuất giúp lập quy trình công nghệ, quản lý và điều khiển hệ thống; Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Số trạm: 32 trạm; Kích thước bao: D x R x C = 28,100 x 4,500 x 2,300 mét; Khoảng cách hai trạm: 1.800mm; Động cơ chuyền chính: 1HP, 220V; Động cơ băng tải trạm: 25W, 220 V; Mỗi trạm làm việc có: 25 móc treo, có mã số được mã hóa dạng mã vạch; 1 đầu đọc mã vạch (CCD Scanner); Panel thao tác với màn hình LCD; 1 nút nhấn hoàn tất; Khoảng cách các tay đẩy móc treo: 45.7cm; Tốc độ chuyền chính: 38 tay đẩy/phút

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào; Sao chép mẫu các thiết bị của nước ngoài; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6433: Công nghiệp may mặc, 5047: Các hệ thống tự động điều khiển các quá trình công nghệ

Ưu điểm của CN/TB: Năng suất tăng từ 30-40% do: Cân đối chuyền tốt hơn bởi bán thành phẩm được tự động hóa rải đều ở các trạm làm việc ngay cả khi trên chuyền có nhiều mã hàng khác nhau; Thao tác công nhân hợp lý hơn: giảm việc buộc, tháo, lấy bán thành phẩm, lấy phiếu ghi chép; Chất lượng sản phẩm: Số lượng sản phẩm lỗi giảm từ 10-15% nhờ: Phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề chất lượng;...

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: miễn phí; Giá máy móc thiết bị: Giá bán máy móc thiết bị và phần mềm điều khiển: 1.700 USD/trạm; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

HỆ THỐNG CÔ ĐẶC NƯỚC QUẢ

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất/Năng suất: 60 lít nguyên liệu/giờ Tiêu chuẩn đạt được: TCVN
Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Cô đặc → Đóng gói → Bảo quản sản phẩm: nước quả cô đặc
được đóng lon hoặc bao trắng bạc từ 1-1,5 lít

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau
quả và thực phẩm cô đặc, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Sử dụng kỹ thuật cô đặc nước quả theo phương pháp chân không ở nhiệt độ
thấp với mức sử dụng nước ép từ trái cây có chất lượng thấp, khó tiêu thụ để tạo Siro có chất lượng
cao và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Dây chuyền được thiết kế và chế tạo trong nước nên
vốn đầu tư ban đầu thấp hơn nhiều so với nhiều thiết bị nhập khẩu, các thiết bị có độ làm việc ổn
định, độ bền cao, dễ dàng lắp đặt, bảo dưỡng.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: 200 triệu VNĐ; Phí
đào tạo: 5 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

HỆ THỐNG ĐÈM XE TỰ ĐỘNG TẠI CÁC TRẠM THU PHÍ

Mã số: VN332/499

Mô tả quy trình CN/TB: - Mỗi làn xe lắp đặt hệ thống sensor. Toàn bộ sensor các làn nối về PLC để
lưu giữ số liệu theo làn xe. - Chương trình trong PLC điều khiển đóng mở barner tự động khi có
phương tiện qua Trạm. - Thời gian lấy giữ liệu từ PLC mất không quá 2 phút. Toàn bộ dữ liệu được
bảo mật tuyệt đối. - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TC nước ngoài. - Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
khác: + Thời gian phương tiện qua trạm nhanh. + Số nhân viên trực Trạm tối thiểu... + Tin cậy cao. +
Phù hợp với các Trạm có phân làn theo giá vé. + Đầu tư thấp. - Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Lĩnh vực áp dụng: 7331: Giao thông vận tải ô tô

Ưu điểm của CN/TB: - Giá rẻ, chủ động, dễ sử dụng và vận hành; - Không phụ thuộc vào can thiệp
của nhân viên điều hành.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 000 USD; Giá máy móc thiết bị: 45 000 USD; Phí đào
tạo: 1 000 USD; Phí chuyển giao bí quyết: 5 000 USD; Phí tư vấn kỹ thuật: 1 000 USD; Chi phí khác:
1 000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: 18 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

Mã số: VN295/500

Mô tả quy trình CN/TB:- Cá tạp đưa vào sấy bằng hơi, xay nhuyễn, đóng bao theo yêu cầu của
khách hàng. - Hệ thống làm việc hoàn toàn tự động, điều khiển bằng PLC và chương trình quản lý

sản xuất từ máy tính trung tâm. - Công suất (tính theo ca): 26,7 tấn, sau khi cải tạo tăng lên 32 tấn/ca tăng 30%. - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: + Cá tạp - Hơi nước sấy. + Độ ẩm 8% (6-10%). + Điện tiêu thụ 95kW. - Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: - Kiểm soát độ ẩm chính xác; - Tiết kiệm nhiên liệu; - Nâng cao năng suất; - Giá thành rẻ.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30 triệu; Giá máy móc thiết bị: 320 triệu; Phí đào tạo: 15 triệu; Phí chuyển giao bí quyết: 30 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 10 triệu; Chi phí khác: 10 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT CHO HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Mã số: VN3120/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN, TCNN; Điều khiển và giám sát trên hệ thống chiếu sáng trên một phạm vi rộng, thực hiện việc truyền lệnh điều khiển và các số liệu thu thập từ phòng điều khiển trung tâm đến các tủ và ngược lại qua đường dây tải điện

Ưu điểm của CN/TB: Khoảng cách truyền thông lớn mà không cần đến bộ lặp, khả năng chống nhiễu cao, không cần dây truyền thông riêng.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Patent

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa HN, Phòng TN trọng điểm, TTNCTKCNC

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI CFPC

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: **Chức năng:** Điều khiển tự động quá trình cân, trộn các thành phần vật liệu theo tỷ lệ vaf công nghệ đã định, mô phỏng trạng thái hoạt động của toàn dây chuyền sản xuất trên màn hình, đồng thời lưu trữ và thống kê số liệu trong từng thời gian làm việc cụ thể **Cấu hình:** - Bộ điều khiển: máy tính công nghiệp chuyên dụng CFPC - Hiện thị: màn hình VDU + LED display - Phần mềm quản lý và mô phỏng - Máy tính + máy in **Tính năng kỹ thuật:** - Cho phép tạo mắ, lưu mắ, chọn mắ - Đặt trước tham số cho mỗi lần làm việc (chọn mắ, khối lượng mắ, số mắ, thời gian trộn, xả và bơm chất béo...) - Điều khiển 2 cân định lượng cho 9 đến 16 thành phần (tuỳ theo cấu hình dây chuyền sản xuất), cân theo nguyên tắc cộng dồn từng thành phần. Có cơ chế tự bù sai số hệ thống. Độ chính xác cân tĩnh: 0.1%, cân động: 1% - Hoạt động phân cấp: Bộ CFPC điều khiển, máy tính mô phỏng, lưu trữ và quản lý. Bộ CFPC có chế độ làm việc độc lập và lưu trữ số liệu cho 500 mắ - Cho phép làm việc ở chế độ tự động và bán tự động - Có chế độ chạy kiểm tra để kiểm tra toàn bộ hệ thống trong điều kiện không tải - Cho phép in số liệu từng mắ kiểm tra độ chính xác - Hỗ trợ vận hành: hướng dẫn vận hành hệ thống trực tiếp trên màn hình, hướng dẫn liên quan đến các thông báo sự cố trong quá trình làm việc Công suất: 2.5-20 tấn/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Phát hiện và cảnh báo những bất thường về thiết bị cũng như thao tác của

người vận hành; Tính đến tính phi tiêu chuẩn của vật liệu đầu vào, phù hợp với điều kiện sản xuất của VN; Xử lý sự cố, bảo trì bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp. Vận hành đơn giản tiện lợi; Giá thành bằng 1/2 của nước ngoài

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ TRẠM TRỘN BÊ TÔNG APC

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: Chức năng: Điều khiển tự động quá trình cân, trộn các thành phần phối liệu theo tỉ lệ và công nghệ đã định, mô phỏng trạng thái hoạt động của toàn trạm trộn asphalt trên màn hình, đồng thời lưu trữ và thống kê số liệu trong từng thời gian làm việc cụ thể **Cấu hình:** - Bộ điều khiển: APC với phần cứng là hệ SCD473 hoặc PLC - Hiện thị: màn hình VDU + LED display hoặc màn hình cảm ứng - Phần mềm quản lý và mô phỏng - Máy tính + máy in **Tính năng kỹ thuật:** - Cho phép tạo mác, lưu mác, chọn mác bê tông - Đặt trước tham số cho mỗi xe (chọn mác, khối lượng mẻ, số mẻ, thời gian trộn, thời gian xả...) - Cho phép làm việc ở chế độ tự động hoặc bán tự động - Điều khiển 3 cân: Nhựa, phụ gia và cốt liệu. Cân cốt liệu cân theo nguyên tắc cộng dồn từng thành phần. Có cơ chế bù sai số hệ thống. Độ chính xác cân tĩnh: 0.1%, cân động: 1% - Đo và đặt mức cảnh báo cho 3 điểm nhiệt độ: nhựa, cốt liệu, thảm với độ chính xác 3 độ C - Hoạt động phân cấp: Bộ APC điều khiển, máy tính mô phỏng, lưu trữ và quản lý dữ liệu. BỘ APC có chế độ làm việc độc lập và lưu trữ số liệu cho 300 xe - Có chế độ chạy kiểm tra để kiểm tra toàn bộ hệ thống trong điều kiện không tải - Cho phép in số liệu từng mẻ để kiểm tra độ chính xác, in phiếu xuất cho từng xe - Hỗ trợ vận hành Công suất: 40-104 tấn/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Phát hiện và cảnh báo các bất thường về thiết bị cũng như thao thác của người vận hành; Tính đến chi phí tiêu chuẩn của vật liệu đầu vào, phù hợp với điều kiện sản xuất của Việt Nam; Xử lý sự cố, bảo trì, bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp. Vận hành đơn giản, tiện lợi; Giá thành bằng 1/2 đến 1/3 của nước ngoài; Độ chính xác cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ TRẠM TRỘN BÊ TÔNG TƯƠI CPC

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: Chức năng: Điều khiển tự động quá trình cân, trộn các thành phần phối liệu theo tỷ lệ và công nghệ đã định, mô phỏng trạng thái hoạt động của toàn trạm trộn bê tông xi măng trên màn hình, đồng thời lưu trữ và thống kê số liệu trong từng thời gian làm việc cụ thể **Cấu hình:** - Bộ điều khiển: CMC với phần cứng là hệ SCD 473 hoặc PLC, bao gồm các phiên bản phù hợp với mọi kiểu trạm trộn: cân và cấp cốt liệu bằng skip hoặc băng tải. - Hiện thị: màn hình VDU +

LED display hoặc màn hình cảm ứng - Phần mềm quản lý và mô phỏng - Máy tính + máy in **Tính năng kỹ thuật:** - Cho phép tạo máy, lưu máy, chọn máy bê tông - Đặt trước tham số cho mỗi xe - Điều khiển 3 cân: nước, xi măng và cốt liệu. Cân cốt liệu theo nguyên tắc cộng dồn từng thành phần. Có cơ chế bù sai số hệ thống. Độ chính xác cân tĩnh: 0.1%, cân động: 1% - Điều khiển tự động bộ cấp phụ gia theo thể tích - Hoạt động phân cấp: Bộ CMC điều khiển, máy tính mô phỏng, lưu trữ và quản lý dữ liệu. Bộ CMC có chế độ làm việc độc lập, lưu trữ số liệu cho 300 xe - Cho phép làm việc ở chế độ tự động và bán tự động - Có chế độ chạy kiểm tra để kiểm tra toàn bộ hệ thống trong điều kiện không tải. - Cho phép in số liệu từng mẻ để kiểm tra độ chính xác, in phiếu xuất cho từng xe - Hỗ trợ vận hành Công suất: 30 mét khối- 90 mét khối/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Phát hiện và cảnh báo các bất thường về thiết bị cũng như thao tác của người vận hành; Tính đến tính phi tiêu chuẩn của vật liệu đầu vào, phù hợp với điều kiện sản xuất của VN; Xử lý sự cố, bảo trì bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp; Vận hành đơn giản, tiện lợi; Giá thành bằng 1/2 đến 2/3 của nước ngoài

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN NGÔI NHÀ THÔNG MINH

Mã số: 33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Bền, thông minh, giá cả hợp lý; Được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng. Khi khách hàng có ý tưởng biến ngôi nhà đẹp của mình thành ngôi nhà thông minh, hiểu được sự mong muốn của mình. Ví dụ như: chống trộm, chống cháy được điều khiển từ xa qua điện thoại di động dùng để kiểm soát hệ thống điện, bếp ga, ...nói chung là các thiết bị trong nhà.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 50: Kỹ thuật tự động và điều khiển từ xa. Kỹ thuật tính toán, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng, 75: P

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng kiểm soát và điều khiển các vật dụng trong nhà.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG HOÁ, HỆ THỐNG QUẢN LÝ TỰ ĐỘNG HOÁ, THIẾT BỊ ĐIỆN, THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG, HỆ THỐNG CAMERA GIÁM SÁT

Mã số: /1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN - Tích hợp các hệ thống điều khiển tự động cho các ngành công nghiệp nặng và công nghiệp chế biến: xi măng, giấy, nước giải khát, bia, rượu, thép,... Tích hợp ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp. Từ tích hợp hệ thống đến cung cấp các thiết bị đơn lẻ: hệ thống điều khiển, bộ tự dhi không giấy, thiết bị đo đa năng, các thiết bị điều khiển nhiệt độ

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công

nghiệp thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý độc quyền

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Công nghệ tự động

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TƯỚI THEO ĐỘ ẨM (HOẶC THEO THỜI GIAN) BẰNG CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống điều khiển tự động tưới theo độ ẩm (hoặc theo thời gian) dùng để điều khiển chế độ tưới theo độ ẩm hoặc theo thời gian cho các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao và cho các trại giống... Hệ thống bao gồm máy tính được kết nối với các sensor (độ ẩm hoặc thời gian) thông qua chương trình phần mềm để điều khiển máy bơm và các van điện từ.. Công suất: Tưới cho quy mô 1- 2 ha Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp; Chế tạo bằng vật liệu có sẵn trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá ngoại nhập; Đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 500 triệu đồng (cho 1 hệ thống)

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG LIÊN TỤC BẰNG BẢNG TẢI BFC

Mã số: VN332065/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 20-50 tấn/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; **Chức năng:** Điều khiển tự động cấp liệu định lượng các thành phần theo định mức đặt trước, thông qua việc cân và điều khiển các băng tải cấp liệu, mỗi băng cho một thành phần. Mô phỏng trạng thái hoạt động toàn dây chuyền sản xuất trên màn hình, đồng thời lưu trữ và thống kê số liệu trong từng thời gian làm việc cụ thể. **Cấu hình:** - Bộ điều khiển: BFC với phần cứng là hệ SCD473 hoặc PLC - Hiện thị: màn hình VDU + LED display - Phần mềm quản lý và mô phỏng - Máy tính + máy in **Tính năng kỹ thuật:** - Cho phép tạo mác mới (quy định lưu lượng định mức các thành phần và năng suất làm việc) - Cho phép lưu 500 mác - Cho khả năng quản lý và điều khiển 8 băng tải cấp liệu (có thể hơn nữa theo yêu cầu cụ thể) - Cho phép quy định trước năng suất làm việc - Điều khiển 8 cân cho 8 băng tải cấp liệu - Cho phép làm việc ở chế độ tự động hoặc bán tự động - Hoạt động phân cấp: Bộ BFC điều khiển, máy tính mô phỏng, lưu trữ và quản lý dữ liệu. Bộ BFC có chế độ làm việc độc lập và lưu trữ số liệu tạm thời - Có chế độ chạy kiểm tra để kiểm tra toàn bộ dây chuyền trong điều kiện không tải - Cho phép in số liệu thống kê khi kết thúc ca làm việc, in báo cáo thống kê ngày - Hỗ trợ vận hành: Hướng dẫn vận hành hệ thống trực tiếp trên màn hình, hướng dẫn liên quan đến các thông báo sự cố trong quá trình làm việc. Có thể áp dụng cho dây chuyền sản xuất thức phân tổng hợp NPK; cấp liệu trong sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng

Lĩnh vực áp dụng: 5047: Các hệ thống tự động điều khiển các quá trình công nghệ, 5929: Khí cụ đo

các đại lượng điện và từ

Ưu điểm của CN/TB: - Phát hiện và cảnh báo các phát hiện bất thường về thiết bị cũng như thao tác vận hành; tính đến tính phi tiêu chuẩn của vật liệu đầu vào, phù hợp với điều kiện sản xuất của VN; Xử lý sự cố, bảo trì, bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp; Vận hành đơn giản, tiện lợi. Giá chỉ bằng 40 so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện từ, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG ĐO TỐC ĐỘ ĐẦU NÒNG

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thiết bị này được thiết kế chính cho việc xác định tốc độ đầu nòng của đạn pháo, nhưng đồng thời nó cũng có khả năng đo tốc độ những viên đạn của súng ngắn với một chút điều chỉnh nhỏ. Thiết bị này bao gồm: - Rada doppler sóng cực ngắn trên các giá 3 chân đặt bên cạnh pháo - Bộ xử lý tín hiệu thực hiện sự pha tích, hiển thị, lưu giữ và chuyển các kết quả kiểm tra tới nơi sử dụng (bộ phận điều khiển - Nguồn - Máy in

Lĩnh vực áp dụng: 78: Ngành quân sự

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH - Viện Cơ học

HỆ THỐNG ĐÓNG BAO SUPE LÂN

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 288 tấn/ca TCVN Hệ thống đóng bao điện từ tự động Supe Lân 50 kg năng suất 36 tấn/h do Viện Máy và dụng cụ công nghiệp cung cấp là sản phẩm duy nhất tại Việt Nam, để định lượng vật liệu rời có tính chảy rất kém như Supe lân. Supe lân thành phẩm rời → Phễu chứa → định lượng → đóng bao → chuyển bao vào kho chứa. Kiểu máy đóng bao: máy đóng bao kép Vật liệu cân: supe lân Phương pháp cân: cân trọng lượng tịnh Khối lượng cân lớn nhất: 50kg/bao Thang chia: 0,05 kg Sai số cho phép lớn nhất: 0,5% Năng suất lớn nhất: 720 bao/h Thiết bị xử tạo vòm: $a=300$ Bán kính thuỷ lực khi cấp thô: $R=45$ Bán kính thuỷ lực khi cấp tinh: $R=16$ Thiết bị định lượng: CHLB Đức Thiết bị điều khiển định lượng: PCS-2B-IMI Holding Kết cấu cân: dạng khung

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao độ chính xác các bao Supe lân, giảm được đáng kể lao động thủ công trực tiếp trong môi trường Supe lân độc hại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 810 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Toàn bộ thiết bị hệ thống đóng bao Supe lân được bảo hành 12 tháng (miễn phí cho những lỗi do nguyên nhân của nhà máy

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

HỆ THỐNG ĐÓNG BAO UREA

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 400 tấn/ca TCVN UREA rời → phễu chứa → định lượng → đóng bao → chuyển bao vào kho chứa. Kiểu cân: cân kép - đúp vật liệu đóng bao: UREA chở bằng tàu biển Phương pháp cân: cân trọng lượng tịnh (netto) Khối lượng cân lớn nhất: 50kg/1 bao Thang chia: 0,05 kg Sai số cho phép lớn nhất: 0,1kg Năng suất: 1000 Bao/h Số đầu đo: 12 đầu đo (3 đầu đo cho mỗi thùng cân) Bộ xử lý-điều khiển điện tử: PLC-SIEMENS CHLB Đức Tốc độ cân: đầu ra đạt tới 8 giây/bao Cấp thô: theo phương pháp tự trọng Cấp tinh: Cường bức (bằng tải tịnh) Thùng cân: thép không gỉ Thùng cân hiệu dụng: 85 dm³ Cơ cấu chấp hành: Xi lanh khí nén Kết cấu cân: dạng khung Khâu bao: 02 máy khâu bao công nghiệp.

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.125 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Toàn bộ hệ thống đóng bao UREA được bảo hành 12 tháng (miễn phí đối với những lỗi do nhà máy)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

HỆ THỐNG ÉP PHUN EVA

Mã số: VN294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Số trạm làm việc: 04 Lực kẹp khuôn: 15.000 W Hành trình mở khuôn: 250mm Kích thước tấm nhiệt: 580 x 470mm Chiều cao khuôn: 105- 200mm Công suất nhiệt trên 1 tấm 86 kW Số đầu phun: 02 Số vùng nhiệt trên vùng mép: 04 Tổng công suất nhiệt 100kW Tổng khối lượng: 14.500 kg Tổng kích thước: 4.000 x 3.600 x 2.800 Điều khiển điện Sử dụng thủy lực Thiết bị được thực hiện theo công nghệ Ý Năng suất tùy theo yêu cầu

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương với thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

HỆ THỐNG ÉP PHUN EVA.

Mã số: VN29/377

Mô tả quy trình CN/TB: Số trạm làm việc: 04. Số khuôn trên một trạm. Lực kẹp khuôn: 15000W. Hành trình mở khuôn: 250 mm. Kích thước tấm nhiệt: 580 x 470 mm. Chiều cao khuôn: 105 - 200 mm. Công suất nhiệt trên một tấm: 86 KW. Số đầu phun: 02. Số vùng nhiệt trên vùng mép: 04. Tổng công suất nhiệt # 100KW. Tổng khối lượng # 14500kgs. Tổng kích thước: 4000 x 3600 x 2800. -

Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cum thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Thiết bị được thực hiện theo công nghệ Ý. - Năng suất: Tuỳ theo sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tuỳ theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

HỆ THỐNG GIÁM SÁT BẰNG VIDEO SỐ VSS

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: Theo dõi/điều khiển từ xa qua internet, thường là theo dõi hình ảnh nhiều khu vực khác nhau từ một trung tâm, có thể điều khiển các thiết bị hiện trường và góc tầm của từng camera và điều khiển cận cảnh thông qua giao diện máy tính. Cho phép giám sát tự động thông qua tính năng tự phát hiện chuyển động, tự phát hiện các báo động và báo cho người có trách nhiệm và lưu lại các đoạn video cần thiết; **Đặc tính kỹ thuật:** - Gồm các server chạy trên các máy tính công nghiệp với bộ xử lý pentium 4 có độ bền và độ ổn định cao - Hỗ trợ các camera đầu ra tín hiệu video màu tổng hợp PAL và NTSC - Các camera được nối vào các server, mỗi server có thể quản lý được 24 camera, 24 đường vào audio, số server đến 50 - Phát hiện chuyển động lưu và ghi các dữ liệu video - Có thể theo dõi trực tuyến và xem lại các đoạn video thông qua giao diện web tương thích trên các hệ điều hành Win9x/NT/2000/XP Thiết bị được dùng giám sát an ninh sân bay, nhà ga, ngân hàng, khách sạn; Theo dõi từ xa các dây chuyền sản xuất, nhà máy điện, hệ thống truyền tải điện, bệnh viện và các khu vực độc hại; Giám sát tập trung hệ thống các nhà thi đấu thể thao, hệ thống giao thông đường bộ...

Lĩnh vực áp dụng: 4751: Kỹ thuật truyền hình, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động, 8377: Phương pháp và phương tiện thu thập, xử lý và phân tích thông tin thống kê

Ưu điểm của CN/TB: - Hệ thống phần mềm quản lý chế tạo trong nước có thể đáp ứng mọi yêu cầu cụ thể tuỳ ứng dụng. Thay đổi, mở rộng, nâng cấp dễ dàng không tốn kém; Đảm bảo được tính bảo mật nếu có yêu cầu; Xử lý sự cố, bảo trì, bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp; Vận hành đơn giản, tiện lợi; Giá thành bằng 50% nước ngoài

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG GIÁM SÁT CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG TRONG HÀM LÒ CMMSXX

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: CMMS là hệ thống đa cấp, kết nối kinh hoạt và có nhiều tính năng trong việc giám sát và cảnh báo các thông số môi trường hầm lò khai thác. Hệ thống được lắp đặt trực tiếp

tại các khu vực cần giám sát các điều kiện về an toàn lao động như: nồng độ khí CH₄, CO, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió... cùng nhiều cấp giám sát quản lý và điều khiển. Hệ thống có thể điều khiển cắt điện cung cấp ở khu vực khi có nguy hiểm. Việc cấp điện lại được thực hiện tại chỗ hoặc trung tâm điều khiển. Có thể lưu dữ liệu trong nhiều năm, dễ dàng tra cứu lại các thông số môi trường dưới dạng bảng biểu hoặc đồ thị. Có thể tích hợp thêm hệ thống quản lý người ra vào hầm lò, hệ thống thông tin điều độ sản xuất, thông tin thoại,... Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thiết bị được áp dụng trong khai thác than hầm lò, trong khai thác dầu khí.

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động, 8377: Phương pháp và phương tiện thu thập, xử lý và phân tích thông tin thống kê, 8715: Ô nhiễm môi trường

Ưu điểm của CN/TB: CMMS được thiết kế trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, làm việc chính xác, ổn định và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Có các tính năng tương tự như hệ thống của Nhật Bản đang lắp đặt tại công ty than mao Khê, Bảo hành bảo trì tiện lợi, nhanh gọn; Giá thành thấp so với thiết bị ngoại nhập; Dễ phát triển thêm tính năng theo yêu cầu của người sử dụng. Phần mềm sử dụng tiếng Việt nên rất dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy vào quy mô của hệ thống; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở sử dụng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG LỌC NƯỚC CẤP

Mã số: VN292412/1160

Mô tả quy trình CN/TB: Nước ngầm hay nước sông được bơm qua thiết bị oxy hóa cường bức, tạo kết tủa các kim loại nhờ việc nâng pH bằng hóa chất, sau đó qua thiết bị lắng tiếp xúc để tách cặn lần thứ nhất, sau khi tách cặn nước sẽ còn một thành phần cặn nhỏ hơn lơ lửng trong nước và được bơm qua thiết bị lọc áp lực để loại bỏ gần như triệt để các cặn lơ lửng và kim loại kết tủa. Nước sau khi lọc sẽ đạt các chỉ tiêu hóa lý cần thiết cho việc sử dụng sinh hoạt và sản xuất Công suất thiết kế theo yêu cầu thực tế của người sử dụng Vận hành đơn giản Chất lượng nước sau xử lý ổn các chỉ tiêu hóa lý Hệ thống điều khiển tự động PLC Đạt TCVN Công suất: 500 – 40.000 lít/h

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

HỆ THỐNG LỌC SINH HỌC VÀ KHỬ TRÙNG NƯỚC BIỂN

Mã số: VN292412/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Đáp ứng mọi nhu cầu Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hệ thống lọc sinh học: Có khả năng khử anoni, nitrat, protein, tinh bột và các chất hữu cơ khác trong nước lợ, nước mặn. Nhờ hệ lọc vi sinh phải thay nước định kỳ. Công suất lọc đáp ứng cho mọi loại bể nuôi cá cảnh biển. Hệ thống khử trùng bể cá: Gồm máy phát ozon, buồng UV, injector có khả năng khử trùng nước phục vụ nuôi trồng thủy sản. Thiết kế chế tạo các loại bể nuôi cá cảnh biển quy mô gia đình,

khách sạn, khu vui chơi giải trí đến thủy cung. Kích thước: Tuỳ theo công suất. Trọng lượng: Tuỳ theo công suất.

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

HỆ THỐNG MÁY ÉP ĐỊNH HÌNH LẠNH EVA

Mã số: VN294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện của máy ép định hình lạnh: 3 HP- 2HP- 4,5kW Kích thước máy ép định hình lạnh: 1.150 x 1.800 x 1.710 mm Trọng lượng: 1.200 Kg Công suất điện tiêu thụ của tủ sấy nhiệt 3 hộp: 9 kW Kích thước tủ sấy nhiệt 3 hộp: 800 x 600 x 1.200mm Kích thước hệ thống lạnh: 800 x 800 x 1.400mm Công suất lạnh: 3HP Điều khiển nhiệt bằng điện Sử dụng thủy lực Cộng dụng: định hình lạnh EVA Linh kiện của Nhật, mô tơ của Đài Loan Năng suất: dùng trong dây chuyền sản xuất giấy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

HỆ THỐNG QUẢN LÝ BẢNG THẺ THÔNG MINH

Mã số: Vn33202/1

Mô tả quy trình CN/TB: Chức năng: Quản lý giám sát thời gian làm việc của nhân viên trong cơ quan, ghi nhận thời điểm vào/ra của nhân viên. Trên cơ sở đó tạo ra các báo cáo chấm công một cách khách quan, hỗ trợ cho việc quản lý nhân sự trong cơ quan một cách hiệu quả và chặt chẽ **Cấu hình:** - Bộ điều khiển ETS-01, 2 bộ đọc thẻ vào, ra cho cổng. Có thể mở rộng đến 3 cổng nối mạng - Sử dụng thẻ không tiếp xúc theo công nghệ RFID - Bộ phát hành thẻ + phần mềm - Phần mềm đọc dữ liệu từ bộ điều khiển + phần mềm quản lý và báo cáo - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL server hoặc Oracle - Máy tính + máy in **Tính năng kỹ thuật:** - Bộ điều khiển ETS-01 gồm 2 vi xử lý 12MHz, cho phép nối ghép với 4 bộ đọc thẻ, hiển thị số liệu đọc từ thẻ và đồng bộ bằng LED có độ chói cao (phù hợp với ánh sáng ngoài trời), cho phép nối mạng giữa các bộ ETS-01 với nhau và nối với mạng máy tính qua cổng, dung lượng nhớ 1000 lượt ra vào - Bộ đọc thẻ có thể đọc được thẻ ở cách xa 20cm, có cổng kết nối với bộ điều khiển, thể hiện thông tin trạng thái qua đèn LED và loa tín hiệu - Thẻ RFID có dung lượng nhớ 256B, tần số sóng mạng 125kHz, khoảng cách đọc ghi 20cm - Các phần mềm quản lý và phát hành thẻ có thể truy cập dữ liệu qua mạng LAN, tương thích trên các hệ điều hành Win9x/NT/2000/XP. Hệ thống có thể được ứng dụng trong quản lý thời gian làm việc của nhân công; quản lý phương tiện hàng hoá; thu phí giao thông; thu phí tự động tại các bãi đỗ xe, đánh

dầu kiện hàng trên dây chuyền

Lĩnh vực áp dụng: 2019: Xử lý phân tích tổng hợp các nguồn thông tin tài liệu, 4759: Các cụm chi tiết và linh kiện thiết bị vô tuyến điện tử, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị đọc/điều khiển và phần mềm quản lý chế tạo trong nước có thể đáp ứng mọi yêu cầu cụ thể tùy ứng dụng. Thay đổi, mở rộng, nâng cấp dễ dàng không tốn kém; Đảm bảo được tính bảo mật của phần cứng và phần mềm nếu có yêu cầu; Xử lý sự cố, bảo trì, bảo dưỡng kịp thời với chi phí thấp. Vận hành đơn giản, tiện lợi; Giá thành chỉ bằng 50% giá nước ngoài

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy vào cấu hình và yêu cầu cụ thể của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại công trường

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG SẤY GỖ LIÊN TỤC, ỨNG DỤNG Lò ĐÓT PHÉ THẢI NÔNG LÂM NGHIỆP THEO CÔNG NGHỆ TĂNG SÔI

Mã số: VN2932/262

Mô tả quy trình CN/TB: Gỗ xẻ - Phân loại - Xếp lên xe sấy - Vào lò - Sấy - Xử lý sấy - Kiểm tra chất lượng - Gỗ sấy Công suất (tính theo ca): 5-10m³ gỗ sấy/ngày Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ, 6637: Sản xuất đồ gỗ

Ưu điểm của CN/TB: - Đơn giản, dễ vận hành, tiết kiệm nhân lực - Giá thành rẻ, chất lượng tốt - Tận dụng phế liệu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 650 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

HỆ THỐNG TĂNG NHIỆT BẰNG NƯỚC NÓNG SƯỞI ẤM CHO TÔM GIỐNG (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07.01)

Mã số: VN2932/257

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thiết bị bao gồm: 1. Thiết bị đun nước nóng bằng than công suất 272 kw nước ở đầu ra = 80oC. Được chế tạo bằng inox; 2. Bồn nước chịu mặn có cột áp và lưu lượng tương ứng để luân chuyển nước nóng theo vòng kín từ bình nước nóng tới các ống tỏa nhiệt đặt trong từng bể nuôi; 3. Các ống dẫn chính, ống nhánh, các van điều tiết, các đầu nối lắp nhánh chế tạo bằng vật liệu chịu mặn có độ bền cao; Duy trì cho 200 m³ nước nuôi ở 28-30o trong điều kiện môi trường 15oC; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, mã số KC.07.01

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu suất cao, chịu được nước mặn

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán máy móc thiết bị đồng bộ: 120 triệu đồng; Chi phí khác: Lắp đặt, vận hành tại chân công trình: 15.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI GÀ LÒNG (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07.09

Mã số: VN2932/250

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống khung chuồng nuôi gà 3 tầng (1 dãy gồm 6 hàng chuồng; Thiết bị phân phối thức ăn: Gầu tải chuyển thức ăn lên vít tải ngang để nạp vào các xe phân phối cho từng dãy chuồng. Xe tự động phân phối thức ăn cho 6 hàng máng theo định kỳ thời gian; Thiết bị thu dọn phân: Xe ủi phân trong rãnh dưới dãy có 6 hàng chuồng đến rãnh phân ngang rồi xối nước đẩy ra ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.09

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện pha khí hậu và sản xuất trong nước, giá bằng 1/3 nhập ngoại

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 180-200 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG THIẾT BỊ CHĂN NUÔI LỢN THỊT (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07.09

Mã số: VN2932/251

Mô tả quy trình CN/TB: Mô tả qui trình: Thiết bị phân phối thức ăn: Gầu tải chuyển thức ăn lên thùng chứa, vít tải đưa thức ăn từ thùng chứa đến các máng ăn tự động; Rãnh 2 bên chuồng có phai chặn để đẩy phân ra ngoài; Hệ thống làm mát được kết hợp thông thoáng tự nhiên và phun sương; Hệ thống uống nước dạng vòi uống nước tự động đảm bảo vệ sinh và tiết kiệm nước

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.09

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện khí hậu và sản xuất trong nước, giá bằng 1/2 nhập ngoại

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 200 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG THIẾT BỊ CHẾ BIẾN THỨC ĂN VIÊN THÔ CHO BÒ (40-60% VI LƯỢNG, CAO ĐẠM, NGÔ, SẮN... VÀ 60-40% THỨC ĂN THÔ) (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07.09

Mã số: VN2932/252

Mô tả quy trình CN/TB: Mô tả qui trình: Công nghệ chế biến và thiết bị (xem sơ đồ trong bản gốc của tài liệu)

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nhánh (trường đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh chủ trì) thuộc đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước mã số KC.07.09

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện khí hậu và sản xuất trong nước, giá bằng 1/2 nhập ngoại

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 350 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG THIẾT BỊ CHẾ BIẾN TINH BỘT SẢN XUẤT KHẨU 50 TẤN SẢN PHẨM/24 GIỜ

Mã số: VN295313/1

Mô tả quy trình CN/TB: 50 tấn sản phẩm/24 giờ; TCVN; Hệ thống thiết bị chế biến tinh bột sản xuất khẩu với quy trình công nghệ liên tục, khép kín, tiên tiến, hiện đại, bao gồm các công đoạn: tiếp nhận nguyên liệu, bóc vỏ gỗ, rửa củ, làm nhô, tách ly bã, tách ly xơ mịn, sạn cát, phân ly dịch sữa tinh bột, tách nước, sấy khô, đồng nhất kích thước và đóng bao. Tỷ lệ thu hồi tinh bột từ nguyên liệu lớn hơn 97%. Dây chuyền thiết bị đồng bộ, chất lượng sản phẩm đạt các yêu cầu xuất khẩu. Các thông số kỹ thuật cơ bản: năng suất: 50 tấn sản phẩm/24 giờ, công suất lắp đặt: 700Kw, tiêu hao nước sạch: 20 mét khối/tấn sản phẩm, tiêu hao nhiên liệu: 40- 70 tấn FO/tấn sản phẩm, diện tích lắp đặt: 2000mét vuông

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình công nghệ liên tục, khép kín, tiên tiến, hiện đại

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành theo yêu cầu của khách hàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

HỆ THỐNG THIẾT BỊ GIẾT MỎ LỢN (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07.09

Mã số: VN2953/253

Mô tả quy trình CN/TB: Qui trình công nghệ giết mổ lợn (xem sơ đồ trong tài liệu gốc)

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nhánh (Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ STH chủ trì) thuộc đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số KC.07.09

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện khí hậu và sản xuất trong nước, giá bằng 1/3 nhập ngoại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 300 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG THIẾT BỊ LỌC KHUNG BÀN

Mã số: VN0329/127

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thiết bị dùng để thực hành cho sinh viên ngành công nghệ hóa học, công nghệ thực phẩm, công nghệ môi trường. Sinh viên được làm quen với thiết bị lọc khung bàn, nắm được nguyên lý làm việc, biết cách vận hành thiết bị, xác định được các thông số của phương trình lọc. Hệ thống thiết bị bao gồm bộ phận chuẩn bị huyền phù, thiết bị lọc khung bàn có thể thay đổi bề mặt lọc, hệ thống bơm huyền phù, hệ thống đo lưu lượng nước trong thu được trong quá trình thí nghiệm. Năng suất lọc: 1-4 lít/phút. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: tương đương của nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: So với các thiết bị cùng loại nhập của nước ngoài (Anh, Italia), thiết bị có giá rẻ hơn 50%, Vật liệu chế tạo đa số bằng thép không gỉ có độ bền cao hơn so với thiết bị nhập ngoại được chế tạo bằng chất dẻo. Về lắp đặt, bảo trì tốt hơn do chủ động hoàn toàn về công nghệ và thiết bị

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Thỏa thuận trực tiếp; Giá máy móc thiết bị: 65 triệu VND; Phí đào tạo: 05 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng tại cơ sở sử dụng thiết bị

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

HỆ THỐNG THIẾT BỊ XỬ LÝ NGÔ GIỐNG NĂNG SUẤT 40 TẤN/MỀ

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: 40 tấn/mề; TCVN; Công dụng: Thực hiện công nghệ xử lý ngô giống từ báng, bao gồm các nguyên công: sấy bắp, tẽ hạt, sấy hạt, phân loại, nhuộm màu và xử lý hoá chất, đóng gói tự động. Thích hợp cho các trạm sản xuất hạt giống quy mô vừa và nhỏ. Thông số kỹ thuật: năng suất: 2,5- 5tấn/giờ; độ vỡ hạt: 0,5%; độ nảy mầm: 98%; Công suất điện lắp đặt: 44Kw; Diện tích nhà xưởng: 540 m²

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Ngô giống có chất lượng cao, độ nảy mầm tới 98%; Dây chuyền thiết bị đơn giản, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành theo yêu cầu của khách hàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG ĐIỀU CHỈNH NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM NGUYÊN LIỆU TRONG MÁY SẤY NÔNG SẢN

Mã số: VN33207/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tự động điều chỉnh nhiệt độ; độ ẩm theo quy trình công nghệ đối với máy sấy nông sản Nhiệt độ: 10 độ C - 100 độ C; W: 13- 30%HD

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: Đáp ứng được yêu cầu công nghệ sấy, đảm bảo độ chính xác về nhiệt độ chính xác về nhiệt độ cũng như độ ẩm, làm việc ở chế độ tự động nên giảm bớt lao động trong vận hành sử dụng

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận, phụ thuộc vào công suất, chủng loại thiết bị

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày dây chuyền đưa vào hoạt động

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG ĐIỀU KHIỂN DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI TỔNG HỢP (CÓ SỬ DỤNG PC VÀ PLC)

Mã số: VN293263/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tự động điều khiển hoạt động của các thiết bị máy móc theo yêu cầu công nghệ đã được thiết kế từ trước. Năng suất: 0,5- 5 tấn/h Dây chuyền bao gồm: máy nghiền, máy trộn, máy phối liệu và cân đóng bao tự động.

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Thuận tiện cho người sử dụng vận hành máy móc, giảm bớt nhân công, đảm bảo độ chính xác trong một số khâu quan trọng của dây chuyền

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận, phụ thuộc vào công suất, chủng loại thiết bị

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày dây chuyền đưa vào hoạt động

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VIELINA-MCSXX/VIELINA-DPSXX

Mã số: VN33206/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống bao gồm 1 trung tâm giám sát, điều hành và các đầu đo cũng như các thành phần kết nối. Trung tâm giám sát điều hành được trang bị 01 máy PC, phần mềm chuyên

dụng và thiết bị tự động Vielina-MCSxx hoặc Vielina-DPSxx cho phép hoạt động liên tục 24/24h trong ngày: a. Phần đầu đo: Đầu đo YSI600R (Mỹ): số lượng 04 đầu đo có thể đo được các thông số: + Nhiệt độ: -5 - 45 độ C + Độ dẫn: 0 - 100 mS/cm + pH: 0 - 14 + DO: 0 - 50mg/l + Độ muối: 0 - 70ppt Van phao không chế mức nước: số lượng 08, dùng để báo động mức nước cho 4 bể và điều khiển (bom) b. Phần thiết bị đo: có thể chọn 1 trong 2 loại hệ thống sau - Thiết bị đo và điều khiển Vielina-MCSxx: thiết bị cho phép dễ dàng mở rộng hệ thống, nối với nhiều điểm cụm điểm đo thông qua đường mạng công nghiệp cũng như cho phép ghép nối các điểm đo trong phạm vi 1km. Thiết bị gồm 2 phần: + 01 trạm thiết bị Vielina-MCSxx giám sát, điều hành trung tâm có thiết kế hoạt động liên tục 24/24h trong ngày, công nghệ chế tạo sử dụng PLC SIMATIC S7 của hãng Siemens (Đức). Chức năng giám sát cảnh báo và tự động điều khiển + 01 cụm nối với các đầu đo và cơ cấu điều khiển đặt tại khu vực đo trong phạm vi 20m. Các cụm nối ghép đầu đo được nối về trạm thiết bị Vielina-MCSxx thông qua 1 đường dây mạng công nghiệp - Thiết bị đo Vielina-DPSxx: thiết bị chỉ hỗ trợ với các loại đầu đo như trên và hạn chế khi cần mở rộng thêm số lượng đầu đo cũng như khoảng cách đo. Trạm cũng được thiết kế hoạt động liên tục 24/24h và có các chức năng tương đương với thiết bị Vielina-MCSxx c. PC và phần mềm quản lý Phần mềm quản lý trên PC có thể giao diện với cả hai hệ thống thiết bị nêu trên qua đường truyền RS232 hoặc RS485. các chức năng chính của phần mềm bao gồm: + Tổ chức và quản lý các bài nuôi bao gồm cả các thông số đo môi trường nước cũng như các thông số tăng trưởng của loài nuôi như kích cỡ, trọng lượng + Quản lý hệ thống thiết bị đi kèm, tự động lưu trữ các số liệu đo theo chu kỳ và theo thời điểm đặt trong mỗi bài nuôi + Các chức năng khác: in ấn các báo cáo, vẽ đồ thị và các chức năng khác tùy theo yêu cầu

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 6894: Bảo vệ thiên nhiên trong nông nghiệp, 8377: Phương pháp và phương tiện thu thập, xử lý và phân tích thông tin thống kê

Ưu điểm của CN/TB: Hệ thống linh hoạt, thiết kế phù hợp với yêu cầu cụ thể tùy theo đặc thù của mỗi cơ sở nuôi; Giá thành thấp hơn; Dịch vụ tư vấn bảo hành, sửa chữa thiết bị nhanh chóng; Phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt và các chức năng riêng khác tùy theo yêu cầu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25.000- 35.000 USD cho một hệ thống cơ sở giám sát 04 điểm đo; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG QUẢN LÝ ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ DÙNG CÔNG TƠ NHIỀU GIÁ EMMS

Mã số: VN332065/1

Mô tả quy trình CN/TB: EMMS là hệ thống đa cấp, kết nối linh hoạt, rất tiện lợi trong việc quản lý điện năng tiêu thụ và tính toán hoá đơn tiêu dùng điện. Các công tơ điện được thiết kế trên cơ sở vi xử lý, cho phép đo, lưu trữ và hiển thị mức điện tiêu dùng cùng với thông tin về thời gian sử dụng và giá thành tương ứng. Hệ thống có thể quản lý được điện năng tiêu thụ ở tất cả các công tơ (các hộ tiêu thụ điện) và in hoá đơn chi tiết cho từng hộ với các mức giá khác nhau theo quy định của Tổng công ty Điện lực VN. Hệ thống được nhiệt đới hoá phù hợp điều kiện thời tiết của Việt Nam. Tiêu chuẩn đạt được; Tiêu chuẩn Việt Nam Thiết bị có thể sử dụng trong lĩnh vực quản lý điện tiêu dùng trong các hộ gia đình, trong lĩnh vực quản lý điện tiêu dùng trong các cơ sở sản xuất.

Lĩnh vực áp dụng: 5009: Các bộ phận, cụm, thiết bị tự động, điều khiển từ xa và kỹ thuật tính toán, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động, 5929: Khí cụ đo các đại lượng điện và

từ, 82: Tổ chức và quản lý

Ưu điểm của CN/TB: Là hệ thống áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, có nhiều tính năng phù hợp với xu thế phát triển trong quản lý mạng lưới điện, hệ thống làm việc chính xác, ổn định và phù hợp với điều kiện VN. bảo hành bảo trì thuận lợi nhanh gọn. Giá thành thấp so với thiết bị ngoại nhập có cùng tính năng. Dễ phát triển thêm tính năng theo yêu cầu của người sử dụng. Phần mềm quản lý sử dụng bằng tiếng Việt nên rất thuận tiện cho người sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy theo quy mô của hệ thống; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại Viện Nghiên cứu Điện tử tin học, Tự động hoá (với các công tơ) và tại cơ sở sử dụng (với hệ thống)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

HỆ THỐNG TƯỚI NHỎ GIỌT CHO HỘ GIA ĐÌNH

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống tưới nhỏ giọt cho hộ gia đình được sử dụng trong các khu sản xuất nông nghiệp có quy mô nhỏ để sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác có giá trị kinh tế cao. Hệ thống bao gồm bình chứa, đường ống, van, đường ống nhỏ giọt,... Nước và dung dịch đã được lọc, vòi nhỏ giọt có áp lực < 0,5 at Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tưới cho quy mô <1ha

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác; Chế tạo bằng vật liệu trong nước và vật liệu nhập ngoại; Giá chỉ bằng 1/2 giá ngoại nhập; Tiết kiệm tối đa nguồn nước

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 9.000 VNĐ/1mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI NHỎ GIỌT CÓ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hệ thống tưới nhỏ giọt có điều khiển tự động được sử dụng trong các nhà trồng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao để sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác có giá trị kinh tế cao Hệ thống bao gồm: bơm, đường ống, van, đường ống nhỏ giọt, hệ thống điều khiển tự động,... Nước và dung dịch được lọc, vòi nhỏ giọt có áp lực 0,2-3 at. Mật độ cây trồng 25000 cây/1ha

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác; Chế tạo bằng vật liệu trong nước + vật liệu ngoại nhập; Giá thành bằng 1/2 giá thành ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 32.000 VNĐ/ 1 mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI PHUN MƯA BÁN DI ĐỘNG CỖ NHỎ

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống tưới phun mưa bán di động cỡ nhỏ dùng để tưới cho các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao và cho các trại giống... Hệ thống bao gồm máy bơm, hệ thống đường ống, các vòi phun mưa di động, van điều chỉnh... Công suất: Tưới cho quy mô: 1-2 ha Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp; Chế tạo bằng vật liệu trong nước. Đầu tư nhỏ, sử dụng đơn giản; Giá thành bằng 1/2 giá ngoại nhập; Đảm bảo chất lượng cũng như yêu cầu ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25.000 VNĐ/ 1 mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI PHUN MƯA CỐ ĐỊNH

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống tưới phun mưa cố định dùng để tưới cho các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao và cho các trại giống... Hệ thống bao gồm máy bơm, hệ thống đường ống, các vòi phun mưa cố định, van điều chỉnh... Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tưới cho quy mô 5-15 ha

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng, 6839: Ngành chăn nuôi, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; giá thành bằng 1/2 giá ngoại nhập; đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật như thiết bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 55.000 VNĐ/1 mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI PHUN MƯA CỐ ĐỊNH CỖ LỚN

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất động cơ: 50-110 CV Công suất tưới cho quy mô 10 ha Công suất đạt được: TCVN Hệ thống tưới phun mưa cố định cỡ lớn dùng để tưới cho các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, tưới cho các đồng cỏ... Hệ thống bao gồm máy bơm, hệ thống đường ống, các vòi phun mưa cố định, van điều chỉnh...

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá chỉ bằng 1/2 giá thiết bị nhập ngoại; Đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 200.000.000 VNĐ/1 hệ thống

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI PHUN SƯƠNG CÓ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống tưới phun sương có điều khiển tự động dùng để tưới cho hoa, rau và các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao... Hệ thống bao gồm máy bơm, hệ thống đường ống, các vòi phun mưa cố định, van điều chỉnh, thiết bị điều khiển tự động... Tưới cho quy mô < 1ha Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7094: Sử dụng tổng hợp và bảo vệ tài nguyên nước

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá thành ngoại nhập; Đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 40.000 VNĐ/1mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

HỆ THỐNG TƯỚI PHUN SƯƠNG GIẢM THIỂU Ô NHIỄM DO KHÓI BỤI

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Xử lý được 70% lượng bụi ô nhiễm Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hệ thống gồm nhà máy bơm cao áp, hệ thống lọc, đầu phun tạo sương Thông qua bơm tạo áp, nước đi qua các hệ thống lọc đến các đầu phun sương tạo trạng thái sương kéo các hạt bụi lơ lửng trong không khí xuống đất, giảm bụi và điều hòa nhiệt độ khu vực Các thông số kỹ thuật khác: Áp lực máy bơm đạt 8 Ph Lỗ vòi phun đạt 0.15 μ M Chi tiết khác: Thiết kế thi công phù hợp với mặt bằng dự kiến bố trí xử lý bụi

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Máy bơm+ hệ thống lọc: 30 triệu, vòi phun: 500.000 đ/bộ; Phí đào tạo: 2 triệu; Phí chuyển giao bí quyết: 10 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Mã số: 2924/993

Mô tả quy trình CN/TB: Khí thải trước tiên được thu gom bằng hệ thống chụp hút, sau đó được dẫn vào cyclone nhờ hệ thống ống dẫn khí. Cyclone có nhiệm vụ thu hồi lượng bụi có trong dòng khí thải. Sau khi qua cyclone, khí thải được quạt hút thổi vào tháp hấp thụ. Tháp hấp thụ có nhiệm vụ loại bỏ các chất độc có trong khí thải và một phần lượng bụi còn lại. Khí thải đi vào từ đáy tháp hấp thụ và bị phân tán mỏng ra xung quanh tháp bằng một chụp thép hình nón. Khí đó dung dịch hấp thụ được sử dụng là dung dịch xút được pha và chứa trong bể chứa. Dòng dung dịch được bơm vào ở dạng các tia nhỏ nhằm tạo điều kiện tiếp xúc tốt nhất giữa khí thải với dung dịch. Khí thải từ đáy tháp đưa lên gặp dòng dung dịch đi từ trên xuống, quá trình phản ứng giữa các loại khí độc có trong dòng khí thải và dung dịch hấp thụ diễn ra. Kết quả là các loại khí độc này bị loại ra. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 1995. Công suất: 2.000-50.000 m³/h.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: các thiết bị được chế tạo bằng thép và ráp lại thành cụm khi cần di dời thì chỉ cần tháo các ống nối. Mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn tăng thời gian sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 80-250 Triệu đồng; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm và bảo trì miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI

Mã số: 292314/994

Mô tả quy trình CN/TB: Khí thải trước tiên được thu gom bằng hệ thống ống dẫn từ các nơi phát sinh dẫn vào tháp hấp thụ nhờ lực hút của quạt. Lớp than hoạt tính trong tháp hấp thụ có nhiệm vụ loại bỏ các chất độc có trong khí thải. Dòng khí chuyển động từ đáy tháp lên trên, đi qua các lớp than hoạt tính. Khí thành phẩm trong hỗn hợp khí thải được bám giữ trên các bề mặt của các loại than hoạt tính còn không khí sạch được xả vào ống khí phát tán ra môi trường xung quanh. Khí sau xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 1995. Công suất: 2.000-50.000 m³/h. Đạt TCVN, TCNN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị được chế tạo bằng thép và ráp lại thành cụm khi cần di dời thì chỉ cần tháo các ống nối. Mặt trong được phủ epoxy chống ăn mòn tăng thời gian sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 80-250 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm, bảo trì miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP NHIỄM PHÈN SẮT

Mã số: 2924/995

Mô tả quy trình CN/TB: Nước ngầm từ giếng khoan được bơm vào bể phản ứng, châm hoá chất rồi đưa lên tháp oxy hoá để loại bỏ khí CO₂ và nâng pH của nước về giá trị trung hoà. Không khí được cấp vào tháp oxy hoá nhờ quạt thổi khí quá trình chuyển hoá sắt 2+ thành sắt 3+ diễn ra tạo thành các bông cặn lơ lửng trong nước. Tùy theo chất lượng nước đầu vào có thể châm thêm hoá chất trung hoà hoặc oxy hoá. Nước ra khỏi tháp oxy hoá được dẫn vào bể lắng để các bông cặn tạo ra trong quá trình keo tụ. Cặn lắng định kỳ được xả ra nhờ van xả bùn tự động ở đáy bể. Sau khi qua bể lắng nước tự chảy sang bể lọc nổi. Sau đó nước tự chảy vào bể chứa và có thể bơm vào bồn lọc áp lực để loại bỏ hoàn toàn các cặn lơ lửng nhỏ còn sót lại. Nước sau khi qua bồn lọc đã đạt tiêu chuẩn xử lý cho ăn uống và sinh hoạt theo TC1329/02/BYT. Giá thành xử lý 1 m³ nước cấp: 1.000-1.200đ. Công suất: 5-20 m³/h. Đạt tiêu chuẩn VN, WHO

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị lọc được chế tạo bằng thép và lắp ráp lại thành cụm khi cần di dời thì chỉ cần tháo các ống nối, thời gian xây dựng lắp đặt nhanh. Mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn tăng thời gian sử dụng. Hệ thống được điều khiển hoàn toàn tự động. Chiếm mặt bằng chỉ khoảng 50% so với công nghệ truyền thống. Chu kỳ vận hành lâu hơn công nghệ truyền thống do ít bị tắc nghẽn. Có thiết bị kiểm tra, giám sát áp lực hệ thống để xác định chu kỳ lọc

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 200-400 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành công trình 1 năm, bảo trì miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN

Mã số: 2924/996

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải theo cống thu gom, qua song chắn rác chảy vào bể điều hoà. Sau khi qua bể điều hoà nước thải được bơm vào song chắn rác tinh rồi tự chảy xuống bể aeroten. Không khí ở đây được cấp vào nhờ hai máy thổi khí hoạt động luân phiên 24/24h. Vi sinh trong bể aeroten sẽ được bổ sung nhờ bùn hoạt tính ở ngăn lắng và cung cấp chất dinh dưỡng tạo điều kiện cho vi sinh phát triển. Bên trong bể Aeroten có các vật liệu làm giá thể tiếp xúc cho các vi sinh vật dính bám và phát triển, các vi sinh vật này sẽ phân huỷ các chất hữu cơ thành các sản phẩm cuối cùng là CO₂ và H₂O làm giảm nồng độ bẩn trong nước thải. Sau quá trình xử lý sinh học, nước thải tràn qua ngăn lắng để lắng lại bùn, lượng bùn được bơm vào sân phơi bùn. Nước thải tiếp tục được chảy đến ngăn chứa. Tại đây dung dịch khử trùng được châm vào nhờ bơm định lượng. Quá trình oxy hoá vi sinh gây bệnh xảy ra. Chất khử trùng là chất oxy hoá mạnh sẽ oxy hoá màng tế bào vi sinh gây bệnh và giết chết chúng. Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật khác: Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam

TCVN 5945:1995, nguồn xả loại A,B; Giá thành xử lý nước thải: 1.000-1.200đ/m³. Công suất: 100-1.500m³/ngày đêm, Đạt tiêu chuẩn VN, TCNN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ có thể xử lý được các loại nước thải có nồng độ ô nhiễm cao với giá rẻ; Hệ thống được điều khiển tự động, tránh cho công nhân có thể tiếp xúc trực tiếp với nước thải độc hại; không phát sinh mùi; chi phí vận hành xử lý thấp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 200-3.000 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm, bảo trì miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY

Mã số: 2924/997

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải từ hầm bơm được bơm vào máy lọc giấy vụn tự động nhằm thu hồi giấy vụn, tái sản xuất. Sau đó nước thải tự chảy vào bể điều hoà nhằm cân bằng lưu lượng cho hệ thống. Trong bể điều hoà bố trí 1 bơm nước thải nhúng chìm bơm nước lên bể lắng xoáy. Trên ống dẫn vào bể lắng xoáy có 3 đường hoá chất châm vào là dung dịch trung hoà, dung dịch phản ứng và dung dịch trợ lắng. Bể lắng xoáy là công trình xử lý nước tiên tiến lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam do Việt Nam Xanh nghiên cứu chế tạo. Đây là bể lắng trong có tầng cặn lơ lửng di chuyển hướng tâm lên hiệu quả rất cao, chiếm dụng mặt bằng ít. Tại bể lắng xoáy các bông cặn lớn hình thành do sảy ra phản ứng keo tụ. Hỗn hợp nước và bông cặn dâng lên cao. Nước thải từ máng thu nước bể lắng xoáy tràn vào bể lọc sinh học. Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật khác: Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn Việt nam TCVN 5945:1995, nguồn xả loại B; có thể thu gom bột giấy để tái sử dụng; nước thải có thể tuần hoàn cho sản xuất; giá thành xử lý nước thải: 1200-1500 đ/m³; công suất: 60-500m³/ngày đêm; Đạt TCVN, TCNN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị được chế tạo bằng thép nên có thể tháo ráp dễ dàng khi cần di dời; mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn tăng thời gian sử dụng; Hệ thống được điều khiển tự động tránh cho công nhân có thể tiếp xúc trực tiếp với nước thải độc hại; diện tích chiếm dụng mặt bằng giảm 50% so với bể xây bằng xi măng; thời gian thi công ngắn.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 150-800 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành công trình 1 năm; bảo trì miễn phí 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHUỘM

Mã số: 2924/998

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải trước tiên theo cống thu gom, qua song chắn rác chảy vào bể điều hoà, sau khi tập trung vào bể điều hoà, nước thải được bơm lên bể tuyển nổi. Trên ống dẫn vào bể tuyển nổi có 3 đường hoá chất châm vào là dung dịch trung hoà, dung dịch phản ứng và dung dịch trợ lắng. Quá trình xử lý trong bể tuyển nổi được thực hiện bằng cách hoà tan trong nước những bọt khí nhỏ, các hạt khí này bám vào các hạt cặn làm cho tỷ trọng tổ hợp cặn khí giảm, lực đẩy nổi xuất hiện. Khi lực đẩy nổi đủ lớn, hỗn hợp cặn- khí nổi lên mặt nước và được gạt ra ngoài bằng tấm gạt cao su gắn phía trên bể. Bên cạnh đó bể tuyển nổi còn thực hiện chức năng lắng. Do nước thải vào bể đã được hoà trộn với các chất tạo pH, chất keo tụ lên bên trong bể tuyển nổi còn xảy ra quá trình keo tụ. Trên bể tuyển nổi còn có gắn một mô tơ khuấy với tốc độ thích hợp để kích thích quá trình tạo bông. Các hạt bùn keo tự tạo ra có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể sẽ được lấy ra ngoài nhờ van xả đáy. Rác vi sinh vật và chất rắn lơ lửng trong nước thải được loại bỏ bằng quá trình rửa ngược. Đây là công nghệ lọc sinh học mới được áp dụng tại Việt nam, có hiệu quả sử dụng rất cao, chiếm mặt bằng ít, giá thành thấp. Nước thải tiếp tục tự chảy đến bể chứa để từ đó có thể bơm đến thiết bị lọc áp lực. Bể lọc áp lực và công trình lọc cuối cùng trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi qua bể áp lực nước thải có thể được xả ra cống. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn Việt nam, nguồn xả loại B, giá thành xử lý nước thải: 1.500-2.000 đ/m³. Công suất 30-500m³/ngày đêm. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 6433: Công nghiệp may mặc, 6435: Công nghiệp da, 6431: Công nghiệp dệt kim

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị được chế tạo bằng thép nên có thể tháo ráp dễ dàng khi cần di dời; Mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn, tăng thời gian sử dụng; Hệ thống được điều khiển tự động, tránh cho công nhân có thể tiếp xúc trực tiếp với nước thải độc hại; diện tích chiếm dụng mặt bằng giảm tới 50% so với bể xây bằng xi măng; thời gian thi công ngắn

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 200- 1.500 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành công trình 1 năm, bảo trì miễn phí một năm

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

KHÓA KHÔNG KHÍ, NÚT GIÓ, BUỒNG TẮM KHÔ (AIRLOCK, HARCHWAYS, AIR SHOWER)

Mã số: VN2924/553

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị là một buồng vô trùng có kích thước làm việc 900 x 800 x 1.800mm (loại đơn) và 1800 x 800 x 1.800mm (loại đôi) - loại đơn dùng cho người, loại đôi dùng cho nguyên liệu và sản phẩm. Để đảm bảo vô khuẩn buồng, ở 2 thành bên lắp 12 miệng thổi gió vô trùng (loại đơn) và 23 miệng gió (loại đôi). Việc cấp gió vô trùng cho buồng nhờ hệ quạt li tâm công suất cao thổi gián tiếp qua khoang lọc gió lắp phin lọc vi trùng có thể lọc đến 99,997% vi khuẩn. Không khí ở miệng gió cách phin lọc 20-30cm có tốc độ như bão - 16-20 m/giây đảm bảo việc tắm khô sạch bằng không khí vô trùng. Quy cách sản phẩm tạo ra: sản phẩm tạo ra có 2 loại kích thước nêu trên, được chế tạo bằng các loại vật liệu khác nhau Okal-formica, kim loại sơn tĩnh điện và inox. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Đảm bảo tốc độ gió lớn từ 70-120km/giờ Đảm bảo độ vô khuẩn cao: 99,997% Giá thành thấp hơn giá nhập ngoại nhiều lần

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn chủ động trong nước; Hình thức mẫu mã và kiểu dáng đạt trình độ nước ngoài; Giá thành hợp lý; Hoàn toàn có thể thay thế nhập ngoại, bảo hành bảo trì thay thế và thiết kế theo đơn đặt hàng

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 45-70 triệu đồng (tùy thuộc vào vật liệu)

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

LIÊN HIỆP TÀU HÚT Bùn HBPC 400 - 15

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Liên hiệp tàu hút bùn HBPC 400- 15 dùng để nạo vét kênh dẫn vào bể hút của các trạm bơm vùng bãi ven sông và các kênh nội đồng chính, liên hiệp bao gồm bơm hút bùn, đầu phay đất kết hợp dùng vòi phun thủy lực để phá đất và tăng cường sức hút cạo bơm bùn bằng EZECTOR,... Năng suất tính theo bùn 40- 55 mét khối/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Độ cao độ bùn 2,5m, chiều dài đường ống dẫn bùn 300m, tổng công suất đặt 110 CV, chiều sâu khai thác 3,5m...

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6831: Cải tạo đất nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong việc khai thác các công trình thủy lợi; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 thiết bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 950.000.000 VNĐ/1 liên hợp

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

LIÊN HIỆP MÁY THU BẮP NGÔ TNB-2

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Máy được phối lắp treo trên máy kéo MTZ-50. Cùng một lúc thực hiện các công đoạn: bẻ bắp, gom bắp chuyển vào thùng chứa, khi đầy thùng sẽ xả bắp ở đầu bờ. Bấm thân cây trải đều trên mặt ruộng. Thu hoạch hai hàng ngô. Năng suất thực tế 0.25 ha/h; 1.5- 2 ha/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Đối với ngô đứng cây. Tỷ lệ hao hụt <3%

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Phối lắp được với nguồn động lực sẵn có trong nước: Máy kéo MTZ-50

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 120.000.000 VNĐ (không kể máy kéo)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

LÒ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ

Mã số: 2921/1

Mô tả quy trình CN/TB: Lò điều khiển nhiệt độ được thiết kế theo tiêu chuẩn châu Âu, đảm bảo có ba lớp: chịu nhiệt, giữ nhiệt, cách nhiệt. Dễ dàng điều khiển nhiệt độ tùy theo yêu cầu sử dụng

Nhiều chủng loại sản phẩm, tùy theo nhu cầu đặt hàng; Đạt TCVN; Điện áp làm việc: 220/380V, 1 pha/3 pha; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Tạo ra các loại lò nhiệt như: lò hơi, lò tôi, lò ủ, lò nhiệt, ... cho các công ty liên quan

Lĩnh vực áp dụng: 5537: Chế tạo máy năng lượng, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động Điều khiển bằng PLC và khí nén

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

LÒ ĐỐT RÁC THẢI Y TẾ TSH-500

Mã số: VN2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: Rác thải y tế đã phân loại được đưa vào buồng đốt cấp I, tại đây rác thải được sấy khô và đốt cháy trong môi trường thiếu khí ở nhiệt độ 400-800. Sau khi đốt xong ở buồng đốt cấp I xong toàn bộ khí thải sẽ được đốt hoàn toàn ở buồng đốt cấp II được chuyển đến tháp xử lý khí, tại đây khí thải được làm sạch và đạt mọi tiêu chuẩn khí thải sau khi đốt theo quy định trước khi thải ra môi trường. Công suất: 5kg rác thải/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị được thiết kế và sản xuất tại Việt Nam nên việc bảo hành và bảo trì được cam kết với những điều kiện tốt nhất cho người sử dụng; Đầu tư cơ bản bằng 30% so với thiết bị ngoại nhập; chi phí vận hành thấp

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 350 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

LÒ ĐỐT RÁC Y TẾ

Mã số: VN292112/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: MWI-3S: 0.3 kg rác/h (2 kg rác/ca) WI-3C: 0.3 kg rác/h (20 kg rác/ca) WI-8C: 0.8 kg rác/h (50 kg rác/ca) Kích thước: 3.5 x 3 x 3 m (WI-8C) 3 x 2.5 x 3 m (WI-3C) 0.6 x 0.6 x 1 m (MWI-3S) Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Nước sử dụng: 200 lít/h (WI-8C); 100 lít/h (WI-3C) Chế độ đốt: 2 lần Nhiệt độ buồng sơ cấp: 300-900 độ C Nhiệt độ buồng thứ cấp: 900-1.100 độ C Xử lý khí thải: Tách bụi- oxy hoá các chất hữu cơ còn sót và CO- khử NOx Điện sử dụng: 220V- 1 pha- 50 Hz Lò đốt micro MWI-03S (0.3 kg rác/h) được sử dụng để tiêu huỷ chất thải nguy hại tại các đơn vị y tế cơ sở như trạm y tế phường xã, phòng khám bệnh, phòng nha, bệnh xá của các công ty, xí nghiệp, trường học. Lò đốt mini WI-3C (3 kg rác/h) được sử dụng để tiêu huỷ chất thải nguy hại tại các Trung tâm y tế Quận huyện, trạm y tế liên xã... Lò đốt rác y tế WI-8C (8 kg rác/h) được sử dụng để tiêu huỷ chất thải nguy hại tại các đơn vị y tế cơ sở như bệnh viện quận huyện, bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh... Mô tả quy trình CN/TB: Chất thải y tế được đưa vào buồng đốt sơ cấp. Đầu đốt gia nhiệt buồng đốt sơ cấp lên nhiệt độ 300-900 độ C. Trong điều kiện thiếu oxy, quá trình nhiệt phân các chất thải xảy ra mãnh liệt. Phần hữu cơ bay ra cùng với khí cháy được hút qua buồng đốt thứ cấp. Tại đây, nhờ đầu đốt, nhiệt độ buồng đốt thứ cấp được nâng lên tới 900-1.100 độ C sẽ đốt cháy hoàn toàn các sản phẩm hữu cơ. Khí thải từ lò đốt sẽ đi qua reactor.

Trong reactor, dưới tác dụng của xúc tác oxy hoá GC-4O cùng xúc tác khử GC-4D, các chất hữu cơ chưa phân huỷ và CO sẽ được oxy hoá nhiệt để thành hơi nước và CO₂ đồng thời NO_x được khử đến nitơ phân tử. Nhiệt độ khí thải sẽ được giảm xuống sau khi qua bộ phận giải nhiệt. Cuối cùng, khí thải được hút bằng quạt và xả ra ngoài qua ống khói.

Lĩnh vực áp dụng: 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 20 triệu VNĐ (MWI:3S); 60 triệu VNĐ (WI-3C); 110 triệu VNĐ (WI-8C)

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

LÒ ĐỐT TÀNG SÔI CÁC PHÉ THẢI NÔNG LÂM NGHIỆP

Mã số: VN2932/215

Mô tả quy trình CN/TB: Phế thải được cấp vào buồng đốt bằng vít tải, không khí được cấp vào buồng đốt bằng hai dòng thứ cấp và sơ cấp. Tại buồng đốt, hỗn hợp cát và phế thải được không khí tạo ở trạng thái sôi, phế thải được vùi trong cát với nhiệt độ trên 700 °C, thời gian 2-3 giây và cháy hoàn toàn tạo thành nhiệt qua nồi hơi hoặc thiết bị trao đổi nhiệt khí-khối cung cấp năng lượng cho các thiết bị sấy hoặc hơi cho chế biến nông lâm sản. Công suất (tính theo ca): Từ 150 đến 500 Kw nhiệt. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: - Hiệu suất cháy của phế thải: > 90% - Nhiệt độ tâm lò đốt: 850 °C; Không khói, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường theo qui định của quốc tế.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào.

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Ưu điểm của CN/TB: - Thay thế các loại nhiên liệu hoá thạch(dầu, than, ga), giảm giá thành sản phẩm. - Giảm ô nhiễm môi trường nhờ đốt theo công nghệ tầng sôi: lượng NO₂, CO₂ ít. - Giảm gây ô nhiễm môi trường do phế thải không được sử dụng. - Dễ tự động hoá hơn so với đốt than đá.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tuỳ theo qui mô

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng, bảo hành miễn phí

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

LÒ ĐỐT TÀNG SÔI CÁC PHÉ THẢI NÔNG LÂM NGHIỆP (TRÁU, MÙN CƯA, VỎ CÀ PHÊ V.V)

Mã số: VN29/396

Mô tả quy trình CN/TB: - Phế thải được cấp vào buồng đốt bằng vít tải, không khí được cấp vào buồng đốt bằng hai dòng thứ cấp và sơ cấp. Tại buồng đốt, hỗn hợp xát và phế thải được không khí tạo ở trạng thái sôi, phế thải được vùi trong cát với nhiệt độ trên 700 °C, thời gian 2-3 giây và cháy hoàn toàn tạo thành nhiệt qua nồi hơi hoặc thiết bị trao đổi nhiệt khí - khối cung cấp năng lượng cho các thiết bị sấy hoặc hơi cho chế biến nông lâm sản; - Công suất: từ 150 đến 500 kw nhiệt - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; - Các chỉ tiêu kỹ thuật khác: Hiệu suất cháy của phế thải: > 90%; Nhiệt độ tâm lò đốt: 850 °C, không khói, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường theo qui định của quốc tế; - Các lĩnh vực áp dụng: chế biến cà phê: dùng để sấy cà phê thóc ướt (đốt bằng vỏ cà phê); Chế biến lúa

gạo: Dùng để sấy thóc, gạo, cám (đốt bằng trấu); Chế biến gỗ: dùng để sấy gỗ (đốt bằng mùn cưa); Chế biến nông sản khác: cung cấp hơi cho các xí nghiệp chế biến nông sản)

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài cấp Bộ; Là kết quả của việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào;

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6615: Khai thác gỗ

Ưu điểm của CN/TB: - Thay thế các loại nhiên liệu dầu, than, gas; giảm giá thành sản phẩm; Giảm ô nhiễm môi trường do phế thải không được sử dụng; Dễ tự động hoá hơn so với đốt than đá

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng, bảo hành miễn phí

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

LÒ ĐÓT XỬ LÝ RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP ĐỘC HẠI VÀ RÁC THẢI Y TẾ

Mã số: VN292112/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 100- 200 kg/mẻ Kích thước: 1,2 m x 1m Trọng lượng: 2 tấn Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hệ thống xử lý bao gồm: Lò đốt xây bằng gạch chịu lửa bởi vữa và chất kết dính đặc biệt. Vỏ bọc thép CT3 hoặc Inox. Nhiên liệu đốt bằng dầu DO hoặc Gas Chế độ tự động hoặc bán tự động qua 2 cấp: Sơ cấp và thứ cấp Nạp rác: Bán tự động Hệ thống xử lý khí thải và bụi Nhiệt độ: 1.050 độ C, thời gian: 1,5- 2 giờ/mẻ Tiêu hao nhiên liệu: 7- 10 Kg/mẻ (Dầu DO)

Lĩnh vực áp dụng: 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm, 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100 kg/mẻ: 200 triệu; 200 kg/mẻ: 350 triệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

LÒ HƠI ĐÓT THAN, DẦU, KHÍ KIỂU NÀM HOẶC KIỂU ĐỨNG SẢN LƯỢNG ĐẾN 10 TẤN/H, ÁP SUẤT ĐẾN 15 ATMOSPHER

Mã số: VN2921/784

Mô tả quy trình CN/TB: Panô

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 64: Công nghiệp nhẹ, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ; Tuổi thọ tương đương hoặc hơn; Hiệu suất tương đương; Phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể ở trong nước

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh; Xưởng CTTB Áp lực

LỌC BỤI TĨNH ĐIỆN

Mã số: VN292314/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết bị đã khắc phục được các nhược điểm về bảo vệ ngắn mạch

của các thiết bị sản xuất tại Liên Xô và TRung Quốc trước đây. Với chỉ số dòng từ 0-400mA và điện áp 700Kv cho phép dải công suất làm việc là lớn. Thiết bị làm việc với chế độ đặt dòng ổn định, có các mạch đo lường điều khiển để bảo vệ, ngắt mạch tức thời, tự động ngắt loại trừ hệ thống sau 2-3 lần ngắt mạch liên tiếp

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu suất lọc bụi cao, làm việc tin cậy giá thành thấp; Thiết bị có tuổi thọ cao do các chế độ bảo vệ; đội ngũ bảo hành, bảo trì thường trực

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành trọn gói sản phẩm, thời gian 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phân tích (CORTTEN)

MÁY BẮM DẶM GỖ LƯU ĐỘNG

Mã số: VN2955/258

Mô tả quy trình CN/TB: Nguyên liệu - Máy băm - Dăm công nghệ (gỗ tận dụng) - Băng tải - Xe vận chuyển đi tiêu thụ hoặc cyclo chứa dăm Công suất (tính theo ca): 6-10 tấn dăm/giờ Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ, 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: - Tận dụng nguyên liệu gỗ nhỏ, cành ngọn - Giá thành rẻ, chất lượng tốt (giá chỉ bằng <50% giá nhập ngoại) - Tỷ suất dăm cao, có thể băm nhiều loại kích cỡ gỗ - Dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Năm: 2000

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 82-87 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

MÁY BẮM DẶM GỖ VÀ TRE (TẠO DẶM CHO SẢN XUẤT BỘT GIẤY, VÁN DẶM VÀ DẶM XUẤT KHẨU)

Mã số: VN29404/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: Băm tre: 3-4 tấn/h Băm gỗ: 6-10 tấn/h Máy băm dăm kiểu đĩa, lắp 4 lưỡi dao chặt, có 2 cửa nạp nguyên liệu (nạp đứng và nạp ngang) cửa nạp đứng để nạp liệu có chiều dài 40- 200cm, cửa ngang để nạp liệu dài trên 200 cm, đến 500 cm (nạp thủ công) Dăm được phun ra theo cửa thoát dăm Thiết bị được sử dụng cho sản xuất bột giấy, băm dăm gỗ xuất khẩu, sản xuất ván dăm, ván sợi **Cấu tạo của máy băm dăm kiểu đĩa gồm 5 bộ phận:** - Nguồn lực là động cơ điện hoặc động cơ Diezen - Bộ phận truyền đai gồm 5 đai thang - Thân máy băm có chứa đĩa băm với 2 cửa nạp và 1 ống thoát dăm - Hệ thống bu lông điều chỉnh dao tỷ và điều chỉnh độ căng dây đai - Bộ phận di chuyển gồm 4 bánh xe nhỏ và 4 vít tỷ cân bằng máy **Nguyên lý hoạt động:** Máy băm dăm được đặt tại nơi có thể tập trung được nguyên liệu gỗ gần đường vận chuyển và gần trạm biến thế điện; Nếu là máy dùng động cơ diezen thì không cần gần trạm điện. Máy phải có lán che mưa cao thoáng, do mỗi ca máy có thể băm được trên 50 tấn nguyên liệu Máy có 2

cửa nạp liệu, cửa ngang để băm gỗ dài có 1>2m đến 5,0m, cửa trên dùng để băm gỗ ngắn Trên thân máy có cấu tạo cửa để tháo lắp và điều chỉnh dao băm, đồng thời có hệ thống bu lông để điều chỉnh dao tỳ đảm bảo đạt các kích thước đảm tiêu chuẩn. Sau khi băm được khoảng 50 tấn dăm thì phải ngừng lại để tháo dao băm ra mài cho sắc

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ, 6637: Sản xuất đồ gỗ, 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành thấp hơn giá ngoại nhập của Trung Quốc, Đài Loan; Có thể dùng ở những nơi không có điện lưới quốc gia

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Patent; Năm: 2000

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Máy băm + máy mài dao: 98.500.000 VNĐ; Phí đào tạo: Phí đào tạo + Phí chuyển giao bí quyết: 5.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng kể từ khi lắp đặt, Bảo hành những lỗi do nhà chế tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

MÁY BĂM EVA

Mã số: VN29/356

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất động cơ: 3HP-3P-380. Kích thước: 800 x 1200 x 1500. Điều khiển điện. Sử dụng thủy lực. Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Năng suất: 50 kg/h tùy thuộc loại và kích cỡ sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY BÁN HÀNG TỰ ĐỘNG

Mã số: VN2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN, TCNN; Máy bán hàng tự động được thiết kế và chế tạo để có thể bán nước ngọt đóng lon. Giao diện của máy thân thiện, dễ sử dụng, đặc biệt là khách hàng là người Việt Nam. Được chế tạo dựa trên các modul, mỗi modul thực hiện một chức năng cụ thể. Máy có khả năng nhận dạng tiền kim loại của Việt Nam, tự cảnh báo cho người sử dụng trong những trường hợp hỏng hóc.

Lĩnh vực áp dụng: 50: Kỹ thuật tự động và điều khiển từ xa. Kỹ thuật tính toán

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn so với việc nhập máy của nước ngoài, hoạt động 24/24h, giảm các chi phí dịch vụ cho sản phẩm, thân thiện, dễ sử dụng, đem đến một hình thức dịch vụ kiểu mới, thay thế con người trong các hoạt động giản đơn..

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao License; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa HN, Phòng TN trọng điểm, TTNCTKCNC

MÁY BÓC BÈ TẼ HẠT NGÔ- BBTH-2,5

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất: - Đối với ngô bắp còn bẹ: 2,5 tấn hạt/giờ = 15 tấn hạt/ca - Đối với ngô đã bóc bẹ: 3-4 tấn hạt/giờ = 20 tấn hạt/ca Tỷ lệ hạt vỡ nhỏ hơn 3%, tỷ lệ sót nhỏ hơn 0,5%. Ngô bắp nguyên bẹ được nạp vào cửa cấp liệu. Trong quá trình bóc bẹ tẻ hạt, bắp ngô nằm giữa các khoảng trống của trống tẻ và máng trống tẻ, chúng chuyển động dọc theo trục trống, đồng thời xoay quanh trục của nó, tạo ra lực trượt trên bẹ và hạt. Hạt được tách ra lọt qua máng rơi xuống sàng lỗ tròn được làm sạch bằng quạt. Lõi và bẹ ngô được hút ra qua cửa ra ở cuối trống.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Tẻ được ngô bắp còn nguyên bẹ hoặc đã bóc bẹ có độ ẩm hạt cao khi thu hoạch 32-35%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 15.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY BÔI KEO LATEX

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất tiêu thụ điện: 1/4HP Kích thước máy: 350mm Kích thước trục bôi keo: 80mm Trọng lượng máy: 80kg Phù hợp cho các loại keo Latex và lỏng

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành hạ hơn nhiều so với thiết bị nhập ngoại tương đương

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY BÔI KEO MŨ GIẤY

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 1/2HP + 2,1 kW Kích thước: 530 x 780 x 1.100mm Trọng lượng: 300 kg Công dụng: Bôi keo lên mũ giấy, simili nữ Sử dụng bôi keo cho đủ kích cỡ giấy chuẩn Sử dụng điện trở làm chảy keo nhựa Điều khiển bằng điện

Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY BÔI KEO TỔNG HỢP

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 1/4HP Kích thước máy: 250mm Kích thước trục bôi keo: 40mm Trọng lượng: 60 Kg Phù hợp cho các loại keo đậm đặc Công dụng: dán bên trong mũ giấy, miếng lót đế giày

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6435: Công nghiệp da, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành hạ; Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY BƠM NƯỚC CÁC LOẠI: CE2, CE3, CE4, T30, BN140, BN165, BN180

Mã số: 2912/923

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất cần thiết 3-10 mã lực; số vòng quay: 1750- 3000 vòng/phút; tổng cột áp: 10- 25m; lưu lượng: 16-33 m³/giờ.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 70: Thủy lợi. Cải tạo đất, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Thoả thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Chi phí khác: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

MÁY BƠM XIÊN HTN CÔNG SUẤT < 33 KW

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 33 Kw, cột nước 4m Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Máy bơm xiên cỡ nhỏ có công suất < 33Kw là loại bơm nước hướng trục với trục đặt nghiêng nhằm khắc phục

nhược điểm phải mỗi nước của bơm ly tâm đặt ngang và nâng cao hiệu suất ở vùng cột nước thấp. Các loại bơm hướng trục xiên cỡ nhỏ được sử dụng chủ yếu cho tưới tiêu nội đồng 1500 mét khối/h

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6835: Ngành trồng trọt, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong tưới tiêu nội đồng; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 30.000.000 VND/1 tổ máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm. Thời gian cung cấp máy: 1,5 tháng sau khi ký hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY CÀ ĐÉ TRỤC NGANG

Mã số: VN294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP Kích thước: 700 x 600 x 600 mm Trọng lượng: 130Kg Hai đầu mài Công dụng: Mài tinh các đế EVA, đế cao su, đế TPR Nếu có yêu cầu kết hợp dùng mài tinh và đánh bóng, làm vệ sinh giấy ở khâu hoàn tất, sẽ thiết kế để điều chỉnh tốc độ, nhằm làm giảm tốc độ ở đầu công tác Năng suất: sử dụng trong dây chuyền 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY CÁN LĂN ĐỊNH HÌNH LÁ CỬA

Mã số: VN294033/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 7,5 HP + 5HP Kích thước: 5.000-6.500 x 600 x 1.400mm Trọng lượng: 1.500 Kg Công dụng: cán lăn định hình lá cửa Điều khiển bằng điện Sử dụng thủy lực

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY CẮT BẰNG TIA NƯỚC ÁP SUẤT CAO

Mã số: VN294011/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN, TCVN Thông số kỹ thuật: Bơm: CP022065
Số piston: 1 Đường kính piston: 22mm Hành trình piston: 175mm Tốc độ trục quay: 1450v/phút Lưu lượng max: 3,4l/phút Áp suất max: 4000bar Áp suất hạt mài min/max: 3/6bar Đầu cắt có hạt mài: WJ0700600/590 Hệ thống nạp và chứa hạt mài: T5006060/590 Bộ lọc cho áp suất cao: cỡ lưới: 3 Động lực: động cơ điện 3 pha, công suất: 30kW, cấp bảo vệ: IP55

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành chỉ bằng 50% giá thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành bảo dưỡng sai bán hàng nhanh chóng, thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY CẮT HUỖ ĐÈ GIẤY THỦY LỰC

Mã số: VN29/359

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất động cơ: 3HP - 3P - 380. Kích thước: 600 x 600 x 1600 (mm). Điều khiển điện. Sử dụng thủy lực. Linh kiện của Nhật, moteur của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Năng suất: Tùy thuộc sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY CẮT HUỖ ĐÈ GIẤY THỦY LỰC

Mã số: VN294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất động cơ: 3HP, 3P, 380V Kích thước: 600 x 600 x 1.600mm Điều khiển bằng điện Sử dụng thủy lực năng suất tùy thuộc sản phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất VN

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY CẮT KIM LOẠI TẮM CNC

Mã số: VN294011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Thông số kỹ thuật: Tốc độ chạy nhanh: 8000mm/phút Tốc độ làm việc: 1-2000mm/phút Hành trình lên xuống của đầu cắt: 200mm Số lượng đầu cắt: 2-4 Bộ điều khiển: CNC ANILAM (Mỹ) Động cơ điều khiển: Servo motor Ổ đĩa mềm: 1,44Mb Cổng nối ghép: RS232, RS432 Đánh lửa tự động Cam: Lập trình trên PC; **Các gam máy**

Kiểu máy	Phạm vi hoạt động của mỏ cắt (mm) Chiều rộng (A)	Chiều dài (B)	Khoảng cách tâm đường ray C (mm)
CP-1350-CNC	1300	5000	2100
CP-1650-CNC	1600	5000	2400
CP-1980-CNC	1900	8000	2700
CP-2580-CNC	2500	8000	3300
CP-3180-CNC	3100	8000	3900
CP-37110-CNC	3700	11000	4500
CP-42140-CNC	4200	14000	5000
CP-54170-CNC	5400	17000	6200

Đặc tính cắt Thép cac bon và thép không gỉ, nhôm: độ dày cắt là 40mm, đồng đồ là 15 Khoảng cách từ mỏ cắt đến mặt tôn có thể tự điều chỉnh bằng cơ khí hoặc cảm biến

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành bằng 50% giá thiết bị nhập ngoại; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY CẮT LASER CNC

Mã số: VN2940/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN, TCVN Thông số kỹ thuật: Kích thước bàn: 3000 x 1500mm Hành trình: X,Y,Z: 2500 x 1400 x 200mm Động cơ X,Y,Z: DC Servo Độ chính xác định vị: 0,005/300mm Độ chính xác lặp lại: 0,01mm Tốc độ chạy nhanh: 10000mm/phút Tốc độ chạy cắt gọt: 4000mm/phút Công suất nguồn laser: 1000W Tải trọng: 250kg Kích thước máy: 4500 x 2500 x 2500mm Bộ điều khiển: TNC 310 Chiều dài cắt MAX: 5mm

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành chỉ bằng 50% thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY CÀY TAY

Mã số: VN29311/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy cày tay là loại máy tốt nhất để cày và kéo rơ moóc mạnh mẽ thích hợp cho cả vùng đất khô cằn và sinh lầy. Máy Có các bộ phận: 6 số tới và 2 số lui, để điều khiển dễ dàng bằng 1 cần sang số thay vì 2 như các máy khác, tay ga, tay điều khiển ly hợp; thanh chống trước được điều khiển bằng cần đặt ở tầm tay người lái; hệ thống gắn bộ sới ở trung tâm đơn giản, dễ sử dụng, tháo lắp với 3 bulông. Rất thích hợp cho việc gắn lưỡi cày hoặc rơ moóc; tay sang số cố định; tay sang vận tốc quay lưỡi xới; bộ tản nhiệt với năng suất cao; chiều cao của tay lái có thể điều chỉnh được ở 3 vị trí- vị trí cao, trung, thấp với 2 bulông; khung trước có thể điều chỉnh theo chiều hướng thẳng đứng. Trọng lượng từ 74 - 108kg; hệ thống đèn chiếu: 6V-25W; hệ thống làm mát: két nước; hệ thống khởi động: tay quay; suất tiêu hao nhiên liệu: 185 - 203g; nhiên liệu: dầu, diesel; công suất tối đa: 7/2400 - 12.5/2400 ML/vòng/phút; loại 4 thì, 1 xylanh, nằm ngang; hệ thống truyền lực: truyền lực đến trục lưỡi xới: dây xích, từ trục chính đến trục bánh xe: bánh răng; phanh: loại phanh trống bên trong; li hợp chính: loại nhiều đĩa ở dạng khô; bánh xe: 6-12.

Lĩnh vực áp dụng: 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: - Có thể tách rời dàn cày ra khỏi máy một cách đơn giản, dùng kéo rơ moóc với tốc độ cao và mạnh thích hợp cho các vùng đồi núi và cao nguyên. Đây là loại máy tốt nhất để cày và kéo rơ moóc mạnh mẽ thích hợp cho cả vùng đất khô cằn và sinh lầy. Máy mạnh và tiện lợi hơn với nhiều đặc điểm tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

MÁY CHỈ THỊ ĐỘ ẨM GỖ VÀ BÊ TÔNG ABG01

Mã số: VN3320/702

Mô tả quy trình CN/TB: Máy chỉ thị độ ẩm ABG01 dùng để đo độ ẩm bê tông, vách tường, trần, sàn nhà của các toà nhà và các công trình xây dựng. Với máy này chúng ta có thể thẩm định được độ ẩm

gỗ đến chiều sâu khoảng 3 cm và của vách bê tông, sàn nhà có lát gạch men hay trần nhà đến chiều sâu 4 cm. Phép đo thật đơn giản: chỉ cần để máy nơi cần đo, chỉ thị số sẽ cho biết độ ẩm. Đây là phương pháp đo không phá hủy, ta không cần đục hay găm sâu vào vật cần xác định độ ẩm, làm hư hỏng đối tượng muốn đo và đồng thời hạn chế các điểm cần đo.

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường, 66: Công nghiệp rừng và chế biến gỗ, 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Đo không phá hủy, đo nhanh chóng nhiều nơi.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 950.000 đồng

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY CHIẾT RÓT CHAI NHIỀU ĐẦU DẠNG THĂNG (6,8 HOẶC NHIỀU HƠN)

Mã số: 292/987

Mô tả quy trình CN/TB: Là máy chiết chai hoàn toàn tự động, có hệ thống đếm, điều khiển tự động nâng hạ đầu rót và tự động chiết nước, tự động ngắt khi đủ lượng. Máy chạy được nhiều tốc độ, có hệ thống kiểm soát và điều khiển tự động, độ tin cậy cao. Quy cách sản phẩm tạo ra: chai nước hoặc chất lỏng dung tích từ 100ml-2lít. Công suất: 6000- 12.000chai/ca/4h.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6543 Công nghiệp bia, 6545: Công nghiệp rượu, 6563: Công nghiệp sữa, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Nhiệt kế hiện đại và tiện dụng, điều khiển dễ dàng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận;

Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY CHỮA BỆNH BẰNG ION TĨNH ĐIỆN

Mã số: 3310/833

Mô tả quy trình CN/TB: Hướng dẫn sử dụng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: Ổn định, rất ít khi trục trặc

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

MÁY DÁN NHÃN ĐA NĂNG TỐC ĐỘ CAO AD2

Mã số: VN2924/427

Mô tả quy trình CN/TB: Nhãn được cấp từ hộp cấp nhãn→Mâm lấy nhãn→Hộp hút chân không→Dán lên chai. Công suất (tính theo ca): 3000-7000 chai/giờ. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: -Cơ nhãn: cao 30-100 mm, dài 50-220 mm. -Cơ chai: phi 40-85 mm. Điện: 1 motor 1HP, 1 motor 1/2HP, 220v 50-60Hz. Kích thước: 1000(C)x1200(R)x2200(D).

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: -Tốc độ cao (gấp đôi so với một vài kiểu máy dán nhãn nước ngoài); Độ tin cậy cao, điều khiển linh hoạt bằng micro processor; Dán được nhiều cỡ nhãn (so với 1,2 cỡ của nước ngoài); Giá chỉ bằng 1/2-1/3 giá của nước ngoài.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150.000.000 VND (giá bán máy và chuyển giao công nghệ).

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng cho tất cả các bộ phận của máy

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY DÁN NHÃN ĐA NĂNG, TỐC ĐỘ CAO

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nhãn được cấp từ hộp cấp nhãn – Mâm lấy nhãn - Hộp hút chân không – Dán lên chai; Đặc điểm kỹ thuật: Dán nhiều cỡ và cỡ chai với tốc độ cách biệt lớn. Ví dụ: nhãn dài 30-220 mm, cao 30-100 mm; Tốc độ: 3.000 – 7.000 chai/giờ tùy thuộc vào cỡ nhãn và cỡ chai; Điện áp làm việc: 220/380V, 1 pha/3 pha; Đạt TCVN; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Dán nhãn các loại cho chai nhựa và thủy tinh

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động. Điều khiển bằng PLC và khí nén. Tốc độ cao, điều chỉnh và hiệu chỉnh dễ dàng.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

MÁY DÁN VẢI

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 5HP, (9-12) KW Kích thước: 8000 x 2000 x 2200mm Nhiệt độ điều chỉnh được Tốc độ dán điều chỉnh bằng điện Gia nhiệt bằng điện trở Công dụng: dán vải Năng suất: phụ thuộc vào tốc độ dán được điều chỉnh cho phù hợp từng loại keo cụ thể

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy, 6433: Công nghiệp may mặc

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐÁNH BÓNG GIẤY

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 1HP Tốc độ: 1.400 vòng/phút Điều khiển điện; Sử

dụng thủy lực Linh kiện của Nhật, cụm thủy lực của Đài Loan, Hàn Quốc Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐÁNH BÓNG GIÀY.

Mã số: VN29/366

Mô tả quy trình CN/TB: * Công suất tiêu thụ điện: 1HP. * Tốc độ: 1400 vòng/phút. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: 2000 đôi/8h - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐÁNH BỘT DỄ CHO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THỰC PHẨM, DƯỢC PHẨM, THỨC ĂN GIA SÚC...

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Tính chất bền vững và khả năng trộn nhanh, đều. Tùy theo sản phẩm để chế tạo các vật liệu và kết cấu khác nhau thích hợp cho từng đối tượng sử dụng. Bột khô và nước được định lượng tự động hoặc thủ công qua hệ thống vận chuyển vào máy → cài đặt thời gian và tốc độ → cho máy vận hành → sản phẩm đã trộn xong → chuyển sang giai đoạn khác

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Giảm giá thành, tiết kiệm tiền bạc cho doanh nghiệp. Giảm sự lệ thuộc vào thiết bị ngoại nhập.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 7-25 triệu VNĐ/máy

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

MÁY ĐÀO LẠC DL- 0,3

Mã số: VN29323/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: 3 ha Máy đào bề rộng 1m, liên hợp treo sau máy kéo MTZ- 50 kết hợp với thu gom lạc bằng tay sau khi đào Tỷ lệ sót quả <1%, không vỡ quả, lạc không rời, sau khi đào thu gom dễ dàng, giảm 15 công/ha

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản; dễ chế tạo và sử dụng. Giá rẻ, phù hợp với điều kiện sản xuất và khả năng trang bị của nông dân

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30.000.000 VNĐ; Giá máy móc thiết bị: 17.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY DẬP CẮT THUỶ LỰC

Mã số: VN294033/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 3 HP Lực cắt: 20 tấn Diện tích bàn cắt: 460 x 1.600 Kích thước: 1.830 x 800 x 1.430 (mm) Trọng lượng: 1.400 Kg Công dụng: dập cắt vải, da, EVA, giấy lót giày simili, có khả năng dập cắt nhiều lớp Hành trình chạy dao lên xuống có thể điều chỉnh từ 70 – 100 mm Điều khiển bằng điện Sử dụng 1 ben thủy lực Các linh kiện điều khiển của Nhật, Mô tơ của Đài loan. Cụm thủy lực của Nhật Năng suất: Dùng trong dây chuyền sản xuất giày 200 đôi/8 giờ cần 1 máy Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 6433: Công nghiệp may mặc, 6441: Công nghiệp giày, 6435: Công nghiệp da

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY DẬP CẮT THUỶ LỰC ĐẦU DI ĐỘNG

Mã số: VN294033/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 3HP Lực cắt: 30 tấn Diện tích bàn cắt: 1.750 x 500mm Kích thước: 2.150 x 700 x 2.200mm Trọng lượng: 1.600 Kg Công dụng chuyên cắt da, vải, simili nhiều lớp Hành trình chạy dao lên xuống có thể điều chỉnh từ 150-200mm Đầu cắt di động theo chiều ngang máy, dễ dập cắt bỏ những vùng da bị lỗi, bị hư. Có khoảng không gian quan sát lớn để phát hiện nguyên liệu cắt có những chỗ bị hư Điều khiển bằng điện Sử dụng 1 ben thủy lực Năng suất dùng trong dây chuyền sản xuất giày 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy, 6435: Công nghiệp da, 6433: Công nghiệp may mặc

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành hạ; Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp sản xuất VN

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY DẬP CẮT THỦY LỰC ĐẦU TỰ CÂN BẰNG

Mã số: VN294033/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 3HP Lực cắt: 25 tấn Diện tích bàn cắt: 500 x 1600 mm Kích thước: 1.900 x 500 x 1400mm Trọng lượng: 1.200 kg Công dụng: dập cắt vải cho ngành may, da, simili, Eva, giấy lót giày, có khả năng dập cắt nhiều lớp Hành trình chạy dao lên xuống có thể điều chỉnh từ 70- 100mm Điều khiển bằng điện Sử dụng 2 ben thủy lực Năng suất dùng trong dây chuyền sản xuất giấy 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy, 6435: Công nghiệp da, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6433: Công nghiệp may mặc

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị tương đương với thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY DẬP ĐẦU TAY QUAY

Mã số: Vn294033/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 3HP Lực dập: 25 tấn Dịch tích bàn cắt: 900 x 480 mm Bề rộng cánh tay dập: 400mm Kích thước: 900 x 950 x 1450mm Trọng lượng 1200 Kg Công dụng: Dập cắt vải, da, giấy, nilon Hành trình máy có thể điều chỉnh từ 15- 130mm Điều khiển bằng thủy lực Năng suất: dùng trong dây chuyền sản xuất giấy 800 chi tiết/giờ

Lĩnh vực áp dụng: 6435: Công nghiệp da, 6433: Công nghiệp may mặc, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị tương đương với ngoại nhập; Giá thành hạ;

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐẬP ĐỔ TƯƠNG GIỐNG

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Máy có cấu tạo như máy đập lúa, trống đập là loại trống kết hợp răng bản và răng tròn. Đập tương khi thu hoạch về đem phơi nắng, khi độ ẩm hạt đạt 14-18% đem vào đập. Thao tác như máy đập lúa. Công suất: 0,5- 1 tấn hạt/giờ (4- 8 tấn hạt/ca) Tỷ lệ hạt hư hỏng <0,5%; Tỷ lệ hao hụt <1%; độ sạch sản phẩm >98% Thiết bị dùng trong dây chuyền chế biến hạt giống, dùng cho các cơ sở nghiên cứu giống và trong sản xuất đại trà

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Gọn nhẹ; Dễ làm sạch để tránh lẫn giống khi đập các loại khác nhau. Các cơ sở cơ khí đều có thể chế tạo được

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY ĐẬP THỦY LỰC

Mã số: VN2940/1

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐỊNH HÌNH BÓI DÂY STATOR ĐỘNG CƠ MĐH-03

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy định hình bó dây Stator động cơ ứng dụng trong các ngành sản xuất quạt điện, động cơ điện, máy biến áp. Máy có tác dụng nắn tròn đều vòng trong và vòng ngoài các bó dây Stator động cơ; Stator động cơ công suất 50 đến 1000W; Năng suất từ 1500 đến 2000 stator/ca 8h; Máy dùng nén khí hoặc thủy lực; Có thể điều khiển tự động hoặc bán tự động.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY ĐỊNH HÌNH ĐỂ TRONG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP; Kích thước: 970 x 770 x 1.660 (mm)

Trọng lượng: 620 Kg; Công dụng: ép định hình đế trong EVA của giày dép; Một lần ép được 1 chiếc; Ép gia nhiệt theo khuôn định hình, sử dụng nguồn nhiệt bên ngoài; Điều khiển bằng điện; Sử dụng thủy lực; Linh kiện điện của Nhật. Mô tơ của Nhật, Đài Loan. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc; Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐỊNH HÌNH MŨ GIÀY TỰ ĐỘNG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP, 800W; Kích thước: 950 x 850 x 1.550 (mm); Trọng lượng: 400 Kg; Công dụng: thường dùng định hình giày da, giày simili nữ

Định hình được đủ kích cỡ, đủ loại kiểu dáng của giày; Điều khiển điện; Sử dụng thủy lực, khí nén; Một lần định hình một chiếc; Linh kiện điện của Nhật. Mô tơ của Nhật, Đài Loan. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc; Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước Mức độ phát triển của TB/CN: Đã bán nhiều TB/CN

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐỊNH VỊ

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện Lực ép: 5 – 6 Kg/cm² Điều khiển bằng khí nén Kích thước: 530 x 4.360 x 1.740 (mm) Trọng lượng: 130 Kg Công dụng: vạch dấu trên mũi giày kẻ cả giày nam và giày nữ Các linh kiện của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc Năng suất: 1.000- 2.000 đôi/ngày

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐO ĐỘ ẨM KHÔNG KHÍ HTM - 902

Mã số: VN3325/790

Mô tả quy trình CN/TB: Đo hàm ẩm tương đối của không khí và khí từ 5 tới 95% Độ chính xác: (cộng, trừ) 2% Độ phân giải: 0,1% Sensor: Polymer Thin-film có thể chịu đựng tới nhiệt độ 180 độ C (sản xuất tại Đức) Thang đo nhiệt độ: từ âm 20 đến 60 độ C Độ chính xác: (cộng, trừ) 0,3 độ C Độ phân giải: 0,1 độ C Sensor: Pt 1000 DIN class B (sản xuất tại Đức) Nguồn điện: pin 9v, tự động báo nguồn điện yếu "LOBAT" Vỏ hộp: bằng plastic màu đen, có thể sử dụng trong những môi trường có hơi dung môi hay hơi dầu Kích thước: 150mm x 85mm x 30mm Trọng lượng: 170g

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: Có độ chính xác cao. Sensor hoạt động trong môi trường có nhiệt độ đến 180 độ C. Giá rẻ và rất bền. Có thể sửa chữa nếu máy hư hỏng trong vòng 24 giờ.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.700.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO ĐỘ DẪN ĐIỆN DUNG DỊCH SCM - 2000A

Mã số: VN3320/543

Mô tả quy trình CN/TB: - Máy có 3 thang đo: Từ 0 đến 199.9 micro S/cm2. Từ 0 đến 1999 micro S/cm2. Từ 0 đến 19.99 micro S/cm2. - Chỉ thị số: tinh thể lỏng LCD cao 13mm. - Nguồn điện: pin 9V. - Loại máy đo: cầm tay. - Đầu đo dùng điện cực graphit loại siêu sạch. - Ngõ ra analog.

Lĩnh vực áp dụng: 31: Hoá học, 34: Sinh học, 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Độ chính xác cao tương đương máy ngoại nhập; - Gọn nhẹ, bền, giá rẻ; - Dễ dàng linh kiện để thay thế, sửa chữa nhanh chóng.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2 triệu.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO ĐỘ MẶN SM-902

Mã số: VN332/787

Mô tả quy trình CN/TB: Máy có thang đo độ mặn của nước từ 0-50g/lít Độ chính xác (cộng, trừ) 1% Đầu đo dùng điện cực graphit siêu sạch Chỉ thị số bằng tinh thể lỏng LCD 16x2 Nguồn điện 2 pin 9v hoặc điện lưới 220v Bù trừ nhiệt độ tự động 0-60 độ C Đạt tiêu chuẩn VN và tiêu chuẩn nước ngoài

Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Tự động báo nguồn điện yếu với chỉ thị "LB" Kích thước 195mm x 100mm x 48mm Trọng lượng 600g (gồm cả pin) + Hình thức bán TB/CN: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Đại lý bán lẻ - Qua điểm tiếp thị SP/DV KH-CN tại 79 Trương Định, Q. 1. TP. Hồ Chí Minh

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 76: Y học và y tế, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Độ chính xác rất cao, tương đương hay hơn hẳn nhiều máy nhập ngoại. Gọn nhẹ, bền, giá rẻ. Dễ dàng linh kiện để thay thế, sửa chữa nhanh chóng.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 3.500.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO HÀM LƯỢNG OXY TRONG DUNG DỊCH DO-802

Mã số: VN3320/706

Mô tả quy trình CN/TB: Đo hàm lượng oxy trong dung dịch không dễ cháy và không có tính axit. Đặc trưng kỹ thuật: *Chỉ thị số: hiển thị số bằng tinh thể lỏng LCD với 3(1/2) số có độ cao 13 mm. *Khoảng đo: từ 0-20 mg/L O₂ hoà tan trong dung dịch. *Sai số đo: trong khoảng 0,4 mg/L ở nhiệt độ 25 độ C. *Độ phân giải: 0,1 mg/L. *Nguồn điện: pin 9V. *Dòng điện tiêu thụ: 3,5 mm. *Khoảng bù trừ nhiệt độ: 0-40 độ C. *Tự động báo nguồn điện yếu: khi pin 9V yếu mặt LCD hiện chữ "LOBAT". *Vỏ hộp: bằng plastic màu đen, có thể sử dụng ngay trong những môi trường có hơi dung môi hay hơi dầu. *Kích thước: 110x83x30 (mm). *Trọng lượng: 400 g (gồm cả pin, điện cực).

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 3 triệu

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO KHÍ MÊTAN TỰ ĐỘNG LOẠI XÁCH TAY VIELINA-ĐCT.01

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thiết bị được sử dụng trong khai thác than hầm lò và trong khai thác dầu khí Thiết bị được mang theo người khi đi vào hầm lò hoặc khu vực khai thác, có chức năng tự động đo và cảnh báo nồng độ khí mêtan (CH₄) nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người lao động trong khai thác hầm lò. Thiết bị đo khí mêtan Vielina-ĐCT.01 được thiết kế thích hợp với giới đo từ 0-5%, thời gian làm việc liên tục có thể tới 12 h sau mỗi lần nạp đầy pin, dùng âm thanh và đèn nháy báo động khi vượt ngưỡng 1%. Đảm bảo tuyệt đối các yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo TCVN-7079. Thiết bị dễ dàng cải tiến để đo các thông số môi trường khác

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 3859: Kỹ thuật và công nghệ công tác thăm dò địa chất, 5929: Khí cụ đo các đại lượng điện và từ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị gọn nhẹ, làm việc chính xác, ổn định và làm việc phù hợp với điều kiện Việt nam, Bảo hành, bảo trì thuận lợi, nhanh gọn; Giá thành thấp hơn so với thiết bị ngoại nhập từ 1/2- 2/3. Dễ phát triển thêm tính năng theo yêu cầu của người sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 8.400.000 VNĐ/Máy; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại Viện Nghiên cứu Điện tử tin học, Tự động

hoá (với các công tơ) và tại cơ sở sử dụng (với hệ thống)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

MÁY ĐO NHIỆT ĐỘ HIỆN SỐ DÙNG CẤP NHIỆT ĐIỆN

Mã số: VN3325/788

Mô tả quy trình CN/TB: Dải đo nhiệt độ: từ âm 65 độ C đến 1260 độ C Độ chính xác: (cộng, trừ) 0,2 độ C Sensor: cặp nhiệt điện Type K Nguồn điện: pin 9v Năng lượng tiêu thụ: 13,5mW Đạt tiêu chuẩn VN và tiêu chuẩn nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Chỉ thị hiện số LCD. Kích thước: 148mm x 83mm x 30mm Trọng lượng: 410g gồm cả pin và điện cực + Hình thức cung cấp TB/CN: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Bán theo đơn đặt hàng - Qua điểm tiếp thị SP/DV KH-CN tại 79 Trương Định, Q 1, TP. Hồ Chí Minh

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: Đầu đo có thể thiết kế tùy theo yêu cầu đa dạng của khách hàng. Độ chính xác rất cao, hơn hẳn nhiều loại máy ngoại nhập. Giá rẻ, rất bền.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 1.200.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm. Trong trường hợp máy có hư hỏng được khắc phục trong vòng 24 giờ.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO NHIỀU THÔNG SỐ TỰ ĐỘNG LOẠI XÁCH TAY VIELINA-ĐCT.03

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị sử dụng trong khai thác than hầm lò và trong khai thác dầu khí Thiết bị được mang theo người khi đi vào hầm lò hoặc khu vực khai thác, có chức năng tự động đo và cảnh báo nồng độ khí mêtan (CH₄), nồng độ khí cacbon monoxit (CO) và nhiệt độ nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người lao động trong khai thác hầm lò. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5929: Khí cụ đo các đại lượng điện và từ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị gọn nhẹ, làm việc chính xác, ổn định và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Bảo hành, bảo trì thuận lợi, nhanh gọn. Giá thành thấp so với thiết bị ngoại nhập có cùng tính năng. Dễ phát triển thêm tính năng theo yêu cầu của người sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 11.900.000 VNĐ; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại Viện Nghiên cứu Điện tử tin học, Tự động hoá (với các công tơ) và tại cơ sở sử dụng (với hệ thống)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

MÁY ĐO NỒNG ĐỘ BỤI DCM - 203

Mã số: VN3325/791

Mô tả quy trình CN/TB: Khoảng đo: 0 - 8mg/m³ Cảm biến quang học: GP2U05 (Sharp)

Chỉ thị: đồng hồ microA Nguồn điện 220V50Hz hay 2 pin 9v Tự động báo nguồn điện yếu - Bán TB theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: Giá rẻ hơn thiết bị đo bụi nhập ngoại. Phương pháp đo đơn giản, chính xác hơn phương pháp bằng cách cân hiện nay trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 1.300.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐO VÀ ĐIỀU KHIỂN PH

Mã số: VN332053/I

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tuỳ theo yêu cầu và đặc điểm quy trình không chế pH của người sử dụng, máy được thiết kế theo yêu cầu. Ví dụ pH được không chế từ trị số cao đến thấp hay ngược lại. Người sử dụng được cố vấn nên sử dụng loại điện cực pH nào cho thích hợp trong quy trình sản xuất Chỉ thị bằng LED Thang đo và không chế: 0-14pH Độ chính xác: 0,02 pH Khoảng bù trừ nhiệt độ: từ 0- 100 độ C Điện cực: sản xuất từ Đức hay Anh Quốc Nguồn điện 220 V AC Ngưỡng pH: đặt trước, trị số pH được đặt và không chế từng 0,01pH Role: 220V AC/5A Vỏ hộp bằng sắt, sơn tĩnh điện với kích thước: 220x160x140 mm Kết nối và điều khiển tự động một máy bơm hoá chất để không chế độ pH của dung dịch

Lĩnh vực áp dụng: 5539: Chế tạo máy hoá chất và dầu mỏ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 3.675.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

MÁY ĐÓNG GÓI

Mã số: VN2924/434

Mô tả quy trình CN/TB: -Máy được dùng để đóng gói vật liệu dạng hạt, bột, chất lỏng... -Máy đóng tự động kiểu đứng, định lượng theo thể tích. -Hàn 03 mặt hoặc 04 mặt. Công suất (tính theo ca): 12.000-28.800 gói/ca. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6147: Công nghệ các chất thơm

Ưu điểm của CN/TB: -Tốc độ đóng và chiều dài gói thay đổi được bằng PLC. -Không cần bôi trơn bạc hàm ép (nhiệt độ cao). -Thay đổi được khối lượng đóng. Có hệ thống rung phễu nệm.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 50.000.000 đồng; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng cho phần cơ và 6 tháng cho phần điện

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY ĐÓNG GÓI BỘT HẠT TỰ ĐỘNG

Mã số: 292421/988

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình: Nguyên liệu đóng gói được cho vào phễu - cấp qua mâm định lượng - rót vào gói được cắt dán liên tục - thành phẩm được đóng gói. đặc điểm kỹ thuật: Đóng gói 3 hoặc 4 mặt; tốc độ 20-90 gói/phút; điện: một mô tơ 1HP, điện 220V 3 pha, một mô tơ 1/4HP; nhiệt: 300Wx2 (đứng), 300Wx2 (ngang); kích thước (Cx Dx R): 1.700x700x500

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt, 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động; Điều khiển bằng Micro; Tốc độ cao, điều khiển và hiệu chỉnh dễ dàng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhận hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 42 Triệu đồng/máy; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY ĐÓNG GÓI CHẤT LỎNG TỰ ĐỘNG

Mã số: 2924/989

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Chất lỏng cho vào phễu (có cánh khuấy) - được một bơm Pittong định lượng đều đặc rót vào bao bì - bao bì được cắt dán tạo thành từng gói thành phẩm. đặc điểm kỹ thuật: đóng gói 3 hoặc 4 mặt; tốc độ 20-70 gói/phút; điện 1 mô tơ 1/2HP, điện 220V 3 pha; nhiệt 300Wx2; kích thước: 1700x700x500

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6543 Công nghiệp bia, 6545: Công nghiệp rượu, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động; điều khiển bằng Micro; tốc độ cao, điều chỉnh và hiệu chỉnh dễ dàng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhận hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 45 triệu đồng/máy; Phí đào tạo: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY ĐÓNG GÓI LIÊN TỤC FFS

Mã số: VN2924/425

Mô tả quy trình CN/TB: Tầm nhựa định hình thành khay → Thực phẩm (hoặc sản phẩm) được cấp vào khay trên băng chuyền chuyển động → Sản phẩm đóng gói được cắt rời thành từng hộp → Vào thùng tồn trữ. Công suất (tính theo ca): 200-700 kg/giờ. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: -Điện: 1 motor 1/2HP, 1 motor 1/4HP, 220v, 50-60 Hz. -Nhiệt: tổng cộng 4 kw. -Kích thước: 3000(D)x650(R)x450(C). Điều khiển tự động bằng PLC.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc sao chép mẫu các thiết bị của nước

ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 64: Công nghiệp nhẹ, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: -Kết cấu gọn nhẹ, chất lượng tương đương của châu Âu hoặc Mỹ. -Giá cả cạnh tranh (chỉ bằng 1/5 so với máy ngoại nhập).

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 170.000.000 VND cho toàn bộ các chi phí, máy, thiết bị đi kèm, công nghệ.

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng cho toàn bộ các chi tiết của máy

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY ĐÓNG GÓI TỰ ĐỘNG

Mã số: VN29242/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: chất lỏng hoặc chất bột cho vào phễu (có cánh khuấy), được đưa vào một bơm piston định lượng đều đặn rót vào bao bì và được cắt dán tạo thành từng gói sản phẩm; Đặc điểm kỹ thuật: Đóng gói 3 hoặc 4 mặt; Tốc độ 20-70 gói/phút; Điện áp làm việc: 220/380V, 1 pha/3 pha; Đạt TCVN; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Đóng gói dầu ăn, sữa chua, nước tương, tương ớt, nước giải khát và các loại chất lỏng khác (nước rửa chén, dầu gội đầu)

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động Điều khiển bằng PLC và khí nén Tốc độ cao, điều chỉnh và hiệu chỉnh dễ dàng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

MÁY ĐÓNG GÓI TỰ ĐỘNG

Mã số: VN292421/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Có thể điều chỉnh tốc độ từ 30 - 60 gói/phút hoặc thay đổi từng gói theo thiết kế. Thông số kỹ thuật khác: Kết cấu máy gọn nhẹ, độ chính xác cao, dễ dàng vận hành, sửa chữa và thay thế phụ tùng khi cần thiết. Sản phẩm dạng rắn hoặc lỏng, hoặc vừa rắn vừa lỏng được cấp vào phễu nạp liệu. Bao bì tự cuộn phía trên theo hệ thống căng và định vị chuyển động vào trong buồng máy. Quá trình đóng gói, hút chân không, xả khí bảo vệ được thực hiện nhờ bộ điều khiển tự động đã được lập trình PLC. Sản phẩm đóng gói xong ra khỏi máy được cắt rời theo từng đơn vị hoặc một dãy đơn vị theo yêu cầu.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6145: Công nghệ các chất hoá được

Ưu điểm của CN/TB: Thay thế hàng nhập khẩu giá rẻ từ 50-60% so với hàng nhập khẩu có cùng tính năng.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 40-70 triệu VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

MÁY ĐỒNG HOÁ

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: 1.000 - 5.000 l/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Đạt chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm, vận hành sửa chữa dễ dàng, không bị rung động khi vận hành ở tốc độ cao. Sản phẩm → Hệ thống cấp liệu vào máy → Vận hành máy → Sản phẩm đã đồng hoá → Vô bao bì.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Giá rẻ hơn hàng ngoại nhập từ 40- 60%. Tính ổn định và độ bền cao. Dễ dàng thay thế phụ tùng khi cần thiết

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 25 - 150 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo công suất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

MÁY ĐÓNG NẮP CHAI BÁN TỰ ĐỘNG VÀ TỰ ĐỘNG

Mã số: 29242/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nắp được cấp bằng tay hoặc thiết bị cấp nắp (cap feeder) – chai được đưa vào lấy ra tự động chạy trên băng tải, đầu đóng hoạt động liên tục đóng nắp cho chai; Đặc tính kỹ thuật: Một đầu đóng hoặc nhiều đầu đóng; Loại nắp: nhựa hoặc nhôm; Công suất: 600- 1.200 chai (bán tự động), 3.000- 9.000 chai tự động; Đạt TCVN; Điện áp làm việc: 220/380V, 1pha/3pha, mô tơ 100W 1/2HP; Khí nén: 10-15 kgf/cm²

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình đơn giản, giá thành thấp hơn nhiều mà sản phẩm vẫn tương đương ngoại nhập Điều khiển bằng PLC và khí nén Tốc độ cao, điều chỉnh và hiệu chỉnh dễ dàng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ

MÁY ĐÓNG NẮP CHAI BÁN TỰ ĐỘNG VÀ TỰ ĐỘNG

Mã số: 2924/990

Mô tả quy trình CN/TB: quy trình: Nắp được cấp bằng tay hoặc thiết bị cấp nắp - chai được đưa vào lấy ra hoặc tự động chạy trên băng tải, đầu đóng hoạt động liên tục đóng nắp cho chai. Đặc điểm kỹ thuật: một đầu đóng hoặc nhiều đầu đóng; Loại nắp: nhựa hoặc nhôm; công suất: 600-1.200 chai (bán tự động), 3000-9000 chai (tự động); điện: 220V, 50-60 Hz, mô tơ 100W 1/2 HP; Khí nén: 10-15 kgf/cm². Kích thước: 500x500x1.600 cho loại bán tự động, loại tự động tuỳ theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6545: Công nghiệp rượu, 6563: Công nghiệp sữa
Ưu điểm của CN/TB: Đóng các loại nắp chai nhựa, nhôm, thuốc bảo vệ thực vật... cho chai nhựa, thủy tinh, sứ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhận hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 8 triệu đồng/ máy bán tự động, 40-60 triệu đồng/máy tự động tốc độ cao; Phí đào tạo: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY ĐÓNG NHÃN NÓNG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 600W; Kích thước: 760 x 570 x 1.560 (mm)

Trọng lượng: 210 Kg; Vận hành bằng khí nén; Gia nhiệt bằng điện trở; Công dụng: đóng nhãn, ép nhũ trực tiếp trên tấm lót để giày; Các linh kiện điều khiển của Nhật; Năng suất: dùng trong dây chuyền 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ĐÙN NHÂN CHẢ GIÒ

Mã số: VN295316/1155

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Dùng trong dây chuyền sản xuất chả giò, máy có thể đùn nhân chả giò theo yêu cầu về khối lượng với sai số nhỏ Máy hoạt động bằng hệ thống khí nén nên năng suất cao, tiết kiệm thời gian và nhân công Máy được thiết kế gọn nhẹ, lắp đặt dễ dàng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm Công suất: 2.400 sản phẩm/giờ Kích thước: 700 x 260 x 820 mm Trọng lượng: 25Kg Thông số kỹ thuật khác: Phễu chứa được 10 kg nhân Sai số nhỏ $\pm 0,5g$ Trọng lượng nhân đùn được từ 8-20g có thể điều chỉnh dễ dàng

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 50.000.000

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thiết kế chế tạo thiết bị mới- Neptech

MÁY ĐÙN THỜI CHAI PP/PE/PVC

Mã số: CH2956/1106

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Thiết bị nhập từ nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật Tân Kỳ Nguyên

MÁY ÉP CHỮ THẬP

Mã số: VN294034/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 2HP Kích thước: 680 x 720 x 1790mm Trọng lượng: 500Kg Công dụng ép đế, ép hông, mũi gót của giày vải, giày dép kiểu đế dán Một lần ép được 1 chiếc Điều khiển bằng điện Sử dụng thủy lực Sử dụng ép được cho đủ loại kích cỡ chuẩn của giày dép Năng suất: dùng sản xuất trong dây chuyền 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ;

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP ĐÉ GIÀY NỮ

Mã số: VN294034/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 2HP Lực ép: 2 tấn Kích thước: 900 x 1200 x 1800 Trọng lượng: 1000 Kg Công dụng ép dán đế giày nữ Điều khiển điện Sử dụng thủy lực năng suất 2000 đôi/8 giờ

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP ĐỂ PHẪNG MỘT VỊ TRÍ

Mã số: VN03/331

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP. Lực ép: 2 Tons. Kích thước: 580L x 500 W x 1600H. Trọng lượng: 700 KG. Công dụng: Ép để giày. Điều khiển điện. Sử dụng thủy lực. Sử dụng ép được cho đủ loại kích cỡ chuẩn của giày dép. Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc): giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm. Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP ĐỂ TRONG KHÍ NÉN.

Mã số: VN03/334

Mô tả quy trình CN/TB: - Công suất tiêu thụ điện: 2HP. - Lực ép: 200 kg. - Kích thước: 580L x 580W x 1500 H. - Trọng lượng: 700 kg. - Công dụng: ép dán dép xốp, giày vải. - Điều khiển điện. - Sử dụng ép được cho đủ loại kích cỡ chuẩn của giày dép. - Linh kiện Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: 2000 đôi/8h - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc), giá thành hạ (<50%)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP GẠCH BLOCK TỰ CHÈN

Mã số: VN2940/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Lực ép tối đa: 80 tấn Năng suất: 2400 viên/ca. 40- 50 mét vuông/ca (10 giây/1 sản phẩm) Bốn lao động đứng 4 góc máy cho nguyên vật liệu vào khuôn, từng người một lần lượt đưa khuôn vào máy và ấn nút ép. Máy tự động ép Khi ép xong người đưa khuôn vào sẽ lấy sản phẩm ra, và người tiếp theo đưa khuôn vào ép

Lĩnh vực áp dụng: 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành thấp, sử dụng lao động phổ thông, sản phẩm chất lượng cao, máy có

độ bền tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 90- 130 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phòng thí nghiệm thực hành máy thủy lực và các thiết bị tự động- Đại học Bách Khoa Hà Nội

MÁY ÉP LƯU HOÁ CAO SU

Mã số: VN29/353

Mô tả quy trình CN/TB: - Công suất động cơ: 10HP + 5 HP. - Trọng lượng: 100KG. - Hệ thống nâng khuôn bằng khí nén. - Hệ thống thủy lực trung tâm. - Một vị trí ép hai khuôn. - Điều khiển bằng điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện điện của Nhật, moteur của Đài Loan. Cùm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Năng suất: Tùy thuộc loại sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP NHIỆT THUỶ LỰC

Mã số: VN29/349

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP. Kích thước: 580L x 1400H. Trọng lượng: Ép máy, in bông trên các bề mặt da, simili... Điều khiển bằng điện. Sử dụng thủy lực. Linh kiện điện của Nhật, moteur của Đài Loan, Nhật. Cùm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Năng suất: Tùy theo loại sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP PHUN NHỰA

Mã số: CH2956/1105

Mô tả quy trình CN/TB: Công ty TNHH Tân Kỳ Nguyên là đại lý cung cấp các máy móc thiết bị và giải pháp trọn vẹn theo công nghệ của Đài Loan cho sản xuất ngành nhựa

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Thiết bị nhập từ nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 6131: Công nghệ các chất và sản phẩm vô cơ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận;

Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 24 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật Tân Kỳ Nguyên

MÁY ÉP THỦY LỰC

Mã số: Vn294034/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 2HP Lực ép: 2tấn Kích thước: 580 x 580 x 1675mm Trọng lượng: 800 Kg Công dụng: ép dán dép xốp, giày vải Một lần ép: 2 chiếc Điều khiển điện Sử dụng thủy lực Sử dụng ép được cho đủ loại kích cỡ chuẩn của giày dép Năng suất dùng sản xuất trong dây chuyền 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy

Lĩnh vực áp dụng: 6435: Công nghiệp da, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành rẻ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất VN

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP THỦY LỰC 200 TẤN.

Mã số: VN29/347

Mô tả quy trình CN/TB: - Công suất động cơ: 10HP + 5 HP + 3HP. - Lực ép: 200 tấn, 2 tốc độ. - Hành trình đầu ép: HTmax = 500. Khoảng cách giữa 4 trụ: 800 x 1200. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện điện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: Tùy theo sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc), giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của

khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP THỦY LỰC CÁC LOẠI DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT VÁN DẼM, VÁN DÁN, CỐT ÉP

Mã số: VN29404/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Máy ép thủy lực các loại dùng để sản xuất ván dẽm, ván dán, cốt ép, cốt đan, cốt ép phẳng, tấm lợp lợp sóng- gia nhiệt bằng hơi, dầu, điện. Lực ép từ 50- 900 tấn. Kích thước bàn ép tùy yêu cầu Kích thước bàn ép từ 500x500 mm đến 1350x2650 mm Có loại máy dùng cho công nghệ ép định hình sản phẩm; **Đặc tính kỹ thuật của máy dùng cho sản xuất cốt ép:** Kích thước bàn ép: 1.100 x 1.400 mm Số tầng ép: 2-4 tầng Khoảng mở bàn ép: 50-80mm Phương pháp gia nhiệt: điện Số xilanh thủy lực: 3 cái Áp lực tối đa: 300 tấn Nhiệt độ Max: 120 độ C Trọng lượng máy: 3.600- 4.200 kg; **Đặc tính kỹ thuật của máy dùng cho sản xuất ván dẽm:** Kích thước bàn ép: 1.350 x 2.650mm Số tầng ép: 2-3 Khoảng mở bàn ép: 50-80mm Phương pháp gia nhiệt: dầu hoặc hơi nước Số xi lanh thủy lực: 8 cái Áp lực tối đa: 600 tấn Nhiệt độ Max: 130 độ C Trọng lượng máy: 11.300- 13.500 kg

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành thiết bị rẻ chỉ bằng 60% thiết bị cùng loại nhập của Đài Loan, Trung Quốc với chất lượng tương đương

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận (tùy theo từng loại)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

MÁY ÉP THỦY LỰC CÔNG SUẤT 200 TẤN

Mã số: VN294034/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất động cơ: 10HP + 5HP + 3HP Lực ép: 200 tấn, 2 tốc độ Hành trình dầu ép: HT max: 500 Khoảng cách giữa 4 trụ: 800 x 1200 Điều khiển điện Sử dụng thủy lực Năng suất tùy theo sản phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP TOÀN PHẦN 6 CHIỀU

Mã số: VN2940/1

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo
Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng
Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY ÉP VIÊN THỨC ĂN GIA SÚC

Mã số: VN293263/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quá trình ép thành viên thức ăn cho gia-súc, gia cầm và thủy cầm thực hiện trên máy theo sơ đồ công nghệ sau: Nguyên liệu dạng bột hỗn hợp → Cấp liệu có định lượng → làm chín sơ bộ và diệt khuẩn → ép viên. Kỹ thuật phụ trợ sản xuất và cung cấp hơi nước. Công suất: 8-10 tấn/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TCNN Năng suất 1-1,5 tấn/h, kích thước viên 8-5 Công suất lắp đặt: N=25kw.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị hoàn toàn sản xuất trong nước có các thông số kỹ thuật tương đương với máy nhập ngoại dùng cho các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi quy mô vừa, chất lượng thức ăn đạt tiêu chuẩn thế giới

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 650.000.000 VND (kể cả phí đào tạo, hướng dẫn vận hành)

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành kỹ thuật miễn phí 06 tháng kể từ khi bàn giao đưa vào sản xuất

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: Động cơ xăng: 11,76/16 KW/HP. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Máy có chiều rộng lưỡi cắt 1.200mm, chiều cao cắt 100-150mm. Năng suất đạt 1-1,5 ha/ ngày; tốc độ máy 1-6 km/ giờ tùy thuộc vào người sử dụng. Nhân lực gồm có 3 người: 1 người điều khiển, 1 người vô bao và 1 người chuyển bao.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận với khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO

MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP THU HOẠCH LÚA GDL-0.3A

Mã số: VN2932/179

Mô tả quy trình CN/TB: Liên hợp thu hoạch lúa đóng bao tự hành. Hệ thống di động xích cao su có thể làm việc trên ruộng có mức bùn dưới 10 cm. Hệ thống guồng gạt giúp máy có thể thu hoạch được lúa đổ. Hệ thống đập lúa dọc trục răng tròn. Hệ thống sàng quạt làm sạch hạt. Hệ thống gầu tảo và thùng chứa hạt để đóng bao. Công suất (tính theo ca): 0,2-0,3 ha/h. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: độ sạch của thóc trên 96%, tổng hao hụt dưới 3%

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện canh tác lúa nước ở Việt Nam. Độ sạch sản phẩm cao.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 120 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY GẶT LÚA XẾP DÂY KIỂU MCL-120

Mã số: VN293234/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy gặt lúa xếp dây kiểu MCL-120 Đặc tính kỹ thuật: Kích thước: 2200x1350x1050 (mm); trọng lượng khô: 140kg; năng suất làm việc: 3000-4500 mét vuông/h; độ hao hụt: 1%; Hướng xếp dây: phía phải của máy (nhìn từ phía sau máy); Động cơ: dạng động cơ: 4thì, 1 xylanh,; dung tích buồng đốt: 144 cm khối; đường kính X hành trình pitông: 64X45; công suất tối đa: 3.8; tiêu hao nhiên liệu: 310; hệ thống làm mát bằng gió. Tốc độ di chuyển: tới: 3.5km/h, lui: 2.6km/h. Điều kiện làm việc trên mặt nền ruộng phẳng khô hoặc ngập nước đến 250mm, chiều cao gặt: 100-400 mm; bề rộng gặt: 1200mm; Vận hành và điều chỉnh: chạy tới lui bóp tay ly hợp và gạt cần số, tăng giảm tốc độ bằng tay ga, gạt bằng bộ ly hợp. Bộ phận gặt: vỏ lúa: cánh sao phân tích, gạt bằng dao hình tam giác, chuyển lúa xếp dây bằng xích cánh lúa. Bộ phận di chuyển: bánh hơi cao su.

Lĩnh vực áp dụng: 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: máy gặt lúa kiểu MCL-120 có cấu hình gọn nhẹ, công suất cao, tốc độ gặt cực nhanh, có thể gặt trên cả cánh đồng khô hoặc ngập nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYN0)

MÁY GHÉP MÍ LON BÁN TỰ ĐỘNG

Mã số: VN295316/1161

Mô tả quy trình CN/TB: Để đáp ứng yêu cầu cho việc chế biến và bảo quản thực phẩm, một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng nhất là đóng gói bao bì. Máy ghép mí lon là một trong những thiết bị nhằm đáp ứng tốt cho việc lưu trữ và bảo quản các loại thực phẩm ăn uống đóng lon Thiết bị được chế tạo bằng Inox, kết cấu máy gọn nhẹ, dễ lắp lắp đặt, dễ vận hành, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm Đáp ứng được cho việc đóng các loại lon thiếc, nhôm, nhựa Máy làm việc ở hai chế độ tự động hay bán tự động Mí ghép đẹp và đạt tiêu chuẩn Nối kết vào các dây chuyền sản xuất liên hoàn một cách dễ dàng Đạt TCVN Công suất: 600 lon/h Kích thước: 500 x 500 x 1.200 Trọng lượng: 60 Kg Các thông số kỹ thuật khác: Mô tơ: 3/4HP, 1P, 220V Quy cách lon: D = 40 ÷ 100 mm, H = 40 ÷ 150 mm Áp suất lon sản phẩm đạt: 3-4 Kg/cm²

Đóng lon nước giải khát (có hay không gas), nước trái cây Đóng hộp các sản phẩm: thịt, cá, thức ăn chế biến sẵn

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 14 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

MÁY GÒ HẬU

Mã số: VN294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất điện tiêu thụ: 2HP Lực ép: 40 Kg/cm² Sức nóng: 1Kw Kích thước: 935 x 600 x 945mm Trọng lượng: 520 Kg Năng suất: 1.500 đôi/ngày

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY GÒ MŨI

Mã số: Vn294042/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 2HP Lực ép: 50 Kg/cm² Sức nóng: 1,24 Kw Kích thước: 1.000 x 805 x 1.890mm Trọng lượng: 1.500 Kg Phù hợp cho các loại keo đậm đặc

Công dụng: gò tất cả các mũi giày kể cả giày nam và giày nữ

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY HÀN LỒNG THÉP ĐIỀU KHIỂN CNC

Mã số: VN29406 /1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Công suất: TB từ 60-120 lồng/1 ca sản xuất Số nan dọc 12, 24, 18, 36. Loại nan dọc có đường kính từ 300-1500mm Loại nan dọc có đường kính từ 800-2700mm

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành chỉ bằng 50% thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng, tiện lợi

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán thiết bị: Loại 12 nan dọc: 80USD; Loại 24 nan dọc: 100.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY HÚT BỤI KIỀU CYCLONE

Mã số: VN292314/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất tiêu thụ điện: 3HP Kích thước: 800 x 600 x 1.400mm Trọng lượng: 380 Kg các thông số kỹ thuật có thể thiết kế theo yêu cầu Công dụng: hút bụi ở các phòng máy, các máy mài, các máy gây bụi Cánh quạt hút khí bụi vào máng xoáy trong ống cyclone, máng xoắn sẽ làm cho bụi rơi xuống thùng chứa bên dưới, còn khí thoát ra cửa thoát ở phía trên của ống cyclone Năng suất: tùy theo mật độ bụi và diện tích phòng, đối với sản xuất giấy dếp, ứng với 4 máy mài nên sử dụng một máy hút bụi

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy, 6637: Sản xuất đồ gỗ, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); Giá thành hạ (< 50%); Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY HÚT BỤI KIỀU TÚI

Mã số: VN292314/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2 HP Kích thước: 500 x 1.200 x 2.000 (mm) Trọng lượng: 180 Kg Các thông số kỹ thuật có thể thiết kế theo yêu cầu Công dụng: hút bụi ở các phòng máy, các máy mài, các máy gây bụi Cánh quạt hút khí bụi vào trong túi vải và bụi sẽ được giữ lại bên trong túi, khí thoát ra bên ngoài Vật liệu túi làm bằng vải cotton Linh kiện điện của Nhật. Mô tơ của Nhật, Đài Loan Năng suất: tùy theo mật độ bụi và thể tích phòng, còn trong sản xuất giấy dếp 1 máy hút bụi làm việc tương ứng 2 máy mài

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy, 6637: Sản xuất đồ gỗ, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY HUỖ KIM TIÊM

Mã số: VN292112/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công xuất: 1kg/mẻ TCVN; TCNN Thiết bị gọn nhẹ, dùng tiếp điểm bằng kim loại màu, điện áp 220 V, dòng cao tạo hồ quang đốt cháy phá hủy kim tiêm thành xỉ Thiết bị hoàn chỉnh Đạt tiêu chuẩn nước ngoài (như Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan) Kích thước: 0,4m * 0,4m * 0,4m Trọng lượng: 5 kg

Lĩnh vực áp dụng: 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học, 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2 triệu/máy

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

MÁY IN LỤA KHỔ A4

Mã số: VN29/370

Mô tả quy trình CN/TB: * Công suất động cơ: 1HP - 3P - 380V. * Kích thước: 600L x 500W x 1450H. * Trọng lượng: 300KG. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, moteur của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: Tùy thuộc sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY KIỂM THỬ VẬN NĂNG QUẠT BÀN- QUẠT TRẦN MKT-03

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết bị ứng dụng trong ngành sản xuất quạt điện, động cơ điện. thiết bị có thể đo đồng loạt các thông số: điện trở (Ohm), dòng (A), công suất (W), điện áp 2 đầu tụ (V); Thử phóng điện cao áp 0 đến 3000V.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng
Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY LĂN SƠN TRỤC PU

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất điện tiêu thụ: 1HP Kích thước: 1.400 x 850 x 900 (mm) Trọng lượng: 400 Kg Trục lăn kéo: 1.000 mm Công dụng: lăn sơn các loại sản phẩm Điều khiển bằng điện Linh kiện điện của Nhật. Mô tơ của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc Năng suất: tùy theo loại sản phẩm Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY LASER CO2 PHẪU THUẬT 15W MODEL: KC 01-06/TL 150

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Các ứng dụng chủ yếu: chữa các bệnh: tàn nhang, bớt vàng, bớt đỏ, xoá xăm, hôi nách, viêm nang lông, thay dao mổ và dụng cụ khí bóc tách tổ chức, trĩ nội- ngoại, trĩ tràng, hậu môn, các u, lợi chùm, viêm họng hạt, viêm mũi,... Đây là sản phẩm của đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước KC01-06, máy dựa trên nguyên lý kích phát laser. Tia laser phát ra mang năng lượng lớn, nên có thể quang đông cầm máu, bóc bay tổ chức tức thời trong phẫu thuật, diệt khuẩn, giảm đau và chóng lành vết thương. Việc dùng tia laser để xử lý không tiếp xúc sẽ tránh cho bệnh nhân không bị nhiễm các bệnh lây qua đường máu, đặc biệt là HIV; Với hệ thống trục khuỷu linh hoạt xoay 3 chiều trong không gian, giúp kỹ thuật viên dễ dàng trong phẫu thuật; Đặc biệt với tia laser He-Ne dẫn đường sẽ giúp cho việc định vị điểm phẫu thuật luôn được chính xác. Đặc điểm kỹ thuật: công suất phát laser: 0-15W, bước sóng: 10.600mm, đường kính tia laser tại tiêu điểm: 0.1mm, tiêu cự thấu kính: 100mm, cơ chế điều khiển: bàn đạp, tia dẫn đường: laser He-Ne, cơ chế làm lạnh: nước cất, cơ chế thổi khí: bơm khí, biểu thị công suất phát: 1-18mA, điện áp nguồn: 220V/50Hz, công suất tiêu thụ: 100VA, kích thước: 51x33x20cm, trọng lượng: 20 kg

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

MÁY LASER CO2 PHẪU THUẬT 30W MODEL: SNJ- 1000

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy dựa trên nguyên lý kích phát laser. Tia laser phát ra mang năng lượng lớn, nên có thể quang đông, cầm máu, bốc bay tổ chức tức thời. Trong phẫu thuật, diệt khuẩn, giảm đau và chóng lành vết thương. Là loại máy có công suất lớn nên được dùng cho trung và đại phẫu thuật. Việc dùng tia laser để xử lý không tiếp xúc sẽ tránh cho bệnh nhân không bị nhiễm các bệnh lây qua đường máu. Với chế độ phẫu thuật Ultrapulse tia laser phát ra ở chế độ xung cực nhanh, ở chế độ này có thể dùng trong phẫu thuật thẩm mỹ xóa vết nhăn, xóa các vết nhiễm sắc tố trên da không cần gây tê, gây mê. Với hệ thống trục khuỷu linh hoạt xoay ba chiều trong không gian, giúp bạn dễ dàng trong phẫu thuật. Đặc biệt, thiết bị có hệ thống tia laser He-Ne dẫn đường để định vị chính xác vị trí cần phẫu thuật. Với hệ thống điều khiển bằng vi xử lý giúp cho các chế độ phẫu thuật được an toàn. Đặc điểm kỹ thuật: Công suất tia laser: 0-30W, bước sóng: 10.600nm, Chế độ làm việc: CW, xung cực nhanh: 800W, tần số xung cực nhanh: 10-990Hz, thời gian tồn tại xung: 100 us-1700us, chế độ bóc tách: xung liên tục- đơn chuỗi, thời gian bóc: 100-900ms, tia dẫn đường: laser He-Ne, trục khuỷu dẫn tia: 7 gương, bán kính làm việc: 170cm, cơ chế làm lạnh: tuần hoàn nước, điện áp nguồn: 220V/50Hz, công suất tiêu thụ: 100VA, trọng lượng: 38kg

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

MÁY LIÊN HỢP THU HOẠCH LÚA TỰ HÀNH GLH- 0,3A

Mã số: VN293233/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 2- 2,5ha Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Nguyên lý làm việc: gạt đập liên hợp. Lúa sau khi được bộ phận cắt chuyển lên bộ phận đập tách hạt và qua bộ phận sàng quạt làm sạch Thóc sạch được chuyển lên thùng chứa để đóng bao, rơm qua bộ phận đập được phun lên đồng. Máy tự hành với hệ di động xích cao su liên giải Động cơ Diezen- 35 Hp Tỷ lệ tổn thất của máy: <2%. Độ sạch sản phẩm >97%. Có khả năng làm việc trên ruộng ngập nước và bùn <15cm

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện sản xuất lúa ở Việt Nam; Giá rẻ, thu hồi vốn nhanh

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Bán thiết kế: 300.000.000 VNĐ; Giá máy móc thiết bị: 90.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY LỌC NƯỚC RO

Mã số: VN292412/1162

Mô tả quy trình CN/TB: Nguồn nước khi qua hệ thống xử lý sơ bộ để loại bỏ bớt cặn kết tủa chứa trong nước, nhưng không thể loại bỏ được các tạp chất muối hòa tan ở trong nó. Để đáp ứng được nhu cầu cung cấp nước sạch cho một số mục đích sử dụng có yêu cầu cao về độ tinh khiết của nước,

thì phải lọc qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược (Gọi là RO- reverse osmosis). Hệ thống RO có thể loại bỏ được 98% các muối tan có trong nước tạo thành một nguồn nước có độ tinh khiết rất cao Đặc tính kỹ thuật: Màng lọc RO (USA) Vỏ lọc RO áp suất cao INOX hay composite (USA), Bơm cao áp (piston hay ly tâm): 7-8kg/cm² Bộ lọc tinh 5µm, vỏ lọc polypropylen (USA), Khung sắt xi: thép hay Inox Đồng hồ áp suất nước vào màng RO; Đồng hồ áp suất thẩm thấu; Role bảo vệ áp suất khi có sự cố áp cao hay thấp; Tủ điện điều khiển tự động PLC; Van solenoid nguồn nước và rửa ngược. Tự động ngắt khi bể chứa đầy hay bể đầu nguồn cạn Đạt tiêu chuẩn quốc tế Công suất: 250 – 5.000 lít/h Trọng lượng: 60 Kg

Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước giải khát; Cung cấp nước cho pha chế dược phẩm, mỹ phẩm, làm bánh kẹo Lọc nước mặn thành nước ngọt

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Lọc được 98% các muối tan có trong nước để tạo ra sản phẩm nước có độ tinh khiết cao; tự động điều khiển; Giá thành thiết bị hợp lý

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

MÁY LUYỆN KÍN CAO SU

Mã số: VN29/361

Mô tả quy trình CN/TB: - Công suất tiêu thụ điện: 50HP - 75HP. - Hệ thống đồ thùng thủy lực. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: dùng sản xuất trong dây chuyền, luyện cao su, nhựa (35 lít . 55 lít . 75 lít). - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY MÀI CẠNH ĐỂ TÓC ĐỘ CAO

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2 HP Kích thước: 500 x 500 x 820 (mm) Trọng lượng: 380 Kg Công dụng: mài chếp hình cánh đế dép EVA, đế giày sandal Có máy hút bụi Điều khiển điện Linh kiện điện của Nhật, motor của Nhật, Đài Loan Năng suất: 1.000 đôi/8 giờ Đạt tiêu chuẩn nước ngoài

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY MÀI DỨNG

Mã số: VN294031/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất điện tiêu thụ: 2HP Điều khiển bằng điện Kích thước: 880 x 680 x 1.100 (mm) Trọng lượng: 200 Kg Các linh kiện điện điều khiển, phần cơ của Nhật, Hàn Quốc Năng suất: 1.000- 2.000 đôi/ngày

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY NHÚNG SƠN

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất: tùy theo loại sản phẩm Công suất nhiệt: 21 kW Kích thước: 8.000 x 2.300 x 2.500 (mm) Công dụng: nhúng sơn các loại Một lần ép: 2 chiếc Động cơ kéo xích: 1HP Động cơ nâng thùng sơn: 2HP Động cơ đổi lưu khí: 2HP Điều khiển điện Sử dụng thủy lực Linh kiện điện của Nhật

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY PHÂN LOẠI CÀ PHÊ HẠT THEO MÀU SẮC OPSOTEC 5.00B KIỂU 3 MODULE

Mã số: VN2932/I

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN Công suất: 5 tấn/h Cà phê được cấp theo hệ thống cấp liệu và đi qua điểm nhận dạng với vận tốc 4m/s, tại đây hệ thống nhận dạng sẽ thu nhận màu sắc của từng hạt cà phê sau đó các tín hiệu thu nhận được đưa về hệ thống xử lý. Đối với hạt cà phê phế phẩm thì đi qua điểm thổi, hệ thống sẽ đưa ra tín hiệu cho van thổi, thổi hạt rơi vào thùng chứa phế phẩm còn hạt thành phẩm thì rơi tự do vào thùng sản phẩm.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn so với thiết bị ngoại nhập, khoảng 60% so với thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng, thuận tiện

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 450 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành thiết bị trong vòng 12 tháng

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng; Đại lý độc quyền

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY PHÂN TÍCH ĐA NĂNG ANALYZER MF 707

Mã số: VN332053/I

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Phân tích mẫu nhanh, tốc độ ghi 2 giây. Đạt tiêu chuẩn: TCVN. Là thiết bị phân tích điện hoá hiện đại có thể phân tích hàng nghìn chất vô cơ, hữu cơ trong các đối tượng khác nhau. Phạm vi ứng dụng: Nông nghiệp: Các nhà máy thú y, thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu, phân bón, nhà máy thực phẩm. Công nghiệp: Kiểm tra nguyên liệu thành phẩm của các nhà máy. Y-Dược: Kiểm tra nguyên liệu trong và thành phẩm trong sản xuất thuốc: Kháng sinh, vitamin, dược liệu. Môi trường: Kiểm soát ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu đào tạo: Nghiên cứu các quy trình công nghệ. Kích thước: 20x60x80(cm) Trọng lượng: Từ 10-20kg tùy theo chủng loại. Các thông số kỹ thuật khác: Tốc độ ghi phổ, tính toán kết quả 1-2 giây.

Lĩnh vực áp dụng: 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 6133: Sản xuất phân bón, 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ, 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6535: Công nghiệp bánh kẹo, 8715

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp; Patent

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 7.000 USD; Giá máy móc thiết bị: 15.000 USD; Chi phí khác: 3.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

MÁY PHÂN TÍCH ĐA NĂNG THẾ HỆ MỚI: ANALYZER MF-707

Mã số: VN332053/I

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy phân tích đa năng thế hệ mới ANALYZER MF-707 là thế hệ máy phân tích đa năng mới nhất do Trung tâm chế tạo. Thiết bị này cơ thể ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường đất- nước- không khí, chất lượng sản phẩm nông

nghiệp, kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào trong công nghiệp, phát hiện nhanh các loại thuốc giả, thuốc kém chất lượng. Máy được chế tạo dựa trên cơ sở kết hợp giữa công nghệ thông tin với kỹ thuật phân tích điện hoá.

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học. , 65: Công nghiệp thực phẩm, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ bằng 1/3 so với thiết bị ngoại nhập; khả năng phân tích nhanh; kết quả phân tích chính xác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Giá thành toàn bộ thiết bị, máy tính, phần mềm xử lý số liệu dao động từ 15.000 đến 25.000 USD; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao Công nghệ mới, Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga

MÁY PHÁT ĐIỆN MF SERIES

Mã số: VN31101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy phát điện VIKYNO có bộ đề khởi động (khởi động điện); Dùng cho: ghe thuyền, sinh hoạt, máy hàn, máy công nghiệp, máy chế biến; Đặc tính kỹ thuật: Công suất định mức: 2-10 KVA; Số pha: 1pha; điện áp: 110/220V; Hiệu suất: 100%; Tần số: 50/60 Hz; Kích từ: tự kích từ; Số cực: 2; Tốc độ: 3000 vòng/phút; công suất tối đa: 6.5/2200 - 22/2200 mã lực/vòng/phút; loại động cơ 4 kỳ làm mát bằng nước; số xylanh: 1; Thể tích xylanh: 376- 1109 cm khối; suất tiêu hao nhiên liệu: 165-203 g/mã lực/h; dung tích thùng nhiên liệu: 7.5- 16 lít; hệ thống làm mát: kết nước; hệ thống khởi động tay quay; trọng lượng khô: 115-338 kg; bộ phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: đồng hồ vôn kế, bánh xe, cầu chì, hộp nối dây.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5537: Chế tạo máy năng lượng, 5545: Chế tạo tàu thuyền

Ưu điểm của CN/TB: Có bộ đề khởi động (khởi động bằng điện); công suất mạnh; êm, ít hao nhiên liệu; tin cậy, dễ vận hành

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận (tuỳ theo từng loại); Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)

MÁY PHÁT OZONE- ỨNG DỤNG

Mã số: VN29241/1163

Mô tả quy trình CN/TB: Máy phát ozone (O3) là thiết bị sản sinh ra khí ozone dựa trên nguyên lý sấm chớp trong tự nhiên. Dựa trên hiện tượng tự nhiên, khí ozone được tạo ra trong một điện trường cao tác động lên dòng khí oxy chạy qua môi trường phóng điện êm. Thiết bị này sinh ra khí ozone có tính chất oxy hóa mạnh và được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đây là công nghệ tiên tiến trên thế giới Kích thước máy gọn nhẹ, có nhiều kiểu máy phù hợp cho từng ứng dụng khác nhau Ozone là chất oxy hóa mạnh, có khả năng diệt vi khuẩn, virút, nấm mốc, nấm men. Thay thế cho một số loại chất oxy hóa khác như Clorine, thuốc tím,... Do đặc tính dễ phân hủy nên rất an toàn khi sử dụng ozone trong việc bảo quản thực phẩm; Đạt TCVN; Các thông số kỹ thuật khác: a/ Model OZM-10 – Công suất (gram): 10g O3/h; Điện: 220V, 1P, 750W; Lưu lượng khí (l/min): 68;

Trọng lượng (kg): 30; Kích thước (mm): 500 x 600 x 800; Lọc không khí; Ứng dụng: – Xử lý nước nuôi trồng và chế biến thủy sản; Xử lý nước thải; Xử lý nước chăn nuôi gia súc gia cầm; Bảo quản rau quả, trái cây b/ Model OZM-4 – Công suất (gram): 4g O3/h Điện: 220V, 1P, 300W Lưu lượng khí (l/min): 25 Trọng lượng (kg): 25 Kích thước (mm): 500 x 500 x 800 Lọc không khí Ứng dụng: – Xử lý nước hồ bơi – Xử lý nước cấp – Dùng cho nhà hàng khách sạn (rửa rau, thực phẩm, chén đĩa); Bếp ăn công nghiệp; c/ Model OZM-01 – Công suất (gram): 1g O3/h; – Điện 220V, 1P, 100W Lưu lượng khí (l/min): 7,4 Trọng lượng (kg): 4 Kích thước (mm): 450 x 205 x 120 Ứng dụng: – Dây chuyền sản xuất nước tinh khiết Làm sạch không khí trong phòng, khử mùi Diệt khuẩn, khử dư lượng thuốc trừ sâu trong rau quả Bảo quản rau quả d/ Model OZM-F – Công suất (gram): 0.2g O3/h – Điện 220V, 1P, 20W Lưu lượng khí (l/min): 0.1 Trọng lượng (kg): 0.9 Kích thước (mm): 255 x 145 x 100 Ứng dụng: – Sử dụng trong nhà bếp gia đình, rửa rau, thịt cá, thuốc trừ sâu Khử mùi khói thuốc, phòng lạnh, nhà vệ sinh Vệ sinh cá nhân, nấm, bệnh ngoài da, làm đẹp da

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

MÁY PHAY CNC 350

Mã số: VN294022/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 3 HP Kích thước: 1800 x 1600 x 2200 mm Trọng lượng: 1300 kg Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Thông số kỹ thuật khác: Hành trình trục X: 700 mm Hành trình trục Y: 350 mm Hành trình trục Z: 400 mm Kích thước bàn máy: 1270 x 254 mm Khối lượng chi tiết tối đa có thể gia công: 350 kg Tốc độ trục: L: 60-1200 vòng/phút H: 1000-4200 vòng/phút Động cơ trục motor AC: 1KW Hệ điều khiển ARIX có chức năng Teach-in cho người sử dụng không cần có kiến thức về G-Code Tuỳ quy mô sản xuất và năng suất của dây chuyền mà thiết kế sẽ được thay đổi cho phù hợp. Là máy phay truyền thống được nâng cấp thành máy phay CNC bằng bộ điều khiển CNC của hãng ARIX (Đài Loan). Bộ điều khiển có giao diện dễ dàng sử dụng, thân thiện với màn hình LCD, phím điều khiển thuận tiện khi sử dụng, giao diện mạng Ethernet kết nối với máy tính dễ dàng. Thân máy được đúc theo tiêu chuẩn M có độ cứng vững cao.

Lĩnh vực áp dụng: 53: Luyện kim, 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 15.000 USD; Phí đào tạo: 2.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

MÁY PHAY CNC V450

Mã số: VN294022/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 5 Kw Kích thước: 1500 x 2000 x 1950 mm Trọng lượng: 1100 Kg Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Thông số kỹ thuật khác: Hành trình trục X: 450 mm Hành trình trục

Y: 350 mm Hành trình trục Z: 350 mm Diện tích vùng làm việc: 356 x 610 mm Khối lượng chi tiết tối đa có thể gia công: 150 kg Đầu dao: BT30 Tốc độ trục: 10.000 vòng/phút Công suất động cơ trục chính: 5 Kw Công suất động cơ Servo trục: 1 Kw Giao tiếp bằng ổ đĩa mềm, mạng Ethernet, ổ đĩa cứng HDD thấp hơn của Nhật Chức năng tự tạo chương trình G-Code giúp giảm thời gian lập trình, tăng hiệu suất máy. Bộ điều khiển có độ chính xác và tin cậy cao trong khi giá thấp hơn nhiều so với độ điều khiển của Nhật; Tuỳ quy mô sản xuất và năng suất của dây chuyền mà thiết kế sẽ thay đổi cho phù hợp.

Lĩnh vực áp dụng: 53: Luyện kim, 5513: Công nghệ chế tạo máy.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 28.000 USD; Phí đào tạo: 2.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKH (S.T.C)

MÁY PHAY F1050-CNC

Mã số: VN294022/1

Mô tả quy trình CN/TB: Kích thước bàn X,Y: 425 x 1524mm Rãnh T: 16x4 x 80mm Hành trình X,Y,Z: 1000 x 500 x 500mm Động cơ X,Y,Z: DC Servo Độ chính xác định vị: 0,005/300mm Độ chính xác lặp lại: +0,003mm Tốc độ chạy nhanh: 5000mm/phút Tốc độ chạy cắt gọt: 1-3000mm/phút Lỗ côn trục chính: BT40 Công suất trục chính: 5,5/7,5kW Tốc độ trục chính: 60-6000 vòng/phút Tải trọng: 600kg Bộ điều khiển: ANILAM6300

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành bằng 50% thiết bị ngoại nhập; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY PHAY F4025-CNC

Mã số: VN294022/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương ngoại nhập; Giá thành thấp hơn 30% so với thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 35.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY PHUN THUỐC KIỂU MPT-260

Mã số: VN293234/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy phun thuốc kiểu MPT-260 hiệu quả cao cho gia đình, nông trại và vườn cây ăn trái. Đặc tính kỹ thuật: Kích thước: 1074x734x937 (mm); trọng lượng khô: 120kg; bơm: dạng 3 xy lanh, áp lực tối đa: 46(kg/cm khối); tốc độ vòng quay: 800 (vòng/phút); lưu lượng: 14.5 (mét khối/h). Động cơ: dạng động cơ: 4 thì, 1 xylanh, dung tích buồng đốt: 197 cm khối, công suất định mức: 4 mã lực, công suất tối đa: 5.5 (mã lực); thể tích thùng nhiên liệu: 290; hệ thống làm mát: bằng gió. Ống phun: ống chịu áp lực: 8.5x100 (mmxm).

Lĩnh vực áp dụng: 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Máy phun thuốc: hiệu quả cao cho gia đình, nông trại và vườn cây ăn trái; dễ sử dụng, gọn nhẹ, tự cuốn ống, di chuyển dễ dàng bằng tay ly hợp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYN0)

MÁY PLASMA PHẪU THUẬT MODEL: PSA-2MTC/SUPER

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy Plasma phẫu thuật là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Nhà nước KC 01-06, máy dựa trên nguyên lý tạo plasma bằng cao áp cao tần nâng nhiệt độ ở vùng tiếp xúc từ 500- 3000 độ C làm bốc bay tức thời các tổ chức giúp cho phẫu thuật cắt, cầm máu có hiệu quả cao. Đặc biệt trong một số trường hợp xử lý bằng plasma sẽ thuận lợi hơn việc xử lý bằng dao điện. Máy còn có thể được sử dụng để hàn gắn các mạch máu, máy được dùng phần lớn cho tiểu phẫu, trung phẫu thuật; Với hệ thống kim phẫu thuật đa dạng bác sỹ có thể dễ dàng hơn với các ca phẫu thuật; ba chế độ lựa chọn xung, hai chế độ plasma giúp cho bác sỹ lựa chọn tối ưu chế độ phẫu thuật. Máy được ứng dụng chủ yếu để chữa trị các bệnh: tàn nhang, bớt vàng, bớt đỏ, xoá xăm, hôi nách, viêm nang lông, nốt ruồi, mụn cơm; thay dao mổ và dụng cụ khi bóc tách tổ chức trĩ nội- ngoại, các u, polip trong miệng, lợi chùm, chảy máu chân răng, u nhọt, ống tai ngoài,... Đặc điểm kỹ thuật: điện áp nguồn: 220V/50Hz, công suất tiêu thụ: 100VA, công suất phát nhỏ hơn hoặc bằng 50W, chủng loại kim phẫu thuật: 5, kích thước kim phẫu thuật: 0,4-2mm, chế độ làm việc: xung liên tục, đơn chuổi, thời gian xung phát: 0.1-1s, biểu thị công suất phát: 1-18mA, thời gian làm việc cho phép liên tục: 24/24h, cơ chế điều khiển: bàn đạp, kích thước máy: 51x33x20cm, trọng lượng: 6kg

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: Cơ chế điều khiển bằng bàn đạp; với hệ thống kim phẫu thuật đa dạng bác sỹ có thể lựa chọn chế độ phẫu thuật tối ưu nhất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

MÁY RANG TỰ ĐỘNG

Mã số: VN295315/1164

Mô tả quy trình CN/TB: Máy rang tự động được thiết kế dựa trên nguyên lý thùng quay với công nghệ chung nhất cho việc rang hay sấy các nguyên liệu dạng hạt như: cà phê, đậu, bắp, lúa gạo,... Đáp ứng tốt cho công nghệ chế biến nông sản sau thu hoạch Thiết bị gọn nhẹ, dễ lắp đặt và vận hành đơn giản, trống rang bằng Inox bảo đảm cho an toàn thực phẩm và có cơ cấu thoát hơi ẩm; Sản phẩm rang chín đều, ít bị biến chất, chất lượng sản phẩm rang rất ổn định; Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng, do buồng đốt được thiết kế cách nhiệt tốt Hệ thống kiểm soát và cấp gas hoàn toàn tự động, kiểm soát và điều khiển theo nhiệt độ cài đặt cho từng loại sản phẩm Có phễu định lượng cho nguyên liệu nạp vào máy rất tiện lợi, cơ cấu xả sản phẩm sau khi rang rất đơn giản và nhẹ nhàng Nhiệt độ làm việc điều chỉnh được từ 50 – 300oC, thời gian làm việc cài đặt từ 5 phút đến 3 giờ Đạt TCVN Công suất: 30 Kg/mẻ Kích thước: 900 x 900 x 1.400 Trọng lượng: 180 Kg Các thông số kỹ thuật khác: Động cơ: 1HP, 1P, 220V, 12rpm Tang quay: 600 x 600 (mm)

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 30 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

MÁY RỬA CHAI NHỰA (PN-RCN)

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: 6000-8000 chai/mẻ (chai nhỏ mắt); TCVN; Máy rửa chai nhựa là loại máy do Xưởng cơ khí chính xác- Viện Cơ học Ứng dụng nghiên cứu chế tạo. Năng suất 6000-8000 chai/mẻ (chai nhỏ mắt); số vòng quay thùng rửa: 28 vòng/phút; Motor: 3HP-1450V/P- 3pha 220/380; Thời gian rửa: cài đặt tự động; Kích thước máy: LxWxH: 1510x1240x1760mm; vật liệu của máy được làm bằng Inox.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SÀNG RUNG PN-MSR

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: 500 kg/h; TCVN; Máy sàng rung là thiết bị của xưởng cơ khí chính xác (xưởng cơ khí chế tạo máy)- Viện Cơ học Ứng dụng nghiên cứu chế tạo. năng suất của máy có thể đạt tới 500 kg/h; Motor: 3HP-1450V/P- 3 pha 220/380V; Kích thước máy: LxWxH: 1580x1580x1200mm; Vật liệu: Inox.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 5557: Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SẤY DẦU VỎ TÔM

Mã số: VN293/I

Mô tả quy trình CN/TB: 2.000 kg/h; TCVN; Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → sấy → nghiền → đóng gói → sản phẩm. Sản phẩm: dầu vỏ tôm sấy. Công nghệ này có thể triển khai cho nhiều loại sản phẩm sấy khác và có thể mở rộng sản xuất ở quy mô lớn và cải tiến thành tự động hoá nếu doanh nghiệp có nhu cầu tự động cao.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Dây chuyền thiết bị máy sấy dầu vỏ tôm ở dạng bán tự động hoặc tự động, các thiết bị được thiết kế và chế tạo hoàn toàn trong nước, kinh phí lắp đặt với giá thành rẻ hơn so với dây chuyền thiết bị nhập từ nước ngoài

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.072 triệu đồng; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

MÁY SẤY LONG NHÃN TRỤC ĐỨNG QUAY SN-300(LONGAN DRIER WITH ROTARY WHEEL, MODEL SN-300)

Mã số: VN2953/171

Mô tả quy trình CN/TB: Sáng chế đề cập tới một máy sấy long nhãn. Máy sấy này bao gồm một buồng sấy hình trụ bao gồm vỏ bao quanh, nắp có khoét các lỗ thoát khí hình thang ở đầu trên và đầu dưới có dạng hình côn để tạo ra cửa đưa không khí nóng vào, mặt cửa nắp nguyên liệu được tạo ra ở vỏ bao. Một trục đứng được lắp quay được trong buồng sấy qua các ổ đỡ ở trên và dưới. Đầu trên của trục quay này có lắp một tay quay và đầu dưới của nó có lắp cánh quạt hướng tâm. Các giá đỡ khay, mỗi giá đỡ khay đỡ một khay chứa long nhãn, được lắp thành nhiều tầng theo phương nằm ngang trên trục đứng quay. Máy sấy còn có một ống tạo không khí nóng, một quạt nguồn và một nguồn nhiệt để cấp không khí nóng cho buồng sấy qua cửa đưa không khí nóng vào. Bản chất kỹ thuật sáng chế: Mục đích của sáng chế là tạo ra sự đồng đều nhiệt trong toàn bộ buồng sấy. Mục đích khác của sáng chế là làm giảm tổn thất nhiệt khi sấy. Mục đích tiếp theo của sáng chế là không gây độc hại cho người vận hành máy, đảm bảo vệ sinh và nâng cao chất lượng thành phẩm thu được. Để đạt được mục đích nêu trên. Máy sấy long nhãn theo sáng chế bao gồm: Một buồng sấy hình trụ bao gồm vỏ bao quanh, đầu trên của vỏ này có khoét các lỗ nhỏ hình thang và đầu dưới của vỏ bao này có dạng hình côn tạo thành cửa đưa không khí nóng vào, trên mặt bao quanh của vỏ có một cửa nắp nguyên liệu. Một trục đứng quay lắp quay được trong buồng sấy nhờ các ổ đỡ trên và dưới, đầu trên của trục này có lắp một tay quay, và đầu dưới của nó có lắp cánh quạt hướng tâm. Các giá đỡ khay, mỗi khay có dạng hai hình bán nguyệt lắp thành nhiều tầng theo phương nằm ngang trên trục đứng bằng các bu lông sao cho điều chỉnh được khoảng cách giữa các tầng giá đỡ khay trên trục này. Các khay sấy, mỗi khay được đặt trên một giá đỡ khay. Một ống tạo không khí nóng đặt theo phương nằm ngang, có một đầu được nối thông với cửa không khí nóng vào buồng sấy và đầu kia được nối thông với vỏ bao của một quạt nguồn. Một nguồn nhiệt đặt bên dưới ống tạo không khí

nóng để cấp nhiệt. . Công suất (tính theo ca): 70Kg nhân quả/mẻ(sấy gián đoạn) hoặc 250 Kg/ngày(sấy liên tục) . Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TC nước ngoài. . Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Tiêu dùng điện: 90 W/h, tiêu dùng than: 3 kg/h, lao động 1 người.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ thay đổi kích cỡ sản phẩm (thêm khay sấy và giá đỡ khay mà không cần mua máy mới khác nhằm tăng năng suất. - Phụ tùng thay thế có sẵn trong thị trường trong nước - Nguyên liệu chế tạo: trong nước - Chi phí nhiên liệu: than tổ ong hoặc than bùn 3 Kg/h; Điện năng: 90W/h - Không ảnh hưởng đến môi trường

Bản quyền: Patent; Năm: 2000

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10 triệu đồng; Phí đào tạo: 1 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 vụ sấy nhân

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY SẤY LÚA

Mã số: VN293/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; 4 tấn/mẻ; Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → sấy tháp → đóng bao. Sản phẩm: lúa khô (độ ẩm 14%). Đạt ĐKCL của đơn vị cụ thể là: độ ẩm đồng đều, có thể sấy lúa giống, chỉ tiêu xay xát cao.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Sử dụng kỹ thuật sấy nhiệt độ thấp, lúa khô đồng đều. Dây chuyền được thiết kế và chế tạo trong nước nên vốn đầu tư ban đầu thấp hơn nhiều so với máy nhập ngoại. Các thiết bị có độ làm việc ổn định, độ bền cao và dễ dàng lắp đặt, bảo dưỡng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 110 triệu đồng; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKH (S.T.C)

MÁY SẤY NÓNG CHÂN KHÔNG.

Mã số: VN29/360

Mô tả quy trình CN/TB: - Công suất tiêu thụ điện: 34 KW. - Kích thước: 4600L x 2020H. - Trọng lượng: 2250KG. - Điều khiển điện. - Sử dụng thủy lực. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: 2000 đôi/8h. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết bị tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY SẤY PHUN KBC-SP-02

Mã số: VN295315/1

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 2 lít/h Tiêu chuẩn đạt được: - Đạt tiêu chuẩn Quốc tế - Đạt DKCL của đơn vị, cụ thể là: Đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn của ngành Dược khu vực Đông Nam Á. Thông số kỹ thuật khác: Khí nén: 4-6 Kg/cm², lưu lượng max: 750 lít/ph Công dụng: Sử dụng máy sấy phun để sản xuất ra các sản phẩm dạng bột sau công đoạn chiết xuất. Cấu tạo máy: Máy được làm bằng Inox SUS 304 (hoặc SS316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong bào chế dược phẩm và tránh gây nhiễm cho sản phẩm. Cấu tạo chính bao gồm: - Cung cấp dịch: Lấy liệu từ thùng khuấy dịch và đẩy vào cum đĩa phun - Cụm đĩa phun: Cụm tạo sương dịch lỏng để tạo hạt. - Cụm sấy: Nơi dịch lỏng được tạo hạt và sấy khô.

Lĩnh vực áp dụng: 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 6145: Công nghệ các chất hoá được, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu suất sấy tạo hạt cao (Hệ số thu hồi sản phẩm cao $\geq 60\%$). Tốc độ đĩa phun điều khiển vô cấp. Các thông số nhiệt độ sấy, tốc độ đĩa...hiển thị bằng màn hình digital và dễ dàng cài đặt. Bộ phận bảo vệ chống mất pha, chống ngắn mạch và chống quá tải.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 40 triệu VNĐ/ mặt hàng; Giá máy móc thiết bị: 390 triệu (máy năng suất 20 lít/h: 1.2 ti); Phí đào tạo: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SẤY RAU QUẢ SSRQ-12

Mã số: VN295318/1

Mô tả quy trình CN/TB: Máy sấy rau quả như long nhãn, nấm, măng, hồng, dưa, mướp đắng... Hoạt động theo nguyên lý sấy gián tiếp sấy buồng. Tác nhân sấy là không khí sạch lấy từ caloriphe khí-khối hoặc khí-hơi nước. Sản phẩm sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng cao. Năng suất 100-200 kg nhiên liệu/m². Công suất (tính theo ca): 100-200 kg/ca. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Sản phẩm có mùi vị đặc trưng, không bám bụi than và không có mùi khói (sản phẩm sạch).

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: - Chế tạo đơn giản, dễ sử dụng vận hành. - Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thấp, phụ tùng thay thế dễ kiếm. - Có tính đa năng cao.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 20-28 triệu đồng; Phí đào tạo: 1 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 1 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY SẤY TÀNG SÔI 100 KG KBC-TS-100-S

Mã số: VN295315/I

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 80-100 kg/mẻ Tiêu chuẩn đạt được: - Đạt tiêu chuẩn quốc tế - Đạt ĐKCL của đơn vị, cụ thể là: đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn chung của ngành dược khu vực Đông Nam Á Công dụng: Máy sấy tang sôi 100 kg được thiết kế, chế tạo với công dụng chính là sấy cốm cà các nguyên liệu trong ngành dược. Một khâu quan trọng trong dây chuyền sản xuất sản phẩm ngành dược Cầu tạo máy: Máy sấy tang sôi 100 kg được làm bằng inox SU304 (hoặc SS316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong bào chế dược phẩm và tránh gây nhiễm cho sản phẩm Cầu tạo chính bao gồm : Tủ sấy gió với bộ lọc 4 cấp độ (95%); đây là bộ phận quan trọng có nhiệm vụ lọc gió và tham gia nhiệt gió vào trước khi sấy sản phẩm Tủ sấy chính: là nơi sản phẩm sẽ được sấy, đây là bộ phận chính của máy Ngoài ra còn có các bộ phận khác sẽ được giới thiệu trong hồ sơ máy.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6145: Công nghệ các chất hoá dược

Ưu điểm của CN/TB: Có cửa quan sát, cửa lấy mẫu (lấy mẫu không cần dừng máy). Đĩa cánh điều khiển vận tốc và hướng xoay của gió vào nồi chứa sản phẩm. Joint đúc (cao su trung tính) bơm khí để làm kín toàn bộ máy. Sản phẩm được sôi đều trong khi sấy tự động đảo bột, không cần dùng tay. Có thể lấy cốm để kiểm tra và kiểm soát được nhiệt độ cốm bất kỳ mà không phải dừng máy.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 300-450 triệu VNĐ (tùy theo mức độ các phần mở rộng theo yêu cầu khách hàng); Phí đào tạo: 5 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SẤY TÀNG SÔI 40KG-KBC-TS-40

Mã số: VN295315/I

Mô tả quy trình CN/TB: Công dụng: Sấy cốm và các nguyên liệu trong ngành dược phẩm, thực phẩm. Năng suất: 40 Kg/mẻ Tiêu chuẩn đạt được: - Tiêu chuẩn Quốc tế - Đạt tiêu chuẩn của đơn vị, cụ thể là đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn chung của ngành Dược khu vực Đông Nam Á Cầu tạo máy: Máy được làm bằng Inox SUS 304 (hoặc SS 316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong bào chế dược phẩm và tránh gây nhiễm cho sản phẩm. Cầu tạo chính bao gồm: Tủ sấy gió nóng với bộ lọc 4 cấp độ (95%); Đây là bộ phận quan trọng có nhiệm vụ lọc gió và gia nhiệt gió vào trước khi sấy sản phẩm. Tủ sấy chính: Là nơi sản phẩm sẽ được sấy, đây là bộ phận chính của máy. Ngoài ra còn có các bộ phận khác như hệ thống đường ống, xe đẩy...

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Có cửa quan sát, cửa lấy mẫu (lấy mẫu không cần dừng máy). Đĩa cánh điều khiển vận tốc và hướng xoay của gió vào nồi chứa sản phẩm. Joint đúc (cao su trung tính) bơm khí để làm kín toàn bộ máy. Sản phẩm được sôi đều trong khi sấy tự động đảo bột, không cần dùng tay. Có thể lấy cốm để kiểm tra và kiểm soát được nhiệt độ cốm vào thời điểm bất kỳ mà không cần dừng máy.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 3 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: 150-250 triệu VNĐ (tùy theo mức độ phần mở rộng theo yêu cầu khách hàng)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SẤY TÀNG SÔI TẠO HẠT KBC-TSTH-10

Mã số: VN295315/1

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 10 Kg/mẻ Tiêu chuẩn đạt được: - Đạt tiêu chuẩn Quốc tế; - Đạt DKCL của đơn vị, cụ thể là đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn chung của Ngành Dược khu vực Đông Nam Á. Thông số kỹ thuật khác: Khí nén: 4-6 Kg/cm², lưu lượng max: 750l/ph Công dụng: Máy có công dụng tạo sản phẩm dạng hạt từ dung dịch sau chiết xuất, tạo sản phẩm thuốc viên Pellet (viên vè tròn nhỏ)... Cấu tạo máy: Máy được làm bằng Inox SUS304 (hoặc SS316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong bào chế dược phẩm và tránh gây nhiễm cho sản phẩm. Cấu tạo chính bao gồm: Có 3 nguyên lý phun và tạo hạt: - Phun đỉnh: Tạo hạt bằng cách kết dính các hạt bột mịn - Phun đáy: Bao hạt Pellet (hạt Pellet đã được tạo trước bằng máy vè viên) bằng dung dịch huyền phù hoặc đường. - Phun ngang: Bao viên bột, bao huyền phù hoặc bao viên đường. Tùy theo nguyên lý mà cấu tạo các bộ phận sẽ khác nhau.

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Máy này có thể được dùng để sản xuất trực tiếp ra sản phẩm bỏ qua các công đoạn mà như quy trình cũ thì phải sử dụng 3 loại máy khác nhau. Có cửa quan sát quá trình tạo hạt. Có cửa lấy mẫu thử để kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình tạo hạt. Kết cấu lắp ráp đơn giản.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 300-600 triệu (tùy theo mức độ các phần mở rộng theo yêu cầu khách hàng); Phí đào tạo: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SẤY TĨNH (PN-MS)

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: 30 KW; TCVN; Máy sấy tĩnh do Xưởng Cơ khí chính xác- Viện Cơ học ứng dụng nghiên cứu chế tạo. Máy có công suất 30 KW; Motor: 1HP-1450V/P (hai motor) pha 220/380; Thể tích buồng sấy: 2.3 mét khối; Nhiệt độ điều chỉnh: 40-150 độ C; Kích thước máy: LxWxH:2000x1130x2240mm; Vật liệu của thiết bị này được làm bằng Inox.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bị quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY SƠ CHẾ ĐẬU

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất/ Năng suất: 3 tấn/giờ Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Nguyên liệu

→ Sàng tạp chất nhẹ → Sàng tách sỏi đá → Sấy tháp → Phân loại → Bóc vỏ Đóng bao Sản phẩm:
Đậu đã bóc vỏ

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Sử dụng kỹ thuật sấy nhiệt độ thấp, đậu khô đồng đều. Dây chuyền được thiết kế và chế tạo trong nước nên vốn đầu tư thấp hơn nhiều so với máy sấy nhập khẩu. Các thiết bị có độ làm việc ổn định, độ bền cao và dễ dàng lắp đặt, bảo dưỡng. Đạt tiêu chuẩn ĐKCL của đơn vị, cụ thể là: - Độ ẩm đồng đều - Có thể sấy lửa

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu VND; Giá máy móc thiết bị: 550.000 triệu VND

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

MÁY TẠO KHÍ OZONE VÀ ION ÂM

Mã số: VN29241/I

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 1-10g/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Máy hoạt động sẽ tạo ra khí Ozone và ion âm. Khí ozone và ion âm được đưa vào buồng kín để sát khuẩn không khí hoặc được sục trong nước để xử lý nước trước khi đóng chai...

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản; gọn nhẹ; giá rẻ bằng 60% so với giá ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2- 10 triệu đồng tùy theo công suất của máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày thiết bị đưa vào hoạt động

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

MÁY TIỆN CNC

Mã số: VN294021/I

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Thông số kỹ thuật: Hành trình X,Z: 200 x 650mm Động cơ: X,Z: DC Servo Độ chính xác định vị: 0,005mm/300 Độ chính xác lặp lại: 0,01mm Tốc độ chạy nhanh: 5000mm/phút Tốc độ chạy cắt gọt: 1-3000mm/phút Lỗ côn trục chính: BT40 Đường kính lỗ trục chính: 44mm Công suất trục chính: 11kW Tốc độ trục chính: 10-2000 vòng/phút Tải trọng: 200kg Kích thước máy: 2230 x 1620mm Khối lượng máy: 3500 kg Đường kính mâm cặp: 250mm Chiều cao tâm: 200mm Bộ điều khiển: Siemens 802C

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn nhiều so với giá thiết bị nhập ngoại; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

MÁY TIỆN CNC ST5

Mã số: VN294021/I

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất/ Năng suất: 5 Kw Kích thước: 2100 x 2900 x 1950 mm Trọng lượng: 2500 Kg Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Thông số kỹ thuật khác: Mâm cặp thuỷ lực: KK5-173E/42B Mâm cặp 3 vấu: 6 Inch Hành trình trục X: 280 mm Hành trình trục Z: 220 mm Motor Servo AC trục X: Mitsubishi 0.5 Kw Motor Servo AC trục Z: Mitsubishi 0.6 Kw Hệ thống thay dao tự động Số đầu dao: 8/12 Motor trục: Inverter 5 Kw Tốc độ trục chính: 6.000 vòng/phút Giao tiếp bằng ổ đĩa mềm, mạng Ethernet, ổ đĩa cứng HDD thấp hơn của Nhật Chức năng tự tạo chương trình G-Code giúp làm giảm thời gian lập trình, tăng hiệu suất máy Bộ điều khiển có độ chính xác và tin cậy cao trong khi giá thấp hơn nhiều so với bộ điều khiển của Nhật Tuỳ quy mô sản xuất và năng suất của dây chuyền sản xuất mà thiết kế sẽ thay đổi cho phù hợp.

Lĩnh vực áp dụng: 53: Luyện kim, 5347: Sản xuất ống, 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 28.000 USD; Phí đào tạo: 2.000 USD

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

MÁY TRỘN KEO

Mã số: VN29/355

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 3P - 10HP. Kích thước: 1500 x 800 x 1400 (mm). Điều khiển tốc độ vô cấp thông qua hộp Inverter. Ty trộn được xi Crôm. Cánh trộn bằng Inox 304. Dùng khí nén. Điều khiển điện. Sử dụng thuỷ lực. Linh kiện của Nhật, moteur của Đài Loan. Cụm thuỷ lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tuỳ theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY TRỘN LẬP PHƯƠNG

Mã số: VN295/I

Mô tả quy trình CN/TB: 15-30 phút/mẻ 100kg; TCVN; Máy trộn lập phương là một thiết bị chính xác phục vụ cho các ngành công nghiệp dược phẩm, hoá phẩm và thực phẩm. Thiết bị được nghiên cứu, cải tiến công nghệ, áp dụng kỹ thuật tiên tiến đạt tiêu chuẩn GMP, máy được thiết kế với độ

chính xác cao. Năng suất: 15-30 phút/mẻ 100kg, Motor: 5HP-1450V/P (hai motor) pha 220/380, tốc độ thùng trộn: 28v/p, kích thước máy: LxWxH: 1650x1190x1990mm, thiết bị được làm bằng vật liệu Inox

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY TRỘN SIÊU TỐC

Mã số: VN2924/435

Mô tả quy trình CN/TB: -Máy được dùng trong công đoạn trộn vật liệu cho ngành dược phẩm, thực phẩm và hoá mỹ phẩm. -Vật liệu được trộn đều nhờ vào tốc độ cao của cánh trộn. Công suất (tính theo ca): 2000 kg/ca. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6147: Công nghệ các chất thơm

Ưu điểm của CN/TB: -Máy có chương trình điều khiển quá trình trộn tự động. -Có hệ thống giải nhiệt cho đáy nồi. -Sản phẩm trộn cách ly hẳn với các chất bôi trơn.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 240 triệu-340 triệu (tùy theo thiết bị tùy chọn); Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY TRỘN SIÊU TỐC 120 KG KBC-ST-120

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: - Đạt tiêu chuẩn Quốc tế - Đạt ĐKCL của đơn vị, cụ thể là: đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn chung của ngành Dược khu vực Đông Nam Á. Máy trộn siêu tốc 120 Kg được thiết kế chế tạo với công dụng chính là trộn cốm và các nguyên liệu trong ngành Dược, một khâu quan trọng trong quy trình bào chế, sản xuất dược phẩm. Máy được làm bằng Inox SUS 304 (SS 316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong bào chế dược phẩm và tránh gây nhiễm cho sản phẩm. Cấu tạo chính của máy bao gồm: - Thân máy: Bộ phận nâng đỡ máy - Cụm trộn chính: Bộ phận làm việc chính của máy, có nhiệm vụ chứa và trộn đều vật liệu - Cụm trộn phụ: Bao gồm các cánh trộn nhỏ quay với vận tốc cao giúp cho việc trộn được đều hơn - Thoát bột: Có nhiệm vụ tháo sản phẩm khi trộn xong Ngoài ra còn có các hệ thống phụ khác như: Rửa nồi và làm mát, hệ thống điều khiển, khí nén...

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6145: Công nghệ các chất hoá dược

Ưu điểm của CN/TB: Máy có chương trình điều khiển quá trình trộn tự động. Thao tác vận hành, vệ sinh đơn giản với hệ thống VALVE rửa tự động, giảm thiểu lao động và sự sai sót của người đứng máy. Hệ thống truyền động được thiết kế chống tình trạng đứng máy khi trộn bột có hồ. Sản phẩm trộn được cách ly hẳn với các chất bôi trơn ở lần (cách ly hệ thống truyền động chính).

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 240-340 triệu VNĐ (tùy theo mức độ các phần mở rộng theo yêu cầu khách hàng); Phí đào tạo: 3 triệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY TRỘN SIÊU TỐC 20 KG KBC-ST-20

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 20 Kg/mê Tiêu chuẩn đạt được: - Tiêu chuẩn Quốc tế - Đạt ĐKCL của đơn vị, cụ thể là đạt tiêu chuẩn GMP- tiêu chuẩn chung của ngành Dược khu vực Đông Nam Á. Máy được làm bằng Inox SUS 304 (hoặc SS 316) với mục đích tránh tình trạng bị ăn mòn trong môi trường của các loại hoá chất dùng trong chế dược phẩm tránh gây ô nhiễm cho sản phẩm. Cấu tạo chính của máy bao gồm: - Thân máy: Bộ phận nâng đỡ máy - Cụm trộn chính: Bộ phận làm việc chính của máy có nhiệm vụ chứa và trộn đều vật liệu - Cụm trộn phụ: Bao gồm các cánh trộn nhỏ quay với vận tốc cao giúp cho việc trộn được đều hơn. - Thoát bột: Có nhiệm vụ tháo sản phẩm khi trộn xong Ngoài ra còn có các hệ thống phụ khác như: Rửa nồi và làm mát, hệ thống điều khiển điện, khí nén, chi tiết về thiết bị được nêu trong hồ sơ máy đi kèm.

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Máy có chương trình điều khiển quá trình trộn tự động. Thao tác vận hành, vệ sinh đơn giản với hệ thống valve rửa tự động giảm thiểu lao động và sự sai sót của người đứng máy. Hệ thống truyền động được thiết kế để chống tình trạng đứng máy khi trộn bột có hồ. Sản phẩm trộn được cách ly hẳn với chất bôi trơn ở lần (cách ly hệ thống truyền động chính)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Vận chuyển và chuyển giao công nghệ: 3 triệu; Giá máy móc thiết bị: 95-135 triệu VNĐ (tùy theo mức độ các phần mở rộng theo yêu cầu khách hàng)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY TRỘN VẬT LIỆU RỜI CHO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THỰC PHẨM, DƯỢC PHẨM, HOÁ CHẤT VÀ THỨC ĂN GIA SÚC

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Do khách hàng yêu cầu cụ thể Thông số kỹ thuật khác: Năng suất trộn cao đồng đều, kết cấu máy bền vững, dễ dàng tháo ráp, vận hành và sửa chữa. Vật liệu rời - Định lượng tự động hoặc thủ công - Cấp liệu vào máy - Vận hành máy - Vật liệu đã trộn xong - Chuyển giai đoạn khác.

Lĩnh vực áp dụng: 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Có thể tự động định lượng nhiều thành phần cùng một lúc và khả năng kết nối toàn bộ dây chuyền.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10-20 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

MÁY TỰ ĐỘNG QUẤN BIẾN ÁP TRỤ VÀ ĐỘNG CƠ

Mã số: VN29403/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Đây là thiết bị quấn dây tự động phục vụ cho việc quấn dây các loại máy điện trong sản xuất hàng loạt, sản xuất đơn chiếc và sửa chữa Các thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị: - Máy có thể quấn các loại biến thế đến 250KVA, động cơ điện xoay chiều đến 100 KW - Tốc độ quấn điều khiển vô cấp từ 0- 1000 v/phút - Bước rải điều chỉnh vô cấp từ 0,1- 10mm - Máy có thể nhớ không bị xoá các thông số sau khi cài đặt: Bước dây, số vòng quấn trong quá trình làm việc và trường hợp xảy ra sự cố mất điện - Thiết bị có hệ thống gá cuộn cấp dây, cơ cấu căng kẹp dây, cơ cấu tự động dừng quấn khi đứt dây hoặc hết dây - Công suất động cơ quấn: 3HP (3,75 Kw). Điện áp: 380V- 50Hz- 3 pha

Lĩnh vực áp dụng: 4431: Năng lượng nhiệt. Kỹ thuật nhiệt, 5513: Công nghệ chế tạo máy

Ưu điểm của CN/TB: Máy được ứng dụng những công nghệ mới về điều khiển như: Inverter, động cơ, bước, kỹ thuật số, vi xử lý... vì vậy mà các tính năng kỹ thuật và hình thức có thể tương đương thiết bị Đài Loan; Thiết kế phù hợp với yêu cầu và điều kiện của VN; Giá bán chỉ bằng 1/3 thiết bị ngoại nhập; các chế độ hậu mãi nhanh chóng được đáp ứng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 82.000.000 VNĐ (bao gồm cả chi phí vận chuyển, chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng, bảo hành

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY TỰ ĐỘNG QUẤN DÂY BIẾN ÁP HÌNH XUYÊN MQOA-03

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Ứng dụng trong ngành sản xuất máy biến áp, động cơ điện. Máy có 961 chương trình cài đặt, kích thước lõi biến áp: đường kính trong: 30 đến 150mm, đường kính ngoài: 100 đến 300mm; đường kính dây quấn từ 0,5 đến 3mm; tốc độ quấn điều chỉnh vô cấp từ 0- 150 v/phút; Bước rải cài đặt từ 0 đến 10mm.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 4509: Vật liệu kỹ thuật điện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY TỰ ĐỘNG QUẤN DÂY ĐA NĂNG

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy tự động quấn dây đa năng MQĐN-0103 có 10 chương trình cài đặt; Tốc độ quấn điều chỉnh vô cấp từ 0-2400 v/phút; Bước rải cài đặt từ 0- 10mm; Đường kính dây quấn từ 0,05 đến 1mm

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY TỰ ĐỘNG QUẤN DÂY QUẠT BÀN MQQB-03

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Máy tự động quấn dây quạt bàn có 961 chương trình cài đặt, có thể bố trí 6 đến 8 đầu rải, tốc độ quấn điều chỉnh vô cấp từ 0 đến 2400 v/phút; Bước rải cài đặt từ 0 đến 10mm; đường kính dây quấn từ 0,1 đến 1mm

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY TỰ ĐỘNG QUẤN DÂY QUẠT TRẦN MQQT-04

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Ứng dụng trong ngành sản xuất quạt điện, động cơ điện, máy biến áp. Máy tự động quấn dây quạt trần có 1 chương trình cài đặt; Tự động quấn trực tiếp quạt chính và quạt phụ vào Stator; Tốc độ quấn điều chỉnh vô cấp từ 0- 2000 v/phút; Cài đặt được số rãnh stator.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo

MÁY TUYỂN TỪ NAM CHÂM ĐẤT HIỀM NDFEB LOẠI CƯỜNG ĐỘ TỪ TRƯỜNG TRUNG BÌNH VÀ LOẠI CƯỜNG ĐỘ TỪ TRƯỜNG CAO

Mã số: Vn29524/1

Mô tả quy trình CN/TB: Từ 4.000kg/ca- 8.000kg/ca; Máy dùng để tuyển khoáng vật từ khoáng khô, đặc biệt là sa khoáng biển

Lĩnh vực áp dụng: 5213: Kỹ thuật và công nghệ khai thác khoáng sản khoáng sản rắn

Ưu điểm của CN/TB: Tính năng đương đương thiết bị ngoại nhập trong khi giá thấp hơn từ 50-70%

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam

MÁY VIÊN NẤP LON

Mã số: VN29/367

Mô tả quy trình CN/TB: * Kích thước: 500W x 600L x 1200H. * Năng lượng điện: 0.75 KW, 30. * Nguồn khí nén 200 lít/h . 7.5 kg/cm². - Điều khiển điện. - Linh kiện của Nhật, motor của Đài Loan, Nhật. Cum thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc. - Năng suất: 500 lon/h. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc); giá thành hạ (<50%). - Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán có thể thay đổi tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng.; Phí đào tạo: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí.; Chi phí khác: Trong TP HCM vận chuyển miễn phí. Bên B chịu phí vận chuyển nếu ở tỉnh.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm.

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY VÔ CHAI BÁN TỰ ĐỘNG, VÀ TỰ ĐỘNG DẠNG THĂNG

Mã số: 292/991

Mô tả quy trình CN/TB: quy trình công nghệ: Chất lỏng đựng trong bồn - định lượng và rót vào chai thông qua van bơm piston hoặc đầu rót, có thể rót các loại chai: 100,500,1000ml... đặc điểm kỹ thuật: rót các loại chất lỏng từ 100-500 ml, 1000ml với một đầu và nhiều đầu rót; điện: sử dụng van điện từ, van trộn lực chân không hoặc đẳng áp, điện 220V, 50-60Hz; điều khiển bán tự động, hoặc hoàn toàn tự động; công suất : 1000-3000 chai/giờ

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6545: Công nghiệp rượu, 6563: Công nghiệp sữa

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 9-37 triệu đồng/máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MÁY VÔ KEM

Mã số: VN2924/439

Mô tả quy trình CN/TB: Vô tuýp→Xoay tuýp→Thổi khí tro→Bơm kem→Kẹp bề lần 1→Kẹp bề lần 2→Kẹp bề lần 3→Đóng số hạn sử dụng+số sản xuất→Ra tuýp. Công suất (tính theo ca): 20-60 tuýp/phút; 9600-28800 tuýp/8 giờ. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Đạt tiêu chuẩn G.M.P Asian.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở; Là kết quả của việc sao chép mẫu các thiết bị của nước ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 65: Công nghiệp thực phẩm, 6147: Công nghệ các chất thơm

Ưu điểm của CN/TB: -Rẻ hơn 1/5 giá nhập ngoại. -Tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 180.000.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY XÁT CÔM CAO TỐC (PN-XCCT)

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: 400 kg/h; TCVN; Máy xát côm cao tốc do Xưởng cơ khí chính xác- Viện Cơ học ứng dụng nghiên cứu chế tạo. Thiết bị đạt năng suất: 400kg/h, Motor: 7HP-2800V/P-3 pha 220/380, điều chỉnh tốc độ bằng inverter, kích thước máy: LxWxH: 1015x730x1220mm, thiết bị được làm bằng vật liệu Inox.

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 6529: Công nghiệp xay sát và gia công hạt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

MÁY XAY THỰC PHẨM ƯỚT

Mã số: 292/992

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Thực phẩm (Thịt, cá, trái cây,...) bóc vỏ, cắt lát bỏ vào máy - khởi động xay và nâng dần tốc độ đến khi sản phẩm được xay., trộn đạt yêu cầu mong muốn. đặc điểm kỹ thuật: Xay các loại thực phẩm ướt thành dạng sợi, mịn, thành dạng sệt, lòng công suất 300kg/h; Điện: 1 mô tơ 1/2 HP, 220V 3 pha; Điều khiển bằng thiết bị vi xử lý, có thể chạy ở nhiều tốc độ khác nhau để sản phẩm đạt yêu cầu mong muốn

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 65: Công nghiệp thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 7 triệu đồng/máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

MỘT SỐ LOẠI HÌNH ROLE SỐ HÓA BẢO VỆ CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TRUNG ÁP

Mã số: VN3120/214

Mô tả quy trình CN/TB: Việc thiết kế chế tạo các role số hóa bảo vệ cho trung áp là nhu cầu rất cấp bách kể từ những năm 90. Từ 1995 chúng ta đã bắt tay nghiên cứu chế tạo và những năm 1998 đã có kết quả về các loại role cần thiết nhất. Đó là các role bảo vệ chạm đất, sa thải tải theo tần số, bảo vệ đường dây phân phối; role hòa đồng bộ, role chiếu công suất v.v.. Hình thức cung cấp CN/TB: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào.
Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 45: Kỹ thuật điện

Ưu điểm của CN/TB: Lắp đặt, hiệu chỉnh, sử dụng dễ hơn các role ngoại, giá rẻ hơn nhiều

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10-20 triệu tùy loại.

Thời gian và hình thức bảo hành: 2 năm

Đơn vị chào bán: Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH - Viện Cơ học

NGUỒN BỨC XẠ HỒNG NGOẠI

Mã số: VN316213/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Nguồn bức xạ hồng ngoại dùng cho lĩnh vực sấy, chế biến nông sản thực phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành sản phẩm chỉ bằng 65- 70% giá ngoại nhập; Các thông số kỹ thuật tương đương nguồn ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Triển khai công nghệ- Viện Ứng dụng công nghệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC SINH HOẠT

Mã số: VN 292/446

Mô tả quy trình CN/TB: - Rác thải sinh hoạt được ủ cường bức có sự hỗ trợ của men vi sinh, cho qua máy phân loại. Mùn rác được sử dụng chế biến phân bón (phân vi sinh). Rác vô cơ và hữu cơ không tiêu (nhựa, cao su...) được đốt trong lò đốt. - Công suất (tính theo ca): 100 tấn/ca - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: + Công nghệ, thiết bị chế tạo 100% trong nước. + Vốn đầu tư bằng 30% nhập ngoại có công suất tương đương.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: - Xử lý triệt để không cần diện tích chôn lấp. - Chất lượng không thua kém nhập ngoại. - Vốn đầu tư bằng 30% nhập ngoại. - Thời gian thực hiện nhanh chóng: 12 tháng.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 600.000.000 đồng; Giá máy móc thiết bị: 10-15 tỷ đồng (phụ thuộc lượng rác)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng, bảo trì nhiều năm.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và môi trường

PHÂN TÍCH 3-MONOCLO 1,2-PROPANDIOL 3-MCPD TRONG NƯỚC CHẤM (DẦU HẢO, NƯỚC MẮM, MARI)

Mã số: VN0333/133

Mô tả quy trình CN/TB: 3-Monoclo 1,2-propandiol sinh ra trong quá trình sản xuất nước chấm theo nguyên tắc thủy phân cá, hào, các nguyên liệu giàu protein. 3-MCPD sinh ra một lượng nhỏ trong nước chấm ppm. Để tách chiết và phân tích 3-MCPD cần tổ hợp các kỹ thuật: chiết lỏng - lỏng, làm sạch, tách riêng 3-MCPD trên hệ thống sắc ký cột điển, thực hiện chuyển hóa sang sản phẩm khác 4-(clorometyl)- 2,2-dimetyl-1,3-dioxanlan (1,3-DXL). Phân tích định lượng 3-MCPD thông qua 1,3-DXL. Giới hạn phát hiện 3-MCPD là 0,01ppm (0,01 mg/l) Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: thiết bị phục vụ thực nghiệm đơn giản, phù hợp với các phòng thí nghiệm Việt nam hiện nay. Thời gian phân tích ngắn.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: Phương pháp chuẩn bị mẫu đơn giản; Giảm trên 1/2 chi phí phân tích một mẫu; Chủ động trong kiểm tra sản phẩm nước mắm xuất khẩu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 60.000.000 VND

Thời gian và hình thức bảo hành: Thường xuyên

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

PHÒNG SẠCH (PS.002 - 2001)

Mã số: VN2923/434

Mô tả quy trình CN/TB: * Phòng sạch đặc dụng cho việc lấy mẫu kiểm tra, cân đong, cấp phát khi mở thùng nguyên liệu trong các kho sản xuất Dược. * Gồm 2 tổ quạt, lấy không khí lạnh của phòng qua bộ lọc thứ cấp đưa vào buồng tích áp diệt khuẩn bằng 2 bóng UV, rồi qua bộ lọc HEPA (Hiệu suất lọc 99,97% và khả năng ngăn chặn bụi cỡ hạt 0,35 Mm) tạo ra làn khí (Laminair) 0,45 m/s +/- 20% sạch, vô trùng và dương trong không gian làm việc.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá dược, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Đáp ứng được nhu cầu cao của công tác nghiên cứu và làm thí nghiệm. - Chất lượng không kém nhập ngoại. - Lắp đặt, vận chuyển, hậu mãi nhanh gọn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

ROBOT CƠ CẤU SONG SONG

Mã số: VN333/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: theo yêu cầu của khách hàng

Lĩnh vực áp dụng: 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động, 5047: Các hệ thống tự động điều khiển các quá trình công nghệ

Ưu điểm của CN/TB: Có độ cứng vững cao, thực hiện được các thao tác phức tạp, chính xác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Cơ điện tử- Công ty Phát triển Công nghệ- Viện Cơ học

SA BÀN DÀN TRẢI THIẾT BỊ DAO MỎ ĐIỆN MODEL: ESS 400W SUPER

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Là sản phẩm khoa học do Trung tâm Công nghệ Laser chế tạo với chất lượng tốt.

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết, khí hậu Việt Nam - Dễ dàng thay thế sửa chữa khi có hỏng hóc - Là mô hình có thể tìm hiểu, nghiên cứu dễ dàng cho việc giảng dạy, giúp sinh viên tiếp xúc sát với thực tế

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: 12000USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

SA BÀN DÀN TRẢI THIẾT BỊ LASER C02 45W PHẪU THUẬT, MODEL: KC 01-06/2MTC

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Là sản phẩm khoa học của Trung tâm công nghệ Laser với chất lượng tốt

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học, 14: Giáo dục

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu VN - Dễ dàng thay thế sửa chữa khi hỏng hóc; - Là mô hình có thể tìm hiểu, nghiên cứu dễ dàng cho việc giảng dạy, giúp sinh viên tiếp xúc sát với thực tế

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: 12000USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

SÚNG TẬP BẮN ĐIỆN TỬ

Mã số: VN296013/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Súng bắn tập điện tử sử dụng công nghệ laser-hồng ngoại và mô phỏng Thông số kỹ thuật: Nguồn điện: 220V/50Hz Công suất tiêu thụ: 40VA Sai số thời gian: 3ms Tần số quét mẫu: 128 Hz Tốc độ truyền số liệu: 1920 baud Khoảng cách mô phỏng hữu hiệu: 10m, 25m, 50m Cấu hình bao gồm: Khối điện tử BT-2000, đầu cảm biến hồng ngoại, bia điện tử 10m, giá cố định bia, Valy chuyên dụng, máy tính BT-2000 thích hợp trang bị cho các cơ sở trong hệ thống huấn luyện của quốc phòng an ninh và thể thao thành tích cao.

Lĩnh vực áp dụng: 77: Thể dục thể thao, 78: Ngành quân sự

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương với thiết bị nước ngoài

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 24 tháng miễn phí, bảo trì dài hạn

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Triển khai công nghệ- Viện Ứng dụng công nghệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

TEST KIỂM TRA ASEN. KÝ HIỆU AT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Asen hay còn gọi là thạch tín là một chất cực độc. Nguyên tố này có thể tồn tại trong tự nhiên làm ô nhiễm các nguồn nước. Tỷ lệ của asen trong nước ngầm và nước mặt tại một số khu vực khá cao, đe dọa sức khoẻ của người sử dụng. Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da xách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, sử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra). Test AT04 cho phép kiểm tra nhanh asen trong nước uống, nước sinh hoạt, thực phẩm có độ nhạy khá cao. Khả năng phát hiện: 10 (-7) Thời gian phát hiện: 30 phút Hộp: 10 ống

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA CHÌ. KÝ HIỆU LT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Chì tích lũy trong cơ thể là nguyên tố gây ngộ độc. Nhiễm chì ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và gây nhiều bệnh trường diễn. Test LT04 là dạng test que nhúng, cho phép thử nhanh chì trong mẫu nước uống không màu, thực phẩm.... Kết quả được chỉ thị nhanh bằng màu sắc thay đổi. Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da xách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở. Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, sử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra). Thời gian phát hiện: 1 phút Hộp: 20 que

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA METHANOL TRONG RƯỢU. KÝ HIỆU MET04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Aldehyt và Methanol là 2 sản phẩm tất yếu của quá trình lên men rượu. Khi cất rượu trong công nghiệp, người ta phải áp dụng công nghệ để loại bỏ chúng. Với các loại rượu sản xuất thủ công, người ta không thể loại bỏ được hai thành phần này. Do vậy, khi uống rượu thường hay bị đau đầu do ngộ độc, nặng hơn có thể dẫn đến tử vong.

Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da xách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở. Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, sử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra). Test Met04 cho phép kiểm tra Methanol trong các loại khác nhau (rượu vang, rượu trắng, rượu thuốc...) ngay tại các cơ sở. Khả năng phát hiện: 0.5mg/kg Thời gian phát hiện: 5 phút Đóng gói: Test dạng túi được đóng gói 20 test, kèm hướng dẫn sử dụng

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6545: Công nghiệp rượu, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NHANH AXIT VÔ CƠ TRONG DẤM. KÝ HIỆU VT 04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thành phần chủ yếu trong dấm ăn là axit axetic. Nhưng một số cơ sở đã sử dụng axit vô cơ (HCl, H₂SO₄, HNO₃...) cho thêm vào trong dấm nhằm mục đích tăng độ chua và làm cho dấm trong, không bị mốc, thối. Việc sử dụng axit vô cơ ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ của người sử dụng. - Test VT04 cho phép kiểm tra nhanh các axit vô cơ trong dấm ngay tại cơ sở với độ chính xác cao. - Dùng kéo cắt miệng túi. Đổ mẫu dấm cần kiểm tra vào túi tới vạch định mức, bóp mạnh dần đáy túi để giải phóng chất thử, lắc đều dung dịch trong túi và đọc kết quả. Nếu giấm có màu giống với vạch màu chuẩn âm tính trên nhãn túi: trong giấm không có axit vô cơ. Nếu giấm có màu giống với vạch màu chuẩn dương tính trên nhãn túi: trong giấm có axit vô cơ. - Đóng gói: Hộp giấy đựng 20 test. Kích thước hộp 12 x 6 x 6cm, kèm hướng dẫn sử dụng. - Khả năng phát hiện: 0,05% (kiểm tra với axit HCL) trong 2 phút.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NHANH FORMON. KÝ HIỆU FT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Formon hay formalin, formadehyt là hợp chất hữu cơ rất độc, sử dụng nhiều trong công nghiệp sản xuất thuốc nhuộm, keo dán. Trong y học, người ta sử dụng F để sát trùng và bảo quản các loại mô sống. Formon là loại không được phép sử dụng để bảo quản thực phẩm. Bộ y tế đã cấm sử dụng các thực phẩm có chứa formon. Formon là tác nhân gây hại nhiều đến sức khoẻ của người sử dụng, gây viêm niêm mạc da, rối loạn tiêu hoá, với nồng độ cao có thể gây tử vong. Test FT04 cho phép kiểm tra nhanh formon trong một số loại thực phẩm thường hay sử dụng như: rau quả tươi, hải sản sống, các loại thịt. Khả năng phát hiện: 0.5mg/kg Thời gian phát hiện: 5 phút Đóng gói: Test dạng túi được đóng gói 20 test/túi, kèm hướng dẫn sử dụng.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NHANH NITORAT. KÝ HIỆU NAT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nitorat trong thực phẩm có 2 nguồn gốc chính đó là: dư lượng có sẵn trong nông sản nguyên liệu có bón nhiều phân đạm trước khi thu hoạch và một số cơ sở, cá nhân đã sử dụng nitorat như là một chất bảo quản (K hoặc Na) để bảo quản thực phẩm. Test NAT04 cho phép kiểm tra nhanh gốc NO_3 trong một số loại thực phẩm có sử dụng nitorat trong thịt ướp, thực phẩm ngâm muối, nước uống giải khát không màu. Khả năng phát hiện: 500mg/l Thời gian phát hiện 3-5 phút Đóng gói: Hộp 10 test

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NHANH NITRIT TRONG THỰC PHẨM. KÝ HIỆU NT 04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nitrit thường sử dụng trong một số loại thực phẩm nhằm tăng thời hạn bảo quản và tạo màu sắc đẹp cho thực phẩm. Test NT 04 cho phép kiểm tra nhanh sự có mặt của Nitrit trong một số loại thực phẩm ngay tại các cơ sở. Kiểm tra nước sinh hoạt có nhiễm nitrit, thịt nguội, xúc xích, thịt xông khói, lạp xườn. - Khả năng phát hiện: 10 (-5) - Thời gian phát hiện: 3-5 phút - Hướng dẫn sử dụng: Lấy khoảng 10g thực phẩm thái nhỏ 3-5 mm, cho vào cốc nghiền nhỏ bổ xung 1ml nước cất lắc đều, sau đó gạn dịch trong làm mẫu thử. Cầm thân thẻ dốc phần của sỏ tròn xuống phía dưới, bóp mạnh thân thẻ tại vị trí in nhân để làm giải phóng thuốc thử. Đợi cho thuốc thử ngấm đều khắp phần giấy trong của sỏ. Nhỏ một giọt dịch chiết mẫu thực phẩm vào của sỏ giấy tròn. 2 phút sau đọc kết quả. Đọc kết quả: Nếu giấy thử vẫn giữ nguyên màu trắng: mẫu thực phẩm không có nitrit Nếu giấy thử chuyển từ màu trắng sang màu vàng cam: Thực phẩm có nitrit Đóng gói: Hộp 20 test, kích thước hộp 11 x 8 x 2 cm.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NHANH SALIXILIC. KÝ HIỆU ST04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Salixilic là hợp chất thường sử dụng chế tạo chất thuốc chống nấm mốc chữa bệnh nấm ngoài da cho người, động vật. Salixilic không được phép sử dụng cho thực phẩm vì chúng rất độc khi qua đường ăn uống. Bộ Y tế đã có văn bản cấm tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm thực phẩm có chứa Salixilic. Test ST04 cho phép kiểm tra phát hiện salixilic trong một số thực phẩm, rau quả ngâm. Có thể tiến hành ngay tại cơ sở. Khả năng phát hiện: 100mg/kg Đóng gói: Hộp 20 test.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA NƯỚC ĐUN SÔI. KÝ HIỆU WT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước ăn uống, nước dùng để pha giải khát cần phải đun sôi để đảm bảo vệ sinh theo qui định. Test WT04 cho phép kiểm tra xác định nước nguội hay nước phích đã đun sôi hay chưa đun sôi. Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da xách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở. Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, sử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra). Thời gian phát hiện: 3 phút; Đóng gói: Hộp 20 test

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

TEST KIỂM TRA THUỶ NGÂN. KÝ HIỆU MT04

Mã số: VN3320/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước uống, nước sinh hoạt, thực phẩm có thể nhiễm thủy ngân rất độc. Test MT04 sẽ phát hiện thủy ngân trong 3 phút. Hộp 20 test có hướng dẫn sử dụng kèm theo. Test này là sản phẩm được nghiên cứu và phát triển trên cơ sở các đề tài nghiên cứu của đơn vị có tham khảo các sản phẩm cùng loại của nước ngoài. Đặc tính nổi trội nhất của test là tính cơ động và sử dụng đơn giản. - Cho phép tiến hành kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thực phẩm và các chợ, cửa hàng. Không đòi hỏi các thiết bị phụ trợ khác. - Các loại KIT, Test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. - Các loại KIT, Test sử dụng đơn giản, không cần đào tạo người sử dụng, phù hợp với trình độ của cán bộ tại địa phương. - Các loại test được thiết kế để sử dụng độc lập không cần các dụng cụ hỗ trợ khác. Cấu tạo: Gồm 2 bộ phận chính là các dụng cụ và bộ test thử được gói gọn trong một túi giả da xách tay hoặc đeo vai thuận tiện cho quá trình cơ động tại các cơ sở. Các dụng cụ: Gồm một số dụng cụ phục vụ quá trình kiểm tra: sử dụng cho mục đích lấy mẫu, sử lý mẫu và thao tác với các test. Các dụng cụ gồm kéo, cốc, ống hút, túi đựng rác thải (sau khi tiến hành kiểm tra).

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Kiểm tra nhanh, giá thành rẻ, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an

THIẾT BỊ BƠM ĐỊNH LƯỢNG

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Đây là loại thiết bị bơm dùng để định lượng tự động các loại hoá chất bơm vào trong công nghệ xử lý nước thải, pha chế trong dây chuyền sản xuất nước giải khát, dầu nhờn, bơm hoá chất chlorine trong nước rửa thủy sản.

Lĩnh vực áp dụng: 5539: Chế tạo máy hoá chất và dầu mỏ, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông

THIẾT BỊ CÂN BẢNG ROTO

Mã số: VN33208/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: tùy theo yêu cầu của khách hàng

Lĩnh vực áp dụng: 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động, 5047: Các hệ thống tự động điều khiển các quá trình công nghệ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành hợp lý; Bảo dưỡng thuận lợi

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy theo hợp đồng; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Cơ điện tử- Công ty Phát triển Công nghệ- Viện Cơ học

THIẾT BỊ CẤP THOÁT NƯỚC CHO AO NUÔI TÔM THƯƠNG PHẨM

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị cấp thoát nước cho ao nuôi tôm thương phẩm được dùng cho các vùng nuôi tôm ở Duyên hải bắc trung bộ và Duyên hải Nam trung bộ nhằm tăng khả năng nuôi trồng thủy sản. Thiết bị làm việc theo nguyên tắc đưa nước từ bể lắng vào ra ao nuôi tôm thương phẩm. Công suất: lưu lượng 300 m khối/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Cột áp 6m, công suất 15CV

Lĩnh vực áp dụng: 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong việc khai thác nuôi trồng thủy sản; Chế tạo bằng vật liệu trong nước. Hiệu suất cao, chịu được mặn; Giá thành bằng 1/2 giá thành ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo
Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 20.000.000 VNĐ/1 thiết bị
Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm
Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng
Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI (MÁY NGHIÊN CÁC LOẠI NGUYÊN LIỆU CÓ TỶ TRỌNG NHỎ)

Mã số: VN2953/206

Mô tả quy trình CN/TB: Máy nghiền nhẹ được thiết kế theo nguyên lý tổng hợp của 4 máy: máy nghiền đĩa, máy nghiền trục, máy nghiền chấu con lăn và máy nghiền búa. Máy gồm các bộ phận làm việc sau: - Phần tĩnh gồm có mặt cắt hình trụ hoặc hình vuông lắp chặt trên thân máy - Phần động có các hàng búa răng dài lắp chặt trên rô to, búa có mặt cắt hình trụ hoặc vuông - Sàng để phân loại kích thước sản phẩm - Bộ phận nạp liệu và xả liệu. Công suất (tính theo ca): 2-3 tấn. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài cấp Nhà nước. KC-07-09

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Nghiền được các loại nguyên liệu nhẹ, mà máy nghiền búa không đạt được hiệu quả. - Nghiền được đa dạng nguyên liệu: cứng, nhẹ, dai xơ....

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 6.200.000 VNĐ (có VAT)

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng. Bảo hành các hỏng hóc về kỹ thuật

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ CHIÊN CHÂN KHÔNG

Mã số: VN295316/1165

Mô tả quy trình CN/TB: Từ một số nguồn nguyên liệu tươi chúng ta có thể chế biến một số thực phẩm ăn nhanh, như các loại bánh snack, mít chiên, khoai chiên, chuối chiên,... Tuy nhiên với công nghệ chiên thông thường như hiện nay thì chất lượng sản phẩm sẽ giảm tính chất mùi, vị, màu so với tính chất ban đầu của nguyên liệu. Để khắc phục nhược điểm trên, cần phải sử dụng thiết bị chiên với công nghệ mới gọi là chiên chân không Thiết bị được chế tạo bằng Inox, hợp vệ sinh thực phẩm Thiết bị chiên loại bỏ được nước trong nguyên liệu (nông sản) thô Do quá trình làm việc ở nhiệt độ < 1000C và áp suất chân không nên sản phẩm sau khi chiên sẽ giữ được màu, mùi, vị nguyên thủy như lúc ban đầu Hệ thống kiểm soát và cấp hơi hoàn toàn tự động, kiểm soát và điều khiển theo nhiệt độ cài đặt cho từng loại sản phẩm Đạt TCVN Công suất: 500 Kg/ngày Kích thước: 9.000 x 1.500 x 2.000 Trọng lượng: 200 Kg Các thông số kỹ thuật khác: Nồi chiên: B620 x 1.200, Inox, 2 lớp vỏ Kích thước lắp đặt: 1.000 x 1.500 x 2.000 (mm)

Bơm chân không: 5HP, 3P, 380V Bộ nguồn thủy lực: 3/4HP, 3P, 380V Nhiệt độ làm việc: 50-1500C
Áp chân không: 0,8-0,9 atm Nạp và tháo liệu bằng tay

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 90 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

THIẾT BỊ CHỐNG VÔI HOÁ VÀ GỈ TRONG ĐƯỜNG ỐNG CVG-703

Mã số: 292/1013

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Dùng phương pháp điện từ trường tần số cao, không dùng hoá chất, không gây tác hại đến môi trường, không làm thay đổi chất lượng nước, không chi phí lắp đặt, ít tiêu thụ điện năng. Có khả năng điều chỉnh tùy theo ống dẫn là kim loại hay nhựa, tùy theo yêu cầu duy trì không cho đóng cặn hay thông ống đã bị đóng cặn, tùy theo trị số PH của nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí; Chi phí khác: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐẢO NƯỚC LÀM TĂNG ÔXY VÀ ĐẢO TĂNG NƯỚC TRONG AO NUÔI TÔM THƯƠNG PHẨM (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07-01)

Mã số: VN2932/256

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị bao gồm: 1. Dàn đảo nước được thiết kế chế tạo theo dạng môđun. Mỗi dàn có 3 môđun. Mỗi môđun gồm 1 khung và 1 trục rồng được chế tạo bằng thép tráng kẽm (hoặc inox); 2 phao nhựa PVC; 4 guồng đảo dạng cánh bằng nhựa; 2. 01 hộp giảm tốc và 01 bộ đặt động cơ và hộp giảm tốc; 3. 01 động cơ diezen (hoặc động cơ điện). Mỗi dàn (3 môđun) trên dùng động lực: 4,5 kw, đáp ứng diện tích 2500 m² ao nuôi; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.01

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Chịu mặn, có thể điều chỉnh độ ngập sâu của cánh quạt nước để phù hợp yêu cầu công nghệ nuôi tôm. Có thể dùng 1 hay nhiều môđun lắp thành dàn phù hợp với qui mô sản xuất; Độ ổn định cao, dễ tháo lắp, di chuyển, điều chỉnh

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 4.500.000đ/dàn (không có động cơ)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ ĐẾM GIỌT CHẤT LỎNG

Mã số: VN3320/544

Mô tả quy trình CN/TB: - Chỉ thị số: 4 số đếm LED. - Phương pháp đếm: quang học. - Đặt thời gian đếm chính xác từ 1 giây đến 99 phút 59 giây. - Nguồn điện: 220V - 50Hz.

Lĩnh vực áp dụng: 31: Hoá học, 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Có thể đếm nhiều loại giọt chất lỏng khác nhau, kể cả những giọt trong suốt như nước; - Có thể dùng thiết bị để đếm số sản phẩm, số vòng quay.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2,4 triệu.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐIỆN CHÂM CỨU MODEL: 1201- 2MTC

Mã số: VN331016/1

Mô tả quy trình CN/TB: 20 ca/ngày; TCVN;

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết, khí hậu Việt Nam - Dễ dàng thay thế, sửa chữa khi có hỏng hóc - Gọn nhỏ, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: 20USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH THÂM MỸ SỬ DỤNG TẦN SỐ CAO (HAI ĐẦU ĐIỀU TRỊ) MODEL: LASERMET

Mã số: VN331016/1

Mô tả quy trình CN/TB: 10 ca/ngày; TCNN;

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu VN - Dễ dàng thay thế, sửa chữa khi có hỏng hóc - Gọn nhỏ, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: 2.000USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ ĐO MÔI TRƯỜNG; CÂN PHÂN TÍCH; BƠM NHU ĐỘNG; MÁY ĐO DO; MÁY TRẮC ĐỊA; MÁY XÂY DỰNG; THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG NGÀNH ĐIỆN; ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG; THIẾT BỊ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ

Mã số: 332/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn nước ngoài;

Lĩnh vực áp dụng: 59: Ngành chế tạo khí cụ, 86: Bảo hộ lao động, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: Đây là các thiết bị khoa học kỹ thuật tiên tiến của các hãng nổi tiếng trên thế giới: Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu và các nước tiên tiến khác

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thăng Lợi

THIẾT BỊ ĐO NHIỆT ĐỘ HIỆN SỐ DTM - 092K

Mã số: VN3320/691

Mô tả quy trình CN/TB: - Dải đo nhiệt độ: từ -50độC đến +150độC. - Chỉ thị số: tinh thể lỏng LCD cao 13mm. - Đầu đo bán dẫn thiết kế theo yêu cầu người sử dụng (ví dụ: dây đo có thể dài trên 20m). - Độ phân giải +_0,1độC. - Nguồn điện: pin 9V. - Loại máy đo: cầm tay.

Lĩnh vực áp dụng: 31: Hoá học, 64: Công nghiệp nhẹ, 65: Công nghiệp thực phẩm, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Độ chính xác cao; Gọn nhẹ; Giá rẻ và bền.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Từ 1 triệu

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐO NHIỆT ĐỘ HIỆN SỐ DÙNG TRONG CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN3320/692

Mô tả quy trình CN/TB: - Nguồn điện với pin 9V hay điện lưới 220VAC, có thể hoạt động liên tục 24/24giờ. - Chỉ thị hiện số, tinh thể lỏng, LCD cao 13mm. - Cảm biến nhiệt độ sản xuất tại Đức (hãng Siemens) loại bán dẫn. - Dây đo nối từ đầu đo (cảm biến) có thể kéo dài đến 100m. - Đầu đo có thể nhúng hoàn toàn vào chất lỏng. - Độ phân giải 0,1độC. - Độ chính xác +_1độC. - Thang đo từ -50độC đến +150độC, có thể thiết kế theo mô đun công nghiệp, hiện số LED (thích hợp nơi ít ánh sáng). - Đạt tiêu chuẩn quốc tế. - Bán trực tiếp.

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Độ chính xác cao.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1,2 triệu

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐO NHIỆT ĐỘ NHIỀU KÊNH

Mã số: VN3320/533

Mô tả quy trình CN/TB: - Dải đo nhiệt độ từ -50°C đến +150°C. - Nguồn điện 220VAC. - Hiện thị chỉ số LED. - Thiết bị có nhiều kênh đo (10 kênh hay hơn). - Chuyển kênh đo bằng tay hay tự động. - Đo từ xa, dây nối có thể kéo dài hơn 50m. - Đầu đo có thể nhúng hoàn toàn vào chất lỏng. - Độ phân giải $\pm 0,1^\circ\text{C}$. - Độ chính xác $\pm 1,5^\circ\text{C}$. - Cảm biến loại bán dẫn được sản xuất tại Mỹ. - Có thể thiết kế theo module công nghiệp, đã có biện pháp chống nhiễu. - Đạt tiêu chuẩn quốc tế. - Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Độ tin cậy cao đã đưa vào sử dụng nhiều nơi trong công nghiệp; - Khi hư hỏng có thể sửa chữa trong vòng 24 giờ; - Dải đo có thể đo với nhiệt độ cao hơn theo yêu cầu người sử dụng. Trường hợp này sẽ dùng loại cảm biến khác.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy theo yêu cầu kỹ thuật của khách hàng.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐO PH 1299

Mã số: VN3320/692

Mô tả quy trình CN/TB: - Thiết bị là loại đo hiện số cầm tay gọn nhẹ, chỉ thị LCD cao 13mm. - Nguồn điện pin 9VDC. - Điện cực thủy tinh rời của hãng Sentek (Anh). - Nút bấm tắt mở điện phẳng trên bề mặt thiết bị. - Có chế độ tắt điện tự động sau vài phút để tiết kiệm pin. - Độ phân giải $\pm 0,01\text{pH}$. - Dây đo nối từ điện cực đến thiết bị đo có thể kéo dài vài mét theo yêu cầu. - Đạt tiêu chuẩn nước ngoài. - Bán trực tiếp.

Lĩnh vực áp dụng: 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Khác với loại đo pH (kiểu cây bút) trị số đo không chính xác, rất mau hỏng và khi hỏng không thể sửa chữa được. Loại máy pH 1299 có độ chính xác cao, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài; - Khi hư hỏng có thể sửa chữa trong vòng 24 giờ.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 1,5 triệu gồm cả điện cực. Chỉ tiết khác: bảo hành 1 năm cho thiết bị đo. Điện cực bảo hành 4 tháng (thường điện cực bị hư là do bất cẩn của người sử dụng, nếu bảo quản tốt điện cực có thể dùng được rất lâu).

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐO VÀ KHÔNG CHẾ NHIỆT ĐỘ HIỆN SỐ

Mã số: VN320/691

Mô tả quy trình CN/TB: - Tùy theo yêu cầu, thiết bị được thiết kế với 2 dải đo: + Từ -55°C đến +150°C (TC-150) + Từ -40°C đến +900°C (TC-900). - Độ phân giải $\pm 0,1^\circ\text{C}$. - Độ chính xác $\pm 1^\circ\text{C}$. - Có núm điều chỉnh nhiệt độ cần không chế. - Đạt tiêu chuẩn quốc tế. - Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm, 90: Đo lường

Ưu điểm của CN/TB: - Nhờ dùng linh kiện bán dẫn để khống chế nhiệt độ (thay vì dùng role như các máy khác) nên nhiệt độ khống chế có thể chính xác đến sai số thấp hơn $\pm 1^\circ\text{C}$. - Mạch điện tử đặc biệt (zero switching IC) chỉ cho ngắt điện khi điện thế gần về zero, không gây ô nhiễu điện, đáp ứng tiêu chuẩn chống nhiễu quốc tế.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: TC-150: 1,6 triệu, TC-900: 1,9 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 6 tháng.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐO, GHI NHIỆT ĐỘ 8 KÊNH KẾT NỐI MÁY TÍNH 8C-TMR-601

Mã số: VN3320/703

Mô tả quy trình CN/TB: *8 kênh đo có thang đo nhiệt độ từ -40 độ C đến 130 độ C. *Độ phân giải: 0,1 độ C. *Độ chính xác: 0,5 độ C. *Cảm biến nhiệt độ: loại bán dẫn. Dây đo 5m hay hơn tùy theo yêu cầu. *Đầu đo bằng inox, có thể nhúng hoàn toàn trong chất lỏng. *Điện nguồn 220V, 50Hz. *Kết nối máy tính qua cổng nối tiếp (cổng COM). *Độ phân giải của bộ biến đổi A/D: 12 bit. *Phần mềm đi kèm thiết bị: chọn kênh đo, chọn thời gian và nhịp ghi số liệu dễ dàng, hiển thị số đo nhiệt độ trên màn hình máy tính, vẽ đồ thị nhiệt độ của các kênh theo thời gian, lưu số liệu đo nhiệt độ vào tập tin *.txt có thể nhúng vào các phần mềm xử lý số liệu khác, in kết quả ghi nhiệt độ và các thông số ghi kèm theo.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 90: Đo lường, 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: -Hoạt động ổn định, độ tin cậy cao. -Đo và ghi nhiệt độ tại nhiều nơi cùng một lúc. -Có thể kéo dài dây đo hơn 50m. -Đầu đo có thể thiết kế tùy theo yêu cầu sử dụng. -Lưu hồ sơ số liệu đo nhiệt độ, in ấn kết quả thu ghi nhiệt độ dễ dàng. -Có thể hợp đồng với người sử dụng để thực hiện chế tạo các thiết bị kết nối với máy tính để đo và ghi các đại lượng vật lý chuyển đổi được thành các tín hiệu điện như: nhiệt độ ở những dải đo khác cao hơn, các loại cảm biến khác, độ ẩm, độ dẫn điện dung dịch, độ mặn, độ pH, cường độ từ trường, tốc độ gió...

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 8,9 triệu đồng gồm môđun I/O, 8 đầu đo và phần mềm (chưa tính 5% thuế VAT)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ MÁY VẮT BỘT GIẤY VÀ MÁY XỬ LÝ NHIỆT BỘT GIẤY TỪ OCC

Mã số: VN2955/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 500kg/h Nồng độ bột ra 30-40%, nhiệt độ 90-100 độ C, các chất nhựa gây kết dính giảm 45-50% Máy vát bột giấy và máy xử lý nhiệt bột giấy từ OCC là một hệ thống thiết bị đồng bộ với mục đích cơ bản là xử lý các chất nhựa có trong bột giấy tái sinh từ giấy loại OCC nhằm hạn chế đến mức tối thiểu các sự cố công nghệ xảy ra trong quá trình xeo, hạn chế các đốm nhựa và nâng cao chất lượng sản phẩm. Giấy loại OCC được đánh tơi trong máy nghiền thủy lực, sau đó rửa sơ bộ trong thiết bị rửa thông dụng hoặc trong bể rửa khuấy tán. Trước khi xử lý nhiệt bột giấy được cô đặc (vắt) đến nồng độ 30-40%. Tại nồng độ bột này được xử lý nhiệt trong thiết bị xử lý nhiệt trong điều kiện nhiệt độ từ 90-100 độ C. Sau giai đoạn xử lý nhiệt các tạp chất nhựa giảm đi đáng kể, tạo điều kiện để xeo giấy dễ dàng hơn, hạn chế các chất nhựa dính trên bề mặt lô lưới, lưới xeo, chần xeo, lô ép và đặc biệt là lô sấy, do đó giảm các đốm nhựa có trên bề mặt sản phẩm và chất lượng sản phẩm được nâng lên. Hệ thống này được sử dụng trên các dây chuyền công nghệ xử lý giấy loại OCC.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Hệ thống thiết bị nhỏ gọn, hoạt động đồng bộ, giảm được các thiết bị trung gian như bơm, bể chứa; Giá cả hợp lý, có thể chế tạo trong nước, có thể nhân lên để chế tạo loại có công suất lớn hơn, phụ tùng thay thế tự chế tạo.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 200 triệu cho cả 2 máy (không tính các thiết bị phụ trợ như băng chuyền, đường ống công nghệ); Phí đào tạo: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô

THIẾT BỊ ĐỐT RÁC Y TẾ VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI THẺ HỆ MỚI NHÃN HIỆU RET

Mã số: VN2921/438

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị gồm 2 phần chính: - Lò đốt hai cấp. - Hệ thống xử lý khí thải ba cấp. Công suất: 20-100 kg/h tương đương 200-1000 kg/ngày. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ; Là kết quả của việc sao chép mẫu các thiết bị của nước ngoài; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: Xử lý ô nhiễm triệt để, không gây ô nhiễm thứ cấp.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ thuộc vào công suất và địa điểm sử dụng.

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng bảo hành kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

THIẾT BỊ HÚT BỤI DI ĐỘNG (DUST COLLECTOR)

Mã số: VN29/279

Mô tả quy trình CN/TB: Bụi, dầu mầu, phế liệu gỗ, da, nhựa, kim loại... được hút qua quạt chuyên dụng gom tới các túi vải. Tại đây khí sạch thoát ra ngoài, bụi và các phế liệu bị giữ lại tại các túi dưới có thể tháo ra mang đi đổ.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 66: Công nghiệp rừng và chế biến gỗ, 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Tương tự của nước ngoài. Giá thành thấp hơn 20-40%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Loại 2M: 1.000.000 đồng; Loại 3m: 18.000.000 đồng; Loại 4m: 24.000.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành toàn bộ trên toàn quốc 12 tháng sau khi bàn giao thiết bị.

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú

THIẾT BỊ HỦY BƠM-KIM TIÊM CT-7-2567

Mã số: VN2921/554

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị hủy bơm-kim tiêm được kết cấu từ 2 phần-một bộ phận tạo ra dòng có công suất lớn tạo nhiệt độ cao trên 100oC để thiêu hủy kim tiêm trong giấy lát và một bộ phận cắt

đầu bơm tiêm để tránh sử dụng lại lần 2. Cơ cấu cắt là một cơ cấu trượt đỉnh lò xo và cần gạt vào một lưỡi dao hợp kim. Khi dao cắt trượt trên mặt máy phía trong qua lỗ cắt và chặt đứt đầu bơm nhựa 1 cách nhanh gọn, nhẹ nhàng. Toàn bộ phần phế thải (xi kim đầu bơm) được đưa xuống khay chứa chung trong hộp máy

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Hủy kim nhanh, an toàn và tiện lợi; Hủy bơm nhanh, nhẹ nhàng, có thể hủy hàng loạt trong thời gian ngắn cùng thao tác; Thiết bị gọn, nhẹ và cơ động

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

THIẾT BỊ LÀM BÁNH KEO

Mã số: VN2953/1

Mô tả quy trình CN/TB: 100 - 1.000 kg (có công suất lớn hơn nếu có yêu cầu); TCNN; Các loại bánh mì, bánh bông lan, bánh trung thu, bánh biscuit;

Quy trình công nghệ: TRỘN BỘT - ĐÁNH TRÚNG - CHIA BỘT - ĐỊNH HÌNH - NƯỚNG

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

THIẾT BỊ LÀM ĐẸP CƠ THỂ- GIẢM BÉO- GIẢM ĐAU- VẬT LÝ TRỊ LIỆU

Mã số: Vn331016/1

Mô tả quy trình CN/TB: 10 ca/ngày; TCNN;

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với điều kiện, khí hậu Việt Nam - Dễ dàng thay thế sửa chữa khi có hỏng hóc - Gọn nhẹ, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 1.500USD; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ LÀM SẠCH DÀM THÉP BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHUN BỊ

Mã số: VN2924 1/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 5343: Cán kim loại, 5347: Sản xuất ống

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành bằng 50% so với thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 85.000 USD/1TB

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

THIẾT BỊ LASER ĐỊNH HƯỚNG UMG 01-2004

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Tính năng kỹ thuật: Thiết bị Laser định hướng UMG 04-2000 là sản phẩm hợp tác nghiên cứu và chế tạo giữa công ty tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mô- Địa chất (CODECO) với Viện Vật lý điện tử: - Công suất nguồn phát laser: 3,5 mw - Khoảng cách định hướng cực đại: 300m - Kích thước vết laser tại 100 m: 15mm - Kích thước vết laser tại 300 m: 30mm - Khoảng cách vi chỉnh theo phương trục x,y: $\pm 10^\circ$ - Nguồn nuôi: pin sạc 2,4V Thiết bị laser định hướng dùng để dẫn hướng các mỏ than hầm lò và các công trình ngầm với khoảng cách định hướng 200m, 400m. Thiết bị sử dụng Laser bán dẫn với công suất lớn hơn hoặc bằng 10mW. Công suất ra của chùm tia laser sau khi qua hệ quang học điều khiển chùm tia lớn hơn hoặc bằng 5mW. Thiết bị đáp ứng các yêu cầu phòng chống cháy nổ, chống bụi, ẩm...

Lĩnh vực áp dụng: 3859: Kỹ thuật và công nghệ công tác thăm dò địa chất

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện thi công mỏ hầm lò và công trình ngầm Việt Nam; Giá thành rẻ hơn so với thiết bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Từ 11- 17,5 triệu đồng; Phí đào tạo: 20 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 30 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm công nghệ Laser và môi trường Mô- Địa chất

THIẾT BỊ LASER ĐỊNH HƯỚNG UMG 03-2004

Mã số: Vn295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Tính năng kỹ thuật: Thiết bị Laser định hướng UMG03- 2004 là sản phẩm hợp tác nghiên cứu: - Công suất nguồn phát laser: 7mw - Khoảng cách định hướng: 300m - Kích thước vết laser tại 100m: lớn hơn hoặc bằng 15mm - Kích thước vết laser tại 300m: lớn hơn hoặc bằng 35mm; **Sử dụng:** Mở hai vít cho pin vào hộp, xiết chặt hai vít lại, bật công tắc nguồn, thiết bị bắt đầu hoạt động; Vận triết áp sang phải để tăng độ ánh sáng, sang trái để độ sáng của chùm tia laser; Điều chỉnh hướng của chùm tia laser bằng các vít chỉnh: chỉnh cao thấp, chỉnh độ chéo góc, chỉnh trái, chỉnh phải; Chỉnh kích thước vết sáng bằng vật kính, khi đạt được vết sáng thích hợp vít chặt chốt hãm trên vật kính. **Bảo quản:** Khi không sử dụng phải tắt nguồn, đặt nắp che vật kính; không để nước rơi vào vật kính, chỉ lau nhẹ bụi bám trên kính bằng lụa mềm; nếu

không sử dụng trong một thời gian dài phải tháo pin ra khỏi hộp Thiết bị này dùng để dẫn hướng các mỏ than hầm lò và các công trình ngầm với khoảng cách định hướng 200m, 400m. Thiết bị sử dụng laser bán dẫn với công suất < 10mW. Công suất ra của chùm tia laser sau khi qua hệ thống quang học điều khiển chùm tia < 5mW. Thiết bị đáp ứng được các yêu cầu phòng chống cháy nổ, chống bụi, ẩm

Lĩnh vực áp dụng: 3859: Kỹ thuật và công nghệ công tác thăm dò địa chất

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn rất nhiều so với thiết bị ngoại nhập; Phù hợp với điều kiện thi công hầm lò và công trình ngầm của Việt Nam

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Từ 11- 17,5 triệu đồng; Phí đào tạo: 20 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 30 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm công nghệ Laser và môi trường Mô- Địa chất

THIẾT BỊ LASER ĐỊNH HƯỚNG UMG 04-2000

Mã số: VN295/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Tính năng kỹ thuật: Thiết bị Laser định hướng UMG 04-2000 là sản phẩm hợp tác nghiên cứu và chế tạo giữa công ty tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mô- Địa chất (CODECO) với Viện Vật lý điện tử: - Công suất nguồn phát laser: 3,5 mw - Khoảng cách định hướng cực đại: 500m - Kích thước vết laser tại 200 m: 25mm - Kích thước vết laser tại 500 m: 40mm - Khoảng cách vị chỉnh theo phương trục x,y: +9 độ - Nguồn nuôi: pin sạc 2,4V Thiết bị laser định hướng dùng để dẫn hướng các mỏ than hầm lò và các công trình ngầm với khoảng cách định hướng 200m, 400m. Thiết bị sử dụng Laser bán dẫn với công suất lớn hơn hoặc bằng 10mW. Công suất ra của chùm tia laser sau khi qua hệ quang học điều khiển chùm tia lớn hơn hoặc bằng 5mW. Thiết bị đáp ứng các yêu cầu phòng chống cháy nổ, chống bụi, ẩm...

Lĩnh vực áp dụng: 3859: Kỹ thuật và công nghệ công tác thăm dò địa chất, 3855: Địa chất mỏ than, đá chứa bi-tum và than bùn

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị phù hợp với điều kiện thi công mỏ hầm lò và công trình ngầm Việt Nam; Giá thành của thiết bị rẻ hơn so với thiết bị ngoại nhập; gọn nhẹ

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Từ 11 triệu đồng đến 17,5 triệu đồng; Phí đào tạo: 20 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 30 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm công nghệ Laser và môi trường Mô- Địa chất

THIẾT BỊ LASER RUBY CHUYÊN KHOA DA LIỄU, MODEL: 2000

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết bị điều trị laser ruby chuyên mạch Q được sử dụng chủ yếu để tẩy bỏ các vết xăm và các điểm sắc tố trên da, vết bớt da và nhiều thứ khác. Nó có đặc điểm thuận lợi là không để lại sẹo trên da sau điều trị; Phần kỹ thuật của máy được thiết kế theo lý thuyết hấp thụ bức xạ. Thiết bị phóng ra ánh sáng hồng ngoại có bước sóng dài có thể tác động tới tế bào nằm sâu hơn so với bước sóng ngắn, vì thế laser ruby có thể thâm nhập vào hạ bì và laser sung ngắn chỉ ảnh hưởng tới tế bào sắc tố chứ không ảnh hưởng tới tế bào xung quanh; Cơ chế hoạt động của tia laser

ruby có thể được giải thích như sau: giai đoạn tác động: laser ruby xung cực ngắn tác động đột biến lên tế bào sắc tố và phá huỷ chúng tức thời, giai đoạn hậu tác động: các mô, tế bào sắc tố còn lại sẽ dần dần bị các mô da hấp thụ sau một khoảng thời gian. Những tổ chức da trên mô lân cận không có sắc tố gần như còn tồn tại và có đôi chút ảnh hưởng bởi xung nhiệt thì mô da cũng sẽ phục hồi lại rất nhanh và ở trạng thái bình thường. Quá trình vận hành máy được kiểm soát bằng hệ thống vi xử lý, hệ thống tự động kiểm tra an toàn các bộ phận làm việc bảo đảm an toàn cho quá trình điều trị. Đặc biệt, thiết bị có hệ thống tia laser He-Ne dẫn đường để định vị chính xác vị trí cần phẫu thuật. Đặc điểm kỹ thuật: kiểu laser ruby; bước sóng: 694,3nm; công suất laser lớn nhất: 1.0J; Sự ổn định của laser: + 5%; Thời gian tồn tại xung laser: chế độ Q-switch < 60ns; thời gian ngừng xung: 1s; điều khiển màn hình hiển thị LCD đa chức năng điều khiển bằng vi xử lý; tia dẫn đường: laser He-Ne; Hệ truyền dẫn tia: cáp quang; cơ chế làm lạnh: tuần hoàn nước; điện áp nguồn: 220V/50-60Hz; Công suất tiêu thụ: 4KW; Kích thước: 60x70x110cm; trọng lượng: 200kg.

Lĩnh vực áp dụng: 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ LASER YAG NGOẠI KHOA, MODEL: YY 7501 YAG

Mã số: VN33101/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Máy laser phẫu thuật được thiết kế và sản xuất dựa trên kinh nghiệm 10 năm tích lũy được về lĩnh vực laser y tế và sự phát triển của ngành phẫu thuật lâm sàng bằng laser. Quá trình vận hành máy được kiểm soát bằng hệ thống vi xử lý, hệ thống tự động kiểm tra an toàn cho quá trình điều trị. Chúng được sử dụng rộng rãi để cắt mô, bóc bay túi trong lĩnh vực tai mũi họng, giải phẫu thần kinh, điều trị khối u,... Đặc biệt thiết bị có hệ thống tia laser He-Ne dẫn đường để định vị chính xác vị trí cần phẫu thuật. Đặc điểm kỹ thuật: kiểu laser: liên tục, Nd: YAG; bước sóng: 10,6m; công suất trên mô: 1-60W; Chế độ làm việc: CW, RP, Timer; điều khiển: màn hình hiển thị LCD đa chức năng điều khiển bằng vi xử lý; đầu nối cáp: SMA 905; tia đường dẫn: laser He-Ne; hệ truyền dẫn tia: cáp quang; cơ chế làm lạnh: tuần hoàn nước; môi trường làm việc: 25 độ C; điện áp nguồn: 220V/50-60 Hz; công suất tiêu thụ: 4kW; kích thước: 48x60x97cm; trọng lượng: 80kg

Lĩnh vực áp dụng: 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ LÊN MEN CHÈ ĐEN OTD LIÊN TỤC

Mã số: VN2953/770

Mô tả quy trình CN/TB: Có sơ đồ, ảnh, bảng ghi hình kèm theo. Công suất (tính theo ca): 4800 Kg nguyên liệu/ca

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước. Do đơn vị chế

tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6541: Công nghiệp lên men

Ưu điểm của CN/TB: Lên men liên tục chèn OTD khép kín, không sử dụng phòng lên men; Tiết kiệm điện, nước và nhân công. Chất lượng sản phẩm cao và ổn định

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 150 triệu đồng; Phí đào tạo: 15 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Chè, Tổng Công ty Chè Việt Nam

THIẾT BỊ LỌC BỤI KIỂU TÚI VẢI (FABRIC DUST COLLECTOR)

Mã số: VN29/271

Mô tả quy trình CN/TB: Bụi, đầu mẩu, phế liệu gỗ, da, nhựa, kim loại, đất... được hút qua quạt chuyên dụng (chịu bụi) gom tới các túi vải. Khí sạch thoát qua vải lọc, bụi và phế liệu gom tại các thùng chứa bụi. Công suất (tính theo ca): Tính theo lưu lượng hút từ 5.000 m³/h Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Tương tự của nước ngoài. Giá thành thấp hơn 20-40%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo lưu lượng hút: 5.000m³/h - 25.000.000 đồng tới 50.000 m³/h-225.000.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành toàn bộ trên toàn quốc 12 tháng sau khi bàn giao vào sử dụng.

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú

THIẾT BỊ LỌC BỤI KIỂU TÚI VẢI RUNG GIỮ BẰNG KHÍ NÉN (FABRIC PULSE-JET DUST COLLECTOR)

Mã số: VN29/275

Mô tả quy trình CN/TB: - Thu bụi - Lọc bằng vải - Hoàn nguyên vải - Hoàn toàn tự động. Công suất (tính theo ca): 650-55.000 m³/h. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6145: Công nghệ các chất hoá được, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Tương đương thiết bị ngoại nhập. Chế độ hậu mãi tốt hơn. Phù hợp điều kiện Việt nam

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành tổng thể 12 tháng.

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú

THIẾT BỊ LỌC SINH HỌC CAO TẢI ÁP DỤNG CHO CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẰNG PHƯƠNG PHÁP LỌC SINH HỌC - HÓA HỌC

Mã số: VN2924/136

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thiết bị gồm 5 phần: phần 1 - Bể tập trung nước thải đã tách loại

phần đa số bã rắn, phần 2 - Thiết bị lọc sinh học cao tải có bộ phận cung cấp khí nén, phần 3 - Bể aeroten sau lọc sinh học có bộ phận cung cấp khí nén và đường tuần hoàn nước thải về bể tập trung, phần 4 - Bộ phận xử lý hóa lý - tách bùn nổi, sử dụng chất keo tụ, chất trung hòa, chất trợ keo tụ và chất diệt trùng, phần 5 - Bộ phận chứa bùn của lọc sinh học và xử lý hóa lý. Hoạt động: Nước thải của cơ sở sản xuất được gom vào bể tập trung rồi qua hệ thống bơm qua thiết bị lọc sinh học cao tải, vật liệu lọc là hạt xốp polystyrol. Nước sau lọc qua bể aeroten trước khi vào thiết bị xử lý hóa lý. Không khí được máy thổi khí hoặc máy nén cấp vào đáy thiết bị lọc sinh học và bể aeroten thông qua bộ phận cung cấp không khí của thiết bị. Sau hệ thống thiết bị xử lý hóa lý, nước thải đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 5945-1995 về nước thải sẽ được thải ra ngoài. Cặn bùn của thiết bị lọc sinh học và thiết bị lắng được đưa về bể chứa bùn, tách nước. Thiết bị xử lý hóa lý bao gồm: 04 bể chuẩn bị hóa chất dung tích 30 lít, 01 bể tạo hỗn hợp dung tích 5-10 lít, 02 bể lắng đứng, các đường ống phụ trợ. Các hóa chất sử dụng bao gồm: sữa vôi, phèn nhôm, chất trợ lắng ACCOFLOC, ACCOFLOC, chất khử trùng sterilizer. Công suất tính theo ca: 8-10 mét khối Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác: + Tiêu tốn năng lượng: 600-1000 W/h + Chi phí tính cho xử lý 1 mét khối nước thải là 3500-4500 đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị (đề tài cấp sở); Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng chế tạo và lắp đặt, giá thành thiết bị không cao. Vận hành đơn giản, tiêu hao năng lượng thấp

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phụ thuộc vào công suất xử lý, chất lượng nước và hình thức ký kết hợp đồng; Giá máy móc thiết bị: Phụ thuộc vào công suất xử lý, chất lượng nước và hình thức ký kết hợp đồng; Phí đào tạo: Phụ thuộc vào công suất xử lý, chất lượng nước

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở lắp đặt

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

THIẾT BỊ LỌC VÔ TRÙNG KHÔNG KHÍ (A-8M)

Mã số: VN2923/550

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị làm việc theo nguyên lý hút không khí nhiễm khuẩn qua que lấy gió vào phin lọc sơ cấp (lọc bụi thô) được quạt ly tâm đẩy vào khoang tích tụ áp lực và được nén qua phin lọc vi trùng theo nguyên lý dòng song song vào khoang phân phối gió và vào miệng gom để cấp vào phòng mổ, phòng vi sinh, phân xưởng sản xuất được, thủy hải sản

Lĩnh vực áp dụng: 34: Sinh học, 65: Công nghiệp thực phẩm, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Thanh lọc một lượng lớn không khí vô khuẩn cấp cho các ngành sản xuất sạch; Độ ồn thấp, mỹ quan đẹp, giá thành hợp lý, chất lượng bảo đảm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25 triệu đồng + 5% VAT

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

THIẾT BỊ MÁY ĐIỀU TRỊ XUNG ĐIỆN NHIỀU CHỨC NĂNG

Mã số: VN3310/212

Mô tả quy trình CN/TB: Hướng dẫn sử dụng + ảnh Công suất: < 2W Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: ổn định, rất ít khi trục trặc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: DX-01A: 3.000.000,0đ; DX-01B: 3.500.000,0đ; GE01: 1.900.000,0đ; Phí đào tạo: miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Đơn vị chào bán: Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH - Viện Cơ học

THIẾT BỊ MÁY PHÁT OZONE CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG

Mã số: VN2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tùy thuộc theo yêu cầu của khách hàng; TCNN; Tùy thuộc theo yêu cầu của khách hàng; Đây là loại thiết bị dùng để phát khí ozone (O₃) để khử trùng và diệt khuẩn, ozone còn có khả năng khử dư lượng hoá chất trong hoa quả, rau tươi, trong nước nuôi trồng thủy sản... rất hiệu quả không làm mất đi tính chất nguyên thủy của sản phẩm. Máy phát ozone được ứng dụng trong các lĩnh vực như: môi trường, các dây chuyền sản xuất nước sạch, các dây chuyền nước rửa thủy sản...

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 69: Thủy sản, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông

THIẾT BỊ PHÁT OZON (O₃) THANH TRÙNG NƯỚC

Mã số: VN2924/545

Mô tả quy trình CN/TB: - Qua một điện trường cao thể thích hợp, oxy (O₂) trong không khí sẽ chuyển thành Ozone (O₃).

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt, 81: Các vấn đề chung và tổng hợp của KHKT và KH ứng dụng v.v

Ưu điểm của CN/TB: - Thay thế hoàn toàn Chlorine (Cl) trong khâu thanh trùng; - Không gây ô nhiễm môi trường (O₃ sẽ biến thành O₂ sau một thời gian ngắn).

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 50-90 triệu.

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ PHUN MƯA NHÂN TẠO

Mã số: VN2932/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước (dung dịch phân bón lá, thuốc trừ sâu, nước biển) được bơm qua ống dẫn nhựa PVC tới vòi phun lý tâm tạo thành hạt mưa có đường kính từ 0,2-1,0mm văng xa 3-12m. Hạt mưa được rải đều trên diện tích 30-500m². Thiết bị có bộ phận ngắt điện tự động khi các thông số như áp suất, nhiệt độ, độ ẩm, độ mặn của môi trường đạt yêu cầu thiết kế. Thiết bị chế tạo trong nước để sử dụng, dễ sửa chữa, thay thế. Giảm nhiệt độ mái tôn từ 35oC xuống dưới 30oC, tăng tốc độ bay hơi.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Hạt mưa văng xa và rải đều trên diện tích được tưới. Thiết bị sản xuất trong nước, giá thành hạ chỉ bằng 20-50% giá nhập ngoại. Thiết bị làm bằng nhựa PVC dễ gia công, chịu được nước mặn, hoá chất.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp; Patent

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Doanh nghiệp tư nhân khoa học và công nghệ Hải Phòng

THIẾT BỊ RANG - LÀM NGUỘI CÀ PHÊ NHÂN (COFFEE ROASTED MACHINE)

Mã số: VN2953/327

Mô tả quy trình CN/TB: Trước khi chế biến thành cà phê hòa tan hoặc cà phê bột, cà phê nhân cần phải được rang chín và làm nguội với chất lượng chín đều, sạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường. Thiết bị rang theo mẻ, mỗi mẻ 10-25 phút, nhiên liệu đốt là gas hoặc dầu DO; Công suất (tính theo ca): 500 kg/ca; 1000 kg/ca; 1280 kg/ca, 1600 kg/ca; Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài; Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Năng lượng tiêu hao: 200 đồng/kg thành phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của Dự án cấp Nhà nước; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương; giá thành hạ (1/10 giá thành nhập từ USA, Germany)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Patent

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Từ 80.000.000 - 200.000.000đ (tùy công suất)

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ SẤY BỨC XẠ HỒNG NGOẠI

Mã số: VN295315/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: 10- 100 Kg/mẻ Thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực sấy, chế biến nông sản thực phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành của thiết bị rẻ hơn nhiều so với thiết bị nhập ngoại

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Triển khai công nghệ- Viện Ứng dụng công nghệ- Bộ Khoa học và Công nghệ

THIẾT BỊ SẤY HẠT NÔNG SẢN

Mã số: VN2953/197

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị sấy hạt nông sản: Theo nguyên lý sấy tĩnh vi ngang hoặc sấy tháp đứng có đảo tuần hoàn ở ngoài. Tác nhân sấy được nhận nhiệt từ lò đốt than đá, được quạt ly tâm hút và đẩy vào bin sấy hoặc tháp sấy. Trong hệ thống có đồng hồ đo nhiệt độ hoặc tự điều khiển nhiệt độ tác nhân sấy, nên chế độ sấy được đảm bảo đúng yêu cầu công nghệ. Công suất (tính theo ca): 500-10.000 kg/mẻ. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Chi phí sấy hạt thương phẩm như thóc ngô 40-50 đ/kg

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: - Vận hành đơn giản. - Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thấp. - Phạm vi áp dụng rộng rãi (đa dạng hoá sản phẩm). - Vốn đầu tư thấp.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 6-60 triệu đồng; Phí đào tạo: 0,5-2 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 1-2 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng tại cơ sở trang bị

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ SẤY PHUN

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị dùng để sấy các dung dịch thành bột như sữa, trứng, táo... Công suất: Theo yêu cầu Thông số kỹ thuật khác: - Vật liệu buồng làm việc: Inox SUS 304 - Bảo ôn: Bông gốm dày 30 mm - Điện lắp đặt: 380V- 3 pha- 50 Hz - Nhiên liệu đốt: gas LPG hoặc điện trở - Điều khiển: Không chế nhiệt độ: tự động 30-300 độ C Bảo vệ chống quá nhiệt Nguyên lý làm việc: Sấy phun là quá trình sấy được thực hiện bằng cách phun vật liệu (chất lỏng) thành các hạt nhỏ li ti nhờ cơ cấu đặc biệt của vòi phun được đặt trên đỉnh tháp. Tác nhân sấy (không khí nóng) nhờ quạt hút qua caloriphe để nâng lên nhiệt độ sấy cần thiết. Chùm tia phun được tác nhân nóng phân tán đều khắp thể tích tháp, chuyển động xuống đáy tháp cùng với vật liệu và sấy khô vật liệu. Sản phẩm khô được thu ở đáy xilicon, còn không khí ẩm nhờ quạt thổi ra ngoài.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Bề mặt tiếp xúc giữa vật liệu và tác nhân sấy lớn nên thời gian sấy ngắn, cường độ sấy cao.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 60 triệu VNĐ (Năng suất bốc ẩm 5-10 kg ẩm/giờ)

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

THIẾT BỊ SẤY VẢI THIỀU

Mã số: VN2953/183

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị sấy vải thiều hoạt động theo nguyên lý sấy vi ngang, đối lưu cưỡng bức, chủ động điều khiển được nhiệt độ sấy theo yêu cầu công nghệ này, do đó sản phẩm sấy có chất lượng cao, giảm độc hại và cường độ lao động cho người vận hành. Nguồn nhiệt: than đá. Động lực: động cơ điện 3 pha. Công suất (tính theo ca): từ 1-10 tấn quả tươi/mẻ. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Sản phẩm có màu sắc đẹp, chất lượng đồng đều, không bị ám khói than.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ thao tác vận hành. - Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thấp. - Vốn đầu tư thấp. - Đa dạng về nguyên liệu sấy.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10-60 triệu đồng; Phí đào tạo: 1-2 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 1-2 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng tại cơ sở

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ TENS TRỊ LIỆU, MODEL: TENS 2000- 2MTC

Mã số: VN331016/1

Mô tả quy trình CN/TB: 20 ca/ngày; TCNN; Kênh ra 4 kênh điều chỉnh độc lập

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu VN - Dễ dàng thay thế, sửa chữa khi hỏng hóc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: 1.500USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM LÊN MEN CỒN

Mã số: VN2924/135

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thiết bị dùng để thực hành cho sinh viên ngành công nghệ hóa học, công nghệ thực phẩm, công nghệ môi trường. Sinh viên được làm quen với thiết bị lên men cồn, thiết bị có trang bị hệ thống đo lường và kiểm soát quá trình lên men. Thể tích làm việc của thiết bị: 5 lít. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác: Tương đương của nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học., 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: So với các thiết bị cùng nhập của nước ngoài (Anh, Đức, Italia), thiết bị có giá rẻ hơn 50%. Vật liệu chế tạo đa số bằng vật liệu chịu ăn mòn, làm việc ổn định. Về lắp đặt, bảo trì tốt hơn do chủ động hoàn toàn về công nghệ và thiết bị. Thiết bị vận hành phù hợp với điều kiện phòng thí nghiệm vi sinh.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 85 triệu VND; Phí đào tạo: 05 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng tại cơ sở sử dụng thiết bị. Hình thức bảo hành: Bảo hành có bồi thường.
Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHỆ HOÁ HỌC

Mã số: VN332/1

Mô tả quy trình CN/TB: Các thiết bị áp dụng cho tất cả các Trường Đại học, Cao đẳng, Trường học chuyên nghiệp và Trường Dạy nghề. - Thiết bị thí nghiệm sấy đối lưu: Khảo sát quá trình sấy đối lưu bằng không khí nóng - Thiết bị thí nghiệm tháp chưng cất: Khảo sát quá trình chưng cất bằng tháp mâm chóp - Thiết bị thí nghiệm nhiệt động lực học: Khảo sát quá trình nhiệt động lực học - Thiết bị truyền nhiệt lỏng ống: Khảo sát quá trình truyền nhiệt của dòng lưu chất.

Bài thí nghiệm	Nội dung
Bơm ly tâm	Khảo sát đặc tuyến công suất, lưu lượng theo trở lực và vận tốc.
Khuấy chất lỏng	Khảo sát đặc tuyến công suất theo độ nhớt và vận tốc quay của cánh khuấy.
Mạch lưu chất	Khảo sát tính chất lưu biến của lưu chất newton và lưu chất phi newton bằng phương pháp đo lưu lượng chảy của chất lỏng qua các ống có đường kính, chiều dài khác nhau.
Thời gian lưu	Khảo sát sự phân bố thời gian lưu qua hệ thống nhiều bình khuấy trộn mắc nối tiếp và xác định hàm phân bố thời gian lưu thực với phổ thời gian lưu lý thuyết.
Cột chêm	Khảo sát đặc tính động lực học lưu chất và khả năng hoạt động của cột chêm. Xây dựng giản đồ giới hạn khả năng hoạt động của cột (giản đồ ngập lụt và gia trọng).
Đối lưu nhiệt	Khảo sát thực nghiệm hệ số cấp nhiệt cho dòng lưu chất không có biến đổi pha và lưu chất có biến đổi pha với chế độ chảy màng trong hai trường hợp: đối lưu nhiệt tự nhiên và đối lưu nhiệt cưỡng bức.
Nhiệt động lực học	Khảo sát trạng thái của không khí tại các vị trí khác nhau. Tính toán cân bằng nhiệt của ống khí động, xác định năng suất lạnh của dàn lạnh và phụ tải nhiệt của thiết bị sấy.
Máy sấy tầng sôi	Khảo sát thời gian sấy theo vận tốc, nhiệt độ của tác nhân sấy.

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập, 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Bơm ly tâm: 25.000.000đ; Khuấy chất lỏng: 25.000.000đ; Mạch lưu chất: 25.000.000đ; Thời gian lưu: 25.000.000đ; Cột chêm: 25.000.000đ; Đối lưu nhiệt: 35.000.000đ; Nhiệt động lực học: 35.000.000đ; Máy sấy tầng sôi: 30.000.000đ

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng
Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ NGÀNH MÔI TRƯỜNG

Mã số: VN332/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các thiết bị áp dụng cho tất cả các Trường Đại học, Trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Trường dạy nghề - Thiết bị thí nghiệm lắng trọng lực: Dùng trong khảo sát quá trình xử lý nước bằng phương pháp lắng - Thiết bị thí nghiệm lọc tiếp xúc: Dùng trong khảo sát quá trình xử lý nước bằng phương pháp oxy hoá và lọc tiếp xúc. - Thiết bị thí nghiệm trao đổi ion: Khảo sát khả năng sử dụng nhựa trao đổi cation và anion để xử lý nước cấp.

Bài thí nghiệm	Nội dung
<i>Xử lý nước ngầm bị nhiễm phen sắt</i>	Oxy hóa bằng oxy của không khí ở chế độ tự do hoặc cưỡng bức, sử dụng hóa chất như NaOH, soda, nước vôi để xử lý nước bị nhiễm phen sắt.
<i>Trao đổi ion</i>	Sử dụng nhựa trao đổi cation và anion để xử lý nước cấp.
<i>Lọc phân tử</i>	Dùng màng lọc (RO hay nano) để xử lý nước thải.
<i>Lắng trọng lực</i>	Tách các chất lơ lửng trong nước thải bằng trọng lực.
<i>Hấp phụ</i>	Dùng chất hấp phụ để tách các thành phần ô nhiễm ra khỏi nước thải.
<i>Lên men hiếu khí bám dính</i>	Sử dụng vi sinh dính bám hiếu khí nhằm làm giảm lượng COD và BOD trong nước thải đạt tới tiêu chuẩn thải ra môi trường.
<i>Lên men hiếu khí lơ lửng</i>	Sử dụng bùn hoạt tính hiếu khí nhằm làm giảm lượng COD và BOD trong nước thải đạt tới tiêu chuẩn thải ra môi trường.
<i>Lên men kỵ khí lơ lửng</i>	Sử dụng bùn hoạt tính kỵ khí nhằm làm giảm sơ bộ lượng COD và BOD trong nước thải trước khi đưa đi xử lý tiếp.
<i>Lắng đông tụ</i>	Dùng chất trợ lắng – đông tụ các chất lơ lửng trong nước cấp hoặc nước thải để dễ dàng lắng và tách các thành phần này ra khỏi nước thải.
<i>Điện phân</i>	Tách chất rắn lơ lửng và hòa tan, chuyển hóa chất khó phân hủy bởi vi sinh bằng dòng điện I chiều và điện cực hòa tan

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học. , 8715: Ô nhiễm môi trường.
 Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Xử lý nước ngầm bị nhiễm phen sắt: 35.000.000đ; Trao đổi ion: 30.000.000đ; lọc phân tử: 50.000.000đ; lắng trọng lực: 20.000.000đ; Hấp thụ: 30.000.000đ; Lên men hiếu khí bám dính: 30.000.000đ; Lên men hiếu khí lơ lửng: 30.000.000đ; Lên

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

THIẾT BỊ TRÁNG HẤP BÁNH PHỞ, BÁNH TRÁNG, BÁNH ĐA CỎ VÙNG, BÁNH MƯỚT

Mã số: VN2953/326

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất (tính theo ca): 100 kg gạo/giờ; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Có thể sản xuất bánh tráng, có độ mỏng tương đương tráng thủ công, năng suất và chất lượng cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Patent; Năm: 2002

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 60.000.000 - 80.000.000đ (tùy nhiên liệu đốt)

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ KHỬ TRÙNG SỮA, NƯỚC TRÁI CÂY, RƯỢU, BIA, NƯỚC GIẢI KHÁT, NƯỚC HÂM XƯƠNG, THỊT, CÁ... VỎ CHAI BẰNG NHIỆT (KHÔNG SỬ DỤNG HOÁ CHẤT, KHÔNG DÙNG NỒI HƠI CÓ ÁP LỰC)

Mã số: 332/1005

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Sản phẩm (lòng hoặc sệt) - nấu sôi - vỏ chai - đóng nắp - khử trùng - làm nguội - tồn kho - xuất kho. Sau khi khử trùng, sản phẩm bảo quản được 90 ngày ở nhiệt độ thường mà không bị hư hỏng. Năng suất: tùy theo quy mô của nhà đầu tư. Các chỉ tiêu chất lượng đạt được: tiêu diệt 100% vi trùng, nấm gây hại. Chi phí nhiên liệu: từ 10-20đ/sản phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6543 Công nghiệp bia, 6545: Công nghiệp rượu, 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Giảm được chi phí thiết bị từ 8-10 lần, rất đơn giản trong quá trình sản xuất, có thể áp dụng cho mọi gia đình, cơ sở sản xuất, công ty vừa và nhỏ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 13-15 triệu; Giá máy móc thiết bị: 3-110 triệu (tùy theo quy mô); Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: 2 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí; Chi phí khác: Tư vấn mua sắm và đầu tư miễn phí (nếu khách hàng không mua của công ty)

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ SẤY GỖ XE ĐỂ SẢN XUẤT ĐỒ MỘC VÀ ĐỒ MỘC XUẤT KHẨU

Mã số: VN29214/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; **Đặc tính kỹ thuật:** (Lò sấy dùng hơi đốt) - Khối lượng gỗ xẻ sấy 1 mẻ: 4- 18 mét khối - Kích thước phía trong lò: 4x6x3,4m - Phương pháp

cung nhiệt: Không khí nóng chạy trong ống ruột gà, tạo quạt gió xoáy đẩy qua chuồng gỗ - Nhiên liệu đốt Than tổ ong hoặc củi - Phương pháp vận chuyển gỗ vào, ra: Xe goòng - Thời gian sấy 1 mẻ gỗ: 720168 giờ (Tùy theo loại gỗ và bề dày tấm ván đưa vào sấy) Nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của lò sấy: Cấu tạo của lò sấy gồm 3 bộ phận chính: - Buồng xếp gỗ xây bằng gạch rỗng có trát kín trong ngoài như nhà ở cấp 4 mái bằng bê tông cốt thép. Cửa ra vào bằng tôn 2 lớp có cách nhiệt bằng bông thủy tinh - Lò đốt cấp nhiệt: xây áp phía sau buồng xếp gỗ có cấu tạo đặc biệt để có thể đốt bằng các loại nhiên liệu khác nhau như: than tổ ong, củi vụn, mùn cưa,.. Thiết bị sấy: bao gồm hệ thống quạt hút hơi nóng và quạt tạo gió xoáy trong lò, bảng điều khiển điện cùng hệ thống ống dẫn khí nóng hình xoắn một ga bằng tôn, nhiệt kế và ẩm kế để theo dõi nhiệt độ và độ ẩm trong quá trình sấy gỗ

Lĩnh vực áp dụng: 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn rất nhiều so với thiết bị ngoại nhập; Vốn đầu tư ít, thu hồi vốn nhanh

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị (sấy thử 2 lần)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

(Tổ) Đơn

THIẾT BỊ XỬ LÝ HƠI ĐỘC TỔ HÓA CHẤT TRONG CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN2923/559

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị được sử dụng trong các cơ sở sản xuất, các phòng thí nghiệm có sản phẩm hoặc hóa chất độc hại ở nồng độ cao nhằm bảo vệ công nhân, kỹ thuật viên và môi trường làm việc khỏi bị ô nhiễm. Kết cấu và quy trình xử lý của thiết bị tùy thuộc vào hơi hóa chất độc hại cần xử lý vô cơ hay hữu cơ. TB/CN đạt tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài và quốc tế

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Xử lý triệt để, đảm bảo an toàn cho người lao động, chống ô nhiễm môi trường; Giá thành rẻ hơn nhiều lần so với sản phẩm nhập ngoại

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

THIẾT BỊ XỬ LÝ MÙI, BỤI, ĐỘC TỔ HÓA CHẤT DƯỚI DẠNG CÁNH TAY DI ĐỘNG

Mã số: VN2923/558

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị gồm có một miệng hút bằng thủy tinh hữu cơ và ống hút có dạng như một cánh có khớp nối động có thể xoay trở nhẹ nhàng. Cánh tay di động sử dụng để hút mùi, bụi, độc tố hóa chất tại các khu vực cục bộ trong các phân xưởng sản xuất, phòng thí nghiệm với mục đích đảm bảo an toàn cho người lao động và thải ra môi trường bên ngoài sau khi đã được đưa qua hệ xử lý cục bộ hoặc trung tâm nhằm tránh gây ô nhiễm môi trường. TB/CN đạt tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài và quốc tế

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Đảm bảo an toàn cho người lao động, chống ô nhiễm môi trường; Trong nước chưa có sản phẩm nào tương tự; Giá thành rẻ hơn nhiều lần so với sản phẩm nhập ngoại

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

THIẾT BỊ Y HỌC LASER CO2 12W PHẪU THUẬT SIÊU SÙNG MODEL: KC01-06/2MTC SUPER

Mã số: VN33101/I

Mô tả quy trình CN/TB: 30 ca/ngày; TCNN; Là sản phẩm của đề tài khoa học cấp NN của Trung tâm CN laser.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu Việt Nam; - Dễ dàng thay thế sửa chữa khi có hỏng hóc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 1.500USD; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ Y HỌC LASER DIODE CHÂM CỨU MODEL: LA- 2MTC

Mã số: VN331016/I

Mô tả quy trình CN/TB: 10 ca/ngày; TCNN;

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu Việt Nam; - Dễ dàng thay thế, sửa chữa khi có hỏng hóc; - Gọn nhẹ, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 300USD; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT BỊ Y HỌC LASER HE- NE TRỊ LIỆU NỘI MẠCH 15M W

Mã số: VN331016/I

Mô tả quy trình CN/TB: 40 ca/ngày; TCNN; Là sản phẩm của đề tài khoa học cấp NN của Trung tâm Công nghệ Laser

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với thời tiết và khí hậu Việt Nam; - Dễ dàng thay thế, sửa chữa khi có hỏng hóc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 1.500USD; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận; Chi phí khác: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm tại nơi chuyển giao. Không mất kinh phí trong trường hợp máy tự hỏng hóc, còn các vấn đề khác nhà sản xuất chỉ tính phí nguyên vật liệu, đi lại, ăn ở; không tính công kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý độc quyền; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ

THIẾT KẾ CHẾ TẠO CÁC THIẾT BỊ CHO NGÀNH GIẤY

Mã số: VN2955/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN;

Máy cắt mảnh, máy rửa bột lưới đôi, máy rửa ép vát, máy xử lý nhiệt hòm hộp cũ, máy xeo lưới tròn công suất < 5.000tấn/năm... Máy cắt mảnh công suất: 5-50tấn/h. Máy rửa bột lưới đôi công suất: 15-40tấn/ngày

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Giá đầu tư thiết bị chỉ bằng 60% so với thiết bị nước ngoài với cùng tính năng kỹ thuật; Dễ dàng chuyển giao công nghệ

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp; Năm: 2003

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành cho tới khi dây chuyền và thiết bị hoạt động ổn định, đủ số lượng sản phẩm đạt chất lượng đúng theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô

THIẾT KẾ CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT VÀ CHUYỂN GIAO HỆ THỐNG THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT PHÂN VI SINH

Mã số: VN2932/218

Mô tả quy trình CN/TB: Các chất phế thải như bã bùn, giá thể làm nấm, đất bùn vv... Sau khi được ủ lên men chuyển hoá thành mùn hữu cơ được trộn thêm phụ gia lên men và tỉ lệ nhất định lượng đạm, lân, kali để sản xuất thành phân hữu cơ vi sinh bón cho đồng ruộng, tăng năng suất cây trồng, tăng độ mùn cho đất. Công suất (tính theo ca): 50-60 tấn/ca. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Do đơn vị nghiên

cứu chế tạo.

Lĩnh vực áp dụng: 6833: Nông hoá học, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết bị đơn giản, giá thành thấp, chế tạo hoàn toàn trong nước, phù hợp với các dạng và qui mô sản xuất

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm.

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 120 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 500 triệu đồng; Phí đào tạo: 30 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành thiết bị máy móc thời gian là 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THÙNG SẤY ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: ½ HP, 9 kW; Kích thước: 2.550 x 1.150 x 600 (mm); Trọng lượng: 150 Kg; Sử dụng 1 quạt đôi lưu ½ HP để thổi khí nóng; Nhiệt sấy bằng điện trở công suất là 9 kW; Cách nhiệt bằng bông thủy tinh; Nhiệt độ đạt tối đa là 80°C

Hiệu suất nhiệt đạt 80%; Công dụng: lắp trên các băng tải chuyên lắp ráp, gò ép; Các linh kiện của Nhật. Mô tơ của Đài Loan, Nhật; Năng suất: dùng trong chuyên 2.000 đôi/8 giờ cần 1 máy; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tấn Hiệp Lực

TỔ HỢP KHOAN, HÀN, CẮT ĐIỀU KHIỂN CNC

Mã số: VN294/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành chỉ bằng 50% so với thiết bị ngoại nhập; Dịch vụ bảo hành, sửa chữa sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 120.000 USD/1TB

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 1 năm; bảo trì lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

TỔ HỢP NGHIÊN TRỘN THỰC PHẨM CHO CHĂN NUÔI NĂNG SUẤT 0,5- 2 TẤN/GIỜ

Mã số: VN295313/1

Mô tả quy trình CN/TB: 0,5- 2 tấn/giờ; TCVN; Dùng cho các hộ gia đình và trang trại chăn nuôi gia

súc, gia cầm sản xuất thức ăn chăn nuôi dạng bột, quy mô nhỏ, đơn giản. Tính năng kỹ thuật: năng suất: 0,5- 2 tấn/giờ; Công suất lắp đặt: 15- 40 Kw (bao gồm: máy nghiền, máy trộn đung, vít tải nếu cần); Diện tích nhà xưởng: 10- 30 mét vuông; Công nhân vận hành: 3- 5 người/ca

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng trong vận hành lắp đặt; Giá thành rẻ hơn rất nhiều so với thiết bị ngoại nhập trong khi chất lượng tương đương

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành theo yêu cầu của khách hàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

TRẠM BƠM NỒI CÔNG SUẤT < 75 KW

Mã số: VN2912/1

Mô tả quy trình CN/TB: Trạm bơm nổi công suất <75 Kw là trạm bơm được lắp với các bơm ly tâm trên các phao nổi nhằm khắc phục nhược điểm của địa hình tưới tiêu ở miền núi, các triền sông bị bồi lắng... và nâng cao hiệu suất làm việc của máy bơm. Các trạm bơm nổi được sử dụng chủ yếu cho tưới tiêu ở vùng đồi núi và các triền sông bị bồi lắng. Công suất: 500- 1000 mét khối/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN 33- 75 Kw, cột nước 16- 40m Trạm bơm được sử dụng tưới tiêu nông nghiệp cho các trạm bơm đầu mối ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền núi

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6835: Ngành trồng trọt, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp, 7085: Cơ giới hoá và tự động hoá trong ngành thủy lợi, 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong tưới tiêu nội đồng; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá thành ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 85.000.000-130.000.000 VNĐ/1 tổ máy; Phí đào tạo: 20.000.000 VNĐ cho một khoá

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian cung cấp máy: 1,5 tháng sau khi ký hợp đồng; Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG NĂNG SUẤT 104- 120 TẤN/GIỜ

Mã số: Vn292/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Điều khiển, định lượng: tự động Nấu nhựa đường gián tiếp; **Đặc tính kỹ thuật chủ yếu:** - Phễu cấp liệu nguội: 4 phễu x 6 mét khối - Băng tải B600 dài 14 m: 120 t/h - Tang sấy độ ẩm 4%: 120 t/h - Đầu đốt tang sấy T80: 700kg/h - Xilô lắng bụi: 2360 x 6500mm - Quạt hút bụi: 600 mét khối/ph - Băng gầu nguội, nóng: 120 t/h - Phễu vận vật liệu nóng 4 ngăn: 9 mét khối - Sàng rung 4 tầng nằm ngang cho ra 4 loại vật liệu: 120 t/h - Phễu cân phụ gia: 200kg - Thùng cân tổng vật liệu cát đá: 1850kg - Thùng cân nhựa nóng: 200kg - Băng gầu phụ gia: 20 t/h - Vít tải phụ gia: 25 t/h - Thùng chứa phụ gia trên tháp: 0,5 mét khối - Bơm nhựa thô: 300 l/ph - Bơm phun nhựa: 500 l/ph - Đầu đốt nấu dầu môi chất: 30-90 kg/h - Thùng nấu dầu môi chất

công suất: 600.000- 900.000 Kcal - **Thùng trộn máy trộn 2 trục:** 1500kg/m³ - **máy nén khí:** 1000l/ph - **Nhiệt độ sấy cốt liệu:** 180- 220 độ C - **Nhiệt độ nhựa đường:** 160- 170 độ C - **Chịu gió bão:** 40 kg/mét vuông

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động; thiết bị dễ dàng tháo lắp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu- Thực nghiệm máy xây dựng- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội

TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG NĂNG SUẤT 80 TẤN/GIỜ

Mã số: VN292/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Kiểu trộn: cưỡng bức, chu kỳ Điều khiển, định lượng: tự động Nấu nhựa đường gián tiếp **Đặc tính kỹ thuật chủ yếu:** - **Phễu cấp vật liệu nguội:** 4 phễu x 5 mét khối - **Băng tải B600,** dài 12,5m: 90 T/h - **Tang sấy:** 1700 x 7000mm, 90T/h - **Đầu đốt tang sấy:** 545 kg/h - **Xilô lắng bụi:** 2250 x 6500mm - **Quạt hút bụi:** 560 mét khối/phút, 300mm - **Băng gầu nguội, băng gầu nóng:** 90 T/h - **Phễu vật liệu nóng:** 7 mét khối - **Sàng rung:** 90 tấn/h - **Phễu cân phụ gia:** 200 KG - **Thùng cân tổng vật liệu cát đá:** 1050kg - **Thùng cân nhựa nóng:** 200 Kg - **Băng gầu phụ gia:** 16 T/h - **Thùng chứa phụ gia lên tháp:** 0,5 mét khối - **Bơm nhựa thô:** 300 l/phút - **Bơm nhựa tinh:** 400l/ phút - **Bơm phun nhựa:** 500l/phút - **Thùng nấu dầu môi chất:** 1500l - **Đầu đốt nấu dầu môi chất P50:** 50Kg/l - **Máy nén khí:** 1000l/ph - **Kích thước bao:** 36 x 32 x 19 - **Trọng lượng khô:** 90 tấn - **Nhiệt độ sấy cốt liệu:** 180- 220 độ C - **Tiêu hao nhiên liệu:** 6-8Kg/tấn SP - **Chịu gió bão:** 40Kg/mét khối

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Có thể cơ động, tháo lắp dễ dàng nhanh chóng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu- Thực nghiệm máy xây dựng- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội

TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA NÓNG TCB- 600CK

Mã số: VN29542/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 30- 40Tấn/h (ở độ ẩm vật liệu 3%-5%) **Nhiệt độ sản phẩm (theo tiêu chuẩn) thảm nóng** 140- 160 **Thành phần cốt liệu theo mắt sàng:** - **Cát + đá mịn:** 0- 4,75mm - **Đá nhỏ:** 4,75- 12,5mm - **Đá vừa:** 12,5- 19mm - **Đá to:** 19- 25,4mm - **Phụ gia không qua mắt sàng:** bột - **Nhiệt độ sấy cốt liệu:** 3 cái - **Dung tích chứa mỗi phễu:** 3 mét khối - **Băng tải cao su:** 45 tấn/h - **Băng gầu nguội:** 45 tấn/h - **Băng gầu phụ gia:** 7 tấn/h - **Tang sấy** 15KW: 45 tấn/h - **Tiêu hao nhiên liệu sấy cốt liệu (dầu FO) cho một tấn sản phẩm (tùy theo độ ẩm):** 6-8kg/T - **Quạt hút bụi** 30KW: 18.000 mét khối/h - **Thiết bị nấu nhựa đường: thiết bị nấu dầu truyền nhiệt:** 350.000 Kcal, **thùng nấu nhựa đường thô, tinh kết hợp:** 15 mét khối - **Tiêu hao nhiên liệu nấu nhựa**

cho một tấn nhựa đường từ nhiệt độ môi trường đến nhiệt độ làm việc 160- 170 độ C: 9-14 Kg/T - Sàng cốt liệu: 40 T/h - Thùng trộn cưỡng bức từng mẻ: 600 Kg/mẻ - Điều khiển trang bị đồng thời 3 chế độ; tự động, bán tự động và nhấn nút tay - Cân đo định lượng: điện tử tự động, hiện số, đầu đo của nước ngoài độ chính xác (sai số): 1% - Nguồn điện cung cấp cho mạng trạm: 220/380V - Tổng công suất điện cho các động cơ: 130KW - Kích thước bao: 20 x 16 x 15,5m - Trạm chế tạo thành từng khối, tháo lắp nhanh, vận chuyển thuận tiện dễ dàng trạm có bộ thép đặt trực tiếp trên nền đất gia cố: 1,5kg/cm³ - Chịu được gió bão với áp lực: 60kg/mét khối - Tổng trọng lượng khô: 56 tấn

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu- Thực nghiệm máy xây dựng- Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội

TRUNG TÂM GIA CÔNG CẦU KHÔNG GIAN NGANG CNC

Mã số: VN294012/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN, TCVN Trung tâm GC ngang CNC (gia công cầu không gian) thông số kỹ thuật: - Kích thước bàn: 500 x 500mm - Hành trình X,Y,Z: 620 x 500 x 350mm - Động cơ X,Y,Z: DC Servo - Độ chính xác định vị: 0,005/300mm - Tốc độ chạy nhanh: 5000mm/phút - Tốc độ chạy cắt gọt: 1-3000mm/phút - Lỗ côn trục chính: BT40 - Đường kính trục chính: 65mm - Công suất trục chính: 3,7kW - Tốc độ trục chính: 20-2000 vòng/phút - Tàia trọng: 500kg - Kích thước máy: 3810 x 2555 x 2141mm - Khối lượng máy: 4000kg - BỘ điều khiển: TNC 310

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 59: Ngành chế tạo khí cụ, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn nhiều so với thiết bị nhập ngoại; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng sau bán hàng nhanh chóng thuận tiện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

TỦ ÁP TRỨNG GIA CẦM THỦ CÔNG CẢI TIẾN (NĐT5000-800) VÀ PHƯƠNG PHÁP ÁP TRỨNG GIA CẦM ĐA KỲ - ĐA GIỐNG

Mã số: VN2923/762

Mô tả quy trình CN/TB: 1.Cấu tạo của tủ áp nở *Công suất của tủ áp nở: Đối với công suất cầu tù áp từ 2000-5000 quả, tủ nở 500-800 quả. Nhưng công suất của tủ áp 5000 quả, tủ nở 800 quả là phù hợp nhất để đáp ứng cho tổng đàn gia cầm sinh sản các loại từ 300-350 con mái sinh sản và cũng phù hợp với các thông số kỹ thuật để tủ hoạt động đạt kết quả cao và loại tủ áp nở này có tên NĐT5000-800. Tủ được thiết kế khi có điện thì sử dụng điện để áp nở còn khi không có điện thì sử dụng bếp than bếp dầu để áp nở. Tủ được cấu tạo một bên là áp và một bên là nở ngăn bởi một vách ngăn giữa. 4 mặt xung quanh của tủ và mặt trên của tủ được làm bằng khung gỗ, mặt trong và mặt ngoài của

thành thủ làm bằng cốt ép hoặc gỗ dán hoặc tôn, giữa 2 lớp và lớp cách nhiệt bằng xốp hoặc trấu. Bề dày của thành từ 3-5cm, phía sau phía dưới từ có các lỗ hút và mặt trên có cửa thoát. Phần đáy của tủ áp là một kết đọng nước cấu tạo bằng tôn mục đích khi không có điện thì sử dụng bếp để đốt kết nước cung cấp nhiệt cho tủ áp. Phần đáy của tủ nở là kín không cần kết nước. - Hệ thống thông thoáng của tủ áp sử dụng 1 quạt trần đặt ở phía thành của tủ áp. Bên tủ nở cũng mắc một quạt trần ở phía thành sau. - Dàn khay tủ nở được làm bằng sắt chữ L, dàn khay thiết kế nghiêng 450 và góc đảo là 900, khay áp làm bằng gỗ có dây thép ngăn cách các hàng trứng và giữ trứng không bị đổ (sử dụng gỗ không cong vênh). Tủ nở có các thanh trượt bằng sắt chữ L và các khay nhựa được để trên các thanh đó. -Hệ thống đảo sử dụng cần để nâng lên, hạ xuống một cách đơn giản -Hệ thống cung cấp nhiệt sử dụng bằng máy so điện 400W hoặc 2 bóng điện có công suất tương đương cho mỗi bên từ nở và tủ áp, hệ thống điều khiển nhiệt khi có điện là tự động và có hệ thống báo động khi nhiệt độ cao. - Hệ thống cung cấp ẩm là những đĩa hoặc khay đựng nước để phía dưới quạt gió Tủ được đặt trên một bề xây gạch có nhồi cát có chỗ để đưa bếp than hoặc bếp dầu vào đốt kết nước khi không có điện

2.Phương pháp ấp nhiều loại trứng gia cầm trong cùng một máy. (Đa kỳ - Đa giống) -Công tác chọn trứng, vệ sinh trứng, bảo quản trứng được thực hiện bình thường cho từng giống -Cách đưa trứng vào khay ấp: Trứng ngan, trứng vịt chuyên thịt, trứng vịt chuyên trứng CV2000 phải xếp nghiêng.Trứng gà, trứng vịt chuyên trứng khác có thể xếp nghiêng hoặc xếp đứng đều được. Vì ra vào luân phiên cho nên muốn cho các loại gia cầm xuất cùng một ngày thì trứng gà, trứng vịt vào cùng một ngày còn trứng ngan vào sau một ngày. -Cách xếp trứng trong tủ áp vì ấp đa kỳ do vậy trứng mới vào ấp xếp trên cùng rồi càng xuống phía dưới thì trứng tăng theo ngày ấp của trứng (tức là càng phía dưới thì trứng càng già ngày ấp) Đồng thời vì ấp nhiều loại trứng gia cầm khác nhau trong cùng một tủ áp (ấp đa giống) do vậy cần phải lưu ý xếp các loại trứng cho phù hợp +Tuần ấp đầu: Trứng ngan được xếp trên cùng và từ trên xuống dưới thứ tự là trứng gà - trứng vịt chuyên thịt - trứng vịt chuyên trứng CV2000 - trứng vịt chuyên trứng khác +Từ tuần ấp thứ 2 trở đi: Thứ tự từ trên xuống dưới: Trứng gà - trứng ngan - trứng thịt chuyên vịt - trứng thịt chuyên trứng CV2000 - trứng thịt chuyên trứng khác +Ra từ nở: Thứ tự từ trên xuống dưới: Trứng gà - trứng vịt chuyên thịt - trứng vịt chuyên trứng CV2000 - trứng vịt chuyên trứng khác - trứng ngan **3.Chế độ ấp** Vì ấp đa kỳ - đa giống do đó nhiệt và ẩm đặt cố định +Ở tủ áp: nhiệt độ 37,5 - 37,6oC; ẩm độ 52 - 54% +Ở từ nở: nhiệt độ 37,2 - 37,4oC; ẩm độ 68 - 72% **4.Đảo trứng và làm mát** Mỗi giờ đảo trứng toàn bộ trong tủ áp 1 lần bằng cách nâng và hạ cần đảo. Nhưng riêng đối với trứng ngan và trứng vịt phải tiến hành đảo trứng và làm mát ngoài tủ áp theo quy định của từng giống như phần trên **5.Trứng trong tủ nở** Sau thời gian ở trong tủ áp thì trứng được chuyển sang tủ nở tùy theo trứng của các giống khác nhau. Ví dụ: trứng vịt là 25 ngày, trứng gà là 18 ngày, trứng ngan là 31 ngày... **6.Công việc sau khi gia cầm nở** Thời gian nở (con đầu đến con cuối) khoảng 25-30 giờ, sau khi con cuối nở khoảng 6 giờ ta chuyển gia cầm con ra khỏi máy nở phân loại, nếu gia cầm giống hoặc gia cầm hướng trứng thì tiến hành chọn đực mái một số giống phân biệt theo màu lông Đối với gà thì chọn đực mái bằng cách bóp lỗ huyết Đối với vịt, ngan có 2 cách chọn đực mái: -Về sờ để phát hiện gai gia cấu của con đực -Bóp lỗ huyết để phát hiện gai giao cấu của con đực Khi thực hiện quy định ấp nở như trình bày ở trên sẽ đạt được tỷ lệ ấp nở 85% phôi trở lên **7.Kết quả và phạm vi áp dụng** Loại tủ áp nở thủ công cải tiến nói trên được áp dụng có hiệu quả đối với các điều kiện sinh thái khác nhau. Sử dụng tốt cho việc chăn nuôi gia đình với quy mô tổng đàn gia cầm sinh sản các loại khoảng 300 - 350 con mái/tủ áp nở, đồng thời áp dụng tốt cho các trang trại chăn nuôi kết hợp với trồng trọt và thủy sản, các dịch vụ ấp trứng gia cầm để cung cấp con giống tại chỗ

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

TỦ CÂY VI SINH (8-10 LOẠI KHÁC NHAU)

Mã số: VN2924/552

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ cây vi trùng được chế tạo gồm 2 khoang, khoang máy và khoang làm việc. Trong khoang máy có phin lọc vi trùng, quạt li tâm, phin lọc sơ cấp và hệ điện điều khiển, đèn

chiếu sáng và đèn tiệt khuẩn. Khoang làm việc có kích thước khác nhau dùng để tạo tác các thí nghiệm vô khuẩn. Gió được đẩy ra qua cửa thao tác với vận tốc 0,2m/giây. Trong khoang làm việc, không gian được khử khuẩn bằng đèn UV, và cấp gió liên tục vào từ khoang máy với dòng song song và đã được lọc vô khuẩn. Phin lọc vi trùng có khả năng lọc đến 99,997% (ngang phin lọc Hepa nhập ngoại). Đảm bảo độ an toàn vô khuẩn cao và đạt mọi chỉ tiêu sử dụng khác, mỹ quan công nghiệp đẹp, kiểu dáng đa dạng theo yêu cầu khách hàng

Lĩnh vực áp dụng: 34: Sinh học, 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CNTB: Đảm bảo độ vô khuẩn cao; Giá thành thấp hơn nhiều lần giá nhập ngoại; Hoàn toàn chủ động trong nước và có thể chế tạo theo đơn đặt hàng; Bảo hành toàn quốc miễn phí 12 tháng, có 3 cơ sở bảo hành chính TP. Hà Nội, TP. Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy chủng loại, dao động từ 7-42 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Lắp đặt, vận hành, bảo hành 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

TỦ CÂY VI SINH (TCV.02.01; TCV.02.02)

Mã số: VN 2924/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị làm việc theo nguyên lý đưa không khí từ không gian sạch qua thiết bị lọc và diệt khuẩn bởi đèn tia cực tím, khí được nén vào hợp áp, qua phin lọc hiệu suất 99,97%. Khả năng ngăn chặn bụi cỡ hạt 0.3, cấp độ từ 100- 1.000 vào không gian sạch.

Ưu điểm của CN/TB: Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng thí nghiệm. Mẫu mã đẹp. Giá thành hạ, chất lượng không kém ngoại nhập. Cung ứng lắp đặt nhanh.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ ĐÓNG CHẤT CHUẨN

Mã số: VN2924/437

Mô tả quy trình CN/TB: * Tủ đóng chất chuẩn dùng đóng lọ chất chuẩn dưới bầu khí Nitơ. * Thao tác: - Cho lọ rỗng, bột chất chuẩn, kiểm đóng lọ, muống xúc vào tủ qua cửa bên. - Đóng kín cửa. * Nguyên lý hoạt động: - Rút chân không bằng cách: + Đóng kín van khí Ni tơ, mở van chân không. + Khởi động máy rút chân không đến khi đạt áp suất 40-50 cm Hg. - Đóng van chân không, từ từ mở van vô khí N₂, sau đó mở nhỏ van hút chân không và thổi vào Ni tơ tốc độ cao. - Đóng kín 2 van và bắt đầu làm việc khi độ ẩm bên trong đạt 25% - 30% ĐẠTĐ.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: - Đáp ứng được nhu cầu cao của công tác nghiên cứu và làm thí nghiệm. - Chất lượng không kém nhập ngoại. - Lắp đặt, vận chuyển, hậu mãi nhanh gọn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ DỤNG HOÁ CHẤT VÀ DỤNG CỤ (XX02.TĐ.02)

Mã số: VN3614/429

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ dụng hoá chất và dụng cụ (XX02.TĐ.02) được sử dụng trong kho hoá chất và phòng thí nghiệm hoá học, phòng thí nghiệm dược phẩm. Là những nơi có sử dụng hoá chất, dung môi độc hại. Tiêu chuẩn đạt được: Tiêu chuẩn nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: - Toàn bộ vật liệu để chế tạo khung xương tủ bằng thép hộp 30 x 60 và các phần khác bằng thép la > hoặc = 1,2 mm, sơn tĩnh điện chịu Acid-Kiểm. - Các ngăn đựng hoá chất, dụng cụ di chuyển dễ dàng khi sắp xếp hoá chất vào hay lấy ra. - Chất lượng không kém nhập ngoại. - Lắp đặt, bảo hành, bảo trì chu đáo. Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng kiểm nghiệm, hoá nghiệm và các ngành công nghiệp khác. - Chất lượng không kém nhập ngoại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ HẤP CƠM TỰ ĐỘNG CHO CÁC BẾP ĂN TẬP THỂ

Mã số: VN2971/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: Theo đơn đặt hàng cụ thể Thông số kỹ thuật khác: Kết cấu máy gọn nhẹ, độ bền cao, đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm Gạo và nước sạch - Vận chuyển vào tủ hấp theo các ô chứa - Cài đặt nhiệt độ và thời gian - Vận hành máy - Cơm chín.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Cơm chín đều không bị cháy khét; Giảm nhân công và mức độ nặng nhọc cho người lao động

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10-15 triệu VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

TỦ HÚT HOÁ CHẤT (HT.2002)

Mã số: VN2923/426

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút hoá chất (HT.2002A) được đặc dụng trong phòng thí nghiệm. Để hút các dụng môi hữu cơ, vô cơ và có tác dụng khử mùi trong quá trình làm thí nghiệm...nhằm giảm thiểu các chất độc hại trong phòng, bảo vệ môi trường và người làm thí nghiệm. Do Trung tâm chuyển giao công nghệ mới - Trung tâm nhiệt đới Việt Nga - Bộ Quốc phòng thiết kế chế tạo.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 6145: Công nghệ các chất hoá được

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ sử dụng. - Chất lượng, hiệu quả sử dụng không kém ngoại nhập. - Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng thí nghiệm. - Độ ồn thấp, mỹ quan đẹp, giá thành hợp lý. - Lắp đặt, bảo hành, bảo trì nhanh gọn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ HÚT HOÁ CHẤT (XX01/PHM003)

Mã số: VN2923/430

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút hoá chất (XX01/PHM003) được thiết kế cho việc phá huỷ mẫu trong các phòng hoá nghiệm, kiểm nghiệm và các ngành công nghiệp khác nhằm giảm thiểu sự phá huỷ và ô nhiễm môi trường của các hơi độc hại thải ra môi trường. Có tác dụng bảo vệ an toàn cho người và không gian trong phòng làm việc. Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: - Đáp ứng được nhu cầu cao của công tác nghiên cứu và làm thí nghiệm. - Tiếng ồn thấp, an toàn cao, giá thành hạ. - Lắp đặt, vận chuyển, hậu mãi nhanh gọn. - Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng kiểm nghiệm, hoá nghiệm và các ngành công nghiệp khác. - Chất lượng không kém nhập ngoại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ HÚT HÓA CHẤT AIRSORB-7991 VÀ CÁC THIẾT BỊ XỬ LÝ HƠI HÓA CHẤT

Mã số: VN2923/551

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút hóa chất AIRSORB là thiết bị dùng để xử lý chất thải hóa chất hữu cơ, dung môi độc phòng thí nghiệm. Thiết bị được cấu tạo bởi 2 khoang là khoang máy và khoang làm việc. Trong khoang máy đặt ở phía dưới bàn làm việc có bộ lọc, quạt hút ly tâm, khoang giảm âm và lỗ thoát gió, hệ thống điện và công tắc điều khiển. Khoang làm việc là một hộp hình thang vòm, chế tạo bằng thủy tinh hữu cơ trong suốt, có hệ bản lề lật hai cấp để nâng cửa làm việc lên cao khi cần thiết. Thiết bị làm việc theo nguyên lý hút gió vào qua cửa thao tác, qua hệ thống lỗ thoát gió xuống khoang xử lý, qua khoang giảm âm và thải không khí đã được xử lý trở lại phòng

Lĩnh vực áp dụng: 31: Hoá học, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm, 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Xử lý được các độc tố hữu cơ thải ra trong các phòng thí nghiệm; Trong nước chưa có cơ sở nào chế tạo các thiết bị tương tự; Giá thành thấp hơn nhiều lần giá nhập ngoại, đặc biệt chủ động thay thế bộ lọc khi hết tác dụng. Nếu nhập ngoại việc bảo hành bảo trì gặp rất nhiều khó khăn

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Thiết kế lắp đặt vận hành bảo hành theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

TỦ HÚT HÓA CHẤT HỮU CƠ AIRSORB-7991

Mã số: VN2923/560

Mô tả quy trình CN/TB: Kích thước (DxRxC): 1.000 x 800 x 1.700 (mm); Trọng lượng: 40 kg; Tủ

được chế tạo bằng vật liệu chịu hóa chất chống ăn mòn; Công suất điện sử dụng: 220V, 50 Hz; Có khả năng xử lý hơi hóa chất, dung môi hữu cơ; Tốc độ dòng khí ở cửa làm việc > 0,2m/giây; Độ ồn thiết bị < 58 dBA

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học., 87: Bảo vệ môi trường

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25 triệu đồng/máy (chưa có VAT)

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

TỦ HÚT HOÁ CHẤT XXO/HCI

Mã số: VN2923/428

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút hoá chất (XXO/HCI) được đặc dụng trong phòng hoá nghiệm, kiểm nghiệm và các phòng thí nghiệm của các ngành công nghiệp khác. Tủ có tác dụng hút các dung môi hữu cơ, vô cơ trong công việc kiểm tra, chưng cất... nhằm giảm tối thiểu các chất độc hại trong phòng thí nghiệm. * Tiêu chuẩn đạt được: Tiêu chuẩn nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: - Đáp ứng được nhu cầu cao của công tác nghiên cứu và làm thí nghiệm. - Tiếng ồn thấp, an toàn cao, giá thành hạ. - Lắp đặt, vận chuyển, hậu mãi nhanh gọn. - Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng kiểm nghiệm, hoá nghiệm và các ngành công nghiệp khác. - Chất lượng không kém nhập ngoại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng từ ngày nghiệm thu bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ HÚT HOÁ CHẤT XXO/QH1

Mã số: VN2923/424

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút hoá chất (tủ hút khử mùi) có kết cấu gọn nhẹ, có thể đặt ngay trên bàn thí nghiệm. Tủ được thiết kế hút khử mùi rất tiện ích cho phòng hoá nghiệm, kiểm nghiệm và kiểm tra khi làm việc với dung môi vô cơ và hữu cơ.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu của đơn vị

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: - Sử dụng, kiểm tra, thao tác, lắp đặt dễ dàng. - Độ ổn định, mỹ quan đẹp, giá thành hợp lý. - Chế độ hậu mãi. - Đáp ứng được yêu cầu chất lượng cao về môi trường làm việc của phòng thí nghiệm. - Chất lượng không kém ngoại nhập.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

TỦ HÚT VÔ TRÙNG (CÁC LOẠI)

Mã số: VN2923/556

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ hút vô trùng gồm 2 bộ phận chính: Khoang máy và khoang làm việc. Trong khoang máy đặt phin lọc sơ cấp, phin lọc thứ cấp, quạt ly tâm, ống thoát gió, đèn UV-1, đèn UV-2 và chiếu sáng. Khay làm việc để đựng các chế phẩm gây ô nhiễm bởi các loại vi trùng gây nên. Nguyên lý: Gió được hút qua cửa làm việc vào khoang máy và lọc qua phin lọc sơ cấp và lọc vi

trùng. Ở đó, vi trùng được giữ lại và bị tiêu diệt bởi UV-1 và không khí thải vào môi trường đã được lọc sạch. TB/CN đạt tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài và quốc tế.

Lĩnh vực áp dụng: 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: Bảo vệ người lao động chống bị nhiễm bệnh nghề nghiệp; Chống ô nhiễm môi trường bởi các chất độc hại, vi trùng nguy hiểm; Giá thành thấp hơn giá nhập ngoại nhiều lần, tiết kiệm cho Nhà nước hàng triệu USD

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào chủng loại sẽ có giá từ 07-45 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

TỦ TRUYỀN (PASS BOX)

Mã số: VN2923/561

Mô tả quy trình CN/TB: Tủ truyền là một thiết bị sử dụng trong các phòng sạch dùng để làm lối vận chuyển vật tư, dụng cụ, bán thành phẩm, thành phẩm giữa các phòng có cấp độ sạch khác nhau để tránh lây nhiễm. Có 2 loại tủ truyền: - Tủ truyền không có hệ thống lọc; - Tủ truyền có hệ thống lọc Hepa (vô trùng)

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy theo kích thước và cấu tạo của thiết bị

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

XÁC ĐỊNH NHANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CƠ PHOT PHO VÀ CARBAMAT TRONG RAU QUẢ (THUỐC TRỪ SÂU)

Mã số: VN0333/134

Mô tả quy trình CN/TB: Thuốc bảo vệ thực vật cơ photpho và carbamat được sử dụng nhiều trong nông nghiệp nhằm bảo vệ nông sản khỏi bị sâu phá hoại. Để phân tích nhanh thuốc bảo vệ trong rau quả cần phải tách và loại bỏ chất màu diệp lục khỏi mẫu. Phương pháp được lựa chọn để xác định nhanh thuốc bảo vệ thực vật là chiết lỏng - lỏng, phương pháp sắc ký cổ điển dựa trên nguyên tắc phản ứng màu để nhận biết thuốc bảo vệ thực vật. Tiêu chuẩn đạt được: Tiêu chuẩn nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5945: Khí cụ kiểm tra không phá huỷ sản phẩm và vật liệu

Ưu điểm của CN/TB: Không tốn kém ngoại tệ, chi phí giảm. Chủ động trong việc kiểm tra chất lượng rau quả đối với nhà quản lý và người dân.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 300.000.000 VND

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỆN THÔNG

CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ TRANG TRẠI CHĂN NUÔI/ĐÀN GIỐNG

Mã số: VN7220/1

Mô tả quy trình CN/TB: Các phần mềm được dùng quản lý đàn giống lợn, bò sữa, gia cầm, cừu dê, ngựa

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sử dụng, nhiều chức năng, tiếng Việt, kiểm soát sơ lược chặt chẽ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 2.000.000đ- 6.000.000đ tùy từng loại; Phí đào tạo: 100.000đ/ngày tại Viện Chăn nuôi

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÀI ĐẶT VÀ ĐÀO TẠO SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM TÍNH TOÁN THỦY LỰC, KẾT CẤU, THIẾT KẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Mã số: VN72/282

Mô tả quy trình CN/TB: Sử dụng các phần mềm trợ giúp cho tính toán, thiết kế, và quản lý hệ thống công trình thủy lợi

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CD " DẤU ÁN MÙA HÈ XANH"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Các hoạt động Mùa Hè Xanh: Đền ơn đáp nghĩa, vì sức khỏe cộng đồng, vì dân em thân yêu, tuyên truyền vận động, công trình thanh niên, nâng cao đời sống, văn hóa, văn nghệ: Tổng quan Mùa Hè Xanh: Ý nghĩa và mục đích, lực lượng tham gia, phương châm hoạt động. Dấu ấn Mùa Hè Xanh: Kỷ niệm Mùa Hè Xanh, chuyện vui Mùa Hè, guinness Mùa Hè Xanh. Công tác Mùa Hè Xanh: Phần giành cho chiến sĩ và phần giành cho các đội trưởng, nhóm trưởng. Ca khúc Mùa Hè Xanh: 25 ca khúc được thiết kế bằng hình ảnh và phim thực tế về các hoạt động Mùa Hè Xanh. Đồ vui MÙA Hè Xanh: Đồ vui ca khúc, đồ vui kiến thức Mùa Hè Xanh. Tư liệu Mùa Hè Xanh: Văn bản, hình ảnh và phim khoa học. Yêu cầu với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ điều hành Windows 98, 2000, Me, XP.

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: SPPM: 16.000đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "CHINH PHỤC HỆ ĐIỀU HÀNH"

Mã số: vn722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPM: Các nguyên tắc của BIOS - CMOS Sử dụng lệnh FDISH để

phân hoạch ổ đĩa cứng. Sử dụng lệnh FORMAT để định dạng ổ đĩa cứng. Khái niệm, giới thiệu các loại và nguyên tắc chung khi cài đặt hệ điều hành (OS - Operating System). Hướng dẫn cài đặt hệ điều hành Window 98. Hướng dẫn cài đặt hệ điều hành Window 2000 Professional. Hướng dẫn cài đặt hệ điều hành Window XP. Hướng dẫn cài đặt hệ điều hành RedHat Linux. Cài đặt và quản lý nhiều hệ điều hành trên 1 máy tính. Chính phục hệ điều hành với các phần mềm: Thủ thuật Windows Thủ thuật Registry Hide Folders XP: Ẩn các thư mục trong hệ điều hành Window XP Partition Magic: Phân loại ổ đĩa cứng. Cấu hình Window với Control Panel. Windows Blinds: Tối ưu hoá giao diện hệ điều hành. Virtual Drive : Tạo và sử dụng ổ đĩa ảo. Winnic 2000: Quản lý tập tin, thư mục. Nguyên tắc chung cài đặt phần mềm. Phím tắt Window thông dụng. Các từ viết tắt thông dụng trong tin học. Chia sẻ nguồn tài nguyên máy tính: định nghĩa tài nguyên, cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng ngang hàng. Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với hệ điều hành Windows 98, 2000, Me, XP.

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: SPPM: 24.000đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "GIÁO TRÌNH AUTOCAD TOÀN TẬP"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Mục 1: Lý thuyết Phần 1: Bản vẽ 2D (gồm 16 chương trình bày cách vẽ phẳng) Phần 2: Bản vẽ từ mô hình 3D gồm 9 chương trình bày cách vẽ mô hình không gian 3 chiều - 3D và cách xuất bản vẽ mô hình) Phần 3: Ngôn ngữ Auto Lisp (Giới thiệu về ngôn ngữ AutoLisp và ngôn ngữ lập trình thiết kế AutoLisp) Mục 2: Bài tập (Gồm 30 bài tập được mô tả bằng âm thanh và hình ảnh) Mục 3: Kiểm tra

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "GIÁO TRÌNH MICROSOFT EXCEL TOÀN TẬP"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPPM: Giáo trình với 12 chương với 46 bài học, 40 bài tập cơ bản, nâng cao, mở rộng và phần kiểm tra kiến thức cần lưu ý cần thiết bao gồm: Chương 1: Tổng quan về Excel (5 bài học) Chương 2: Các khái niệm cơ bản (4 bài học) Chương 3: Xử lý dữ liệu trong bảng tính (4 bài học) Chương 4: Giới thiệu và cách sử dụng các hàm trong EXCEL (6 bài học) Chương 5: Khai thác cơ sở dữ liệu (8 bài học) Chương 6: Định dạng và in bảng tính (5 bài học) Chương 7: Đồ thị trong Microsoft Excel (4 bài học) Chương 8: Làm việc với nhiều bảng tính (5 bài học) Chương 9: Làm việc với các Macro, Template và phím tắt thông dụng (5 bài học) Phần bài tập và kiểm tra kiến thức: Chương 10: Bài tập cơ bản (20 bài tập) Chương 11: Bài tập nâng cao (10 bài tập) và Bài tập mở rộng (10 bài tập) Chương 12: Kiểm tra kiến thức và một số lưu ý. Phần thư giãn

Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ điều hành Windows 98, 2000, Me, XP

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000 đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "GIÁO TRÌNH MICROSOFT WORD TOÀN TẬP"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPPM: Với 11 chương, 30 bài tập Giáo trình được minh họa bằng: Nhiều hình ảnh trực quan; Âm thanh thuyết minh; 99 đoạn phim thao tác Chương 1: Làm quen với Microsoft Word (8 bài) Giới thiệu. Khởi động và thoát. Giới thiệu giao diện. Lưu ý khi nhập văn bản. Thao tác với tập tin. Di chuyển trong tài liệu. Các thao tác với soạn thảo văn bản. Chương 2: Định dạng văn bản (8 bài) Định dạng ký tự. Định dạng đoạn văn bản. Chèn các đối tượng đặc biệt. Bullets và Numbering. Khung viền và bóng rổ. Ấn định vị trí dùng Tabs. Drop cap. Thay đổi chữ hoa và chữ thường. Chương 3: Các vấn đề liên quan đến cột- Column và trợ giúp (5 bài) Tạo cột. Định dạng cột. Ngắt cột và bỏ cột. Một số lưu ý về cột. Tìm trợ giúp bằng Office Assistant. Chương 4: Các vấn đề về bản- Table (8 bài) Tạo bảng. Thay đổi cấu trúc. Di chuyển và thay đổi kích thước. Định dạng. Sắp xếp thứ tự trong và sử dụng công thức. Thanh công cụ Table & Border. Thiết lập định dạng tự động. Thiết lập kích thước tự động. Chương 5: Làm việc với các đối tượng đồ họa (10 bài) Chữ WordArt. Autoshapes. Chèn tập tin ảnh. Textbox. Chèn hình ảnh Clipart. Vẽ sơ đồ tổ chức. Một số dạng biểu đồ khác. Một số công cụ đồ họa khác. Sắp xếp thứ tự của các đối tượng đồ họa. Nhóm các đối tượng. Chương 6: Làm việc với tư liệu lớn áp dụng Template. Cách áp dụng Styles. Cách tạo Styles. Chương 7: In ấn trong Word (6 bài) Định dạng trang giấy in. Xem trước khi in. In một tài liệu. In bì thư. Soạn và in các nhãn. Mail Merge. Chương 8: Thủ thuật và phím tắt (5 bài) Thủ thuật word. Tạo công thức toán học. Chức năng tìm kiếm thay thế và goto. Một số phím tắt thông dụng. Chương 9: Bài tập cơ bản (20 bài tập) Chương 10: Bài tập nâng cao và mở rộng (20 bài tập) Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo. Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ thống Windows 98, 2000, Me, XP.

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000 đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "GIÁO TRÌNH POWERPOINT 2003 TOÀN TẬP"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPPM: Gồm 10 chương (56 bài học và 30 bài tập) được minh họa bằng âm thanh, hình ảnh và phim minh họa trực quan giúp cho người học rất dễ tiếp thu và thực hành Chương 1: Giới thiệu chung về Microsoft PowerPoint (gồm 7 bài học) Chương 2: Sử dụng Microsoft PowerPoint tạo phiên trình bày (gồm 5 bài học) Chương 3: Cách thiết lập Slide, hiệu ứng chuyển động và âm thanh (gồm 7 bài học) Chương 4: Làm việc với các đối tượng của Slide & Thiết lập các điều khiển (gồm 13 bài học) Chương 5: Chạy phiên trình bày và thiết lập trình chiếu (gồm 5 bài học) Chương 6: Phần mở rộng dành cho chương trình Microsoft PowerPoint (gồm 6 bài học) Chương 7: Dùng chung dữ liệu với chương trình khác và in ấn trong Microsoft PowerPoint (gồm 8 bài học) Chương 8: Phím tắt thông dụng, ví dụ minh họa về phụ lục (gồm 3 bài học) Chương 9: 20 bài tập căn bản Chương 10: 10 bài tập nâng cao, kiểm tra kiến thức và lưu ý Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo yêu cầu đối với môi trường ứng dụng Tương thích với các hệ điều hành Window 98, 2000, Me, Xp

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 18.000 đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "KHO TÀNG CÂU ĐỐ VIỆT NAM"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Phần 1: Danh mục 3000 Kho tàng câu đố Việt Nam Câu đố về hiện tượng tự nhiên. Câu đố về danh xưng nhân vật. Câu đố về con người. Câu đố về địa danh. Câu đố về con vật. Phần 2: Thử tài Tìm hiểu về tục ngữ Việt Nam. Tìm hiểu về ca dao Việt Nam. Tìm hiểu về thành ngữ Hán Việt Tìm hiểu về các vị trạng nguyên. Trò chơi: "Đoán tên bài". Trò chơi: "Xem tên địa danh đoán tỉnh thành?". Trò chơi: Xem hình đoán địa danh?" Trò chơi lạ: "Xem phim đoán địa danh?" Thử tài với "Những câu đố kỳ lạ".

Lĩnh vực áp dụng: 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng, 14: Giáo dục

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000đ/1CD; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "KIẾN THỨC TRONG TÀM TAY"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tặng phần mềm Từ điển 8000 thành ngữ Tiếng Anh Tặng phần mềm Nhật ký điện tử giúp lưu trữ công việc của bạn. Tra cứu 1200 lời bài hát nhạc Tiếng Anh. Phần thư giãn game với: 20 trò chơi hay và hấp dẫn. Phần thư giãn music với: 50 bài hát trình bày đẹp mắt và ấn tượng. Phần thư giãn test với: 100 câu đố vui bằng hình minh họa về kiến thức xã hội tổng quát được trình bày ấn tượng và mới lạ. Truyện về Bác Hồ Truyện về Lenin non nước Việt Nam: Giới thiệu về đất nước, hình ảnh, con người Việt Nam Chiêm ngưỡng 100 hình ảnh đẹp của gần 60 tỉnh thành Việt Nam Tra cứu 1200 địa danh tại Việt Nam Thông tin về 61 tỉnh thành Việt Nam Phần mềm dạy học thiết kế trình chiếu phục vụ việc thuyết trình trong các buổi hội thảo, báo cáo đề tài, hội nghị phục vụ hội chợ...PowerPoint 100 thủ thuật về Microsoft Word Kiến thức phần cứng máy tính Những ca khúc sinh hoạt hay Các nguyên tắc cơ bản và giới thiệu những môn thể thao Hình ảnh về đất nước Thái Lan qua chuyên mục: Một thoáng du lịch Thái Lan Các lễ hội lớn ở Việt Nam Tục ngữ Việt Nam 100 bài ca dao hay Việt Nam Thông tin về Dân ca Việt Nam Phương pháp giải Rubik Các loại cá tính của con người Có bao nhiêu lịch trên thế giới Các trò chơi dân gian 100 kỷ lục của thế giới thế kỷ 20 200 kỷ lục Guinness thế giới Tuyên ngôn độc lập - Nơi ra đời 500 câu danh ngôn và lời hay ý đẹp 50 truyện song ngữ Anh- Việt Trò chơi: sắp xếp thứ tự thành ngữ Tài liệu ôn tập: Pháp luật đại cương, Lịch sử triết học 6 tiêu chuẩn gia đình văn hóa 1005 câu đố vui Việt Nam 100 cây thuốc Việt Nam Giới thiệu nhạc cụ 100 lời bài hát dân ca Việt nam 10 xu hướng tiêu dùng 2003 10 sự kiện chính trị nổi bật ở Việt Nam 2002 Điện tích hay về các vị trạng nguyên ngày xưa 101 chuyện cười của các nhà văn 100 địa chỉ Webside cần thiết Nhất tự vi sư bán tự vi sư Luyện tài liệu Tiếng Anh qua hình ảnh Truyện "Bài học ngàn vàng" Quốc kỳ Quốc ca Quốc hiệu, quốc huy 54 dân tộc Việt Nam Tiểu sử và sự nghiệp của Bác Hồ Những ký hiệu dùng trên mạng Cảnh thức xóa Account Yahoo 10 bí quyết sống lâu Tương thích với các hệ điều hành: Windows 98, 2000, Me, XP.

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 16.000đ/1CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "RÈN LUYỆN VÀ CHẮC NGHIỆM TRÍ THÔNG MINH"

Mã số: Vn722/1

Mô tả quy trình CN/TB: "IQ" là phần mềm thứ 17 của nhóm Phát Triển Phần Mềm Sinh Viên Học Sinh với hy vọng của sản phẩm này sẽ đem đến cho các bạn sinh viên những hiểu biết mới về trí thông minh cũng như những bài học trắc nghiệm rèn luyện trí thông minh Nội dung giáo trình Tìm hiểu "Các hình thái của thông minh" Giới thiệu " Các yếu tố của trí thông minh" Bài kiểm tra về "Thương số trí tuệ" của bạn Truyện kể về những người thông minh, tài giỏi Cách giúp bạn " Rèn luyện trí thông minh" Những trò chơi mới lạ đòi hỏi trí thông minh Mục đồ vui thông minh Mục thử tài thông minh hấp dẫn Thư giãn với các bài hát hay được yêu thích Đồ mà chơi, chơi mà đồ Phần thư giãn Phần giải trí Những nét nổi bật của chương trình Đây là CD ROM đầu tiên về giáo trình điện tử rất hữu ích cho việc xử lý bảng tính, làm kế toán qua việc sử dụng Exel Được xây dựng khá đầy đủ chi tiết về lý thuyết kèm phần thu âm nhạc nền lồng vào, phần bài tập có minh họa phim rất công phu ... Chương trình được thiết kế dựa trên tiêu chí sử dụng, tiện lợi, giao diện đồ họa đẹp, hiệu ứng âm thanh sinh động, nhiều chức năng hỗ trợ người dùng rất dễ thao tác và học tập

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: Giao diện đẹp mắt, hấp dẫn Dễ sử dụng, có đầy đủ những chức năng cơ bản Cấp độ được chia làm 2 phần: Cơ bản và nâng cao(Thách thức) Mỗi phần có 20 câu hỏi, tính điểm số, tính thời gian.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "TIN HỌC CHÌA KHÓA KỶ DIỆU"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đại cương về máy tính Khái niệm về máy tính Nguyên lý lưu trữ giữ liệu Các thiết bị nhập xuất: Bàn phím, con chuột, máy in, màn hình,... Mô hình hoạt động của máy tính Tìm hiểu quá trình hoạt động của máy tính Font chữ: Các loại iếng Việt Font tiêu biểu Cách cài đặt font vào máy tính Giới thiệu 2 cách gõ tiếng Việt: Vietkey và Telex Hướng dẫn sử dụng bộ gõ Vietkey Học hệ điều hành Windows: Đại cương chi tiết về sử dụng hệ điều hành Các thao tác với chuột và cửa sổ chương trình ứng dụng Thay đổi và trang trí trên màn hình Làm việc với tệp thư mục, tập tin Windows Explorer Học chương trình soạn thảo với Microsoft Word Làm việc với Microsoft Word: Thao tác mở lưu tài liệu, định dạng trang giấyin Định dạng font chữ, tab, bullet và numbering, Drop cap Định dạng đoạn văn bản Tạo và định dạng cột column Tạo và định dạng bảng-Table Sử dụng các công cụ đồ họa:Symbol, Picture, Word Art, Textbox, Autoshapos Các phím tắt công dụng như trong Word Làm việc với tư liệu lớn In ấn trong Word, in nhân và bì thư Học xử lý bảng tính với Microsoft Exel: Sử dụng dữ liệu bảng tính Hiệu chỉnh cột dòng Sử dụng các hàm trong Exel Trích lọc, sắp xếp các cơ sở dữ liệu Phân tích thống kê biểu đồ Các phím tắt thông dụng trong Exel Học và làm quen với Internet Hướng dẫn cách tạo một hộp thư miễn phí Cách soạn gửi và đính kèm tệp tin Nhập thư điện tử Cách thiết lập tùy chọn trong hộp thư Cách chat trên Internet với Yahoo Messenger hướng dẫn sử dụng Outlook Express Cách thiết lập Account Nhận và gửi thư Lọc và định hướng thư gửi đến Tạo sổ địa chỉ - Address Book trong Outlook Virus Khái niệm về virus Sự nguy hiểm, cách thức lây lan Cách phòng chống Virus Hướng dẫn sử dụng chương trình Bkav để quét virus Thư giãn với việc sử dụng các tính năng của phần mềm nghe nhạc Music Match

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 16.000đ/1CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "TUYÊN TẬP GIÁO TRÌNH ĐỒ HOẠ"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Mỹ thuật ứng dụng: cánh phối màu, bố cục hình ảnh, các khái niệm cơ bản về mỹ thuật, quy trình thiết kế Logo Photoshop gồm 16 bài học và 6 bài tập, có phần đồ vui photoshop Tạo nhanh 1000 mẫu chữ đẹp với My Type Artist Corel Draw: gồm 11 bài học lý thuyết có minh họa phim Hướng dẫn thiết kế Album điện tử với Flip Album kèm theo ví dụ Proshow Gold: 190 hiệu ứng hình ảnh đẹp mắt giúp bạn tạo VCD và screen saver... với nhiều chức năng hay, kèm theo ví dụ Hướng dẫn sử dụng phần mềm xem ảnh ACD See và các chức năng sử lý hình ảnh đơn giản, cần thiết, dễ sử dụng Sử dụng các hiệu ứng chữ đẹp bằng chương trình Flax ứng dụng vào việc thiết kế đồ họa Swish: một phần mềm tạo chuyển động đơn giản và nhanh chóng nhưng rất ấn tượng và dễ sử dụng Phần mềm thiết kế Web: Xara Webstyle và phần mềm giúp tạo nhiều mẫu chữ không gian 3 chiều với Xara 3D Kèm theo font chữ đẹp và 6 phần mềm thiết kế đồ họa Thư giãn với phần nhạc Hoa đẹp mắt, sinh động Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ điều hành Windows 98, 2000, Me, XP

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000VNĐ/1 CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD "VUI HỌC TIẾNG ANH"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Sentence Building: Xây dựng câu hoàn chỉnh Tìm hiểu về 6 quy tắc tìm trọng âm Luyện nghe tiếng Anh TRắc nghiệm 300 câu trình độ A,B, C Học từ vựng Tiếng Anh qua hình ảnh Cách dùng 12 thì trong tiếng anh Bảng tra cứu các động từ bất quy tắc Các câu song ngữ Anh- Việt Từ vựng cần biết về: Hoa quả, con vật, thức ăn, gia đình. Từ trái nghĩa Kiến thức - Từ điển Truyện vui song ngữ Gương sáng danh nhân Những từ dễ nhầm lẫn khi sử dụng Thơ văn Việt Nam Ca dao Việt Nam Các từ viết tắt các tổ chức Quốc tế Tài liệu tham khảo TOEFL Từ điển 8000 thành ngữ(Idioms) Học tiếng Anh qua các trò chơi ĐỒ vui từ vựng tiếng Anh Đoán từ vựng tiếng Anh qua hình: 1000 hình Sắp xếp đúng vị trí ĐỒ vui tiếng Anh trong tin học Nghe tiếng đoán động vật: trò chơi rất lý thú Xếp hình Mê cung Âm nhạc Tra cứu 1600 lời bài hát nhạc Anh Ca khúc hay tiếng Anh Những nét nổi bật của chương trình: Đây là CD ROM bổ ích giúp các bạn vừa học vừa chơi, dễ tiếp thu kiến thức Anh ngữ Được xây dựng nhiều câu đố vui, kiến thức bằng tiếng Anh giúp các bạn dễ dàng trau dồi từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh... Các trò chơi đoán hình, phát âm giúp bạn tập phản xạ nhanh Chương trình được thiết kế dựa trên tiêu chí dễ sử dụng, tiện lợi, giao diện đồ họa đẹp, hiệu ứng âm thanh sinh động, nhiều chức năng hỗ trợ người dùng rất dễ thao tác và học tập.

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000đ/1CD; Chi phí khác: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD"GIỚI TRẺ VÀ TRI THỨC"

Mã số: VN 722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPPM: Gồm các nội dung chính sau: Tri thức thường thức trong cuộc sống Tri thức nghệ thuật văn hoá xã hội Giới trẻ học vấn nghiên cứu tìm hiểu Giới trẻ thư giãn giải trí cần biết Cung cấp nhiều kiến thức cá giúp các bạn sinh viên, học sinh trao đổi tri thức về cuộc sống, văn hoá, xã hội... Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ điều hành Windows 98, 2000, Me, Xp

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 24.000 đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CD"HÃY VUI CÙNG SSDG"

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nội dung SPPM: Trò chơi mới: ĐOÁN SỰ KHÁC BIỆT GIỮU 2 HÌNH tự chọn thời gian chơi Những bài nhạc phim truyện Hồng Kông hay nhất có phim minh hoạ Những mẩu chuyện vui và truyện về trạng Quỳnh được sưu tầm Những mẩu chuyện về những tâm hồn cao thượng mang ý nghĩa cao cả qua những bài học của thuở đầu đời về công ơn cha mẹ, lòng thương người, về tình thầy trò, bè bạn.... Thông tin về những vị trạng nguyên đất Việt thời xa xưa như: Nguyễn Hiền, Lê Văn Thịnh, Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải, Mạc Đĩnh Chi... Mục truyện ngụ ngôn Việt nam. Truyện cổ tích Việt Nam và trên thế giới Thử tài đó vui kiến thức hành trình xuyên Việt, đồ hình du lịch Việt Nam qua danh lam thắng cảnh nổi tiếng Cùng SSDG thư giãn với các ca khúc tiêu biểu đang được ưa thích: nhạc Việt, nhạc Anh, nhạc Pháp, nhạc Thái, nhạc Nhật, và nhạc Hoa trình bày ấn tượng mang phong cách sinh viên Các trò chơi SSDG thiết kế công phu và trí tuệ. Lý thú với 220 câu đố kỳ diệu về nhiều lĩnh vực thách thức khả năng của bạn Bộ sưu tập hình ảnh đẹp về các games, phong cảnh, âm thực Thông tin tìm hiểu về các ngành học của các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Hồ Chí Minh Trò chơi lạ: SẮP XẾP CÁC TỪ ĐÚNG THỨ TỰ Đố vui về chính tả, dùng từ, trái cây, lật hình... Mục CẨM NANG TRÒ CHƠI với 6 vòng chơi lạ. Sau khi chơi xong mỗi vòng bạn sẽ có 1 ký tự mật mã để khám phá BÍ MẬT của trò chơi Đùng bỏ lỡ cơ hội khám phá BÍ MẬT SSDG dành cho bạn Lĩnh vực áp dụng: Giáo dục đào tạo Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Tương thích với các hệ điều hành Window 98, 2000, Me, XP

Lĩnh vực áp dụng: 14: Giáo dục, 1945: Phương tiện thông tin và tuyên truyền đại chúng

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 16.000 đ/CD

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MISA SME 7.1

Mã số: VN722/1

Mô tả quy trình CN/TB: Là chương trình quản lý tài chính kế toán tổng thể cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các vấn đề GPPM cho phép giải quyết: - Sổ cái; - Quản lý mua hàng; - Quản lý bán hàng; - Quản lý quỹ tiền mặt; - Quản lý tiền gửi ngân hàng; - Quản lý tiền lương cán bộ; - Quản lý kho vật tư hàng hóa; - Tính giá thành sản phẩm và các tính năng ưu việt khác... - Được lập trình bằng ngôn ngữ lập trình mới nhất Visual Studio.Net - Database SQL 2000 + Yêu cầu đối với môi trường

ứng dụng SPPM: - Cấu hình thiết bị ứng dụng: Yêu cầu máy tính Petium II 450 MHz hoặc mạnh hơn; Bộ nhớ: 64 MB RAM hoặc nhiều hơn; Ổ đĩa cứng: 100MB trống hoặc nhiều hơn; Màn hình 256 color SVGA video; Hệ điều hành: Windows 9x/Me/2000/XP.

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 83: Thống kê

Ưu điểm của CN/TB: MISA SME là phần mềm kế toán tiết kiệm thời gian, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Được thiết kế gồm nhiều phân hệ độc lập đồng thời tích hợp chặt chẽ với nhau tạo thành một hệ thống quản trị tài chính doanh nghiệp hoàn hảo. Phần mềm có thể chạy trên máy tính cá nhân hoặc mạng cục bộ cho phép nhiều người cùng chia sẻ một cơ sở dữ liệu.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phần mềm (giá tham khảo): 13 triệu VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Đơn vị chào bán: Công ty cổ phần Misa

CHƯƠNG TRÌNH TÍNH TOÁN THỦY LỰC CÔNG TRÌNH EHPRO

Mã số: VN7220/792

Mô tả quy trình CN/TB: Các vấn đề mà gppm cho phép giải quyết: - Tính toán thủy lực cho các công trình thủy lợi, giao thông, tiêu thoát nước đô thị... - Giao diện tiếng Việt theo chuẩn ABC, thân thiện, dễ sử dụng; Cấu trúc của gppm: - Viết trên ngôn ngữ VB6.0, nền Window'98 và WindowXP - Đóng gói trên đĩa CD-ROM

Lĩnh vực áp dụng: 5013: Công nghệ và thiết bị để sản xuất các thiết bị tự động và kỹ thuật tính toán, 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CN/TB: - Tính toán nhanh, độ chính xác cao. - Báo cáo gọn, đẹp, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật - Thao tác thuận tiện, dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Cài 1 máy: 6 triệu đồng; Cài 2 máy: 8 triệu đồng; Phí đào tạo: 1 triệu (chưa kể đi lại xa hơn 50km); Phí tư vấn kỹ thuật: 1 triệu (chưa kể đi lại xa hơn 50km)

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM BƯỚC CHÂN SINH VIÊN

Mã số: 722/859

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CẢM NANG ĐÓ VUI ĐỂ HỌC

Mã số: 722/860

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với nhu cầu thực tế của học sinh sinh viên; đáp ứng nhu cầu thông tin, học tập, giải trí

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 16.000đ/đĩa

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CẨM NANG ĐOÀN ĐỘI 1.0

Mã số: 722/861

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với nhu cầu thực tế của sinh viên học sinh; đáp ứng nhu cầu thông tin, học tập giải trí

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 16.000đ/đĩa

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM CẨM NANG SINH VIÊN HỌC SINH 3.0

Mã số: 722/858

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với nhu cầu thực tế của học sinh, sinh viên; đáp ứng nhu cầu thông tin, học tập, giải trí

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 16.000đ/ đĩa

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM TIN HỌC TRONG TÀM TAY 1.0

Mã số: 722/862

Lĩnh vực áp dụng: 1485: Trang thiết bị. Phương tiện kỹ thuật giảng dạy và học tập

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với nhu cầu thực tế của sinh viên học sinh; đáp ứng nhu cầu thông tin học tập và giải trí

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 16.000đ/đĩa

Đơn vị chào bán: Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM

CÔNG NGHỆ PHÂN TÍCH KẾT CẤU MẢNG MỀM

Mã số: VN72/285

Mô tả quy trình CN/TB: Thí nghiệm trên mô hình tương tự. Phần mềm tính toán kết cấu

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CN/TB: Phần mềm được ứng dụng đối với các công ty xây dựng thủy lợi, các chi cục đề điều

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ SCADA ĐIỀU KHIỂN VÀ GIÁM SÁT TỰ ĐỘNG TỪ XA CÁC HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Mã số: VN32/276

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống SCADA bao gồm mạng máy chủ trung tâm, các MOSCAD RTU tại các trạm lẻ, mạng lưới truyền thông vô tuyến (radio) kết hợp đường dây RS232, RS455 cho phép

điều khiển tự động từ xa và giám sát theo dõi, lưu trữ tình hình làm việc của hệ thống các công trình

Lĩnh vực áp dụng: 6831: Cải tạo đất nông nghiệp, 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ TÍNH TOÁN VÀ SẢN XUẤT KẾT CẤU CHÂN KÈ TOE-HWRU 2001

Mã số: VN72/283

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ TÍNH TOÁN VÀ SẢN XUẤT VAN PHÁ CHÂN KHÔNG TỰ NÉN CHO CÁC TRẠM BƠM

Mã số: VN72/286

Mô tả quy trình CN/TB: Phần mềm tính toán. Công nghệ chế tạo van phá chân không. Được ứng dụng trong các công ty công trình thủy lợi.

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

HỆ THỐNG CAD/CAM (PHẦN MỀM THIẾT KẾ MẪU VÀ MÁY ĐỤC BÌA TỰ ĐỘNG) ĐỂ ĐỆT VẢI GẤM, KHĂN LÔNG VÀ CHĂN JACQUARD

Mã số: VN7220/310

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống bao gồm phần thiết kế nhờ máy tính (phần mềm JACAD) thực hiện các chức năng: Tạo lập và quản lý các kiểu dệt; Tạo mẫu dệt Jacquard/ Tính toán và tạo các bìa bông và phần gia công nhờ máy tính, bao gồm phần mềm điều khiển và máy tự động đục bìa

Lĩnh vực áp dụng: 5041: Đảm bảo chương trình cho máy tính, cho các tổ hợp và mạng tính toán, 64: Công nghiệp nhẹ

Ưu điểm của CN/TB: Rút ngắn thời gian sản xuất mẫu mã mới từ vài tháng xuống còn vài ngày nhờ có thể đục bằng máy ít nhất mỗi ngày một bộ bìa; Độ chính xác lỗ đục bìa cao hơn; Công nhân vận hành máy không cần có tay nghề cao; Giảm tỉ lệ bìa phế phẩm; Đa dạng hóa sản phẩm, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi thế cạnh tranh; Chi phí đầu tư cho hệ thống chỉ bằng khoảng 1/6 so với nhập ngoại

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Giá bán GPPM (tham khảo): Dùng cho dệt khăn bông Jacquard: 167.000.000đ; Phần mềm thiết kế khăn bông Jacquard: 51.500.000đ; Phần mềm điều khiển máy tự động đục bìa: 15.500.000đ; Máy tự động đục bìa: 100.000.000đ; Dùng cho dệt vải, chăn

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

HỆ THỐNG LÁI ĐIỆN - THỦY LỰC - THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HÀNG HẢI, MÁY DÒ CÁ, RADA, THIẾT BỊ CỨU HỘ - CỨU NẠN

Mã số: Vn322/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Hệ thống lái điện thủy lực làm giảm thiểu sức lao động cho các tài công, thuyền trưởng, có độ chính xác cao cho việc lái các loại tàu thuyền. Các loại máy móc, thiết bị dò cá, la bàn, định vị giúp cho các loại tàu đánh bắt thủy hải sản tăng năng suất đánh bắt, giảm thiểu nhiên liệu cho hành trình đi biển. Các thông tin liên lạc đường dài giúp cho chủ phương tiện và các tàu thuyền đánh bắt dễ dàng liên lạc, trao đổi thông tin.

Lĩnh vực áp dụng: 5545: Chế tạo tàu thuyền, 6931: Đánh cá công nghiệp, 7333: Giao thông vận tải đường sông

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo chủng loại, trọng tải tàu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKH (S.T.C)

HỆ THỐNG SCADA/MAC ĐIỀU KHIỂN VÀ GIÁM SÁT TỰ ĐỘNG TỪ XA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Mã số: VN3002/794

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Trung tâm điều khiển với sự trợ giúp của mạng LAN-Ethernet có nhiệm vụ thu thập, theo dõi các thông số làm việc của hệ thống và truyền các lệnh điều khiển đến các RTU thông qua mạng vô tuyến (radio), RS-232, RS-485. Tại các RTU lệnh điều khiển và tín hiệu được thực hiện qua I/O.. Toàn bộ thông tin giám sát và điều khiển được hiển thị và trao đổi trên màn hình giao diện người-máy. - Đạt tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Ưu điểm của CN/TB: - Tích hợp hệ thống SCADA/MAC theo yêu cầu của người sử dụng, thuận tiện, nhanh chóng, không phụ thuộc vào tư vấn của nơi cung cấp thiết bị ở nước ngoài. - Tiết kiệm 3500-7000USD do không phải mua phần mềm SCADA của nước ngoài. - Tận dụng các thiết bị truyền thông có sẵn trong nước và các thiết bị phụ khác. Có thể tiết kiệm 100-200 triệu đồng so với nhập ngoại toàn bộ cho 1 hệ thống. - Quản lý, điều khiển và hỗ trợ kỹ thuật có thể được thực hiện từ xa thông qua mạng Internet

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 70-100 triệu đồng tuỳ theo phương thức hỗ trợ; Giá máy móc thiết bị: Theo báo giá tuỳ thuộc vào số điểm điều khiển, giám sát...; Phí đào tạo: 3% giá công nghệ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 3 năm tại chỗ và từ xa

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

MỘT SỐ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG TRONG THIẾT KẾ, QUẢN LÝ HỒ CHỨA LỢI DỤNG TỔNG HỢP VÀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG NƯỚC TƯỚI

Mã số: VN72/287

Mô tả quy trình CN/TB: Cài đặt phần mềm. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm. Được ứng dụng trong các công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

NEWS- QUẢN LÝ THÔNG TIN

Mã số: VN72202/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là giải pháp phần mềm dùng cho các Cơ quan báo chí, truyền thông, trường học, các tổ chức có nhu cầu quản lý văn bản, chứng từ, hình ảnh, thông tin, ... Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Quản lý thông tin theo yêu cầu, cập nhật tin tức nhanh chóng từ bất cứ vị trí nào có kết nối Internet, duyệt và xem trước khi quyết định đăng các bài báo, thông tin lên mạng. Tìm kiếm thông tin, tạo từ điển thuật ngữ Cấu trúc của GPPM: Giới thiệu dịch vụ tin điện tử Giới

thiệu Công ty / Đơn vị (about us) Trình bày loại bản tin / bài báo / tài liệu Trình bày những tin chính trong từng loại Trình bày nội dung bao gồm hình ảnh của bản tin / bài báo / tài liệu Tìm kiếm (search) Trình bày những nội dung những từ thuật ngữ (glossary) liên quan trong bài báo / tài liệu Liệt kê những tin đã đưa trong tháng Cập nhật bản tin / bài báo / tài liệu qua giao diện web Làm việc nhóm

Lĩnh vực áp dụng: 81: Các vấn đề chung và tổng hợp của KHKH và KH ứng dụng vv, 82: Tổ chức và quản lý

Ưu điểm của CN/TB: Lợi thế GPPM đem lại cho người sử dụng: Giảm thời gian và thủ tục trong quản lý và xuất bản tin điện tử, văn bản, tài liệu điện tử

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ tin học Viễn Đông

PHẦN MỀM "CHỢ DOANH NGHIỆP"

Mã số: VN722/I

Mô tả quy trình CN/TB: Ứng dụng thương mại điện tử giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu mua bán, xuất nhập khẩu tìm kiếm đối tác, cơ hội giao thương, hay mở văn phòng ảo Thích hợp cho các trung tâm xúc tiến thương mại, các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp có nhu cầu xuất nhập khẩu Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Tạo website doanh nghiệp tự động bằng cách đăng ký thành viên Vnwebshop Mở văn phòng ảo Showroom Online Thành viên Vnwebshop có thể chủ động quản lý: Showroom Online: thêm, cập nhật, xóa, xem liệt kê, xem chi tiết tất cả bao gồm hình ảnh Cơ hội giao thương, chào hàng: thêm, cập nhật, xóa, xem Thông tin doanh nghiệp: cập nhật, xem Hỏi hàng/đặt hàng: xem, trả lời, xóa, lưu bản sao; Thay đổi mật khẩu: cập nhật; Cung cấp thông tin người mua hàng tiềm năng cho người bán; Cung cấp thông tin người bán đã được xác thực cho người mua; Tìm kiếm cơ hội giao thương Cung cấp thông tin thương mại qua thư điện tử Thông báo khi có đơn đặt hàng hay hỏi hàng bằng thư điện tử Liên kết đến các website tìm kiếm toàn cầu (Search Engine) Quảng bá website doanh nghiệp đến hàng triệu người dùng Internet E-mail Marketing Cấu trúc của GPPM: Vnwebshop là giải pháp B2B (Business to Business) Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng SPPM: Cấu hình thiết bị ứng dụng: tùy theo đối tượng phục vụ và số lượng người truy cập dự trù. Có thể chọn giải pháp Server của các hãng cung cấp máy tính Yêu cầu tối thiểu: CPU PIII, RAM 256, HDD 40GB, Lease Line hay thuê hosting Hệ điều hành: Windows 200 Server hay mới hơn Cơ sở dữ liệu: Access hay SQL server Client: trình duyệt Web IE6 hoặc Netscape 6 hoặc phiên bản mới hơn, máy tính có khả năng kết nối internet

Lĩnh vực áp dụng: 81: Các vấn đề chung và tổng hợp của KHKH và KH ứng dụng vv, 82: Tổ chức và quản lý

Ưu điểm của CN/TB: Lợi thế GPPM đem lại cho người sử dụng: Vnwebshop là giải pháp thương mại điện tử giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia xúc tiến thương mại, tìm kiếm cơ hội giao thương, làm đại lý mà không cần phải trực tiếp du lịch đến các nước cần quan hệ, tiết kiệm chi phí, giải quyết nhanh chóng các thư hỏi hàng hay đặt hàng, quảng bá sản phẩm, hoạt động, thương hiệu doanh nghiệp toàn cầu,... Tính năng ưu việt: cung cấp công cụ quản lý dễ dàng, nhanh chóng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ tin học Viễn Đông

PHẦN MỀM "HỆ THỐNG QUAN TRẮC CẢNH BÁO TÌNH TRẠNG MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN"

Mã số: VN72202/I

Mô tả quy trình CN/TB: Phần mềm được sử dụng trong nuôi trồng thủy sản và một số lĩnh vực liên quan tới trắc cảnh báo các thông số môi trường. Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Quản lý các loại nuôi trồng và môi trường, các điểm nuôi, các dự án và nhân sự, xây dựng các dự án nuôi trồng (đợt nuôi, bài thí nghiệm,...) theo dõi, giám sát theo dự án. Phân công nhiệm vụ, thông báo nhiệm vụ cho từng cá nhân và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ; cập nhập giá trị các thông số đo theo nhiệm vụ bảo hành có trách nhiệm, an toàn, chính xác, bảo mật. Cảnh báo các giá trị thông số đo vượt ngưỡng cho phép Xây dựng nhiều loại đồ thị, báo cáo giúp cảnh báo sớm nguy cơ xảy ra dịch bệnh và đưa ra nhiều kết luận quan trọng như ảnh hưởng của môi trường tới tốc độ tăng trưởng của cá. Sẵn sàng kết nối với hệ thống tự động để cho phép: - Theo dõi, giám sát tự động liên tục 24/24 giờ trong ngày, cảnh báo tức thời các thông số - Tạo lập các thời gian biểu lưu trữ tự động giá trị các thông số đo theo chu kỳ, thời điểm ấn định. **Cấu trúc của GPPM:** Hai giải pháp lựa chọn: Phần mềm được xây dựng theo mô hình Client/Server. Cơ sở dữ liệu trên máy chủ sẽ được khai thác, vận hành, quản trị thông qua các máy mạng - Xây dựng trên nền công nghệ Web tích hợp công nghệ GIS

Lĩnh vực áp dụng: 5041: Đảm bảo chương trình cho máy tính, cho các tổ hợp và mạng tính toán, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm, 6894: Bảo vệ thiên nhiên trong nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Giảm thiểu rủi ro, nâng cấp năng suất, chất lượng và hiệu quả nuôi trồng thủy sản; Quản lý giám sát quá trình nuôi chặt chẽ cho phép quy trình nuôi công nghiệp; Tốc độ xử lý thông tin nhanh góp phần kịp thời xử lý các tình huống xấu trong nuôi trồng thủy sản; Tiết kiệm nhân lực trong quản lý, giám sát, đo thống số khi kết nối với hệ thống tự động

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 19.000.000 VNĐ; Phí đào tạo: Đã bao gồm trong giá bán; Chi phí khác: Chi phí thêm các chức năng tùy chọn nếu khách hàng yêu cầu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

PHẦN MỀM "HỖ TRỢ TÁC NGHIỆP HÀNG NGÀY CHO CÁC CƠ QUAN DOANH NGHIỆP"- TRANG TÁC NGHIỆP ĐIỆN TỬ NỘI BỘ

Mã số: VN722022/I

Mô tả quy trình CN/TB: Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Bizpage tạo thành nền tảng để trao đổi thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp được lưu trữ một cách bảo mật và an toàn, nhưng lại rất tiện lợi trong việc sử dụng chúng vào công việc hàng ngày. Bizpage được xây dựng để trao đổi báo cáo thông tin trực tiếp (như báo cáo giao ban, báo cáo chuyên đề xử lý công văn) và trao đổi thông tin trực tiếp (nhắn tin, đàm luận trên mạng). Việc trao đổi thông tin trực tiếp có ý nghĩa thực tiễn cao, đặc biệt là trong trường hợp cơ quan doanh nghiệp có nhiều trụ sở hoặc có các đại lý rải rác ở nhiều nơi. **Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng GPPM:** Bizpage có thể được sử dụng để hệ điều hành một doanh nghiệp. Cấu hình cần thiết như sau: + Máy PC + card mạng/Chuyên viên + Mạng: Hub + dây cáp mạng + Modem phục vụ kết nối lúc đi công tác + Phần mềm: Bizpage + HDD + Cài đặt và chuyển giao: 5 tuần Bizpage có thể sử dụng để quản lý, điều hành một doanh nghiệp có nhiều trụ sở Cấu hình thiết bị như sau: + Có một mạng LAN + các thiết bị cần thiết tại trụ sở chính một cách trực tuyến, nếu số trụ sở từ 2-5 thì kết nối phân chia theo thời gian Bizpage có thể được sử dụng để quản lý, điều hành một doanh nghiệp có nhiều điểm phân phối Cấu hình cần thiết như sau: + Có một mạng LAN + các thiết bị cần thiết tại trụ sở chính + modem + Các điểm phân phối kết nối với trụ sở chính quan đường điện thoại + Cách tốt nhất là kết nối phân chia theo thời gian Hệ điều hành: Các máy trạm có thể sử dụng bất cứ hệ điều hành nào: Windows 95, 98, 2000, XP, 2003

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 83: Thống kê, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CN/TB: Phần mềm có giao diện web nên bất cứ máy nào cũng chạy được mà không cần cài đặt và chỉ cần một cấu hình tối thiểu; Giao diện đơn giản nên bất cứ chuyên viên nào cũng có thể sử dụng được. Tất cả các hướng dẫn đều trực tuyến và được đặt ngay trên màn hình. Các hướng dẫn đều được Việt hoá ở mức tối đa; Tiếng Việt có thể sử dụng bất cứ bộ mã nào trong ba bộ mã chuyên dụng: Unicode, TCVN3, hoặc VNI vào bất cứ thời điểm nào. Dữ liệu được cơ cấu thống nhất, không phụ thuộc vào bộ mã nào; CSDL của doanh nghiệp đặt tại một chỗ nhưng có thể truy cập từ bất cứ đâu, không phân biệt khoảng cách gần xa; Do đặc điểm trên nên Bizpage rất thích hợp cho các cơ quan doanh nghiệp có nhiều trụ sở hoặc có nhiều văn phòng phân tán ở nhiều nơi; Đối với những lãnh đạo đi công tác xa phần mềm cho phép theo dõi các công việc xảy ra hàng ngày ở cơ quan, doanh nghiệp; Phần mềm có một hệ thống bảo mật chặt chẽ, giúp người quản trị hệ thống chỉ định một cách chi tiết các phần việc mà chuyên viên được phép thực hiện; Bizpage tuy là mạng được phép truy cập tại nhiều điểm nhưng là mạng nội bộ nên dữ liệu được lưu giữ và bảo mật an toàn; Bizpage có hệ thống tự động sao lưu trực tuyến và định kỳ nên có khả năng dự phòng nóng rất cao. Điều này có nghĩa là khi máy chủ có sự cố, các bản sao lưu khác và do đó có thể phục hồi từ lần gần nhất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

PHẦN MỀM "PHÁT TRIỂN WEBSITE TỐI ƯU"

Mã số: VN72202/1

Mô tả quy trình CN/TB: Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: - Phát triển Website cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước - Thiết kế chuyên nghiệp - Dịch Anh Việt, Việt Anh bán tự động - Tìm kiếm thông tin toàn bộ Website

Lĩnh vực áp dụng: 83: Thống kê

Ưu điểm của CN/TB: Giá cả tối ưu; thời gian tối ưu

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

PHẦN MỀM "QUẢN LÝ BỆNH VIỆN"

Mã số: VN722021/1

Mô tả quy trình CN/TB: H-Com có thể được sử dụng để quản lý một phòng khám H-Com có thể được sử dụng để quản lý bệnh viện có cả phòng khám; **Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết:** H-Com là một phần mềm quản lý bệnh viện một cách tổng hợp, dữ liệu tập trung trên máy chủ, hoạt động trên môi trường mạng với sự ổn định và chế độ bảo mật cao H-Com có khả năng giúp các nhà quản lý nâng cao hiệu quả kinh tế, rút ngắn thời gian, công sức trong công tác quản lý tránh những lãng phí về công sức và tiền của một cách không cần thiết H-Com giúp cho bệnh nhân đến khám chữa bệnh được sử dụng những dịch vụ hiện đại tốt nhất H-Com là một hệ thống lớn được chia thành các module nhỏ, có thể hoạt động độc lập, phù hợp với nhu cầu của từng bệnh viện; **Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng SPPM:** H-Com có thể sử dụng để quản lý một phòng khám, cấu hình cần

thiết như sau: - 3 máy PC + card mạng - Mạng: Hub 8 cổng + dây cáp mạng - 1 máy in - 1 UPS: lưu điện không ngắt - Phần mềm: H-Com + Windows - Cài đặt và chuyển giao 3 tuần H-Com có thể được sử dụng để quản lý một bệnh viện có cả phòng khám. Cấu hình cần thiết như sau: - Phòng khám: 3 máy PC + card mạng - Mỗi khoa nội trú: 1 máy PC + card mạng - Tài vụ: 1 máy PC + card mạng - 2 máy in - Mạng: hub 16 cổng + dây cáp mạng - 1 UPS: bộ lưu điện không ngắt - Cài đặt và chuyển giao: 5 tuần Tiếng Việt tiêu chuẩn TCVN-ABC Khi cài đặt yêu cầu cài Mysql nếu chưa có Hệ điều hành: Các máy trạm có thể sử dụng bất cứ hệ điều hành nào: Win 95,98,2000, XP Khi dùng H-Com yêu cầu có ít nhất 1 máy in

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CNTT: H-Com là một phần mềm quản lý bệnh viện một cách tổng hợp, dữ liệu tập trung trên máy chủ, hoạt động trên môi trường mạng với sự ổn định và bảo mật cao; H-Com có khả năng giúp các nhà quản lý nâng cao hiệu quả kinh tế, rút ngắn thời gian, công sức trong công tác quản lý tránh những lãng phí về công sức và tiền của một cách không cần thiết; H-Com giúp cho bệnh nhân đến khám chữa bệnh có thể được sử dụng những dịch vụ hiện đại và tốt nhất; H-Com là một hệ thống lớn được chia thành các module nhỏ, có thể hoạt động độc lập, phù hợp với nhu cầu của từng bệnh viện

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

PHẦN MỀM "TRUNG TÂM QUAN TRẮC CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG, DỊCH BỆNH THỦY SẢN"

Mã số: VN72202/1

Mô tả quy trình CNTT: Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Phần mềm giúp trung tâm điều hành thu thập số liệu đo, quản lý số liệu đo, cảnh báo, điều hành các trạm quan trắc từ xa tại bất cứ thời điểm nào. Nhờ có phần mềm mà mọi thông tin từ các trạm quan trắc được chuyển về trung tâm kim thời, chính xác và được lưu trữ một cách thống nhất trong cơ sở dữ liệu chung giúp phân tích, đánh giá hiện trạng của môi trường, phát hiện sớm các triệu chứng của dịch bệnh có thể lây lan trên toàn khu vực; **Cấu trúc của GPPM:** Là một phần mềm được thiết kế trên nền công nghệ web và bộ giao thức TCP/IP, do vậy phần mềm được ứng dụng trên mạng ở quy mô bất kỳ: nội bộ, diện rộng, internet. Phần mềm chia làm nhiều khối trong một thể thống nhất: bảo mật và an toàn dữ liệu, các kế hoạch đo, lịch đo, nhập dữ liệu, truyền dữ liệu và kiểm tra dữ liệu đo. Ngoài ra, phần mềm còn có các khối hỗ trợ khác như tin tức, dự án, địa hình, loài nuôi trồng bệnh dịch, nhân sự, hướng dẫn sử dụng trực tuyến... Phần mềm có tính mở cao, mềm dẻo, các đối tượng đều có cấu trúc phân cấp, có thể tùy biến từng đối tượng hoặc thêm bớt ở mức độ khác nhau. Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Cấu hình thiết bị ứng dụng: phần mềm được cài đặt trên máy chủ, các máy khác sử dụng phần mềm thông qua mạng cục bộ hoặc kết nối tới máy chủ thông qua mạng diện rộng (dùng đường điện thoại hoặc internet nếu máy chủ nằm trong mạng có kết nối với internet). Hệ điều hành: các máy trạm có thể sử dụng bất kỳ hệ điều hành nào Win 95,98,2000,XP,Linux

Lĩnh vực áp dụng: 4151: Đài quan sát, thiết bị, dụng cụ và phương pháp quan sát thiên văn, 8377: Phương pháp và phương tiện thu thập, xử lý và phân tích thông tin thông kê

Ưu điểm của CNTT: Phần mềm giúp cho trung tâm điều hành thu thập số liệu đo, cảnh báo, điều hành các trạm quan trắc từ xa bất cứ thời điểm nào; Nhờ có phần mềm mà mọi thông tin từ bất cứ trạm quan trắc được chuyển về trung tâm kịp thời, chính xác và được lưu trữ một cách thống nhất

trong cơ sở dữ liệu chung giúp phân tích, đánh giá hiện trạng của môi trường, phát hiện sớm các triệu chứng của dịch bệnh có thể lây lan trên toàn khu vực

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá

PHẦN MỀM CẢI TIẾN VÀ VIỆT HOÁ CHƯƠNG TRÌNH CROPWAT FOR WINDOWS 4.3 CỦA FAO

Mã số: VN7220/793

Mô tả quy trình CNTT: Các vấn đề mà gppm cho phép giải quyết: - Tính toán bốc thoát hơi nước đồng ruộng và nhu cầu nước của các loại cây trồng - Tính toán chế độ tưới nước cho các loại cây trồng và kế hoạch cung cấp nước, vận hành hệ thống... - Tính toán các chỉ tiêu quy hoạch, thiết kế và quản lý hệ thống thủy nông; Cấu trúc của gppm: - Giao diện chính của phần mềm được thiết kế xây dựng mới theo yêu cầu của người sử dụng - Các module tính toán được liên kết với cơ sở dữ liệu dùng chung... - Cấu trúc phần mềm theo mô hình mở, có thể tự phát triển; Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng sppm: - Cấu hình thiết bị ứng dụng: Máy tính 486-133Mhz trở lên, RAM $\geq$ 16MB, cài đặt phông tiếng Việt chuẩn ABC hoặc Unicode - Hệ điều hành: Windows 98 trở lên - Các thiết bị ngoại vi tương thích: máy in (các loại)

Lĩnh vực áp dụng: 50: Kỹ thuật tự động và điều khiển từ xa. Kỹ thuật tính toán, 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CNTT: - Giao diện tiếng Việt dễ sử dụng - Có phần trợ giúp chuyển đổi các đại lượng đo đạc thường dùng ở Việt Nam và tính toán quy đổi sang các tham số sử dụng trong chương trình - Sử dụng công cụ hỗ trợ giúp viết báo cáo một cách thuận tiện - Cấu trúc mở của phần mềm, dùng chung cơ sở dữ liệu nên người dùng có thể tự phát triển, mở rộng chức năng phần mềm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 5 triệu cho 3 phần mềm đầu; 3 triệu cho 5 phần mềm tiếp theo; 2 triệu khi mua 10 phần mềm trở lên

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

PHẦN MỀM CHO HỆ THỐNG ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT CHO HỆ THỐNG CHUYỀN MAY TỰ ĐỘNG

Mã số: VN7220/308

Mô tả quy trình CNTT: Các vấn đề mà giải pháp phần mềm cho phép giải quyết: Lập quy trình công nghệ và phân bổ công đoạn; Quản lý công nhân về sản lượng, tiền lương, lý lịch...; Kiểm soát liên tục tiến độ sản xuất, dự kiến thời gian kết thúc mã hàng; Tính lương cho từng công nhân ở thời điểm hiện tại, lương trong ca, tự động cập nhật hệ số lương; Cân đối chuyền may tự động, tính toán và điều khiển các móc treo vào đúng các trạm làm việc; Quản lý lý lịch của từng sản phẩm trong chuyền may, giúp tìm nhanh chóng công nhân may lỗi trên sản phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6433: Công nghiệp may mặc, 5047: Các hệ thống tự động điều khiển các quá trình công nghệ

Ưu điểm của CNTT: Giúp công ty may nâng cao khả năng cạnh tranh nhờ: Quản lý công nhân hiệu quả hơn; Kiểm soát, điều độ sản xuất hiệu quả hơn; Cập nhật thông tin thường xuyên theo thời gian thực nên cân đối chuyền được dễ dàng hơn, quản lý và xử lý tốt mọi sự cố thay đổi phát sinh chuyền may; Chăm công và tính lương tức thời hoặc thường xuyên; Nếu kết nối thêm đầu đọc mã vạch thì có

thể quản lý lịch theo đủ từng sản phẩm được may của mỗi công nhân; Đầu tư với hiệu quả cao

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30.000.000đ

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

PHẦN MỀM HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU VẬT TƯ VÀ QUẢN LÝ TỒN KHO MRP-II

Mã số: VN7220/305

Mô tả quy trình CN/TB: Các vấn đề mà giải pháp phần mềm cho phép giải quyết: Máy tính hóa công tác quản lý vật tư; Lập kế hoạch sản xuất hợp lý; Phục vụ quản lý vật tư, tồn kho; lập kế hoạch sản xuất; điều độ sản xuất; Quản lý tập tin xuất, nhập và tồn kho; lập các báo cáo về phục vụ vật tư; báo cáo số lần, ngày, loại... vật tư xuất nhập kho từng loại hàng; báo cáo cân đối nguyên phụ liệu đơn hàng; Dự báo thời gian hoàn thành mỗi mã hàng; Hoạch định nhu cầu cho các nguồn lực sản xuất

Lĩnh vực áp dụng: 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sử dụng. Giao diện thân thiện; Hiện đại hóa và máy tính hóa quá trình quản lý vật tư tổng thể nhà máy; Cung cấp các thông tin về vật tư chính xác, kịp thời theo từng chủng loại, mã hàng, giúp công tác quản lý vật tư hiệu quả và tiện lợi; Có thể dự báo nhu cầu vật tư cho các loại mã hàng để có thể hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tùy thuộc vào số lượng máy tính được cài đặt. 500 USD cho từng modules; Phí đào tạo: 300 USD; Phí tư vấn kỹ thuật: 200 USD

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

PHẦN MỀM KẾ TOÁN BRAVO

Mã số: VN72202/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Phần mềm kế toán BRAVO là một phần mềm tin học rất tiện ích đối với các doanh nghiệp. Các vấn đề mà GPPM này cho phép giải quyết: Tổng hợp thông tin tài chính từ các nghiệp vụ phát sinh. Lập báo cáo tài chính, thuế, quản trị. Cấu trúc của giải pháp phần mềm gồm 3 lớp.

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 83: Thống kê

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Đã bao gồm trong giá bán; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Thỏa thuận với người mua

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Công ty Phần mềm kế toán BRAVO

PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP DÙNG CHO CÁC ĐƠN VỊ XÂY LẬP

Mã số: VN300113/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là phần mềm kế toán dùng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, thi công Các vấn đề và giải pháp cho phép giải quyết: - Kế toán vật tư, hàng hoá, sản phẩm - Kế toán tài sản cố định - Kế toán chi phí - Kế toán công nợ - Kế toán ngoại tệ - Các khâu kế toán khác Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng SPPM: Cấu hình thiết bị ứng dụng: bình thường Hệ điều hành: Window

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 83: Thống kê

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sử dụng, giá cả hợp lý; Dễ điều chỉnh khi có sự thay đổi chế độ kế toán; có chế độ bảo hành sản phẩm tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 8.000.000 đ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ Bình Minh

PHẦN MỀM KẾ TOÁN QUẢN TRỊ SAS 5.0

Mã số: VN722022/I

Mô tả quy trình CN/TB: Phần mềm kế toán quản trị nhằm phục vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ như: sản xuất, thương mại, xây lắp, dịch vụ, xây dựng,... Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: - Tự động hoá quá trình hoạch toán kế toán khi người dùng cập nhập thông tin đầu vào. - Lên được các báo cáo về tình hình tài chính, thuế, TSCĐ, và các thông tin mua và bán hàng cũng như tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Yêu cầu đối với môi trường ứng dụng: Máy PC cấu hình tối thiểu: LCDD: 20G, RAM: 128, CPU: 533; Hệ điều hành: Window XP, 2000, 2003

Lĩnh vực áp dụng: 82: Tổ chức và quản lý, 83: Thống kê

Ưu điểm của CN/TB: - Quản lý được thông tin, số liệu chính xác - Chi cập nhật đầu vào 01 lần và khai thác thông tin cần thiết - Giảm 85% công việc, giúp cho nhà quản lý có được thông tin cần thiết một cách nhanh nhất, cung cấp các "con số biết nói" cho nhà quản lý

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Năm: 2003

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống thông minh

PHẦN MỀM LẬP QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ CHO SẢN PHẨM GIÀY DÉP

Mã số: VN7220/307

Mô tả quy trình CN/TB: Các vấn đề mà GPPM cho phép giải quyết: Quản lý danh sách các đơn đặt hàng bao gồm các giá trị: ngày đặt hàng, tên khách hàng, đơn giá, đơn vị tính, ngày giao nguyên phụ liệu cho từng đợt, màu, size, số lượng, tỉ giá ngoại tệ trong từng ngày; Tính đơn giá cho từng công đoạn từ đó làm cơ sở để công ty thoả thuận đơn giá với khách hàng đồng thời dùng để tính lương sản phẩm cho bộ phận trực tiếp sản xuất; Xác định số lượng lao động cần thiết cho từng công đoạn; Xác định mức sản lượng; Xác định năng suất lao động của từng công nhân và từng tổ; Xác định số lượng từng loại máy cần thiết để hoàn thành mã hàng. Trên cơ sở đó giúp công ty lập kế hoạch sản xuất chính xác, có kế hoạch cung cấp thêm máy hoặc công nhân kịp thời; Hỗ trợ sao chép qui trình công nghệ từ thư viện qui trình công nghệ chuẩn hoặc thư viện các qui trình công nghệ của các đơn đặt hàng, mã hàng đã từng sản xuất; Cho phép tạo qui trình công nghệ chuẩn từ một đơn đặt hàng, mã hàng; Xuất dữ liệu sang AutoCAD và tự động vẽ sơ đồ nhánh cây cho từng đơn đặt hàng, mã hàng; Thực hiện việc cân đối chuyển trên máy tính cho các mã hàng

Lĩnh vực áp dụng: 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Giảm được thời gian tìm kiếm và xử lý thông tin liên quan đến đơn hàng vì

các thông tin này được quản lý và lưu trữ một cách có hệ thống trên máy tính; Giúp chuẩn hóa tên gọi và phân loại các công đoạn. Tên các công đoạn tương tự nhau của các mã hàng khác nhau sẽ được chuẩn hóa bằng một tên gọi duy nhất để dễ dàng cho việc quản lý và xử lý sau này; Dễ dàng tham khảo các qui trình công nghệ cũ. Các qui trình công nghệ của các mã hàng đã sản xuất được lưu trữ trên máy tính do đó dễ dàng có thể tham khảo khi gia công một mã hàng mới; Kiểm soát được thời gian định mức và điều chỉnh thường xuyên. Các công đoạn được tính thời gian định mức do đó dễ dàng kiểm soát được thời gian định mức cho cả mã hàng và cũng dễ dàng điều chỉnh khi có một công đoạn vượt thời gian định mức; Tăng năng suất lập qui trình công nghệ. Phần mềm cho phép hỗ trợ sao chép từ các qui trình công nghệ chuẩn hoặc các qui trình của các mã hàng đã sản xuất do đó sẽ giảm thời gian lập qui trình công nghệ cũng như giảm số lao động liên quan góp phần tăng năng suất lập qui trình công nghệ; Cập nhật thường xuyên các thay đổi vào phần mềm do đó dễ dàng đáp ứng nhanh các yêu cầu cập bách

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phí mua phần mềm: Tùy thuộc vào phiên bản dùng cho máy đơn hay mạng và số lượng máy trên mạng; Phần mềm chạy trên máy đơn, với hệ quản trị Cơ sở dữ liệu và lập trình Access có giá 7.600.000đ; Phí đào tạo: Đào tạo, cài đặt và hướng dẫn

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

VIETNAM TRAFFIC SIMULATION VERSION 1.0

Mã số: VN7220/306

Mô tả quy trình CN/TB: Cấu trúc của GPPM: Input: Cấu trúc mạng giao thông, phân bố rẽ trái, đi thẳng, rẽ phải của các phương tiện lưu lượng giao thông qua các nút, thời gian đèn điều khiển, cấu trúc con đường; Chương trình mô phỏng; Output: bộ chương trình animation, các kết quả về lưu lượng, vận tốc, mật độ chiếm chỗ... của các phương tiện

Lĩnh vực áp dụng: 73 Giao thông vận tải, 5043: Các hệ thống điều khiển, điều chỉnh và kiểm tra tự động

Ưu điểm của CN/TB: Đặc biệt hiệu quả cho các sở GTCC, các công ty thiết kế giao thông; Phần mềm duy nhất hiện nay có xem xét xe gắn máy hai bánh và xe bốn bánh trong giao thông

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 5000 USD. Tùy thuộc vào số lượng máy được cài đặt; Phí đào tạo: 300 USD; Phí tư vấn kỹ thuật: 200 USD

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

DỆT MAY - DA GIÀY

BÀN THÍ NGHIỆM

Mã số: VN3614/433

Mô tả quy trình CN/TB: - Thiết kế theo module đồng bộ: bàn, giá kệ, đồng bộ về kiểu dáng, rất tiện dụng cho việc lắp ghép, tiết kiệm và tận dụng hiệu quả không gian trong phòng làm việc, các kiểu lắp ghép đa dạng với các góc lồi, góc lõm, có thể kê sát tường hoặc giữa nhà tùy thiết kế theo chức năng của phòng làm việc.

Lĩnh vực áp dụng: 3105: Thiết bị dùng cho phòng thí nghiệm hoá học.

Ưu điểm của CN/TB: - Cơ động, lắp đặt theo thiết kế, giá thành rẻ hơn nhiều lần so với ngoại nhập. - Hậu mãi, bảo hành, bảo trì, thay thế nhanh. - Chất lượng bằng 80% thiết bị nhập ngoại.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ khi ký biên bản nghiệm thu, bàn giao.

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

MÁY SẤY NÓNG CHÂN KHÔNG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 34 kW; Kích thước (LxWxH): 4.600 x 1.320 x 2.020; Trọng lượng: 2.250 Kg; Điều khiển điện; Sử dụng thủy lực; Linh kiện của Nhật. Mô tơ của Đài Loan, Nhật. Cụm thủy lực của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc; Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY TÁN Ô DÊ

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: ¼ HP; Kích thước: 610 x 870 x 1.780 (mm); Điều khiển nhiệt bằng điện; Công dụng: tán ô dê; Năng suất: dùng trong dây chuyền sản xuất giày; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

MÁY THÁO FORM THUỶ LỰC

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 1HP; Kích thước: 810 x 630 x 1.120 (mm)

Trọng lượng: 170 Kg; Công dụng: tháo form trong sản xuất giày vải, giày thể thao... Sử dụng tháo được cho đủ kích cỡ giày chuẩn; Một lần tháo 1 chiếc; Điều khiển bằng điện; Linh kiện điện của Nhật. Mô tơ của Nhật, Đài Loan. Cụm thủy lực của Đài Loan, Nhật, Hàn Quốc; Năng suất: 2.000 đôi/8 giờ; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

NỒI HẤP

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP; Kích thước: 3.000 x 1.600 x 1.800 (mm); Trọng lượng: 2.500 Kg; Thể tích nồi hấp: 7.000 lít; Gia nhiệt bằng hơi; Điều khiển nhiệt bằng điện; Có van an toàn, có đồng hồ áp suất; Áp suất max: 9 Kg/cm²; Công dụng: dùng hấp giày vải, hấp lưu hóa cao su đế; Linh kiện điện của Nhật, mô tơ của Nhật, Đài Loan

Năng suất tùy thuộc vào thời gian hấp; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

TỦ SẤY LẠNH

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 2HP; Kích thước: 800 x 600 x 1.200 (mm)

Nhiệt độ tủ sấy lạnh thấp nhất: 5°C; Công dụng: sấy lạnh giày dép; Cách nhiệt bằng bông thủy tinh; Điều khiển nhiệt tự động; Linh kiện cụm lạnh, điện của Nhật; Năng suất: 50 đôi/1 lần sấy; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giày dép

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giày

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

TỦ SẤY NÓNG

Mã số: VN29543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tiêu thụ điện: 6 – 9 kW; Kích thước: 800 x 600 x 1.200 (mm); Hiệu suất đạt: 90 – 95%; Nhiệt độ tối đa: 80°C; Công dụng: sấy nóng giấy dếp; Cách nhiệt bằng bông thủy tinh; Điều khiển nhiệt tự động; Linh kiện điện của Nhật; Năng suất: 50 đôi/1 lần sấy; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài; Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Sản xuất giấy dếp

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập (Đài Loan, Hàn Quốc) Giá thành hạ (< 50%) Một số thiết bị cải tiến cho phù hợp với sản xuất trong nước

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÔ THỊ

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO CÁC HỆ THỐNG BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI

Mã số: VN3530/125

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết kế và chế tạo các loại khuôn; Chế tạo thân, cánh, đuôi, cánh lật, càng bánh xe...; Thiết kế hệ thống điện - điện tử; - Lắp ráp tổng thành - Kiểm tra cân bằng và lực nâng - Bay thử tại hiện trường - Sản phẩm. Công suất (tính theo ca): Phụ thuộc vào công suất thiết bị. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Hệ thống bay với vận tốc độ 50-70 m/sec., trần bay 2000 m, thời gian bay theo yêu cầu. Các lĩnh vực có thể áp dụng: Chụp ảnh từ trên không, phục vụ phòng chống lũ lụt, cháy rừng, cứu hộ trên biển; Thể thao giải trí

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 73: Giao thông vận tải

Ưu điểm của CN/TB: Sản phẩm có giá rẻ bằng 20-30% sản phẩm cùng loại của nước ngoài

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 200 triệu VND; Phí đào tạo: 50 triệu VND; Phí chuyển giao bí quyết: 100 triệu VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 100 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng - theo thỏa thuận với khách hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Polyme, Đại học Bách khoa Hà Nội

KHAI THÁC - CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

DẦU BẢO QUẢN VN.K17

Mã số: VN23203/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: - Ngoại quan: chất lỏng nhớt màu nâu - Độ nhớt động học ở 100 độ C: 15,5 cSt- 22 cSt - Thử nghiệm tiệt trùng chất bảo quản: giữ được - Thử ăn mòn trên tấm thép và đồng: không ăn mòn - Hàm lượng kiềm tự do tính theo NaOH: nhỏ hơn 0,05% - Hàm lượng axit hữu cơ tự do: nhỏ hơn 0,5% - Hàm lượng nước: không có - Hàm lượng tạp chất cơ học: nhỏ hơn 0,07% - Hàm lượng tro: 1,35%-2,5%

Lĩnh vực áp dụng: 59: Ngành chế tạo khí cụ, 8133: Ăn mòn và chống ăn mòn

Ưu điểm của CN/TB: Chủ động về cung cấp sản phẩm; Hiệu quả kinh tế cao; Giá thành thấp

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25.000 VNĐ/lít

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng hình thức đổi hàng nếu không đảm bảo chất lượng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

MỠ CẤP VN.39Y

Mã số: VN23203/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kỹ thuật: - Ngoại quan: khối đồng nhất màu nâu đen không vón cục - Nhiệt độ nhỏ giọt: 65 độ C- 75 độ C - Độ ổn định nhiệt độ ở 100 độ C qua 7 giờ: dạng bên ngoài: không vón cục và tạo gelatin; độ bay hơi: nhỏ hơn 0,2% - Độ bền lạnh ở -25 độ C: giữ được - Thử ăn mòn trên tấm thép mác 45 hoặc mác 50: không ăn mòn - Hàm lượng nước: không có - Hàm lượng tạp chất cơ học dính: không có.

Lĩnh vực áp dụng: 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Chủ động về cung cấp sản phẩm; Hiệu quả kinh tế cao; giá thành thấp

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 28.000 VNĐ/kg

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng, hình thức đổi hàng nếu không đảm bảo chất lượng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN

CÁC NHÓM LỢN MÓNG CÁI CHẤT LƯỢNG CAO

Mã số: VN0123/1

Mô tả quy trình CN/TB: Là giống lợn Móng Cái cao sản được chọn lọc từ 7 nhóm huyết thống từ năm 1997. Dùng làm nái nền để lai tạo với các giống lợn ngoại tạo con giống hay lợn lai nuôi thịt có chất lượng cao.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Dễ nuôi, khả năng kháng bệnh cao, tận dụng được nhiều loại thức ăn. Chi phí thấp. Khả năng sinh sản cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30.000 - 40.000 VNĐ/kg

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CHẾ PHẨM KÍCH DỤC TÔ "HUYẾT THANH NGỰA CHỮA TINH CHẾ"

Mã số: VN0122/1

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sử dụng; có nguồn gốc tự nhiên nên không để lại tồn dư; rẻ hơn rất nhiều so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 7000 đồng/1 lọ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN TRỨNG THƯƠNG PHẨM BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHUN DẦU

Mã số: VN0124/756

Mô tả quy trình CN/TB: -Trứng thương phẩm muốn bảo quản được lâu ngày phải có kho mát, nhiệt độ luôn dưới 10°C. Đây là một vấn đề khó khăn cho các chủ trang trại và người kinh doanh. Nếu không được bảo quản tốt chỉ sau 1 tuần là trứng đã kém chất lượng và tỷ lệ thối hỏng sẽ tăng lên, nhất là trong mùa hè trứng càng mau giảm chất lượng, gây nên sự không an toàn cho người tiêu dùng - Trứng được bảo quản bằng phương pháp phun dầu, nó không bị tác động mạnh bởi nhiệt độ môi trường, kéo dài được thời gian bảo quản trong điều kiện tự nhiên, hạn chế khả năng mất nước và ngăn cản vi sinh vật xâm nhập vào trứng. 2.1.Vật liệu cần chuẩn bị -Khay nhựa chuyên dùng để đựng trứng -Chậu nhựa có dung tích lớn để pha dung dịch sát trùng -Bình phun dầu có thể bằng máy điện hoặc bơm phun bằng tay (phun nước tưới cây cảnh) -Phun dầu: dầu trắng y học (Medical White oil) sản phẩm của công nghiệp hoá dầu. Hoặc có thể dùng dầu ENGOL-HD/40 của hãng BP hoặc VISCOSITY-15 hoặc MOBIL WHITEREX-307-15 2.2.Thu gom trứng Trong vòng 24 giờ sau khi đẻ, toàn bộ trứng của trang trại cần được thu gom và xếp vào các khay chuyên dùng, để ở nơi thoáng mát, không xếp chồng lên nhau 2.3.Chọn trứng -Loại bỏ những quả dị hình, vỏ vôi quá mỏng, quả dập, nứt... tỷ lệ thường từ 0,7-2% 2.4.Vệ sinh vỏ trứng -Loại bỏ các vết dính bẩn (đất, rác, vết máu)

trên vỏ trứng, dùng khăn mềm hoặc giấy lau để vệ sinh 2.5. Rửa trứng - Pha chế nước rửa trứng, phải dùng nước sạch không dùng nước ao hồ, tốt nhất là nên dùng nước đun sôi để nguội - Dung dịch rửa trứng (Egg cellent Detergent) có tính sát trùng, có thể dùng nước JAVEN nồng độ pha 1% - Trứng xếp vào khay nhựa, cho đầu to của trứng lên trên, đưa cả khay trứng nhúng chìm trong chậu nước JAVEN 1% nói trên, sau đó bỏ ra để cả khay trên mặt bàn nơi thoáng mát chờ ráo nước 2.6. Phun dầu - Các khay trứng sau khi đã rửa, để ráo nước được xếp dàn đều trên nền nhà hoặc trên sàn mặt phẳng - Dùng một trong các loại dầu nói trên cho vào bình bơm để phun - Khi phun phải đều tay, chỉ cần một lớp mỏng phủ lên vỏ trứng, sau đó xếp lên dàn bảo quản ở điều kiện tự nhiên, nếu có kho mát bảo quản kết hợp càng kéo dài được thời gian bảo quản trứng 2.7. Tên sản phẩm - Công nghệ bảo quản trứng thương phẩm bằng phương pháp phun dầu 2.8. Công suất - Đáp ứng thoải mái nhu cầu. Nếu số lượng dưới 10.000 quả/ngày nên dùng bơm phun tay, số lượng lớn hơn có thể dùng máy phun 2.9. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Tc nước ngoài (Úc) 2.10. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật - Thời gian kéo dài tăng 4 lần so với trứng không được phun dầu - Góp phần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và quyền lợi người tiêu dùng, tăng hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu được phối hợp của một số cơ quan nghiên cứu, trường Đại học dưới sự trợ giúp kỹ thuật của dự án thuộc ACIAR-Australia

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ áp dụng trong sản xuất - Nguyên liệu trong nước sẵn có - Chi phí nhỏ, hiệu quả lớn - Không ảnh hưởng đến môi trường

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Khuyến khích sản xuất

Thời gian và hình thức bảo hành: Cử cán bộ giúp đỡ cơ sở

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHẨN ĐOÁN NGUYÊN NHÂN CHẠM SINH Ở BÒ BẰNG KỸ THUẬT MIỄN DỊCH ENZYME- EIA- P4 VÀ SIÊU ÂM

Mã số: VN0142/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN các mẫu sữa hoặc huyết tương bằng kỹ thuật EIA- P4 cho kết quả chính xác sau 5-6 giờ, siêu âm trên máy

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi, 6841: Thú y

Ưu điểm của CN/TB: Xác định nhanh và chính xác; Đưa ra các phác đồ điều trị thích hợp, hiệu quả cao

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI GIỐNG GIA SÚC HIỆN ĐẠI (LỢN, GIA CẦM, BÒ) VÀ THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO NGÀNH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO (THIẾT BỊ CHUỒNG TRẠI, THIẾT BỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CON GIỐNG, THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH...)

Mã số: VN0142/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ chăn nuôi giống gia súc hiện đại là một công nghệ tổng hợp, kỹ thuật cao nhằm đạt một hiệu quả kinh tế cao và sản xuất những protein động vật có chất lượng cao

phục vụ cho nhu cầu ngày càng phát triển của con người. Trong chăn nuôi con giống có các công nghệ bộ phận như công nghệ thụ tinh nhân tạo, công nghệ chọn giống, công nghệ nhân giống, công nghệ lai tạo, công nghệ dinh dưỡng... Giống chia thành các cấp loại khác nhau như cụ kị, ông bà, bố mẹ và thương phẩm. Các cấp giống khác nhau có quy trình chăn nuôi, chọn lọc riêng và ở mức độ đầu tư khác nhau. Mỗi một loại gia súc, gia cầm có những quy trình riêng phù hợp với khả năng sinh học và mục đích con người... Đi theo các công nghệ hiện đại khác nhau có các thiết bị thí nghiệm, kiểm tra, thiết bị chăn nuôi chuồng trại, thiết bị an toàn, thiết bị xử lý môi trường, tiêu khí hậu... và các thí nghiệm dụng cụ khác nhau. So sánh với công nghệ chăn nuôi phổ thông và truyền thống của Việt Nam hiện tại, công nghệ chăn nuôi hiện đại có những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hơn hẳn như sau (tùy theo loại hình công nghệ và mức độ đầu tư): - Tiết kiệm nhân lực: 10-50% - Tiết kiệm diện tích sản xuất: 100-300% - Tiết kiệm chi phí (không kể nhân lực): 10-20% - Giảm chi phí và rủi ro cho dịch bệnh (chi phí thuốc phòng và chữa bệnh) - Tăng cường công tác quản lý con giống, đảm bảo chất lượng con giống - Hiệu quả kinh tế tăng từ 20-25% Công suất: tùy theo mức độ đầu tư và phát triển và nhu cầu của cơ sở sản xuất chăn nuôi TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Có thể áp dụng cho nhiều đối tượng chăn nuôi: chăn nuôi tập trung hoặc phân tán; trại giống hoặc trại hộ chăn nuôi gia đình; So với thiết bị ngoại nhập giá thành chỉ bằng 50%; Chất lượng đảm bảo; lắp ráp dễ dàng, dễ điều khiển, dễ thay thế và vận chuyển

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Từ 1 đến 5 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Kỹ thuật lợn giống Trung ương

CÔNG NGHỆ GEN XÁC ĐỊNH NHANH GIỚI TÍNH PHÔI BÒ 7 NGÀY TUỔI

Mã số: VN0121/764

Mô tả quy trình CN/TB: Vật liệu: phôi bò 6-7 ngày tuổi. Phôi sau khi thu hoạch được cắt một phần nhỏ, tiến hành chạy nhân gen - PCR để xác định giới tính. Các bước tiến hành: + Thu hoạch phôi. Tách ADN phôi; + Nhân gen - PCR và chạy điện di kiểm tra kết quả. Sau hai giờ có thể cho kết quả phôi bò 7 ngày tuổi là đực hay cái. Độ chính xác 100%.

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: - Là phương pháp nhanh và chính xác nhất (100%) để xác định giới tính phôi bò - Có tỷ lệ thành công hơn hẳn các phương pháp khác như: Nhuộm thể Barr, phương pháp phân tích nhiễm sắc thể, phương pháp nhuộm huỳnh quang, phương pháp miễn dịch...

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100.000.000 VNĐ; Phí đào tạo: 40.000.000 VNĐ; Phí chuyển giao bí quyết: 40.000.000 VNĐ; Chi phí khác: Thảo luận trực tiếp với khách hàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC CÁ NGỪ BẰNG NGHỆ LƯỚI VÂY

Mã số: VN0500/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Lưới vây cá ngừ được thiết kế bằng vật liệu sợi nylon hiện có ở trong nước, có chiều dài, chiều cao và kích thước mắt lưới phù hợp để vây bắt đàn cá ngừ. Lưới được trang bị cho tàu đánh cá có công suất lớn hơn 300CV. Dò tìm và bám theo đàn cá bằng mắt thường

và máy dò cá ngang sonar. Cho tàu tiếp cận đàn cá và tiến hành vây bắt khi điều kiện ngư trường thuận lợi, áp dụng phương pháp sơ chế và bảo quản cá ngay sau khi bắt lên tàu.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ khai thác lưới vây cá ngừ đã được thử nghiệm thực tế, chi phí sản xuất thấp và đạt hiệu quả sản xuất cao (mê lưới đạt năng suất khai thác 25 tấn). Lưới vây được chế tạo từ vật liệu sẵn có trong nước, áp dụng phù hợp với cỡ tàu thuyền và trình độ ngư dân. Đặc biệt, bước đầu áp dụng máy dò cá ngang sonar để tìm phát hiện đàn cá trên biển. Lần đầu tiên được áp dụng ở Việt Nam, thay thế các nghề khai thác có năng suất thấp.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Đủ thời gian để đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đảm bảo thành công việc chuyển giao công nghệ và đạt hiệu quả sản xuất cao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC MỰC ĐẠI DƯƠNG (STHENOTEUTHIS OUALANIENSIS) BẰNG LƯỚI CHỤP MỰC

Mã số: VN0500/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Lưới chụp mực được thiết kế bằng vật liệu sợi tổng hợp hiện có ở trong nước, sử dụng 4 tầng gông bằng gỗ để căng lưới trên tàu cá. Thu hút mực tập trung bằng hệ thống ánh sáng, khi mật độ mực đến đủ lớn tiến hành đánh bắt. Áp dụng phương pháp sơ chế và bảo quản mực ngay sau khi bắt lên tàu

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị được chế tạo từ vật liệu sẵn có trong nước, áp dụng phù hợp với cỡ tàu thuyền và trình độ ngư dân, chi phí sản xuất thấp và năng suất cao (gấp 2,97 lần so với năng suất khai thác mực ống vùng gần bờ). Lần đầu tiên được áp dụng ở Việt Nam, thay thế các nghề khai thác mực đại dương hiện nay có năng suất thấp và không an toàn cho ngư dân khi hoạt động nghề trên biển

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Đủ thời gian để đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đảm bảo thành công việc chuyển giao công nghệ và đạt hiệu quả sản xuất cao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

CÔNG NGHỆ NHÂN GIỐNG SAN HÔ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã số: VN0500/1

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

CÔNG NGHỆ NUÔI CÂY MÔ TẾ BÀO VÀ GIÂM HỒM CHỒI NON CHO BẠCH ĐÀN, KEO LAI VÀ MỘT SỐ LOÀI CÂY KHÁC (CÂY HỒNG, CÂY TẾCH...)

Mã số: VN0201/1

Mô tả quy trình CN/TB: (Kèm sơ đồ qui trình công nghệ) - Công suất: 3.000.000 cây giống /năm - Đạt TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Sản xuất cây giống đầu dòng với số lượng lớn, đảm bảo tính di truyền, giá thành hợp lý.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÂY GIỐNG CÓ MŨI SẠCH BỆNH

Mã số: VN011322/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới 3 cấp sản xuất giống cây có mũi sạch phục vụ sản xuất + Nhà lưới bảo quản cây giống đầu dòng + Nhà lưới bảo quản cây cung cấp mắt ghép + Nhà lưới sản xuất cây giống sạch bệnh; Quy trình công nghệ vi ghép đỉnh sinh trưởng để phục vụ trắng và làm sạch bệnh các giống cam quýt truyền thống và nhập nội Gồm 3 bước: Bước 1: Chuẩn bị gốc ghép lần 1. - Hạt gốc ghép gồm các giống cam 3 lá và bưởi chua, được bóc sạch và khử trùng bằng dung dịch Javel 1% trong 5 phút, gieo trên môi trường thạch chứa dinh dưỡng trong ống nghiệm đặt trong buồng tối nhiệt độ 28 độ C - Tiêu chuẩn cây gốc ghép: chiều cao 10-12cm, đường kính thân 1,5-2mm Bước 2: Chuẩn bị đỉnh sinh trưởng Các chồi non được lấy trực tiếp từ các cây được bình tuyển của địa phương, hoặc thu mắt ghép rồi giữ giống trong nhà lưới để chủ động thu đỉnh sinh trưởng trong mọi thời gian Bước 3: Kỹ thuật vi ghép - Vi ghép theo kiểu chữ T hoặc chữ V Cây con sau vi ghép được đặt trong ống nghiệm có sẵn môi trường lỏng. Cây được bảo quản ở nhiệt độ 28 độ C, cường độ ánh sáng 1000 lux trong 16 giờ hàng ngày bằng đèn huỳnh quang. Sau khi ghép cây lần 2, cây được bao trùm túi nilon khoảng 3 tuần. Nếu cây ghép sống, chuyển cây ra chậu to và bảo quản trong nhà lưới chống côn trùng; Chẩn đoán bệnh greening và tristeza trên cây có mũi bằng công nghệ sinh học phân tử Ứng dụng kỹ thuật PCR để chẩn đoán bệnh greening và kỹ thuật ELISA để chẩn đoán bệnh Tristeza. Ứng dụng này không chỉ phục vụ trực tiếp sản xuất cây có mũi sạch bệnh cho các địa phương trong vùng dự án mà còn đáp ứng nhu cầu chẩn đoán của các cơ quan nghiên cứu và sản xuất liên quan đến các giống cây có mũi sạch bệnh; Quy trình sản xuất cây giống cây có mũi sạch bệnh trên cơ sở hệ thống nhà lưới ba cấp; - Kỹ thuật làm sạch bệnh và sản xuất cây giống cấp So + Chọn cây có năng suất cao và phẩm chất tốt + Vi ghép đỉnh sinh trưởng + Kiểm tra bệnh Greening bằng kỹ thuật PCR và bệnh Tristeza bằng kỹ thuật ELISA - Kỹ thuật sản xuất cây giống + Cây mẹ đầu dòng (So) → Cây cung cấp mắt ghép (S1) → Cây sản xuất + Tất cả tiến hành trong nhà lưới Cây gốc ghép: Cây cháp được dùng làm gốc ghép cho các giống cam, quýt và bưởi chưa được dùng cho các giống bưởi khác nhau Hỗn hợp bầu: Ứng dụng kỹ thuật làm bầu không đất và cải tiến chất nền trong hỗn hợp cho phù hợp với nguyên vật liệu sẵn có ở từng địa phương Kích thước túi bầu cũng được cải tiến với đường kính 17 cm chiều cao 35 cm đủ đảm bảo rễ cọc của cây giống lưu giữ trong vườn ươm 12-14 tháng không bị uốn cong lưỡi câu thuận lợi cho sự phát triển của cây sau khi trồng ngoài sản xuất đại trà Kỹ thuật ghép: Ứng dụng kỹ thuật ghép mắt gỗ nhỏ có gỗ Sử dụng giấy parafine thay cho dây nilon. Ghép bằng dây nên thì mầm tự đội qua giấy và phát triển

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Sinh học, Viện Bảo vệ thực vật

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GÀ LÔNG MÀU KABIR NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO

Mã số: 01241/831

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Gà Kabir có sức đề kháng tốt, màu sắc lông phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, khả năng sinh trưởng cao, chất lượng thịt tốt đủ tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu. Tỷ lệ năng suất đạt 96-98% so với công nghệ nước ngoài. Có thể phổ cập nuôi rộng rãi trong sản xuất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Gà bố mẹ: 10-12.000đ/con; gà thương phẩm 3-5.000đ/con theo thời điểm

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GÀ LÔNG MÀU LƯƠNG PHƯỢNG NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO

Mã số: 01241/832

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ, cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Gà lương phượng sức đề kháng tốt, dễ nuôi. Màu sắc lông tương tự như gà địa phương phù hợp với thị trường Việt Nam Nuôi bố mẹ và nuôi Broiler được áp dụng rộng rãi tại các địa phương là giống gà chăn thả năng suất chất lượng cao nuôi phổ biến nhất hiện nay

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Năm: 2003

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Gà bố mẹ 8-10.000đ/con; gà thương phẩm 3-4.000đ/con theo thời điểm

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GẠO BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÔNG SỬ DỤNG HOÁ CHẤT ĐỘC HẠI

Mã số: VN0141/1

Mô tả quy trình CN/TB: Sản xuất gạo bằng phương pháp không sử dụng hoá chất độc hại. Không bón phân hoá học, không thuốc trừ sâu, diệt cỏ. Đây là một phương pháp sản xuất lúa gạo theo phương pháp truyền thống kết hợp với phương pháp hiện đại Phương pháp truyền thống: làm đất, nước đủ, giống tốt, chăm sóc tốt Hiện đại: thay thế phân bón bằng năng lượng sinh học Công suất: năng suất ngang bằng với trồng lúa thông thường TCVN, TCNN Chi phí đầu tư thấp giá trị sản phẩm cao.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng gạo sạch và an toàn; không gây ô nhiễm môi trường; Giá trị sản phẩm này bán cao hơn sản phẩm cùng loại được trồng theo phương pháp khác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: 20.000.000 VND; Phí chuyển giao bí quyết: 50.000.000 VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 20.000.000 VND

Thời gian và hình thức bảo hành: Qua 3 vụ cho đến khi thành thạo kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Doanh nghiệp Đức Tiến

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NẤM VÂN CHI (TRAMETES VERCICOLOR) VÀ CÁC CHẾ PHẨM THỰC DƯỠNG THUỐC PHÒNG CHỮA BỆNH UNG THƯ, VIÊM GAN TỬ NẤM VÂN CHI

Mã số: VN0111/313

Mô tả quy trình CN/TB: 1. Nhân giống: ống thạch - hạt sorgan 1 - hạt sorgan 2; 2. Sản xuất nấm: Mùn cưa - Tạo sợi, bổ sung dinh dưỡng - Vào túi PP - Khử trùng - Cây giống - ủ từ - Tạo quả thể - Thu hái; 3. Làm túi lọc: Quả thể sấy - Nghiền - Vào túi lọc - Đóng gói; 4. Làm viên nang cứng: Quả thể - Chiết nước nóng - Cô đặc - Sấy phun - Vào nang - Đóng gói; Công suất: Theo nhu cầu; Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài; Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: đạt tỷ lệ polysaccharide theo tiêu chuẩn Hàn Quốc

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản, có thể sản xuất từ quy mô hộ gia đình đến quy mô công nghiệp

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150 triệu đồng; Phí đào tạo: 10 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 20 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 10 triệu đồng; Chi phí khác: 10 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Phân Viện Hóa học các Hợp chất Thiên Nhiên

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NGAN PHÁP NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO

Mã số: 01241/827

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN KHÔNG DÙNG ĐẤT

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: - Gieo, trồng rau an toàn bằng công nghệ không dùng đất - Phân bón được sử dụng trên 10 nguyên tố đa vi lượng. Hệ thống tưới tự động hoặc bán tự động theo thời gian và lưu lượng thích hợp cho từng thời kỳ sinh trưởng, phát triển của mỗi loại cây. - Nguồn nước lấy từ giếng đảm bảo an toàn. - Tưới nhỏ giọt dưới dạng dung dịch được cung cấp đầy đủ từ lúc cây con đến mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của từng cây rau - Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động hoặc bán tự động dưới dạng dung dịch theo thời gian và lưu lượng - Sản xuất cây con giống và trồng hoàn toàn trong nhà lưới có mái che đủ ánh sáng Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TCNN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Gieo và trồng rau hoàn toàn không dùng đất (trên giá thể có sẵn trong nước), nên không bị ô nhiễm các loại kim loại nặng, hoá chất bảo vệ thực vật, vi sinh vật có hại...; Nguồn nước tưới lấy từ giếng không bị ô nhiễm các loại độc tố; Quản lý được phân bón; Tưới nhỏ giọt bán tự động hoặc tự động dưới dạng dung dịch theo thời gian và lưu lượng, giúp cho cây hút trực tiếp, đồng đều và tiết kiệm; Cây được cung cấp đầy đủ các loại phân bón, từ lúc cây con giống đến các giai

đoạn sinh trưởng, phát triển do đó chúng phát huy được tiềm năng về năng suất và chất lượng của giống; Trồng trong nhà lưới không dùng đất, nên không giải thanh trùng nền trồng như ở ngoài đồng ruộng, hạn chế được sâu bệnh, hạn chế đến mức tối đa việc phun thuốc trừ sâu; rau trồng trong nhà có mái che nên luôn chủ động thời vụ, đặc biệt trồng được cả trái vụ, hạn chế rủi ro; các công việc nặng nhọc nhất của người trồng rau được giải phóng; sau mỗi vụ trồng có thể trồng tiếp luôn mà không phải cây bừa, lên luống, làm cỏ, bón phân; Công nghệ này có thể tận dụng được những diện tích không có khả năng canh tác; Tiết kiệm được nước tưới và phân bón; Có khả năng điều chỉnh chính xác pH và EC dễ dàng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Thỏa thuận với khách hàng (tuỳ theo quy mô)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Nông nghiệp I

CÔNG NGHỆ TRỒNG CÁC GIỐNG SORGHUM MỚI CÓ NĂNG XUẤT CAO, CHỊU HẠN

Mã số: VN 01119/1

Mô tả quy trình CN/TB: Các giống Sorghum mới: Giống cho hạt: 5-8 tấn/ha/vụ. Giống thức ăn xanh đại gia súc: 150-200 tấn/ha/vụ. Giống lưỡng dụng vào cho hạt (3 tấn/ha/vụ) vừa cho nhân làm giống. Quy trình công nghệ trồng trọt các giống trên: CÀY Bừa - BÓN LÓT - GIEO HẠT - LÀM CỎ CHĂM SÓC - THU HOẠCH, BẢO QUẢN.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Thời gian trồng ngắn: 85 ngày (một số giống ...). Chịu khô hạn (có khô hạn không bị mất trắng như ngô). Chịu mặn khá. Năng suất cao. Hàm lượng protein trong hạt cao hơn lúa, bắp. Mức độ phát triển của TB/CN: Đã trồng triển khai ở số tỉnh (An Giang, Bình Phước).

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Phân Viện Hóa học các Hợp chất Thiên Nhiên

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ CHO VƯỜN ƯƠM CÂY TƯỚI PHUN TỰ ĐỘNG QUY MÔ 200.000- 1.000.000 (CÂY/NĂM)

Mã số: VN0142/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thiết bị nhà lưới có mái che phục vụ cho công nghệ nhân giống bằng hom và hệ thống tưới phun tự động trong nhà và vườn chăm sóc cây con. Thiết bị dùng cho các vườn ươm giống cây và các vườn thực vật, vườn giống cây

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành thấp; phù hợp với miền núi và trung du; Quy mô mở: từ nhỏ đến lớn

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng

DÒNG CHIM BÒ CÂU PHÁP MIMAS

Mã số: 01241/829

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Với hình thức nuôi nhốt có thể tăng quy mô đàn lên nhiều lần so với phương thức chăn nuôi truyền thống, dễ quản lý tạo ra nghề nuôi mới tăng thu nhập cho người nông dân.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 130.000VND/1 đôi 6 tháng tuổi

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DÒNG CHIM BÒ CÂU PHÁP TI TAN

Mã số: 01241/828

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Với hình thức nuôi nhốt có thể tăng quy mô đàn lên nhiều lần so với phương thức chăn nuôi truyền thống, dễ quản lý. Tạo ra nghề nuôi mới tăng thu nhập cho người nông dân.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 130.000VND/1 đôi 6 tháng tuổi

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DÒNG CHIM BÒ CÂU PHÁP VN1

Mã số: 01241/830

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Với hình thức nuôi nhốt có thể tăng quy mô đàn lên nhiều lần so với phương thức chăn nuôi truyền thống, dễ quản lý. Tạo ra một nghề nuôi mới tăng thu nhập cho người nông dân

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 120.000VND/1 đôi 6 tháng tuổi

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DUNG DỊCH PHÁT HIỆN NHANH BỆNH VIÊM VÚ Ở BÒ SỮA (CMT)

Mã số: VN0121/1

Mô tả quy trình CN/TB: Phát hiện bệnh viêm vú cận lâm sàng ở bò sữa trong vòng 30 giây

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành bằng 50% giá nhập ngoại, chất lượng tương đương.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Giá bán dung dịch: 70.000 VND/lít

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

GIỐNG GÀ CHĂN THẢ NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO, GIỐNG NGAN CAO SẢN, GIỐNG ĐÀ ĐIỀU CHÂU PHI, BA DÒNG CHIM BÒ CÂU

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: Gà chăn thả: Lv1, LV2, LV3, Kabiz, Sasso, Ai cập và gà Sao, gà Ác; Ngan

siêu nặng: R51, R71; Đà điều châu Phi Ostrich; Chim bồ câu NV1, TITAN, MIMASS.

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Năng suất cao, chất lượng tốt, dễ chăm sóc nuôi dưỡng, giá thành thấp, chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế cao

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Gà bố mẹ Lv: 9.000 - 10.000 VNĐ/con một ngày tuổi; Đà điều giống: 2.600.000 - 2.700.000 VNĐ/con 3 tháng tuổi; Ngán bố mẹ: 18.000 - 20.000 VNĐ/con 1 ngày tuổi; Gà Ai cập sinh sản: 6.000VNĐ/con 1 ngày tuổi; Chim bồ câu giống: 150.000VNĐ/đ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

GIỐNG GÀ H'MÔNG

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: Là giống gà xương đen, thịt đen. Có nguồn gốc từ vùng núi cao được thuần hoá và chọn lọc tại Viện Chăn nuôi. Được dùng làm thuốc bắc và các món ăn đặc sản: gà nướng, gà nấu lẩu.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Là giống gà đặc sản của người H'mông, được dùng làm thuốc và thực phẩm cao cấp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Giá gà giống: 6.000 VNĐ/gà con 1 ngày tuổi; Phí đào tạo: Có thể học chăn nuôi

Thời gian và hình thức bảo hành: Vịt giống được tiêm phòng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

GIỐNG LÚA THƠM NGẮN NGÀY NĂNG SUẤT SIÊU CAO (110-115 NGÀY, NĂNG SUẤT 8-10 TẤN/HA)

Mã số: VN0111/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là giống lúa thơm có nguồn gốc (mật) được tạo ra bằng phương pháp (mật) có cây cao từ 1,3-1,5m, mật độ gieo cấy 300-350 bông/m², năng suất 8-10 tấn/ha (cao nhất thế giới hiện nay). hạt dài 0,8cm, ngang 0,25cm, trấu vàng nhạt, sáng, cảm trong, gạo trong, tỷ lệ gạo 70-72%, trên 90% hạt nguyên, cơm ngon, vị đậm, thơm nhẹ. Chịu hạn, nước ngập 20-30cm, thích nghi rộng, cây vụ mùa phía Bắc, 2-3 vụ phía Nam. Tính miễn dịch sâu, rầy và các loại bệnh rất cao, đòi hỏi thâm canh (bón phân) trung bình. Bông dài 20-22cm, dạng đuôi chồn, 150-250 hạt/bông, tỷ lệ hạt chắc rất cao, trên 90%. Trọng lượng 1000 hạt/20-21gr. Chịu mặn giỏi. Đem lại thu nhập rất cao, khoảng 25-30 triệu VNĐ/ha. Lãi suất lớn gấp 2 lần các giống thơm khác hiện nay.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng ngang bằng các giống thơm tốt, năng suất, tính thích nghi rộng, tính chịu hạn, úng, sâu, rầy, bệnh hại vượt xa các giống tốt nhất hiện nay (cả trong nước và nước ngoài).

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10.000.000 USD (mười triệu đô la Mỹ); Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyên giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành vĩnh viễn, bất cứ lúc nào bên mua gặp khó khăn yêu cầu bên bán giúp tháo gỡ đều được sẵn sàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty Thần Nông

GIỐNG VỊT BÀU QUỲ

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: Là giống vịt thịt có nguồn gốc từ huyện Quỳnh Châu- Nghệ An, được thích nghi và chọn lọc tại Viện Chăn nuôi

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Có chất lượng thịt tốt nhất hiện nay. Thịt thơm, ngọt, không hôi, không nhũn như một số giống vịt khác

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Vịt con: 4.000đ/con; Vịt giống: 40.000đ/kg

Thời gian và hình thức bảo hành: Vịt giống được tiêm phòng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

GIỐNG VỊT, NGAN CAO SẢN

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: Vịt siêu thịt SM; Ngan Pháp R71; Vịt siêu trứng cv 200; Con lai ngan - vịt

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Cho năng suất cao và chất lượng tốt. Giá thành hạ

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Ngan bố mẹ: 15.000 VNĐ/con sơ sinh; Vịt siêu thịt bố mẹ: 10.000 VNĐ/con sơ sinh; Vịt siêu trứng: 6.000 VNĐ/ con mái sơ sinh

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

KỸ THUẬT NUÔI CHIM BÒ CẦU PHÁP

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng: chọn giống: để chăn nuôi chim bồ câu cho hiệu quả kinh tế cao, chim bồ câu được chọn phải đảm bảo yêu cầu: khoẻ mạnh, lông mượt, không có bệnh, dị tật, lanh lợi. Lên mùa chim 06 tháng tuổi đã ghép đôi; Chuồng nuôi và thiết bị: chuồng nuôi phải có ánh sáng mặt trời, khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, yên tĩnh, tránh gió lùa, tránh ồn ào. Lồng nuôi chim: mỗi cặp chim cần 01 ô chuồng có thể làm bằng tre, gỗ, hay lưới sắt... Kích thước mỗi ô chuồng như sau: Chiều cao 40cm, chiều sâu 40cm, chiều rộng 50cm. ô đẻ: mỗi ô chuồng cần 02 ô đẻ và ấp trứng đặt ở trên, 01 ô nuôi con đặt dưới; kích thước ô: đường kính 20-25cm, chiều cao:

07-08cm. máng ăn: có thể dùng máng bằng tre hoặc bằng tôn, kích thước máng dài 15cm, rộng sâu: 05cm; máng uống: đảm bảo tiện lợi và vệ sinh; máng đựng thức ăn bổ sung; kích thước như máng uống, nên dùng bằng gỗ hoặc chất dẻo, không nên làm bằng kim loại. Dinh dưỡng thức ăn nuôi chim: nhu cầu về dinh dưỡng: tùy theo giai đoạn phát triển của chim, sau đây là nhu cầu cần thiết cho chim sinh sản. Bỏ câu nuôi nhốt rất cần chất khoáng, đặc biệt là muối ăn, do đó phải bổ sung thường xuyên vào các máng ăn riêng cho chim ăn tự do. Thức ăn khoáng bổ sung được trộn theo công thức sau: khoáng Premix 85%, muối ăn 5%, sỏi nhỏ 5%; Lượng thức ăn tiêu thụ: chim dò: 80g/đôi/ngày, chim sinh sản: khi nuôi con: 120-130g/đôi/ngày, lượng thức ăn/đôi sinh sản/năm: 42-43 kg. Chăm sóc nuôi dưỡng: chim non (0-28 ngày tuổi) chim mới nở rất yếu, ít lông, chưa mở mắt và tự ăn được, việc nuôi dưỡng hoàn toàn phụ thuộc vào bố mẹ, nên chăm sóc nuôi dưỡng có tính chất quyết định, chim dò (2-6 tháng tuổi) sau 28 ngày chim con tách mẹ gọi là chim dò, sau khi rời tổ chim còn yếu khả năng đề kháng và khả năng tiêu hoá kém dễ bị bệnh nên phải nuôi riêng. Chim sinh sản: giai đoạn này phải theo dõi kịp thời khi chim đẻ, bổ sung lót ổ bằng rơm sạch sẽ và dài để chim ấp trứng đảm bảo, khi nuôi con cần thay ổ thường xuyên 02lần/tuần và tránh tích tụ phân tại ổ đẻ

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Chim giống và chim thịt có chất lượng cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG CÁ BỚP

Mã số: VN050011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN Công suất: 10.000 con/ca Cá thành thực tự nhiên và cá nuôi vỗ □
 Tiêm KDT → vượt trứng và mổ lấy tinh → gieo tinh (thụ tinh) → ấp trứng ở độ mặn 17 phần nghìn + Sục khí nhẹ → cá bột → cá hương → cá giống → ao, đầm nuôi □ thương phẩm. Sơ đồ kỹ thuật sản xuất giống cá bớp: + Cá thành thực tự nhiên → tiêm (LRH+HCG+DOM) □ vượt trứng (khay+ bát) → Gieo tinh khô (bát+ chậu) → ấp trứng (17 phần nghìn+ sục khí) □ cá bột (17 phần nghìn+ sục khí) → cá hương → cá giống (thức ăn chế biến) + Cá nuôi vỗ (vitamin+khoáng) → tiêm → lấy se (giải phẫu) → gieo tinh khô (bát+chậu) → ấp trứng → cá bột → cá hương → cá giống

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Chủ động được nguồn cá giống có chất lượng tốt; Giá thành rẻ, không phụ thuộc vào nguồn cá tự nhiên; Bổ sung nguồn con giống để tái tạo nguồn lợi

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 500.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 150.000.000đ; Phí tư vấn kỹ thuật: 100.000.000đ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

KỸ THUẬT TRỒNG VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ GIỐNG CỎ HỌ ĐẬU, HOÀ THẢO LÀM THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Mã số: VN0111/1

Mô tả quy trình CN/TB: Làm đất; Chọn giống; Trồng; Chăm sóc; Thu hoạch; Sử dụng. Cỏ họ đậu

cho năng suất từ 40-60 tấn/ha. Hàm lượng protein từ 17-22%; Cỏ hoà thảo cho năng suất chất xanh từ 100-200 tấn/ha. Hàm lượng protein từ 9-11%.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Kỹ thuật sản xuất cây thức ăn cho năng suất, chất lượng cao nhất ở Việt Nam. Lựa chọn giống phù hợp với đối tượng gia súc, đất đai, khí hậu của từng vùng. Tạo nguồn thức ăn xanh chủ động, cân đối giữa các mùa trong năm.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Trong suốt thời gian sản xuất sẽ được tư vấn kỹ thuật

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

LỢN Ỉ GIỒNG

Mã số: VN0123/1

Mô tả quy trình CN/TB: Là giống lợn lâu đời của Việt Nam, sau một thời gian dài bị giảm số lượng, nay đã được cứu vãn. Là giống lợn đẹp, có thịt mỡ ngon

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Dễ nuôi, cho sản phẩm độc đáo

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Lợn giống: 30.000đ/kg hơi

Thời gian và hình thức bảo hành: Được tiêm phòng các loại Vacxin cần thiết

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

MÔ HÌNH 3 VỤ CÂY LƯƠNG THỰC ĐẠT NĂNG SUẤT NĂM TỪ 20-25 TẤN/HA (PHÍA BẮC VIỆT NAM); TỪ 30-35 TẤN/HA/NĂM, Ở VÙNG CÓ TƯỚI TRONG MÙA KHÔ (PHÍA NAM VIỆT NAM) VÀ CÓ ĐỀ BAO MÙA MƯA

Mã số: VN0111/1

Mô tả quy trình CN/TB: Vượt xa tiêu chuẩn VN và nước ngoài; Ở phía Bắc Việt Nam, trên đất trồng 2 vụ lúa, 1 vụ lúa + 1 vụ màu + 1 vụ ngô thu đông chỉ đạt năng suất lương thực cả năm là 14-16 tấn/ha. Nay áp dụng công nghệ mới (chuyển đổi cơ cấu sản xuất, kết hợp đổi mới công nghệ gieo trồng, cho phép đạt 20-25 tấn hạt/ha/năm. Ở phía Nam Việt Nam, vùng chủ động nước, có đề bao, hiện nay sản xuất 3 vụ cây lương thực đạt 15-17 ha/năm. Nay dùng giống lúa ngắn ngày, năng suất cao, kết hợp luân canh ngô để đạt 4 vụ/năm. Đạt năng suất từ 30-35 tấn/ha/năm. Cả hai mô hình đều tăng từ 40-55% (phía Bắc) và tăng 100% sản lượng/ha/năm (phía Nam). Thu nhập đạt 50-60 triệu VNĐ/ha (Bắc) và 70-75 triệu VNĐ/ha/năm (Nam). Xóa đói, giảm nghèo, tăng cao thu nhập cho người dân.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam và trên thế giới. Là công nghệ mới giúp người sản xuất tăng đột biến sản lượng và năng suất của cả hệ thống, giúp nhanh chóng xóa đói,

giảm nghèo, tăng thu nhập cho người sản xuất, dễ làm và hiệu quả nhất thế giới.

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10.000.000 USD (mười triệu đô la Mỹ); Phí đào tạo: Do bên mua chịu; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành vĩnh viễn, bất cứ lúc nào bên mua gặp khó khăn yêu cầu bên bán giúp tháo gỡ đều được sẵn sàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty Thần Nông

MÔI TRƯỜNG PHA LOÃNG TINH DỊCH LỢN VCN

Mã số: VN0123/1

Mô tả quy trình CN/TB: Bảo tồn tinh dịch lợn ở 18-20°C trong vòng 72 giờ.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Tiện và dễ sử dụng, giá rẻ (bằng 20-30%) với giá ngoại nhập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 4.000VNĐ/gói pha 1 lít

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

NHÀ TRỒNG DÙNG CHO SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA MÀU VÀ CÁC CÂY CÔNG NGHIỆP KHÁC KIỂU ĐƠN GIẢN

Mã số: VN0142/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nhà trồng kiểu đơn giản được sử dụng bằng vật liệu sẵn có ở địa phương dùng cho sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác nhằm chống côn trùng để giảm sâu bệnh, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và chống mưa đá, sương muối, gió bão, chống sự rửa trôi, ổn định độ ẩm của đất... Nhà trồng có diện tích 1000- 2000 mét vuông Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Mái che bằng nilông cho tia sáng đi qua 100%. Chiều cao mái 2,8- 4m Dựng bằng vật liệu có sẵn tại địa phương như gỗ, tre,... Nhà trồng thích hợp hơn đối với các vùng ở ĐBSH, ĐBSCL, và miền núi

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 650.000 VNĐ/1 mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

NHÀ TRỒNG CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Mã số: VN0142/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nhà trồng cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được sử dụng ở các địa phương cho sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác nhằm chống côn trùng để giảm sâu bệnh, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và chống mưa đá, sương muối, gió bão, chống sự rửa trôi, ổn định độ ẩm của đất và tăng năng suất... Nhà trồng có diện tích 1000- 2000 mét vuông Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Mái che bằng Polyetylen cho tia sáng đi qua 100% chiều cao mái 3,5-6m, vật liệu sẵn có trong nước + vật liệu nhập ngoại... Nhà trồng dùng cho nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và các tỉnh miền núi với sản xuất nông nghiệp cao

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong sản xuất cây ăn quả, hoa, rau và các cây công nghiệp khác; Chế tạo bằng vật liệu trong nước; Giá thành bằng 1/2 giá thành ngoại nhập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.000.000 VNĐ/mét vuông

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

NUÔI CUA BIỂN BẰNG Ô LÒNG

Mã số: VN0500/1

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

NUÔI GIỮ VÀ NHÂN GIỐNG SAN HÔ MỀM TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã số: VN0500/1

Mô tả quy trình CN/TB: San hô tự nhiên - Thuần hoá - Khoan tách - Cấy ghép trên giới thể - Nuôi phục hồi - Trồng phục hồi. San hô tự nhiên - Vi sinh, thuần hoá - Nuôi giữ trong bể thí nghiệm+thức ăn (dinh dưỡng) - Ánh sáng+lọc tuần hoàn

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Nuôi giữ san hô, cá cảnh trong bể nhỏ phục vụ du lịch. Nhân giống, trồng phục hồi lại các rạn san hô chết ở vùng ven biển Việt Nam. Những tác động xấu đến môi trường (cải thiện môi trường tự nhiên)

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

PHẦN MỀM QUẢN LÝ GIỐNG BÒ SỮA (VDM)

Mã số: VN0121/772

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ, tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu đồng; Phí đào tạo: 500 nghìn đồng/người

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG MÁY DÒ CÁ NGANG (SONAR) TRONG NGHỀ LƯỚI VÂY

Mã số: VN0500/1

Mô tả quy trình CN/TB: Sử dụng máy dò cá ngang sonar cho nghề lưới vây hiện nay. Dò tìm và phát hiện đàn cá trên biển trong vòng bán kính 600m. Đây là loại máy phát và thu tín hiệu sóng âm. Điều chỉnh các phím chức năng trên mặt máy để nhận được tín hiệu chính xác và thật nhất. Dựa vào vùng tín hiệu thể hiện trên màn hình, phán đoán mật độ tập trung, khoảng cách đàn cá tới tàu và hướng di chuyển của đàn cá. Hỗ trợ quá trình vây bắt đàn cá nhằm tăng năng suất khai thác

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Lần đầu tiên được áp dụng máy dò cá ngang sonar ở Việt Nam, nâng cao hiệu quả sản xuất đối với nghề lưới vây

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Đủ thời gian để đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đảm bảo thành công việc chuyển giao công nghệ và đạt hiệu quả sản xuất cao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

PHƯƠNG PHÁP TRỒNG NGÔ MẬT ĐỘ CAO

Mã số: VN0111/1

Mô tả quy trình CN/TB: Vượt xa tiêu chuẩn VN và nước ngoài;

Lần đầu tiên trên thế giới phương pháp trồng ngô mật độ cao ra đời theo nguyên lý mờ rộng hàng x hàng (phương pháp hiện nay co ngắn hàng x hàng), rút ngắn khoảng cách cây xuống 10-15cm (phương pháp hiện nay 20-35cm), điều khiển tán lá tương lai của các cá thể trên cùng hàng song song với nhau và vuông góc với hàng ngô (phương pháp hiện nay không điều khiển được, để cho tán lá quay tự do chen lấn lẫn nhau gây hiệu quả tiêu cực). Tăng đột biến năng suất 40-50% trở lên cho bất cứ giống ngô nào, trên cơ sở tăng 70-75% mật độ trồng so với trước đây (tăng từ 5-6 vạn cây/ha lên 8-10 vạn cây/ha), giảm 20-30% giá thành sản xuất và tăng lãi ròng hơn 70% cho người sản xuất, đạt năng suất 8-10 tấn/ha. Chỉ cần tăng 70-80% lượng giống trồng/ha, tăng 50% lượng phân hoá học (nếu có phân chuồng 10-12 tấn/ha, chỉ cần tăng 20% phân hoá học, không tăng lao động. Tăng cao lãi ròng từ 2-2,5 lần.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Kỹ thuật lần đầu tiên ra đời ở Việt Nam cũng như trên thế giới

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10.000.000 USD (mười triệu đô la Mỹ)

Thời gian và hình thức bảo hành: 10 năm từ khi chuyển giao công nghệ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty Thần Nông

PHƯƠNG PHÁP TRỒNG XEN NGÔ VÀO ĐẤT TRỒNG LẠC CHUYÊN CANH, NGÔ ĐẠT NĂNG SUẤT TRÊN 3 TẤN/HA; LẠC BẰNG NĂNG SUẤT TỪ 2-2,5 TẤN/HA TRỞ LÊN (GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC CHO VÙNG TRỒNG LẠC)

Mã số: VN0111/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN, TCNN;

Lạc được gieo trồng theo băng rộng 1,3m, trên băng có 6 hàng lạc, các hàng lạc không cách đều nhau, mà theo hàng kép, khoảng cách giữa hai hàng kép giãn rộng so với hàng lạc thông thường (47-50cm).

Đây là sáng tạo mới. Mỗi băng lạc cách nhau 60cm, dải đất phân cách này được bố trí trồng xen ngô theo thiết kế của công nghệ mới. Trồng như vậy, mật độ ngô đạt được 900-1000 cây/sào Bắc Bộ cho năng suất trên dưới 100kg/sào Bắc Bộ. Lạc trồng xen đạt mật độ 30 cây/m².

Năng suất từ 70-80 kg/sào Bắc Bộ (2-2,2 tấn/ha trở lên)

Ngô trồng xen lạc đạt trên 3 tấn/ha

Năng suất lạc đạt bằng mức trồng thuần hiện nay trở lên, thu nhập tăng 20% trở lên cho người dân

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản, dễ làm, phù hợp điều kiện kinh tế, kỹ thuật ở các vùng trồng lạc xuất khẩu có khó khăn về lương thực (trồng nhiều lạc thì thiếu lương thực ăn)

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 1.500.000.000 VNĐ (một tỷ rưỡi); Phí đào tạo: Theo thỏa thuận. Bên bán hướng dẫn đến cấp huyện

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành vĩnh viễn, bất cứ lúc nào bên mua gặp khó khăn yêu cầu bên bán giúp tháo gỡ đều được sẵn sàng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty Thần Nông

QUẢN LÝ, NUÔI DƯỠNG VÀ BẢO TỒN RỪA BIỂN

Mã số: VN0500/1

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ NHÂN GIỐNG VÔ TÍNH GIỐNG CHÈ LDP1 VÀ LDP2 BẰNG GIÂM HƠM

Mã số: VN0113/767

Mô tả quy trình CN/TB: Nuôi vườn cây mẹ → Cắt hom → Giâm hom (Điều chỉnh chế độ dinh dưỡng - Điều chỉnh chế độ ánh sáng - Điều chỉnh độ ẩm - Phân loại - Luyện cây - Xuất vườn) . Tiêu

chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Giữ nguyên tính trạng của cây mẹ; Hệ số nhân giống cao; Chất lượng cây giống tốt

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Chè, Tổng Công ty Chè Việt Nam

QUI TRÌNH SẢN XUẤT GIỐNG NHÂN TẠO TÔM HE NHẬT BẢN (P. JAPONICUS)

Mã số: VN0500/1

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

QUY TRÌNH ÁP TRỨNG GIA CẢM ĐA KỲ, ĐA GIỐNG

Mã số: VN0124/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình áp được nhiều trứng có lứa tuổi khác nhau; Áp được nhiều loại trứng trong cùng một máy hoặc 1 tủ ấp nở.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Gà hợp trong điều kiện đa dạng hoá vật nuôi; Giảm chi phí.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CÂY TRUYỀN PHÔI BÒ

Mã số: VN0121/749

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: - Nhân nhanh đàn gia súc giống - Rút ngắn thời gian chọn lọc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 5 triệu đồng/người; Phí tư vấn kỹ thuật: 1 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ PHÂN TÍCH AFLATOXIN (B1B2G1G2) BẰNG MÁY SẮC KÝ LỎNG CAO ÁP

Mã số: VN0142/768

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Độ chính xác cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ PHÂN TÍCH AXIT AMIN BẰNG MÁY SẮC KÝ LỒNG CAO

Mã số: VN0142/770

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào
Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6839: Ngành chăn nuôi
Ưu điểm của CN/TB: Phân tích nhanh, chính xác
Mức độ phát triển: Thương mại hoá
Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ PHÂN TÍCH NGUYÊN TỐ VI LƯỢNG BẰNG MÁY QUANG PHỔ HẤP THỤ NGUYÊN TỬ (AAS)

Mã số: VN0142/766

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào
Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 6839: Ngành chăn nuôi
Ưu điểm của CN/TB: Phân tích chính xác các nguyên tố vi lượng
Mức độ phát triển: Thương mại hoá
Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT KÍCH DỤC TÓ TỪ HUYẾT THANH NGỰA CHỮA

Mã số: VN0122/748

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi
Ưu điểm của CN/TB: Khắc phục tình trạng chậm sinh, rút ngắn khoảng cách lứa đẻ
Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 5 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 1 triệu đồng
Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MÔI TRƯỜNG PHA LOÃNG TINH DỊCH LỢN

Mã số: VN0123/763

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ
Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi
Ưu điểm của CN/TB: - Nâng cao hiệu quả kinh tế, kỹ thuật thụ tinh nhân tạo lợn - Giá thành rẻ, tiện lợi trong sử dụng
Mức độ phát triển: Thương mại hoá
Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 5 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 1 triệu đồng
Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm
Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ TẠO 2 DÒNG VỊT CAO SẢN HƯỚNG THỊT V1 V6 TẠI VIỆT NAM

Mã số: VN0124/773

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo
Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi
Ưu điểm của CN/TB: - Lần đầu tiên áp dụng tại VN - Năng suất tăng 5% so với tổ hợp cũ - Khả

năng thích nghi cao hơn giống nhập ngoại

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 10 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU QUẢ- NUÔI QUẢ CAM- QUÍT- CHANH- BƯỞI

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Đặc tính ra hoa tự nhiên của Cam- quýt- chanh- bưởi là sau một thời gian khô hạn, khi gặp mưa hoặc nước tưới thì cây sẽ ra đợt mới đồng thời kèm theo nụ hoa. Kết hợp phun thuốc ra hoa giúp cây ra hoa hiệu quả hơn. 1- Giai đoạn sau thu hoạch: - Bón phân phục hồi và tưới nước: Sau thu hoạch bón khoảng 200 g Urê và phân chuồng hoai, vôi và tưới nước đều đặn cho cây. - Tỉa cành và vệ sinh vườn. - Phun trên lá 2- Xử lý ra hoa: Bước 1: bón phân đón ra hoa, tạo mầm hoa, bước 2: bắt cây cảm ứng ra hoa. Tạo khô hạn, bước 3: phun thuốc thúc ra hoa đồng loạt 3- Đậu quả và hạn chế đậu quả non: cây có mùi ra hoa nhiều, những tỷ lệ đậu quả thường thấp. Muốn thụ phấn tốt, hoa đậu nhiều phải chăm sóc cây sung sức và phun thuốc hỗ trợ. Tăng đậu quả và hạn chế rụng quả non, hạn chế hiện tượng rụng quả quá nhiều. 4- Nuôi trái: Tỉa và bao quả

Lĩnh vực áp dụng: 6833: Nông hoá học, 6837: Bảo vệ cây trồng, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình tương đối đơn giản, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người làm vườn

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ: ĐỊNH LƯỢNG HORMON SINH SẢN PROGESTERON Ở BÒ SỮA

Mã số: VN0121/771

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ. Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Nhanh, chính xác, dễ áp dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 10 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH KỸ THUẬT XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU QUẢ- NUÔI QUẢ NA (MĂNG CÀU DAI)

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Đặc điểm của cây Na là sau khi rụng lá, gặp mưa hoặc nước tưới cành, sẽ đâm đợt lá mới đồng thời kèm nụ hoa. Từ đó ta có cách xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả cho cây Na như sau: 1- Sau thu hoạch (tháng 8-9): - Bón phân phục hồi- tưới nước; - Cắt tỉa cành; - Phòng trừ sâu bệnh. 2- Xử lý ra hoa: - Bón phân đón ra hoa. - Khô hạn- tưới nước. - Thúc ra hoa; 3-

Xử lý đậu quả: Hoa cây Na có đặc tính là nhụy cái lại chín trước nhị đực nên tỷ lệ đậu quả thấp vì vậy nếu có điều kiện giúp cây thụ phấn thêm. Thời gian từ khi xuất hiện chồi hoa đến hoa nở là khoảng 30 ngày. Trước khi đợt hoa nở rõ 15 ngày thì phun thuốc C.A.T để làm tăng tỷ lệ đậu quả cho cây. 4- Nuôi quả: khi quả to bằng hột sen thì bón thúc phân NPK theo chu kỳ 2 tuần 1 lần... Quả Na thường bị rệp phá hoại làm hư hỏng cho nên khi phun thuốc trừ rệp và dưỡng trái thì ta pha thêm các loại hoạt chất bám dính để tẩy lớp sáp.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: quy trình kỹ thuật đơn giản, hiệu quả kinh tế cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

QUY TRÌNH KỸ THUẬT XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU QUẢ- NUÔI QUẢ VÀI THIÊU

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Sau thu hoạch: bón phân phục hồi, cắt tia cành vượt, cành sâu bệnh, phun trên lá. Xử lý ra hoa: Bước 1: Bón phân và phun thuốc kích thích cây phân hoá mầm hoa. Bước 2: Kích thích cây ra hoa (có 3 cách) cách 1: khắc cành, cách 2: xử lý KCLO3 cho cây, cách 3: xử lý KCLO3 rồi khắc nhẹ; Bước 3: Phun thuốc thúc vại ra hoa. Chú ý: Nên phun thuốc vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát để cây hấp thụ thuốc tốt và tránh được hiện tượng cháy lá cho cây. Xử lý đậu quả: để cây vại thiêu đậu quả tốt, đậu đều cả cây và quả to hẳn khi mới vừa mới đậu thì cần xử lý: lần 1: Khi phát hoa dài 5-10 cm, lần 2: khi phát hoa dài hết cỡ, hoa sắp nở, lần 3: khi quả non to gần bằng tay cái. Chú ý nước là một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng lớn đến năng suất và phẩm chất của vại thiêu, cần phải cung cấp đầy đủ nước cho cây trong quá trình ra hoa đến thu hoạch quả. Không nên bón phân gốc cho cây ở giai đoạn đậu quả vì dễ sây ra hiện tượng sốc thuốc làm ảnh hưởng đến quá trình thụ phấn và đậu quả non sau này. Nếu có xử lý KCLO3 thì cần phun thuốc ĐẬU TRÁI C.A.T bổ sung trên lá kịp thời để hạn chế hiện tượng rụng quả non xảy ra nặng làm giảm năng suất của cây. Nuôi quả: Bón gốc, bón lá và nuôi quả non, chống hiện tượng nứt quả...

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng, 6894: Bảo vệ thiên nhiên trong nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình xử lý đơn giản, đem lại hiệu quả kinh tế cao; giúp cây ra hoa đậu quả tốt nhất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

QUY TRÌNH KỸ THUẬT XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU QUẢ- NUÔI QUẢ XOÀI

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Xoài là giống cây ăn quả phổ biến ở nước ta, do thích nghi được với nhiều loại đất nên diện tích trồng xoài trải dài khắp cả nước: Giai đoạn sau thu hoạch: 1- Bón phân phục hồi. 2- Cắt tia cành. 3- Kích xoài ra đợt mới hàng loạt. 4- Nuôi và bảo vệ bộ lá; Xử lý ra

hoa: Để xoài ra hoa tập trung và sớm vụ hơn xung quanh khoảng 2 tuần, xử lý theo 3 bước: Bước 1: Bón phân đón ra hoa, phun thuốc tạo mầm hoa. Bước 2: Phun thuốc thúc tạo cựa gà, thúc ra hoa, Chú ý: Xoài là cây ra hoa không có cảm ứng truyền, tức đợt nào dính thuốc thì ra hoa, đợt nào không dính thuốc thì không ra hoa do đó cần phải rất chú ý. Bước 3: Phun thuốc kích thích bung hoa đồng loạt; Xử lý đậu trái và hạn chế rụng quả non: hoa xoài ra hoa nhiều nhưng đậu rất ít và quả non rụng nhiều, nhất là khi gặp mưa, sương đêm. Để tăng tỷ lệ đậu trái và hạn chế trái non rụng nhiều, nhà vườn cần xử lý đậu trái theo 4 lần như sau: lần 1- phát hoa nhú 7-10cm, lần 2- phát hoa dài hết cỡ, hoa sắp nở, lần 3- sau đậu trứng cá 1 tuần, lần 4- khi trái non to bằng trứng cút; Nuôi trái: tia trái, bao trái, bón phân- tưới nước, phun trên lá. Một số vấn đề chú ý khi nuôi trái: chống hiện tượng nứt trái, tưới nước đều đặn

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình kỹ thuật đơn giản, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho những nhà vườn trồng xoài

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

QUY TRÌNH KỸ THUẬT XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU TRÁI- NUÔI TRÁI CÂY ẮN TRÁI

Mã số: 011/1025

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng, 8727: Bảo vệ thế giới thực vật và động vật

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG HỖN HỢP MUỐI- KHOÁNG Ở BÒ SỮA, BÒ THỊT

Mã số: VN01211/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Phối hỗn hợp muối và khoáng đa vi lượng, vitamin để ổn định PH có trong thời gian mang thai tháng cuối để gia súc tăng cường hấp thụ, tích lũy canxi, photpho. Thức ăn bổ sung để sử dụng, kích thích tính thèm ăn cho gia súc

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi, 6885: Cơ khí hoá và điện khí hoá nông nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản, Dễ sử dụng; hiệu quả cao; Hiệu quả tương đương ngoại nhập

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí chuyển giao bí quyết: 1 tỷ đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Đại lý độc quyền

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH HIỆU QUẢ TRONG TRỒNG CÂY, LÀM TĂNG HIỆU QUẢ THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC GIA CẦM VÀ THỦY HẢI SẢN

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình này áp dụng cho sản xuất phân bón vi lượng, đa nguyên tố; Nuôi trồng thủy hải sản, chăn nuôi.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ; thích hợp với điều kiện sinh thái, môi trường và phương thức sản xuất ở VN

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Năm: 2004

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 900.000.000 VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 20 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Công nghệ Sinh thái lúa Việt Nam

QUY TRÌNH TẠO PHÔI BÒ TRONG ỒNG NGHIỆM

Mã số: VN0121/765

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước, Đề tài cấp Bộ, Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Nhân nhanh đàn gia súc, rút ngắn thời gian chọn lọc, giá thành hạ

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 10 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH THỤ TINH NHÂN TẠO NGAN VỊT

Mã số: VN0124/761

Mô tả quy trình CN/TB: 1. Chọn nuôi và huấn luyện ngan đực Chọn những ngan đực 26-28 tuần tuổi có ngoại hình cân đối, to khoẻ đã thành thực về tính Chuẩn bị những ô chuồng để nhốt ngan đực có thể làm bằng sắt hoặc bằng gỗ với kích thước 60x60x60, có máng ăn và máng uống đầy đủ Đực được nhốt riêng mỗi con một ô chuồng, đồng thời nhốt gần đó 1-2 con ngan cái đã thành thực về tính để kích thích ngan đực Hằng ngày người chăn nuôi phải tiếp xúc với ngan đực để quen dần và huấn luyện cho ngan đực có phản xạ sinh dục Nuôi dưỡng và chăm sóc ngan đực theo đúng yêu cầu kỹ thuật Thời gian huấn luyện 3-4 tuần là có thể lấy được tinh 2. Lấy tinh của ngan đực: thời gian lấy tinh và thụ tinh cần được tiến hành trong thời gian từ 6-9 giờ trong ngày là đảm bảo yêu cầu kỹ thuật - Các dụng cụ chuẩn bị: + Cốc để hứng tinh + Môi trường để pha loãng tinh dịch + Ống hút, ống pha tinh dịch + Các ống chứa tinh dịch và súng bắn tinh - Phương pháp lấy tinh: sử dụng con ngan cái thả vào ô nhốt ngan đực cần lấy tinh, để đuôi ngan cái quay về phía người lấy tinh. Khi đó ngan đực sẽ đập ngan cái, người lấy tinh chuẩn bị cầm sẵn cốc chứa tinh trên tay chờ khi nào ngan đực có phản xạ thò gai giao cấu để giao phối thì nhanh chóng đưa cốc vào gai giao cấu của con đực để hứng tinh Mỗi con ngan đực lấy được từ 1-2ml tinh dịch 3. Pha loãng tinh dịch: sử dụng môi trường pha loãng tinh dịch có sẵn để pha loãng tinh dịch theo tỷ lệ 3 tinh dịch + 1 môi trường. Sau khi pha loãng tinh dịch tiến hành hút tinh dịch vào các ống chứa tinh. Mỗi ống chứa tinh dịch sẽ thụ tinh được 25 con cái. 4. Thụ tinh cho vịt cái: Cho ống chứa tinh dịch vào súng bắn tinh. Tiến hành bắn vịt cái, để vịt cái dốc đầu xuống, dùng đuôi vào 2 đầu gối để kẹp vịt cái đồng thời dùng 2 tay để bóp lỗ huyệt sao cho nhìn thấy đường sinh dục của con cái lộ ra thì tiến hành dùng súng bắn tinh dịch vào đường sinh dục của vịt cái. Mỗi lần bắn tinh thì súng bắn tinh đã có cữ để không chế lượng tinh dịch vừa đủ. Thụ tinh nhân tạo được tiến hành lặp lại sau 4 ngày

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH XỬ LÝ RA HOA- ĐẬU QUẢ- NUÔI QUẢ NHẪN LÔNG

Mã số: VN011/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Xử lý ra hoa: làm 3 bước sau: B1: bón phân đón ra hoa và phun thuốc tạo mầm hoa: khi coi cuối vừa nhú, bón phân đón ra hoa khoảng 400 gDAP+50g KCL/cây tán 3m. khi coi lá cuối màu hồng nhạt, phun sương 15g F.Bo-Bột ra hoa, ức chế đọt rắng, cây rẽ ra hoa. B2: Kích thích ra hoa (có 3 cách) cách 1: khắc cành, cách 2: xử lý KCLO₃, cách 3: xử lý KCLO₃ rồi khắc nhẹ; B3: Phun thuốc thúc nhả ra hoa. Xử lý đậu quả: để nhả đậu quả tốt, đậu đều tán, quả to hẫnh khi vừa mới đậu, cần xử lý: lần 1- phát hoa dài 5-10cm, lần 2- phát hoa dài hết cỡ, hoa sắp nở, lần 3- quả to bằng hột sen. Khi cây nhú hoa rồi cần tưới nước cho phát hoa nhú mạnh hơn nhưng không nên bón phân gốc vì dễ gây sốc cây ảnh hưởng xấu đến quá trình thụ phấn và quả non sau này. Nuôi quả: Bón gốc, bón lá và tây quả, chống hiện tượng nứt quả.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt, 8727: Bảo vệ thế giới thực vật và động vật

Ưu điểm của CN/TB: Với quy trình xử lý này cây nhả lông sẽ cho hiệu quả kinh tế cao, ra hoa đậu quả và quả có chất lượng tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

TRỒNG RAU CÂU VÀ RONG SỤN ĐẠT NĂNG SUẤT CAO Ở CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN BẮC

Mã số: VN0500/1

Lĩnh vực áp dụng: 69: Thủy sản

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Hải sản

CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT HIBISCUS (BÔNG BỤT GIẤM)

Mã số: VN1595/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Năng suất: 2.000 lít/ngày (khoảng 10.000 chai loại 200ml) Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Xử lý → Nghiền → Trích ly → Lọc → Phối trộn → Rót → Chai → Thanh trùng → Bảo ôn → Thành phẩm Sản phẩm đảm bảo chất lượng trong 3-6 tháng

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6545: Công nghiệp rượu

Ưu điểm của CN/TB: Tận dụng được các loại axit hữu cơ, vitamin và chất màu tự nhiên có trong nguyên liệu

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20-50 triệu đồng (Tuỳ thuộc vào năng suất); Giá máy móc thiết bị: 200-250 triệu đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ LẠNH ĐÔNG NHANH IQF MỘT SỐ RAU QUẢ

Mã số: VN153311/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nguyên liệu → rửa (nước Clor) → cạo, cắt, gọt, tạo hình → chần → nhúng nước lạnh → để ráo → lạnh đông nhanh (IQF) → bao gói (túi PE) → đóng thùng (thùng caton) → bảo quản → tan giá → sản phẩm. - Nguyên liệu: Đậu Hà Lan, dưa, vải, nhãn được thu hoạch nguyên quả, vận chuyển đến xưởng chế biến được rửa trong nước clor nồng độ 50 ppm để làm sạch đất cát và chất bẩn bám trên bề mặt nguyên liệu. - Rửa: nguyên liệu sau khi phân loại (bằng sàng), bằng tay và rửa sạch bằng nước clor nồng độ 20 ppm - Cắt, gọt, tạo hình: loại bỏ những phần hạt, lõi tạo hình cho sản phẩm do yêu cầu sử dụng. - Chần: Nguyên liệu được chần bằng dung dịch CaCl_2 nồng độ 0,1% trong 2- 3 phút và làm lạnh nhanh bằng nước lạnh, nhằm diệt enzym giữ ổn định màu sắc, và vitamin C. Ngoài ra còn có sự tham gia của các ion Ca^{2+} làm tăng độ cứng của nguyên liệu khi tan giá - Lạnh đông nhanh (IQF): Nguyên liệu sau khi chần để ráo nước, tải nguyên liệu lên băng tải chuyển và thiết bị lạnh đông IQF, nguyên liệu được cấp đông nhanh (20- 22 phút) - Bao gói, đóng kiện: Nguyên liệu đông lạnh được đóng trong túi PE hàn kín. Sau đó được đóng trong bao bì caton có khối lượng 5-10 kg thùng. Sản phẩm được bảo quản ở nhiệt độ -20 độ C và vận chuyển Tiêu chuẩn đạt được: TCNN

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ hiện đại; Thích ứng với đối tượng sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN CÀ CHUA (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07-08)

Mã số: VN1533/248

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ bảo quản cà chua: - Công suất: Bảo quản với quy mô 1 tấn quả; - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Bảo quản nhiệt độ thường hoặc nhiệt độ mát (kho lạnh di động). Chi phí điện năng bảo quản lạnh tính cho tối đa công suất 1 tấn/mẻ là 12 đồng/kg quả/ngày; Đối với cà chua: thời gian bảo quản 30 ngày (nhiệt độ thường), 120 ngày (nhiệt độ lạnh), chất lượng tốt sau thời gian bảo quản. Tồn thất 9%, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.08

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Dễ thực hiện đối với hộ gia đình; Không dùng hóa chất bảo quản, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng; Kéo dài tối đa thời gian bảo quản của quả

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu; Giá máy móc thiết bị: 25 triệu (kho lạnh di động)

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN CAM

Mã số: VN153312/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Cam trên vườn → Thu hái → Lựa chọn → Rửa, vệ sinh quả → để ráo nước → Xử lý chất bảo quản → hong khô → đóng túi → bảo quản → kiểm tra → Xuất kho tiêu thụ. Nguyên liệu: Cam đạt độ chín kỹ thuật, chọn quả không bị xây xát, loại bỏ quả quá to hoặc quả quá nhỏ không phù hợp với kích thước yêu cầu. Rửa: Nước sạch có pha nước Javel dùng khăn mềm sát nhẹ trên bề mặt quả, quanh núm quả, tráng lại bằng nước sạch để ráo. Xử lý bảo quản: Nhúng quả trong dung dịch Carbendazim 0,1% 3-5 phút, để ráo nước và hong khô, không được hong khô bằng khí nóng hay phơi nắng - Bao gói: Mỗi túi PE có đục lỗ chứa khoảng 2kg, đặt một gói R3 lên trên sau đó buộc miệng lại - Xếp kho bảo quản: Xếp các túi cam đã bao gói lên giàn, để theo chiều đứng túi lên trên, xếp 1-2 lớp túi nhưng không quá 30cm Theo dõi bảo quản: sau 15 ngày kiểm tra lần 1, sau đó cứ 10 ngày kiểm tra 1 lần. Kho bảo quản phải thoáng mát, có giàn, giá, kệ Có tủ các dụng cụ: sọt rổ, túi, lưới Thời gian bảo quản 2 tháng ở nhiệt độ bình thường, 3-4 tháng ở nhiệt độ lạnh Tồn hao trong quá trình BQ < 15%

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình đơn giản; Chi phí bảo quản không cao; Chất lượng tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN ĐẬU COVE

Mã số: VN1533/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đậu cove là một trong những loại rau được ưu chuộng, có giá trị kinh tế cao, dinh dưỡng lớn. Đậu cove xanh còn có màu sắc đẹp, vị thơm ngon. Thu hoạch đậu cove: Để bảo quản, tốt nhất thu hoạch đậu ở độ chín 2. Lựa chọn, phân loại: Loại bỏ những quả bị bệnh, héo, dập

do cơ học,... Làm sạch: Đậu được rửa sạch bằng nước sạch làm lạnh sơ bộ (đối với bảo quản lạnh): cần phải làm lạnh đậu trước khi bao gói và xếp hộp, làm lạnh sơ bộ sau khi chiếu xạ, kho làm lạnh cần được vô trùng Bao gói đậu cove cho bảo quản lạnh: và bảo quản ở điều kiện thường Chiếu xạ: Đậu trước hoặc sau bao gói được chiếu xạ với liều 0,55 KGry Bảo quản ở nhiệt độ thường, thành phần không khí có 2% O₂ và 5% CO₂ Kho bảo quản ở điều kiện thường: Nhiệt độ trong kho 20-25 độ C và độ ẩm tương đối 85% Chất lượng đậu cove bảo quản: chất lượng của đậu cove về cấu trúc, màu sắc, cảm quan tốt Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; Chi phí rẻ; thích ứng với nhiều đối tượng sản xuất nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN ĐU ĐỦ (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07-08)

Mã số: VN1533/249

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ bảo quản đu đủ: - Công suất: Bảo quản với quy mô 1 tấn quả; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Bảo quản với quy mô 1 tấn quả; Bảo quản nhiệt độ thường hoặc nhiệt độ mát (kho lạnh di động). Chi phí điện năng bảo quản lạnh tính cho tối đa công suất 1 tấn/mẻ là 12 đồng/kg quả/ngày; Đối với đu đủ: thời gian bảo quản 11 ngày (nhiệt độ thường), 20 ngày (nhiệt độ mát), chất lượng tốt sau thời gian bảo quản. Tồn thất 9%, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.08

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Dễ thực hiện đối với hộ gia đình; Không dùng hóa chất bảo quản, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng; Kéo dài tối đa thời gian bảo quản của quả

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu; Giá máy móc thiết bị: 25 triệu (kho lạnh di động)

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN KHOAI LANG THƯƠNG PHẨM

Mã số: VN153312/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Khoai lang thu hoạch, lựa chọn → hong khô Xử lý chất chống nấm (CBZ 0,2%) → hong khô → Xử lý chất chống nảy mầm (NAA 0,2%) → Hong khô → Xử lý thuốc thảo mộc (Guchungjing 0,04%) → phủ cát (hoặc đất) → bảo quản (kiểm tra định kỳ) → tiêu thụ. Đặc tính kỹ thuật: - Thu hoạch: Khoai thu hoạch để bảo quản phải tuyệt đối không được dính nước, nên chọn ngày đỡ khoai khô ráo, không bị mưa. Thu hoạch khoai phải nhẹ nhàng, tránh bị va đập trầy xước. - Xử lý bảo quản: Xử lý chất chống nấm CBZ với nồng độ 0,2% có tác dụng ức chế sự phát triển của vi sinh vật, vi khuẩn, nấm men, nấm mốc, giảm tỷ lệ thối, hao hụt và kéo dài thời gian bảo quản, sau khi làm khô lại tiếp tục tiến hành phun thuốc chống nảy mầm NAA 0,2% tiếp đó sử dụng thuốc thảo mộc GCS 0,04% có tác dụng ngăn ngừa sự xâm nhiễm gây hại của

bộ hạ làm giảm tỷ lệ hao hụt khối lượng của khoai lang trong quá trình bảo quản. - Bảo quản: Sau khi quá trình xử lý trên khoai được bảo quản bằng cách phủ lớp cát khô và đất bột đỏ vàng, thời gian bảo quản thích hợp là 2 tháng đảm bảo hiệu quả kinh tế. Quy trình bảo quản khoai lang đơn giản, chi phí thấp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phù hợp với điều kiện hộ gia đình. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; Chi phí rẻ; Thích ứng với nhiều đối tượng sản phẩm nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN KHOAI TÂY THƯƠNG PHẨM

Mã số: VN153112/1

Mô tả quy trình CN/TB: Với khoai tây thương phẩm theo số liệu của FAO ước tính hao hụt khoai tây trong quá trình bảo quản ở các nước các phát triển từ 5- 40%. Nếu nghiên cứu được biện pháp bảo quản tốt, giảm được một nửa số hao hụt thì các nước đang phát triển sẽ có thêm 5,75 triệu tấn khoai tây mỗi năm, tương đương với tăng năng suất 12,5%. **Đặc tính kỹ thuật:** - Khoai tây xử lý trước thu hoạch Lựa chọn ruộng khoai tốt không bị sâu hại, không bị rệp, phun hỗn hợp dung dịch MH 0,5% và VBC 0,5% vào ruộng khoai trước khi thu hái 15-20 ngày. Có tác dụng loại bỏ những vi sinh vật gây thối, côn trùng ngay giai đoạn trước thu hoạch. - Thu hoạch và lựa chọn theo đúng yêu cầu kỹ thuật: Khoai sau khi dỡ ở ngoài ruộng phải xếp ngay vào rổ, thúng, sọt (không cho vào bao tải). Khoai lựa chọn để bảo quản phải theo đúng yêu cầu kỹ thuật, không bị thối, trầy và sát củ, không bị dính nước - Vận chuyển: Vận chuyển nhẹ nhàng tránh va đập mạnh. Vận chuyển luôn cả sọt, vừa mới dỡ xong. Không đựng khoai và vận chuyển khoai ở trong bao tải. - Xử lý khoai trước khi bảo quản (xử lý để giữ lâu) Khoai sau khi lựa chọn đúng yêu cầu kỹ thuật được chất đồng trên 1 khung gỗ, nhiệt độ thích hợp là 15-20 độ C và độ ẩm thích hợp 85- 90% - Xử lý chất chống nấm: Xử lý chất chống nấm Carbendazim 0,2%. Sau khi xử lý chất chống nấm khoai tây để hong khô tự nhiên rồi mới được xử lý tiếp ở các giai đoạn sau - Xử lý chất chống nảy mầm: Giai đoạn này có thể tiến hành ngay sau khi xong giai đoạn xử lý chất chống nấm và khoai đã được hong khô. Sử dụng chất chống nảy mầm MH 0,3% - Khử trùng cát cho bảo quản: Trước khi ủ vào khoai, cát được khử trùng bằng hỗn hợp dung dịch EM - Ủ cát: ủ cát vào khoai cho vừa đủ che hết các củ khoai - Bảo quản, kiểm tra: Trong thời gian bảo quản định kỳ sau 2 tháng có thể kiểm tra khoai, loại bỏ củ thối, xử lý mầm. Nếu như có hiện tượng thối nhiều thì loại bỏ những chỗ thối, cát lót và xử lý lại khoai, khử trùng lại cát để bảo quản tiếp. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Phun hỗn hợp MH 0,5% +VBC 0,5% → Khoai tây xử lý trước thu hoạch → Thu hoạch, lựa chọn theo đúng yêu cầu kỹ thuật → vận chuyển → xử lý khoai trước khi bảo quản (xử lý để giữ lâu) → xử lý chất chống nảy mầm (phun dd CBZ 0,2%) → Xử lý chất chống nảy mầm → ủ vào cát → bảo quản → khoai tây tiêu thụ

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; Chi phí rẻ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN QUẢ ĐIỀU KHÔ

Mã số: VN1533/192

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ bảo quản quả điều khô: - Bảo quản quả điều khô với quy mô trên 200 Kg - Thời gian bảo quản 3-6 tháng, chất lượng cảm quan và giá trị dinh dưỡng vẫn đảm bảo. Tồn thất không đáng kể.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ. CB-02

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ thực hiện đối với hộ gia đình. - Kéo dài tối đa thời gian bảo quản của quả khô.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN QUẢ ĐIỀU TƯƠI, DỊCH ÉP TƯƠI, DỊCH CÔ ĐẶC

Mã số: VN1533/1

Mô tả quy trình CN/TB: - Quả tươi → Rửa sạch → Để ráo nước → Ngâm nước muối → Đóng bao → Bảo quản quả tươi → Ép dịch → lọc → thanh trùng → đóng thùng → Bảo quản dịch ép tươi → Dịch ép tươi bảo quản. - Quả tươi → Rửa sạch → Để ráo nước → Ngâm nước muối → Đóng bao → Bảo quản quả tươi → Ép dịch → lọc → cô đặc → đóng thùng → Bảo quản dịch ép tươi → Dịch ép tươi bảo quản. - Nguyên liệu: Quả già tươi, sau khi thu hoạch sẽ được sơ chế bảo quản dưới 1 rơng 3 dạng sau: quả tươi bảo quản, dịch ép tươi bảo quản và dịch cô đặc bảo quản. - Rửa sạch, để ráo nước: Sau đó quả được rửa sạch và để ráo nước - Xử lý nước muối: Quả đã ráo nước được xử lý nhúng trong dung dịch muối ăn nồng độ 5% trong thời gian 5 phút - Bao gói: quả đã xử lý trong các túi PE độ dày 0,03mm, kích thước túi 50x100cm, mỗi túi chứa 20kg quả - Bảo quản: Đặt các túi quả điều nơi khô mát trong phòng bảo quản đã được vệ sinh sạch sẽ. - Đối với dịch ép tươi bảo quản, và dịch cô đặc bảo quản có thể sử dụng quả điều tươi mới thu hái hoặc quả điều sau khi bảo quản đem ép lấy dịch, loại bỏ bã thải để thu hồi 63-65% dịch ép - Lọc: Dịch ép được đem lọc bằng vải voan 2 lớp để tạo dịch lọc - Thanh trùng: Với dịch tươi bảo quản, dịch lọc được đem thanh trùng bằng cách đun sôi theo công thức 15-20-15/100 - Bảo quản: Dịch đã thanh trùng được đóng trong các thùng nhựa - Cô đặc: Với dịch cô đặc bảo quản, dịch lọc được cô đặc ở áp suất thường - Bảo quản: Dịch cô đặc được đóng thùng nhựa, đậy nắp kín rồi bảo quản ở điều kiện nhiệt độ thường - Chất lượng bảo quản: Quả điều tươi bảo quản trong thời gian từ 1-5 ngày. Dịch tươi có thể bảo quản trên 2 tháng, dịch điều cô đặc có thể bảo quản trên 6 tháng với các chỉ tiêu chất lượng thay đổi không đáng kể. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; chi phí rẻ; thích ứng với nhiều đối tượng sản xuất nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN QUẢ VẢI THIỀU TƯƠI

Mã số: VN1533/177

Mô tả quy trình CN/TB: Vải thiều trên vườn → Thu hái → Vận chuyển → Lựa chọn → Rửa → Xử lý chất

bảo quản→Hong khô-Đóng túi→Bảo quản ở 5 độ C. Công suất (tính theo ca): 5tấn/ca. Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Thời gian bảo quản 30 ngày. Đạt chất lượng thương phẩm.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Bảo đảm được chất lượng quả tươi

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20.000.000 đồng (cả phí đào tạo, tư vấn kỹ thuật)

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo quản lạnh 5 độ C được 30 ngày

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN SẢN LÁT KHÔ

Mã số: VN156/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình: Sẵn tươi, lựa chọn theo yêu cầu → cạo vỏ lụa → thái lát hoặc chặt → sấy → đảo lần 1 → sấy → để nguội → xông lưu huỳnh (15g/tấn) → xử lý (thuốc thảo mộc + sấy định kỳ) → đóng bao → sẵn bảo quản. - Chất lượng sản sau khi sơ chế, bảo quản: + Độ ẩm: 13% + Hàm lượng tinh bột: 65- 70% + Hàm lượng xơ: 10- 15% + Không có độc tố nấm + Sâu mọt sống: 0- 5 (con/kg) + Tạp chất (cát sạn, bụi, rác): 0,5- 1% - Tính hiệu quả khi áp dụng công nghệ bảo quản: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Giảm tổn thất về số lượng và chất lượng (tổn thất không vượt quá 7% sau 6 tháng bảo quản ở điều kiện bình thường); Chi phí bảo quản thấp: 40 (đ/kg sản)

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; Áp dụng cho mọi đối tượng giàu nghèo; chi phí rẻ; thích ứng với nhiều đối tượng sản xuất nông nghiệp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN THÓC, NGÔ THEO HƯỚNG IPM QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH

Mã số: VN1561/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình phòng trừ tổng hợp IPM đối với thóc, ngô: Thu hoạch nông sản → Xử lý sau thu hoạch (Phân loại trước sơ chế- tuốt, tẽ hạt- làm khô- làm sạch, phân loại- làm nguội) → bảo quản nông sản (Vệ sinh phương tiện, bảo quản; kiểm soát thủy phần hạt; kiểm soát nhiệt độ khối hạt; kiểm soát SVH; Ngăn chặn sự lây nhiễm sinh vật hại; phòng ngừa sự phát sinh, phát triển của SVH; Xua đuổi và diệt trừ SVH bằng CP thảo mộc. Thực chất của việc áp dụng phương pháp IPM là việc kết hợp hài hoà giữa các biện pháp phòng trừ trong đó có 3 biện pháp chính: biện pháp vật lý, biện pháp sinh học và hoá học. - **Xử lý sau thu hoạch:** + Phân loại trước khi sơ chế nông sản (ngô, lúa) + Sơ chế: sau khi pha loại riêng từng phần nông sản tốt, xấu.. + làm khô nông sản ngay sau khi thu hoạch: làm khô bằng cách phơi dưới ánh mặt trời hoặc sử dụng máy sấy SH1-200 + làm sạch, phân loại: Có thể áp dụng phương pháp rây, sàng, quạt thông thường để loại bỏ tạp chất hữu cơ và vô cơ + Làm nguội. - **Bảo quản nông sản:** + Vệ sinh phương tiện bảo quản, nơi bảo quản; phương tiện: thùng tôn CCT-02 + Kiểm soát thủy phần hạt: trong quá trình bảo quản phải luôn theo dõi diễn biến thủy phần (độ ẩm của hạt) + Kiểm soát nhiệt độ khối hạt: Trong quá trình bảo quản, hạt hô hấp và thải nhiệt gây ra hiện tượng bốc nóng, cần đảo nông sản để thoát nhiệt ra ngoài +

Kiểm soát sinh vật hại tánh hiện tượng côn trùng lây lan trong quá trình bảo quản. - **Thiết bị sử dụng:** Máy sấy SH1- 200 là một loại máy sấy tĩnh, sấy theo mẻ. Máy hoạt động dựa trên nguyên lý đối lưu, có kết cấu gọn nhẹ, đơn giản, giá rẻ phù hợp với mọi đối tượng nông sản cần làm khô tại chỗ. Thiết bị tiêu hao ít điện, nhiên liệu dùng phong phú; Chất liệu: tôn 0,7mm

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; Áp dụng cho mọi đối tượng; Chi phí rẻ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Máy sấy: 1.500.000đ/cái; Phương tiện CCT-02: 700.000đ/cái; Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN VÀ DẮM CHÍN NHANH QUẢ HỒNG

Mã số: VN1533/174

Mô tả quy trình CN/TB: - Dầm chín nhanh quả hồng sau 72 giờ - Kéo dài thời gian bảo quản hồng dầm từ 7 ngày lên 45-60 ngày - Kéo dài thời gian bảo quản hồng ngâm từ 7 ngày lên 30 ngày - Tỷ lệ hư hỏng (kể cả hao hụt tự nhiên) $\leq 15\%$. Công suất (tính theo ca): Quy mô ≥ 500 kg . Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng dinh dưỡng và thương mại.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ tiến hành, không đòi hỏi phải đầu tư nhiều tiền của, đặc biệt có thể dễ dàng ứng dụng tại địa bàn nông thôn miền núi nơi mà năng lực kinh tế chưa cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phụ thuộc vào thoả thuận các nội dung cung cấp

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN GÀ ÁC TÀN DƯỢC THẢO

Mã số: VN1513/755

Mô tả quy trình CN/TB: - Thịt gà ác (gà thuốc) bảo quản đông lạnh, các vị dược thảo bổ dưỡng, phối hợp, bao gói, bảo quản mát - Khi ăn nấu theo phương pháp tần cách thủy (hầm)

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: Rẻ, nguyên liệu trong nước sẵn có

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Đào tạo thành thực tay nghề cho cán bộ, công nhân thực hiện

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN HẠT BÔNG VẢI THÀNH DẦU THỰC PHẨM VÀ KHÔ BÃ DÙNG LÀM THỨC ĂN GIA SÚC (TRÂU, BÒ, GÀ, VỊT,...)

Mã số: 154112/101

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: hạt bông vải - sàng - nhân - nghiền - gia nhiệt - xử lý gossypol - ép dầu trên máy ép vít liên tục - khô bã làm thức ăn gia súc - dầu bông khô - trung hoà - rửa, sấy - tẩy màu, mùi chân không - lọc - dầu thành phẩm. Năng suất: 4 tấn hạt bông/8h. đạt tiêu chuẩn Việt Nam

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Là công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được nghiên cứu ứng dụng tại Việt Nam xử lý độc tố có trong hạt bông vải bằng hoá chất sản xuất trong nước thường dùng trong công nghiệp thực phẩm, rẻ hơn 50 lần so với axit Antranilic. Đã chế tạo thiết bị tách nhân ra khỏi vỏ hạt bông vải hiệu suất tách đạt khoảng 95%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhận hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50 triệu (kể cả phí đào tạo); Giá máy móc thiết bị: 600 triệu

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN MỠ CÁ BASA VÀ CÁ DA TRƠN THÀNH SẢN PHẨM THỰC DƯỠNG CÓ LỢI CHO PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ VÀ CHỐNG CLESTEROL, BỆNH TIM

Mã số: 1513/1008

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: mỡ cá - rửa - ép - lọc - khử mùi - đóng chai, đóng gói. quy cách sản phẩm tạo ra: dầu ăn từ mỡ đạt TCVN; Công suất: tùy theo yêu cầu; Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác: có omega 3, omega 6

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản; thiết bị toàn bộ do Việt Nam chế tạo

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhận hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 25 triệu; Giá máy móc thiết bị: 2,5- 5,5 tỷ; Phí đào tạo: 20 triệu; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 10 triệu; Chi phí khác: Có thể thiết kế trang thiết bị với quy mô nhỏ hơn theo yêu cầu khách hàng. Có thể liên

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN MUỐI IÓT BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHUỘM SIMENS

Mã số: VN1587/1

Mô tả quy trình CN/TB: 1-30 tấn/ca (300-10.000 tấn/năm; TCVN; Muối sạch (hoặc muối tinh) ngâm trong bể chứa thuốc nhuộm Simens trong 30 phút (do đơn vị chuyển giao cung cấp) Vẩy ly tâm -

KCS - Sấy khô - Đóng gói - Kiểm nghiệm sản phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Ưu điểm của CN/TB: Giá thiết bị chỉ bằng 5-10% so với công nghệ chào bán của Ấn Độ, Đài Loan, Visalco

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Patent; Năm: 1999

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 20 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Doanh nghiệp tư nhân khoa học và công nghệ Hải Phòng

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN MUỐI THÔ THÀNH: MUỐI TINH CÔNG NGHIỆP BẰNG HOẶC DƯỚI 96% NaCl; MUỐI TINH XUẤT KHẨU BẰNG HOẶC DƯỚI 98% NaCl; MUỐI TINH KHIẾT ĐƯỢC PHẨM BẰNG HOẶC DƯỚI 99% NaCl

Mã số: VN1587/I

Mô tả quy trình CN/TB: 1-3 tấn/ngày (300-10.000 tấn/năm); TCVN, TCNN; 1. Phương pháp vật lý: Rửa thô - Nghiền nhỏ - Rửa tinh 3 lần theo nguyên lý chiết suất ngược dòng - Ly tâm - Sấy khô - Kiểm nghiệm - Đóng bao; 2. Phương pháp hoá học: Hoà tan - Lọc, loại tạp chất không tan - Dùng hoá chất kết tủa MgH , SO_4 -- - Kết tinh phân đoạn - Ly tâm - Sấy khô - Kiểm nghiệm - Đóng bao

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị đơn giản, chế tạo trong nước, dễ sử dụng, dễ bảo quản, sửa chữa. Giá thiết bị chỉ bằng 5-10% giá chào bán của Đài Loan, Ấn Độ, Visalco. Chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn muối công nghiệp và dùng cho dược phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo hợp đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Doanh nghiệp tư nhân khoa học và công nghệ Hải Phòng

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN MỨT MẶN NGUYÊN QUẢ

Mã số: VN153312/I

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: Mặn quả tươi → Rửa, lựa chọn → Xử lý → Thẩm thấu (dung dịch đường 4 lần) → Vớt, để ráo → Rửa → Sấy → Bao gói → Sản phẩm. Xử lý nguyên liệu: Mặn chín tới, không thối hỏng. Châm quả bằng thiết bị, chần trong nước nóng 80-85 độ C Thẩm thấu 4 lần: Tạo dung dịch đường, cho quả vào ngâm qua đêm, hàng ngày tăng nồng độ đường lên Rửa quả: Vớt quả và để ráo, chần trong nước sôi khoảng 1 phút Sấy: Mặn được sấy trong nhiệt độ khoảng 65 độ C đến khi quả chắc, không dính tay là được Bao gói: Mứt mặn được tồn trữ trong bao PE 2 lớp. Bao bì nhỏ là khay, hộp mica, nhựa Dụng cụ, thiết bị gồm có: thiết bị châm quả, thiết bị sấy, thùng thẩm thấu,...

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình công nghệ đơn giản; không có rác thải; không gây ô nhiễm môi trường; Chi phí thấp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Phí đào tạo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN NƯỚC SEN

Mã số: VN159/202

Mô tả quy trình CN/TB: Hạt sen-xử lý hạt-nghiền-lọc-phối liệu (đường kính phối liệu TP+huong)-đồng hoá-bài khí-đóng chai-thanh trùng-nước sen thành phẩm. Công suất (tính theo ca): 500 chai. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Là sản phẩm mới nghiên cứu và chế biến lần đầu tiên ở Việt Nam, có tác dụng được lý của 1 vị thuốc đông y: an thần, bổ tỳ, mất ngủ, tăng lực, có lợi cho mọi lứa tuổi... Thiết bị: Sử dụng, lắp đặt trang thiết bị máy móc của Việt Nam, không phức tạp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN RƯỢU BRANDY MANG HƯƠNG VỊ ĐIỀU

Mã số: VN15911/1

Mô tả quy trình CN/TB: 40 lít/mẻ; TCVN; Từ trước đến nay ngành điều chỉ chú trọng đến việc sử dụng nhân quả điều chứ chưa thực sự đề ý đến quả điều. Việc này gây lãng phí lớn cũng như làm ô nhiễm môi trường do các phần còn lại của quả điều bị loại bỏ. Đề tài nghiên cứu "Công nghệ chế biến rượu điều" đã mở ra hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao giá trị cho cây đặc sản của vùng duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam Bộ. Đề tài đã tập trung nghiên cứu và đi sâu vào các khâu: xác định nguyên liệu cho chế biến, xử lý dịch lên quả điều tươi trước khi lên men, xác định các chế độ công nghệ trích ly quả từ quả khô, quy trình công nghệ rượu cất hộ gia đình, quy trình công nghệ trung luyện, quy trình công nghệ pha rượu, xây dựng mô hình sản xuất rượu quả điều. Quy mô nhỏ: sản phẩm là rượu cất và quả điều sấy khô. Quy trình công nghệ gồm: lên men, chưng cất rượu 40 lít/mẻ bằng chũm nầm men vi sinh vật hoặc men khô thuốc bắc. Sản phẩm quả sấy bằng lò thủ công có công suất 200 kg quả tươi/ngày. quy mô vừa: Sản phẩm là cất còn và rượu, Quy trình công nghệ gồm: chưng luyện truyền thống và pha rượu hiện đại. Công nghệ này đã xử lý tách tannin trong dịch quả điều để phù hợp cho lên men rượu và rượu lên men từ dịch quả điều trong môi trường nhiều tannin. Công nghệ sản xuất rượu điều đã áp dụng thành công biện pháp khử chất, tận dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6545: Công nghiệp rượu

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ sản xuất rượu điều và hệ thống thiết bị dễ thay đổi, dễ thay thế, dễ chế tạo, dễ sử dụng, sử dụng nguyên liệu trong nước, có thể áp dụng với tất cả các hộ nông dân và doanh nghiệp trong vùng trồng điều; Sử dụng nguồn thịt quả điều mà trước đây là phế thải góp phần giải quyết được mối lo về ô nhiễm môi trường; nếu sử dụng hết thịt quả điều sẽ tận dụng được lượng

đường từ 80-90 nghìn tấn. Sản phẩm rượu điều có chất lượng tốt, chi phí thấp

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 20 triệu đồng cho quy mô nhỏ, 230 triệu cho quy mô vừa; Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỊT BÒ THÀNH SÚP THỊT VIÊN CHẤT LƯỢNG CAO, THUẬN TIỆN CHO TIÊU DÙNG

Mã số: VN1513/751

Mô tả quy trình CN/TB: -Thịt bò loại tươi, xay nhỏ, phối trộn các gia vị, tạo viên và làm chín qua xử lý nhiệt và sấy khô ở 40oC - 45oC. -Xương bò loại tươi, cưa mảnh, xếp trong dụng cụ nấu chuyên dùng trong điều kiện áp suất cao để tách chiết dịch nước cốt. +Nước cốt thu được lọc và vớt bỏ các tạp chất +Làm trong +Đề vào môi trường lạnh cho phần mỡ nổi phía trên dịch nước cốt đông lạnh, vớt bỏ phần mỡ đông cứng +Dịch nước cốt thu được có phối chế thêm gia vị, hương liệu đun nhỏ lửa cô đặc cho đến khi màu hồ phách +Tạo viên và sấy khô ở nhiệt độ 40oC-45oC -Bao gói sản phẩm và bảo quản -Sử dụng sản phẩm -Đun nước sôi, cho gói sản phẩm vào để viên nước cốt cô đặc tan, sau đó cho thêm các loại rau quả...tùy sở thích -Tên sản phẩm: **Viên súp thịt bò** +Sản phẩm phục vụ các bữa ăn nhanh, thuận tiện cho tiêu dùng, du lịch, picnic....sản phẩm có thể bảo quản được lâu ngày - Công suất +Đáp ứng theo yêu cầu -Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật +Sản phẩm đã được kiểm tra chất lượng tại Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ áp dụng trong sản xuất - Nguyên liệu trong nước - Chi phí nguyên liệu điện năng đơn giản - Không ảnh hưởng đến môi trường - Góp phần làm sạch môi trường (xử lý xương hầm lấy nước cốt, bã còn lại làm thức ăn cho chăn nuôi) vì nếu không xử lý kịp thời xương dễ bị thối bốc mùi gây ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Cử cán bộ chuyên môn cùng làm đến khi cơ sở sản xuất tiếp nhận được công nghệ

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỊT GÀ XÔNG KHÓI

Mã số: Vn1513/754

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Thịt gà công nghiệp (đầu, lườn, cánh) ngâm ủ trong môi trường dung dịch chuyên dùng, ở nhiệt độ 4 độ C thời gian 6-12 ngày, rửa ở vòi nước chảy sạch, làm chín, hun khói, để nguội, đóng gói chân không, bảo quản mát 4-6 độ C. Sản phẩm ăn liền - Tiêu chuẩn đạt được: TCVN - Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Đạt các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: Dễ áp dụng, sản phẩm có sẵn ở trong nước

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Đào tạo thành thực cho cán bộ, công nhân thực hành

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỊT NGAN HÀM MĂNG, BẢO QUẢN ĐƯỢC LÂU NGÀY VÀ THUẬN TIỆN CHO TIÊU DÙNG

Mã số: VN1513/750

Mô tả quy trình CN/TB: -Thịt nạc hàm măng là món ăn truyền thống rất được ưa chuộng, nhưng chế biến mất thời gian không thuận tiện cho tiêu dùng -Với công nghệ mới, sản phẩm chế biến có chất lượng cao rất tiện cho sử dụng, phù hợp với nếp sống công nghiệp, phục vụ các bữa ăn nhanh - Quy trình được chế biến như sau: 2.1.Thịt nạc được làm sạch, rút xương, thái mảnh trộn giữa các phần thịt đùi, lườn, cổ, cánh và cân định lượng cho mỗi đơn vị sản phẩm -Dùng túi Polyethylen để bao gói, đặt túi lên bàn, dàn đều thịt trên túi, cuộn lại theo hình trụ. Dùng hai tay quay nhẹ trên mặt bàn theo lực hướng tâm, thịt sẽ ép sát vào nhau. Trong khi quay nhẹ trên mặt phẳng, dùng kim hoặc vật có mũi nhọn xăm 1-2 mũi vào gói sản phẩm để không khí thoát ra ngoài, gói sản phẩm sẽ chặt hơn bảo quản sẽ tốt hơn. -Sau khi bài khí và cuộn chặt 2 lần, gói sản phẩm sẽ đặt vào khay, để vào tủ mát 20C-40C thời gian 2 giờ, sau đó đem bảo quản vào tủ lạnh sâu âm 26oC-28oC hoặc để vào ngăn đá của tủ lạnh gia đình. 2.2.Chọn lựa măng -Măng khô loại tốt, màu vàng nhạt, có trạng thái dẻo, dai. không mốc, mọt, nát, rỗ...có hàm lượng ẩm dưới 15%, mùi thơm đặc trưng không có mùi lạ -Măng được ngâm ủ thời gian 24-36 giờ, thường xuyên thay nước mới, sau đó vớt lấy măng ra rửa sạch và dùng phương pháp nhiệt để công phá cellulose trong môi trường nước và điều kiện áp suất cao -Khi măng đã chín mềm, lấy ra thái mảnh lát thái vát theo chiều ngang của thân măng, bao gói định lượng theo mỗi túi sản phẩm và bảo quản trong điều kiện lạnh 2.3.Xử lý gia vị -Muối ăn tinh khiết, đường trắng, bột củ hành, bột hạt tiêu, bột củ gừng vàng (*Gingiber officinale* Roas), bột nấm hương....tất cả trộn đều theo tỉ lệ -Cân định lượng và bao gói mỗi túi với lượng tương ứng của gói thịt và măng trong mỗi một đơn vị sản xuất 2.4.Sử dụng sản phẩm -Để thịt tan đông, ướp gói gia vị nói trên để 5-10 phút cho thấm thấu. Cho thịt vào xoong xào chín, bỏ tiếp măng vào đều và thêm 400ml (1 bát) nước (nếu quy cách gói sản phẩm là 200g thịt và 140-150g măng) đun sôi là dùng được 2.5.Tên sản phẩm: **Thịt nạc hàm măng**; 2.6.Công suất: Có thể đáp ứng thỏa mãn nhu cầu khi có thị trường 2.7.Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: - Dễ áp dụng - Nguyên liệu trong nước - Chi phí nhiên liệu, điện năng đơn giản - Không ảnh hưởng đến môi trường

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: - Bảo hành 6 tháng; - Chứ cán bộ chuyên môn theo sát sản xuất

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN XÔI ĂN LIỀN

Mã số: VN1588/201

Mô tả quy trình CN/TB: Gạo nếp-làm sạch-ngâm-để ráo-phối trộn-hấp chín-sấy-bao gói-thành phẩm Đậu xanh-ngâm-làm chín-nghiền-phối trộn với gạo nếp... Công suất (tính theo ca): 50 kg/ca . Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: - Là dạng sản phẩm cổ truyền. - Sử dụng ăn liền, tiện lợi cho mọi đối tượng, mọi nơi mọi lúc. - Đơn vị lắp đặt thiết kế, công nghệ.

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ CHUNG LUYỆN RƯỢU ĐIỀU

Mã số: VN159/195

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ chung luyện rượu điều: - Qui mô hộ: + Chung cất thủ công + Hiệu suất thu hồi: tỉ lệ dịch lên men: rượu thu được = 4:1 + Nồng độ rượu: 45-50% V + Hàm lượng Aldehyt (tính theo aldehyt acetic ở rượu 100%): 21,8mg/l + Hàm lượng axit tổng số (tính theo axit citric): 0,29g/l + Hàm lượng axit bay hơi (tính theo axit acetic): 0,09g/l - Qui mô vừa: + Thấp chưng luyện kiểu đĩa + Nồng độ rượu đầu vào: 25-35% v + Nồng độ rượu đầu ra: 94-96% V + Năng suất chung luyện: 200 lít rượu đầu vào/ngày

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài cấp Bộ CB-02

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: - Qui mô nhỏ: + tỷ lệ thu hồi rượu cao. + Giữ được hương thơm đặc trưng của quả điều. - Qui mô vừa: + Thu được sản phẩm có hàm lượng rượu cao. + phần lớn loại bỏ được hàm lượng aldehyt tính bằng mg aldehyt acetic trong 1 lít rượu $100 < 50$. + hàm lượng metanola tính bằng % thể tích $< 0,1$. + Hàm lượng rượu bậc cao theo tỉ lệ hàm lượng rượu Isopentanola và Isobutanola(3:1) < 100 . + Hàm lượng este tính bằng mg este etyacetat trong 1 lít rượu $100 < 200$.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Quy mô nhỏ: 20 triệu đồng; Quy mô vừa: 30 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 200 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỊT LỢN QUA CÔNG NGHỆ ADN

Mã số: VN1511/1

Mô tả quy trình CN/TB: Lợn mang gen Halothan, dễ bị Stress, thịt lợn bị nhão, nhạt màu, phẩm chất kém. Sử dụng công nghệ nhân gen (PCR) để xác định gen Halothan gây chất lượng thịt kém

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ ĐÓNG HỘP ĐẬU HÀ LAN, CÀ RỐT

Mã số: VN15339/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đậu Hà Lan khô đảm bảo chất lượng tốt: không bị mốc, côn trùng ăn, có màu xanh trắng, kích thước đồng đều nhau, độ nhăn ít, loại bỏ những hạt quá bé, hoặc bị hỏng, bị đen, bảo quản dưới 12 tháng Ngâm nước ấm: Khoảng 5 giờ đầu ở nhiệt độ 45 độ C Rửa đãi: sạch bụi bẩn đã bờ ra sau khi ngâm và loại bỏ vi sinh vật, loại hạt lép Ngâm nước thường: nhiệt độ 25 độ C trong 12 giờ, mục đích cho hạt nở đều Dụng cụ thiết bị ngâm rửa: bể ngâm đậu có kích thước 2x3x0,8m, công suất 1 tấn/mẻ x1 bể, kết hợp với các thùng phi to. Sàng nhặt: sàng nhặt bỏ những hạt bé tạo độ đồng đều nguyên liệu cho sản phẩm Dụng cụ sàng nhặt: bằng tay đặt trên bàn thao tác kích thước 2x1x0,8m Chần: chần đậu Hà Lan tươi ở 90 độ C trong thời gian 3 phút, có bổ sung CaCl_2 0,15% Dụng cụ thiết bị chần: nồi hai vỏ hờ công suất 200kg/giờ x 4 cái Cà rốt tươi: Yêu cầu chọn những quả tươi, màu đỏ đặc trưng không bị héo, không bị sâu, bị đen thối. Có thể chọn những quả

không đều nhau vì nguyên liệu cần được thái nhỏ, nên chọn những quả thăng Ngâm rửa, cạo vỏ và tạo hình, chần: chần cà rốt tại 90 độ C trong hai phút, phối trộn với đậu và cà rốt theo tỷ lệ 10% cà rốt sao cho cà rốt lẫn đều vào đậu để đảm bảo giá trị cảm quan và giá trị dinh dưỡng của mỗi hộp. Đậu và cà rốt sau khi chần và để ráo nước, cho vào hộp theo tỷ lệ đậu trong hộp 50,5%; phối trộn 220 gam đậu cà rốt với 215 gam nước trong hộp 15oz Rót dịch: có thành phần là 1% muối VÀ 2% đường, gia vị vừa đủ. Dịch được đun trong nồi 2 vỏ hờ đạt nhiệt độ 100 độ C và bơm lên thùng cao, tạo áp suất để rót hộp dễ dàng. Thiết bị đun: nồi hai vỏ hờ 200 lít/mẻ x 2 cái, bơm, thùng cao vị. Thiết bị ghép mí: máy ghép mí kép công suất 44 hộp/phút Thanh trùng: khi bắt đầu cho hộp vào thanh trùng thì nâng nhiệt 15 phút để nhiệt độ lên tới 120 độ C, giữ ở nhiệt độ này trong 27 phút, sau đó làm nguội trong 15 phút. nâng và giữ nhiệt: nhiệt độ nước lên 100 độ C, sau đó nâng nhiệt độ lên 120 độ C, giữ ở nhiệt độ này trong 27 phút, sau đó làm nguội trong 15 phút Thiết bị thanh trùng: thiết bị thanh trùng cao áp năng suất 1400 hộp/mẻ x 4 cái Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản; chi phí rẻ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí đào tạo: 15.000.000đ/lớp

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BƠ NHÂN TẠO

Mã số: VN1543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: 100-150 kg/mẻ Thông số kỹ thuật khác: Có các thành phần dinh dưỡng phù hợp và các chỉ tiêu cảm quan, màu sắc, mùi vị tương tự các sản phẩm khác có trên thị trường Dầu mỡ động thực vật, dầu hydro hoá, sữa bò lên men, các gia vị → trộn chất nhũ hoá → khuấy cao tốc và gia nhiệt → làm lạnh sản phẩm → nghiền ép bơ đóng gói → xuất bán.

Lĩnh vực áp dụng: 6565: Công nghiệp bơ - mỡ

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ và thiết bị do đơn vị nghiên cứu chế tạo nên giá thành giảm 50% so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: theo thỏa thuận, tùy theo công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC CHẾ PHẨM THỰC DƯỠNG TỪ CÂY NHA ĐAM (LÔ HỘI) ALOE VERA

Mã số: VN1533/297

Mô tả quy trình CN/TB: - Nhân giống hóm cây nha đam (lô hội) và kỹ thuật trồng cây nha đam Mỹ - Công nghệ sản xuất gel (nước cốt) nha đam: Lá nha đam - Rửa nước ozon - Loại bỏ Aloin - Thái lát hoặc xay - Bỏ xung phụ gia - Vô chai - Khử trùng - Đóng gói - Công nghệ sản xuất đồ hộp gel nha đam: Như trên - Vô lon - Bôi khí - Khử trùng - Đóng gói Công suất (tính theo ca): 3000-100.000 lon/ngày Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Loại bỏ Aloin

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6145: Công nghệ các chất hoá được

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản, gọn nhẹ, có thể sản xuất từ quy mô hộ gia đình đến quy mô công nghiệp; Sản phẩm đạt chất lượng ngoại, giá thành bằng 1/4

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150 triệu VND; Giá máy móc thiết bị: 50 triệu VND (3000 lon/ngày); Phí đào tạo: 25 triệu VND; Phí chuyển giao bí quyết: 25 triệu VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức Khỏe Vàng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC LOẠI NƯỚC CANH (NƯỚC SÓT, NƯỚC LÈO) ĐÓNG BAO VỎ TRÙNG

Mã số: VN15139/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: 5.000 - 20.000.000sp/giờ Thông số kỹ thuật khác: Sản phẩm vô trùng, bảo quản trên 3 tháng ở nhiệt độ thường không hư hỏng Thịt cá, xương.. → phối chế gia vị → hầm kỹ → lọc nước cốt → điều vị → đóng gói → thanh trùng → xuất bán

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Tạo ra sản phẩm đa dạng, phục vụ cho nhu cầu của người dân. Giảm công sức và thời gian chế biến của mọi người. Thiết bị và công nghệ do đơn vị tự chế tạo nên giá thành giảm, chi phí bằng 50% so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu VND; Giá máy móc thiết bị: 90 - 250 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CHIÊN DẦU CHÂN KHÔNG

Mã số: VN153323/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 3- 10kg/h Nguyên liệu (rau, củ tươi, đậu, lạc, điều, khoai tây, khoai lang, khoai môn, sắn) → lựa chọn → làm sạch → thanh trùng → công nghệ sinh học → chiên chân không → làm khô → gia vị → tách dầu → lựa chọn → kiểm tra → bao bì → thành phẩm. Trên cùng một dây chuyền có thể tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau; Sử dụng công nghệ vi sinh

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau trên cùng một dây chuyền; Sử dụng công nghệ vi sinh; Thời gian chiên nhanh, giữ được nguyên giá trị dinh dưỡng, vitamin, màu sắc tự nhiên

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 500 triệu đồng kể cả phí đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC THỰC PHẨM SỨC KHOẺ TỪ CÂY LÔ HỘI (NHA ĐAM MỸ)

Mã số: 153/1009

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất cây Nha Đam giống Mỹ từ ống nghiệm. Quy trình công nghệ thu hái, bảo quản, vận chuyển lá nha đam. quy trình công nghệ tách gel nha đam từ lá và loại chất độc Aloin. Công nghệ công thức chế biến nước uống từ finha đam; Công nghệ công thức chế biến nước cốt nha đam; Quy trình công nghệ chế biến sản phẩm nha đam+ mật ong; Đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm Việt nam; Công suất: tùy theo đơn đặt hàng; Đạt TCVN; Có thể đóng lon, đóng vào các bao bì PP,PE

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Giống cây có tính kháng sâu bệnh, chịu phèn, hạn; Công nghệ thích hợp với Việt nam

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu; Giá máy móc thiết bị: 20 triệu- 1,5 tỷ đồng (tùy công suất); Phí đào tạo: 10 triệu; Phí chuyển giao bí quyết:25 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 10 triệu

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CHẾ PHẨM BỔ DƯỠNG LÀM TĂNG TRÍ NHỚ CHỐNG STRESS, TRÂM CẢM TỪ MỘT LOẠI RAU Ở VIỆT NAM

Mã số: 1533/1010

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: thu hái, phân loại rau - rửa thường - rửa bằng nước Ôzôn hay peroxide - sấy - nghiền bột - đóng gói(viên nang cứng hay trà túi lọc). quy cách sản phẩm tạo ra: viên nang cứng chứa bột rau, trà túi lọc chứa bột rau mỗi gói 2 gam; Công suất theo nhu cầu; đạt tiêu chuẩn cơ sở; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác: có các hoạt chất Bacoside A,B

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản, có hiệu quả cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Cơ sở mua sắm theo hướng dẫn; Giá máy móc thiết bị: 10 triệu; Phí đào tạo: 10 triệu; Phí chuyển giao bí quyết:20 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 10 triệu; Chi phí khác: Nếu cơ sở đã sản xuất trà túi lọc, được phẩm có thể giảm chi phí tư vấ

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NHA, GLUCOSE TINH THỂ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ENZYME

Mã số: VN15622/1

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình sản xuất nha (siro Gluco) bằng phương pháp enzyme Tinh bột → Xử lý → Hoà loãng → Dịch hoá → Đường hoá → Ép lọc → Cô sơ bộ → Làm sạch → Cô đặc → Làm nguội → Thành phẩm; Quy trình sản xuất gluco tinh thể bằng phương pháp enzyme: Tinh bột → Xử lý → Hoà loãng → Dịch hoá → Đường hoá → Ép lọc → Cô sơ bộ → Làm sạch → Cô đặc → Kết tinh → Rửa mặt chè → Sấy khô → Đóng gói → làm nguội → Thành phẩm. Nha thành phẩm vị ngọt thanh, trong, không tạp chất lơ lửng, hàm lượng khô 82 birx, hàm lượng tro thấp hơn 1,2. Năng suất: 1 tấn/ngày (nha)

Lĩnh vực áp dụng: 6537: Công nghiệp đường, 6541: Công nghiệp lên men

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ lần đầu tiên được sử dụng tại Việt Nam. Sản phẩm sử dụng nguyên liệu hoàn toàn tự nhiên, không thêm đường hay các chất bảo quản hoá học mà vẫn giữ nguyên được hương vị và màu sắc tự nhiên

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 1.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC CỐT DỪA DẠNG KEM

Mã số: VN1551/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được; TCNN Năng suất: 50 kg/mẻ Quy trình công nghệ: Sấy → Sản phẩm cơm dừa nạo sấy Cùi dừa tươi → Nạo nhỏ → Ép thủy lực → Lọc → Bã dừa Sữa dừa thô → Cô đặc → Sản phẩm kem dừa

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6565: Công nghiệp bơ - mỡ

Ưu điểm của CN/TB: Kem dừa là sản phẩm sữa dừa cô đặc; được sản xuất từ cùi dừa tươi; Sản phẩm có khả năng cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 150 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT VALICHI CÓ TÁC DỤNG PHÒNG CHỐNG UNG BƯỚU, TIÊU ĐƯỜNG

Mã số: 15981/1011

Mô tả quy trình CN/TB: Sản xuất một số loại nấm ăn như Vân Chi, Linh chi, Bào Ngư, nấm rơm, mộc nhĩ. Quy cách sản phẩm tạo ra: nước uống giải khát tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Công suất theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Có thể tách 2 phần công nghệ ra riêng (sản xuất nhóm và đồ hộp). Có tác dụng cao, công nghệ đơn giản áp dụng cho xí nghiệp vừa và nhỏ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo yêu cầu; Phí đào tạo: 25 triệu; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu; Phí tư vấn kỹ thuật: 25 triệu; Chi phí khác: Có thể thương lượng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC PEROXIDE DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT NƯỚC TINH KHIẾT VÀ NƯỚC SÁT TRÙNG

Mã số: 15981/1012

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ: bơm hút nước - lọc thô - lọc tinh - peroxide hóa - đóng chai, sử dụng. Nước tinh khiết Peroxide hoá có tác dụng khử trùng trong 6 tuần, khử kim loại nặng, dư lượng các thuốc trừ sâu diệt cỏ và độc chất khác. Công suất: 10,20,50,100 m³/h; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài (Pháp); đảm bảo tiêu chuẩn nước uống tinh khiết

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Tác dụng khử khuẩn, khử độc cao hơn công nghệ ozôn (thời gian gấp 160 lần ozôn)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 5 triệu; Giá máy móc thiết bị: 120 - 150 triệu (tùy theo công suất); Phí đào tạo: 5 triệu; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC QUẢ TƯƠI ĐÓNG TRONG CÁC LOẠI BAO BÌ THEO CÔNG NGHỆ TIẾT TRÙNG (UHT)

Mã số: VN1532/82

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất nước quả tươi theo công nghệ tiết trùng UHT: Quả - Rửa - Xử lý vỏ, hạt - Chà hoặc ép - Dịch quả - Lọc sơ bộ - Phối chế - Lọc - Đồng hóa - Bôi khí - Tiệt trùng UHT - Rót bao bì (- Khử trùng - Bao bì) - Ghép nắp - Dán nhãn - Thành phẩm
Danh mục các thiết bị phục vụ sản xuất nước quả tươi đóng trong các bao bì theo công nghệ tiết trùng UHT (Các thiết bị được cấp nhiệt bằng hơi nước bão hòa): 1. Máy rửa quả 2. Máy rửa chai (với bao bì nhựa) 3. Máy chà 4. Máy ép thủy lực 5. Máy ép lọc khung bản 6. Máy đồng hóa 7. Thiết bị phối liệu (có cánh khuấy) 8. Thiết bị gia nhiệt - bôi khí 9. Thiết bị tiệt trùng UHT - Làm nguội 10. Thiết bị rót bao bì 11. Hệ thống băng tải 12. Thiết bị ozon 13. Thùng chứa trung gian 14. Máy xé 15. Máy gọt vỏ (đối với nước dứa) 16. Phòng vô trùng (Rót sản phẩm) 17. Hệ thống thiết bị khử trùng bao bì 18. Hệ thống bàn thao tác 19. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1000 lít Tiêu chuẩn đạt được: TCVN
Hình thức cung cấp CN/TB:

- Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - Cấp Thành phố; Do đơn vị nghiên cứu chế

tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị chế tạo theo hướng tự động bán tự động phù hợp với cơ sở sản xuất quy mô vừa và nhỏ, vốn đầu tư ban đầu nhỏ dễ dàng áp dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 600.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHO-MAT CỨNG TỪ SỮA BÒ TƯƠI

Mã số: VN15514/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Quy trình công nghệ: Sữa bò tươi → Xử lý sữa (lọc, chuẩn hoá) → Thanh trùng Pasteur → Làm nguội → Cấy giống vi sinh vật chuẩn + Enzym → Tạo sữa đông → Tách nước → Ép bánh → Ngâm nước muối → Ủ chín → Bao gói → Thành phẩm
Thành phần: Sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao: Đạm: 28,2- 1,4% Béo: 25,66- 2,34% Âm: 40,55- 2,35% NaCl: 1,35- 0,18%

Lĩnh vực áp dụng: 6563: Công nghiệp sữa, 6565: Công nghiệp bơ - mỡ

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ lần đầu tiên có mặt tại VN; Thiết bị có thể chế tạo trong nước; Giá thành sản phẩm hạ hơn so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50.000.000 VND; Phí tư vấn kỹ thuật: Tùy thuộc vào quy mô sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT QUẢ NHUYỄN NA, ỔI, DỨA (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC07-08)

Mã số: VN1533/244

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ sơ chế bán thành phẩm dạng nhuyễn; Bảo quản ở nhiệt độ thường, nơi thoáng mát, thời gian bảo quản 6 tháng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.08

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Dễ thực hiện đối với hộ gia đình, doanh nghiệp; Chất lượng đảm bảo để làm nguyên liệu cho sản xuất; Kéo dài thời gian bảo quản dưới dạng bán thành phẩm

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu; Giá máy móc thiết bị: 50 triệu

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU CHAMPAGNE

Mã số: VN1593/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 50.000 chai/năm Quy trình công

nghe: Nguyên liệu → Xử lý → Ép quả → Xử lý dịch quả → Lên men chính → Lên men phụ → Ủ chín rượu → Xử lý rượu non → Lọc trong → Nạp CO₂ → Đóng chai → Bảo quản Sản phẩm: Hàm lượng cồn 11,5% hàm lượng đường: 50-80g/lít, hàm lượng CO₂: 5g/l

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6545: Công nghiệp rượu

Ưu điểm của CN/TB: Sản phẩm có chất lượng khá tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150.000.000đ (cả máy)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU VANG ĐIỀU

Mã số: VN1594/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 500 lít/ngày Quy trình sản xuất: Quả tươi → Xử lý → Ép → Xử lý dịch quả → Lên men → Tàng trữ → Pha chế → Lọc → Đóng chai → Bảo quản. Thành phần: Độ cồn: 14% v/v Hàm lượng đường: 60,0 g/l Hàm lượng axit: 4,0 g/l Vitamin các loại

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: Dây chuyền thích hợp cho nhiều loại hoa quả. Quy mô nhỏ thích hợp với kinh tế trang trại tại vùng nguyên liệu. Tàng trữ được nguồn nguyên liệu để chế biến sau mùa thu hoạch

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 40 triệu đồng; Phí đào tạo: 10.000.000đ; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU VANG NẾP THAN (NẾP CẨM) BẰNG PHƯƠNG PHÁP SINH HỌC VỚI QUY MÔ NHỎ

Mã số: VN1593/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 1.500.000 lít/năm Quy trình công nghệ: Xử lý nguyên liệu → Dextrin hoá → Đường hoá → Lên men chính → Lên men phụ → Lọc → Đóng chai → Bảo quản Thành phần: Độ cồn (ethylic): 15 độ Hàm lượng đường: 6-7% Hàm lượng axit: 2-3 g/l Cảm quan: trong suốt, màu hồng sẫm

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Rút ngắn được thời gian sản xuất; Chất lượng ổn định, không phụ thuộc vào thời tiết; Tài sản cố định ít khoảng 400 triệu đồng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 40 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 2.500 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU VANG QUẢ CÁC LOẠI (300.000 LÍT/NĂM)

Mã số: VN1594/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất: 1.000 lít/ngày Quy trình công nghệ: Quả tươi → Xử lý → Ép → Lên men → Tàng trữ → Pha chế → Lọc trong → Đóng chai → Bảo quản. Thành phần rượu vang quả: Độ cồn: 14% v/v Hàm lượng đường: 60g/lít Hàm lượng axit: 7,0g/lít Vitamin các loại

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6545: Công nghiệp rượu

Ưu điểm của CN/TB: Tạo ra sản phẩm mới rượu vang quả có ga; sản phẩm thích hợp cho việc pha chế cocktail cùng các loại siro hoa quả khác. Bảo quản được nguyên liệu để chế biến sau mùa thu hoạch; dây chuyền thích hợp cho sản xuất nhiều loại vang quả

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50.000.000 VND (kể cả chi phí đào tạo và chi phí chuyển giao bí quyết); Giá máy móc thiết bị: 990 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU VANG TRÁI CÂY (NHÔ VÀ SƠI) QUY MÔ NHỎ

Mã số: VN1593/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 50.000 chai/năm Quy trình công nghệ: Quả tươi → Xử lý → Ép quả → Xử lý dịch quả → Lên men chính → Lên men phụ → Ủ chín rượu → Xử lý rượu non → Lọc trong → Đóng chai → Bảo quản Sản phẩm: hàm lượng cồn 11,5% Hàm lượng đường: 50-80g/lít Sản phẩm có hương vị đậm đà, thơm dịu mùi trái cây

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6545: Công nghiệp rượu

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20- 30 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT RƯỢU VANG TỪ MẬN QUẢ

Mã số: VN0315/155

Mô tả quy trình CN/TB: Mận quả được rửa sạch, xử lý tách chiết dịch quả có sử dụng enzym. Dịch quả thu hồi được đưa sang công đoạn lên men rượu. Rượu nhận được sau quá trình lên men được xử lý làm trong và lọc. Sản phẩm rượu vang nhận được có các chỉ tiêu chất lượng đạt tiêu chuẩn TCVN.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Tách chiết được triệt để dịch quả; Nâng cao chất lượng dinh dưỡng cũng như cảm quan của rượu thành phẩm; Lên men đạt độ rượu yêu cầu

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10% giá thiết bị; Giá máy móc thiết bị: Theo quy mô sản xuất; Phí đào tạo: 5% giá thiết bị; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: 3% giá thiết bị

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở sử dụng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SỮA BẮP

Mã số: VN15515/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 2.000 lít/ngày (khoảng 10.000 chai, loại 200ml) Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Bóc vỏ → Nghiền → Trích ly → Lọc → Hồ hoá → Lọc → Phối trộn → Đồng hoá → Rót chai → Đóng nút → Tiệt trùng → Bảo ôn → Dán nhãn → Thành phẩm; Sản phẩm đảm bảo chất lượng trong 2-3 tháng

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Có thể mở rộng quy mô lên đến gấp 2-3 lần mà vốn đầu tư không tăng nhiều

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20- 50 triệu đồng (tùy thuộc vào năng suất); Giá máy móc thiết bị: 200- 250 triệu; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SỮA CHUA

Mã số: VN155152/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 2.000 lít/ngày (khoảng 10.000 chai, loại 200ml) Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Phối trộn → Đồng hoá → Thanh trùng → Rót chai → Dán nhãn → Thành phẩm; Sản phẩm đảm bảo chất lượng trong 2-3 tháng

Lĩnh vực áp dụng: 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Có thể mở rộng quy mô lên đến gấp 2- 3 lần mà vốn đầu tư không tăng nhiều

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10- 20 triệu đồng (tùy thuộc vào năng suất); Giá máy móc thiết bị: 200- 250 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THẠCH DỪA

Mã số: Vn153322/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 500 kg/ca Quy trình công nghệ: Nước dừa → Lọc → Bỏ sung đường, muối → Đun sôi → Để nguội → Nhân giống → Rót khay nhựa → Lên men thạch thô → Ngâm rửa → Cắt miếng, tạo hình → Rửa sạch → Đun sôi → Rửa

sạch → Nấu nước đường → Rót chai, lọ → Thanh trùng → Bảo ôn → Dán nhãn → Thành phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6541: Công nghiệp lên men

Ưu điểm của CN/TB: Quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện VN; Giá cả thiết bị phù hợp cho sản xuất gia đình; Chất lượng sản phẩm cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20- 30 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 250 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TRÀ HOÀ TAN

Mã số: VN1586/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được:TCVN Năng suất: 300 kg/ca/8giờ (15.000 gói 20g)
Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Xử lý → Phối trộn (thêm phụ gia) → Đóng gói → Thành phẩm Sản phẩm được đóng gói nhỏ (khoảng 20g, tùy theo nhu cầu, đảm bảo chất lượng)

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị đơn giản; chi phí đầu tư thấp; Thiết bị có thể được sử dụng sản xuất các sản phẩm dạng bột khác

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 5 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 105 triệu đồng (Máy đóng gói tự động: 65 triệu đồng)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN GAN BÉO TỪ NGAN PHÁP DÒNG R71 VÀ VỊT LAI NGAN

Mã số: VN1513/752

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Ngan đẻ dòng R71 và con đẻ của vịt lai ngan (đực ngan Pháp, vịt mái Super M) nuôi đến 90 ngày tuổi thì nuôi theo công nghệ riêng: Nuôi nhốt trên lồng tầng, nhồi cho ăn bằng ngô luộc có phối trộn 4g Premix Vitamin, dùng máng để nhồi trong 14 ngày. Cho uống nước đủ. Nuôi dưỡng trong điều kiện nhiệt độ 20-28 độ C, gan béo phải đạt 300g trở lên có màu vàng chanh thuần nhất. Chế biến theo công nghệ cách thủy. - Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ, tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm, 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Rẻ, sản phẩm có thể sản xuất ở trong nước, nguyên liệu sẵn có, không phải nhập khẩu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Đào tạo thành thực tay nghề có thể tự sản xuất được
Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

CÔNG NGHỆ SẤY HỒNG

Mã số: VN153312/1

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sấy hồng: Hồng trên cây → Kiểm tra độ chín → Vận chuyển về nơi xử lý → dầm chín → rửa → Gọt vỏ → Xử lý nguyên liệu → Sấy 60 độ C → Tạo hình → Sấy tiếp → Để nguội + đóng gói → Xuất kho. Điều kiện để sấy hồng: Phải có máy sấy gián tiếp Thời gian sấy: 45 giờ Phải có điện chạy quạt Nhiên liệu sấy là than hoặc củi sản phẩm sẽ được màu cánh gián sáng, hương vị đặc trưng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Chi phí rẻ; Chất lượng sản phẩm tốt; Thích ứng với nhiều đối tượng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SƠ CHẾ BẢO QUẢN SẢN, KHÔ DẦU LÀM THỨC ĂN GIA SÚC (ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CẤP NHÀ NƯỚC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC-07-08)

Mã số: VN1571/243

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ sơ chế bảo quản sản khô, sấy định kỳ, không chế độ ẩm < 13%. Kết hợp với thuốc chống côn trùng thảo mộc giảm tỷ lệ tổn thất dưới 6% sau 6 tháng bảo quản; Công nghệ sơ chế bảo quản khô dầu bằng khí CO₂ 25-30% kết hợp với chất chống oxi hóa, đảm bảo chất lượng, giảm tỷ lệ tổn thất 1% sau 6 tháng bảo quản

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Mã số: KC.07.08

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi, 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc

Ưu điểm của CN/TB: Dễ thực hiện đối với hộ gia đình; Kéo dài tối đa thời gian bảo quản của quả khô

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ CHẾ BIẾN MỠ CÁ BASA THÀNH DẦU THỰC PHẨM VÀ THỨC ĂN GIÀU DINH DƯỠNG CHO TRẺ EM

Mã số: VN1543/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 1 tấn/ngày Mỡ cá Basa (dạng rắn) → Khai thác → Mỡ lỏng → Chế biến → Dầu cá (phần lỏng) → Trung hoà → Rửa → Sấy → tẩy mùi → Dầu cá Basa hay dầu hỗn hợp Cooking oil Mỡ cá (phần đặc) → Trung hoà → Rửa → Sấy → Tẩy mùi → Phối chế → Shortening, Margarine có thành phần mỡ cá

Lĩnh vực áp dụng: 6565: Công nghiệp bơ - mỡ, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Có thể ứng dụng công nghệ và thiết bị cho quy mô sản xuất nhỏ và quy mô gia đình; sản phẩm dầu cá được chế biến thành cooking oil; Phần mỡ đặc được phối chế thành sortening,

margarine có thành phần mỡ cá

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 3.000.000 đ; Phí đào tạo: 10.000.000đ; Phí chuyển giao bí quyết: 70.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT TRÀ, CÀ PHÊ HOÀ TAN

Mã số: VN1586/1

Mô tả quy trình CN/TB: 30 kg/mẻ; TCVN; Nguyên liệu → trích ly → tẩm đường → sấy chân không → làm nguội → nghiền mịn → đóng gói → sản phẩm. Sản phẩm: các loại trà/cà phê và bột trái cây hoà tan.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị được sản xuất với độ chính xác cao, đảm bảo độ an toàn tốt nhất; chi phí đầu tư thấp; TB/CN trong giai đoạn sản xuất lô nhỏ tiêu chuẩn nước ngoài

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 70 triệu đồng (trà); 130 triệu đồng (cà phê); Phí đào tạo: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHK (S.T.C)

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ TĂNG ĐẠM NƯỚC MẮM

Mã số: VN15871/1157

Mô tả quy trình CN/TB: Nước mắm sau khi ủ bằng phương pháp bình thường có độ đậm từ 8 – 200N, được chất ra và đem vào hệ thống cô chân không làm việc ở nhiệt độ và áp suất thấp. Sau khi cô nước được tách một phần và muối cũng được tách ra nhằm giảm độ mặn của sản phẩm. Đây là phương pháp nâng cao độ đậm mà không phải sử dụng bất kỳ một loại hóa chất nào khác. Thiết bị được chế tạo bằng Inox SS316, khả năng chống ăn mòn hóa học rất cao Hệ thống đã được tối ưu hóa các quá trình làm việc, không thất thoát nguyên liệu, không làm thay đổi tính chất sản phẩm, khả năng tách nước và muối cao Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng, buồng trao đổi nhiệt được cách nhiệt tốt Hệ thống kiểm soát và cấp nhiệt hoàn toàn tự động, kiểm soát và điều khiển theo nhiệt độ cài đặt cho từng loại sản phẩm Nhiệt độ và áp suất điều chỉnh được từ 50 – 1000C, 0,6 – 0,9 atm, có timer hẹn giờ làm việc và thông báo Sản phẩm nước mắm sau khi cô có thể lên tới 50-60oN Đạt TCVN Công suất: 300 – 1.000 lít/mẻ

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 120 triệu VNĐ (M500L); Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

DÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỊT LỢN QUA CÔNG NGHỆ ADN

Mã số: VN151/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đọc kết quả sau 3 giờ; TCNN; Lợn mang gen Halothan, dễ bị stress, thịt lợn bị nhão, nhạt màu, phẩm chất kém. Sử dụng công nghệ nhân gen (PCR) để xác định gen Halothan gây chất lượng thịt kém

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Ưu điểm của CN/TB: Chính xác, nhanh, có thể xác định sớm lợn mang gen Halothan từ lúc mới sinh ra, giúp cho chọn lọc đàn lợn không mang gen này, giảm thiệt hại kinh tế... Kết quả phục vụ cho công tác chọn giống đạt hiệu quả cao, nâng cao chất lượng đàn giống và chất lượng thịt lợn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100.000.000 VNĐ; Phí đào tạo: 40.000.000 VNĐ; Phí chuyển giao bí quyết: 40.000.000 VNĐ; Phí tư vấn kỹ thuật: 20.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: Lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN CÁ

Mã số: VN15201/1

Mô tả quy trình CN/TB: 10- 50 kg/mẻ/20- 30 phút; TCNN; Xay (nghiên) - đun - cắt khúc hoặc cán tấm - chiên hoặc hấp.

Lĩnh vực áp dụng: 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: - Công nghệ tương đương của nước ngoài; - Giá thành chỉ bằng 1/2 hoặc 1/3

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; có nhiều mức giá

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THỊT

Mã số: VN1512/1

Mô tả quy trình CN/TB: 10- 50 kg/mẻ/20- 30 phút; TCNN; Xay (nghiên) - tạo viên - hấp hoặc chiên. Hoặc Xay (nghiên) - đun - cắt khúc hoặc cán tấm - chiên hoặc hấp.

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: - Công nghệ tương đương của nước ngoài; - Giá thành chỉ bằng 1/2 hoặc 1/3

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thỏa thuận; có nhiều mức giá

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng về nhân công và vật liệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC DẠNG BỘT VÀ DẠNG VIÊN NĂNG SUẤT ĐẾN 10 TẤN/H PHỐI TRỘN, ĐỊNH LƯỢNG TỰ ĐỘNG

Mã số: VN1571/I

Mô tả quy trình CN/TB: 2-10tấn/h (tùy theo yêu cầu của khách hàng); TCNN; Nguyên liệu để chế biến thức ăn gia súc được cấp vào từ 2 nhánh: nhánh I nguyên liệu dạng hạt được cấp lên thùng chứa qua máy lọc sắt và xuống máy nghiền sau khi nghiền xong được đưa lên thùng chứa bột được mã hoá trong máy tính và điều khiển đầu chia vào các thùng. Nhánh II nguyên liệu dạng bột được cấp vào các thùng thông qua đầu chia thứ II. Sau khi nguyên liệu đã đầy đủ ở 10 thùng nhờ máy vi tính, máy tính công nghiệp và phần mềm sẽ đưa liệu về 2 thùng cân tự động theo công thức thức ăn đã được nạp sẵn vào máy tính (cân tích lũy tự động) cân xong đã xả tự động xuống máy trộn. Cùng lúc đó các thành phần vi lượng được 1 máy trộn tiền khởi trộn và cũng cấp lên thùng chứa, đưa xuống thùng cân, máy trộn làm việc theo chương trình đặt sẵn. Trộn xong được xả và đưa lên thùng chứa có cân đóng bao tự động (nếu làm thức ăn dạng bột) nếu làm thức ăn dạng viên thì bột sau khi đã trộn xong đưa vào thùng chứa ép viên. Viên ép xong được sấy và làm mát đạt độ ẩm $W < \text{hoặc} = 13\%$ nếu cần làm thức ăn mảnh thì cho qua máy bẻ viên- sàng phân loại và đưa vào thùng chứa cân đóng bao tự động.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành dây chuyền thiết bị chỉ bằng 50% so với ngoại nhập - Cung cấp đầy đủ phụ tùng thay thế sau khi hết bảo hành - Đảm bảo cho sản xuất được liên tục. Sản phẩm viên không bị mốc khi bảo quản lâu dài do được làm khô triệt để - Mức độ tự động hoá cao, đảm bảo chất lượng thức ăn ổn định trong suốt quá trình sản xuất

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2.500.000.000-4.500.000.000VND

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sản xuất; cung cấp phụ tùng sau bảo hành và tư vấn sửa chữa nâng cấp thiết bị

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC DẠNG BỘT VÀ DẠNG VIÊN NĂNG SUẤT TỪ 1- 10 TẤN/H; PHỐI TRỘN, ĐỊNH LƯỢNG THỦ CÔNG

Mã số: VN1571/I

Mô tả quy trình CN/TB: 1-10 tấn/h; TCNN; Nguyên liệu được chuẩn bị theo công thức đã định được đưa vào máy nghiền. Sau đó được chuyển đến máy trộn, tại đây có thể bổ sung thêm các thành phần vi lượng và chất béo. Sau khi trộn sản phẩm được chứa vào thùng chứa sản phẩm dạng bột (thức ăn tổng hợp hoặc đậm đặc). Nếu muốn làm viên thì cho qua máy ép viên, làm khô, bẻ khô, sàng phân loại

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp,

69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành hạ - Dịch vụ hậu mãi chu đáo - sản phẩm viên không bị mốc khi bảo quản do được làm khô triệt để

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 500 triệu đồng (cho dây chuyền 1t/h)

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỒNG BỘ CÁC CHẾ PHẨM SINH HỌC DÙNG ĐỂ TẠO MÀU NƯỚC, XỬ LÝ Ô NHIỄM VÀ PHÒNG BỆNH CHO Tôm BÀNG PHƯƠNG PHÁP VI SINH

Mã số: VN158913/1

Mô tả quy trình CN/TB: - Lắp đặt dây chuyền thiết bị ở quy mô vừa- nhỏ, gọn bố trí trong diện tích 48-60 mét vuông để sản xuất các chủng vi sinh vật từ Hud1, Hud2... đến Hud9. Tiến hành sản xuất dịch men vi sinh từ các giống để mỗi năm tạo ra 100.00 lít dịch men vi sinh đặc hiệu có mật độ >10 tỷ con/ml Sử dụng chất bảo quản thích hợp để tạo ra chế phẩm thương phẩm dạng lỏng hoặc dùng chất mang cao cấp chuyển thành thương phẩm dạng bột mang ký hiệu: + Chế phẩm vi sinh Hud567 chuyên xử lý nước hồ ao nuôi tôm 15.000 kg/ha/năm + Chế phẩm Biof- Hudavil chuyên trộn vào thức ăn cho tôm để tăng cường chuyển hoá thức ăn, phòng và trị bệnh đường ruột. Liệu dùng thường xuyên 1 phần nghìn trọng lượng thức ăn. Liệu trị bệnh 1% trọng lượng thức ăn tương ứng Công suất: 3000- 5000 kg/năm - Lắp đặt một dây chuyền chế biến mùn hữu cơ vi sinh làm chất mang các chủng vi sinh vật để tạo ra chất gây màu nước (phân phân chuồng và phân hoá học) Công suất: 5.000 tấn hữu cơ vi sinh- Hud 5 chuyên tạo màu nước và phù du cho ao tôm - Dây chuyền sản xuất chế phẩm diệt cá tạp từ thực vật truyền thống > Liệu dùng đặc hiệu ở nồng độ 2,5 - 5 ppm trong nước Lượng sản phẩm bước đầu > 5.000 ha hồ nuôi Dây chuyền công nghệ sử dụng cho các Trung tâm ứng dụng KH-CN của tỉnh và thành phố; Các doanh nghiệp đang sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; Các doanh nghiệp, trang trại vật tư thủy sản, các trang trại nuôi trồng thủy hải sản ở vùng có diện tích 3.000- 5000 ha hồ nuôi tôm cá

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Các chế phẩm giá rẻ (khoảng 30% giá ngoại nhập); Chủ động sản xuất từ nguồn nguyên liệu trong nước, công nghệ tiện sử dụng, thời gian chuyển giao, đào tạo <3 tháng; Các chế phẩm đồng bộ suốt mùa vụ nuôi trồng (trừ thức ăn), có độ tin cậy cao, tạo kỹ thuật nuôi an toàn, hạn chế dịch bệnh, rủi ro ít. Các chế phẩm đều có nguồn gốc thiên nhiên

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Năm: 1998

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Trọn gói: 1.500 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 250.000.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Hoá học Các hợp chất thiên nhiên- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MỨT KHÔ THEO CÔNG NGHỆ CHÂN KHÔNG

Mã số: VN1584/90

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ công nghệ sản xuất mứt khô theo công nghệ rim chân không Quả, củ - Rửa sạch - Xử lý vỏ, hạt - Ngâm tạo độ cứng - Chần - Ngâm đường - Rim chân không - Sấy - Đóng gói - Dán nhãn - Thành phẩm Danh mục thiết bị 1. Thiết bị chần quả 2. Chảo rim quả 3. Thiết bị cô đặc chân không 4. Thiết bị sấy quả 5. Máy chầm quả 6. Máy rửa quả 7. Thùng ngâm quả (Inox) 8. Dụng cụ lấy hạt 9. Hệ thống, bàn thao tác 10. Máy đóng gói sản phẩm 11. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 500 kg/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Hình thức cung cấp CN/TB:

- Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - cấp thành phố. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Ưu điểm của CN/TB: ứng dụng công nghệ chân không vào quá trình rim, tiết kiệm đường, tạo cho sản phẩm có màu sắc, hương vị hấp dẫn sản phẩm có thời hạn bảo quản lâu. Vốn đầu tư thấp, hiệu quả kinh tế xã hội cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 500.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MỨT QUẢ DẠNG PAST (JAM, JELLEU) TỪ CÁC LOẠI QUẢ TƯƠI (DỨA, MẬN, MƠ, TÁO, DÂU...)

Mã số: VN1533/83

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất mứt dạng past Nguyên liệu (Quả tươi: Dứa, Mơ, Mận, Táo, Dâu...) - Chọn lựa - Rửa quả - Xé, chà: - Điều chỉnh pH - Gia nhiệt - Làm nguội - Đưa enzym - ép - Lắng - Lọc - Phối chế - Cô chân không - Rót lọ - Thanh trùng - Dán nhãn - Sản phẩm (Mứt dạng jelleu) - Phối chế - Cô chân không - Rót lọ - Thanh trùng - Dán nhãn - Sản phẩm (Mứt nhuyễn dạng jam) Danh mục thiết bị: 1. Máy rửa quả 2. Máy xé 3. Máy chà 4. Thiết bị gia nhiệt 5. Thiết bị làm nguội 6. Máy ép thủy lực 7. Máy lọc khung bán 8. Thiết bị cô đặc chân không 9. Thiết bị thanh trùng. 10. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 500 kg/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN.

Hình thức cung cấp CN/TB:

- Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - Cấp Thành phố. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Ưu điểm của CN/TB: áp dụng công nghệ cô chân không cho sản phẩm mứt nhuyễn có hương vị hấp dẫn sản phẩm có thời hạn bảo quản lâu. Thiết bị dây chuyền chế tạo trong nước, hiệu quả cao Vốn đầu tư thấp, hiệu quả kinh tế xã hội cao

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 600.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN MĂNG ĐÓNG LỌ, TÚI PE, HỘP

Mã số: VN1533/81

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ bảo quản và chế biến măng đóng trong các loại bao bì Măng tươi – Bóc vỏ, loại bỏ phần già - Rửa sạch - Xử lý bài đắng, chát - Bảo quản (Thời gian 12 tháng) – Măng tươi bảo quản – Bán tươi: - Đóng lọ, hộp, túi – Thành phẩm (dùng để xào, nấu ăn liền) - Chế biến măng dầm dấm, dầm cay – Đóng túi – Thành phẩm (ăn liền) Danh mục thiết bị: 1. Máy rửa măng 2. Thiết bị chần 3. Thiết bị gia nhiệt, phối liệu 4. Thiết bị thanh trùng 5. Thiết bị ghép nắp (đối với hộp sắt) 6. Thùng chứa Inox (các cỡ) 7. Máy dán hút chân không 8. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1000 kg/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Bảo quản măng tươi trong các bao bì với thời gian bảo quản 12 tháng. Măng dùng chế biến ăn liền đóng trong các loại bao bì Công nghệ sản xuất đơn giản, nhanh, vốn đầu tư sản xuất ít Ngoài ra còn có thể sản xuất thêm một số loại củ khác đóng lọ, hộp... như dưa chuột, vải nhãn...

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 300.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT MAGI TỪ MEN BIA

Mã số: VN1587/91

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất Magi Amin Men bia - Làm sạch - Thủy phân - Lắng đọng - Gia nhiệt phối chế (- phụ gia) - Tàng trữ - Rót chai - Sản phẩm Danh mục thiết bị 1. 01 máy ly tâm 2. 02 chảo rửa men 3. 05 thùng chứa x 200l 4. Thiết bị ôn nhiệt V=1000l (hoặc 02 thiết bị V=500l) 5. Thùng lắng trong sản phẩm 6. Thiết bị gia nhiệt 7. Thiết bị lọc nước 8. Thùng tàng trữ sản phẩm 9. Máy rót chai Công suất (tính theo ca): 600-1000 lít/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hình thức cung cấp CN/TB: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - cấp thành phố. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước Trang thiết bị tự chế tạo trong nước theo hướng tự động, bán tự động Mặt bằng sản xuất nhỏ, vốn đầu tư không lớn Sản phẩm có thị trường tiêu thụ rộng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 200.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ SẢN XUẤT SỮA ĐẬU NÀNH

Mã số: VN15/92

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sữa đậu nành Đổ tương - Ngâm xử lý -

Xay - Lọc - Phối chế - Gia nhiệt - Rót chai - Đậy nắp - Thanh trùng - Dán nhãn - Thành phẩm
Danh mục thiết bị: 1. Bể ngâm 2. Máy xay 3. Máy ly tâm 4. Thiết bị gia nhiệt phối chế 5. Máy rót. 6. Máy
đập nắp 7. Thiết bị thanh trùng 8. Máy rửa chai 9. Thiết bị cấp nước nóng 10. Hệ thống Palăng + Rơ
+ Xe đẩy 11. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1000 l/ca Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: sản
phẩm đóng chai 200ml bảo quản 6 tháng Hình thức cung cấp CN/TB:

- Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị sản xuất trong nước nên đầu tư thấp Thích hợp với sản xuất nhỏ tại
các địa phương

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 300.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian chế tạo thiết bị 3 tháng; Thời gian bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN RỬA, XỬ LÝ TRÁI CÂY XUẤT KHẨU

Mã số: VN1533/1

Mô tả quy trình CN/TB: 250- 400 trái/mẻ/15- 30 phút; TCNN; Dây chuyền gồm 5 thiết bị, nối tiếp,
dài 20m. Bao gồm: Thiết bị cấp liệu - bồn rửa tự động - bồn ngâm thuốc - thiết bị làm khô chậm -
thiết bị lựa cỡ: trái cây đưa vào đầu này và nhận trái cây đã làm sạch, xử lý thuốc, lựa cỡ ở đầu kia.
Điều khiển hoàn toàn tự động bằng vi xử lý.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Công nghệ tương đương với của Mỹ và Châu Âu. - Giá thành chỉ bằng 1/5 so
với các thiết bị ngoại nhập.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 400.000.000VND

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng về nhân công và vật liệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Anh Dũng

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÁN SẢN PHẨM QUẢ TƯƠI DÙNG CHO CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN CÁC LOẠI NƯỚC QUẢ TRONG, ĐỤC

Mã số: VN1532/93

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất bán sản phẩm quả tươi: Nguyên liệu (Quả
tươi các loại) - Chọn lựa phân loại - Rửa quả - Xé, chà: - Điều chỉnh pH - Gia nhiệt - Làm nguội -
Đưa Enzim - ép - Lắng - Đồng hóa - Lọc - Gia nhiệt - Rót can - Đậy nắp - Bán sản phẩm (Dùng cho
sản xuất nước quả trong) - Đồng hóa - Gia nhiệt - Rót can - Đậy nắp - Bán sản phẩm (dùng cho sản
xuất nước quả đục) Danh mục thiết bị: 1. Bể rửa 2. Máy xé. 3. Máy chà 4. Thiết bị gia nhiệt 5. Thiết
bị làm nguội 6. Máy ép thủy lực 7. Máy lọc khung bản 8. Máy đồng hóa 9. Nồi hơi Công suất (tính
theo ca: 1000 lít Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - cấp thành phố. Do đơn vị nghiên cứu chế
tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Bán sản phẩm có thời gian bảo quản dài (từ 8 đến 10 tháng), với chất lượng ổn định do vậy có thể chủ động về vấn đề nguyên liệu đối với các nhà sản xuất

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 450.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BƠ ĐẬU PHỘNG

Mã số: VN153/1088

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất 20kg/h; 150kg/ca theo tiêu chuẩn nước ngoài.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Thiết bị do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu; giá thành hợp lý

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận;

Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BỘT CANH (HƯƠNG GÀ, HƯƠNG TÔM..., CÓ HOẶC KHÔNG CÓ IỐT)

Mã số: VN1587/84

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất bột canh: Gia vị (nguyên liệu) - Sấy khô - Xay nhỏ - (Muối tinh - Sấy) - Phối trộn (- iốt, hương liệu, phụ gia) - Đóng gói - Dán nhãn - Thành phẩm
Danh mục thiết bị: 1. Thiết bị phối trộn 2. Thiết bị phun iốt 3. Máy định lượng sản phẩm 4. Thiết bị sấy 5. Máy xay 6. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1000 kg; Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - Cấp Thành phố

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị sản xuất trong nước do đó chủ động trong chế tạo và vốn đầu tư ban đầu thấp, phù hợp với điều kiện Việt Nam Thích hợp với sản xuất quy mô vừa và nhỏ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 280.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng; Thời gian bảo quản sản phẩm: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT KẸO CHOCOLATE THANH

Mã số: VN15842/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 50kg/mẻ Quy trình công nghệ: Bột cacao → Phối trộn, nghiền → Đổ khuôn → Làm lạnh → Ra khuôn, bao gói → Thành phẩm; Sản

phẩm: kẹo chocolate thanh Thành phần: cacao, đường, hương, phụ gia

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phí chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo: 25 triệu VNĐ;
Giá máy móc thiết bị: 150 triệu đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI 100- 1.000 LÍT/H

Mã số: VN1598/1159

Mô tả quy trình CN/TB: Nước điện giải là nước tinh khiết 120% được sản xuất từ nước kiềm yếu được hiểu là nước khoáng, sử dụng công nghệ mới nhất của Nhật Bản Từ nguồn nước ngầm hay nước thủy cục, được xử lý qua khâu tiền xử lý trước khi qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược RO (Reverse Osmosis System), nước đã được làm sạch và đưa vào bồn điện giải với điện cực dương bằng than hoạt tính BINCHOTAN có nhiệm vụ hấp thụ hoàn toàn chlorine tự do và các chất gây hại khác còn sót lại trong nước, đồng thời giải phóng các khoáng chất như K⁺, Ca²⁺,... tạo ra một loại nước có tính kiềm yếu và có hàm lượng khoáng nhất định tồn tại dưới dạng ion, khi uống con người rất dễ hấp thụ Nước uống có tác dụng phục hồi sức khỏe nhanh chóng, giảm stress,... Máy gọn nhẹ rất dễ lắp đặt và dễ vận hành mẫu mã phù hợp với các công ty, bệnh viện, trường học Có hệ thống tự động điều khiển và kiểm soát các quá trình làm việc của máy. Như: mức nước bồn chứa nguồn, bồn điện giải, áp suất làm việc, thông báo các sự cố,... Nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn nước uống TCVN và quốc tế Đạt TCVN Công suất: 100-1.000 lít/h Kích thước máy nước điện giải 150 lít/h: 700 x 1.500 x 1.300 (mm) Trọng lượng: 120 Kg

Lĩnh vực áp dụng: Sản xuất nước uống đóng chai hay bình 20 lít Nước uống trực tiếp cho các công nhân, trường học, bệnh viện

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25 – 120 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT TƯƠNG ỚT NĂNG SUẤT 1 TẤN SẢN PHẨM/CA

Mã số: VN1587/94

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất tương ớt: xem bản gốc Danh mục thiết bị cho dây chuyền chế biến tương ớt 1. Bàn thao tác Inox 2. Máy rửa qua 3. Tủ hấp 4. Máy chà 5. Máy đồng hóa 6. Máy rót 7. Máy co màng 8. Máy rửa chai 9. Máy sấy chai 10. Thùng chứa Inox 11. Hệ thống băng tải 12. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1 tấn sản phẩm/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác :Đường > 7% Axit: 0,8-1% Muối: 3%

Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

phẩm: kẹo chocolate thanh Thành phần: cacao, đường, hương, phụ gia

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Phí chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo: 25 triệu VNĐ;
Giá máy móc thiết bị: 150 triệu đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI 100- 1.000 LÍT/H

Mã số: VN1598/1159

Mô tả quy trình CN/TB: Nước điện giải là nước tinh khiết 120% được sản xuất từ nước kiềm yếu được hiểu là nước khoáng, sử dụng công nghệ mới nhất của Nhật Bản Từ nguồn nước ngầm hay nước thủy cục, được xử lý qua khâu tiền xử lý trước khi qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược RO (Reverse Osmosis System), nước đã được làm sạch và đưa vào bồn điện giải với điện cực dương bằng than hoạt tính BINCHOTAN có nhiệm vụ hấp thụ hoàn toàn chlorine tự do và các chất gây hại khác còn sót lại trong nước, đồng thời giải phóng các khoáng chất như K⁺, Ca²⁺,... tạo ra một loại nước có tính kiềm yếu và có hàm lượng khoáng nhất định tồn tại dưới dạng ion, khi uống con người rất dễ hấp thụ Nước uống có tác dụng phục hồi sức khỏe nhanh chóng, giảm stress,... Máy gọn nhẹ rất dễ lắp đặt và dễ vận hành mẫu mã phù hợp với các công ty, bệnh viện, trường học Có hệ thống tự động điều khiển và kiểm soát các quá trình làm việc của máy. Như: mức nước bồn chứa nguồn, bồn điện giải, áp suất làm việc, thông báo các sự cố,... Nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn nước uống TCVN và quốc tế Đạt TCVN Công suất: 100-1.000 lít/h Kích thước máy nước điện giải 150 lít/h: 700 x 1.500 x 1.300 (mm) Trọng lượng: 120 Kg

Lĩnh vực áp dụng: Sản xuất nước uống đóng chai hay bình 20 lít Nước uống trực tiếp cho các công nhân, trường học, bệnh viện

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Kiểu dáng công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25 – 120 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Mega

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT TƯƠNG ỚT NĂNG SUẤT 1 TẤN SẢN PHẨM/CA

Mã số: VN1587/94

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất tương ớt: xem bản gốc Danh mục thiết bị cho dây chuyền chế biến tương ớt 1. Bàn thao tác Inox 2. Máy rửa qua 3. Tủ hấp 4. Máy chà 5. Máy đồng hóa 6. Máy rót 7. Máy co màng 8. Máy rửa chai 9. Máy sấy chai 10. Thùng chứa Inox 11. Hệ thống băng tải 12. Nồi hơi Công suất (tính theo ca): 1 tấn sản phẩm/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác :Đường > 7% Axit: 0,8-1% Muối: 3%

Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp cơ sở. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Thiết bị sản xuất trong nước do đó chủ động trong chế tạo và vốn đầu tư ban đầu thấp Thích hợp với sản xuất vừa và nhỏ trong điều kiện Việt Nam

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 500.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian chế tạo thiết bị: 3 tháng; Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng; Thời gian bảo quản sản phẩm: 6 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN THỨC ĂN NỒI CHO THỦY SẢN

Mã số: VN1571/1

Mô tả quy trình CN/TB: 0,1-0,3 tấn/h; TCVN, TCNN; Quy trình công nghệ: Trộn - nghiền mịn - tạo ẩm - ép viên tạo hình - sấy khô - làm nguội - chất dẫn dụ - sàng phân loại - đóng bao

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành hạ hơn nước ngoài từ 40-50% - Hoàn toàn chủ động trong khâu sử dụng, thay thế phụ tùng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 600.000.000đ; Phí đào tạo: 10.000.000đ; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHO SẢN XUẤT BỘT DINH DƯỠNG CHO TRẺ EM

Mã số: VN1561/95

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất bột chiên: Nguyên liệu (Đỗ tương) - Sấy tách vỏ - Nghiền - Phối trộn (- Phụ gia) - Đùn nổ cao áp - Nghiền - Đóng gói - Sản phẩm Danh mục thiết bị 1. Máy nghiền 2. Máy sấy 3. Thiết bị đùn nổ cao áp 4. Máy trộn 5. Máy đóng gói định lượng Công suất (tính theo ca): 400 kg/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Bột dinh dưỡng dễ tiêu hóa với trẻ em suy dinh dưỡng Giá hợp lý cho người nghèo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 250.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian chế tạo thiết bị 3 tháng; Thời gian bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHO SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH LƯƠNG KHÔ

Mã số: VN1581/96

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất bánh lương khô Phụ liệu trong quá trình sản xuất bánh - Nghiền - Phối trộn - ép khuôn - Đóng gói - Sản phẩm Thiết bị cho dây chuyền sản xuất bánh lương khô: 1. Máy nghiền. 2. Máy trộn 3. Máy ép khuôn 4. Máy dán nylon Công suất (tính theo ca): 180 kg/h đến 130 kg/h

Lĩnh vực áp dụng: 6535: Công nghiệp bánh kẹo

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ hơn nhiều so với giá ngoại nhập Sản phẩm hợp với thị hiếu của thị trường nội địa

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 210.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Gia công các thiết bị 3 tháng; Bảo hành 12 tháng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vì sinh Hà Nội

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ ÉP BÃ DỨA

Mã số: VN1533/1

Mô tả quy trình CN/TB: 7 tấn/h; TCVN; Quy trình công nghệ: Nguyên liệu (bã dứa) -> nhập liệu -> ép -> sẽ cho ra bã dứa khô và nước dứa thu hồi. Đạt tiêu chuẩn Việt Nam về vệ sinh thực phẩm.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Sử dụng kỹ thuật ép trực vít với mục đích tạo ra sản phẩm bã có độ khô để giảm thời gian sấy và đặc biệt thu hồi lượng nước dứa còn lại đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Dây chuyền được thiết kế và chế tạo trong nước nên vốn đầu tư ban đầu thấp hơn nhiều so với thiết bị nhập khẩu. Các thiết bị có độ làm việc ổn định, độ bền cao và dễ dàng lắp đặt bảo dưỡng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 250 triệu đồng; Phí đào tạo: 5 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKH (S.T.C)

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT THỊT HUN KHỐI NĂNG SUẤT 150KG/MÊ

Mã số: Vn1511/1

Mô tả quy trình CN/TB: 150 kg/ca; TCVN; Thịt xay - trộn gia vị - đùn định hình - tiệt gia vị - sấy - bao gói, bảo quản.. Đây là sản phẩm phục vụ cho sản xuất ăn nhanh không cần đun nấu, đáp ứng cho nền công nghiệp hiện đại

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6559: Công nghiệp thịt và chế biến gia cầm

Ưu điểm của CN/TB: Dây chuyền có thể sản xuất được nhiều loại sản phẩm trên cùng một công đoạn với thời gian và nhiệt độ có thể điều chỉnh chính xác

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 600.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Thời gian thực hiện 03 tháng từ lúc ký hợp đồng; bảo hành 12 tháng kể từ khi bàn giao

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT THỨC ĂN NỒI CHO CÁ

Mã số: VN1571/1

Mô tả quy trình CN/TB: 2.000 kg/h; TCNN; Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → làm sạch → phối

trộn → cán → tạo viên → làm khô → bao gói → bảo quản. Công nghệ có thể phát triển cho các ngành chế biến thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, có thể mở rộng sản xuất với quy mô lớn và cải tiến thành tự động hoá nếu doanh nghiệp có nhu cầu.

Lĩnh vực áp dụng: 6531: Công nghiệp thức ăn hỗn hợp cho gia súc, 69: Thủy sản

Ưu điểm của CN/TB: Dây chuyền thiết bị sản xuất thức ăn nổi cho cá, tôm ở dạng bán tự động hoặc tự động, các thiết bị được thiết kế và chế tạo hoàn toàn trong nước, do đó kinh phí lắp đặt với giá thành rẻ hơn so với nhập từ nước ngoài. Tận dụng được các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, giá thành sản phẩm hạ

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 2 tỷ đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 25 triệu đồng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC LOẠI BỘT CHIÊN

Mã số: VN1585/97

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất bột chiên Nguyên liệu - Nghiền - Phối trộn (- Phụ gia) - Đùn nổ cao áp - Bột chiên dạng xốp - Đóng gói - Sản phẩm Danh mục thiết bị 1. Máy nghiền 2. Thiết bị đùn nổ áp 3. Máy trộn 4. Máy đóng gói định lượng. Công suất (tính theo ca): 500 kg/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Hình thức cung cấp CN/TB:

- Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ - cấp thành phố. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Nguồn nguyên liệu trong nước Trang thiết bị tự chế tạo theo xu hướng bán tự động, vốn đầu tư nhỏ Mặt bằng sản xuất không lớn Qui trình sản xuất đơn giản, sản phẩm gần gũi người tiêu dùng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15.000.000đ; Giá máy móc thiết bị: 200.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng sau khi bàn giao

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội

HỆ THỐNG CHẾ BIẾN CÔ ĐẶC NÂNG CAO ĐỘ ĐẠM NƯỚC MẮM

Mã số: Vn158712/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Năng suất: 1.000 lít nước mắm/ca Kích thước (DxRxH): 1,6x1,3x2,6m Trọng lượng: 420kg Nước mắm có độ đậm thấp → Xử lý mùi, chất đắng (nếu có) → Lắng lọc → Điều chỉnh → Cô đặc → Điều vị → Lọc → Nước mắm thành phẩm (độ đậm cao)

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 165 triệu VNĐ (Hệ

thống thiết bị cô đặc); Phí đào tạo: 10.000.000đ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Phân viện Công nghiệp thực phẩm

HỆ THỐNG THIẾT BỊ SẢN XUẤT CỒN TINH CHẾ TỪ NGUYÊN LIỆU RI ĐƯỜNG

Mã số: VN0315/143

Mô tả quy trình CN/TB: Ri đường của các nhà máy sản xuất đường được đưa qua công đoạn xử lý sơ bộ để tách các tạp chất cơ học sau đó đưa sang công đoạn lên men rượu. Dấm chín sau công đoạn lên men được đưa sang công đoạn tinh chế (hệ thống tháp tinh chế cồn). Sản phẩm là cồn tinh chế có chất lượng đạt tiêu chuẩn loại I theo TCVN.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước, Đề tài cấp Bộ; Là kết quả của việc sao chép mẫu các thiết bị nước ngoài; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6541: Công nghiệp lên men

Ưu điểm của CN/TB: Hệ thống thiết bị sản xuất cồn tinh chế trên phù hợp và cho hiệu quả cao cho quy mô 5 triệu lít cồn/năm. Hệ thống trên cho phép tiết kiệm từ 15 đến 20% so với các hệ thống đang hoạt động tại Việt nam.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 3% giá thiết bị; Giá máy móc thiết bị: Khoảng 15 tỷ (vật liệu thép sus 304); Phí đào tạo: 2% giá thiết bị; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở sử dụng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI Q= 1.000- 6.000 L/GIỜ

Mã số: VN1598/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: 1.000- 6.000 l/giờ Nước đưa vào công nghệ phải đạt tiêu chuẩn BYT 1329/2002, qua bộ phận tinh lọc và làm mềm nước sau đó lọc bằng lõi qua lọc thẩm thấu ngược (R.O) khử trùng bằng tia cực tím và ozon theo công nghệ của Mỹ được cải tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam giá thành rẻ. Kích thước: Nhà để trang thiết bị 10m x 8m= 80 m² Trọng lượng: Thiết bị 2.000 kg Các thông số kỹ thuật khác:

Kết quả phân tích nước đóng chai theo tiêu chuẩn TCVN 6096-1995:

TT	Chỉ tiêu (mg/l)	TCVN 6096-1995	Kết quả	TT	Chỉ tiêu (mg/l)	TCVN 6096-1995	Kết quả
1	Độ màu	< 5	0	27	HL Cyanur (CN)	< 0.05	0.01
2	Độ đục	< 5	0,16	28	HL Crom (Cr)	< 0.05	0.01
3	Mùi vị	Không mùi	Đạt	29	HL Thủy ngân (Hg)	< 0.001	0.0005
4	Độ pH	6,5 – 8,5	7,5	30	HL Niken (Ni)	< 0.05	KPH
5	HL Clorua (Cl)	< 250	7,4	31	HL Chì (Pb)	< 0.05	KPH
6	HL Sulfat (SO ₄ ²⁻)	< 250	1,0	32	HL Selen	< 0.01	KPH
7	HL Calci (Ca ²⁺)	< 75	2,0	33	HL Fenola	< 0.5	KPH
8	HL Magiê (Mg)	< 30	1,0	34	HL thuốc BVTV		KPH

9	HL Natri(Na)	< 200	8,9		Aldrini	< 0.03	KPH
10	HL Kali (K)	< 12	2,0		Dieldrin	< 0.03	KPH
11	HL Nhôm (Al)	< 0,2	0,01		Heptaclo	< 0.03	KPH
12	HL Nitrat (NO ²⁻)	< 50	0,1		Heptaclo – epoxit	0.03	KPH
13	HL cặn hòa tan	< 500	44,6		Chlordan	< 0.2	KPH
14	HL cặn khó hòa tan	< 5	< 1		DDT	< 2	KPH
15	HL Nitrit (NO ²⁻)	< 0,01	< 0,01		Hexaclorobenzen	< 20	KPH
16	HL Amoniac (NH ₃)	< 0,5	0,05		Lindan	< 20	< 0.34
17	Chỉ số COD	< 5	0,05		2,4 D	< 50	KPH
18	HL phosphate (PO ₄ ³⁻)	< 5	0,03	35	HL các hydrocacbon thơm đa vòng(PAH)		
19	HL sắt (Fe)	< 0,3	0,01	36	Hoạt độ phóng xạ β	< 0.2	KPH
20	HL mangan (Mn)	< 0,1	0,01	37	Coliform tổng số	< 1	KPH
21	HL đồng (Cu)	< 1	0,01	38	Coliformfeacal	< 0	
22	HL kẽm (Zn)	< 5	0,01	39	Ecoliform	< 0	KPH
23	HL florua (F)	< 2	0,19	40	Sulphite-redecingclostridia	< 0	KPH
24	HL bạc (Ag)	< 0,01	0,001	41	Baecal streptococci	< 0	KPH
25	HL Asen (As)	< 0,05	0,01			< 0	KPH
26	HL Cadimi (Cd)	< 0,01	0,001				

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Công xuất 1.000l/giờ: 300 triệu; Công xuất 6.000l/giờ: 1.500 triệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

MÁY ÉP CÁC LOẠI TRÁI CÂY, RAU, QUẢ TƯƠI THÀNH BỊCH LỎNG

Mã số: VN295316/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Năng suất ép cao, kiệt nước. Vận hành, sửa chữa và thay thế phụ tùng dễ dàng khi cần thiết Trái cây (rau củ) → xử lý sơ bộ → Vận chuyển vào máy → Cho máy vận hành → Thu hồi dịch quả → Chuyển sang giai đoạn khác

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 6513: Quá trình và thiết

bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Giá rẻ hơn so với ngoại nhập có cùng tính năng và công suất

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN TRÀ GỪNG

Mã số: VN1586/200

Mô tả quy trình CN/TB: Sản phẩm trà gừng được chế biến qua công nghệ sấy hồng ngoại, qui trình đơn giản, sản phẩm hoàn toàn không có chất bảo quản, không có hoá chất. Gừng tươi-rửa sạch-sấy hồng ngoại-phôi liệu-nghiền-rây-đóng gói-sản phẩm trà gừng. . Công suất (tính theo ca): 20.000 gói-30.000 gói/ca . Tiêu chuẩn đạt được: TCVN . Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Độ ẩm sản phẩm 5-7%, thời gian bảo quản 1-2 năm

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc, 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ đơn giản, chi phí thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

QUY TRÌNH SẢN XUẤT- CHẾ BIẾN SỮA CHUA, CARAMEN, BÁNH SỮA TỪ SỮA BÒ TƯƠI

Mã số: VN155/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Sữa chua, bánh sữa là một loại thức ăn bổ dưỡng, tươi, sạch thiết yếu cho cuộc sống có hương vị đặc trưng của sữa bò tươi

Lĩnh vực áp dụng: 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Dễ sản xuất; dễ bảo quản; thuận tiện cho việc sử dụng; thơm ngon

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 2- 5 triệu đồng; Phí đào tạo: Tuỳ theo số người tham gia học tập và thực hành

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

QUY TRÌNH SẢN XUẤT KHOÁNG VÔ CƠ DÙNG TRONG CHĂN NUÔI

Mã số: VN1571/1

Mô tả quy trình CN/TB: Kết hợp khoáng vô cơ với các axit amin, protein; Đóng gói 0,5 - 1kg/gói/1 loại khoáng vi lượng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu quả sử dụng cao, ít gây độc, tăng trưởng tốt

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 500.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

SẢN PHẨM ĐỒ HỘP: QUẢ NƯỚC ĐƯỜNG-RAU DẪM DẪM-RAU TỰ NHIÊN-NƯỚC QUẢ TỰ NHIÊN

Mã số: VN1533/178

Mô tả quy trình CN/TB: Nguyên liệu-rửa-định hình-vào hộp, lo-rót dung dịch-gắn nắp-thanh trùng. Nguyên liệu-rửa-ép-dịch quả-phối chế-gia nhiệt-rót hộp-gắn nắp-thanh trùng. Công suất (tính theo ca): 0,5-1 T/ca. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10.000.000 đồng/công nghệ

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

SẢN XUẤT CÀ PHÊ VÀ CA CAO SỮA ĐÓNG CHAI VÔ TRÙNG

Mã số: VN15841/1

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: 1.000 - 20.000 chai/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm, vô trùng, bảo quản từ 4 - 6 tháng không hư hỏng. Cà phê, ca cao - Trích ly dịch - Phối chế sữa - Nấu sơ bộ - đồng hoá đóng chai - Khử trùng xuất bán. Sản phẩm chứa trong chai thủy tinh có dung tích từ 200- 250 ml.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Chi phí đầu tư thấp hơn 50% so với công nghệ ngoại nhập (với công suất 10.000 chai/ca)

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: Tùy quy mô sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT CÁC LOẠI NƯỚC TRÁI CÂY, RAU, CỦ (TRONG VÀ ĐỤC) ĐÓNG CHAI HOẶC BỊCH VÔ TRÙNG

Mã số: VN1532/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu Thông số kỹ thuật khác: Sản phẩm không có nấm mốc, vi khuẩn độc hại cho con người, bảo quản 3 tháng ở nhiệt độ thường không hư hỏng. Nguyên liệu tươi - Xử lý sơ bộ - Ép lấy dịch hoặc xay nhuyễn - Xử lý dịch ép và phối trộn các thành phần - Đồng hoá - Đóng bao bì - Thanh trùng - Xuất bán.

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Tận dụng được nguồn trái cây phong phú, giá rẻ ở địa phương trên cả nước. Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau để thoả mãn nhu cầu con người ngày càng cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT CÁC LOẠI SỮA CHUA, SỮA CÀ PHÊ, SỮA CA CAO, SỮA CÓM, SỮA GẮC...ĐÓNG BỊCH VÔ TRÙNG

Mã số: VN1551/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Theo yêu cầu khách hàng Thông số kỹ thuật khác: Sản phẩm vô trùng không có nấm mốc và vi khuẩn gây độc hại, mùi vị thơm ngon, giàu dinh dưỡng, bao bì đẹp. Nguyên liệu thô - Xử lý và phối trộn theo tỷ lệ - Nấu sơ bộ - Đồng hoá - Đóng gói - Thanh trùng - Xuất bán

Lĩnh vực áp dụng: 6563: Công nghiệp sữa

Ưu điểm của CN/TB: Giá đầu tư thấp; Sản phẩm đa dạng trong một dây chuyền sản xuất do đó tăng được lợi nhuận và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 15-20 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT MỠ BÒ BÔI TRƠN VÀ CHÓNG GIẢI CHO MÁY MÓC

Mã số: VN24661/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu Thông số kỹ thuật khác: Sản phẩm có độ mịn, màu sắc, độ nhớt và các tính năng khác tương tự các sản phẩm có trên thị trường. Nguyên liệu - Lên tỉ lệ - Xả phòng hoá có kiểm soát - Đồng hoá - Đóng hộp - Xuất bán.

Lĩnh vực áp dụng: 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ, 6565: Công nghiệp bơ - mỡ

Ưu điểm của CN/TB: Giảm chi phí đầu tư ban đầu; Giá thành sản phẩm rẻ hơn so với các loại mỡ bôi trơn khác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu VNĐ; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ vào công suất máy

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT SỮA ĐẬU NÀNH VÀ SỮA TƯƠI VÔ TRÙNG

Mã số: VN1590/380

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Đậu nành → Ngâm tách vỏ → Xay nhỏ → Bò bã → Phối chế → Nấu sơ bộ → Đồng hoá → Vô chai → Đóng nắp → Khử trùng → Làm nguội → Dán nhãn → Tồn kho → Xuất bán - Công suất: tùy thuộc vào quy mô đầu tư. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: đảm bảo các chỉ tiêu cảm quan, dinh dưỡng và vô trùng.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thấp hơn của nước ngoài đến 1/3 - Nền sản xuất nhỏ bán cơ khí giá giảm 20-50 triệu đồng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT THỊT VÀ CÁ HỘP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THU NHẬP THẤP

Mã số: VN1513/339

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Làm sạch → Sơ chế → Ướp gia vị → Hấp khử trùng → Đóng gói → Tồn kho → Xuất bán. - Công suất: tùy theo vốn đầu tư - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: thơm ngon, bổ dưỡng, vô trùng, bảo quản ở nhiệt độ thường 2-3 tháng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Là sản phẩm đầu tiên có trên thị trường, nhu cầu về sản phẩm rất lớn, có thể xuất khẩu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 10 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 06 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT XIRO TỪ TRÁI CÂY VÀ XIRO NHÂN TẠO

Mã số: VN15622/1

Mô tả quy trình CN/TB: Năng suất: Tùy thuộc quy mô sản xuất Tiêu chuẩn kỹ thuật đạt được: TCVN Thông số kỹ thuật khác: Đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm; Mùi vị, màu sắc đặc trưng cho từng sản phẩm Trái cây tươi - Sơ chế - Ủ kín - Lọc - Phối chế - Vô chai - Thanh trùng - Xuất bán

Lĩnh vực áp dụng: 6553: Công nghiệp đồ hộp, rau quả và thực phẩm cô đặc

Ưu điểm của CN/TB: Đầu tư thiết bị và phương tiện đơn giản, không tốn kém; Tận dụng nguồn trái cây phong phú ở các địa phương.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo quy mô sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

TÀNG KHOÁNG LIÊM BỔ SUNG KHOÁNG ĐA VI LƯỢNG CHO BÒ SỮA VÀ BÒ THỊT

Mã số: VN1571/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tàng khoáng liêm là tàng khoáng được sản xuất tại bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi - Viện Chăn nuôi. Thành phần gồm nhiều các nguyên tố đa vi lượng dạng vô cơ và hữu cơ. Được dùng làm thức ăn bổ sung khoáng cho trâu, bò.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi

Ưu điểm của CN/TB: Là loại thức ăn bổ sung khoáng tiện lợi, hiệu quả, không gây độc hại cho gia súc

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 110.000 VNĐ/tàng 10-12kg (11.000 VNĐ/kg)

Thời gian và hình thức bảo hành: 2 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

THIẾT BỊ LÊN MEN SỮA CHUA VÀ LÊN MEN RƯỢU

Mã số: VN1595/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất tính theo ca: Do khách hàng yêu cầu Thông số kỹ thuật khác: Vật liệu chế tạo bằng thép không gỉ có thể tự động điều chỉnh thang nhiệt độ và thời gian, cho chất lượng sản phẩm lên men phù hợp nhất Nguyên liệu - Vận chuyển vào máy - Cài đặt nhiệt độ và thời gian - Cho máy vận hành - Sản phẩm lên men - Chuyển giai đoạn khác

Lĩnh vực áp dụng: 6513: Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm, 6541: Công nghiệp lên men, 6545: Công nghiệp rượu

Ưu điểm của CN/TB: Bền đẹp, phù hợp yêu cầu cho sản xuất công nghiệp; Chất lượng sản phẩm lên men đồng đều, không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 7-25 triệu VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: Miễn phí 6 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

VẬT LIỆU XÂY DỰNG - GÓM SÚ - THUỶ TINH - HOÁ CHẤT

BẢNG TÀI CAO SU

Mã số: VN25134/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCNN Công suất; Tuỳ thuộc vào chiều dài của máy Kích thước: 1.400 x 800 mm Chiều dài máy được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng Vật liệu bằng cao su, simili Hai cạnh hông làm bằng Inox dày 0,8- 1mm, được thiết kế thành 2 bàn làm việc hai bên băng tải Tốc độ băng tải được điều chỉnh bằng điện Công dụng: Sử dụng trong chuyên lắp ráp, chuyên ở giai đoạn hoàn tất trong sản xuất giày dép. Sử dụng trong chuyên lắp ráp quạt máy Năng suất: dùng trong dây chuyền 2.000 đôi/8 giờ cần một máy

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng tương đương thiết bị ngoại nhập; Giá thành hạ; Một số thiết bị được cải tiến phù hợp với điều kiện thực tế trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận (tùy theo từng loại); Chi phí khác: Lắp ráp, hướng dẫn sử dụng miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực

BÊ TÔNG CỐT LIỆU ĐÁ DUNG ĐỂ TRỒNG HOA

Mã số: 2666/964

Mô tả quy trình CN/TB: Trung tâm nghiên cứu vật liệu Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM đã nghiên cứu thành công công nghệ chế tạo bê tông rỗng cốt đá hiện đại dùng để sản xuất lại bê tông nhẹ, có cường độ, có khả năng thoát nước tốt và có thể trồng hoa cỏ trên bề mặt bê tông. Bê tông rỗng có kết cấu nhiều lỗ rỗng được tạo thành từ đá dăm cùng cỡ hạt kết dính bền chặt với nhau bằng xi măng Portland PCB40. Đây là loại bê tông bảo vệ sinh thái, chống sạt lở, có thể ứng dụng làm nền cho các mái dốc, bờ kênh, bờ sông...

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do công ty tự nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Vật liệu nhẹ, khả năng thoát nước tốt, chống sạt lở ở các bờ kênh, hồ.. tốt.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Chi phí khác: Miễn phí

Đơn vị chào bán: Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh

CÁC LOẠI CHẾ PHẨM XỬ LÝ RA HOA, ĐẬU TRÁI, NUÔI TRÁI CÂY ĂN TRÁI

Mã số: 24203/1024

Mô tả quy trình CN/TB: Do viện Khoa học Kỹ thuật miền nam chuyển giao.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do Viện khoa học kỹ thuật miền nam chuyển giao

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón, 6829: Canh tác, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Dễ vận chuyển, bảo quản; gọn nhẹ; dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí đào tạo: Theo thoả thuận

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân

CHẤT ĐÓNG RẮN ĐR-TB

Mã số: VN2462/825

Mô tả quy trình CN/TB: Chất đóng rắn ĐR-BK dùng để đóng rắn keo phenol foor. Chất đóng rắn được trộn với keo phenol foor, sau khi dán ép, được gia nhiệt để đóng rắn sản phẩm. Đạt TCVN. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: tương đương nước ngoài. Dùng cho các quá trình có sử dụng keo phenol foor; Công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất cốt ép...

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất, 6145: Công nghệ các chất hoá được, 6629: Công nghệ và thiết bị gia công gỗ

Ưu điểm của CN/TB: So với các sản phẩm cùng loại nhập của nước ngoài, sản phẩm có giá rẻ hơn 50%, Vật liệu chế tạo đa số từ nguyên liệu trong nước

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 7.150 đ/kg gồm VAT, chưa bao gồm phí vận chuyển

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

CHẾ PHẨM PHÂN BÓN VI LƯỢNG TỪ ĐẤT HIẾM LÀM TĂNG NĂNG SUẤT CÂY CHÈ

Mã số: VN24153/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Viện Công nghệ Xa hiếm- Bộ KH&CN đã nghiên cứu chế tạo một số loại chế phẩm đất hiếm làm tăng năng suất cây chè. Có 2 loại chế phẩm phân bón lá (ĐG1) và phân bón đất (PBD1) có chứa vi lượng đất hiếm. Các loại chế phẩm này đã được thử nghiệm trong vườn ươm giống và thâm canh chè tại một số nông trường chè và khảo nghiệm tại Viện Nghiên cứu chè Việt Nam với liều lượng bón thích hợp. Kết quả cho thấy khi sử dụng phân bón đất PBD1 (hỗn hợp của NPK với vi lượng đất hiếm) năng suất búp chè tươi tăng từ 10-15% so với đối chứng không dùng đất hiếm; còn loại phân bón lá ĐH1 cho cây chè năng suất búp chè tăng từ 20,5-38,4% và tỉ lệ búp chè loại A tăng 33%. Sản phẩm chè không có mùi lạ, hương vị chè thơm hơn, độ đắng giảm. Đặc biệt tỉ lệ búp chè tươi/chè khô giảm đáng kể. Khi sử dụng phân bón vi lượng đất hiếm cho vườn ươm chè, bầu chè giống có khả năng phát triển tốt và rễ chè tăng 40% so với đối chứng, nhờ đó cây chè tăng khả năng thích nghi và sức đề kháng rõ rệt. Các chế phẩm phân bón vi lượng đất hiếm này cũng được thử nghiệm trên nhiều loại cây trồng khác nhau như dâu tằm, dâu tây, hoa cúc, cà chua, bắp cải,... đều phát triển tốt, lá xanh hơn, ít sâu bệnh và năng suất tăng từ 15-20%. Việc sử dụng đất hiếm với liều lượng thích hợp không những làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp mà còn làm tăng khả năng kháng bệnh, giảm chi phí thuốc trừ sâu, giảm độc hại cho người sử dụng...

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón

Ưu điểm của CN/TB: Có thể sử dụng cho nhiều loại cây trồng cho kết quả tốt; ít sâu bệnh; tăng năng suất từ 15-20%; Giảm chi phí thuốc trừ sâu cho người sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO CÁC CHẾ PHẨM TỪ CÂY THUỐC CÁ

Mã số: VN2420/314

Mô tả quy trình CN/TB: Thân, rễ, lá cây thuốc cá được nghiền chiết bằng dung môi hữu cơ cô đặc pha chế thành các dạng sản phẩm nhũ dầu khác nhau. Ngoài ra còn các chế phẩm dạng bột, dạng kem tùy theo nhu cầu sử dụng; Công suất (tính theo ca): 1 T/ngày; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, tiết kiệm ngoại tệ. Thiết bị có khả năng chế tạo trong nước

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Năm: 2001

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Thỏa thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 350 triệu đồng; Phí đào tạo: 50 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu đồng; Chi phí khác: 50 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Phân Viện Hóa học các Hợp chất Thiên Nhiên

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO FRIT VÀ MEN CHO GẠCH GÓM ÔP LÁT

Mã số: VN2430/580

Mô tả quy trình CN/TB: - Nguyên liệu chế tạo frit và men: Nguyên liệu thiên nhiên thạch anh trường thạch, đất sét cao lanh và các hóa chất công nghiệp oxit kẽm, nhôm, bor - Các nguyên liệu được sơ chế định lượng, đồng nhất, nấu, trộn nghiền trắng men và nung sản phẩm Công suất (tính theo ca): 2-10 tấn/ngày Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: chất lượng tương đương sản phẩm nhập ngoại giá thành giảm 20-30% Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Lĩnh vực áp dụng: 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Chi phí đầu tư sản xuất thấp - Quy trình công nghệ thích hợp, đơn giản - Sử dụng phần lớn nguyên liệu, hóa chất trong nước

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 600 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Theo quy mô đầu tư cụ thể; Phí đào tạo: 150 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm 10% giá trị hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO GÓI CẦU CAO SU CỐT BÀN THÉP VỚI TẢI TRỌNG TỐI ĐA 1200 KN

Mã số: VN2513/121

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ công nghệ gồm các nội dung chính sau: - Công thức pha chế và quy trình cán - luyện, xuất tấm cao su - Công thức chế tạo keo dán cao su và kim loại - Quy trình chế

tạo gỏi cầu cao su cốt bản thép - Quy trình kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm Công suất (tính theo ca): Phụ thuộc vào công suất thiết bị. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN và TC nước ngoài. Lĩnh vực áp dụng: Chế tạo các sản phẩm cao su kỹ thuật khác, thí dụ đệm giảm chấn cho xe lu; Sản phẩm dùng cho cầu bê tông có chiều dài dầm tối đa 33 m

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5553: Chế tạo máy xây dựng và làm đường, 6717: Máy móc, cơ cấu, thiết bị và dụng cụ dùng trong xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng, 8755: Chống ồn, chống rung, chống từ trường, điện trường và bức xạ

Ưu điểm của CN/TB: Cung cấp sản phẩm có giá rẻ bằng 70-80% sản phẩm cùng loại của Trung Quốc

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 140 triệu VN đồng; Phí đào tạo: 20 triệu VN đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu VN đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu VN đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng - theo thỏa thuận của khách hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Polyme, Đại học Bách khoa Hà Nội

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO KHE CO GIẢN CAO SU CỐT BẢN THÉP CÓ CHIỀU RỘNG ĐẾN 890MM

Mã số: VN2513/113

Mô tả quy trình CN/TB: Phối chế và cán luyện cao su; Xử lý thép; Chế tạo keo dán; - Lắp ráp - Ép trên máy thủy lực có gia nhiệt - Sản phẩm. Công suất: Phụ thuộc vào công suất thiết bị. Tiêu chuẩn nước ngoài. Lĩnh vực áp dụng: các công trình cầu bê tông, đường dẫn, cầu vượt

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 5239: Khai thác vật liệu xây dựng và làm đường, vật liệu chịu lửa, gốm, thủy tinh và khoáng vật kỹ thuật

Ưu điểm của CN/TB: Cung cấp sản phẩm với giá rẻ bằng 70-80% so với sản phẩm cùng loại do Trung Quốc chế tạo

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 140 triệu VN đồng; Phí đào tạo: 20 triệu VN đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu VN đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu VN đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Polyme, Đại học Bách khoa Hà Nội

CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÔI NHỬ VÀ BẦY PHEROMON DIỆT TRỪ SÂU HẠI TRÊN RAU MÀU VÀ CÂY ĂN TRÁI

Mã số: VN2420/315

Mô tả quy trình CN/TB: Qui trình công nghệ được xây dựng bao gồm các công đoạn sau: Chế tạo môi nhử pheromon và chế tạo bẫy bắt bướm diệt trừ các loại sâu, bọ hại cây trồng. Hiện nay có thể chế tạo được môi nhử và bẫy bắt bướm các loài sâu hại sau: Sâu tơ (*Plutella xylostella*), Sâu xanh (*Heliiothis armigera*), Sâu khoang (*Spodoptera litura*), Sâu xanh da láng (*Spodoptera exigua*) và Bọ hà khoai lang (*Cylas formicarius*). Công suất (tính theo ca): 1000 bẫy/ngày; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, tiết kiệm ngoại tệ. Phục vụ cho nhu cầu xây dựng nền nông nghiệp sạch, bền vững. Hạn chế tối đa việc sử dụng các loài thuốc trừ sâu độc hại, phòng chống ô nhiễm môi trường và ngộ độc thực phẩm

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 250 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 550 triệu đồng; Phí đào tạo: 50 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 50 triệu đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu đồng; Chi phí khác: 50 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Phân Viện Hóa học các Hợp chất Thiên Nhiên

CÔNG NGHỆ KHOAN PHỤT CAO ÁP (BÊ TÔNG ĐẤT- XIMĂNG ĐẤT)

Mã số: VN2666/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Công nghệ khoan phụt cao áp là công nghệ gia cố nền bằng cột bê tông đất (còn gọi là ximăng đất), lần đầu tiên ứng dụng tại Việt Nam. Bê tông đất là sản phẩm của đất tự nhiên trộn với vữa ximăng, sau khi ninh kết có cường độ cao và chống thấm tốt. Các ứng dụng chính: Nhà dân dụng (nhà ở, biệt thự, trụ sở cơ quan cao không quá 5 tầng); Khu công nghiệp (nhà máy, xưởng sản xuất, kho bãi, bồn chứa); Gia cố nền công trình (giao thông cảng, thủy lợi, công trình ngầm, bến bãi); Ao đầm nuôi thả (nuôi trồng thủy sản); Nhà máy xử lý nước, nước thải, khu xử lý rác (hồ chứa, bờ bao).

Lĩnh vực áp dụng: 67: Xây dựng. Kiến trúc, 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Kinh tế hơn rất nhiều. Tiết kiệm 30-40% so với cọc BTCT (cọc ép, cọc nhồi)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: 150.000-200.000 đồng/mét dài (cọc đường kính 60cm)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BACILLUS PUMILUS ĐỐI KHÁNG CHO MỤC ĐÍCH PHÒNG CHỐNG NẤM MỐC VÀ AFLATOXIN TRÊN NÔNG SẢN

Mã số: VN2420/255

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Chế phẩm *Bacillus pumilus* đối kháng có khả năng ức chế được nhiều loài nấm mốc nhiễm trong quá trình bảo quản nông sản, đặc biệt là các nấm mốc sinh độc tố aflatoxin như *Aspergillus flavus*, *Aspergillus niger*... Chế phẩm được dùng để chống mốc cho các loại thực phẩm có nguồn gốc thực vật, bảo quản ngô, lạc, các loại đậu đỗ, thức ăn gia súc, là những nông sản rất dễ bị nhiễm độc tố aflatoxin. Chế phẩm không độc hại đối với người và động vật, không gây ô nhiễm môi trường, không để lại dư lượng cho nông sản được xử lý và sử dụng tiện lợi

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tổng giá thành của công nghệ: 5 tỷ đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BỘT MÀU BỀN NHIỆT ĐỘ CAO

Mã số: VN2430/619

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ cơ bản dây chuyền công nghệ sản xuất bột màu tổng hợp bền nhiệt độ cao: xem bản gốc Công suất (tính theo ca): 400 tấn/năm Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Chất lượng sử dụng tương đương với sản phẩm bột màu nước ngoài đang sử dụng ở Việt Nam Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6139: Tổng hợp công nghiệp thuốc nhuộm và bột màu hữu cơ, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Dây chuyền thiết bị công nghệ thích hợp cho sản xuất bột màu tổng hợp bền nhiệt độ cao - Thiết bị có thể tự chế tạo trong nước hoặc mua của nước ngoài - Dễ dàng chuyển giao áp dụng

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50.000 (USD); Giá máy móc thiết bị: 500.000 (USD); Phí đào tạo: 30.000 (USD); Phí chuyển giao bí quyết: 50.000 (USD); Chi phí khác: 50.000 (USD)

Thời gian và hình thức bảo hành: - Thời gian 3 năm; - Hình thức chuyển giao

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC LOẠI BỘT GIẤY

Mã số: VN2111/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Quy trình sản xuất bột hoá học: bột không tẩy trắng (bột hoá học và bột cơ học) dùng cho sản xuất giấy bao gói, cactong..., bột tẩy trắng (cơ học và hoá học) có độ trắng cao dùng cho sản xuất các sản phẩm giấy in, giấy viết, giấy photocopy, giấy trắng phân các loại... Quy trình nấu bột: mức dùng hoá chất, nhiệt độ và áp lực nấu, thời gian nấu; Quy trình rửa bột và thiết bị rửa bột; Quy trình tẩy trắng: mức dùng các loại hoá chất, điều kiện tẩy (thời gian, nhiệt độ, môi trường tẩy...); Quy trình sấy bột và bảo quản bột sau sản xuất; quy trình thu hồi hoá chất, xử lý nước thải và bảo vệ môi trường.

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với trình độ công nghệ và thị trường Việt Nam, có thể nội địa hoá tới 60% thiết bị trong dây chuyền sản xuất; Giá đầu tư thiết bị chỉ bằng 60% so với thiết bị nước ngoài có cùng tính năng kỹ thuật thuật; Dễ dàng chuyển giao công nghệ

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành cho tới khi dây chuyền và thiết bị hoạt động ổn định, đủ số lượng sản phẩm đạt chất lượng đúng theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM GIẤY: GIẤY IN, GIẤY VIẾT, GIẤY PHOTOCOPY, CÁC LOẠI GIẤY BAO GÓI CHẤT LƯỢNG CAO, CACTONG DUPLEX, GIẤY IN HÌNH BÓNG NƯỚC, GIẤY BẢO MẬT...

Mã số: VN2112/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Quy trình chuẩn bị nguyên liệu: chọn và chuẩn bị nguyên liệu, quy trình nghiền bột; Quy trình pha phối gia phụ liệu: mức dùng các loại phụ liệu, trình tự pha phối các loại gia phụ liệu; Quy trình xeo giấy; Kiểm tra chất lượng sản phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với trình độ công nghệ và thị trường Việt Nam, có thể nội địa hoá tới 60% thiết bị trong dây chuyền sản xuất; Giá đầu tư các thiết bị chỉ bằng

60% so với thiết bị nước ngoài với cùng tính năng kỹ thuật; Dễ dàng chuyển giao công nghệ

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành cho tới khi dây chuyền và thiết bị hoạt động ổn định, đủ số lượng sản phẩm đạt chất lượng đúng theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GẠCH CAO NHÔM LIÊN KẾT PHÓTHÁNH (CAP-65) ĐỀ XÂY GÓM NUNG LÒ ĐỨNG NUNG CLANKE XI MĂNG PHI 2,5X10 VÀ PHI 3,0X10M

Mã số: VN2626/574

Mô tả quy trình CN/TB: Từ nguồn nguyên liệu samôt cao nhôm $\geq 75\%$ Al_2O_3 , kết hợp với phụ gia liên kết alumô phốtphát sản xuất trong nước, sét kết dính chịu lửa các loại, áp dụng trên dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa thông thường, sẽ sản xuất được gạch cao nhôm có tính năng kỹ thuật cao, đáp ứng sử dụng đạt độ bền từ 18-24 tháng/lần xây lò Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: $Al_2O_3 \geq 65\%$, P_2O_5 : 2,0 - 2,2% Độ chịu lửa 1750-1770oC Cường độ chịu nén: 500-600 kg/cm² v.v... Hình thức cung cấp CN/TB: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6131: Công nghệ các chất và sản phẩm vô cơ, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Công nghệ rút ngắn - Giá thành hạ - Chất lượng cao, độ bền sử dụng tốt

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50.000.000 đ/1 lần chuyển giao công nghệ

Thời gian và hình thức bảo hành: Lâu dài

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GẠCH CHỊU LỬA SAMÔT NHẸ VÀ CAO NHÔM NHẸ

Mã số: VN2626/569

Mô tả quy trình CN/TB: Quá trình công nghệ được tổ hợp từ các công đoạn sau: - Gia công chế biến nguyên liệu chịu lửa và các phụ gia tạo xốp; Phụ gia đóng rắn, phụ gia khoáng hóa... - Phối trộn hỗn hợp tạo hình theo các phương pháp: bán khô, dẻo, đồ rót - Sấy, nung, gia công thành sản phẩm hợp cánh Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: - Gạch chịu lửa samôt nhẹ có tỷ trọng từ 0,6-1 g/cm³ - làm việc 1300n - giá thành 5000 đ/viên - Gạch chịu lửa cao nhôm nhẹ ($50SAl_2O_3$), tỷ trọng 0,8-1,2 g/cm³ - làm việc 1450n - giá thành 8.000 đ/viên Hình thức cung cấp CN/TB: Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Sử dụng 60% nguyên liệu trong nước - Thiết bị chế tạo trong nước - Tận dụng phế thải của 1 số ngành công nghiệp khác

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GẠCH CHỨA CAO ALUMIN

Mã số: VN2626/567

Mô tả quy trình CN/TB: - Sản cao alumin - Chất kết dính - Trộn ép - Nung nhiệt độ $\geq 1500^{\circ}\text{C}$ - Được gia công cơ học theo cây phối học trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật của gạch Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Al_2O_3 từ 55-75% Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Thay thế gạch nhập ngoại cùng đại diện kỹ thuật - Cung cấp kịp thời theo yêu cầu của khách hàng: yêu cầu chất lượng, kích thước hình học của chủng loại gạch

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 50.000.000đ; Phí đào tạo: 10.000.000đ; Phí tư vấn kỹ thuật: 20.000.000đ

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT KEO EPOXY ĐÓNG RÁN NHIỆT CHO NGÀNH NHỰA

Mã số: VN2414/366

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu $\rightarrow$ Lên tỷ lệ $\rightarrow$ Đóng gói $\rightarrow$ Tồn kho $\rightarrow$ Xuất - Công suất: nếu sản xuất nhỏ bán cơ khí 400-500kg/ca. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: Nhiệt độ sống 120-150 độ C, thời gian sống 30-60 phút, thời gian lưu chuyển (chờ) của bán thành phẩm để xử lý từ 7-20 ngày không hư hỏng.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Có thể thay thế hàng ngoại nhập, giá chỉ bằng 1/2 của nước ngoài (giá từ 26-28 ngàn đồng/kg)

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 40 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 6 tháng miễn phí

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MATIT BẢ TƯỜNG GÓC XI MẮNG

Mã số: VN2666/573

Mô tả quy trình CN/TB: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất bột bả tường: xin xem bản gốc Công suất (tính theo ca): 5-10 tấn/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: xem bản gốc Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết bị có thể chế tạo trong nước, dễ dàng nâng công suất nếu cần - Nguyên liệu sẵn có trong nước - Vốn đầu tư thấp - Có thể cải tiến để đa dạng hóa sản phẩm (các loại vữa trộn sẵn sử dụng trong xây dựng)

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 40.000.000 đ; Giá máy móc thiết bị: 200.000.000 đ; Phí

đào tạo: 10.000.000 đ

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC GIẶT

Mã số: VN2450/325

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Khuấy trộn → Đóng hộp → Xuất bán. - Các vấn đề mà công nghệ giải quyết được: Sản xuất đơn giản, ổn định, sản phẩm có chất lượng tương đương như bột giặt, chi phí đầu tư thấp, năng suất lao động cao - Công suất: Sản xuất nhỏ: 2-3 tấn/ngày - Các chỉ tiêu chất lượng đạt được: tẩy rửa tốt, nhiều bọt, không hại da tay, không hại môi trường

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Sản xuất nguyên liệu và máy móc sản xuất ở trong nước: chi phí xã hội thấp hơn so với bột giặt mà sản phẩm lại có chất lượng cao, dễ sử dụng

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu; Giá máy móc thiết bị: 3-5 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH- ĐA VI LƯỢNG TỪ THAN Bùn VÀ CÁC CHẤT THẢI HỮU CƠ

Mã số: VN2415/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: 15 tấn (1 mô đun), 30 tấn (2 mô đun) và 45 tấn/ca (3 mô đun) Nguyên liệu được ủ bằng phương pháp tạo luồng ủ hiếu khí, chuyển hoá 2 giai đoạn (ủ phân huỷ và ủ chuyển hoá) tạo mùn hữu cơ vi sinh nền, sau đó phối trộn thêm đạm, lân, kali thích hợp để tạo ra phân bón lót và phân bón thúc chuyên dùng cho các loại cây trồng. Khu hệ vi sinh có từ 4-6 dòng hữu ích, khu hệ vi lượng có từ 11- 14 nguyên tố tối cần thiết, các thiết bị chế biến cơ động, có thiết bị lên men 3 cấp để sử dụng.

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón

Ưu điểm của CN/TB: Đầu tư rẻ chỉ bằng 10-15% so với nhập công nghệ của nước ngoài, sử dụng được lao động phổ thông, lao động thời vụ; Chất lượng tương đương của nước ngoài, giá rẻ (bằng 50% ngoại nhập)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp; Năm: 1997

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 250 triệu đồng trọn gói; Giá máy móc thiết bị: 150 triệu đồng, 335 triệu đồng và 625 triệu đồng tương ứng dây chuyền 5.000 TSP/năm

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm về dây chuyền thiết bị; Công nghệ 60 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Hoá học Các hợp chất thiên nhiên- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN BÓN LÁ- ĐA VI LƯỢNG HUĐAVIL, DẠNG PHỨC HỮU CƠ ĐA PHỐI TỬ- ĐA NGUYÊN TỐ

Mã số: VN2415/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Axit humic được chiết tách từ than bùn, các nguyên tố đa vi lượng được tái chế, đạm, lân, kali được loại bỏ tạp chất, tiến hành tạo phức nóng và

tạo phức lạnh rồi tạo phức hỗn hợp đa phối tử để có phân bón lá đa vi lượng Hudavil có hoạt lực cao. Công suất: 200 lít/ca, 500 lít/ca, 1500 lít/ca Hàm lượng dinh dưỡng cao, điều chỉnh để tạo ra các sản phẩm phân bón lá cho nhiều loại cây trồng trong đó NPK >18%. Công nghệ được áp dụng cho các doanh nghiệp, nông trường, trang trại: trồng lúa, trồng rau, cây ăn quả, các loại cây công nghiệp như mía, chè, cà phê, hồ tiêu, cao su từ 1.000 ha trở lên; Các trung tâm ứng dụng KHCN, các đơn vị dịch vụ vật tư nông lâm nghiệp của các tỉnh; các trung tâm khuyến ngư, vùng nuôi tôm.

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón

Ưu điểm của CN/TB: Tạo sản phẩm giá rẻ (bằng 30% giá nhập ngoại, khả năng cạnh tranh cao); Đầu tư vốn cố định không đáng kể (<200.000.000 VNĐ)

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp; Patent; Năm: 1997

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Đầu tư và liên kết sản xuất (không bán); Giá máy móc thiết bị: 150.000.000đ; Phí đào tạo: Phí đào tạo+ Phí chuyển giao bí quyết+ Phí tư vấn kỹ thuật: 50 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm về dây chuyền thiết bị; Vật tư chế phẩm chuyên dùng ổn định 60 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Hoá học Các hợp chất thiên nhiên- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT PHÂN BÓN VI SINH PHỤC VỤ NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ PHÒNG BỆNH CHO NGƯỜI

Mã số: VN2415/204

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: - Trong quá trình sản xuất phân bón vi sinh không độc hại đối với người và động vật, không gây ô nhiễm môi trường. - Sản phẩm có tác dụng cao với cây trồng, thích hợp với các chương trình lương thực sạch như rau sạch, lúa chất lượng cao và hoa quả sạch. Hiệu quả tăng mật độ vi sinh vật hữu ích cho cây trồng, tăng độ phì nhiêu của đất, tăng độ xốp cho đất. Giảm được một số vi sinh vật gây bệnh cho cây, giảm 50% lượng phân bón hoá học và giảm các chất độc hại tồn dư trong cây do sử dụng phân bón hoá học.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tổng giá thành của công nghệ là: 10 tỷ đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CHỊU LỬA CACBON SILIC (SiC) LÀM TẤM KÊ, TRỤ ĐỖ CHO CÁC LOẠI Lò CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN2626/568

Mô tả quy trình CN/TB: Từ nguyên liệu cacbua silic (SiC) 98% được mua từ các thị trường khu vực (Trung Quốc, Đài Loan, Nga...) kết hợp với các nguyên liệu, phụ gia hiếm có trong nước; trên cơ sở các thiết bị công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa truyền thống (máy ép thủy lực ≥ 800 T, lò nung $> 1500^{\circ}\text{C}$; các máy móc công nghệ gia công xử lý khác, sẽ áp dụng sản xuất được sản phẩm SiC đạt chất lượng tương đương hàng nhập khẩu thay thế và chủ động cung cấp cho nhu cầu trong nước Tiêu chuẩn đạt được: TVN; TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: - Hàm lượng SiC: 86-88%; $\text{Fe}_2\text{O}_3 < 0,25\%$ - Nhiệt độ biến dạng $1500-1550^{\circ}\text{C}$ - Độ dẫn nhiệt $\geq 8,5\text{w}$ - Cường độ uốn ≥ 250 kg/cm, cường độ nén ≥ 700 kg/cm² Hình thức cung cấp CN/TB: - Bán trực tiếp theo hợp đồng

- Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Công nghệ có tính khả thi cao - Sản phẩm đạt chất lượng tốt - Giá thành bằng 75-80% nhập khẩu

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao bí quyết

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 200.000.000 đ/lần chuyển giao

Thời gian và hình thức bảo hành: Lâu dài

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SƠN TỔNG HỢP

Mã số: VN2430/322

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Khuấy trộn → Lọc → Đóng hộp → Xuất xưởng. - Các vấn đề mà công nghệ giải quyết được: Sản xuất ra các loại sơn đáp ứng nhu cầu thị trường cho từng lĩnh vực và mục đích khác nhau - Công suất: Sản xuất nhỏ: 100-150 kg/ngày - Các chỉ tiêu chất lượng đạt được: có độ bóng, độ che phủ và các tính chất cơ lý hoá khác.

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 67: Xây dựng. Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: Tương tự các loại sơn thông dụng trên thị trường

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 3-5 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 3 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TẤM LỢP KHÔNG AMIĂNG PVA-C

Mã số: VN2523/576

Mô tả quy trình CN/TB: Quy trình công nghệ sản xuất tấm lợp PVA-C: xem bản gốc Công suất (tính theo ca): 1.200-3.000 tấn/ca Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: cường độ uốn gãy > 3500 N/m, khối lượng thể tích > 1,5 g/cm³ và thời gian xuyên thấu > 24 giờ Hình thức cung cấp CN/TB: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ

Lĩnh vực áp dụng: 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: Hệ thống thiết bị sản xuất tấm lợp amiăng hiện có, bọc thêm cụm thiết bị gia công bột giấy chế tạo trong nước. Trừ sợi tấm lợp nhập ngoại, các nguyên liệu còn lại có sẵn trong nước. An toàn vệ sinh môi trường, giá thành cao hơn tấm lợp amiăng khoảng 15-20%

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 200 triệu đồng; Phí đào tạo: 20 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo trợ kỹ thuật 6 tháng

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THUỐC TRỪ SÂU SINH HỌC BACILLUS THURINGINENSIS PHỤC VỤ NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ PHÒNG BỆNH CHO NGƯỜI

Mã số: VN242/199

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước.

Lĩnh vực áp dụng: 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: - Sản xuất thuốc trừ sâu sinh học không độc hại đối với người và động vật, không gây ô nhiễm môi trường. Thuốc có hiệu lực cao với sâu đã kháng, nhờn với các thuốc trừ sâu khác, thích hợp với chương trình phòng trừ tổng hợp IPM cho rau màu và hoa quả sạch. Hiệu quả diệt sâu của thuốc tương đương với các thuốc nhập ngoại như thuốc Delphin(Mỹ), Bathuricide(Mỹ), thuốc thảo mộc(Trung Quốc)... Và giá thành rẻ hơn.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Bản quyền: Patent; Năm: 2001

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tổng giá thành của công nghệ là: 10 tỷ đồng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VẬT LIỆU CHỨA ZEOLITE

Mã số: VN268/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Đây là công nghệ sử dụng cho sản xuất các loại vật liệu chứa Zeolite khác nhau từ nguồn Cao lanh có sẵn tại nhiều địa phương trên cả nước. Trong đó chủ yếu là loại vật liệu chứa Zeolite phục vụ nuôi trồng thủy hải sản; Zeolite cho công nghệ Hoá dầu, tinh chế cồn,v.v.. Công suất: 1- 10 tấn Công nghệ sử dụng cho các cơ sở sản xuất gần nguồn Cao lanh tự nhiên hoặc các địa phương vùng ven biển; công nghệ hoá dầu, công nghiệp sản xuất cồn nguyên liệu, xử lý nước thải..

Lĩnh vực áp dụng: 5539: Chế tạo máy hoá chất và dầu mỏ, 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 6545: Công nghiệp rượu, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Ưu điểm của CN/TB: Thay thế hoàn toàn hàng ngoại nhập; Giá thành hạ từ 100- 300% so với hàng ngoại nhập cùng loại

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 150.000.000- 300.000.000 đồng; Giá máy móc thiết bị: 2- 3 tỷ đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng từ ngày sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT BAO BÌ

Mã số: VN2522/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: tùy theo mức độ đầu tư phát triển và nhu cầu của cơ sở sản xuất Nhu cầu bao bì hiện nay đang phát triển và năng lực sản xuất bao bì của nước ta có hạn, không đáp ứng được nhu cầu này. Công nghệ sản xuất bao bì hiện đại có khả năng đáp ứng được phần nào đòi hỏi của sản xuất. Công nghệ mới bao gồm các công đoạn: Tạo sợi, dệt màng, máy bao và in ấn trong cùng một địa điểm và được điều khiển vi tính Có thể sản xuất các kích cỡ bao bì khác nhau trên cùng một dây chuyền sản xuất. Đi theo các công nghệ sản xuất bao bì hiện đại khác nhau có những thiết bị kiểm tra, thiết bị, thiết bị an toàn,... và các thiết bị dụng cụ khác nhau.

Lĩnh vực áp dụng: 5513: Công nghệ chế tạo máy, 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ

Ưu điểm của CN/TB: Chất lượng đảm bảo; lắp ráp dễ dàng, dễ điều khiển, dễ thay thế và vận chuyển; So sánh với công nghệ phổ thông và truyền thống của VN hiện tại, công nghệ bao bì hiện đại có các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hơn hẳn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Từ 1 đến 5 năm (tùy theo thiết bị)

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Sản xuất và thương mại Tam Long

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT LOẠI CORM BẢO KIỂM CÓ TÁC DỤNG TĂNG TRÍ NHỚ, BỔ NÃO, CHỐNG STRESS

Mã số: VN24415/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ sinh học, hữu cơ trồng cây nguyên liệu Brahmi chủng Ấn Độ: loại rau dễ trồng, trên đất ẩm, chịu phèn, chịu mặn Công nghệ sản xuất loại corm bảo kiểm có tác dụng tăng trí nhớ, bổ não và chống stress. Đây là sản phẩm có nhu cầu cao trên thị trường hiện nay khi thế giới bước vào thời đại kinh tế tri thức, thời đại công nghệ thông tin, sự quá tải về thông tin, cần tăng năng suất lao động trí óc. Nhiều công trình khoa học trên thế giới chứng minh rau Brahmi có tác dụng tăng trí nhớ, chống stress, tăng sinh lực, cường dương, bổ tim... Công nghệ này chế biến rau Brahmi sao cho giữ được các hoạt chất bacoside A và bacoside B, giảm chất đắng và tạo ra loại corm thơm, ngon, bổ. Tóm tắt như sau: thu hái, làm sạch brahmi - sấy lạnh - nghiền bột - khử đắng - trộn phụ gia làm corm - đóng gói; Đạt tiêu chuẩn nước ngoài Công suất/Năng suất: theo yêu cầu Các thông số kỹ thuật khác: Bột corm có mùi thơm sữa đặc trưng, vị ngọt đậm, màu tùy theo ý thích Độ ẩm < 12%. Độ nhiễm khuẩn, dư lượng pesticide, hàm lượng kim loại nặng dưới mức cho phép Lĩnh vực áp dụng TB/CN: Thực phẩm bảo kiểm (sức khỏe). Hộ sản xuất cá thể hoặc xí nghiệp vừa và nhỏ

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá được, 7609: Vật liệu, trang thiết bị và sản phẩm y học

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Sức khoẻ vàng

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SƠN NƯỚC

Mã số: VN243/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là dây chuyền công nghệ cho sản xuất các loại sơn nước khác nhau từ nguồn nguyên liệu nhũ tương và các loại phụ gia thích hợp Công suất: 1- 10 tấn Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ

Ưu điểm của CN/TB: Thay thế hoàn toàn hàng ngoại nhập; Giá thành hạ từ 30- 70% so với hàng ngoại cùng loại

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100.000.000- 150.000.000 đồng; Giá máy móc thiết bị: 400.000.000- 800.000.000 đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng từ ngày sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT VẬT LIỆU LỘC NƯỚC SINH HOẠT

Mã số: VN24512/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất 10 tấn/ngày Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Thiết bị công nghệ là dây chuyền bán tự động Tập kết vật liệu → Sấy vật liệu → Xay mịn → Sàng vật liệu → Thiết bị đóng gói Các thông số kỹ thuật khác: 1. Sấy đạt tiêu chuẩn quy định 2. Xay mịn đạt tiêu chuẩn quy định 3. Đóng gói có trọng lượng 250 gam 4. 10 kg cho một thùng giấy

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100 triệu; Giá máy móc thiết bị: Dây chuyền 10 tấn/ngày = 500 triệu

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT NHŨ TƯƠNG

Mã số: VN2416/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Công suất: 2- 4 tấn Đây là dây chuyền công nghệ sản xuất một vài loại nhũ tương của polyme trong nước. Các sản phẩm nhũ tương này sử dụng cho các công nghệ sản xuất: Keo dán; sơn nước; thảm xốp; dèp xốp,.. Quy trình công nghệ đi từ nguyên liệu đầu là một vài loại polyme như: Poly VinylAcetat, Poly Acrylic, Etylen VinylAcetat,... cùng một vài loại phụ gia, chất tạo nhũ, ổn định nhũ và nước.

Lĩnh vực áp dụng: 6131: Công nghệ các chất và sản phẩm vô cơ, 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ, 6441: Công nghiệp giấy

Ưu điểm của CN/TB: Đầu tư ban đầu không cao; Các thiết bị sản xuất được trong nước; Sản phẩm thay thế ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 100.000.000 VND; Giá máy móc thiết bị: 500.000.000 VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng tại cơ sở lắp đặt

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT PHÂN NPK 3-6 TẤN/H (20.000-50.000 TẤN/NĂM) (CÓ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG VÀ KHÔNG TỰ ĐỘNG)

Mã số: VN24158/1

Mô tả quy trình CN/TB: 24-48 tấn/ca; TCVN; Nguyên liệu cần nghiền được chuẩn bị và được cấp vào thùng chứa T01, T02 nguyên liệu không cần nghiền được cấp vào 2 băng tải B03, B04 và đưa lên thùng chứa, T03, T04. Nước và vi lượng hoà tan trong nước được cấp vào thùng T05 có máy khuấy, các máy định lượng K01, K02, K03, K04 có thể bằng cơ khí hoặc tự động định lượng theo thành phần từng nguyên liệu, theo công thức phân và đưa lên máy trộn K05, trộn xong đưa về máy vo viên K08. Viên được vo đưa về máy sấy S01, máy làm mát LM01 và được gầu tải V03 đưa lên máy trộn K10. Máy định lượng K09 để định lượng những thành phần tạo thành viên (như đạm URE) và cấp lên máy trộn K10, sàng phân loại PL01 và đưa về thùng chứa đóng bao sản phẩm, ở đây có thể dùng

tự động và không tự động

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp cơ sở

Lĩnh vực áp dụng: 6133: Sản xuất phân bón, 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Dây chuyền có chất lượng tương đương với ngoại nhập song giá thành chỉ bằng 50-60 %

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.800.000.000-4.300.000.000VND

Thời gian và hình thức bảo hành: bảo hành miễn phí 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sản xuất

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua văn phòng Techmart

Đơn vị chào bán: Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp

DUNG DỊCH CHỐNG ĐÓNG CẶN BK

Mã số: VN24663/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Đây là một loại sản phẩm hoá học sử dụng cho chống đóng cặn các loại thiết bị trao đổi nhiệt như: Nồi hơi, ống đồng bình ngưng (nhà máy nhiệt điện), các thiết bị làm mát dầu, máy nén khí, v.v sử dụng nước làm mát, Dung dịch này sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy có sử dụng thiết bị trao đổi nhiệt làm mát bằng nước; các cơ sở sử dụng điều hoà trung tâm, làm mát bằng nước; Các cơ sở sản xuất xi măng, cơ sở sử dụng tháp giải nhiệt Cooling Tower

Lĩnh vực áp dụng: 6174: Công nghệ các nguyên liệu phụ trợ

Ưu điểm của CN/TB: Thích hợp với các điều kiện cụ thể về trang thiết bị và trình độ Việt Nam; Giá thành thấp hơn với giá sản phẩm ngoại cùng loại từ 100- 300%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Năm: 1999

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 25.000 đồng/lít (tại Hà Nội)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

DUNG DỊCH TẨY CẶN CHUYÊN DỤNG

Mã số: VN2451/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Đây là một loại sản phẩm hoá học sử dụng cho tẩy rửa các loại thiết bị trao đổi nhiệt như: Nồi hơi, ống đồng bình ngưng (nhà máy nhiệt điện), các thiết bị làm mát dầu, máy nén khí, v.v.. sử dụng nước làm mát. Chất tẩy rửa chuyên dụng này sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy có sử dụng thiết bị trao đổi nhiệt làm mát bằng nước; Các cơ sở sử dụng điều hoà trung tâm, làm mát bằng nước; Các loại sản phẩm gia dụng (bình đun nước nóng); Bề mặt chi tiết kim loại sau khi gia công, v.v..

Lĩnh vực áp dụng: 6113: Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Thích hợp với các điều kiện cụ thể về trang thiết bị và trình độ của Việt Nam; Giá thành thấp hơn sản phẩm ngoại cùng loại từ 100- 300%

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại; Năm: 1999

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 6.000 đồng/lít (tại Hà Nội)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng từ ngày sản xuất

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

DUNG DỊCH TẮY RỬA ĐA DỤNG

Mã số: VN2451/1

Mô tả quy trình CN/TB: Đây là một loại sản phẩm hoá học sử dụng cho tẩy rửa và diệt trùng các bề mặt bị nhiễm bẩn như: Sàn nhà, sàn tàu xe, mặt bàn mổ trong bệnh viện, các đồ dùng gia dụng và cả các bề mặt nhiễm bẩn dầu, mỡ,... Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ

Ưu điểm của CN/TB: Thích hợp với các điều kiện cụ thể về trang thiết bị và trình độ của Việt Nam; Giá thành thấp hơn sản phẩm ngoại cùng loại từ 100- 300%

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 20.000 đồng/lít (tại Hà Nội)

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng từ ngày sản xuất

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

QUY TRÌNH SỬ DỤNG DUNG DỊCH ĐIỆN HOẠT HOÁ TRONG Y TẾ, CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Mã số: VN316213/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Khử trùng nước sinh hoạt, nước bể bơi, nước thải; Bảo quản rau quả tươi; chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi tôm giống, cá cảnh; chế biến thủy sản; nuôi ong. Nước muối loãng được hoạt hoá có màng ngăn đặc biệt tạo thành dung dịch.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành rẻ - Phù hợp với điều kiện sản xuất - Hiệu quả khử trùng cao - Ứng dụng được trong nhiều lĩnh vực

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tuỳ theo công suất

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm miễn phí, duy tu lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghệ Môi trường

SẢN XUẤT BÊ TÔNG CHỊU LỬA ÍT XI MĂNG

Mã số: VN2661/588

Mô tả quy trình CN/TB: - Nguyên liệu gồm: cốt liệu chịu lửa, xi măng cao alumin, bột chịu lửa hoạt

tính, các loại phụ gia phân tán, điều chỉnh, sợi - Các loại nguyên liệu được phân loại theo cỡ hạt, chủng loại, sau đó được trộn khô theo bài phối liệu và đóng bao Công suất (tính theo ca): 10 tấn/ca - có thể điều chỉnh linh hoạt Tiêu chuẩn đạt được: TC nước ngoài Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: chất lượng tương đương sản phẩm nhập khẩu. Giá thành bằng 50-60% Hình thức cung cấp CN/TB: - Bán trực tiếp theo hợp đồng - Theo đơn đặt hàng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6715: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu điểm của CN/TB: - Chi phí đầu tư sản xuất thấp - Quy trình công nghệ sản xuất linh hoạt, có thể điều chỉnh theo nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ - Giá thành sản phẩm thấp

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao License; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 1.200 triệu đồng VN; Giá máy móc thiết bị: Theo phương án đầu tư cụ thể; Phí đào tạo: 200 triệu đồng VN

Thời gian và hình thức bảo hành: -12 tháng, 5% giá trị hợp đồng; đối với thiết bị công nghệ; - Hỗ trợ kỹ thuật 3 năm; đối với phần công nghệ sản xuất

Đơn vị chào bán: Viện vật liệu xây dựng

SẢN XUẤT KEM GIẶT THEO CÔNG NGHỆ MỚI

Mã số: VN2450/323

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Khuấy trộn → Đóng gói → Tồn kho → Xuất xưởng. - Các vấn đề mà công nghệ giải quyết được: Sản phẩm làm ra đạt yêu cầu về ngoại quan và các chỉ tiêu chất lượng khác (Độ pH thấp không hại da tay, tẩy rửa tốt...) - Công suất: Nền năng xuất nhỏ bán cơ khí: 1-3 tấn/ngày - Các chỉ tiêu chất lượng đạt được: Được khách hàng chấp nhận sản phẩm

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Là công nghệ đầu tiên ở Việt Nam, giảm chi phí được từ 400-500 đồng/kg

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 25 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: 3 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 10 triệu đồng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT KEO CỒ ÁO CHO NGÀNH MAY MẶC

Mã số: VN2462/332

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình: Vải nền và keo → trải đều → cán gia nhiệt → cuộn thành phẩm → xuất bán - Công suất: tùy thuộc vốn đầu tư - Các chỉ tiêu kỹ thuật khác: bám dính tốt, chịu kiềm, axit, muối, ổn định ở nhiệt độ thấp và các tác nhân của môi trường

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 64: Công nghiệp nhẹ

Ưu điểm của CN/TB: - Thay thế được hàng nhập khẩu - Có thể xuất khẩu

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 10 triệu

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT KEO EPOXY CHO VÁN ÉP TỪ GỖ VUN, DẪM BÀO

Mã số: VN2414/367

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Trộn → Đóng gói → Tồn kho → Xuất bán. - Công suất: nếu sản xuất nhỏ 400-500kg/ca. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: ổn định khi bảo quản, keo có khả năng kết dính cao, bền hoá. Nhiệt độ đóng rắn 140-150 độ C, thời gian đóng rắn 25-30 phút.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất, 66: Công nghiệp rừng và chế biến gỗ

Ưu điểm của CN/TB: - Phù hợp với quy trình sản xuất lớn, chất lượng cao. - Có thể xuất khẩu sản phẩm với giá cạnh tranh

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU CHO SƠN SẮC CAO CẤP TỪ NHỰA EPOXY

Mã số: VN3024/361

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nhựa Epoxy → Biến tính nhựa → Đóng thùng → Tồn kho → Xuất bán. - Công suất: nếu sản xuất nhỏ bán cơ khí 300-400kg/ca. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: ổn định khi bảo quản, độ bóng cao, bám dính tốt, bền hoá, nhiệt độ sấy 70-150 độ C, thời gian sấy 30-120 phút

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: - Giảm sự nhập khẩu sơn thành phẩm từ nước ngoài - Giảm chi phí và chủ động hơn cho việc sản xuất kinh doanh của đơn vị

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tuỳ thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT PHÂN PHỨC HỢP NPK VÀ PHÂN VI LƯỢNG

Mã số: VN2415/368

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Trộn khô → Tạo hình → Sấy → Đóng bao → Xuất bán. - Công suất: tuỳ thuộc vào công suất đầu tư - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: có đủ các thành phần đạm, lân, kali và các nguyên tố vi lượng theo yêu cầu, đảm bảo độ hạt, độ ẩm và bao bì đẹp.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp, 6133: Sản xuất phân bón

Ưu điểm của CN/TB: - Tương tự các sản phẩm có trên thị trường - Dây chuyền sản xuất ở trong nước, giá giảm 1/3 so với ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 7 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT SƠN NƯỚC POLYURETAN (PU) MỘT THÀNH PHẦN

Mã số: VN2430/333

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình: Nguyên liệu → lên tỷ lệ → nghiền → lọc → đóng gói → xuất bán. - Công suất: tùy thuộc vào vốn đầu tư - Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: khô nhanh, bền hoá, bám dính tốt, giữ màu tốt, cường độ cao

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 67: Xây dựng, Kiến trúc

Ưu điểm của CN/TB: - Biến đổi nhựa PU từ hệ dầu sang hệ nước, từ hệ 2 thành phần sang hệ 1 thành phần. - Tính dễ sử dụng và an toàn

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 5 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT SƠN TĨNH ĐIỆN DẠNG KEO LÔNG

Mã số: VN2430/342

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Lên tỷ lệ → Khuấy trộn → Nghiền → Lọc → Đóng gói → Dán nhãn → Xuất bán. - Công suất: nếu sản xuất nhỏ bán cơ khí 200-300kg/ca. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: có màu sắc rõ rệt, độ che phủ, độ bám dính tốt cùng các chỉ tiêu cơ, lý, hoá khác.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 61: Công nghệ hoá chất. Công nghiệp hoá chất

Ưu điểm của CN/TB: Thay thế được hàng nhập khẩu, giảm được giá thành sản xuất (giá từ 15-20 ngàn/cân)

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 20 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SẢN XUẤT VÁN ÉP TỪ GỖ VUN, DẪM BÀO

Mã số: VN2020/360

Mô tả quy trình CN/TB: - Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Nghiền → Sàng phân loại → Sấy khô → Trộn keo → Ép gia nhiệt → Cán máng → Tồn kho → Xuất bán. - Công suất: tùy theo quy mô đầu tư. - Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật khác: đảm bảo các chỉ tiêu cảm quan và các chỉ tiêu cơ, lý, hoá

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 66: Công nghiệp rừng và chế biến gỗ

Ưu điểm của CN/TB: Công nghệ và thiết bị hoàn toàn trong nước, nguồn nguyên liệu rẻ tiền, phong phú ở các địa phương.

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30 triệu đồng; Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào quy mô và trình độ tự động hoá; Phí chuyển giao bí quyết: 10 triệu đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành miễn phí 6 tháng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Tân Việt Mỹ

SƠN NỀN CÔNG NGHIỆP EPOXY

Mã số: VN2430/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Đây là loại sơn nền công nghiệp Epoxy với những ưu điểm: chịu sự mài mòn cao nên tạo cho nền nhà không bụi, khả năng kháng axit, kháng kiềm cao, chịu lực,... phù hợp với các tiêu chí xây dựng nền công nghiệp của các nhà máy, xí nghiệp, phòng chế biến thuốc các loại, phòng thí nghiệm... trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cộng đồng dân cư...

Lĩnh vực áp dụng: 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Thời gian và hình thức bảo hành: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Qua tổng đại lý

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông

THIẾT BỊ "ECAWA" SẢN XUẤT DUNG DỊCH ĐIỆN HOẠT HOÁ

Mã số: VN242014/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết bị gồm các bộ phận: phin lọc cặn, cột làm mềm nước, thùng chứa nước muối, bơm nước muối, buồng điện hoá, thùng chứa dung dịch hoạt hoá. Nước muối loãng 5 phần nghìn được hoạt hoá trong buồng điện hoá có màng ngăn đặc biệt tạo thành dung dịch Anôlít, Catôlít. Công suất (tính theo lít/giờ): ECAWA 15- 15 lít/h; ECAWA 30-30lít/h; ECAWA 60-60lít/h; ECAWA 90-90lít/h; ECAWA 120-120lít/h; ECAWA 200-200lít/h... pH: 2,5-6,5; Hàm lượng clo hoạt động (mg/l): 300-350; Điện thế oxy hoá khử (mV): 800-1100; Điện năng tiêu thụ (w.h): tùy theo công suất máy (300-2.000); Nguyên liệu: nước sạch, muối NaCl. Thiết bị có thể khử trùng nước sinh hoạt, nước bể bơi, nước thải; Khử trùng trong y tế; Bảo quản rau quả tươi; Chăn nuôi gia súc gia cầm; Nuôi tôm giống, cá cảnh; Chế biến thủy sản; Nuôi tằm, nuôi ong.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp nhà nước

Lĩnh vực áp dụng: 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: - Giá thành rẻ - Phù hợp với điều kiện sản xuất, khí hậu nhiệt đới của VN - Hiệu quả khử trùng cao, không độc hại cho người và vật nuôi, không làm ô nhiễm môi trường - Ứng dụng được trong rất nhiều lĩnh vực

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Giá bán tại HN (kể cả chi phí lắp đặt, hướng dẫn vận hành, VAT): ECAWA15- 25 triệu; ECAWA30- 45 triệu, ECAWA60- 65 triệu; Chi phí khác: Theo thoả thuận trong từng trường hợp cụ thể

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm miễn phí, duy tu lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghệ Môi trường

THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC BẰNG PHƯƠNG PHÁP TRAO ĐỔI ION

Mã số: VN2024/541

Mô tả quy trình CN/TB: - Hệ thống gồm 2 cột chứa hạt nhựa để hấp thụ các ion trong nước, 1 máy bơm và 1 máy đo độ dẫn điện của nước sau khi xử lý. - Công suất: từ 100lít/giờ đến 10m3/giờ. - Độ dẫn điện của nước sau xử lý: <5micro s/cm. - Điện nguồn: 220V/50Hz.

Lĩnh vực áp dụng: 65: Công nghiệp thực phẩm, 76: Y học và y tế

Ưu điểm của CN/TB: - Thiết kế theo yêu cầu khách hàng; - Giá thành rẻ, bền; - Vận hành đơn giản.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 10 triệu/máy (loại 100 lít/giờ)

Đơn vị chào bán: Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh

THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ, THIẾT KẾ KỸ THUẬT CÁC NHÀ MÁY, XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT BỘT VÀ GIẤY

Mã số: VN211/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Thiết kế công nghệ, thiết kế kỹ thuật các nhà máy xí nghiệp bột và giấy; Lập báo cáo tiền khả thi và khả thi các dự án xây dựng các nhà máy bột và giấy; Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất bột và giấy; Thiết kế kỹ thuật chi tiết các dây chuyền sản xuất bột và giấy; Giám sát thi công, lắp đặt các dây chuyền sản xuất bột và giấy

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: các chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật phù hợp với trình độ công nghệ và thị trường của Việt Nam, có thể nội địa hoá tới 60% thiết bị trong dây chuyền sản xuất; Dễ dàng chuyển giao công nghệ

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao Patent; Chuyển giao bí quyết ; Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành cho tới khi dây chuyền và thiết bị hoạt động ổn định, đủ số lượng sản phẩm đạt chất lượng đúng theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô

THUỐC TĂNG LỰC SARATON & TASATON

Mã số: VN24415/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Đây là một loại sản phẩm được sử dụng

để tăng cường sức khoẻ cho các vận động viên và những người cần tăng cường thể lực

Lĩnh vực áp dụng: 6145: Công nghệ các chất hoá được

Ưu điểm của CN/TB: 100% là từ các chất tự nhiên và thảo dược; không gây tác hại phụ, không mang tính doping

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Không bán; Giá máy móc thiết bị: 120.000 đồng/hộp 60 viên

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

XÂY DỰNG QUY TRÌNH SỬ DỤNG CÁC NGUYÊN TỐ VI LƯỢNG TRONG TRỒNG TRỌT VIỆT NAM

Mã số: VN2415/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN, TCNN

Lĩnh vực áp dụng: 6831: Cải tạo đất nông nghiệp, 6833: Nông hoá học, 6835: Ngành trồng trọt, 6837: Bảo vệ cây trồng

Ưu điểm của CN/TB: Rẻ tiền; Phù hợp với điều kiện sinh thái, môi trường, và phương thức sản xuất ở Việt Nam

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết ; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 900.000.000 VND; Phí đào tạo: 100.000.000 VND; Phí chuyển giao bí quyết: 500.000.000 VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 100.000.000 VND

Thời gian và hình thức bảo hành: 20 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng; Qua tổng đại lý; Đại lý bán lẻ

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH Công nghệ Sinh thái lúa Việt Nam

XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

BỂ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT

Mã số: VN9001/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCNN; Ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý chất thải sinh hoạt trong không gian hẹp. Nước thải sau khi đi qua các ngăn có chứa đệm vi sinh được khử trùng bằng các viên khử trùng

Ưu điểm của CN/TB: Kích thước nhỏ gọn, làm bằng inox nên rất bền, có thể treo dưới gầm tàu hoả, ô tô, tàu thuyền du lịch

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 30.000.000 VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

CÔNG NGHỆ "KATOX" XỬ LÝ NƯỚC NHIỄM SẮT CAO THÀNH NƯỚC SẠCH SINH HOẠT

Mã số: VN4100/555

Mô tả quy trình CN/TB: Công nghệ "KATOX" xử lý nước nhiễm sắt cao thành nước sinh hoạt dựa trên phản ứng oxy hóa xúc tác chuyển sắt hóa trị 2 (hòa tan) thành sắt hóa trị 3 (không hòa tan) và được lọc qua bộ lọc. Nước sau lọc đạt tiêu chuẩn quốc gia. Chất xúc tác được tổng hợp từ những hợp chất vô cơ không hòa tan trong nước, không gây tác hại thứ cấp đến chất lượng nước có tên gọi là KAT-1 và KAT-2. Để xử lý hoàn toàn sắt cao trong hệ có bổ sung thêm oxy cưỡng bức vào hệ xử lý. Thiết bị đảm bảo tính gọn nhẹ gồm từ 2-5 bồn xử lý tùy thuộc vào chất lượng nước đầu vào, tính bền vững, ít phải bảo hành thay thế chất liệu (sau một vài năm), tính đơn giản trong sử dụng và giá thành hợp lý. TB/CN Đạt tiêu chuẩn Việt Nam

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu quả xử lý cao, chất lượng đảm bảo ngang tầm những công nghệ hiện đại; Gọn, nhẹ, tính đơn giản trong sử dụng, tính bền vững theo thời gian, giá cả hợp lý

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 7-15 triệu đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5%; Phí tư vấn kỹ thuật: 5%

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC NGẦM

Mã số: VN41/277

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thủy lợi và dịch vụ đồng bộ từ đầu mới đến mặt ruộng, cơ sở hạ tầng tiên tiến phục vụ sản xuất rau an toàn.

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC NGẦM PHỤC VỤ VÙNG TRỒNG HOA VÀ RAU

Mã số: VN41/274

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống công trình thủy lợi đồng bộ lấy và cung cấp nước ngầm tưới cho hoa, cây cảnh và rau.

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Thuận tiện cho các hợp tác xã và hộ nông dân trồng rau, hoa và cây cảnh...

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT KẾT CẤU XI MĂNG LƯỚI THÉP VỎ MỎNG

Mã số: VN41/273

Mô tả quy trình CN/TB: Hướng dẫn thiết kế và chuyển giao công nghệ thi công sản xuất, kết cấu cầu máng xi măng lưới thép bằng phương pháp nung công nghiệp.

Lĩnh vực áp dụng: 67: Xây dựng. Kiến trúc

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ THUY LỢI KẾT HỢP VỚI CÁC BIỆN PHÁP NÔNG-LÂM NGHIỆP CHO VÙNG TRỒNG CÂY CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO

Mã số: VN41/279

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thủy lợi kết hợp với thâm phù, đai rừng, băng cò, hố phủ gốc và công nghệ tưới tiết kiệm nước...

Lĩnh vực áp dụng: 68: Nông nghiệp và lâm nghiệp

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ THUY LỢI TIỀN TIẾN PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN Ở VÙNG ĐẤT CÁT

Mã số: VN41/280

Mô tả quy trình CN/TB: - Hệ thống công trình thủy lợi hoàn chỉnh kết hợp với hệ thống xử lý nước cho các ao nuôi tôm trên cát.

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CN/TB: Thuận tiện cho các công ty nuôi trồng thủy sản miền Trung và Nam Trung bộ, các hộ nông dân nuôi tôm trên cát

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ THUY LỢI TIỀN TIẾN PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THÂM CANH VÀ QUY MÔ CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN41/281

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông và ao nuôi trồng, xử lý, cung cấp nước hỗn hợp theo yêu cầu

Lĩnh vực áp dụng: 70: Thủy lợi. Cải tạo đất

Ưu điểm của CN/TB: Thuận lợi cho các hợp tác xã, công ty nuôi trồng thủy sản

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: 250 tấn - 500 tấn - 1.000 tấn/ngày; TCNN; Quy trình sản xuất: Rác thải sinh hoạt → phân loại rác thải → (vô cơ) đốt → chạy nồi hơi hoặc tái sử dụng vô cơ → vật liệu xây dựng; (hữu cơ) phân loại rác → thủy phân chất hữu cơ → phân vi sinh; (PVC) phân loại rác → phân giải các chất nhựa → xăng dầu. Sản phẩm: phân vi sinh, sản phẩm tái sinh, vật liệu xây dựng, xăng dầu. Xử lý rác thải sinh hoạt công suất 250 tấn/ngày cho một thị trấn khoảng 400.000 dân, công suất 600 tấn/ngày cho thành phố khoảng 1 triệu dân.

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Tốc độ xử lý chất thải cao, thời gian diễn ra ngắn (thời gian cho việc phân huỷ chất hữu cơ khoảng 3h) và rác được xử lý hoàn toàn ngay trong ngày; Không bị quá trình ô nhiễm phụ xảy ra trong quá trình xử lý, tránh được tác hại trong bảo vệ môi trường "xử lý ô nhiễm- sinh ra ô nhiễm mới- lại tái xử lý"; Áp dụng quy trình khép kín cho hệ thống TBS, có thể được sử dụng để xử lý rác sinh hoạt, thức ăn thừa, các loại phân, xác động vật, chất thải từ thực phẩm công nghiệp...; Đầu ra nhiều hơn đầu vào: đầu vào là rác sinh hoạt, đầu ra là: phân vi sinh, sản phẩm tái sinh, vật liệu xây dựng, xăng dầu.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao bí quyết; Chuyển giao chia khoá trao tay; Thỏa thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Công suất 250 tấn/ngày: 4 triệu USD; đối với công suất 600 tấn/ngày: 10 triệu USD; Phí đào tạo: Theo thỏa thuận; Phí chuyển giao bí quyết: Theo thỏa thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Mã số: VN9000/436

Mô tả quy trình CN/TB: -Công nghệ xử lý dựa trên các qui trình yếm khí, hiếu khí và thiếu khí. - Công suất: từ vài trăm m³/ngày đến hàng ngàn m³/ngày. -Tiêu chuẩn đạt được: TCVN.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Đề tài cấp Bộ; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Xử lý theo công nghệ hiện đại, giảm chi phí vận hành.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: Tùy thuộc vào công suất

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng bảo hành kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ RÁC THẢI KHÔNG CHÔN LẤP, TÁI CHẾ HOÀN TOÀN SỬ DỤNG CHO XÂY DỰNG, GIAO THÔNG ĐIỆN LỰC, THỦY SẢN

Mã số: VN0390/223

Mô tả quy trình CN/TB: Bao gồm dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh để tiếp nhận rác, nghiền nhỏ tách lọc ra phế thải hữu cơ, phế thải vô cơ, phế thải chất dẻo. Tái chế phế thải hữu cơ thành phân bón vi sinh. Tái chế phế thải vô cơ và chất dẻo thành nguồn vật liệu mới qua áp lực cao và nhiệt độ phù

hợp, sử dụng cho nhiều ngành công nghiệp khác. Công suất(tính theo ca): 200-300 T/ngày Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: có thể xử lý một số rác công nghiệp như ngành da giày, may mặc, cơ khí, điện tử. Có thể xóa bỏ các bãi rác để chôn lấp từ trước

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Tự đầu tư nghiên cứu. Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: Là giải pháp tối ưu cho xử lý rác, bảo vệ môi trường. Có giá trị xã hội, kinh tế cao vì xử lý triệt để rác thải kể cả bãi rác cũ. Suất đầu tư bằng 1/31/3 so với nhập ngoại công suất tương đương

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Patent

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 5 triệu VND; Giá máy móc thiết bị: 15 triệu VND; Phí đào tạo: 2 triệu VND; Phí chuyển giao bí quyết: 1,5 triệu VND; Phí tư vấn kỹ thuật: 1,5 triệu VND; Chi phí khác: 1 triệu VND

Thời gian và hình thức bảo hành: Lắp đặt trong 60 ngày. Bảo hành 3 năm và bao tiêu sản phẩm lâu dài

Đơn vị chào bán: Công ty cổ phần Phát triển công nghệ Môi trường Xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ VHI- 18B

Mã số: VN90002/1

Mô tả quy trình CN/TB: 70-140kg/ca; TCVN; Lò đốt rác y tế VHI- 18B được thiết kế trên cơ sở áp dụng nguyên lý đốt đa vùng hiện đang được sử dụng ở các nước tiên tiến trên thế giới. Rác được đưa vào các buồng đốt sơ cấp. Không khí được cấp liên tục cho quá trình đốt huỷ rác. Khói bốc lên từ buồng đốt sơ cấp (sản phẩm cháy chưa hoàn toàn, chứa nhiều bụi và các chất độc hại) được hoà trộn với không khí theo nguyên tắc xoáy vòng và được đưa tiếp vào buồng đốt thứ cấp. Ở buồng đốt thứ cấp, các sản phẩm cháy chưa hoàn toàn (chứa cả DIOXIN và FURAN) tiếp tục được phân huỷ và đốt cháy ở nhiệt độ cao với thời gian lưu cháy đủ lớn. Khói từ buồng đốt thứ cấp được đưa qua hệ thống xử lý khí thải để loại trừ bụi, kim loại nặng và các thành phần khí gây ô nhiễm môi trường như NOx, SOx, HCL

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Lĩnh vực áp dụng: 75: Phục vụ nhà ở - công cộng. Phục vụ sinh hoạt, 76: Y học và y tế, 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: - Đốt đa vùng ở nhiệt độ cao, xáo trộn mạnh, thời gian lưu dài. Điều khiển tự động chu kỳ đốt, nhiệt độ, chế độ cấp khí; xử lý khí thải kết hợp với trao đổi nhiệt; tiêu thụ ít nhiên liệu, giá thành thấp

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại; Kiểu dáng công nghiệp; Patent; Năm: 2002

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tùy theo yêu cầu, địa điểm lắp đặt thiết bị của khách hàng; Giá máy móc thiết bị: Tùy theo yêu cầu, địa điểm lắp đặt thiết bị của khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 1 năm miễn phí, duy tu lâu dài

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Công nghệ Môi trường

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI, LÒ ĐÚC ĐỒNG, BỤI...

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: Khí thải trước tiên được thu gom bằng hệ thống chụp hút, sau đó được dẫn vào cyclone nhờ hệ thống ống dẫn khí. Cyclone có nhiệm vụ thu hồi lượng bụi có trong dòng khí thải. Sau khi qua cyclone, khí thải được quạt hút thổi vào tháp hấp thụ. Tháp hấp thụ có nhiệm vụ loại bỏ các chất độc có trong khí thải như các khí CO₂, NO_x, SO_x... và một phần lượng bụi còn lại. Khí thải đi vào từ đáy hấp thụ và bị phân tán mỏng ra xung quanh tháp bằng một chụp thép hình nón. Khi đó dung dịch hấp thụ được đưa vào tháp theo hướng từ trên xuống bằng bơm. Dung dịch hấp thụ được sử dụng là dung dịch xút được pha và chứa trong bể chứa. Dòng dung dịch được bơm vào dạng các tia nhỏ nhằm tạo điều kiện tiếp xúc tốt nhất giữa khí thải với dung dịch. Khí thải từ đáy tháp đi lên gặp dòng dung dịch từ trên đi xuống, quá trình phản ứng giữa các loại khí độc có trong dòng khí thải và dung dịch hấp thụ diễn ra. Dòng khí thải sau khi qua tháp hấp thụ được phát tán ra môi trường bằng ống khí. Dung dịch hấp thụ sau khi qua tháp được thu lại tại bể chứa dung dịch hấp thụ và tiếp tục và tiếp tục được bơm lên tháp cho quá trình phản ứng tiếp theo. Trước khi vào tháp, dòng dung dịch này lại được châm thêm xút vào để tạo nồng độ ổn định, thích hợp cho quá trình hấp thụ các khí CO₂, NO_x, SO_x. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TCNN Công suất: 2.000- 50.000 mét khối/giờ

Lĩnh vực áp dụng: 5539: Chế tạo máy hoá chất và dầu mỡ, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị được chế tạo bằng thép và ráp lại thành cụm khi cần di dời thì chỉ cần tháo các ống nối; Mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn tăng thời gian sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao License; Chuyển giao chia khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 80- 250 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CÔNG NGHIỆP KIỂU KÍN

Mã số: VN9000/785

Mô tả quy trình CN/TB: Panô; Hệ thống xử lý nước công nghiệp kiểu kín xử lý các loại nước ngầm (giếng khoan), nước mặt để đạt tiêu chuẩn chất lượng nước theo công nghệ sử dụng yêu cầu; Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ; Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7019: Cấp dẫn nước và cung cấp nước

Ưu điểm của CN/TB: Giá thành rẻ; Tuổi thọ tương đương hoặc hơn; Hiệu suất tương đương; Phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể ở trong nước

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chia khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng

Đơn vị chào bán: Viện KH&CN Nhiệt - Lạnh; Xưởng CTTB Áp lực

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẢNG CÔNG NGHỆ VI SINH BẨM

Mã số: VN90002/1

Mô tả quy trình CN/TB: Hệ thống thiết bị gồm có hệ bồn sinh học và bể điều hoà, bể khử trùng. Thiết bị được hoạt động dựa trên nguyên lý: Chất thải được bơm từ bể điều hoà qua các bồn sinh học và cấp oxy liên tục cho quá trình lên men hiếu khí trên bề mặt giá thể có đặt trong bồn. Nước sau khi qua các bồn sinh học được đưa vào bể lắng và bể khử trùng trước khi đưa vào đường thoát nước công cộng. Bùn (90% xác vi sinh) xả định kỳ vào bể lên bùn, sau 1-2 năm đưa đi sử dụng làm phân bón. Thiết bị này được sử dụng để xử lý nước thải bệnh viện hay các ngành công nghiệp sản xuất khác nhau có hàm lượng chất hữu cơ ở mức độ khác nhau.

Lĩnh vực áp dụng: 6137: Công nghệ các chất và sản phẩm hữu cơ, 6139: Tổng hợp công nghiệp thuốc nhuộm và bột màu hữu cơ, 87: Bảo vệ môi trường

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị; Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN

Mã số: VN9000/1

Mô tả quy trình CN/TB: 60m³/ngày đêm; TCVN; Nước thải được tập trung về bể chứa. Khi bể đầy, bơm và các thiết bị phụ trợ tự hoạt động bơm nước thải vào container hợp khối. Quá trình xử lý hoá học và sinh học được thực hiện trong container. Nước thải đi ra được khử trùng trong bể, khử trùng và đi ra ngoài. Hệ thống hoạt động tự động hoàn toàn

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường

Ưu điểm của CN/TB: Hoạt động hoàn toàn tự động

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Bản quyền: Nhân hiệu thương mại

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tùy thuộc vào công suất

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN9000/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải nhà máy thu về bể tập trung. Khi nước đầy hệ thống tự động hoạt động tiến hành xử lý hoá học. Nước thải sau khi xử lý được tiếp tục xử lý sinh học để tiêu huỷ hoàn toàn các chất hữu cơ, đáp ứng các công suất thải của nhà máy. Hệ thống hoàn toàn tự động.

Ưu điểm của CN/TB: Hoàn toàn tự động. Các thiết bị nhập của nước ngoài có độ bền cao, chịu ăn mòn và làm việc liên tục.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tùy thuộc vào loại hình muốn thải, công suất thải

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng
Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp là phương pháp xử lý kết hợp **phân hủy sinh học** với biện pháp **hoá lý và hoá học**. Tùy theo thành phần và tính chất của nước thải công nghiệp, công đoạn xử lý hoá học có thể dùng các chất oxy hoá khác nhau. Công đoạn xử lý bằng phân hủy sinh học là khâu chủ yếu trong việc khử bỏ chất ô nhiễm hữu cơ. Quá trình phân hủy sinh học hoạt động theo nguyên lý **UFB (Up Flow Biofilter)** và được tiến hành lần lượt qua các giai đoạn **lên men yếm khí rồi lên men hiếu khí**. Hiệu suất của quá trình phân hủy sinh học được tăng lên đáng kể nhờ sử dụng **giá thể đặc chủng VHK-01** do Viện Công nghệ Hóa học nghiên cứu và sản xuất. Đây là vật liệu gồm xốp tổng hợp dạng cầu được nung luyện ở nhiệt độ cao (đến 1400°C) rất bền, nhẹ ($d@ 1 \text{ kg/dm}^3$), có hoạt tính bề mặt cao, chứa các hợp chất vô cơ có tác dụng xúc tiến sự phát triển của vi sinh vật. Nhờ các giá thể này tốc độ phân hủy yếm khí tăng 3, 4 lần, còn quá trình phân hủy hiếu khí tăng 2, 3 lần. Công đoạn xử lý hoá lý với việc sử dụng chất keo tụ đặc chủng **PAC2M** do Viện Công nghệ Hóa học nghiên cứu và sản xuất đồng thời với kết cấu độc đáo của thiết bị lắng, nước thải được làm sạch không chỉ các chất lơ lửng mà cả một số chất hòa tan.

Tùy theo yêu cầu, nước thải được đưa qua công đoạn lọc an toàn nhằm bảo đảm nước thải đạt được các chỉ tiêu về BOD và COD.

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP VÀ BỆNH VIỆN

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: Công suất: loại vừa: 500- 700 m³/ngày Loại nhỏ: 150- 250 m³/ ngày Loại lớn: 1.000- 4.000 m³/ngày Các thông số kỹ thuật khác: Loại vừa và nhỏ: Áp lực thử thiết bị 6 kg/cm² Áp lực dư thiết bị 2kg/cm² Khối lượng: 8- 15 tấn; Điều kiện làm việc không liên tục, dòng chảy đơn; Vi sinh vật hoạt động trong điều kiện hiếu khí tạo giá thể sinh vật bám; Loại lớn: HC | Oxy | Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh học → Bể lắng I → Yêu cầu đã xử lý | Bể chứa bùn Kích thước các bể tùy theo công suất của từng trạm xử lý Kích thước: Nhà đặt hệ thống thiết bị: 4m x 6m = 24 m² Trọng lượng: 8- 15 tấn Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Hệ thống xử lý nước thải áp dụng cho nhà máy loại vừa và nhỏ được chế tạo tại nhà máy chuyên dụng, theo công nghệ mới, điều khiển hệ thống hoạt động theo hai chế độ tự động và thủ công. Lắp đặt nhanh, trong thời gian 60 ngày; Năng suất: - Loại vừa

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Nhà máy Q= 500- 700 m³/ngày: 1,2- 1,4 tỷ đồng; Q= 150- 200 m³/ngày: 250- 300 triệu đồng; Q= 2.000- 4.000 m³/ngày: 7 tỷ-14 tỷ

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Đơn vị chào bán: Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải từ hầm bơm được bơm vào máy lọc giấy vụn tự động nhằm thu hồi giấy vụn, tái sản xuất. Sau đó, nước thải tự chảy vào bể điều hoà nhằm cân bằng lưu lượng cho hệ thống. Trong bể điều hoà bố trí 1 bơm nước thải nhúng chìm để bơm nước lên bể lắng xoáy. Trên ống dẫn vào bể lắng xoáy có 3 đường hoá chất châm vào là dung dịch trung hoà, dung dịch phản ứng và dung dịch trợ lắng. Bể lắng xoáy là công trình xử lý nước tiên tiến lần đầu tiên được ứng dụng vào Việt Nam. Đây là bể lắng trong có tầng cặn lơ lửng di chuyển hướng tâm nên hiệu quả xử lý rất cao, chiếm dụng mặt bằng ít. Tại bể lắng xoáy các bông cặn lớn được hình thành do xảy ra phản ứng keo tụ. Hỗn hợp nước và bông cặn dâng lên cao. Phần nước trong chảy tràn qua máng răng cưa vào máng thu nước. Các bông cặn keo tụ tạo ra trong quá trình phản ứng tập trung vào phễu thu cặn, lắng xuống đáy bể và được xả ra thùng chứa bùn bằng van xả bùn ở đáy bể. Máng thái từ máng thu nước bể lắng xoáy tràn vào bể sinh học. Nước chảy vào bể từ dưới lên trên qua lớp vật liệu nổi là các hạt polystyren và chúng được loại bỏ bằng cách không chế môi trường hoạt động. Xác định vi sinh vật và chất rắn lơ lửng trong nước thải được loại bỏ bằng quá trình rửa ngược. Bể lọc sinh học là công trình xử lý cuối cùng trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi qua bể lọc sinh học, nước thải có thể được xả ra công trường. Nước thải có thể tuần hoàn cho sản xuất. Công suất: 60-500 mét khối/ngày đêm. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN, TCNN.

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô, 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm.

Ưu điểm của CN/TB: Các thiết bị được chế tạo bằng thép nên có thể tháo lắp dễ dàng khi cần di dời; Mặt trong thiết bị được phủ epoxy chống ăn mòn, tăng thời gian sử dụng; Hệ thống được điều khiển tự động, tránh cho công nhân có thể tiếp xúc trực tiếp với nước thải độc hại; Diện tích chỉ bằng 50% so với xây bể xi măng; Thời gian thi công ngắn.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá.

Bản quyền: Nhãn hiệu thương mại.

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo.

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 150- 800 triệu; Phí đào tạo: Miễn phí; Phí chuyển giao bí quyết: Miễn phí; Phí tư vấn kỹ thuật: Miễn phí.

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành công trình 1 năm, bảo trì miễn phí 1 năm.

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng.

Đơn vị chào bán: Công ty Môi trường Việt Nam xanh.

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: Tiêu chuẩn đạt được: TCVN; Công suất: 15 m³/ngày.

Do đặc điểm của nguồn ô nhiễm trong nước thải y tế nên phương án xử lý là kết hợp **phân hủy sinh học** với biện pháp **hoá lý** và **khử trùng**. Công đoạn xử lý bằng phân hủy sinh học là khâu chủ yếu trong việc khử bỏ chất ô nhiễm hữu cơ. Quá trình phân hủy sinh học hoạt động theo nguyên lý UFB (Up Flow Biofilter) và được tiến hành lần lượt qua các giai đoạn **lên men yếm khí** rồi **lên men hiếu khí**. Hiệu suất của quá trình phân hủy sinh học được tăng lên đáng kể nhờ sử dụng **giá thể đặc chủng VHK-01** do Viện Công nghệ Hóa học nghiên cứu và sản xuất. Đây là vật liệu gồm xốp tổng hợp dạng cầu được nung luyện ở nhiệt độ cao (đến 1400 °C) rất bền, nhẹ (d@ 1 kg/dm³), có hoạt tính bề mặt cao, chứa các hợp chất vô cơ có tác dụng xúc tiến sự phát triển của vi sinh vật. Nhờ các giá thể này tốc độ phân hủy yếm khí tăng 3, 4 lần, còn quá trình phân hủy hiếu khí tăng 2, 3 lần. Sau khi loại bỏ được phần lớn BOD tại công đoạn phân hủy sinh học, nước thải đi qua công đoạn lắng nhằm tách nốt các tạp chất lơ lửng và hòa tan. Tại công đoạn này, với việc sử dụng chất keo tụ đặc chủng **PAC2M** do Viện Công nghệ Hóa học nghiên cứu và sản xuất đồng thời với kết cấu độc đáo của thiết

bị lắng, nước thải được làm sạch không chỉ các chất lơ lửng mà cả một số chất hòa tan. Tùy theo yêu cầu, nước thải được đưa qua công đoạn lọc an toàn nhằm bảo đảm nước thải đạt được các chỉ tiêu về BOD và COD. Cuối cùng nước thải đi qua công đoạn khử trùng trước khi thải ra ngoài. Mục đích của công đoạn này nhằm loại bỏ hoàn toàn vi khuẩn để bảo đảm an toàn cho nguồn tiếp nhận nước phía sau. Với việc sử dụng các công nghệ khử trùng tiên tiến như UV và ozon cho phép việc khử trùng đạt hiệu quả tối đa, đồng thời tránh gây ô nhiễm thứ cấp cho nguồn tiếp nhận.

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải, 7675: Vệ sinh xã hội, tổ chức và quản lý y tế, 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 70 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hóa học

LÒ ĐỐT CHẤT THẢI

Mã số: VN90002/1

Mô tả quy trình CN/TB: 30kg/h, 50kg/h, 100kg/h; TCVN, TCNN; Rác thải được cho vào thùng, nhân viên vận hành vào bộ nạp rác thải tự động, bộ nạp rác thải tự động làm việc đưa rác vào lò. Lò có hai buồng. Buồng sơ cấp duy trì nhiệt độ 600-800°C để đốt chất thải. Buồng thứ cấp duy trì nhiệt độ 1050-1100°C để đốt khói. Lò đốt bằng dầu D0. Bộ xử lý khí thải hai cấp đảm bảo khí thải đạt TCVN 6560-1999

Ưu điểm của CN/TB: Buồng lò đốt bằng bê tông chịu nhiệt dày 200mm, cách nhiệt tốt nên tổn thất nhiên liệu, ống khói làm bằng inox có độ bền cao, hệ thống đổ rác chạy theo chương trình

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Tùy thuộc vào công suất, địa điểm lắp đặt

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

LÒ ĐỐT CHẤT THẢI NGUY HẠI ST80

Mã số: VN90/1

Mô tả quy trình CN/TB: 80kg/h; TCVN; Đặc tính kỹ thuật của lò đốt chất thải nguy hại ST80: Công suất: 80kg/h, nhiên liệu: dầu D0; kích thước cơ bản của lò: R1800xS1800xC3350; thể tích buồng đốt rác: 2.2 mét khối; thể tích buồng đốt khói: 0.9 mét khối; thể tích buồng hạ nhiệt: 0.4 mét khối; nhiệt độ buồng đốt rác: 600-800 độ C; nhiệt độ buồng đốt khói: 1050-1200 độ C; thời gian lưu cháy: 2s; chiều cao đỉnh ống khói: 8m, chế tạo bằng inox SUS 304, d=3mm; đường kính ống khói: 0.4m; Vật liệu buồng đốt: bê tông chịu nhiệt 1600 độ C dày 250mm lớp cách nhiệt dày: 50mm; vật liệu buồng hạ nhiệt: làm bằng INOX SUS lớp bê tông chịu nhiệt dày 100mm; vỏ lò: thép tấm 6mm, khung thép U chịu lực, sơn chịu nhiệt đến 300 độ C; Vòi đốt: Rillo, Ytalia, điều chỉnh khí tự động; Chế độ đốt: thu hồi nhiệt để sấy khô rác, giảm tiêu hao dầu; Đổ rác tự động gồm: hệ thống thủy lực gồm bộ nguồn động cơ 4KW, thùng dầu 120lít, van điều áp, van chống rơi, hệ thống nâng cửa lò, hệ thống nâng lật thùng rác, đẩy rác vào lò chạy theo chương trình tự động thùng chứa rác đi kèm; Chế độ làm việc liên tục 24/24h; xử lý khí thải: tháp xử lý hoá chất làm bằng thép INOX SUS 304, d=3mm; Chất lượng khí thải: đạt các tiêu chuẩn MT theo TCVN đang có hiệu lực

Lĩnh vực áp dụng: 55: Chế tạo máy, 87: Bảo vệ môi trường, 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: Hiệu quả cao; dễ sử dụng

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Thoả thuận với khách hàng; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: Theo thoả thuận; Giá máy móc thiết bị: Theo thoả thuận;
Phí chuyển giao bí quyết: Theo thoả thuận; Phí tư vấn kỹ thuật: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG XỬ LÝ VI SINH ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Mã số: VN9001/1

Mô tả quy trình CN/TB: TCVN; Ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý chất thải sinh hoạt trong không gian hẹp để thiết kế các nhà vệ sinh công cộng, có thể di động dễ dàng. Không gian tiện nghi hiện đại. Bơm nước tự động, bể chứa, vòi rửa, chậu rửa, móc quần áo, quạt hút, đèn chiếu sáng. Nước thải ra đạt TCVN 6602-2001. Bể chứa bằng inox, bao che bằng composit hai lớp có tác dụng cách nhiệt, màu xanh rất hài hoà.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Cấp bộ/tỉnh

Ưu điểm của CN/TB: Ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý chất thải sinh hoạt. Bao che bằng vật liệu composit rất bền. Nhà vệ sinh có ba khối lắp ghép với nhau nên dễ dàng di chuyển

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 25-30.000.000VNĐ

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường

QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI BẰNG CÔNG NGHỆ BIOGAS

Mã số: VN9000/742

Mô tả quy trình CN/TB: Trong những năm qua, ngành chăn nuôi nước ta phát triển tương đối nhanh, tỷ lệ tăng đàn gia súc, gia cầm hàng năm là 4-4,5%. Quy mô chăn nuôi trong các hộ nông dân và các trang trại ngày càng tăng nhờ đó đã đóng góp đáng kể vào tổng thu nhập của hộ nông dân. Chăn nuôi phát triển đó là dấu hiệu rất đáng mừng, bên cạnh đó các làng nghề tham gia chế biến nông sản thực phẩm phát triển mạnh, lò giết mổ gia súc, gia cầm của tư nhân mọc lên khắp nơi thường đan xen với khu dân cư. Đó chính là những nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm môi trường sinh thái, ở nhiều nơi đã đến mức báo động nghiêm trọng. Việc xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải lò mổ, chất thải sinh hoạt là một yêu cầu cấp thiết nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước và nguồn dịch bệnh gây ra cho con người và động vật....Xây dựng hệ thống biogas để xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sinh hoạt vừa giữ sạch môi trường vừa tận dụng khí đốt sinh học phục vụ đun nấu và góp phần chống chặt phá rừng lấy củi. **Nguyên lý chung quá trình phân giải yếm khí** Quá trình phân huỷ phân và nước thải xảy ra tại hầm trong điều kiện không có không khí, nhờ sự sinh trưởng và phát triển của các vi sinh vật yếm khí sống trong đó. Người ta thấy trong tất cả các bể sinh khí methane đều có một số loài sinh vật hoạt động, những loài sinh vật này được chia thành hai nhóm như sau: +Nhóm vi khuẩn biến dưỡng (Non - methane producing) Những vi khuẩn này đều có enzym cellulose và nấm rãi rác trong các họ khác nhau: *Clotridium*, *Plectridium*, *Caduceus*, *Endosponus*, *Terminosporus*.....Sản phẩm phân giải của các nhóm này trong điều kiện yếm khí thường là các hợp chất trung gian của sự phân huỷ chất xơ, chất đạm, chất béo và một ít CO₂, H₂, NH₃. Nhóm vi khuẩn này tạo môi trường dinh dưỡng cho nhóm vi khuẩn sinh khí methane hoạt động. +Nhóm vi khuẩn

sinh khí methane Nhóm vi khuẩn này hoạt động rất chuyên biệt và được nghiên cứu kỹ thuật bởi Balch A.R (1979). Sản phẩm phân giải của nhóm vi khuẩn này là khí methane (CH_4), CO_2 , H_2O .

Phương pháp xây dựng +Chọn vị trí xây dựng Tốt nhất nên chọn vị trí xây dựng hầm phân huỷ gần chuồng trại và hệ thống cấp thoát nước thuận tiện. Có thể xây dựng ngay trong chuồng trại để tiết kiệm đất. +Thiết kế: Đường kính bể phân huỷ D, Bán kính $R=D/2$; Chiều cao thành bể $H=D/2,0-2,5$; Chiều cao tum bể phân huỷ $f=D/4,0-5,0$; Chiều lõm đáy bể $f_2=D/10$; Tính thể tích bể phân huỷ: $V1+V2+V3$ +Đào đất: Đào hố đất hình tròn, kích thước và độ sâu theo bản thiết kế có sẵn. Tại các vùng sinh lầy, nền đất yếu có thể xây thành bể trước, hạ đủ độ sâu sau đó tiến độ móng bể phân huỷ.

+Xây móng bể: Lớp bê tông gạch vỡ dày 8 cm, vữa xi măng cát vàng tỷ lệ 1/6; Đan sắt: $20 \times 20 \text{ cm}$; Lớp bê tông xi măng cát vàng và sỏi tỷ lệ 1/2/3; Chú ý tạo hình lõm đáy ở giữa khoảng 15-20cm +Xây thành bể: Sau khi đổ móng xong xây ngay 2-3 hàng gạch chỉ đặc hình tròn xung quanh móng, để lại ngày hôm sau xây tiếp. Thành bể phân huỷ xây cao theo mẫu thiết kế, tỷ lệ vữa xây 1/3, chú ý rửa gạch trước khi xây và trát kỹ mạch. Đặt ống vào phân nghiêng 30o và ống thoát nghiêng 40o. Trát thành bể bằng xi măng cát vàng nhô tỷ lệ 1/3, cuối cùng đánh bóng thành bể bằng xi măng tinh và chống thấm. +Dựng coffa bằng các nguyên liệu tre và cốt đan. Chú ý tạo vòm bể hình chòm cầu, chiều cao chòm cầu đúng như thiết kế. Đan sắt ($15 \times 15 \text{ cm}$) xung quanh chòm cầu. +Đổ bê tông vòm bể phân huỷ bằng xi măng các vàng sỏi (hoặc đã cỡ 2-3) tỷ lệ 1/2/3. Nắp bể đường kính 50 cm. Trát kỹ trên bề mặt tum và đánh bóng chống thấm. Sau 7-10 ngày tiến hành dỡ coffa và trát trong vòm, chống thấm và đánh bóng xi măng tinh. +Xây bể thủy lực, kích thước bể thủy lực theo văn bản thiết kế. Bể thủy lực có tính quyết định năng suất gas. Cách thức xây giống như xây thành bể phân huỷ. Đổ nắp bể thủy lực, tuyệt đối không cho nước bên ngoài can thiệp vào áp lực của bể thủy lực. Thể tích bể thủy lực $= 1/10 - 1/15$ thể tích bể phân huỷ. +Xây dựng hệ thống dẫn phân và nước thải, chú ý độ dốc ít nhất 10%. Hệ thống thoát nước thải sau bể thủy lực có thể xây thêm hồ chứa để tận dụng tưới cho rau hoặc tái chế làm phân hữu cơ vi sinh. Đặc biệt chú ý khi xây hố dẫn phân vào nhất thiết phải xây hố lắng cát vì cát sỏi sẽ không phân huỷ được trong hầm. Các tiêu chuẩn kinh tế-kỹ thuật khác: Năng suất gas (CH_4) $= 0,5 - 0,6 \text{ m}^3/\text{m}^3$ dịch phân huỷ/ngày đêm Tiết kiệm tiền chất đốt 40-90 ngàn đồng/hộ/tháng Nước thải của hệ thống đã diệt hết 99% trứng giun sán, tận dụng làm phân vi sinh hoặc tưới rau sạch

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Hệ thống biogas được xây bằng bê tông cốt thép bền vững được thập thể cán bộ Viện Chăn nuôi nghiên cứu, thiết kế và xây dựng trên cơ sở áp dụng mô hình hiện đại của Trung Quốc đồng thời có cải tiến (phương pháp xây dựng, thiết bị phá ván

Lĩnh vực áp dụng: 8715: Ô nhiễm môi trường. Kiểm soát ô nhiễm, 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: - Đáy bể phân huỷ kết cấu bê tông cốt thép chịu lực nén lớn. - Vòm cuối hình bán cầu có kết cấu bê tông cốt thép, cải tiến phương pháp xây dựng bằng đổ bê tông cốt thép trực tiếp ngay trên thành bể với coffa đơn giản gồm một trụ chống và các đòn tay bằng tre, đảm bảo vòm hình cầu bằng tre tươi buộc lạt, tiến hành đổ bê tông và cốp tum cùng thời gian. Dỡ coffa và tiến hành trát vữa, sử dụng chống thấm loại tốt. Vòm cuốn này chịu áp lực cao, đảm bảo vững chắc - Thiết bị chống phá huỷ hạ xuống qua các cánh phá văng, khi sử dụng hết gas trong hầm, nước dự trữ trong bể thủy lực tràn vào chiếm chỗ khi đó bề mặt dịch phân huỷ trong hầm dâng lên đồng thời cũng vượt qua cánh phá văng. Như vậy khả năng thoát gas trên bề mặt không bị cản trở, năng suất sinh gas cao hơn, hầm hoạt động liên tục. Năng suất sinh gas ($0,5 - 0,6 \text{ m}^3 \text{ CH}_4/\text{m}^3$ dịch chất thải/ngày đêm, thông qua sử dụng đồng hồ đo gas)

Thời gian và hình thức bảo hành: - Bảo hành 12 tháng kể từ khi hầm gas hoạt động, bếp gas đun nấu được đổi với tất cả các hệ thống do Viện trực tiếp hoặc chỉ đạo, tư vấn xây dựng.; - Bảo hành các hệ thống biogas do các đội thợ xây dựng của Viện Chăn nuôi đào tạo tại tất cả các địa phương

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

THIẾT BỊ LỌC THÔ VÀ LỌC TINH NƯỚC MẶN CHO TRẠI GIỒNG THỦY SẢN

Mã số: VN41001/1

Mô tả quy trình CN/TB: Thiết bị lọc thô và lọc tinh nước mặn cho ao nuôi tôm thương phẩm được dùng cho các vùng nuôi tôm ở vùng duyên hải Bắc trung bộ và duyên hải nam trung bộ nhằm tăng khả năng nuôi trồng thủy sản. Thiết bị làm việc theo nguyên tắc lọc qua màng Freecoode... Công suất: lưu lượng 5 mét khối/h Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Lĩnh vực áp dụng: 6839: Ngành chăn nuôi, 6894: Bảo vệ thiên nhiên trong nông nghiệp, 7094: Sử dụng tổng hợp và bảo vệ tài nguyên nước, 6951: Sản phẩm thủy sản và công nghệ chế biến

Ưu điểm của CN/TB: Nâng cao hiệu quả sử dụng trong việc khai thác nuôi trồng thủy sản; Chế tạo bằng vật liệu trong nước. Hiệu suất cao, chịu được mặn; Giá thành bằng 1/2 giá trị ngoại nhập; Đảm bảo chất lượng nước thiết bị bị ngoại nhập

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay; Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 20.000.000 VNĐ/1 thiết bị

Thời gian và hình thức bảo hành: 1 năm

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng; Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

THIẾT BỊ XỬ LÝ RÁC ĐÔ THỊ CHẾ BIẾN THÀNH PHÂN HỮU CƠ VI SINH VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Mã số: VN9000/437

Mô tả quy trình CN/TB: -Là thiết bị của một nhà máy xử lý rác đô thị. -Công suất: 100 tấn, 200 tấn, 300 tấn, 400 tấn, 500 tấn/ngày. -Tiêu chuẩn đạt được: TCVN.

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Là kết quả của việc chuyển giao CN từ nước ngoài vào

Lĩnh vực áp dụng: 87: Bảo vệ môi trường, 6133: Sản xuất phân bón, 6709: Vật liệu và cấu kiện xây dựng, 6835: Ngành trồng trọt

Ưu điểm của CN/TB: Xử lý ô nhiễm triệt để, không gây ô nhiễm thứ cấp

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyển giao: Chuyển giao chìa khoá trao tay

Chào giá tham khảo: Giá máy móc thiết bị: 1.750.000 USD-4.950.000 USD tùy thuộc vào công suất

Thời gian và hình thức bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng

Đơn vị chào bán: Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM BẰNG PHƯƠNG PHÁP SINH - HÓA - LÝ

Mã số: VN0390/132

Mô tả quy trình CN/TB: Phương pháp xử lý nước thải sản xuất dược phẩm bằng phương pháp sinh hóa lý này áp dụng được cho xử lý nước thải sản xuất của tất cả các cơ sở sản xuất dược phẩm. Nước thải sản xuất đông được đưa về bể biogas (nếu cơ sở có sản xuất đông được) rồi qua bể tập trung, sục khí; Nước thải của các bộ phận sản xuất của các bộ phận khác đưa thẳng về bể tập trung, sục khí. Từ bể tập trung, nước thải được cấp lên bể tạo hỗn hợp bằng hom, hóa chất được cấp từ khu chuẩn bị hóa chất C. Hỗn hợp qua bể lắng cấp 1, cấp 2 rồi bể lọc cuối rồi thải ra ngoài. Bùn lắng từ các bể lắng vào bể chứa bùn 7 rồi được hút định kỳ. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: + Tiêu tốn năng lượng: 10-15 kW/h + Chi phí tính cho xử lý 1 mét khối nước thải: 2500-5000 đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 6645: Công nghiệp giấy - xenlulô

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng thiết kế, chế tạo và lắp đặt, giá thành thiết bị không cao. Vận hành đơn giản, hiệu suất xử lý, thu hồi cao

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10-20% tổng giá trị hợp đồng; Giá máy móc thiết bị: 50-60% tổng giá trị hợp đồng; Phí đào tạo: 2-5% tổng giá trị hợp đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5-10% tổng giá trị hợp đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 2-3% tổng giá trị hợp đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành thiết bị 12 tháng tại cơ sở lắp đặt

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT GIẤY VÀ BỘT GIẤY BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÓA LÝ

Mã số: VN9000/826

Mô tả quy trình CN/TB: Nước thải sản xuất giấy bao gồm hai phần: Nước thải sản xuất bột giấy và nước thải sản xuất giấy. - Xử lý nước thải sản xuất bột giấy: bằng phương pháp hóa lý, áp dụng cho xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất có công suất không lớn (không có hệ thống thu hồi hóa chất). Hoạt động: Dịch nâu (dịch đen), một phần về bể chứa dịch đen; một phần cùng bột giấy qua công đoạn rửa, nghiền. Nước thải từ rửa, nghiền cùng một phần nhỏ từ bể chứa dịch đen được điều chỉnh pH tại bể điều chỉnh pH rồi được bơm lên thiết bị tách bùn, hóa chất được cấp từ khu chuẩn bị hóa chất. Bùn tách từ bể được phơi khô trong sân phơi bùn rồi làm chất đốt cùng than hoặc sử dụng để sản xuất các sản phẩm khác. Nước sau tách bùn qua bể chứa rồi được bơm trở lại cho rửa, nghiền hoặc qua bộ phận lọc cuối trước khi thải ra ngoài. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Tiêu tốn năng lượng: 10-15 kw/h; Chi phí tính cho xử lý 1 mét khối nước thải: 6500-7000 đồng. - Xử lý nước thải sản xuất giấy bằng phương pháp tuyển nổi. Hoạt động: Nước thải có chứa bột giấy từ nhà xeo (nhà sản xuất giấy) được trộn lẫn hóa chất tuyển nổi từ khu chuẩn bị hóa chất và cấp vào bể tuyển nổi. Bột nổi được hệ thống cơ khí gạt vào bể chứa bột thu hồi rồi đưa trở lại nhà xeo giấy; Nước thải về bể chứa nước thải và được bơm trở lại nhà xeo giấy. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Tiêu tốn năng lượng: 10-50 kw/h; Chi phí tính cho xử lý 1 mét khối nước thải; Bột thu hồi: 90-95%. Các lĩnh vực có thể áp dụng: Xử lý nước thải sản xuất giấy, dược phẩm, thực phẩm, tuyển khoáng, nước lẫn dầu

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 7025: Nước thải, làm sạch và sử dụng nước thải

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng thiết kế, chế tạo và lắp đặt, giá thành thiết bị không cao. Vận hành đơn giản, hiệu suất xử lý, thu hồi cao.

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10-20% tổng giá trị hợp đồng; Giá máy móc thiết bị: 50-60% tổng giá trị hợp đồng; Phí đào tạo: 2-5% tổng giá trị hợp đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5-10% tổng giá trị hợp đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 2-3% tổng giá trị hợp đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở lắp đặt

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT PHÂN BÓN HÓA LÝ

Mã số: VN0390/137

Mô tả quy trình CN/TB: Phương pháp xử lý nước thải sản xuất phân bón bằng phương pháp hóa lý này là phương pháp khả thi nhất áp dụng được cho xử lý nước thải sản xuất của tất cả các cơ sở sản xuất phân bón. Hoạt động: Nước thải sản xuất được đưa vào bể tập trung 1; Từ bể tập trung, nước

thải được cấp lên bể tạo hỗn hợp 2 bằng hơn, hóa chất được cấp từ khu chuẩn bị hóa chất C. Hỗn hợp qua bể lắng cấp 1, cấp 2 rồi tháp làm lạnh và quay về sử dụng cho sản xuất; Một phần đạt tiêu chuẩn thải, thải ra ngoài khi cần. Bùn lắng từ các bể lắng vào bể chứa bùn 6 rồi được hút định kỳ. Tiêu chuẩn đạt được: TCVN Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác: + Tiêu tốn năng lượng: 50-150 kW/h + Chi phí tính cho xử lý 1 mét khối nước thải: 3500-5000 đồng

Xuất xứ của CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu Do đơn vị nghiên cứu chế tạo

Lĩnh vực áp dụng: 8753: Chất thải, vô hại hoá và sử dụng chất thải, công nghệ ít chất thải

Ưu điểm của CN/TB: Dễ dàng thiết kế, chế tạo và lắp đặt, tiết kiệm chi phí cho sản xuất. Vận hành đơn giản, hiệu suất xử lý cao

Mức độ phát triển: Sản xuất thử nghiệm

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ: 10-20% tổng giá trị hợp đồng; Giá máy móc thiết bị: 50-65% tổng giá trị hợp đồng; Phí đào tạo: 2-5% tổng giá trị hợp đồng; Phí chuyển giao bí quyết: 5-7% tổng giá trị hợp đồng; Phí tư vấn kỹ thuật: 2-3% tổng giá trị hợp đồng

Thời gian và hình thức bảo hành: Bảo hành 12 tháng tại cơ sở lắp đặt

Đơn vị chào bán: Trung tâm Giáo dục và Phát triển Sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội

II- DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CƠ KHÍ CHẾ TẠO - TỰ ĐỘNG HOÁ - ĐIỆN TỬ

CHẾ TẠO MÁY ĐÁNH BÓNG ỐNG GIẢM THANH XE MÁY

Mã số: VN 295/257

Mô tả dịch vụ: Thiết kế, chế tạo thành công và đưa máy đánh bóng ống giảm thanh xe máy ký hiệu DB02 năng suất 450:500, sản phẩm đạt các thông số tiêu chuẩn.; Xây dựng được mẫu máy dự kiến chế tạo có sơ đồ nguyên lý hoạt động và hồ sơ thiết kế tổng thể máy đánh bóng giảm thanh xe máy.; Thiết kế chế tạo máy đánh bóng ống giảm thanh xe máy nhằm thay thế cho hai nguyên lý công trong công nghệ đánh bóng bề mặt ống giảm thanh xe máy hoặc các chi tiết có hình dạng và kích thước tương đương khi mạ trang trí bề mặt.; Hoàn thiện thiết kế, chế tạo máy và các trang bị công nghệ đi kèm, hoàn thiện đưa vào sản xuất giúp nâng cao năng suất, giảm giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ TIN HỌC CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN311/206

Mô tả dịch vụ: Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ nhằm khai thác các nguồn năng lượng sạch như: Thủy điện, phong điện, năng lượng điện mặt trời và các nguồn năng lượng mới như điện nhiệt, thủy triều, v.v...; Trung tâm tập trung vào nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy phát điện nhỏ và trung bình bằng sức nước (thủy điện), năng lượng gió, mặt trời, thủy triều sức nóng của trái đất (Điện nhiệt). Là chủ đầu tư và xây dựng thành công nhà máy thủy điện với công suất 1,25 MW; Nghiên cứu triển khai ứng dụng tin học công nghiệp: Điều khiển tự động dây chuyền sản xuất bằng máy tính: SCADA, CAD, CAM; Rô bốt công nghiệp, tin học quản lý sản xuất và điều hành kinh doanh; các sản phẩm tin học công nghệ cao cho các ngành kinh tế quốc dân

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng; khu công nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói; Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT LẮP ĐẶT CẦU MÁNG XI MĂNG LƯỚI THÉP DẪN NƯỚC

Mã số: VN2932/269

Mô tả dịch vụ: Dẫn nước bằng kết cấu xi măng lưới thép được sản xuất bằng công nghệ nung tại xường và chở đến công trình lắp ráp.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Ngành thủy lợi; các ngành khác có nhu cầu dẫn nước

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Mã số: VN33101/259

Mô tả dịch vụ: Trung tâm công nghệ Laser đào tạo và chuyển giao công nghệ tán sỏi ngoài cơ thể;

Đào tạo sử dụng các thiết bị laser y tế: Laser He- Ne và các laser khác

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Bác sỹ và kỹ thuật viên

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm công nghệ LASER, Viện ứng dụng công nghệ

GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ CẤP NƯỚC NGẦM CHO VÙNG TRỒNG RAU AN TOÀN, HOA VÀ CÂY ĐẶC SẢN

Mã số: VN2932/270

Mô tả dịch vụ: Nguồn nước ngầm tầng sâu được xử lý qua bể lọc, cấp đến từng lô thửa canh tác bằng hệ thống đường ống áp lực với các kỹ thuật tưới tiết kiệm.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các hợp tác xã nông nghiệp, các công ty, các vùng sản xuất rau an toàn, hoa, cây đặc sản. Nhóm hộ gia đình, hộ gia đình. Các dự án chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Thủy lợi

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG, LẬP ĐẶT, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC MÁY THUỶ KHÍ, CƠ GIỚI HOÁ TƯỚI TIÊU

Mã số: VN2912/222

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đơn đặt hàng của từng địa phương, các ngành mà thực hiện các dịch vụ khoa học- kỹ thuật trên

Đối tượng sử dụng dịch vụ: các địa phương và các ngành trong cả nước

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

GIỚI THIỆU CÁC CÔNG NGHỆ MỚI, SẢN PHẨM MỚI VÀ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TRONG LĨNH VỰC MÁY THUỶ KHÍ, CƠ GIỚI HOÁ TƯỚI TIÊU

Mã số: VN2912/218

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đơn đặt hàng của các địa phương, các ngành mà thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ trên

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các địa phương và các ngành trong cả nước

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ SẤY NÔNG SẢN, THỰC PHẨM (VẢI, ỚT, TỎI) QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH.

Mã số: VN 292/252

Mô tả dịch vụ: Chế biến được thiết bị mới có tính năng đáp ứng nhu cầu phục vụ chế biến nông sản, thực phẩm, chủ yếu là khăn giấy.; Thiết kế, chế tạo thiết bị sấy nông sản phù hợp với quy mô hộ gia đình, đảm bảo các yêu cầu, thông số kỹ thuật phù hợp trong bảo quản nông sản.; Thiết kế, chế tạo thực nghiệm và hoàn chỉnh 6 thiết bị sấy nông sản đạt yêu cầu kỹ thuật là ớt; calorife, ống dẫn khí, hệ thống điều khiển tự động, buồng nấu, lò sấy.; Đáp ứng nhu cầu thiết kế về thiết bị nông sản, thực

phẩm quy mô hộ gia đình, phục vụ khâu chế biến, bảo quản nông sản thu hoạch, giải quyết kho khăn của việc thu hoạch thời vụ bảo quản và tiêu thụ sản phẩm của hộ gia đình trang trại.;

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU, THIẾT KẾ, CHẾ TẠO CÁC HỆ THỐNG THIẾT BỊ MÁY THUỶ KHÍ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Mã số: VN2912/220

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đơn đặt hàng của từng địa phương mà nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các hệ thống thiết bị máy thuỷ khí phù hợp cho phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nông thôn

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các địa phương trong cả nước

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

SẢN PHẨM HỢP KIM FERRO ĐẤT HIỂM- CA

Mã số: VN271/233

Mô tả dịch vụ: Thành phần 13- 15%RE; 41- 45% Si; 13- 15% Ca, còn lại là Fe. Sản phẩm được gia công đến độ hạt 1- 3cm, đóng gói polyeste

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở biến tính thép, chế tạo thép hợp kim đặc biệt và ổn định graphit dạng cầu trong gang cầu

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN PHẨM HỢP KIM FERRO ĐẤT HIỂM CHẤT LƯỢNG CAO

Mã số: VN271/232

Mô tả dịch vụ: Thành phần: 20- 30 % RE; 3- 5%Al; 1,2- 1,5% Ca; 43- 47% Si còn lại là Fe; sản phẩm được gia công đến độ hạt 1- 3cm đóng gói polyeste

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở chế tạo thép dùng để khử sâu tạp chất và biến tính

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN PHẨM HỢP KIM FERRO ĐẤT HIỂM- TITAL FE-RE-TI

Mã số: VN271/23

Mô tả dịch vụ: Thành phần: 10-15% RE; 4-5% Ti; 41-45% Si; còn lại là Fe sản phẩm được gia công đến độ hạt 1-3cm

Đối tượng sử dụng dịch vụ: các cơ sở biến tính thép và chế tạo thép hợp kim chất lượng cao

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN PHẨM HỢP KIM FERRO FE-RE-MG HÀM LƯỢNG MG CAO (VN-FE RE MG 08)

Mã số: VN271/25

Mô tả dịch vụ: Thành phần: 3,5-4% RE; 7-9%Mg; 43-47% Si; 1,2-1,5%Ca; 1,2-1,5 %AL còn lại là Fe.; Sản phẩm được gia công đến độ hạt 1-3cm

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở chế tạo gang cầu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN PHẨM HỢP KIM FERRO FE-RE-MG HÀM LƯỢNG TRUNGBÌNH (VN-FE RE MG 05)

Mã số: Vn271/24

Mô tả dịch vụ: Thành phần: 3-3,5% RE; 4,5-5% Mg; 43-47%Si; 1,2-1,5%Ca; 1,2-1,5%Al; còn lại là Fe; Sản phẩm được gia công đến độ hạt 1-3 cm

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở chế tạo gang cầu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CỐC, PHẪU RÓT KIM LOẠI

Mã số: VN273/231

Mô tả dịch vụ: Cốc và phễu có thể được chế tạo theo các hình dáng và kích thước khác nhau

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở đúc thép và hợp kim

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HOÁ VÀ ĐIỀU KHIỂN SỐ

Mã số: VN312/205

Mô tả dịch vụ: - Lĩnh vực triển khai của dịch vụ chính là sử dụng công nghệ điều khiển số, logic, fuzzy vào các hệ thống điều khiển trong các nhà máy điện cỡ nhỏ, trung bình trong các quá trình sản xuất, nâng cấp hệ thống điều khiển các loại thiết bị đồng bộ.; - Nghiên cứu và hợp tác trong việc thiết kế, chế tạo và tìm các địa chỉ ứng dụng các rô bốt công nghiệp, các thiết bị role công nghiệp, hệ thống kích từ tĩnh, bộ nạp ắc quy, bộ hoà đồng bộ, rô le tốc độ

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng; nhà máy và khu công nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CHO CHUYÊN NGÀNH MÁY THUỶ KHÍ VÀ CƠ GIỚI HOÁ NÔNG THÔN

Mã số: VN2912/219

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đơn đặt hàng mà xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho chuyên ngành máy thuỷ khí và cơ giới hoá nông thôn

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các ngành trong cả nước

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ, NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP VÀ CÁC SẢN PHẨM DÙNG TRONG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

Mã số: VN90/260

Mô tả dịch vụ: Hệ thống xử lý nước thải y tế hiệu quả cao bằng phương pháp vi sinh kết hợp hoá học; Các công trình xử lý nước cấp và nước thải công nghiệp; Các công trình xử lý rác thải y tế (lò đốt rác thải y tế); Các sản phẩm dùng trong xử lý môi trường như chất keo tụ PAC, chất keo tụ FECOFLOC, xúc tác xử lý khí GC-3M...; Các sản phẩm phục vụ ngành nuôi tôm như HEPATO, ALIZIN...và nhiều sản phẩm phục vụ cho các ngành khác như gạch cân tia X VCH-20, BARISUNFAT dùng trong chụp X-quang, chất chống thấm, polymer nhạy nhiệt...; Hệ thống thiết bị thí nghiệm cho phòng thí nghiệm môi trường, phòng thí nghiệm Công nghệ hoá học của Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm, Cao đẳng Công nghiệp IV...; Các dây chuyền công nghệ chế biến thực phẩm, dược phẩm như dây chuyền sơ chế cà phê nguyên liệu, hệ thống sấy phun, sấy tầng sôi...

Đơn vị chào bán: Viện công nghệ hoá học

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỆN THÔNG

CÁC PHẦN MỀM QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC DÙNG CHO CÔNG TÁC VĂN THƯ LƯU TRỮ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN.

Mã số: VN722/268

Mô tả dịch vụ: Các phần mềm QLNN về công văn đi đến lưu trữ văn thư tổng hợp; báo cáo tuần, tháng, quý, năm của các sở, ban, ngành huyện thị cho văn VPHĐND-UBND tỉnh; báo cáo hoạt động đối ngoại đất đai, xây dựng, giao thông...; Khiếu nại tố cáo; thi đua khen thưởng. Hoạt động của HĐND-UBND các cấp đã được áp dụng một số tỉnh.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Cung cấp trọn gói 43 phần mềm gồm các phiên bản khác nhau. Có thể bổ sung nâng cấp theo hợp đồng thỏa thuận các HĐND-UBND cấp tỉnh, huyện, xã.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp tại địa chỉ của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

DỊCH VỤ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ SIÊU CAO TẦN

Mã số: VN32/207

Mô tả dịch vụ: Nghiên cứu triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ đối với các loại thiết bị có dao động điện đến tần số siêu cao, các thiết bị siêu cao tần đáp ứng các yêu cầu khoa học, thực tiễn và thực hiện các chương trình cải tiến, chế tạo rada và các thiết bị SCT khác; Nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin, đào tạo, tư vấn, thẩm định, thẩm định tư vấn trong lĩnh vực kỹ thuật- công nghệ SCT, thực hiện các hợp đồng chuyển giao, cung cấp công nghệ chế tạo và tích hợp thiết bị trong các lĩnh vực hoạt động của mình

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng và quân sự

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói; Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN MÁY KHÍU BÍT TẮT TỰ ĐỘNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÓ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG ĐƯỜNG KHÍU BÍT CAO, MỀM MẠI, ĐÁP ỨNG NHU CẦU XUẤT KHẨU SẢN PHẨM MỚI SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN.

Mã số: VN295/247

Mô tả dịch vụ: Mở rộng khả năng công nghệ, khai thác có hiệu quả tính năng của thiết kế hiện có, tạo ra nhiều sản phẩm bút tắt có chất lượng đường kính cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Giảm chi phí đầu tư, xây dựng và đào tạo. Duy trì và ổn định sản xuất, giữ vững, phát triển thị trường. Đề tài đã áp dụng công nghệ khiu bút dùng hệ thống tạo vòng 2 kim 2 chỉ trên các loại máy 2 hệ thống: 4 kim 4 chỉ và 3 kim 3 chỉ để tạo ra sản phẩm bút tắt có chất lượng đường kính cao. Cải tiến được 12 máy khiu bút tắt tự động bao gồm 12 bộ chi tiết, cơ cấu máy như: thanh kẹp dẫn sản phẩm, tay biên truyền động, cắt dao, lưỡi gà, bánh ép định vị. Thiết bị hoạt động ổn định, đạt sản lượng cao, chất lượng đảm bảo, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Giảm chi phí đầu tư và giá thành sản phẩm.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

XÂY DỰNG VÀ CHUYỂN GIAO CÁC PHẦN MỀM VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Mã số: VN72/201

Mô tả dịch vụ: Tư vấn, thiết kế, xây dựng và chuyển giao các phần mềm quản lý, xử lý cơ sở dữ liệu

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và tư nhân

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

DỆT MAY - DA GIÀY

NGHIÊN CỨU CHẾ THỬ SỢI PHA CHUN

Mã số: VN171/255

Mô tả dịch vụ: Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sợi pha chun và sản xuất sợi pha chun trong nước đạt được các công nghệ theo sợi mẫu của Đài Loan.; Thành công trong việc nghiên cứu quy trình công nghệ kéo sợi và nhuộm sợi pha chun (như phương pháp tạo sợi hỗn hợp pha chun, nghiên cứu thuốc nhuộm và quy trình công nghệ, thiết bị nhuộm).; Đã sản xuất được sợi pha chun có giá thành rẻ hơn nhập ngoại và chất lượng tương đương với mẫu của Đài Loan.; Đề tài thành công đã làm đa dạng hóa sản phẩm trong nước, chủ động được nguồn nguyên liệu.;

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM VÀ HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ DỆT KHĂN BÔNG TỪ SỢI "KHÔNG SE".

Mã số: VN 173/256

Mô tả dịch vụ: Nghiên cứu thành công một phương án mới để tạo độ bền cho sợi "không se" đáp ứng được yêu cầu cho công đoạn dệt mà không cần phải hồ khô.; Hoàn thành nghiên cứu thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ dệt nhuộm khăn bông cao cấp từ sợi "không se".; Xây dựng quy trình công nghệ hoàn chỉnh từ chuẩn bị sợi- dệt - nhuộm, đã sản xuất lô nhỏ và sản phẩm hoàn thành đáp ứng yêu cầu.; Sử dụng thành công một loại nguyên liệu mới, để tạo ra được một sản phẩm mới đa dạng hóa mặt hàng, taeng sức cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng thị trường. ; Chủ động về mặt công nghệ, nguyên liệu, tận dụng thiết bị sẵn có của công ty.;

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SỢI OE ĐỂ DỆT VẢI BẠT.

Mã số: VN171/254

Mô tả dịch vụ: Đã hoàn chỉnh công nghệ sản xuất sợi OE và dệt vải bạt từ sợi OE đảm bảo tiêu chuẩn.; Đưa máy kéo sợi không coc OE vào hoạt động ổn định; Nâng cao hiệu quả kinh tế của dây truyền kéo sợi do nâng cao được năng suất sử dụng dây cung bông.; Tiết kiệm 5% tiêu hao bông cho 1 kg sợi do sử dụng lợi được bông phế.; Tạo thêm việc làm cho người lao động, chủ động trong sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

DỊCH VỤ, TƯ VẤN KH&CN

CÔNG NGHỆ BỨC XẠ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Mã số: VN7310/28

Mô tả dịch vụ: Đo liều cá nhân cho nhân viên bức xạ; Tư vấn thiết kế an toàn bức xạ; Bảo quản lương thực, thực phẩm, sản xuất các chế phẩm phục vụ nông nghiệp;

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Mọi đối tượng

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

ĐÀO TẠO- NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN PHƯƠNG PHÁP

Mã số: VN743/264

Mô tả dịch vụ: Nghiên cứu, phát triển phương pháp phục vụ cho các dịch vụ phân tích kiểm nghiệm. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về các kỹ thuật sắc ký, quang phổ hấp thụ nguyên tử, các kỹ thuật phân tích hiện đại, các lớp quan trắc môi trường nước và khí...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các công ty sản xuất hàng hoá, phòng thí nghiệm, các cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm đào tạo & phát triển Sắc ký TP.HCM

ĐÀO TẠO TẬP HUẤN KỸ THUẬT THỤ TINH NHÂN TẠO VÀ CÔNG NGHỆ CHẨN ĐOÁN- ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH SINH SẢN Ở BÒ

Mã số: VN731012/227

Mô tả dịch vụ: Với các phương pháp tiên tiến, trang thiết bị hiện đại, phương pháp chuyển giao hiệu quả; dễ áp dụng

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Bác sỹ thú y; các kỹ thuật viên TTNT ở các cơ sở chăn nuôi

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DỊCH VỤ CHẾ TẠO NỒI NẤU MẠ KẼM NHÚNG NÓNG ĐƯỜNG DÂY 220- 500KV

Mã số: VN74/210

Mô tả dịch vụ: Chế tạo nồi nấu bằng thép thường có lớp phủ bề mặt với các kích thước khác nhau (dài 3m, 6m, 13m...) thay thế các nồi nấu bằng thép đặc trung ngoại nhập.; Các công đoạn: phủ từng tấm phẳng, hàn các tấm phẳng, phủ các mối hàn

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các dây chuyền mạ nhúng kẽm nóng cho đường dây 220- 500Kv, mạ nhúng kẽm nóng cửa sắt và các cấu kiện xây dựng khác

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

DỊCH VỤ CHẾ TẠO NỒI NẤU PROTECTOR CHO TÀU THUỶ GIÀN KHOAN

Mã số: VN74/209

Mô tả dịch vụ: Nồi nấu Protector ngoại nhập từ Trung Quốc, Ấn Độ bằng đất chịu lửa, hình tròn

xoay. Sau một hai lần thì dẫn nhiệt kém, rất tốn điện, nhiều cơ sở phải ngừng hoạt động. Công nghệ này chế tạo nồi gang chất lượng cao có lớp phủ chống ăn mòn. Lớp phủ ngăn cách hợp kim protector nóng chảy với thành nồi. Đã chế tạo thành công và sử dụng ở Viện Khoa học Vật liệu đến nay đạt hiệu quả cao

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở nấu protector cho tàu thủy, giàn khoan, kết cấu thép trong môi trường nước biển. Có thể dùng nồi nấu này để nấu các hợp kim khác có nhiệt độ chảy dưới 900 độ C

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

DỊCH VỤ ĐO ĐẠC, LẬP BÁO CÁO GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Mã số: VN731/241

Mô tả dịch vụ: Lập kế hoạch đo đạc, giám sát, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường lao động trong nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, công sở, văn phòng... Lập kế hoạch đo đạc, giám sát, phân tích và đánh giá các yếu tố vi khí hậu như: tiếng ồn, độ rung, ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, bụi...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, các văn phòng, cơ quan,... trong cộng đồng dân cư, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông (ASIATECH)

DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KHCN VÀ BVMT, CUNG CẤP CÁC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ, THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT, ĐO LƯỜNG KIỂM NGHIỆM, MÔI TRƯỜNG, TIN HỌC Y TẾ, KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN

Mã số: VN731013/195

Mô tả dịch vụ: Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường có uy tín, Hiện nay công ty đang cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường như: ; - Đánh giá tác động môi trường, thực hiện các dự án KHCN và BVMT; ; - Thiết kế chế tạo, lắp đặt hệ thống quản lý môi trường nước thải công nghiệp, nước thải bệnh viện, lò đốt chất thải công nghiệp, lò đốt chất thải y tế...; Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, ISO 14000, ISO 17025; ; - Cung cấp các phần mềm tin học quản lý hành chính

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cá nhân, tập thể có nhu cầu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận tùy theo mức độ của dịch vụ

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ ĐIỀU HOÀ, MÁY PHÁT ĐIỆN..

Mã số: VN50/202

Mô tả dịch vụ: Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị; điều hoà trung tâm, điều hoà cục bộ; Máy phát điện dự phòng cùng hệ thống tự động cấp điện khi điện lưới mất (ATS); Hệ thống báo khói chống trộm; Máy lưu điện UPS; Tổng đài điện thoại; Cửa tự động; Điện nước dân dụng và công nghiệp; Thiết kế chế tạo, lắp đặt các thiết bị tự động theo yêu cầu

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng, các ngành công nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

DỊCH VỤ PHÂN TÍCH 16 LOẠI AXITAMINE, PHÂN TÍCH AFLATOXIN, KHOÁNG VI LƯỢNG PHỤC VỤ CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHĂN NUÔI

Mã số: VN743/226

Mô tả dịch vụ: Phân tích trên sắc ký lỏng cao áp; phân tích bằng máy quang phổ hấp thụ nguyên tử

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các nhà sản xuất thức ăn gia súc, các công ty, các nhà chăn nuôi, các cơ quan quản lý xuất khẩu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DỊCH VỤ PHÂN TÍCH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Mã số: VN743/263

Mô tả dịch vụ: Thực hiện các dịch vụ phân tích kiểm tra chất lượng nguyên liệu, sản phẩm nông sản thực phẩm, thủy hải sản, quan trắc và kiểm tra chất lượng môi trường

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Hầu hết các cơ quan có nhu cầu quan trắc kiểm tra chất lượng môi trường, các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường, nông sản thực phẩm, các công ty sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ buôn bán trao đổi, xuất nhập khẩu...

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm đào tạo & phát triển Sắc ký TP.HCM

DỊCH VỤ TƯ VẤN, DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG DU LỊCH

Mã số: VN74/215

Mô tả dịch vụ: Dự báo khí tượng cho khu vực du lịch trong khoảng thời gian thứ 6, thứ 7, chủ nhật hành tuần về nhiệt độ, độ ẩm, gió, khí áp, nắng, mưa

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các khách sạn nhà hàng ở các khu du lịch có bảng tin điện tử phục vụ khách hàng và chuẩn bị kem chống chống nắng, ô, áo mưa, hay các phương tiện: ô tô, ca nô... thích hợp; các trung tâm du lịch, sở du lịch các tỉnh

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG, TUỔI THỌ CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mã số: VN74203/236

Mô tả dịch vụ: Dịch vụ kiểm tra đánh giá chất lượng và tuổi thọ các công trình xây dựng và giao thông bằng kỹ thuật hạt nhân do Trung tâm hạt nhân TP.HCM thực hiện

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các nhà thầu, các công trình xây dựng

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

KIỂM TRA, KHẢO SÁT, THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mã số: VN742/203

Mô tả dịch vụ: Kiểm tra nhiều hạng mục của nhà máy thủy điện: Đập tràn, hầm gian máy, hầm gian biến thế, hầm dẫn nước...; Kiểm tra cọc móng khoan nhồi, cọc móng của nhiều cầu; Kiểm tra chất lượng một số hạng mục nhà máy xi măng; Kiểm tra chất lượng nền móng nhiều công trình nhà cao tầng; Đo địa chấn phục vụ khảo sát

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng; các ngành xây dựng, giao thông và khu công nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

KỸ THUẬT HẠT NHÂN PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT VÀ THỦY VĂN

Mã số: VN7310/27

Mô tả dịch vụ: Xác định tuổi cổ vật và niên đại địa chất bằng kỹ thuật C-14; Xác định các chất ô nhiễm bụi khí; Xác định dư lượng thuốc trừ sâu trong các mẫu môi trường...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Mọi đối tượng có nhu cầu

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

KỸ THUẬT HẠT NHÂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Mã số: VN7310/29

Mô tả dịch vụ: Nạp nguồn phóng xạ, thay nguồn phóng xạ cho các thiết bị có sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị dùng cho kiểm tra không phá mẫu (NDT); bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, tư vấn mua bán các thiết bị NDT;

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Mọi đối tượng

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

KỸ THUẬT HẠT NHÂN PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP Y TẾ

Mã số: VN7310/30

Mô tả dịch vụ: Kiểm định và kiểm chuẩn các máy X-quang chẩn đoán; Sản phẩm các đồng vị và được chất phóng xạ; Khử trùng các dụng cụ y tế và dược liệu;

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Mọi đối tượng

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (BÁO CÁO ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG)

Mã số: VN731/240

Mô tả dịch vụ: Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá tác động của những dự án sản xuất, dịch vụ, xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường xung quanh, đề ra phương pháp giảm thiểu, lập chương trình giám sát môi trường trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp theo yêu cầu của luật pháp về bảo vệ môi trường.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ... trong cộng đồng dân cư, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông (ASIATECH)

QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Mã số: VN743/266

Mô tả dịch vụ: Thực hiện các dịch vụ phân tích các chỉ thị ô nhiễm môi trường nước, không khí. Quan trắc môi trường nước, không khí đất. Thực hiện tư vấn và xử lý ô nhiễm môi trường.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các công ty có nhu cầu quan trắc môi trường. Các cơ quan quản lý Nhà nước.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm đào tạo & phát triển Sacc ký TP.HCM

SỬA CHỮA, KIỂM TRA HIỆU CHUẨN PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã số: VN743/265

Mô tả dịch vụ: Hiệu chuẩn, sửa chữa trang thiết bị phòng thí nghiệm. Tư vấn, lắp đặt, xây dựng phòng thí nghiệm. Tư vấn, xây dựng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các phòng thí nghiệm thuộc các công ty, cơ quan Nhà nước.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm đào tạo & phát triển Sacc ký TP.HCM

TƯ VẤN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 17025

Mã số: VN7414/272

Mô tả dịch vụ: Tư vấn giúp đỡ các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025 nhằm nâng cao năng lực quản lý và kỹ thuật trong lĩnh vực thử nghiệm và hiệu chuẩn.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các phòng thí nghiệm hiệu chuẩn

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

TƯ VẤN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9000

Mã số: VN7414/274

Mô tả dịch vụ: Giúp đỡ tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 nâng cao năng lực sản xuất, điều hành.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các tổ chức doanh nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

TƯ VẤN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14.000

Mã số: VN7414/273

Mô tả dịch vụ: Tư vấn cho các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn

ISO 14000 nhằm giảm thiểu ô nhiễm, giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn, giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm tiêu hao vật tư nguyên liệu và tài nguyên, nâng cao giá trị thương hiệu cho doanh nghiệp.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

TƯ VẤN MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã số: VN7414/275

Mô tả dịch vụ: Phòng thí nghiệm cần nhiều trang thiết bị để thực hiện các hoạt động dịch vụ nhưng kinh phí lại có hạn, công ty chúng tôi sẽ giúp đỡ tư vấn Phòng thí nghiệm thỏa mãn được cả hai yêu cầu trên.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Phòng thí nghiệm và hiệu chuẩn

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

TƯ VẤN, THIẾT KẾ, CUNG CẤP, CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ VÀ HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG- TỰ ĐỘNG HOÁ CÁC QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT. TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ LẮP ĐẶT CÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Mã số: VN742/208

Mô tả dịch vụ: Hợp đồng tư vấn, thiết kế, lắp đặt, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực đo lường, tự động hoá, xử lý ô nhiễm môi trường

Đối tượng sử dụng dịch vụ: các cơ sở sản xuất trong ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng và môi trường, các tổ chức nước ngoài và các cơ sở kinh doanh

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

ỨNG DỤNG, TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, Y TẾ, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, XÃ HỘI...

Mã số: VN74/204

Mô tả dịch vụ: Đo mức phóng xạ ở Lào Cai; Điều khiển nhiệt điện lò bằng cáp quang nhà máy nhiệt điện; Hệ thống điều khiển toàn bộ nhà máy gạch; Cân bằng chuyển tự động; Hệ thống chương trình điều khiển và pha lượng nhà máy xi măng; Chế tạo thiết bị đo đường kính dây cho dây chuyền nhà máy sản xuất que hàn, cung cấp các loại sơn đặc chủng cho nhà máy thủy điện

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Dân dụng, các ngành công nghiệp

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

XÁC ĐỊNH NHANH GIỚI TÍNH PHÔI BÒ BẰNG CÔNG NGHỆ ADN

Mã số: VN731012/225

Mô tả dịch vụ: Bằng kỹ thuật ADN trong vòng khoảng 2h có thể biết được phôi bò là đực hay cái. Có thể dùng phôi đã biết giới tính cấy chuyển cho bò cái nhận, tạo đàn con có giới tính mong muốn

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở nuôi bò sữa, bò thịt làm giống và giết thịt

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÔ THỊ

NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ, XÁC LẬP QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM VỎ ĐỘNG CƠ XE GẮN MÁY HAI BÁNH BẰNG CÁC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG.

Mã số: VN343/24

Mô tả dịch vụ: Đề tài đã xác lập được công nghệ phối chế, nấu luyện và đúc ép sản phẩm đạt yêu cầu.; Xây dựng quy trình công nghệ lắp ráp động cơ.; Xác lập quy trình công nghệ gia công bằng cách phân tán nguyên công và chế tạo gá lắp trên các thiết bị chuyên dùng và trung tâm gia công số(CNC).; Hoàn thiện công nghệ gia công tinh mặt phẳng trên thiết bị vạn năng.; Hoàn thiện công nghệ gia công tinh các lỗ chính xác vỏ động cơ trên máy trung tâm gia công.; Cùng với các chi tiết thiết bị và sản phẩm chế thử đảm bảo chất lượng, năng suất tăng 150%, khai thác khả năng thiết bị tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, đáp ứng nhu cầu cung cấp linh kiện vỏ động cơ cho các doanh nghiệp lắp ráp xe máy

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN

CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ "PHƯƠNG PHÁP TRỒNG NGÔ MẬT ĐỘ CAO ĐẠT NĂNG SUẤT BÌNH QUÂN TỪ 8-10 TẤN/HA VỚI MẬT ĐỘ 8-10 CÂY/M² CHO SẢN XUẤT ĐẠI TRÀ

Mã số: VN0141/208

Mô tả dịch vụ: Chuyên giao các bí mật công nghệ để tăng 70-75% mật độ trồng cho bất cứ giống ngô nào (từ 5-7 cây/m² hiện nay lên 8-10 cây/m²) để thu được kết quả tăng từ 40-50% năng suất, giảm từ 20-30% giá thành sản xuất, tăng lãi ròng 70% trở lên, mở ra một cuộc cách mạng xanh mới rẽ tiền và hiệu quả cho nghề trồng ngô

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các công ty sản xuất giống ngô, cơ quan nông nghiệp, khuyến nông, khoa học của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Các cơ quan khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty Thần nông

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC CÁ NGỪ BẰNG NGHỆ LƯỚI VÂY

Mã số: VN0500/188

Mô tả dịch vụ: Lưới vây được thiết kế có chiều dài từ 1300m-1600m, triển khai trên tàu đánh cá có công suất lớn hơn 300cv, sử dụng máy dò cá ngang sonar để dò tìm đàn cá trên biển. Cho tàu hành trình tìm và phát hiện đàn cá, khi điều kiện ngư trường thuận lợi, tiến hành vây bắt đàn cá, áp dụng phương pháp sơ chế và bảo quản cá ngay sau khi bắt lên tàu.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Ngư dân làm nghề khai thác hải sản trong cả nước, đặc biệt là nghề lưới vây

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện nghiên cứu hải sản – Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc

CÔNG NGHỆ KHAI THÁC MỰC ĐẠI DƯƠNG (STHENOTEUTHIS OUALANIENSIS) BẰNG LƯỚI CHỤP MỰC

Mã số: VN0500/190

Mô tả dịch vụ: Lắp đặt công nghệ khai thác mực đại dương 4 tầng gông trên tàu đánh cá, sử dụng ánh sáng để thu hút mực, mật độ mực tập trung đủ lớn để tiến hành chằng lưới và bắt mực. Áp dụng phương pháp sơ chế và bảo quản mực ngay sau khi bắt lên tàu

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Ngư dân làm nghề khai thác hải sản cả nước, đặc biệt là ngư dân ở miền Trung

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện nghiên cứu hải sản – Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc

CÔNG NGHỆ NUÔI CÂY MÔ TẾ BÀO VÀ GIÂM HOM CHỒI NON CHO BẠCH ĐÀN, KEO LAI VÀ MỘT SỐ LOÀI CÂY KHÁC (CÂY HỒNG, CÂY TÈCH...)

Mã số: VN0201/271

Mô tả dịch vụ: Chuyên giao công nghệ nuôi cấy mô tế bào và giâm hom chồi non cho các loại cây: - Bạch đàn, keo lai, thông và một số loại cây khác.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và mọi thành phần kinh tế khác.

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

CUNG CẤP GIỐNG CÂY ĂN QUẢ CÁC LOẠI

Mã số: VN0113/277

Mô tả dịch vụ: Cung cấp quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc và cây giống ăn quả các loại như: xoài cát Hòa Lộc, xoài Thái cao sản, cam, măng cụt, quýt đường, cóc, bưởi Năm Roi, vú sữa Lò Rèn, 2 loại ổi xá lị ruột đỏ và ổi Thái ...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các nhà làm vườn, các nơi có nhu cầu trồng cây ăn quả ...

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Cơ sở sản xuất giống cây ăn trái và hoa kiểng Ba Trận - Hội làm vườn TP. HCM

ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI BÒ SỮA, BÒ THỊT VÀ CÂY THỨC ĂN CHO GIA SÚC NHAI LẠI

Mã số: VN0142/230

Mô tả dịch vụ: Đào tạo huấn luyện các quy trình kỹ thuật trong các lĩnh vực chăn nuôi bò sữa, bò thịt, trồng chăm, chế biến thức ăn xanh và phế phụ phẩm nông nghiệp cho gia súc nhai lại; ; Đạo tạo thú y- sinh sản- thụ tinh nhân tạo cho trâu bò

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Kỹ thuật viên, bác sỹ thú y trong lĩnh vực chăn nuôi bò sữa, bò thịt, ..

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

DỊCH VỤ CUNG CẤP QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ GIỐNG CÁC LOẠI RAU, HOA MÀU

Mã số: VN0112/261

Mô tả dịch vụ: Công ty cung cấp quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và giống rau các loại như: ớt cay F1, 8 giống dưa hấu F1, 2 giống bí đao F1, 2 giống khổ qua F1...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các nhà làm vườn, các hộ nông dân, các cơ sở trồng rau...

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty TNHH giống cây trồng Trung Nông

KỸ THUẬT HẠT NHÂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Mã số: VN7310/26

Mô tả dịch vụ: Tạo giống cây trồng, nguồn gen lúa đột biến quý; Chế tạo các chế phẩm phục vụ nông nghiệp; Công nghệ nuôi trồng nấm...;

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG MÁY DÒ CÁ NGANG (SONAR) TRONG NGHỀ LƯỚI VÂY

Mã số: VN0500/189

Mô tả dịch vụ: Sử dụng máy dò ngang (sonar) để dò tìm và phát hiện đàn cá trên biển đối với nghề lưới vây tự do, kiểm tra mật độ đàn cá tại chà và nguồn sáng đối với nghề lưới vây kết hợp chà với ánh sáng. Hỗ trợ việc vây bắt đàn cá nâng cao hiệu quả sản xuất

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở sản xuất hoặc ngư dân đủ có khả năng kinh phí để trả khi kết thúc quá trình chuyển giao công nghệ theo giá chào bán

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện nghiên cứu hải sản – Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc

QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ CHO CÁC KHU BẢO TỒN BIỂN VIỆT NAM

Mã số: VN0500/191

Mô tả dịch vụ: Khảo sát đa dạng sinh học (phương pháp, nội dung, tiêu chí lựa chọn); Xác định các vùng bảo tồn (vùng lõi, vùng đệm...); Đề xuất các giải pháp thực hiện.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Sở thủy sản địa phương và các tổ chức bảo tồn biển; Các khoa tập huấn, giáo dục.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Viện nghiên cứu hải sản – Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc

THỰC HIỆN QUY HOẠCH NÔNG NGHIỆP VÀ THUỶ LỢI

Mã số: VN014/224

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đặt hàng của các địa phương, các ngành mà thực hiện các dịch vụ nói trên

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các địa phương và các ngành trong cả nước

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

TƯ VẤN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ BỀN VỮNG CHO CÁC TỈNH VEN BIỂN TRONG CẢ NƯỚC

Mã số: VN0500/31

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện nghiên cứu hải sản – Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc

TƯ VẤN, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP

Mã số: VN0141/221

Mô tả dịch vụ: Tuỳ theo yêu cầu đơn đặt hàng của các địa phương mà tư vấn, thiết kế, xây dựng và thực hiện các dự án, các mô hình sản xuất trong nông nghiệp

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các địa phương trong cả nước

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG SINH HỌC TRỒNG LƯƠNG THỰC NÔNG SẢN, THỰC PHẨM SẠCH

Mã số: VN0141/216

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Tất cả những người có nhu cầu ứng dụng

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Doanh nghiệp Đức Tiến

CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG

ĐÁNH GIÁ NHANH CHẤT LƯỢNG THỊT LỢN QUA CÔNG NGHỆ ADN

Mã số: VN15111/229

Mô tả dịch vụ: xác định độ mềm của thịt, màu sắc của thịt bằng công nghệ gen. Thời gian 2 h (xác định gen halothan liên quan màu sắc, độ mềm thịt)

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở chế biến và xuất khẩu thịt lợn

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO CÁC LOẠI MŨ SỮ BẰNG GANG DÈO CHO ĐIỆN CAO THỂ.

Mã số: VN 1624/249

Mô tả dịch vụ: Xác lập quy trình công nghệ đưa vào sản xuất các loại mũ V10 và V70 bằng gang dẻo ferit tâm đen đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cao, chịu lực căng dây lớn, chịu sự thay đổi của nhiệt độ, độ cao chính xác cao thay thế được sản phẩm nhập ngoại.; ; Đề tài đã tìm ra được quy trình công nghệ chế tạo gang dẻo ferit tâm đen dùng cho các loại mũ sứ và ứng dụng vào sản xuất.; Quy trình đảm bảo cho các loại mũ sứ có độ chính xác cao về hình học và kích thước, bề mặt sản phẩm nhẵn đẹp không cần qua khâu gia công cơ khí, khi mạ đạt chất lượng cao, mức gang đạt mức ứng với GD 35-10.;

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MẪU THỨC ĂN GIA SÚC

Mã số: VN157/228

Mô tả dịch vụ: Dịch vụ khoa học công nghệ; thức ăn gia súc; phân tích chất lượng; độ ẩm; protein thô; mỡ thô; xơ thô; khoáng; cát sạn; dịch vụ phân tích kỹ thuật; sản phẩm chăn nuôi

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Phân tích chất lượng mẫu thức ăn chăn nuôi và SPCN như: ẩm, protein thô, mỡ thô, xơ thô, khoáng, Ca, P, NaCl, cát sạn; ; Các phương pháp phân tích các chỉ tiêu trên sử dụng thiết bị hiện đại để phân tích

Chào giá tham khảo: Các nhà sản xuất thức ăn gia súc, các công ty sản xuất và thương mại về thức ăn chăn nuôi, các nhà chăn nuôi, các nhà nghiên cứu khoa học, các cơ quan quản lý về xuất nhập khẩu nông sản

Hình thức cung cấp: Theo thoả thuận; Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện chăn nuôi

VẬT LIỆU XÂY DỰNG - GÓM SÚ - THỦY TINH - HOÁ CHẤT

CÁC SẢN PHẨM CORUNDUM, ZIRCONIAM

Mã số: VN268/234

Mô tả dịch vụ: Các loại chén, thuyền, khay, bát nung, kích thước theo yêu cầu của khách hàng, bền sức nhiệt, bền hoá, chịu nhiệt độ cao

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các phòng thí nghiệm hoá chất và luyện kim

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

CÔNG NGHỆ CHỐNG THẨM KHI ĐỒ BÊ TÔNG

Mã số: VN24/212

Mô tả dịch vụ: Khi đổ bê tông nên làm luôn một lớp chống thấm trên bề mặt, có hiệu quả cao: Với cấp phối hạt mịn hợp lý và hoá chất chống thấm. Đã triển khai công nghệ từ năm 1990. Công nghệ này cũng có thể áp dụng cho các công trình bê tông cũ, nhưng lớp chống thấm phải dày hơn. Hiệu quả khi làm luôn cao hơn

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các công trình bê tông mái, sàn vệ sinh, bể nước,... cần chống thấm

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

CÔNG NGHỆ GIA KEO BỀ MẶT GIẤY VÀ CÁC TÔNG BẢNG TINH BỘT SẮN

Mã số: VN211112/280

Mô tả dịch vụ: Tinh bột sắn nội địa được biến tính và cắt mạch bằng enzi, sau đó được điều chế thành dung dịch trắng cùng với pigment vô cơ và các phụ gia khác dùng để gia keo bề mặt giấy trực tiếp trên cặp ép gia keo của máy xeo. Định lượng lớp trắng 2 mặt

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Tất cả các đơn vị có nhu cầu

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện công nghiệp giấy và xenlulô

DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CHỐNG THẨM KHÔNG BỐC LỚP GẠCH BỀ MẶT

Mã số: VN24/211

Mô tả dịch vụ: Khoan các lỗ quan các chỗ tiếp giáp các viên gạch- ép áp lực các hoá chất chống thấm đã thành công ở chung cư.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: các chung cư, các khách sạn; Các bộ phận công trình: mái đã lát gạch chống nóng...

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG BỘT GIẤY, GIẤY VÀ CÁC HOÁ CHẤT PHỤ GIA CHO SẢN XUẤT GIẤY

Mã số: VN211112/279

Mô tả dịch vụ: Các phương pháp kiểm định được thực hiện theo các tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế trên các thiết bị hiện đại nhập từ Âu- Mỹ. Các thiết bị có độ ổn định cao, cho kết quả chính xác và tin cậy

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Tất cả các đối tượng sản xuất giấy, bột giấy và phụ gia, các đối tượng tham gia xuất nhập khẩu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện công nghiệp giấy và xenlulô

LẬP DỰ ÁN NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI VÀ NGHIÊN CỨU KHẢ THI CHO ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BỘT GIẤY VÀ GIẤY

Mã số: VN211112/278

Mô tả dịch vụ: Với kinh nghiệm nhiều năm, với một đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư cơ trình độ và năng lực. Viện Công nghiệp Giấy và xenlulô có thể cung cấp dịch vụ nói trên với tính khả thi về mặt kỹ thuật và hiệu quả về mặt kinh tế. Các chỉ số kinh tế và kỹ thuật được tính toán nhanh, chính xác bằng các công cụ phần mềm được thiết kế riêng cho dịch vụ này. Các giải pháp kỹ thuật cho dự án đảm bảo tính hiệu quả và tính tiên tiến, kể cả loại hình công nghệ tiên tiến hiện nay

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Tất cả các đối tượng có nhu cầu đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất bột giấy, giấy với công suất vài nghìn tấn đến hàng trăm nghìn tấn

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện công nghiệp giấy và xenlulô

NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM NHỰA DÙNG CHO CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VỚI CÔNG NGHỆ TẠO VÂN TRÊN BỀ MẶT CÔNG PHỨC TẠP.

Mã số: VN252/251

Mô tả dịch vụ: Ứng dụng thành công CNTT vào thiết kế và tạo khuôn nhựa và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ăn mòn hóa học tạo vân hoa trên bề mặt khuôn kim loại. Đã ứng dụng kết quả nghiên cứu và tạo vân hoa cho bộ khuôn chi tiết xe ô tô Ford; Kết hợp và vận dụng những thành tựu khoa học trong các lĩnh vực khác nhau để đưa ra được những quy trình công nghệ thực hiện một khâu quan trọng trong công nghệ chế tạo khuôn nhựa là tạo vân hoa trên bề mặt khuôn, lựa chọn các điều kiện kỹ thuật có thể định lượng được hình dạng, chiều sâu, tốc độ ăn mòn với các vật liệu chế tạo khuôn mẫu khác nhau; Công nghệ có giá trị đầu tư thấp, tạo điều kiện tăng cường phát triển, mở rộng khu vực chế tạo khuôn mẫu đáp ứng yêu cầu đa dạng chủng loại sản phẩm của khách hàng.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT AXIT TREARIC CÓ ĐỘ TINH KHIẾT CAO, PHỤC VỤ CHO CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT BỘT NHỆ SM-TN, CHẾ BIẾN CAO SU, CHẤT DẸO, MỠ BÔI TRƠN THAY THẾ HÀNG NHẬP NGOẠI

Mã số: VN241/250

Mô tả dịch vụ: Sản phẩm axit trearic do công ty sản xuất có các chỉ tiêu kỹ thuật tương đương sản phẩm cùng loại nhập từ nước ngoài; Sản phẩm axit trearic đưa vào sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm mới

góp phần đa dạng hóa các mặt hàng, cung cấp cho thị trường sản phẩm axit trearic có độ tinh khiết cao; Đảm bảo cung cấp thường xuyên sản phẩm cho thị trường sản phẩm trong nước với giá thành hạ hơn nhập khẩu tiến tới xuất khẩu.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HÀNG LƯU NIỆM BẰNG THỦY TINH PHA LÊ

Mã số: VN261/253

Mô tả dịch vụ: Xây dựng công nghệ "sản xuất hàng lưu niệm bằng thủy tinh pha lê" mang các biểu tượng về văn hóa, thể thao, lịch sử của Việt Nam, có giá trị văn hóa và tính cạnh tranh cao. ; Xác định được quy trình công nghệ sản xuất hàng lưu niệm bằng thủy tinh, pha lê có nhiều mẫu mã đa dạng khác nhau như biểu tượng tam giác, hình vuông, hình chữ nhật, gắn nổi 2 chi tiết.; Hoàn thiện hồ sơ về quy trình công nghệ.; Quy trình công nghệ mới, sản xuất ra các loại sản phẩm có độ thẩm mỹ cao phục vụ xã hội, tạo công ăn việc làm, mở rộng sản xuất đã ứng dụng để phục vụ Segame 2003.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

NGHIÊN CỨU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI LÀM VAN GỒM ZNO (MOV-ZNO) CHỐNG SÉT 35KV.

Mã số: VN262/258

Mô tả dịch vụ: Thực hiện nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo gốm MVO-ZnO bằng và lớn hơn 35. kv MOV; Hoàn thiện công nghệ chế tạo VSC 35kv MOV- ZNO loại có khe hở và chế tạo thành công VCS MOV- ZnO loại không có khe hở. ; Lựa chọn được 10 loại nguyên liệu hóa chất có độ thuần chất cao và chế tạo thành công các phiên MOV-ZnO phần tử cốt lõi của VSC đạt chất lượng tốt, có tính phi tuyến cao, tính năng kỹ thuật tốt để lắp van chống sét.; Xây dựng được công trình công nghệ nghiền trộn, phối cuộn, ép nung, mài, sơn, phủ cách điện và phủ cực tiếp xúc của các phiên MOV-ZnO.; Thiết kế và hợp tác chế tạo vỏ sứ VCS, cải tiến kích thước hình học, tăng chiều dài đường sò cách điện ngoài vỏ sứ VSC 35kv 18%.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Sở KHCN Hà Nội

SẢN XUẤT CÁC ĐỒNG VỊ VÀ DƯỢC CHẤT PHÒNG XẠ

Mã số: VN241351/237

Mô tả dịch vụ: Các đồng vị và dược chất phóng xạ được sản xuất theo yêu cầu nhằm phục vụ chẩn đoán và điều trị trong y tế được sản xuất tại lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các bệnh viện

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM GỒM CHỊU NHIỆT CAO CẤP: GẠCH LỎ XẢ VÀ CHÉN CORUNDUM

Mã số: VN262/239

Mô tả dịch vụ: Sản xuất gạch lỏ xả cho thùng trung gian đúc thép liên tục; các chén nung, thuyền nung,... chế tạo corundum. Đây là dịch vụ do Trung tâm Luyện kim cung cấp

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các đơn vị, dây chuyền đúc rót thép liên tục, các phòng thí nghiệm hoá luyện, điện phân nóng chảy, nung mẫu phân tích

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

TƯ VẤN CÔNG NGHỆ CHỐNG RỈ CHO THÉP TRONG MÔI TRƯỜNG KHẮC NGHIỆT

Mã số: VN243021/213

Mô tả dịch vụ: Có hai công nghệ tùy mức độ khắc nghiệt và mức độ vĩnh cửu, từ đó chọn một lớp phù thích hợp. Công nghệ 100-200 năm trở lên và công nghệ 50-100 năm; Các công đoạn gồm: làm sạch mặt thép, lớp phủ bám thép, định hình lớp phủ, lớp bảo vệ chống môi trường khắc nghiệt

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Sửa chữa các cột điện mạ kẽm nhúng nóng, bảo vệ cột thép các công trình vĩnh cửu, bảo vệ các kết cấu thép ngoài trời, tăng tuổi thọ các cột thép trong bê tông

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

TƯ VẤN CÔNG NGHỆ CHỐNG RỈ CHO THÉP TRONG NHÀ MÁY HOÁ CHẤT

Mã số: VN24/214

Mô tả dịch vụ: Công nghệ chống rỉ bao gồm các công đoạn: làm sạch (phun cát bay đánh sạch đến mức sạch A1); Tạo lớp phủ lên thép, lớp này chịu nhiệt cao; Định hình lớp phủ; Tạo lớp phủ bền hoá chất thích hợp đã thành công ở bình ngưng 2 lớp

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các bình ngưng 2 lớp hoá chất ăn mòn và các thiết bị; các công trình trong nhà máy hoá chất

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC)

TƯ VẤN CÔNG NGHỆ TUYỂN KHOÁNG, ĐẶC BIỆT TRONG LĨNH VỰC SA KHOÁNG BIỂN, CUNG CẤP CÁC THIẾT BỊ CHO CÁC CƠ SỞ TUYỂN SA KHOÁNG

Mã số: VN268/235

Mô tả dịch vụ: Tư vấn, thiết kế công nghệ tuyển khoáng, thiết kế chế tạo các thiết bị tuyển sa khoáng quy mô sản xuất và thí nghiệm như: máy tuyển từ, các loại máy tinh điện, điện áp...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản, các phòng thí nghiệm

Chào giá tham khảo: Theo thoả thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, CÔNG NGHỆ XỬ LÝ

Mã số: VN90/200

Mô tả dịch vụ: Đánh giá tác động môi trường trước và sau đối với các công trình xây dựng (xây dựng thủy sản, các khu chế xuất, các khu công nghiệp...); Tư vấn, thiết kế các công nghệ xử lý nước thải, nước cấp

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các ngành công nghiệp, tư nhân

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận tùy theo mức độ

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Các hình thức khác

Đơn vị chào bán: Liên hiệp khoa học sản xuất vật liệu kỹ thuật cao IFTECH

ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÀ Ô NHIỄM NƯỚC NGÂM BẰNG KỸ THUẬT THUỶ VĂN ĐỒNG VỊ

Mã số: VN41/238

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Những đơn vị có nhu cầu

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam

DỊCH VỤ XÚC, SẠC, TẮY, RỬA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÁC DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

Mã số: VN90003/276

Mô tả dịch vụ: Tẩy rửa bằng hoá chất và xúc sặc bằng dầu chuyên dụng các hệ thống ống công nghệ: hệ thủy lực, hệ dầu, mỡ bôi trơn, hệ khí nén..

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các nhà máy có dây chuyền sản xuất sử dụng các hệ thống ống công nghệ lớn: cán thép,...

Chào giá tham khảo: Theo thỏa thuận

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng; Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Phòng thí nghiệm thực hành máy thủy lực và các thiết bị tự động

XỬ LÝ KHÍ THẢI

Mã số: VN90/242

Mô tả dịch vụ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế, xây lắp, sửa chữa và nâng cấp, bảo hành hệ thống xử lý khí thải theo tiêu chuẩn phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường: khí đốt từ nồi hơi, lọc bụi, hơi dung môi, PU...

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, các văn phòng, cơ quan trong cộng đồng dân cư, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông (ASIATECH)

**XỬ LÝ NƯỚC CẤP, NƯỚC GIẾNG (NHIỄM PHÈN, NHIỄM MẶN,...), NƯỚC SINH HOẠT,
NƯỚC TÍNH KHIẾT ĐÓNG CHAI, NƯỚC CẤP CHO NGÀNH DƯỢC (GMP)**

Mã số: VN41/243

Mô tả dịch vụ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế, xây lắp, sửa chữa và nâng cấp, bảo hành hệ thống xử lý nước cấp

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, các văn phòng, cơ quan... trong cộng đồng dân cư, trong các khu công nghiệp, chế xuất.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông (ASIATECH)

**XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP, SINH HOẠT, BỆNH VIỆN, CHỢ, CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ**

Mã số: VN90/244

Mô tả dịch vụ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ, thiết kế, xây lắp, sửa chữa và nâng cấp, bảo hành hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, các văn phòng, cơ quan... trong cộng đồng dân cư, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Đơn vị chào bán: Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông (ASIATECH)

Bảng 1: TRA CỨU CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, GIẢI PHÁP PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ

STT	Tên đơn vị	Trang
001	Bộ môn Máy xây dựng xếp dỡ và Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm máy xây dựng - Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	4
002	Bưu điện tỉnh Nghệ An	4
003	Công ty Cao su VIỆT – TRUNG	4
004	Công ty COSEVCO 6	4
005	Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO	5
006	Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực	5
007	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế	7
008	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hoá	7
009	Công ty cổ phần Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin Quốc gia	8
010	Công ty cổ phần Misa	8
011	Công ty cổ phần Phát triển công nghệ Môi trường Xanh	8
012	Công ty cổ phần Tân Lâm	8
013	Công ty cổ phần HUETRONIC	9
014	Công ty cổ phần Thế Kỷ Mới	9
015	Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Hồng Đức	9
016	Công ty cổ phần Việt Trì VIGLACERA	9
017	Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học	9
018	Công ty dược phẩm Quảng Bình	10
019	Công ty Điện tử - Tin học - Viễn Thông	10
020	Công ty Đông Trường Sơn	10
021	Công ty đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ Bình Minh	10
022	Công ty giống và cây trồng Quảng Bình	11
023	Công ty Gốm sứ COSEVCO 11	11
024	Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường	11
025	Công ty Hoá chất Cao su COSEVCO	12
026	Công ty lâm nghiệp và dịch vụ Hương Sơn	12
027	Công ty liên doanh xe máy VINASIAM	12
028	Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)	12
029	Công ty môi trường xanh Việt Nam	13
030	Công ty Phần mềm kế toán BRAVO	14

PHẦN III

CÁC BẢNG TRA CỨU

Bảng 1: TRA CỨU CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, GIẢI PHÁP PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ

STT	Tên đơn vị	Trang
001	Bộ môn Máy xây dựng xếp dỡ và Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm máy xây dựng - Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	4
002	Bưu điện tỉnh Nghệ An	4
003	Công ty Cao su VIỆT – TRUNG	4
004	Công ty COSEVCO 6	4
005	Công ty chế tạo động cơ VINAPPRO	5
006	Công ty cơ khí Tân Hiệp Lực	5
007	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế	7
008	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hoá	7
009	Công ty cổ phần Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin Quốc gia	8
010	Công ty cổ phần Misa	8
011	Công ty cổ phần Phát triển công nghệ Môi trường Xanh	8
012	Công ty cổ phần Tân Lâm	8
013	Công ty cổ phần HUETRONIC	9
014	Công ty cổ phần Thẻ Ký Mới	9
015	Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Hồng Đức	9
016	Công ty cổ phần Việt Trì VIGLACERA	9
017	Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học	9
018	Công ty dược phẩm Quảng Bình	10
019	Công ty Điện tử - Tin học - Viễn Thông	10
020	Công ty Đồng Trường Sơn	10
021	Công ty đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ Bình Minh	10
022	Công ty giống và cây trồng Quảng Bình	11
023	Công ty Gốm sứ COSEVCO 11	11
024	Công ty Khoa học Công nghệ và bảo vệ môi trường	11
025	Công ty Hoá chất Cao su COSEVCO	12
026	Công ty lâm nghiệp và dịch vụ Hương Sơn	12
027	Công ty liên doanh xe máy VINASIAM	12
028	Công ty Máy nông nghiệp Miền nam (VIKYNO)	12
029	Công ty môi trường xanh Việt Nam	13
030	Công ty Phần mềm kế toán BRAVO	14

031	Công ty phát triển công nghệ & môi trường Á Đông	14
032	Công ty phát triển công nghệ thông tin Nghệ An	15
033	Công ty que hàn hữu nghị và xây lắp cơ khí	15
034	Công ty sản xuất và dịch vụ khoa học công nghệ thủy sản	15
035	Công ty Sản xuất và thương mại Tam Long	16
036	Công ty Thần Nông	16
037	Công ty TNHH Anh Dũng	17
038	Công ty TNHH Châu Tuyết	17
039	Công ty TNHH Công nghệ Sinh thái lúa Việt Nam	18
040	Công ty TNHH Công nghệ tự động	18
041	Công ty TNHH giống cây trồng Trung Nông	18
042	Công ty TNHH Hồng Lĩnh	19
043	Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Sao Cơ	19
044	Công ty TNHH Mega	19
045	Công ty TNHH Quy Đức	20
046	Công ty TNHH Sức Khoẻ Vàng	20
047	Công ty TNHH- SX- TM- DV Thiết Bảo	21
048	Công ty TNHH sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống thông minh	21
049	Công ty TNHH Tân Việt Mỹ	21
050	Công ty TNHH Thành Tâm	23
051	Công ty TNHH Thắng Lợi	23
052	Công ty TNHH thiết bị giáo dục Hải Nam	23
053	Công ty TNHH thiết bị xăng dầu Đức Linh	24
054	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Châu Phú	24
055	Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật Tân Kỳ Nguyên	24
056	Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mạnh Bắc Sơn	24
057	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Mai Xuân	25
058	Công ty TNHH Tư vấn và dịch vụ tin học Viễn Đông	25
059	Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Đức Thắng	26
060	Công ty Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mô- Địa chất- Trung tâm công nghệ Laser và môi trường Mô- Địa chất- Trường Đại học Mở Địa chất	26
061	Công ty thương mại và kỹ thuật Tân Việt	26
062	Công ty Vạn Lộc	27
063	Công ty vi sinh sông Gianh	27
064	Công ty Võ Xá	27

065	Cơ sở sản xuất giống cây ăn trái và hoa cây kiểng Ba Trận	27
066	Doanh nghiệp Đức Tiến	27
067	Doanh nghiệp tư nhân đóng tàu Hải Châu	28
068	Doanh nghiệp tư nhân khoa học và công nghệ Hải Phòng	28
069	Đại học Bách khoa HN, Phòng TN trọng điểm, TTNCTKCNC	29
070	Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh	29
071	Liên hiệp Khoa học Sản xuất Vật liệu Kỹ thuật cao IFTECH	29
072	Nhóm phát triển phần mềm Sinh viên học sinh TP.HCM	30
073	Phân viện Công nghiệp thực phẩm	31
074	Phân Viện Hóa học các Hợp chất Thiên Nhiên	32
075	Phòng Điện tử ứng dụng- Phân viện Vật lý TP.Hồ Chí Minh	32
076	Phòng hoá Quang phổ- Trung tâm môi trường- Viện Địa chất	33
077	Phòng thí nghiệm thực hành máy thủy lực và các thiết bị tự động- Đại học Bách Khoa Hà Nội.	34
078	Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội	34
079	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị	35
080	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Nghệ An	35
081	Tổng công ty công nghiệp ô tô Việt Nam	36
082	Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	36
083	Trung tâm Chuyển giao Công nghệ mới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga	36
084	Trung tâm Chuyển giao công nghệ mới.	37
085	Trung tâm Công nghệ Cơ điện tử- Công ty Phát triển Công nghệ- Viện Cơ học	37
086	Trung tâm Công nghệ Laser, Viện Ứng dụng công nghệ	38
087	Trung tâm công nghệ thông tin Thừa Thiên Huế	39
088	Trung tâm công nghệ thông tin tỉnh Nghệ An	39
089	Trung tâm đào tạo phát triển Sắc ký TP.HCM	40
090	Trung tâm Điện toán truyền số liệu	40
091	Trung tâm giáo dục và phát triển sắc ký, trường Đại học Bách Khoa Hà nội	40
092	Trung tâm khoa học và khuyến nông - khuyến lâm Hà Tĩnh	41
093	Trung tâm Kỹ thuật lợn giống Trung ương	42
094	Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phân tích (CORTTEN)	42
095	Trung tâm nghiên cứu cây nguyên liệu giấy Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ	43
096	Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Thực phẩm Vi sinh Hà Nội	43
097	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và môi trường	44

098	Trung tâm Nghiên cứu Vật liệu Polyme, Đại học Bách khoa Hà Nội	44
099	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ KHKT (S.T.C)	45
100	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng. Viện Khoa học và công nghệ Nhiệt-Lạnh, Đại học Bách khoa Hà Nội	46
101	Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh phía Nam	47
102	Trung tâm Sinh học thực nghiệm	47
103	Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN tỉnh Quảng Bình	48
104	Trung tâm thiết kế chế tạo thiết bị mới - Neptech	48
105	Trung tâm Thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật Công nghiệp rừng	49
106	Trung tâm Triển khai công nghệ- Viện Ứng dụng công nghệ- Bộ Khoa học và Công nghệ	49
107	Trung tâm vật liệu môi trường khắc nghiệt (HIMTEC). Viện cơ học	50
108	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Hà Tĩnh	50
109	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Nghệ An	51
110	Trường Đại học Huế	51
111	Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội	51
112	Trường Đại học Thủy lợi	52
113	Trường Đại học Vinh (Khoa công nghệ thông tin)	53
114	Viện chăn nuôi	53
115	Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	55
116	Viện công nghệ hóa học	59
117	Viện Công nghệ Môi trường - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	60
118	Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulô	61
119	Viện Hoá học Các hợp chất thiên nhiên- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	62
120	Viện Kỹ thuật Hoá sinh và tài liệu nghiệp vụ - Tổng Cục kỹ thuật - Bộ Công an	62
121	Viện Kỹ thuật Tài nguyên nước và Môi trường	63
122	Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	63
123	Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	65
124	Viện Nghiên cứu Chè, Tổng Công ty Chè Việt Nam	67
125	Viện Nghiên cứu điện tử, tin học và tự động hoá	67
126	Viện Nghiên cứu Hải sản, Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ miền Bắc	69
127	Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy Nông nghiệp	70
128	Viện vật liệu xây dựng	71
129	UBND huyện Quỳnh Hợp và ông Nguyễn Tất Hải	72
130	UBND huyện Quỳnh Lưu và Công ty cơ khí Hoàn Cầu	72
131	Xưởng Cơ khí chính xác-Viện Cơ học ứng dụng	72

Bảng 2: TRA CỨU CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ GIẢI PHÁP PHẦN MỀM

STT	Tên TB/CN	Mã đ/v cung cấp	Trang
1	Air Lock Room XX02.AL03.	084	75
2	Air Shower KHC-2001	084	75
3	Air Shower vật liệu VL.2001.003	084	76
4	Bàn thí nghiệm.	084	244
5	Băng tải cao su	006	316
6	Băng tải lưới	006	76
7	Băng tải thanh dẹp	006	76
8	Băng tải thanh tròn	006	77
9	Băng tải xoay kiểu đứng	006	77
10	Bê tông cốt liệu đá dùng để trồng hoa	070	316
11	Bể xử lý chất thải sinh hoạt	024	338
12	Bộ kiểm tra lượng đường Sacaroza trong đồ uống	120	78
13	Bộ KIT kiểm tra chất lượng môi trường nước ngầm: độ pH, hàm lượng NH ₄ , độ kiềm, tổng độ cứng, độ mặn, hàm lượng DO,...	076	78
14	Bộ KIT kiểm tra nhanh hàn the trong thực phẩm. Ký hiệu BK04	120	79
15	Bộ KIT kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu. Ký hiệu VPR10	120	79
16	Bộ test kiểm tra độ ôi khét trong dầu mỡ. Ký hiệu OT 04	120	79
17	Bộ test kiểm tra Hypochlorid. Ký hiệu: HT04	120	80
18	Bộ test kiểm tra nhanh phẩm màu trong thực phẩm. Ký hiệu CT 04	120	80
19	Bơm chân không vòng nước	131	81
20	Bơm hoá chất từ thùng phi của FTI	056	81
21	Bơm hướng trục đứng vật liệu inox dùng trong trang trại nuôi tôm thương phẩm	115	82
22	Bơm ly tâm dẫn đồng từ của FTI	056	82
23	Bơm ly tâm trục ngang của FTI	056	82
24	Bơm nước VIKYNO: bơm ly tâm đẩy cao; bơm ly tâm tự mồi; bơm ly tâm	028	82
25	Buồng an toàn hữu cơ (BAO)	101	83
26	Buồng hút bụi sơn	054	83
27	Buồng phun sơn (Water Spray Booth)	054	84
28	Các loại chế phẩm xử lý ra hoa, đậu trái, nuôi trái cây ăn trái	057	84
29	Các nhóm lợn Móng Cái chất lượng cao	114	249
30	Các phần mềm quản lý trang trại chăn nuôi/đàn giống	114	225
31	Các thiết bị trao đổi nhiệt	100	
32	Cài đặt và đào tạo sử dụng các phần mềm tính toán thủy lực, kết cấu, thiết kế và quản lý công trình thủy lợi	112	225
33	Cân băng định lượng độ chính xác cao	094	85
34	Cây đĩa + xới sâu CĐ + XS - 3 - 30	115	85

35	CD "Dấu ấn mùa hè xanh"	072	225
36	CD "Chinh phục hệ điều hành"	072	225
37	CD "Giáo trình autocad toàn tập"	072	226
38	CD "Giáo trình Microsoft Excel toàn tập"	072	226
39	CD "Giáo trình Microsoft Word toàn tập"	072	227
40	CD "Giáo trình PowerPoint 2003 toàn tập"	072	227
41	CD "Kho tàng câu đố việt nam"	072	228
42	CD "Kiến thức trong tầm tay"	072	228
43	CD "Rèn luyện và chắc nghiệm trí thông minh"	072	229
44	CD "Tin học chia khóa kỳ diệu"	072	229
45	CD "Tuyển tập giáo trình đồ họa"	072	230
46	CD "Vui học tiếng anh"	072	230
47	CD "Giới trẻ và tri thức"	072	231
48	CD "Hãy vui cùng SSDG"	072	231
49	Chất đóng rắn ĐR-TB	091	317
50	Chế phẩm Kích dục tố "Huyết thanh ngựa chữa tinh chế"	114	249
51	Chế phẩm phân bón vi lượng từ đất hiếm làm tăng năng suất cây chè	123	317
52	Chương trình phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME 7.1	010	231
53	Chương trình tính toán thủy lực công trình EHPro	112	232
54	Cối chà bóng	028	85
55	Cối lúc	028	86
56	Cối lứt HW -60A	005	86
57	Cối xát gạo RP- 700; RP- 1000 (Rice Polisher)	005	86
58	Công nghệ sản xuất nước giải khát Hibiscus (Bông bụt giấm)	073	273
59	Công nghệ lạnh đông nhanh IQF một số rau quả	115	273
60	Công nghệ "KATOX" xử lý nước nhiễm sắt cao thành nước sạch sinh hoạt	101	338
61	Công nghệ bảo quản cà chua (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	115	274
62	Công nghệ bảo quản cam	115	274
63	Công nghệ bảo quản đậu cove	115	274
64	Công nghệ bảo quản đu đủ (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	115	275
65	Công nghệ bảo quản khoai lang thương phẩm	115	275
66	Công nghệ bảo quản khoai tây thương phẩm	115	2762
67	Công nghệ bảo quản quả điều khô	115	277
68	Công nghệ bảo quản quả điều tươi, dịch ép tươi, dịch cô đặc	115	277
69	Công nghệ bảo quản quả vải thiều tươi	115	277
70	Công nghệ bảo quản sắn lát khô	115	278
71	Công nghệ bảo quản thóc, ngô theo hướng IPM quy mô hộ gia đình	115	278
72	Công nghệ bảo quản trứng thương phẩm bằng phương pháp phun dầu	114	249
73	Công nghệ bảo quản và chín nhanh quả hồng	115	279

74	Công nghệ chẩn đoán nguyên nhân chậm sinh ở bò bằng kỹ thuật miễn dịch enzyme- EIA- P4 và siêu âm	114	250
75	Công nghệ chăn nuôi giống gia súc hiện đại (lợn, gia cầm, bò) và thiết bị phục vụ cho ngành chăn nuôi công nghệ cao (thiết bị chuồng trại, thiết bị kiểm tra chất lượng con giống, thiết bị thí nghiệm chuyên ngành...)	093	250
76	Công nghệ chế biến gà ác tần dược thảo	114	279
77	Công nghệ chế biến hạt bông vải thành dầu thực phẩm và khô bã dùng làm thức ăn gia súc (trâu, bò, gà, vịt,...)	073	280
78	Công nghệ chế biến mỡ cá Basa và cá da trơn thành sản phẩm thực dưỡng có lợi cho phát triển trí tuệ và chống Clesterol, bệnh tim	046	280
79	Công nghệ chế biến muối iốt bằng phương pháp nhuộm Simens	068	280
80	Công nghệ chế biến muối thô thành: Muối tinh công nghiệp bằng hoặc dưới 96% NaCl; Muối tinh xuất khẩu bằng hoặc dưới 98% NaCl; Muối tinh khiết được phẩm bằng hoặc dưới 99% NaCl	068	281
81	Công nghệ chế biến mứt mận nguyên quả	115	282
82	Công nghệ chế biến nước sen	115	282
83	Công nghệ chế biến rượu Brandy mang hương vị điều	115	282
84	Công nghệ chế biến thịt bò thành súp thịt viên chất lượng cao, thuận tiện cho tiêu dùng	114	283
85	Công nghệ chế biến thịt gà xông khói	114	283
86	Công nghệ chế biến thịt ngan hầm măng, bảo quản được lâu ngày và thuận tiện cho tiêu dùng	114	284
87	Công nghệ chế biến xôi ăn liền	115	284
88	Công nghệ chế tạo các chế phẩm từ cây thuốc cá	074	318
89	Công nghệ chế tạo các hệ thống bay không người lái	098	247
90	Công nghệ chế tạo frit và men cho gạch gốm ốp lát	128	318
91	Công nghệ chế tạo gối cầu cao su cốt bản thép với tải trọng tối đa 1200 KN	098	318
92	Công nghệ chế tạo khe co giãn cao su cốt bản thép có chiều rộng đến 890mm	098	319
93	Công nghệ chế tạo mồi nhử và bẫy pheromon diệt trừ sâu hại trên rau màu và cây ăn trái	074	319
94	Công nghệ chế tạo thiết bị chứa hóa chất ăn mòn mạnh	098	87
95	Công nghệ chiết xuất Chitin chitosan từ vỏ tôm cua sử dụng trong công nghiệp thực phẩm	073	87
96	Công nghệ chưng luyện rượu điều	115	284
97	Công nghệ đánh giá chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	114	285
98	Công nghệ đóng hộp đậu Hà Lan, cà rốt	115	285
99	Công nghệ Gen xác định nhanh giới tính phôi bò 7 ngày tuổi	114	251
100	Công nghệ khai thác cá ngừ bằng nghề lưới vây	126	251
101	Công nghệ khai thác mực đại dương (Sthenoteuthis oualaniensis) bằng lưới chụp mực	126	252
102	Công nghệ khai thác, sử dụng nước ngầm	112	338

103	Công nghệ khai thác, sử dụng nước ngầm phục vụ vùng trồng hoa và rau	112	339
104	Công nghệ khoan phụt cao áp (Bê tông đất- xi măng đất)	024	320
105	Công nghệ lọc nước tuần hoàn bằng vi sinh sử dụng trong Aquarium	126	88
106	Công nghệ nhân giống san hô trong phòng thí nghiệm	126	252
107	Công nghệ nuôi cấy mô tế bào và giâm hom chồi non cho bạch đàn, keo lai và một số loài cây khác (cây hồng, cây téch...)	095	253
108	Công nghệ phần mềm bước chân sinh viên	072	232
109	Công nghệ phần mềm Cẩm nang đồ vui để học	072	232
110	Công nghệ phần mềm Cẩm nang đoàn đội 1.0	072	233
111	Công nghệ phần mềm cẩm nang sinh viên học sinh 3.0	072	233
112	Công nghệ phần mềm Tin học trong tầm tay 1.0	072	233
113	Công nghệ phân tích kết cấu mảng mềm	112	233
114	Công nghệ sản xuất Bacillus pumilus đối kháng cho mục đích phòng chống nấm mốc và aflatoxin trên nông sản	115	320
115	Công nghệ sản xuất bơ nhân tạo	049	286
116	Công nghệ sản xuất bột màu bền nhiệt độ cao	128	320
117	Công nghệ sản xuất các chế phẩm thực dưỡng từ cây nha đam (lô hội) Aloe vera	046	286
118	Công nghệ sản xuất các loại bột giấy	118	321
119	Công nghệ sản xuất các loại nước canh (nước sốt, nước lèo) đóng bao vô trùng	049	287
120	Công nghệ sản xuất các sản phẩm chiên dầu chân không	073	287
121	Công nghệ sản xuất các sản phẩm giấy: Giấy in, giấy viết, giấy photocopy, các loại giấy bao gói chất lượng cao, cactong duplex, giấy in hình bóng nước, giấy bảo mật...	118	321
122	Công nghệ sản xuất các thực phẩm sức khoẻ từ cây lô hội (Nha Đam Mỹ)	046	288
123	Công nghệ sản xuất cây giống có mùi sạch bệnh	102	253
124	Công nghệ sản xuất chế phẩm bổ dưỡng làm tăng trí nhớ chống stress, trầm cảm từ một loại rau ở Việt Nam	046	288
125	Công nghệ sản xuất gà lông màu Kabir năng suất chất lượng cao	114	254
126	Công nghệ sản xuất gà lông màu Lương phượng năng suất chất lượng cao	114	254
127	Công nghệ sản xuất gạch cao nhôm liên kết photphát (CAP-65) để xây gồm nung lò đứng nung clanke xi măng phi 2,5x10 và phi 3,0x10m	128	322
128	Công nghệ sản xuất gạch chịu lửa samôt nhẹ và cao nhôm nhẹ	128	322
129	Công nghệ sản xuất gạch chứa cao alumin	128	323
130	Công nghệ sản xuất gạo bằng phương pháp không sử dụng hoá chất độc hại	066	254
131	Công nghệ sản xuất keo Epoxy đóng rắn nhiệt cho ngành nhựa	049	323
132	Công nghệ sản xuất kết cấu xi măng lưới thép vỏ mỏng	112	339
133	Công nghệ sản xuất matit bả tường gốc xi măng	128	323

134	Công nghệ sản xuất nấm Vân Chi (<i>Trametes vermicolor</i>) và các chế phẩm thực dưỡng thuốc phòng chữa bệnh ung thư, viêm gan từ nấm Vân Chi	074	255
135	Công nghệ Sản xuất Ngan pháp năng suất chất lượng cao	114	255
136	Công nghệ sản xuất nha, Glucose tinh thể bằng phương pháp Enzyme	073	289
137	Công nghệ sản xuất nước cốt dừa dạng kem	073	289
138	Công nghệ sản xuất nước giải khát Valichi có tác dụng phòng chống ung bướu, tiểu đường	046	289
139	Công nghệ sản xuất nước giặt	049	324
140	Công nghệ sản xuất nước Peroxide dùng để sản xuất nước tinh khiết và nước sát trùng	046	290
141	Công nghệ sản xuất nước quả tươi đóng trong các loại bao bì theo công nghệ tiệt trùng (UHT)	096	290
142	Công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh- Đa vi lượng từ than bùn và các chất thải hữu cơ	119	324
143	Công nghệ sản xuất phân bón lá- Đa vi lượng Hudavil, dạng phức hữu cơ đa phối tử- đa nguyên tố	119	324
144	Công nghệ sản xuất phân bón vi sinh phục vụ nông lâm nghiệp và phòng bệnh cho người	115	325
145	Công nghệ sản xuất Pho-mat cứng từ sữa bò tươi	073	291
146	Công nghệ sản xuất quả nhuộm na, ổi, dứa (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-08)	115	291
147	Công nghệ sản xuất rau an toàn không dùng đất	111	255
148	Công nghệ sản xuất rượu Champagne	073	291
149	Công nghệ sản xuất rượu vang điều	073	292
150	Công nghệ sản xuất rượu vang nếp than (nếp cẩm) bằng phương pháp sinh học với quy mô nhỏ	073	292
151	Công nghệ sản xuất rượu vang quả các loại (300.000 lít/năm)	073	293
152	Công nghệ sản xuất rượu vang trái cây (Nho và sori) quy mô nhỏ	073	293
153	Công nghệ sản xuất rượu vang từ mận quả	091	293
154	Công nghệ sản xuất sản phẩm chịu lửa cacbon silic (SiC) làm tấm kê, trụ đỡ cho các loại lò công nghiệp)	128	325
155	Công nghệ sản xuất sơn tổng hợp	049	326
156	Công nghệ sản xuất sữa bắp	073	294
157	Công nghệ sản xuất sữa chua	073	294
158	Công nghệ sản xuất tấm lợp không amiăng PVA-C	128	326
159	Công nghệ sản xuất thạch dừa	073	294
160	Công nghệ sản xuất thuốc trừ sâu sinh học <i>Bacillus thuringiensis</i> phục vụ nông lâm nghiệp và phòng bệnh cho người	115	326
161	Công nghệ sản xuất trà hoà tan	073	295
162	Công nghệ sản xuất và chế biến gan béo từ ngan Pháp dòng R71 và vịt lai ngan	114	295
163	Công nghệ sản xuất vật liệu chứa Zeolite	091	327
164	Công nghệ sấy hồng	115	296

165	Công nghệ sấy khô quả điều khô	115	88
166	Công nghệ SCADA điều khiển và giám sát tự động từ xa các hệ thống công trình thủy lợi	112	233
167	Công nghệ sơ chế bảo quản sắn, khô dầu làm thức ăn gia súc (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc chương trình KC-07-08)	115	296
168	Công nghệ thủy lợi kết hợp với các biện pháp nông-lâm nghiệp cho vùng trồng cây có giá trị kinh tế cao	112	339
169	Công nghệ thủy lợi tiên tiến phục vụ nuôi trồng thủy sản ở vùng đất cát	112	339
170	Công nghệ thủy lợi tiên tiến phục vụ nuôi trồng thủy sản thâm canh và quy mô công nghiệp	112	339
171	Công nghệ tính toán và sản xuất kết cấu chân kè TOE-HWRU 2001	112	234
172	Công nghệ tính toán và sản xuất van phá chân không tự nén cho các trạm bơm	112	234
173	Công nghệ trồng các giống Sorghum mới có năng suất cao, chịu hạn.	074	256
174	Công nghệ và dây chuyền thiết bị chế biến kẹo sôcôla	037	88
175	Công nghệ và thiết bị chế biến mỡ cá Basa thành dầu thực phẩm và thức ăn giàu dinh dưỡng cho trẻ em	073	296
176	Công nghệ và thiết bị cho vườn ươm cây tưới phun tự động quy mô 200.000- 1.000.000 (cây/năm)	105	256
177	Công nghệ và thiết bị ép các sản phẩm định hình từ mùn cưa, vỏ bào, cút đan, gỗ bóc,...	105	89
178	Công nghệ và thiết bị sản xuất bao bì	035	327
179	Công nghệ và thiết bị sản xuất loại cốm bảo kiện có tác dụng tăng trí nhớ, bổ não, chống stress	046	328
180	Công nghệ và thiết bị sản xuất trà, cà phê hoà tan	099	297
181	Công nghệ và thiết bị tăng đậm nước mắm	044	297
182	Công nghệ và thiết bị xử lý rác thải sinh hoạt	099	340
183	Công nghệ xử lý nước thải	131	340
184	Công nghệ xử lý triệt để rác thải không chôn lấp, tái chế hoàn toàn sử dụng cho xây dựng, giao thông điện lực, thủy sản	011	340
185	Controller motor đồng bộ lớn	071	89
186	Dàn làm mát không khí	100	89
187	Đánh giá chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	114	298
188	Dao mổ điện cao tần Model: LTTD 350-2K1/01	086	90
189	Dầu bảo quản VN.K17	084	248
190	Đầu đo nhiệt độ với cặp nhiệt điện type K	075	90
191	Dây chuyền chế biến cá	037	298
192	Dây chuyền chế biến thịt	037	298
193	Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên năng suất đến 10 tấn/h phối trộn, định lượng tự động	127	299
194	Dây chuyền chế biến thức ăn gia súc dạng bột và dạng viên năng suất từ 1- 10 tấn/h; phối trộn, định lượng thủ công	127	299
195	Dây chuyền chiết rót chất lỏng	043	90

196	Dây chuyền chiết rót và đóng nắp	044	90
197	Dây chuyền công nghệ sản xuất đồng bộ các chế phẩm sinh học dùng để tạo màu nước, xử lý ô nhiễm và phòng bệnh cho tôm bằng phương pháp vi sinh	119	300
198	Dây chuyền công nghệ sản xuất mứt khô theo công nghệ chân không	096	301
199	Dây chuyền công nghệ sản xuất mứt quả dạng past (jam, jelleu) từ các loại quả tươi (dứa, mận, mơ, táo, dâu...)	096	301
200	Dây chuyền công nghệ sản xuất sơn nước	091	328
201	Dây chuyền công nghệ và thiết bị bảo quản, chế biến măng đóng lọ, túi PE, hộp	096	302
202	Dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất Magi từ men bia	096	302
203	Dây chuyền công nghệ, thiết bị sản xuất sữa đậu nành	096	302
204	Dây chuyền mạ	043	91
205	Dây chuyền rửa, xử lý trái cây xuất khẩu	037	303
206	Dây chuyền sản xuất bán sản phẩm quả tươi dùng cho công nghệ chế biến các loại nước quả trong, đục	096	303
207	Dây chuyền sản xuất bơ đậu phộng	073	304
208	Dây chuyền sản xuất bột canh (hương gà, hương tôm..., có hoặc không có iốt)	096	304
209	Dây chuyền sản xuất cà phê	043	91
210	Dây chuyền sản xuất kẹo Chocolate thanh	073	304
211	Dây chuyền sản xuất nước uống điện giải 100- 1.000 lít/h	044	305
212	Dây chuyền sản xuất tương ớt 4000 Kg/ca (8 giờ)	131	92
213	Dây chuyền sản xuất tương ớt năng suất 1 tấn sản phẩm/ca	096	305
214	Dây chuyền sản xuất vật liệu lọc nước sinh hoạt	121	329
215	Dây chuyền thiết bị chế biến cacao- sữa uống liền	037	92
216	Dây chuyền thiết bị chế biến một số loại hạt giống cây trồng chất lượng cao quy mô vừa và nhỏ	115	92
217	Dây chuyền thiết bị chế biến một số loại hạt giống cây trồng chất lượng cao quy mô vừa và nhỏ (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-05)	115	93
218	Dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn nổi cho thủy sản	127	306
219	Dây chuyền thiết bị cho sản xuất bột dinh dưỡng cho trẻ em	096	306
220	Dây chuyền thiết bị cho sản xuất các loại bánh lương khô	096	306
221	Dây chuyền thiết bị ép bã dứa	099	307
222	Dây chuyền thiết bị phục vụ công nghiệp nước giải khát	037	93
223	Dây chuyền thiết bị sản xuất nhũ tương	091	329
224	Dây chuyền thiết bị sản xuất phân NPK 3-6 tấn/h (20.000-50.000 tấn/năm) (có điều khiển tự động và không tự động)	127	329
225	Dây chuyền thiết bị sản xuất thịt hun khói năng suất 150kg/mé	127	307
226	Dây chuyền thiết bị sản xuất thức ăn nổi cho cá	099	307
227	Dây chuyền thiết bị sản xuất ván dăm quy mô nhỏ tận dụng phế liệu gỗ từ dây chuyền sản xuất đồ mộc	105	94

228	Dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất các loại bột chiên	096	308
229	Đĩa phân phối khí Thái Lan	031	94
230	Dòng chim bồ câu pháp MiMas	114	257
231	Dòng Chim bồ câu Pháp Ti Tan	114	257
232	Dòng chim bồ câu Pháp VN1	114	257
233	Động cơ DIESEL 5- 30 HP dùng cho Máy cày, bơm nước, máy phát điện, máy công tác, ghe thuyền, máy công nghiệp	005	94
234	Động cơ Diesel Model D9	028	95
235	Động cơ Diesel Model KND5B	028	95
236	Động cơ Diesel Model RV	028	95
237	Đồng hồ trường học	071	96
238	Dung dịch chống đóng cặn BK	091	330
239	Dung dịch phát hiện nhanh bệnh viêm vú ở bò sữa (CMT)	114	257
240	Dung dịch tẩy cặn chuyên dụng	091	330
241	Dung dịch tẩy rửa đa dụng	091	331
242	Giàn tạo oxy (Dùng cho nuôi tôm)	005	96
243	Giống gà chần thả năng suất chất lượng cao, giống ngan cao sản, giống đà điều châu Phi, ba dòng chim bồ câu	114	257
244	Giống gà H'mông	114	258
245	Giống lúa thơm ngắn ngày năng suất siêu cao (110-115 ngày, năng suất 8-10 tấn/ha)	036	258
246	Giống vịt bầu Quý	114	259
247	Giống vịt, ngan cao sản	114	259
248	Hệ động cơ Diesel EV	028	97
249	Hệ máy tính đo, ghi và điều khiển pH I/O Module: PHC - 602	075	97
250	Hệ nghiên cứu thử nghiệm điều khiển chuyển động dùng DSP	069	98
251	Hệ thống băng chuyền sấy lạnh cố định.	006	98
252	Hệ thống băng chuyền sấy lạnh di động.	006	98
253	Hệ thống CAD/CAM (phần mềm thiết kế mẫu và máy đục bia tự động) để dệt vải gấm, khăn lông và chăn Jacquard	070	234
254	Hệ thống cân, định lượng các chất lỏng rắn	049	99
255	Hệ thống chế biến cô đặc nâng cao độ đậm nước mắm	073	308
256	Hệ thống chuyển may tự động	070	99
257	Hệ thống cô đặc nước quả	099	100
258	Hệ thống đếm xe tự động tại các trạm thu phí	099	100
259	Hệ thống điều khiển	099	100
260	Hệ thống điều khiển giám sát cho hệ thống chiếu sáng đô thị	069	101
261	Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý nhà máy thức ăn chăn nuôi CFPC	125	101
262	Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý trạm trộn bê tông APC	125	102
263	Hệ thống điều khiển giám sát và quản lý trạm trộn bê tông tươi CPC	125	102
264	Hệ thống điều khiển ngôi nhà thông minh	043	103

265	Hệ thống điều khiển tự động hoá, hệ thống quản lý tự động hoá, thiết bị điện, thiết bị đo lường, hệ thống camera giám sát	040	103
266	Hệ thống điều khiển tự động tưới theo độ ẩm (hoặc theo thời gian) bằng chương trình phần mềm	115	104
267	Hệ thống định lượng liên tục bằng băng tải BFC	125	104
268	Hệ thống đo tốc độ đầu nòng	071	105
269	Hệ thống đóng bao Supe Lân	122	105
270	Hệ thống đóng bao UREA	122	106
271	Hệ thống ép phun Eva	006	106
272	Hệ thống ép phun eva.	006	106
273	Hệ thống giám sát bằng video số VSS	125	107
274	Hệ thống giám sát các thông số môi trường trong hầm lò CMMSxx	125	107
275	Hệ thống lái điện - Thủy lực - Thiết bị thông tin liên lạc hàng hải, máy dò cá, rada, thiết bị cứu hộ - cứu nạn	099	234
276	Hệ thống lọc nước cấp	044	108
277	Hệ thống lọc sinh học và khử trùng nước biển	101	108
278	Hệ thống máy ép định hình lạnh Eva	006	109
279	Hệ thống quản lý bằng thẻ thông minh	125	109
280	Hệ thống sấy gỗ liên tục, ứng dụng lò đốt phế thải nông lâm nghiệp theo công nghệ tầng sôi	105	110
281	Hệ thống SCADA/MAC điều khiển và giám sát tự động từ xa các công trình thủy lợi	112	235
282	Hệ thống tăng nhiệt bằng nước nóng sưởi ấm cho tôm giống (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.01)	115	110
283	Hệ thống thiết bị chăn nuôi gà lông (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	115	111
284	Hệ thống thiết bị chăn nuôi lợn thịt (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	115	111
285	Hệ thống thiết bị chế biến thức ăn viên thô cho bò (40-60% vi lượng, cao đạm, ngô, sắn... và 60-40% thức ăn thô) (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	115	112
286	Hệ thống thiết bị chế biến tinh bột sản xuất khẩu 50 tấn sản phẩm/24 giờ	127	112
287	Hệ thống thiết bị giết mổ lợn (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07.09)	115	112
288	Hệ thống thiết bị lọc khung bản	091	113
289	Hệ thống thiết bị sản xuất cồn tinh chế từ nguyên liệu ri đường	091	309
290	Hệ thống thiết bị xử lý ngô giống năng suất 40 tấn/mé	127	113
291	Hệ thống tự động điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm nguyên liệu trong máy sấy nông sản	115	114
292	Hệ thống tự động điều khiển dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi tổng hợp (có sử dụng PC và PLC)	115	114
293	Hệ thống tự động giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản Vielina-MCSxx/Vielina-DPSxx	125	114

294	Hệ thống tự động quản lý điện năng tiêu thụ dùng công tơ nhiều giá EMMS	125	115
295	Hệ thống tưới nhỏ giọt cho hộ gia đình	115	116
296	Hệ thống tưới nhỏ giọt có điều khiển tự động	115	116
297	Hệ thống tưới phun mưa bán di động cỡ nhỏ	115	117
298	Hệ thống tưới phun mưa cố định	115	117
299	Hệ thống tưới phun mưa cố định cỡ lớn	115	118
300	Hệ thống tưới phun sương có điều khiển tự động	115	118
301	Hệ thống tưới phun sương giảm thiểu ô nhiễm do khói bụi	121	118
302	Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế VHI- 18B	117	341
303	Hệ thống xử lý khí thải	029	119
304	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò đúc đồng, bụi...	029	342
305	Hệ thống xử lý mùi	029	119
306	Hệ thống xử lý nước cấp nhiễm phèn sắt	029	120
307	Hệ thống xử lý nước công nghiệp kiểu kín	100	342
308	Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh bám	084	343
309	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện	024	343
310	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	024	343
311	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	116	344
312	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và bệnh viện	121	344
313	Hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến thủy sản	029	120
314	Hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất giấy	029	121
315	Hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất giấy	029	345
316	Hệ thống xử lý nước thải nhuộm	029	122
317	Hệ thống xử lý nước thải y tế	116	345
318	Hệ thống xử lý nước uống đóng chai Q= 1.000- 6.000 L/giờ	121	309
319	Khóa không khí, nút gió, buồng tắm khô (Airlock, Harchways, Air Shower)	101	122
320	Kỹ thuật nuôi chim bồ câu Pháp	114	259
321	Kỹ thuật sản xuất giống cá Bớp	126	260
322	Kỹ thuật trồng và sử dụng một số giống cỏ họ đậu, hoà thảo làm thức ăn chăn nuôi	114	260
323	Liên hiệp tàu hút bùn HBPC 400 - 15	115	123
324	Liên hợp máy thu bắt ngô TNB-2	115	123
325	Lò điều khiển nhiệt độ	043	123
326	Lò đốt chất thải	024	346
327	Lò đốt chất thải nguy hại ST80	024	346
328	Lò đốt rác thải y tế TSH-500	084	124
329	Lò đốt rác y tế	116	124
330	Lò đốt tăng sôi các phế thải nông lâm nghiệp	115	125
331	Lò đốt tăng sôi các phế thải nông lâm nghiệp (Trấu, mùn cưa, vỏ cà phê v.v)	115	125

332	Lò đốt xử lý rác thải công nghiệp độc hại và rác thải y tế	121	126
333	Lò hơi đốt than, dầu, khí kiểu nằm hoặc kiểu đứng sản lượng đến 10 tấn/h, áp suất đến 15 atmospher	100	126
334	Lọc bụi tĩnh điện	094	126
335	Lợn i giống	114	261
336	Máy băm dăm gỗ lưu động	105	127
337	Máy băm dăm gỗ và tre (tạo dăm cho sản xuất bột giấy, ván dăm và dăm xuất khẩu)	105	127
338	Máy băm eva	006	128
339	Máy bán hàng tự động	069	128
340	Máy bóc bẹ tẻ hạt ngô- BBTH-2,5	115	129
341	Máy bôi keo Latex	006	129
342	Máy bôi keo mũ giấy	006	129
343	Máy bôi keo tổng hợp	006	130
344	Máy bơm nước các loại: CE2, CE3, CE4, T30, BN140, BN165, BN180	005	130
345	Máy bơm xiên HTN công suất < 33 Kw	115	130
346	Máy cà để trục ngang	006	131
347	Máy cán lăn định hình lá cửa	006	131
348	Máy cắt bằng tia nước áp suất cao	122	132
349	Máy cắt huỷ để giày thủy lực	006	132
350	Máy cắt huỷ để giày thủy lực	006	132
351	Máy cắt kim loại tấm CNC	122	133
352	Máy cắt laser CNC	122	134
353	Máy cày tay	028	134
354	Máy chỉ thị độ ẩm gỗ và bê tông ABG01	075	134
355	Máy chiết rót chai nhiều đầu dạng thẳng (6,8 hoặc nhiều hơn)	037	135
356	Máy chữa bệnh bằng ION tĩnh điện	071	135
357	Máy dán nhãn đa năng tốc độ cao AD2	037	135
358	Máy dán nhãn đa năng, tốc độ cao	043	136
359	Máy dán vải	006	136
360	Máy đánh bóng giày	006	136
361	Máy đánh bóng giày.	006	137
362	Máy đánh bột dẻo cho công nghệ sản xuất thực phẩm, dược phẩm, thức ăn gia súc...	049	137
363	Máy đào lạc ĐL- 0,3	115	138
364	Máy dập cắt thủy lực	006	138
365	Máy dập cắt thủy lực đầu di động	006	138
366	Máy dập cắt thủy lực đầu tự cân bằng	006	139
367	Máy dập đầu tay quay	006	139
368	Máy đập đồ tương giống	115	140
369	Máy đập thủy lực	006	140

370	Máy định hình búi dây Stator động cơ MĐH-03	047	140
371	Máy định hình đế trong	006	141
372	Máy định hình mũ giày tự động	006	141
373	Máy định vị	006	141
374	Máy đo độ ẩm không khí HTM - 902	075	142
375	Máy đo độ dẫn điện dung dịch SCM - 2000A	075	142
376	Máy đo độ mặn SM-902	075	142
377	Máy đo hàm lượng oxy trong dung dịch DO-802	075	143
378	Máy đo khí Mêtan tự động loại xách tay Vielina-ĐCT.01	125	143
379	Máy đo nhiệt độ hiển số dùng cặp nhiệt điện	075	144
380	Máy đo nhiều thông số tự động loại xách tay Vielina-ĐCT.03	125	144
381	Máy đo nồng độ bụi DCM - 203	075	144
382	Máy đo và điều khiển pH	075	145
383	Máy đóng gói	131	145
384	Máy đóng gói bột hạt tự động	037	146
385	Máy đóng gói chất lỏng tự động	037	146
386	Máy đóng gói liên tục FFS	037	146
387	Máy đóng gói tự động	049	147
388	Máy đóng gói tự động	043	147
389	Máy đồng hoá	049	148
390	Máy đóng nắp chai bán tự động và tự động	037	148
391	Máy đóng nắp chai bán tự động và tự động	043	148
392	Máy đóng nhãn nóng	006	149
393	Máy đun nhân chả giò	104	149
394	Máy đun thổi chai PP/PE/PVC	055	150
395	Máy ép các loại trái cây, rau, quả tươi thành bịch lỏng	049	310
396	Máy ép chữ thập	006	150
397	Máy ép đế giày nữ	006	150
398	Máy ép đế phẳng một vị trí.	006	151
399	Máy ép đế trong khí nén.	006	151
400	Máy ép gạch block tự chèn	077	151
401	Máy ép lưu hoá cao su	006	152
402	Máy ép nhiệt thủy lực	006	152
403	Máy ép phun nhựa	055	153
404	Máy ép thủy lực	006	153
405	Máy ép thủy lực 200 tấn.	006	153
406	Máy ép thủy lực các loại dùng để sản xuất ván dăm, ván dán, cốt ép	105	154
407	Máy ép thủy lực công suất 200 tấn	006	154
408	Máy ép toàn phần 6 chiều	006	154
409	Máy ép viên thức ăn gia súc	127	155
410	Máy gặt đập liên hợp	005	155

411	Máy gặt đập liên hợp thu hoạch lúa GDL-0.3A	115	155
412	Máy gặt lúa xếp dây kiểu MCL-120	028	156
413	Máy ghép mí lon bán tự động	044	156
414	Máy gò hậu	006	157
415	Máy gò mũi	006	157
416	Máy hàn lồng thép điều khiển CNC	122	157
417	Máy hút bụi kiểu Cyclone	006	158
418	Máy hút bụi kiểu túi	006	158
419	Máy huỷ kim tiêm	121	159
420	Máy in lụa khổ A4.	006	159
421	Máy kiểm thử vạn năng Quạt bàn- quạt trần MKT-03	047	159
422	Máy lăn sơn trục Pu	006	160
423	Máy Laser CO2 phẫu thuật 15W Model: KC 01-06/TL 150	086	160
424	Máy Laser CO2 phẫu thuật 30W Model: SNJ- 1000	086	161
425	Máy liên hợp thu hoạch lúa tự hành GLH- 0,3A	115	161
426	Máy lọc nước RO	044	161
427	Máy luyện kín cao su	006	162
428	Máy mài cạnh để tốc độ cao	006	162
429	Máy mài đứng	006	163
430	Máy nhúng sơn	006	163
431	Máy phân loại cà phê hạt theo màu sắc Opsotec 5.00B kiểu 3 module	122	164
432	Máy phân tích đa năng ANALYZER MF 707	101	164
433	Máy Phân tích đa năng thế hệ mới: ANALYZER MF-707	083	164
434	Máy phát điện MF Series	028	165
435	Máy phát ozone- ứng dụng	044	165
436	Máy phay CNC 350	099	166
437	Máy phay CNC V450	099	166
438	Máy phay F1050-CNC	122	167
439	Máy phay F4025-CNC	122	167
440	Máy phun thuốc kiểu MPT-260	028	168
441	Máy Plasma phẫu thuật Model: PSA-2MTC/Super	086	168
442	Máy rang tự động	044	169
443	Máy rửa chai nhựa (PN-RCN)	131	169
444	Máy sàng rung PN-MSR	131	169
445	Máy sấy dầu vỏ tôm	099	170
446	Máy sấy long nhãn trục đứng quay SN-300(Longan drier with rotary wheel, Model SN-300)	115	170
447	Máy sấy lúa	099	171
448	Máy sấy nóng chân không	006	171
449	Máy sấy nóng chân không.	006	244
450	Máy sấy phun KBC-SP-02	131	172
451	Máy sấy rau quả SSRQ-12	115	172

452	Máy sấy tầng sôi 100 KG KBC-TS-100-S	131	173
453	Máy sấy tầng sôi 40Kg-KBC-TS-40	131	173
454	Máy sấy tầng sôi tạo hạt KBC-TSTH-10	131	174
455	Máy sấy tĩnh (PN-MS)	131	174
456	Máy sơ chế đậu	099	174
457	Máy tán ô dê	006	244
458	Máy tạo khí Ozone và ion âm	115	175
459	Máy tháo Form thủy lực	006	245
460	Máy tiện CNC	122	175
461	Máy tiện CNC ST5	099	176
462	Máy trộn keo	006	176
463	Máy trộn lập phương	131	176
464	Máy trộn siêu tốc	131	177
465	Máy trộn siêu tốc 120 Kg KBC-ST-120	131	177
466	Máy trộn siêu tốc 20 Kg KBC-ST-20	131	178
467	Máy trộn vật liệu rời cho công nghệ sản xuất thực phẩm, dược phẩm, hoá chất và thức ăn gia súc	049	178
468	Máy tự động quấn biển áp trụ và động cơ	047	179
469	Máy tự động quấn dây biển áp hình xuyên MQOA-03	047	179
470	Máy tự động quấn dây đa năng	047	179
471	Máy tự động quấn dây quạt bàn-MQQB-03	047	180
472	Máy tự động quấn dây quạt trần MQQT-04	047	180
473	Máy tuyển từ nam châm đất hiếm NdFeB loại cường độ từ trường trung bình và loại cường độ từ trường cao	123	180
474	Máy viên nắp lon.	006	181
475	Máy vô chai bán tự động, và tự động dạng thẳng	037	181
476	Máy vô kem	131	181
477	Máy xát côm cao tốc (PN-XCCT)	131	182
478	Máy xay thực phẩm ướt	037	182
479	Mỡ cá VN.39Y	084	248
480	Mô hình 3 vụ cây lương thực đạt năng suất năm từ 20-25 tấn/ha (phía Bắc Việt Nam); từ 30-35 tấn/ha/năm, ở vùng có tưới trong mùa khô (phía Nam Việt Nam) và có đê bao mùa mưa	036	261
481	Môi trường pha loãng tinh dịch lợn VCN	114	262
482	Một số loại hình rơle số hóa bảo vệ các thiết bị điện trung áp	071	182
483	Một số phần mềm ứng dụng trong thiết kế, quản lý hồ chứa lợi dụng tổng hợp và quản lý hệ thống nước tưới	112	235
484	News- Quản lý thông tin	058	235
485	Nguồn bức xạ hồng ngoại	106	183
486	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt	097	183
487	Nhà trồng dùng cho sản xuất cây ăn quả, hoa màu và các cây công nghiệp khác kiểu đơn giản	115	262
488	Nhà trồng cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	115	263

489	Nhà vệ sinh công cộng xử lý vi sinh đạt tiêu chuẩn môi trường	024	347
490	Nồi hấp	006	245
491	Nuôi cua biển bằng ô lồng	126	263
492	Nuôi giữ và nhân giống san hô mềm trong phòng thí nghiệm	126	263
493	Phần mềm "Chợ doanh nghiệp"	058	236
494	Phần mềm "Hệ thống quan trắc cảnh báo tình trạng môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản"	125	237
495	Phần mềm "Hỗ trợ tác nghiệp hàng ngày cho các cơ quan doanh nghiệp" - trang tác nghiệp điện tử nội bộ	125	237
496	Phần mềm "Phát triển Website tối ưu"	125	238
497	Phần mềm "Quản lý bệnh viện"	125	238
498	Phần mềm "Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh thủy sản"	125	239
499	Phần mềm cải tiến và Việt hoá chương trình CropWat for Windows 4.3 của FAO	112	240
500	Phần mềm cho hệ thống điều hành sản xuất cho hệ thống chuyển may tự động	070	240
501	Phần mềm hoạch định nhu cầu vật tư và quản lý tồn kho MRP-II	070	241
502	Phần mềm kế toán BRAVO	030	241
503	Phần mềm kế toán doanh nghiệp dùng cho các đơn vị xây lắp	021	241
504	Phần mềm Kế toán quản trị SAS 5.0	048	242
505	Phần mềm lập qui trình công nghệ cho sản phẩm giày dép	070	242
506	Phần mềm quản lý giống bò sữa (VDM)	114	264
507	Phân tích 3-Monoclo 1,2-propandiol 3-MCPD trong nước chấm (dầu hào, nước mắm, mari)	091	184
508	Phòng sạch (PS.002 - 2001)	084	184
509	Phương pháp sử dụng máy dò cá ngang (sonar) trong nghề lưới vây	126	26
510	Phương pháp trồng ngô mật độ cao	036	264
511	Phương pháp trồng xen ngô vào đất trồng lạc chuyên canh, ngô đạt năng suất trên 3 tấn/ha; lạc bằng năng suất từ 2-2,5 tấn/ha trở lên (giải quyết vấn đề lương thực cho vùng trồng lạc)	036	265
512	Quản lý, nuôi dưỡng và bảo tồn rùa biển	126	265
513	Qui trình công nghệ chế biến trà gừng	115	311
514	Qui trình công nghệ nhân giống vô tính giống chè LDP1 và LDP2 bằng giâm hom	124	265
515	Qui trình sản xuất giống nhân tạo tôm He Nhật Bản (P. Japonicus)	126	266
516	Quy trình ấp trứng gia cầm đa kỳ, đa giống	114	266
517	Quy trình công nghệ cấy truyền phôi bò	114	266
518	Quy trình công nghệ phân tích Aflatoxin (B1B2G1G2) bằng máy sắc ký lỏng cao áp	114	266
519	Quy trình công nghệ phân tích Axit amin bằng máy sắc ký lỏng cao	114	267
520	Quy trình công nghệ phân tích nguyên tố vi lượng bằng máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	114	267

521	Quy trình công nghệ sản xuất kích dục tố từ huyết thanh ngựa chửa	114	267
522	Quy trình công nghệ sản xuất môi trường pha loãng tinh dịch lợn	114	267
523	Quy trình công nghệ tạo 2 dòng vịt cao sản hướng thịt V1 V6 tại Việt Nam	114	267
524	Quy trình công nghệ xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả cam- quýt- chanh- bưởi	057	268
525	Quy trình công nghệ: Định lượng hormon sinh sản Progesteron ở bò sữa	114	268
526	Quy trình kỹ thuật Xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Na (mãng cầu dai)	057	268
527	Quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Vải thiều	057	269
528	Quy trình kỹ thuật Xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Xoài	057	269
529	Quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa- đậu trái- nuôi trái cây ăn trái	057	270
530	Quy trình sản xuất- chế biến sữa chua, caramen, bánh sữa từ sữa bò tươi	114	311
531	Quy trình sản xuất khoáng hữu cơ dùng trong chăn nuôi	114	311
532	Quy trình sản xuất và sử dụng hỗn hợp muối- khoáng ở bò sữa, bò thịt	114	270
533	Quy trình sử dụng công nghệ vi sinh hiệu quả trong trồng cây, làm tăng hiệu quả thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm và thủy hải sản	039	270
534	Quy trình sử dụng dung dịch điện hoạt hoá trong y tế, chăn nuôi, thủy sản	117	331
535	Quy trình tạo phôi bò trong ống nghiệm	114	271
536	Quy trình thụ tinh nhân tạo ngan vịt	114	271
537	Quy trình xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ Biogas	114	347
538	Quy trình xử lý ra hoa- đậu quả- nuôi quả Nhân lồng	057	272
539	Robot cơ cấu song song	085	184
540	Sa bàn dằn trái thiết bị dao mổ điện Model: ESS 400W Super	086	185
541	Sa bàn dằn trái thiết bị laser CO2 45W phẫu thuật, Model: KC 01-06/2MTC	086	185
542	Sản phẩm đồ hộp: Quả nước đường-Rau dầm dầm-Rau tự nhiên-Nước quả tự nhiên	115	312
543	Sản xuất bê tông chịu lửa ít xi măng	128	331
544	Sản xuất cà phê và ca cao sữa đóng chai vô trùng	049	312
545	Sản xuất các loại nước trái cây, rau, củ (trong và đục) đóng chai hoặc bịch vô trùng	049	312
546	Sản xuất các loại sữa chua, sữa cà phê, sữa ca cao, sữa cốm, sữa gấc...đóng bịch vô trùng	049	313
547	Sản xuất kem giặt theo công nghệ mới	049	332
548	Sản xuất keo cổ áo cho ngành may mặc	049	332
549	Sản xuất keo Epoxy cho ván ép từ gỗ vụn, dăm bào	049	333
550	Sản xuất mỡ bò bôi trơn và chống gỉ cho máy móc	049	313
551	Sản xuất nguyên liệu cho sơn sấy cao cấp từ nhựa Epoxy	049	333
552	Sản xuất phân phức hợp NPK và phân vi lượng	049	333
553	Sản xuất sơn nước polyuretan (PU) một thành phần	049	334

554	Sản xuất sơn tĩnh điện dạng keo lỏng	049	334
555	Sản xuất sữa đậu nành và sữa tươi vô trùng	049	314
556	Sản xuất thịt và cá hộp cho người lao động thu nhập thấp	049	314
557	Sản xuất ván ép từ gỗ vụn, dăm bào	049	335
558	Sản xuất xiro từ trái cây và xiro nhân tạo	049	314
559	Sơn nền công nghiệp Epoxy	031	335
560	Súng tập bắn điện từ	106	186
561	Tàng khoáng liếm bổ sung khoáng đa vi lượng cho bò sữa và bò thịt	114	315
562	Test kiểm tra Asen. Ký hiệu AT04	120	186
563	Test kiểm tra chì. Ký hiệu LT04	120	187
564	Test kiểm tra Methanol trong rượu. Ký hiệu MeT04	120	187
565	Test kiểm tra nhanh axit vô cơ trong dấm. Ký hiệu VT 04	120	188
566	Test kiểm tra nhanh formon. Ký hiệu FT04	120	188
567	Test kiểm tra nhanh Nitorat. Ký hiệu NaT04	120	189
568	Test kiểm tra nhanh Nitrit trong thực phẩm. Ký hiệu NT 04	120	189
569	Test kiểm tra nhanh Salixilic. Ký hiệu ST04	120	189
570	Test kiểm tra nước đun sôi. Ký hiệu WT04	120	190
571	Test kiểm tra thủy ngân. Ký hiệu MT04	120	190
572	Thiết bị "ECAWA" sản xuất dung dịch điện hoạt hoá	117	335
573	Thiết bị bơm định lượng	031	191
574	Thiết bị cân bằng roto	085	191
575	Thiết bị cấp thoát nước cho ao nuôi tôm thương phẩm	115	191
576	Thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi (máy nghiền các loại nguyên liệu có tỷ trọng nhỏ)	115	192
577	Thiết bị chiên chân không	044	192
578	Thiết bị chống vôi hoá và gỉ trong đường ống CVG-703	075	193
579	Thiết bị đảo nước làm tăng ôxy và đảo tầng nước trong ao nuôi tôm thương phẩm (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC07-01)	115	193
580	Thiết bị đếm giọt chất lỏng	075	193
581	Thiết bị điện châm cứu Model: 1201- 2MTC	086	194
582	Thiết bị điều chỉnh thâm mỷ sử dụng tần số cao (hai đầu điều trị) Model:LASERMET	086	194
583	Thiết bị đo môi trường; Cân phân tích; Bơm nhu động; Máy đo DO; Máy trắc địa; máy xây dựng; Thiết bị đo lường ngành điện; điện tử viễn thông; thiết bị giáo dục dạy nghề	051	195
584	Thiết bị đo nhiệt độ hiện số DTM - 092K	075	195
585	Thiết bị đo nhiệt độ hiện số dùng trong công nghiệp	075	195
586	Thiết bị đo nhiệt độ nhiều kênh	075	196
587	Thiết bị đo pH 1299	075	196
588	Thiết bị đo và khống chế nhiệt độ hiện số	075	196
589	Thiết bị đo, ghi nhiệt độ 8 kênh kết nối máy tính 8C-TMR-601	075	197
590	Thiết bị đồng bộ máy vắt bột giấy và máy xử lý nhiệt bột giấy từ OCC	118	197

591	Thiết bị đốt rác y tế và chất thải rắn nguy hại thể hệ mới nhãn hiệu RET	131	198
592	Thiết bị hút bụi di động (Dust Collector)	054	198
593	Thiết bị hủy bom-kim tiêm CT-7-2567	101	198
594	Thiết bị làm bánh kẹo	037	199
595	Thiết bị làm đẹp cơ thể- giảm béo- giảm đau- vật lý trị liệu	086	199
596	Thiết bị làm sạch dầm thép bằng phương pháp phun bi	122	200
597	Thiết bị Laser định hướng UMG 01-2004	060	200
598	Thiết bị Laser định hướng UMG 03-2004	060	200
599	Thiết bị Laser định hướng UMG 04-2000	060	201
600	Thiết bị Laser Ruby chuyên khoa da liễu, Model: 2000	086	201
601	Thiết bị Laser YAG ngoại khoa, Model: YY 7501 YAG	086	202
602	Thiết bị lên men chè đen OTD liên tục	124	202
603	Thiết bị lên men sữa chua và lên men rượu	049	315
604	Thiết bị lọc bụi kiểu túi vải (Fabric Dust Collector)	054	203
605	Thiết bị lọc bụi kiểu túi vải rung giữ bằng khí nén (Fabric Pulse-Jet Dust Collector)	054	203
606	Thiết bị lọc sinh học cao tải áp dụng cho công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp lọc sinh học - hóa học	091	203
607	Thiết bị lọc thô và lọc tinh nước mặn cho trại giống thủy sản	115	349
608	Thiết bị lọc vô trùng không khí (A-8M)	101	204
609	Thiết bị máy điều trị xung điện nhiều chức năng	071	204
610	Thiết bị máy phát Ozone công nghiệp và dân dụng	031	205
611	Thiết bị phát ozon (O3) thanh trùng nước	075	205
612	Thiết bị phun mưa nhân tạo	068	205
613	Thiết bị rang - làm nguội cà phê nhân (Coffee roasted machine)	070	206
614	Thiết bị sấy bức xạ hồng ngoại	106	206
615	Thiết bị sấy hạt nông sản	115	207
616	Thiết bị sấy phun	116	207
617	Thiết bị sấy vải thiều	115	207
618	Thiết bị TENS trị liệu, Model: TENS 2000- 2MTC	086	208
619	Thiết bị thí nghiệm lên men cồn	091	208
620	Thiết bị thí nghiệm phục vụ ngành công nghệ hoá học	116	209
621	Thiết bị thí nghiệm phục vụ ngành Môi trường	116	210
622	Thiết bị tráng hấp bánh phở, bánh tráng, bánh đa có vùng, bánh mướt	070	211
623	Thiết bị và công nghệ khử trùng sữa, nước trái cây, rượu, bia, nước giải khát, nước hầm xương, thịt, cá... vô chai bằng nhiệt (Không sử dụng hoá chất, không dùng nồi hơi có áp lực)	049	211
624	Thiết bị và công nghệ sấy gỗ xẻ để sản xuất đồ mộc và đồ mộc xuất khẩu	105	211
625	Thiết bị xử lý hơi độc tổ hóa chất trong công nghiệp	101	212
626	Thiết bị xử lý mùi, bụi, độc tổ hóa chất dưới dạng cánh tay di động	101	212
627	Thiết bị xử lý nước bằng phương pháp trao đổi ion	075	336

628	Thiết bị xử lý rác đô thị chế biến thành phân hữu cơ vi sinh và vật liệu xây dựng	131	349
629	Thiết bị y học laser CO2 12W phẫu thuật siêu sung Model: KC01-06/2MTC Super	086	213
630	Thiết bị y học laser Diode châm cứu Model: LA- 2MTC	086	213
631	Thiết bị y học laser He- Ne trị liệu nội mạch 15m W	086	213
632	Thiết kế chế tạo các thiết bị cho ngành giấy	118	214
633	Thiết kế chế tạo, lắp đặt và chuyển giao hệ thống thiết bị dây chuyền sản xuất phân vi sinh	115	214
634	Thiết kế công nghệ, thiết kế kỹ thuật các nhà máy, xí nghiệp sản xuất bột và giấy	118	336
635	Thùng sấy điện điều khiển tự động	006	215
636	Thuốc tăng lực SARATON & TASATON	091	336
637	Tổ hợp khoan, hàn, cắt điều khiển CNC	122	215
638	Tổ hợp nghiền trộn thực phẩm cho chăn nuôi năng suất 0,5- 2 tấn/giờ	127	215
639	Trạm bơm nổi công suất < 75 Kw	115	216
640	Trạm trộn bê tông nhựa nóng năng suất 104- 120 tấn/giờ	001	216
641	Trạm trộn bê tông nhựa nóng năng suất 80 tấn/giờ	001	217
642	Trạm trộn bê tông nhựa nóng TCB- 600CK	001	217
643	Trồng rau câu và rong sụn đạt năng suất cao ở các tỉnh ven biển miền Bắc	126	272
644	Trung tâm gia công cầu không gian ngang CNC	122	218
645	Tủ áp trứng gia cầm thủ công cải tiến (NĐT5000-800) và phương pháp ấp trứng gia cầm đa kỳ - đa giống	114	218
646	Tủ cấy vi sinh (8-10 loại khác nhau)	101	219
647	Tủ cấy vi sinh (TCV.02.01; TCV.02.02)	084	220
648	Tủ đóng chất chuẩn.	084	220
649	Tủ đựng hoá chất và dụng cụ (XX02.TĐ.02)	084	221
650	Tủ hấp cơm tự động cho các bếp ăn tập thể	049	221
651	Tủ hút hoá chất (HT.2002)	084	221
652	Tủ hút hoá chất (XX01/PHM003)	084	222
653	Tủ hút hóa chất AIRSORB-7991 và các thiết bị xử lý hơi hóa chất	101	222
654	Tủ hút hóa chất hữu cơ AIRSORB-7991	101	222
655	Tủ hút hoá chất XXO/HC1	084	223
656	Tủ hút hoá chất XXO/QH1	084	223
657	Tủ hút vô trùng (các loại)	101	223
658	Tủ sấy lạnh	006	245
659	Tủ sấy nóng	006	246
660	Tủ truyền (PASS BOX)	101	224
661	Vietnam Traffic Simulation Version 1.0	070	243
662	Xác định nhanh thuốc bảo vệ thực vật cơ phot pho và carbamat trong rau quả (thuốc trừ sâu)	091	224

663	Xây dựng quy trình sử dụng các nguyên tố vi lượng trong trồng trọt Việt Nam	039	337
664	Xử lý nước thải sản xuất dược phẩm bằng phương pháp sinh - hóa - lý	091	349
665	Xử lý nước thải sản xuất giấy và bột giấy bằng phương pháp hóa lý	091	350
666	Xử lý nước thải sản xuất phân bón hóa lý	091	350

Bảng 3: TRA CỨU DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên dịch vụ	Mã đ/v cung cấp	Trang
1	Các phần mềm quản lý hành chính nhà nước dùng cho công tác văn thư lưu trữ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.	024	357
2	Các sản phẩm corundum, zirconiam	123	373
3	Chế tạo máy đánh bóng ống giảm thanh xe máy.	078	352
4	Chuyển giao công nghệ bằng độc quyền sáng chế "phương pháp trồng ngô mật độ cao đạt năng suất bình quân từ 8-10 tấn/ha với mật độ 8-10 cây/m ² cho sản xuất đại trà	036	368
5	Công nghệ bức xạ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	123	360
6	Công nghệ chống thấm khi đổ bê tông	107	373
7	Công nghệ gia keo bề mặt giấy và cát tông bằng tinh bột sắn	118	373
8	Công nghệ khai thác cá ngừ bằng nghề lưới vây	126	368
9	Công nghệ khai thác mực đại dương (<i>Sthenoteuthis oualaniensis</i>) bằng lưới chụp mực	126	368
10	Công nghệ năng lượng và tin học công nghiệp	071	352
11	Công nghệ nuôi cấy mô tế bào và giâm hom chồi non cho bạch đàn, keo lai và một số loài cây khác (cây hồng, cây tẻch...)	095	368
12	Công nghệ sản xuất lắp đặt cầu máng xi măng lưới thép dẫn nước	112	352
13	Cung cấp giống cây ăn quả các loại	065	369
14	Đánh giá nhanh chất lượng thịt lợn qua công nghệ ADN	114	372
15	Đánh giá tác động môi trường, công nghệ xử lý	071	377
16	Đánh giá tiềm năng và ô nhiễm nước ngầm bằng kỹ thuật thủy văn đồng vị	123	377
17	Đào tạo huấn luyện kỹ thuật chăn nuôi bò sữa, bò thịt và cây thức ăn cho gia súc nhai lại	114	369
18	Đào tạo- nghiên cứu phát triển phương pháp	089	360
19	Đào tạo tập huấn kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và công nghệ chẩn đoán- điều trị các bệnh sinh sản ở bò	114	360
20	Dịch vụ chế tạo nồi nấu mạ kẽm nhúng nóng đường dây 220- 500Kv	107	360
21	Dịch vụ chế tạo nồi nấu Protector cho tàu thủy giàn khoan	107	360
22	Dịch vụ Công nghệ chống thấm không bóc lớp gạch bề mặt	107	373
23	Dịch vụ cung cấp quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và giống các loại rau, hoa màu	041	369
24	Dịch vụ đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế	086	352
25	Dịch vụ đo đạc, lập báo cáo giám sát môi trường lao động	031	361
26	Dịch vụ Khoa học và Bảo vệ môi trường: Đánh giá tác động môi trường, thực hiện các dự án KHCN và BVMT, Cung cấp các hoá chất, vật tư, thiết bị khoa học kỹ thuật, đo lường kiểm nghiệm, môi trường, tin học y tế, khí tượng thủy văn	024	361
27	Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điều hoà, máy phát điện...	071	361

28	Dịch vụ phân tích 16 loại axitamine, phân tích aflatoxin, khoáng vi lượng phục vụ cho ngành công nghiệp chăn nuôi	114	362
29	Dịch vụ phân tích kiểm tra chất lượng	089	362
30	Dịch vụ sử dụng công nghệ siêu cao tần	071	357
31	Dịch vụ tư vấn, dự báo khí tượng du lịch	107	362
32	Dịch vụ xúc, sục, tẩy, rửa hệ thống đường ống các dây chuyền sản xuất	077	377
33	Giải pháp đồng bộ cấp nước ngầm cho vùng trồng rau an toàn, hoa và cây đặc sản	112	353
34	Giám sát, đánh giá chất lượng, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy thủy khí, cơ giới hoá tưới tiêu	115	353
35	Giới thiệu các công nghệ mới, sản phẩm mới và đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực máy thủy khí, cơ giới hoá tưới tiêu	115	353
36	Kiểm định chất lượng bột giấy, giấy và các hoá chất phụ gia cho sản xuất giấy	118	374
37	Kiểm tra đánh giá chất lượng, tuổi thọ các công trình xây dựng	123	362
38	Kiểm tra, khảo sát, thẩm định thiết kế, thi công công trình xây dựng	071	363
39	Kỹ thuật hạt nhân phục vụ nghiên cứu môi trường địa chất và thủy văn	123	363
40	Kỹ thuật hạt nhân phục vụ phát triển các ngành công nghiệp	123	363
41	Kỹ thuật hạt nhân phục vụ phát triển nông nghiệp	123	369
42	Kỹ thuật hạt nhân phục vụ sự nghiệp Y tế	123	363
43	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường)	031	363
44	Lập dự án nghiên cứu tiền khả thi và Nghiên cứu khả thi cho đầu tư sản xuất bột giấy và giấy	118	374
45	Nghiên cứu cải tiến máy khâu bít tắt tự động để sản xuất sản phẩm có yêu cầu chất lượng đường khâu bít cao, mềm mại, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sản phẩm mới sang thị trường Nhật Bản.	078	357
46	Nghiên cứu chế tạo các loại mũ sứ bằng gang dẻo cho điện cao thế.	078	372
47	Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm nhựa dùng cho công nghiệp ô tô với công nghệ tạo vân trên bề mặt cong phức tạp.	078	374
48	Nghiên cứu chế thử sợi pha chun.	078	359
49	Nghiên cứu công nghệ sản xuất axit trearic có độ tinh khiết cao, phục vụ cho các ngành công nghiệp sản xuất bột nhẹ SM-TN, chế biến cao su, chất dẻo, mỡ bôi trơn thay thế hàng nhập ngoại.	078	374
50	Nghiên cứu công nghệ sản xuất hàng lưu niệm bằng thủy tinh pha lê.	078	375
51	Nghiên cứu nâng cao chất lượng và hoàn thiện công nghệ vật liệu mới làm van gốm ZnO (MOV-ZnO) chống sét 35KV.	078	375
52	Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị sấy nông sản, thực phẩm (vải, ớt, tỏi) quy mô hộ gia đình.	078	353
53	Nghiên cứu thiết kế, xác lập quy trình công nghệ sản xuất thử nghiệm vỏ động cơ xe gắn máy hai bánh bằng các thiết bị chuyên dụng.	078	367
54	Nghiên cứu thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ dệt khăn bông từ sợi "không se".	078	359
55	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất sợi OE để dệt vải bạt.	078	359

56	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các hệ thống thiết bị máy thủy khí phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn	115	354
57	Phân tích chất lượng mẫu thức ăn gia súc	114	372
58	Phương pháp sử dụng máy dò cá ngang (sonar) trong nghề lưới vây	126	370
59	Quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường	089	364
60	Quy hoạch và xây dựng các tiêu chí cho các khu bảo tồn biển Việt Nam	126	370
61	Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm- Ca	123	354
62	Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm chất lượng cao	123	354
63	Sản phẩm hợp kim fero đất hiếm- Tital Fe-Re-Ti	123	354
64	Sản phẩm hợp kim fero Fe-Re-Mg hàm lượng Mg cao (VN-Fe Re Mg 08)	123	355
65	Sản phẩm hợp kim fero Fe-Re-Mg hàm lượng trung bình (VN-Fe Re Mg 05)	123	355
66	Sản xuất các đồng vị và dược chất phóng xạ	123	375
67	Sản xuất các sản phẩm cốc, phễu rót kim loại	123	355
68	Sản xuất và cung cấp các sản phẩm gốm chịu nhiệt cao cấp: gạch lỗ xả và chén corundum	123	375
69	Sử dụng công nghệ tự động hoá và điều khiển số	071	355
70	Sửa chữa, kiểm tra hiệu chuẩn phòng thí nghiệm	089	364
71	Thực hiện quy hoạch nông nghiệp và thủy lợi	115	370
72	Tư vấn công nghệ chống rỉ cho thép trong môi trường khắc nghiệt	107	376
73	Tư vấn công nghệ chống rỉ cho thép trong nhà máy hoá chất	107	376
74	Tư vấn công nghệ tuyển khoáng, đặc biệt trong lĩnh vực sa khoáng biển, cung cấp các thiết bị cho các cơ sở tuyển sa khoáng	123	376
75	Tư vấn định hướng phát triển nghề cá bền vững cho các tỉnh ven biển trong cả nước	126	370
76	Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025	024	364
77	Tư vấn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000	024	364
78	Tư vấn hệ thống quản lý môi trường ISO 14.000	024	364
79	Tư vấn mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm	024	365
80	Tư vấn- thiết kế- thi công- bảo trì các hệ thống xử lý nước thải	044	365
81	Tư vấn, thiết kế, cung cấp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị và hệ thống đo lường- tự động hoá các quá trình sản xuất. Tư vấn thiết kế và lắp đặt các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	071	
82	Tư vấn, thiết kế, xây dựng và thực hiện các dự án, các mô hình sản xuất trong nông nghiệp	115	370
83	Ứng dụng năng lượng sinh học trồng lương thực nông sản, thực phẩm sạch	066	371
84	Ứng dụng, tư vấn ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, y tế, văn hoá, giáo dục, xã hội...	071	365
85	Xác định nhanh giới tính phôi bò bằng công nghệ ADN	114	366
86	Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho chuyên ngành máy thủy khí và cơ giới hoá nông thôn	115	355

87	Xây dựng và chuyển giao các phần mềm về cơ sở dữ liệu	071	357
88	Xử lý khí thải	031	377
89	Xử lý nước cấp, nước giếng (nhiễm phèn, nhiễm mặn,...), nước sinh hoạt, nước tinh khiết đóng chai, nước cấp cho ngành dược (GMP)	031	378
90	Xử lý nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện, chợ, cộng đồng dân cư	031	378
91	Xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp và các sản phẩm dùng trong xử lý môi trường	116	356

CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM TRÊN MẠNG INTERNET (TECHMART ẢO)

24 Lý Thường Kiệt - Hà Nội Tel: 0084-4-9342945 Fax: 0084-49349127
Email: techmart@vista.gov.vn • Website: www.techmartvietnam.com.vn



CHỨC NĂNG CỦA TECHMART ẢO

1-Giới thiệu, trưng bày công nghệ, thiết bị trong ngoài nước trên mạng Internet.

2-Sàn giao dịch về công nghệ, thiết bị và tư vấn KH&CN: Các tổ chức, cá nhân có thể tìm đối tác, bạn hàng mua và bán công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước, tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng, trao đổi trực tuyến các chuyên gia KH&CN về các lĩnh vực quan tâm.

3-Hỗ trợ các đơn vị cập nhật thông tin mới nhất KH&CN, cơ chế chính sách phát triển thị trường công nghệ.

4-Diễn đàn chuyển giao và đổi mới công nghệ: tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, hỏi đáp về những vấn đề quan tâm.

CÁC THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ TRÊN TECHMART ẢO

1-Thông tin

- * Chào bán các công nghệ, thiết bị và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- * Tìm kiếm công nghệ, thiết bị và đối tác
- * Giới thiệu kết quả nghiên cứu, công nghệ trong và ngoài nước.
- * Văn bản pháp luật về KH&CN.
- * Tư vấn KH&CN.
- * Văn bản pháp luật về KH&CN.
- * Hồ sơ các tổ chức NC&PT, doanh nghiệp
- * Tin tức và sự kiện.

2- Dịch vụ:

- * Dịch vụ bao gói thông tin theo yêu cầu cho các đơn vị thành viên.
- * Dịch vụ liên quan đến xúc tiến giao dịch, chuyển giao công nghệ, đầu tư của mọi lĩnh vực.
- * Đào tạo và chuyển giao các sản phẩm của Techmart ảo.





CÔNG TY XI MĂNG HOÀNG MAI

HOANG MAI CEMENT COMPANY (HMCC)

ĐỊA CHỈ: XÃ QUỲNH THIÊN - HUYỆN QUỲNH LƯU - NGHỆ AN

ĐIỆN THOẠI : 038.866668 * FAX : 038.866648

Công ty xi măng Hoàng Mai là thành viên hoạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Tên giao dịch Quốc tế: HOÀNG MAI CEMENT COMPANY (HMCC)

Nhà máy được xây dựng tại xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An. Nhà máy có công suất 1,4 triệu tấn/năm, với công nghệ tiên tiến hiện đại nhất hiện nay do hãng F (Cộng hoà Pháp) chuyển giao và cung cấp thiết bị đồng bộ.

Sản phẩm chất lượng cao, màu sắc đẹp, giá cả hợp lý, hệ thống bán hàng rộng rãi thông qua các nhà phân phối chính trên toàn quốc.

Hiện nay, Công ty xi măng Hoàng Mai đang sản xuất và tiêu thụ trên thị trường loại xi măng PoócLăng PCB30 có những đặc điểm: Độ mịn cao; Tốc độ phát triển cường độ ban đầu cao; Chất lượng đảm bảo, ổn định, đặc biệt cường độ xi măng có độ dư mức lớn hơn 20%.

XI MĂNG HOÀNG MAI LÀM BỀN VỮNG CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



VIỆN NGHIÊN CỨU ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, TỰ ĐỘNG HOÁ

VIETNAM RESEARCH INSTITUTE OF ELECTRONICS, INFORMATICS AND AUTOMATIC

156A Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội. Tel: (84.4) 7164855; Fax: (84.4) 7164842; Website: <http://www.vielina.com>; E-mai: vielina@vielina.com
Phân Viện tại TP. HCM - 169 Võ Văn Ngân, Q. Thủ Đức. Tel: (84.8) 722 0066; Fax: (84.8) 897 8293; E-mail: vielina2.hcmc@hcm.vn

VIELINA là cơ quan nghiên cứu ứng dụng đầu ngành về ĐT-TH-TĐH. VIELINA có đội ngũ các nhà khoa học và các chuyên gia giàu kinh nghiệm đã thực hiện thành công nhiều công trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng trong cả nước. Trong suốt 15 năm qua, VIELINA là cơ quan chủ trì chương trình nghiên cứu KHCN của Nhà nước về Tự động hoá.

Các hoạt động trong lĩnh vực Điện tử, Tin học, Tự động hoá:

1. Cung cấp giải pháp tối ưu. Tư vấn xây dựng và thẩm định các dự án cải tạo, nâng cấp và đầu tư mới.

2. Là đối tác tin cậy của các hãng nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ, lắp đặt, vận hành, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì các hệ thống.

- HỆ THỐNG QUAN TRẮC (SCADA): NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; KHAI THÁC HẦM LÒ; CHẾ BIẾN BẢO QUẢN LÂM SẢN; ĐIỆN LỰC; THỦY LỢI; MÔI TRƯỜNG...

- CÁC HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG ĐỊNH LƯỢNG (CÁC DÂY CHUYỂN SX ASPHALT; BÊ TÔNG XI MĂNG; THỨC ĂN CHĂN NUÔI; PHẦN TỔNG HỢP NPK; SẢN XUẤT XI MĂNG...), CÂN ĐÓNG BAO, CÂN BẰNG TẢI, ...

- HỆ THỐNG GIÁM SÁT THÔNG MINH BẰNG VIDEO QUA INTERNET.

- CÁC BỘ ĐO VÀ CẢNH BÁO KHÍ ĐỘC CẢM TAY TRONG HẦM LÒ, HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIÁM SÁT NHÂN VIÊN BẰNG THẺ THÔNG MINH.

- PHẦN MỀM TRANG TÁC NGHIỆP ĐIỆN TỬ NỘI BỘ; PHẦN MỀM QUẢN LÝ BỆNH VIỆN, ...

- CÁC THIẾT BỊ VÀ HỆ THỐNG TĐH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ, PHÒNG THÍ NGHIỆM: Đo lường; Điện tử công suất lớn; ...).

- CÁC SẢN PHẨM MẠCH IN NHIỀU LỚP CHẤT LƯỢNG CAO